

THERAVĀDA

KHO TÀNG

PHÁP BẢO

Nguyên tác : Treasure of the Dhamma

Tác giả : Hòa thượng Tiến sĩ Sri.Dhammananda

Dịch giả : Tín Tâm

Mục lục

CHƯƠNG 1 - ĐỨC PHẬT	35
1. 1. ĐỨC PHẬT LÀ AI?	36
- Nơi sanh và gia thế.....	36
- Hào tướng của Đức Phật.	37
- Đức Phật xứng đáng là một vị Chuyển Luân Vương. ..	38
- 32 tướng hảo của Đức Phật.	39
1. 2. SỰ XUẤT HIỆN CỦA ĐỨC PHẬT LÀ ĐIỀU HIẾM CÓ. 41	
- Sự xuất hiện của Đức Phật là rất hiếm.	41
- Những điều khó xảy ra ở đời.....	41
- Sự xuất hiện của Đức Phật đem đến hạnh phúc cho đời. 42	
- Bạc Giác Ngộ tỏa sáng cả ngày đêm.....	42
1. 3. ĐỨC PHẬT LÀ BẠC TOÀN TRI.....	43
- Ngài biết tất cả.....	43
- Dòng dõi của Đức Phật.	44
- Một nhân vật tối thượng.	45
- Đức Phật biết rõ thế giới này và thế giới khác.	46
- Bạc Thắng Giả.....	47
- Không ai bằng Đức Phật.	47
- Đức Phật tuyên bố trí tuệ của Ngài.	47
- Đấng Pháp Vương.	48

1. 4. THẦY CỦA TẤT CẢ.....	49
- Vị thầy giỏi.....	49
- Chỉ một vị thầy duy nhất để nương tựa.....	50
- Cửa bất tử rộng mở.....	50
- Thái độ của Đức Phật đối với thần thông.....	51
- Không được tịnh tín vào các vì sao.....	52
1. 5. MỘT CON NGƯỜI THỰC DỤNG.....	53
- Đức Phật chỉ tuyên bố những gì hữu ích cho việc chứng đắc Níp-bàn.....	53
- Đức Phật chỉ nói những gì có ý nghĩa.....	53
1. 6. NHỮNG PHẨM HẠNH KHÁC CỦA ĐỨC PHẬT..	55
- Đức Phật và hoa sen.....	55
- Đức Phật chịu đựng sự gièm pha.....	55
- Sự xuất hiện của Đức Phật xóa tan sự tăm tối.....	56
- Giáo Pháp của Đức Phật chính là Ngài.....	57
- Đức Phật là người che chở.....	57
- Đức Phật giống như người thầy thuốc.....	58
- Đức Phật chỉ dạy có một điều.....	58
- Người được gần Đức Phật.....	58
- Xa lìa phiền não.....	59
- Lời nói sau cùng của Ngài.....	60
- Quy y Phật.....	60
- Sự quy y và tránh xa địa ngục.....	60
- Lời dạy của Ngài là thầy của chúng ta.....	61

- Điều cốt yếu trong lời dạy của Chư Phật.	61
- Thịnh cầu Đức Phật thuyết pháp.	63
- Thái độ của Đức Phật đối với việc cải đạo.....	64
- Đức Phật hoằng pháp.	65
1. 7. TRÍ TUỆ SIÊU PHẠM CỦA ĐỨC PHẬT.....	66
- Minh Hạnh Túc – Vijjācaranasampanno.....	66
- Sự chứng đắc tam minh.....	67
- Sáu tuệ giác vô song và nhất thiết chủng trí của Đức Phật - Asādhāraṇa.	68
- Mười tuệ giác siêu thế của Đức Phật – dasa bala.....	69
- Trí tuệ bất diệt với thời gian.....	71
 CHƯƠNG 2 - GIÁO PHÁP CAO THƯỢNG	73
2. 1. GIÁO PHÁP ĐỘC NHẤT.	74
- Giáo Pháp thật thâm sâu và khó hiểu.	74
- Giáo Pháp dành cho những ai muốn tầm cầu và thực chứng.	75
- Giáo Pháp làm giảm sự thèm khát của bạn.	75
- Lấy Giáo Pháp làm của riêng bạn.	76
- Sự rộng mở của Đức Phật.	76
- Một Giáo Pháp không bí truyền.	77
- Món quà cao quý nhất và sự an lạc.	77
- Tất cả tôn giáo khác có dạy giáo pháp giống vậy không?	

- Tứ diệu đế.....	79
- Bát Chánh Đạo.	83
- Những phẩm chất tuyệt diệu của đại dương được tìm thấy trong Giáo Pháp.	86
- Giáo Pháp là dược phẩm.	92
- Giáo Pháp này chỉ dành cho những người trí chừ không phải kẻ ngu.....	92
2. 2. NHỮNG QUAN KIẾN VÀ HOÀI NGHI KHÁC.	94
- Bốn tín ngưỡng giả dối.....	94
- Bốn tôn giáo không thỏa đáng.....	97
- Mười thứ tà kiến - Micchādiṭṭhi.	99
- Mười sáu thứ hoài nghi.	101
- Ba quan niệm sai lầm dẫn đến sự tin tưởng thuyết hư vô.	102
- Mười câu hỏi có tính chất suy diễn mà Đức Phật không trả lời.....	105
- Viễn ly các quan điểm.	108
- Bám chắc vào các quan điểm tạo khó khăn cho sự tiến bộ tâm linh.	109
- Đừng bám vào niềm tin của bạn.....	110
- Hãy chấp nhận chân lý bất cứ nơi nào có.....	111
- Làm thế nào để bảo vệ chân lý khi có một quan điểm?	111
-Cách thích hợp để chấp nhận một quan điểm.	113

- Không được khi dễ niềm tin của người khác.	114
2. 3. MẤT NIỀM TIN.	115
- Những giai đoạn của cuộc đời.....	115
- Bản chất của mọi vật có điều kiện.....	115
- Cuộc đời thật ngắn ngủi.	116
- Mọi vật ít khi theo ước vọng của chúng ta.	116
- Thoáng qua bản chất của cuộc đời.	116
- Không có gì độc nhất trong thể xác con người.	117
- Năm điều bất định trong cuộc sống.....	120
2. 4. SỰ ĐAU KHỔ.	122
- Chúng ta đau khổ vì không hiểu rõ được Tứ Diệu Đế. 122	
- Trách nhiệm của thượng đế.....	122
- Tránh hành động ác để khỏi khổ đau.	123
- Không tham muốn, không khổ não.	123
- Tham ái cần phải đoạn trừ.....	124
- Tham ái và kết quả của nó.....	124
- Của cải hại kẻ ngu.	125
- Hãy quy y Tam Bảo khi sợ hãi.....	125
- Làm sao để vượt qua những trở ngại của con người? 127	
2. 5. ĐẠO LỘ.....	128
- Hãy theo Trung đạo.....	128
- Đạo lộ không phải cho kẻ gian dối.....	128
- Thận trọng và cầu thả.	129

- Ánh sáng đã sinh khởi.	129
- Niềm an lạc của xuất gia.	130
- Trí tuệ là tĩnh lặng.	130
- Thiếu trí tuệ.	131
- Hai con đường khác nhau.	131
- Bản chất của người trí.	132
- Tránh hai cực đoan.	132
- Phát triển tâm linh.	137
- Thần thông.	137

2. 6. HƯỚNG VỀ SỰ HIỂU BIẾT HƠN CỦA CUỘC SỐNG. 140

- Ai có thể làm chủ xác thân này?	140
- Được Thánh quả tốt hơn được quyền lực thế gian.	140
- Bệnh nào mới là trầm trọng.	140
- Tránh tìm lỗi người khác.	141
- Làm thế nào đối mặt với sự tán thưởng và lời phi báng? 141	
- Niềm tin vào một linh hồn trường cửu.	142
- Mãn nguyện.	143
- Thái độ tâm linh đúng đắn.	144
- Cuộc sống năng động và hữu ích.	144

2. 7. BẢN CHẤT CỦA SỰ SINH TỒN.145

- Mọi vật đều không bền vững.	145
- Vũ trụ tính trong mọi vật.	146

- Có điều kiện.	146
- Các pháp là bất diệt.	147
- Khái niệm về bản ngã.	147
- Phiền não vì thiếu sự hiểu biết về lý duyên khởi.	148
- Nguyên nhân của sự trở thành và biến mất.	149
- Cuộc sống thật quý đối với mọi loài.	149
- Sự hợp pháp của Giáo Pháp – Dhammaniyāma.	150
- Bạn có thể mang theo được cái gì của thế gian?	150

CHƯƠNG 3 - GIỚI HẠNH 153

3. 1. LÀM BIỆC TỐT. 154

- Làm việc tốt và tránh việc ác là có thể.	154
- Để làm được việc tốt là việc khó làm.	155
- Hãy suy nghĩ trước khi làm.	155
- Tán thán phẩm hạnh.	156
- Những người ngủ ít.	156

3. 2. LÀM THẾ NÀO ĐỂ HƯỚNG DẪN KẺ KHÁC? ... 157

- Chỉ có người đã trong sạch mới có thể dạy cách thanh lọc.	157
- Tu tập giới hạnh bằng cách so sánh.	157
- Những cách khác để tu tập đức hạnh.	158
- Tự mình tốt trước đã.	158
- Người biết thương mình, không làm hại kẻ khác.	159
- Sự nguy hại của uống rượu.	159

3. 3. GIỚI LUẬT – SĪLA.	160
- Hai phương diện của giới – sīla.	160
- Sự kiêng cử và thực hành – cāritta – vāritta sīla.	160
- Mục đích của sự giữ giới.	161
- Giới luật cho một vị Tỳ kheo.	161
3. 4. SỰ CẦN THIẾT CỦA GIỚI LUẬT.	162
- Trí tuệ và đạo đức là một cặp không thể tách rời.	162
- Cái gì là sự mất mát to lớn?	162
- Cái gì là sự có được cao quý nhất?	162
- Những lợi ích của sự giữ giới.	163
- Hương thơm của đức hạnh tỏa khắp nơi.	164
- Trí tuệ tỏa khắp thế gian.	165
CHƯƠNG 4 - TRÍ TUỆ.....	166
4. 1. ĐIỀM BÁO TRƯỚC CỦA MỌI VẬT.	167
- Không có thể gian ở ngoài tâm.	167
- Tâm chịu trách nhiệm về mọi việc.	167
4. 2. TÂM TRONG SẠCH TỰ NHIÊN.....	168
- Tâm tự nhiên.	168
- Tâm chuyển động nhanh hơn tất cả.....	168
4. 3. TÂM KHÔNG TU TẬP BỊ Ô UẾ.	169
- Tâm không tu tập.....	169
- Tâm ô nhiễm xúi làm ác.	169

4. 4. TÂM BẤT TỊNH.	170
- Cấu uế của tâm.	170
- Các yếu tố làm ngăn trở tâm linh phát triển.	170
- Làm thế nào để đoạn tận những chướng ngại tâm linh?	174
4. 5. TÂM THUẦN THỰC ĐƯA ĐẾN AN LẠC.	178
- Tâm thuần thực đưa ta lên.	178
- Hãy kiểm soát tâm của bạn.	178
- Nội tâm tịch tịnh.....	179
- Hạnh phúc ở nơi đâu?.....	179
- Không có đau khổ khi tâm vững mạnh.	179
- Tâm luôn trôi chảy, cần được huấn luyện.	180
- Huấn luyện tâm để bất tử.	180
4. 6. TÂM GIẢI THOÁT.	181
- Tại sao phải chánh niệm?	181
- Sự phát triển an tịnh và trí tuệ.	181
- Đắc định là cảnh Níp-bàn.....	181
- Sự chấm dứt của tâm thức.	182
4. 7. HUẤN LUYỆN TÂM.	182
- Các nghi thức không thể làm tâm trong sạch.	182
- Không dùng phép thuật để huấn luyện tâm.....	183
CHƯƠNG 5 - NGHIỆP	185
5. 1. Ý NGHĨA CỦA NGHIỆP.	186

- Hành động - kamma.	186
- Chức năng của nghiệp ở ngoài sự hiểu biết.	186
- Quả của nghiệp không lãnh chịu liền.	187
- Có tác ý là nghiệp.	187
- Nghiệp bất đồng.	188
- Nghiệp dừng lại.	188
- Hiểu biết được nghiệp là hiểu biết lý duyên khởi.	188
- Hiểu biết về nghiệp có liên hệ đến trí tuệ cao hơn.	189
5. 2. NGHIỆP VÀ CÁC QUAN ĐIỂM KHÁC	190
- Cái gì là nghiệp?	190
- Sự phủ nhận nghiệp.	190
5. 3. TRÁCH NHIỆM RIÊNG CỦA NGHIỆP.	191
- Làm nghiệp thiện.	191
- Con người phải chịu trách nhiệm về biệt nghiệp.	191
- Nghiệp có một câu nói.	192
- Chỉ có mỗi một điều con người làm chủ.	192
- Không ai có thể làm ai trong sạch.	193
5. 4. NHÂN CỦA NGHIỆP.	194
- Nhân gốc của ác nghiệp.	194
- Ba nhân ác.	195
- Ba nhân thiện.	195
- Các nhân thiện nghiệp đưa đến sự dập tắt.	196
- Các nhân loại bỏ quả của nghiệp.	197

- Ham muốn những điều của quá khứ, hiện tại và tương lai.	198
- Ác nghiệp đưa đến đau khổ.....	200
- Một tâm phòng hộ và không phòng hộ định trước bản chất của nghiệp.	200
- Nghiệp không có sự khởi đầu hay chấm dứt.	201
5. 5. SỰ KHÁC BIỆT TRONG CHÚC NĂNG.....	201
- Quả của ác nghiệp thay đổi theo trạng thái của tâm...201	
- Tiềm năng của nghiệp.	202
- Cách vận hành của nghiệp.....	203
- Một cách phân tích để biết nghiệp đưa đến quả như thế nào?.....	203
- Tại sao có sự bất đồng trong chúng sanh?.....	206
5. 6. CÁC SUY TƯỞNG VỀ NGHIỆP.	210
- Hãy suy nghĩ trước khi hành động.	210
- Vai trò của nghiệp trong sự sinh tồn.	210
- Bằng cách nào, con người trở thành giai cấp thượng lưu hay hạ lưu?.....	211
- Kẻ tội lỗi tự hủy hoại mình.	212
- Kẻ ác bị đau khổ.....	212
- Nghiệp và phản ứng của nghiệp.	212
- Hãm hại người vô tội.....	213
- Người ấy bị đau khổ khi ác nghiệp trở quả.	213
- Tích lũy cho kiếp vị lai.....	214

- Không nơi nào thoát khỏi quả ác nghiệp.....	214
- Các thiện pháp.....	215
- Lợi ích của phẩm hạnh.	216
- Hỷ tinh giác về thân.....	216
- Nghiệp uôn tạo kiếp vị lai.	217
- Có phước nhất.	218
5. 7. CHO SỰ HIỂU BIẾT TỐT HƠN VỀ NGHIỆP.	219
- Kẻ ác thỏa thích đến khi ác nghiệp cho quả.	219
- Nghiệp chứa ở đâu?.....	220
- Tái sinh – quá khứ - hiện tại - vị lai.....	220
- Nhân và quả (nghiệp phân loại khi nó cho quả).....	221
- Có thể làm thay đổi quả của nghiệp không?	223
- Những hành động thuần khiết theo định nghĩa trong chú giải cho từ ngữ kusala.....	226
- Mười thiện pháp – Kusaladhamma.	226
- Mười bất thiện pháp – akusaladhamma.	227
- Năm loại trọng nghiệp bất nhân.	228
- Điều kiện cần thiết để tạo nghiệp.	229
- Các gốc của bạo động.....	234
- Gieo giống nào thì gặt quả nấy.....	235
- Các bài học từ nghiệp.....	236
- Gốc của nghiệp.....	237
CHƯƠNG 6 - SANH, TỬ và NÍP-BÀN.....	239

6. 1. VÒNG SANH TỬ LUÂN HỒI.....	240
- Khởi đầu của vòng luân hồi.	240
- Chúng ta đã trôi nổi trong vòng luân hồi bao lâu rồi? 240	
- Những giai đoạn khác nhau của sự tái sanh.	241
- Các điều kiện cho sự tái sanh.	242
- Tái sanh là gì?	242
- Thực thể thường hằng.	243
6. 2. SỰ CHẾT VÀ SỰ TÁI SANH.	244
- Tái sanh là nhân của sự chết.....	244
- Cuộc sống là thể nhưng chết là chắc chắn.	244
- Chết là gì?.....	245
- Bằng cách nào sự tái sanh xảy ra?.....	245
- Bốn hình thức tái sanh.....	246
- Ba cảnh tượng báo trước của người đang hấp hối.....	247
- Tại sao khó thấy được chân lý?	248
- Cái gì di chuyển từ cái chết sang kiếp kế tiếp.	249
- Đức Phật đã an ủi ngài Ānanda như thế nào trước khi Ngài tịch diệt?.....	250
- Không được sầu khổ trước cái chết.....	250
- Con đường của thế gian.....	251
6. 3. NÍP-BÀN (NIBBĀNA).....	251
- Mục đích tối thượng của sự tu tập trong Phật giáo.	251
- Khó nhận rõ được.....	252
- Trạng thái không điều kiện.....	252

- Hạnh phúc tối thượng	253
- Các định nghĩa của níp-bàn (nibbāna).....	254
- Tôn giả Nāgasena làm sáng tỏ nỗi hoài nghi của vua Milinda về Níp-bàn.....	254
- Một truyện ngụ ngôn về Níp-bàn.	258
- Hạnh phúc tối thượng	259

CHƯƠNG 7 - THẾ GIỚI NỘI TÂM.....261

7. 1. BẢN CHẤT CỦA THẾ GIỚI BÊN TRONG.262

- Không thể đạt đến tận cùng của thế gian.	262
- Bạn là thế gian.....	262
- Sự sinh khởi của thế gian.	262
- Sự chấm dứt của thế gian.	263
- Thế gian là một khối đau khổ (dukkha).	264
- Hạnh phúc của thế gian.	264
- Hạnh phúc trong thế gian phát triển sự dính mắc.....	265
- Giải thoát khỏi thế gian.	265
- Biết được sự giải thoát.	265
- Thấu hiểu thế gian là đối tượng của tôn giáo.	265
- Hãy quán tưởng các pháp hữu vi.....	266
- Hiểu được pháp hữu vi thì cuộc sống tự tại cao quý..	266
- Mọi vật đang bốc cháy.	267
- Mọi vật tồn tại hay không tồn tại?.....	268

7. 2. CHÂN LÝ CỦA THẾ GIỚI NỘI TÂM.....269

- Một quan niệm của thế gian về thế gian.....	269
- Cảm thọ và bất toại nguyện.....	270
- Pháp duyên khởi (paṭiccasamuppāda).	271
- Quán tưởng duyên khởi là quán tưởng Pháp.....	274
- Cội nguồn của cuộc sống không thể nghĩ tưởng.	274
- Làm thế nào để đạt đến sự chấm dứt của thế gian?....	275
- Cuộc sống nội tâm được an lạc.	275
- Cuộc đời thật mau lẹ.	276
- Bốn loại mây và bốn hạng người.	277

CHƯƠNG 8 - THẾ GIỚI QUANH BẠN279

8. 1. TÀI SẢN VÀ HẠNH PHÚC.280

- Hạnh phúc của người được làm chủ.....	280
- Hạnh phúc có được tài sản.	280
- Hạnh phúc vì không mắc nợ.....	281
- Hạnh phúc vì không bị chê bai.....	281
- Bốn loại tài sản mà con người tích lũy.....	282
- Bốn hạng người – cách họ chú ý làm bốn phận của họ. 282	
- Bốn ước vọng khó thành.	283
- Bốn điều đưa đến sự thành tựu ước nguyện.....	283
- Bốn điều phải làm đưa đến hạnh phúc.	285
- Chẳng có gì để cho bạn cho là của riêng bạn.	287

- Bốn hạng người – cách thức họ uốn nắn cuộc sống của họ.	287
- Sử dụng thích hợp tài sản khó kiếm được.	290
- Sự nguy hại của các chất say.	291
- Những nguyên nhân làm tiêu hao tài sản.	291
- Phân chia tài sản trong việc chi xài.	291
8. 2. PHỤC VỤ CHO NGƯỜI KHÁC.	292
- Bạn có liên quan đến thế gian qua sáu hướng.	292
- Những bốn phận thật sự của cha mẹ là gì?	292
- Bốn phận con đối với cha mẹ.	293
- Bốn phận của học trò đối với thầy.	294
- Bốn phận của vợ đối với chồng.	294
- Bốn phận của chồng đối với vợ.	295
- Bốn phận cha mẹ đối với con.	295
- Bốn phận đối với bạn bè, thân hữu.	296
- Bốn phận của chủ đối với người giúp việc.	296
- Phận sự đối với bậc tu hành.	297
- Bốn phận của vua.	297
- Thầy dạy đáp lại lòng thương yêu của học trò như thế nào? 298	
- Bạn bè, bằng hữu biểu lộ sự thương yêu nhau như thế nào? 298	
- Người giúp việc tỏ lòng yêu thương của mình với chủ như thế nào?	
.....	299

- Các bậc tu hành chăm lo cho hàng cư sĩ ra sao?	300
- Hãy khôn khéo khi phục vụ người khác.....	300
- Hãy lo việc của bạn.	300
- Đừng lo việc ác vì lợi ích cho người.	301
8. 3. SỰ BẤT ĐỊNH TRONG NHỮNG ĐIỀU KIỆN CỦA THẾ GIAN.....	301
.....	301
- Bản chất của điều kiện trong thế gian.	301
- Coi chừng sự dối trá bên ngoài.	302
- Bốn bánh xe của sự thịnh vượng.....	303
- Hãy tính toán sự an lạc của bạn.....	304
- Hạnh phúc tối thượng.....	304
- Sống an lạc.	304
- Sống với tâm thanh tịnh.	305
- Không ai hoàn toàn bị chê hay được khen.	305
- Hãy bình thản trước sự khen chê.....	306
- Tại sao có một số gia đình được thăng tiến?	306
- Những vấn đề trong cuộc sống tại gia.	307
- Sự nhàn nhã làm hư cuộc sống.....	307
- Kẻ ngu thật sự.	308
- Hãy làm người chặn các đệ tử.	308
8. 4. HẠNH PHÚC CỦA CỘNG ĐỒNG.	308
- Mười bốn phận của người.	308
- Chúng sanh thuộc bốn nhóm.....	309

- Bảy pháp làm cho một cộng đồng phát triển.....	309
- Mười việc phải làm để được thành quả cao hơn.	310
- Nguyên nhân của cuộc chiến không có gì ngoài ích kỷ và tham ái.....	312
- Nhà vua phải chân chánh.	312
- Chăm sóc cho người bệnh.	313
- Phạm thiên và cha mẹ.....	313
8. 5. SỰ ĐỐI LẬP.....	314
- Hận thù không bao giờ chấm dứt được hận thù.	314
- Diệt sự sân hận của bạn.....	314
- Sân hận là xấu xa.....	315
- Bạn giận với cái gì?.....	315
- Bằng cách nào sân hận sanh khởi?.....	316
- Những suy nghĩ của người hay quao.....	317
- Làm sao đối mặt với người sân hận?	320
- Hãy vượt qua lòng oán hận.	321
- Làm sao để vượt qua lòng oán hận?.....	322
- Hãy ôn tồn và trầm tĩnh.....	322
- Hãy tập giống như đất.	323
- Hãy tập tâm giống như bầu trời.....	324
- Hãy thoát khỏi hận thù.	324
- Ví dụ cây cưa.....	325
8. 6. BẰNG HỮU.....	325
- Tốt hơn sống một mình nếu không có bạn chân thật.	325

- Yêu thương ích kỷ là nhân của mọi vấn đề.	326
- Bảy phẩm chất của người bạn tốt.	327
- Những bạn tốt thật sự.	328
- Hãy tránh xa những bạn ích kỷ.	328
- Kết thân với những bạn đáng tin cậy.	330
- Làm sao để trở thành bạn chân thật.	331
- Giáo pháp cao thượng dành cho những người bạn chân chánh.	332
- Một cuộc sống đạo hạnh.	332
- Người bạn cao cả nhất.	333
- Các lợi ích của tình bạn chân thật - mittānisamsa.	333
- Thế gian tăm tối.	337
- Sự nghèo khổ có thể trở thành nguyên nhân của tội ác. 337	
- Những người bạn thật sự.	338

CHƯƠNG 9 - THẾ GIỚI BÊN KIA BẠN341

9. 1. THẾ GIỚI CỦA KHÔNG GIAN VÀ THỜI GIAN. 342

- Những thế giới hệ.	342
- Đại kiếp – kappa.	344
- Con số của đại kiếp.	345
- Chu kỳ của thế giới được chia làm bốn giai đoạn.	345

9. 2. THẾ GIỚI CỦA CHÚNG SANH.347

- Sự xuất hiện của chúng sanh.	347
-------------------------------------	-----

- Năm định luật – pañca niyāma dhamma.	347
9. 3. CÁC CẢNH GIỚI SINH TỒN.	349
- Ba mươi một cảnh giới sinh tồn.	349
- Thái độ của Đức Phật về chư thiên.	350
- Cõi trời dục giới – devaloka.	350
- Tuổi thọ của sáu cõi trời dục giới.	352
9. 4. CẢNH GIỚI PHẠM THIÊN.	355
- Bản chất cảnh giới của phạm thiên.	355
9. 5. CÁC CHÚNG SANH KHÁC.	357
- Có ba loại chư thiên.	357
- Nga quỷ - peta.	358
- Từ ma vương đến đạo sĩ Gotama.	358
- Địa ngục ở đâu?	359
- Sự chọc phá và nỗi khổ của ma vương.	359
- Năm thứ ma.	360
- Đạo quân ma.	360
- Bảy phẩm hạnh chánh yếu.	361
9. 6. NGUỒN GỐC VÀ NGƯỜI SÁNG TẠO.	362
- Niềm tin vào người sáng tạo chỉ là một khái niệm. ...	362
- Đấng sáng tạo - Đại phạm thiên.	363
- Những chúng sanh không thể tạo phước.	364
9. 7. THẾ GIỚI CỦA NGŨ UÂN.	366
- Ba sự hiện hữu – bhava.	366

- Các yếu tố hình thành chúng sanh.....	367
- Sự chấm dứt của thế gian là ảo tưởng.	368
- Vòng luân hồi không chấm dứt.	369
- Ba cảnh giới.....	371
- Ngũ uẩn – pañcakkhandha.	371
- Bản chất của các nguyên đại.	372
- Hãy đạt được sự giải thoát ở thế gian.....	373
- Pháp nhãn – dhammacakka.	375
- Bánh xe sinh tồn.....	375

CHƯƠNG 10 - NHỮNG KHÁI NIỆM CHỦ YẾU CỦA GIÁO PHÁP 376

10. 1. CON ĐƯỜNG PHẬT GIÁO.	377
- Nét đại cương về con đường Phật giáo.	377
- Ba giai đoạn của giáo pháp.	377
- Ba loại đau khổ - dukkha.....	378
- Ba loại tham ái - tanhā.....	378
- Bốn loại vật thực nuôi dưỡng chúng sanh.....	379
- Cội nguồn của bốn vật thực.....	379
- Lục căn.	380
- Ba mươi bảy pháp trợ bồ đề.	381
- Tứ niệm xứ - cattāro satipaṭṭhānā.	382
- Tứ chánh cần – cattāro sammappadhānā.....	382
- Tứ như ý túc – cattāro iddhipāda.....	383

- Ngũ quyền – pañca indriyāni.	383
- Thân này bị cướp đi.....	384
- Phát triển tâm thiện tốt hơn là cha mẹ.....	385
- Những người bạn thật sự.....	385
- Hai mươi tám sắc pháp trong cơ thể con người – rūpa kalāpa.....	386
- Ý nghĩa của thân tướng.	388
- Hai thứ bệnh.	388
- Thái độ của Đức Phật đối với những kẻ chỉ cầu nguyện để giải thoát.	389
- Bốn cách quy y tam bảo.	390
- Những lợi ích của sự tôn kính.	390
- Bốn tính chất của vật thực.....	390
- Bốn pháp bất khả tư nghì đối với thế gian.	391
- Tên gọi không bao giờ bị hủy hoại.....	392
10. 2. QUÁN TƯỞNG VỀ PHÁP BỐ THÍ – DĀNA.....	392
- Thái độ của Đức Phật về việc làm phước bố thí.	392
- Sáu phẩm hạnh làm cho sự bố thí được thành tựu.	393
- Một số mục đích của sự bố thí.	394
- Bố thí hợp pháp như thế nào?	396
- Bằng cách nào mà phước thí được tăng trưởng?.....	397
- Cúng dường đến tăng chúng.	398
- Bố thí cho ai?.....	398
- Sự quan trọng của thiện pháp.....	399

- Năm điều lợi ích cho người thọ thí.	399
- Bản chất của thiện tâm trong Phật giáo.....	400
- Ba đặc tính của đức tin.	401

CHƯƠNG 11 - VỊ TRÍ NGƯỜI PHỤ NỮ TRONG PHẬT GIÁO 402

11. 1. MỘT VÀI CÂU NÓI VỀ NGƯỜI PHỤ NỮ.....	403
- Vai trò quan trọng của người phụ nữ trong xã hội.	403
- Có phải tâm tánh người phụ nữ hẹp hòi không?	403
- Thế giới của lạc thú là ở người nữ.	404
- Năm điều chỉ trích Ngài Ānanda.....	405
- Một người phụ nữ phẩm hạnh.	407
- Bốn phận của người vợ.	408
- Sự gia nhập của người nữ vào Tăng đoàn..	408
- Những nữ đệ tử nổi tiếng trước đây.	410
- Năm khuyết điểm của phụ nữ.	411
- Năm sức mạnh làm cho người phụ nữ tin tưởng.....	412
- Người phụ nữ cũng có sự thông minh.....	413
- Nghiệp làm thành tựu ước nguyện của họ.....	413
- Có vài phụ nữ vẫn tốt hơn nam nhân.	414
- Người nữ là rất cần thiết.....	415
- Người nữ là nhân vật tối cần thiết.	416
- Có bảy hạng vợ.....	416
- Năm cách để cho người vợ trở thành hoàn hảo.....	418

- Đó là niềm hạnh phúc.....	419
- Cửa hồi môn tốt đẹp nhất.	420
- Sức mạnh tinh thần của người phụ nữ.....	422
- Vật hấp dẫn ở thế gian.....	423
- Các đức hạnh mà người phụ nữ nên trau dồi.	423
- Bản chất của người phụ nữ.....	424

CHƯƠNG 12 - SỰ TU TẬP426

12. 1. HƯỚNG DẪN CÁCH THANH LỘC NỘI TÂM. .427

- Đạo lộ dẫn đến giải thoát.....	427
- Hãy tự thanh lọc chính bạn cho thật xứng đáng.	428
- Làm thế nào để được giải thoát?	428

12. 2. NHỮNG CÁ TÍNH CỦA CON NGƯỜI.429

- Có sáu loại cá tính	429
- Tiếng đàn "lute" ở đâu?.....	430
- Cá tính và đề mục thiền thích hợp.....	431

12. 3. TRƯỚC KHI TU TẬP.432

- Những chướng ngại cho việc tham thiền.	432
- Sự kham nhẫn qua việc tham thiền.	432
- Bạn cũng có thể đạt được giải thoát nữa.	433
- Những điều quán tưởng để huấn luyện tâm.	433
- Ba loại trí tuệ.	434
- Ba cấp độ thoát khỏi những cấu uế của tâm.....	434

- Năm pháp triển cái - nīvaraṇa	435
- Oai lực của định.	435
12. 4. TU THIỀN VẮNG LẶNG (THIỀN CHỈ)	436
- Hai điều kiện để phát sanh trí tuệ.	436
- Bốn yếu tố thành tựu A-la-hán quả.	436
- Kasiṇa thiền.	438
- Mười tùy niệm – anussati.	439
- Những đề mục thiền - kammaṭṭhāna.	440
- Mười loại tử thi – asubha.	440
- Cực điểm của thiền chỉ.	441
- Ý nghĩa của thiền.	441
- Sự giải thích về thiền trong Vi Diệu Pháp.	442
- Thiền quán.	442
- Cõi vô sắc.	443
- Bốn cõi vô sắc – arūpaloka.	443
- Bản chất của ngũ uẩn.	444
12. 5. THIỀN GIỚI HAY SỰ QUÁN TƯỞNG ĐẾN CHÚNG SANH.	444
.....	444
- Bốn phạm trú – brahmavihāra.	445
- Sự dẫn đến thiện tâm.	446
- Mong cho tất cả chúng sanh được hạnh phúc.	446
- Cả thế gian là một đại gia đình.	446
- Hãy phát triển tâm từ bi.	447

- Sự lợi ích của tâm từ.	447
- Hãy phát triển những phẩm hạnh cao quý.....	447
12. 6. TU TẬP TUỆ MINH SÁT.	448
- Đạo lộ duy nhất.	449
- Tứ niệm xứ. (Satipaṭṭhānasutta)	449
- Những sự quán tưởng để giải thoát I.	450
- Những sự quán tưởng để giải thoát II.	450
- Những sự quán tưởng để giải thoát III.	451
- Thất giác chi – Satta bojjhaṅga.	452
- Bảy pháp thanh tịnh.....	453
- Trau dồi tâm.	455
- Bậc thiện trí thức cũng giống như cái hồ.	455
12. 7. CỨU CÁNH NÍP-BÀN.....	456
- Vỡ tan ảo mộng.	456
- Các bậc A-la-hán có thể tồn tại bất cứ lúc nào.....	456
- Níp-bàn là gì?	456
- Đạo lộ đến Níp-bàn.	457
- Tĩnh lặng và tuệ minh sát – samatha & samādhī.....	458
CHƯƠNG 13 - DẠY VÀ HỌC GIÁO LÝ	460
13. 1. ĐỐI VỚI THẦY DẠY.....	461
- Phải hiểu mình trước tiên.	461
- Dạy pháp cho người khác không phải dễ.	461

- Ai sẽ được lợi ích trong việc học pháp?	462
- Cách thức người ta hiểu pháp.....	464
- Học và trình pháp.	464
- Bằng cách nào để trả lời câu hỏi?.....	464
- Phẩm chất của một vị pháp sư.....	465
- Hãy là vị cứu tinh cho chính mình.	466
- Hãy chấp nhận một cách khôn khéo.....	466
13. 2. ĐỐI VỚI HỌC VIÊN.	466
- Sự chân thật sẽ sinh khởi qua sự nhận thấy rõ ràng. ..	466
- Hãy suy nghĩ những lời khuyên sau đây trước khi chấp nhận một đạo.	468
- Có phải tốt hơn là nói ra những lời mà người ta đã thấy không?	468
- Tán thán hãy chỉ trích phải hợp thời.	469
- Tiếng rống sư tử.	470
- Phương pháp của Đức Phật tạo niềm tin cho loài người.	471

CHƯƠNG XIV - THOÁNG NHÌN VỀ TƯƠNG LAI.....473

14. 1. THẾ GIỚI ĐỀ CHÚNG TA ĐẾN.....	474
- Sự hình thành của thế giới hệ.	474
- Sự chấm dứt của thế gian.	475
- Đức Phật phân tích những giấc mơ của đức vua Kosala.	478
- Sự suy thoái của nhân loại.....	489

CHƯƠNG 15 - PHỤ CHÚ.....	492
15. 1. CÓ MỘT CUỘC SỐNG CAO THUỶNG.....	493
- Thật tuyệt vời, Đức Cồ-Đàm toàn hảo.	493
- Giây phút quý giá.	494
- Nhiều người không biết giáo pháp là gì?	495
- Năm pháp để phát triển tâm.	498
- Bản chất của tâm.	499
- Tự điều phục là bí quyết của hạnh phúc.....	500
- Hãy chánh niệm về chính bản thân mình.	501
- Khi thân bệnh đừng để tâm bệnh.	502
- Tại sao người ta chết?	503
- Tài sản không tốt mà cũng không xấu.....	506
- Sự lợi ích của việc thọ bát quan trai.	507
- Phạm giới bị đau khổ.....	509
- Ăn thịt và không trong sạch.	510
- Mỗi ngày một bữa ăn cho cuộc sống lành mạnh.....	513
- Ngũ uẩn vô dụng.	514
- Bạn bảo vệ cho bạn, còn tôi che chở cho tôi.....	516
- Mười pháp Ba-la-mật (dasapāramī).	517
- Sự chứng đắc của chư bồ tát.	518
- Ba hạng bồ tát.....	522
- Bằng cách nào để phán quyết tánh chất của một người?	

- Những ngày hạnh phúc.	524
- Phút giây cuối đời của Đức Phật.	524

LỜI TÁC GIẢ

Kho Tàng Pháp Bảo không phải là quyển sách cho những độc giả hờ hững với Giáo pháp. Mục đích của quyển sách này là dành cho những ai muốn hiểu biết cận kề về Giáo pháp mà Đức Phật đã giải thích rõ ràng. Nó không phải là một tác phẩm, nó là những trích đoạn chọn lọc tiêu biểu từ Tam Tạng kinh điển được ghi bằng tiếng Pāli vào những năm 80 trước Tây lịch và đã được dịch ra tiếng Anh cách đây 100 năm. Những dịch phẩm từ tiếng Pāli trong thời gian qua thường được thực hiện theo tiếng Anh cổ xưa. Vì thế, nhiều độc giả hiện thời đã gặp nhiều rắc rối trong việc hiểu được ý nghĩa thực sự của những câu nói. Quyển sách này cố gắng giới thiệu những trích đoạn theo tiếng Anh ngày nay càng nhiều càng tốt với tinh thần cốt lõi đằng sau những câu nói của Bạc Đạo Sư.

Những trích đoạn này bắt nguồn từ những thời pháp thoại khác nhau do Đức Phật thuyết giảng và được chia thành 15 chương theo từng vấn đề. Ngoài những bài kinh được trích từ Tam Tạng, còn có một số trích đoạn từ Chú giải Tam Tạng và một số trích đoạn khác từ những tác phẩm với ý định giải thích một số từ ngữ chuyên dùng cùng một vài câu chuyện ngụ ngôn được tìm thấy trong quyển sách này.

Lưu ý rằng, thường những người Phật tử không tinh thông trong việc thảo luận về tôn giáo của họ mà phụ thuộc vào việc tham khảo những bài kinh nguyên thủy, là Tam Tạng kinh điển. Họ có khuynh hướng tổng thể hóa một cách mơ hồ theo kiến thức phổ thông thay vì tham khảo trực tiếp những quyển sách xác đáng. Thật hợp thời và cần thiết để xuất bản một quyển sách dễ hiểu về những lời dạy của Đức Phật để cho những người theo đạo Phật dễ dàng hiểu được những gì mà Đức Phật đã dạy với sự lưu tâm đến những việc mà chúng ta phải đương đầu trong lối sống của chúng ta ở thế tục.

Đức Phật đã trải qua 45 năm đáp ứng nhiều câu hỏi về những vấn đề phức tạp và tế nhị liên quan đến thực tại của thế

giới này. Quả thật, chẳng có gì để hoài nghi sự thâm sâu trong những lời dạy của Đức Phật mà đôi khi còn dùng để đánh giá những tâm hồn thiếu hiểu biết, không suy tư đến những vấn đề sâu xa. Ngay từ lúc đầu, chính Đức Phật đã lưu ý đến điều này, là Giáo pháp chỉ có thể được hiểu biết dễ dàng đối với những ai có trí tuệ và thật tâm lưu ý để hiểu được tính chất trừu tượng trong lời dạy của Ngài.

Giáo pháp là kết quả trực tiếp của một sự tâm cầu tự nguyện mạnh mẽ nhất trải qua một khoảng thời gian dài của một vị Thái tử với tấm lòng cao thượng nhất đã thấm nhuần tình thương yêu vô bờ bến đối với sự đau khổ của nhân loại. Giáo pháp không phải là bức thông điệp từ trên trời rơi xuống.

Sự khó hiểu về Giáo pháp của Đức Phật chẳng qua vì ngôn ngữ hoặc những từ vựng được sử dụng. Đức Phật đã dùng những từ ngữ trong tôn giáo để giải thích những chân lý tuyệt đối với tâm linh và vật chất trong khi con người nhờ đến những ngôn ngữ của thế gian để giải thích các vấn đề theo tập quán có giới hạn mà họ chấp nhận như là một sự thật. Do đó, điều này đưa đến sự mâu thuẫn và bối rối trong tâm hồn của họ. Khi Đức Phật dạy rằng cuộc đời là một trạng thái động, luôn thay đổi chứ không phải một trạng thái tĩnh lặng. Nhiều người không hiểu biết được điều này vì thiếu sự suy tưởng sâu xa về đề tài này.

Quyển sách này được trù định như một cuốn cẩm nang dễ hiểu để dễ bề tham khảo và tạo sự hứng khởi cho độc giả, còn có thể được dùng như một quyển sách hướng dẫn hữu dụng cho các vị thầy đang hướng dẫn các lớp học, dành cho những vị Pháp sư còn đang hoằng dương Chánh Pháp, dành cho những tác giả chuyên viết những đề tài về Phật giáo và cũng dành cho những người biết được lời dạy của Đức Phật, hầu xóa tan mọi hoài nghi về Phật giáo còn đọng lại nơi họ.

Thượng tọa Tiến sĩ K.Sri Dhammananda, JSM., D. Litt.

Hội Phật Học, Kualalumpur, Malaysia.

Ngày 25 tháng 8 năm 1994.

LỜI DỊCH GIẢ

Giáo Pháp của Đức Phật để lại cho chúng ta như là một kho báu vô tận và chỉ làm giàu cho những ai có chí nguyện muốn tìm cầu sự giải thoát cao thượng, còn những ai không có chí hướng giải thoát thì kho báu ấy vẫn là kho tàng bí ẩn nằm sâu dưới lòng đất đang chờ sự hao mòn của thời gian.

Duyên may được chuyển ngữ tác phẩm "Treasure of the Dhamma" của Ngài Hòa thượng Tiến sĩ Sri.Dhammananda từ tiếng Anh sang tiếng Việt, quả thật đó là một phước báu to lớn của chúng con. Chúng con với tâm nguyện rằng : mình là kẻ lữ hành đang bước đi trong màn đêm tăm tối với biết bao nguy hiểm đang rình rập và đánh úp bất ngờ, phước may chúng con có được ngọn đèn Chánh pháp, như là một kho báu vô giá đối với chúng con. Và chúng con xin chia sẻ ngọn đèn ấy với tất cả chúng sanh, để mọi người cùng nhau chiếu gọi ánh sáng Phật Pháp khắp cõi vô minh này, cùng giúp nhau vượt qua khổ hải trầm luân.

Chúng con hy vọng với công sức bé nhỏ của mình, xin góp phần ít ỏi trong công cuộc Hoằng truyền Chánh pháp cho được bền vững, trường tồn trên thế gian này.

Cầu mong phước lành này sẽ là phước báu Ba-la-mật cho chính chúng con trong việc xây dựng cho mình con đường giải thoát trong ngày vị lai.

Xin kính tri ân những lời động viên, khích lệ của Chư Tăng và quý Phật tử trong việc phổ biến tác phẩm này.

Xin chia phước này đến tất cả chúng sanh ba giới bốn loài đồng đều nhau cả thấy.

**Vĩnh Long, 06/06/2010.
Phật tử Tín Tâm.**

BẢNG VIẾT TẮT

A.	Aṅguttara Nikāya	Tăng chi bộ kinh
Ap.	Apadāna	Thánh nhân ký sự
D.	Dīgha Nikāya	Trường bộ kinh
Dhp.	Dhammapada	Pháp cú kinh
DhpA.	Dhammapada Aṭṭhakathā	Chú giải Pháp cú kinh
Dhs.	Dhammasaṅganī	Pháp tụ
DhsA.	Dhammasaṅganī Aṭṭhakathā	Chú giải bộ Pháp tụ
Iti.	Itivuttaka	Như thị thuyết
Jā.	Jātaka	Chuyện tiền thân
Khud.	Khuddakapāṭha	Tiểu tụng
M.	Majjhima Nikāya	Trung bộ kinh
Miln.	Miliṇḍapañhā	Mi-tiên vấn đáp
Pv.	Petavatthu	Nga quỹ sự
S.	Saṃyutta Nikāya	Tương ưng bộ kinh
Sn.	Sutta Nipāta	Kinh tập
Thag.	Theragāthā	Trưởng lão Tăng kệ
Ud.	Udāna	Cảm hứng ngữ
Vib.	Vibhaṅga	Phân tích
Vin.	Vinaya Piṭaka	Tạng Luật
Vism.	Visuddhimagga	Thanh tịnh đạo

CHƯƠNG 1

ĐỨC PHẬT

1. 1. ĐỨC PHẬT LÀ AI?

- Nơi sanh và gia thế. (Sn.422- 424)

Đức vua Bimbisāra của xứ Magadha xin dâng đến Đức Phật tài sản của thế gian và hỏi Ngài về gia thế. Đức Phật đáp :

*Ujum janapado rāja
Himavantassa passato
Dhanavīriyena sampanno
Kosalesu Niketino.*

*Trên sườn núi Tuyết sơn,
Sống dân tộc đoạn trực,
Tài sản nghị lực đủ,
Ở xứ Kosala.*

*Ādiccā Nāma gottena
Sākiyā Nāma jātiyā
Tamhā kulā pabbajitomhi
Na kāme abhipatthayaṃ.*

*Dòng họ thuộc mặt trời,
Sanh tộc là Thích-ca,
Từ bỏ gia tộc ấy,
Thừa vua, ta xuất gia,
Ta không có tha thiết,
Đối với các loại dục.*

*Kāmesvādīnavaṃ disvā
Nekkhammaṃ datṭhu khemato
Padhānāya gamissāmi
Ettha me rañṇatī mano.*

*Thấy nguy hiểm trong dục,
Bỏ chúng, là an ổn,
Ta sẽ đi, tinh tấn,
Ý ta, được hoan hỷ.*

- Hảo tướng của Đức Phật. (Sn.548-550)

Sela - một Bà-la-môn có trí tuệ tán thán Đức Phật như sau:

*Paripunṇakāyo suruci
Sujāto cārudassano;
Suvannaṇaṇṇosi bhagavā
Susukkadāṭhosi vīriyavā.*

*Thân tròn đủ chói sáng,
Khéo sanh và đẹp đẽ,
Thế Tôn sắc vàng chói,
Răng trơn, lóng, tinh cần.*

*Narassa hi sujātassa
Ye bhavanti viyañjanā;
Sabbe te tava kāyasmim
Mahāpurisalakkhanā.*

*Đối với người khéo sanh,
Những tướng tốt trang trọng,
Đều có trên thân Ngài,
Tất cả đại nhân tướng.*

*Pasannanetto sumukho
Brahā uju patāpavā;
Majjhe samaṇasaṅghassa
Ādiccova virocasi.*

Mắt sáng, mặt tròn đầy,
Cân đối, thẳng, hoàn mỹ,
Giữa chúng Sa-môn Tăng,
Ngài chói như mặt trời.

- Đức Phật xứng đáng là một vị Chuyển Luân Vương. (Sn.551-553)

*Kalyāṇadassano bhikkhu
Kañcanasannibhattaco;
Kiṃ te samaṇabhāvena
Evaṃ uttamavaṇṇino.*

Đẹp mắt vị tỷ-kheo,
Da sáng như vàng chói,
Với hạnh sa-môn, Ngài
Cần gì sắc tối thượng.

*Rājā arahasi bhavitum
Cakkavattī rathesabho;
Cāturato vijitāvī
Jambusaṇḍassa issaro.*

Ngài xứng bậc đại vương,
Chuyển Luân, bậc Điều Ngự,
Chiến thắng khắp thiên hạ,
Bậc tối thượng Diêm-phù.

*Khattiyā bhogirājāno
Anuyantā bhavantu te;
Rājābhirājā manujindo
Rajjaṃ kārehi Gotama.*

*Vương tộc, hào phú vương,
Là chư hầu của Ngài,
Là vua giữa các vua,
Là giáo chủ loài người.
Hãy trị vì quốc độ,
Tôn giả Gotama!*

- 32 tướng hảo của Đức Phật. (D.30.441)

*“Này các tỷ-kheo, vị này có lòng bàn chân bằng phẳng.
Tướng này được xem là tướng tốt của bậc đại nhân.*

*Này các tỷ-kheo, dưới hai bàn chân của vị này có hiện ra
hình bánh xe, với ngàn tăm xem với trục xe vành xe, với các bộ
phận hoàn toàn đầy đủ...*

Này các tỷ-kheo, vị này có gót chân thon dài...

Vị này có ngón tay, ngón chân dài...

Vị này có tay chân mềm mại...

Vị này tay chân có làn da lưới...

Vị này có mắt cá tròn như con sò...

Vị này có ống chân như con dê rừng....

*Vị này đứng thẳng, không co lưng xuống có thể sờ đầu
gối với hai bàn tay...*

Vị này có tướng mã âm tàng...

Vị này có màu da đồng, màu sắc như vàng...

*Vị này có da trơn mượt, khiến bụi không thể bám dính
vào...*

*Vị này có lông da mọc từ lông một, mỗi lỗ chân lông có
một lông...*

*Vị này có lông mọc xoáy trong thẳng lên, mỗi sợi lông
đều vậy, màu xanh đậm như thuốc bôi mắt, xoáy lên từng xoáy
tròn nhỏ, và xoáy về hướng mặt...*

Vị này có thân hình cao thẳng...

Vị này có thân với các góc cạnh tròn đầy, đều đặn...
Vị này có nửa thân trước như thân con sư tử...
Vị này không có lõm khuyết xuống giữa hai vai...
Vị này có thân thể cân đối như cây bàng. Bề cao của thân ngang bằng bề dài của hai tay sải rộng, bề dài của hai tay sải rộng ngang bằng bề cao của thân...
Vị này có bán thân trên vuông tròn...
Vị này có vị giác rất nhạy bén...
Vị này có quai hàm như con sư tử...
Vị này có bốn mươi cái răng...
Vị này có răng đều đặn...
Vị này có răng không khuyết hở...
Vị này có răng cửa trơn láng...
Vị này có tướng lưỡi rộng dài...
Vị này có giọng nói tuyệt diệu như tiếng chim ca-lăng-tần-già...
Vị này có hai mắt màu xanh đậm...
Vị này có lông mi con bò cái...
Vị này có hai lông mày, có sợi lông trắng mọc lên, mịn màng như bông nhẹ...
Vị này có nhục kế trên đầu..."

(Trường Bộ Kinh 2, Kinh Tướng).

1. 2. SỰ XUẤT HIỆN CỦA ĐỨC PHẬT LÀ ĐIỀU HIẾM CÓ.

- Sự xuất hiện của Đức Phật là rất hiếm. (Sn.560)

*Yesam ve dullabho loke
Pātubhāvo abhiñhaso
Soham brāhmaṇa sambuddho
Sallakatto anuttaro.*

*Hỡi này bà-la-môn
Ta, bậc Chánh Đăng Giác
Bậc Tối Thượng Y Vương
Người xuất hiện như vậy
Thế gian thật hiếm thấy.*

- Những điều khó xảy ra ở đời. (Dhp.182)

*Kiccho manussapaṭilābho
Kicchaṃ maccāna jīvitam
Kicchaṃ saddhammassavanam
Kiccho buddhānamuppādo.*

*Khó thay, được làm người,
Khó thay, được sống còn,
Khó thay, nghe Diệu Pháp,
Khó thay, Phật ra đời!*

**- Sự xuất hiện của Đức Phật đem đến hạnh phúc cho đời.
(Dhp.194)**

*Sukho buddhānamuppādo
Sukhā saddhammadesanā
Sukhā saṅghassa sāmaggī
Samaggānaṃ tapo sukho.*

*Vui thay, Phật ra đời!
Vui thay, Pháp được giảng!
Vui thay, Tăng hòa hợp!
Hòa hợp tu, vui thay!*

- Bạc Giác Ngộ tỏa sáng cả ngày đêm. (Dhp.387)

*Divā tapati ādicco
Rattimābhāti candimā
Sannaddho khattiyo tapati
Jhāyī tapati brāhmaṇo
Atha sabbamahorattim
Buddho tapati tejasā.*

*Mặt trời sáng ban ngày,
Mặt trăng sáng ban đêm.
Khí giới sáng sát ly,
Thiền định sáng phạm chí.
Còn hào quang Đức Phật,
Chói sáng cả ngày đêm."*

1. 3. ĐỨC PHẬT LÀ BẠC TOÀN TRI.

- Ngài biết tất cả. (M.I.171)

Sau khi đạt được sự giác ngộ, khi Đức Phật đang trên đường đi đến Gayā để vận chuyển Pháp Luân, một ngoại đạo lửa thể tên Upaka gặp Ngài bèn hỏi : “*Này đạo hữu (āvuso), các giác quan của đạo hữu được trâm tĩnh, màu da được thanh tịnh và trong sáng. Này đạo hữu, nhờ ai mà đạo hữu đã xuất gia? Ai là thầy của đạo hữu? Đạo hữu hoan hỷ với pháp của vị nào?*”

Đức Phật trả lời :

*Sabbābhibhū sabbavidūhamasmi
Sabbesu dhammesu anūpalitto
Sabbañjaho tañhākkhaye vimutto
Sayam abhiññāya kamuddiseyyam
Na me ācariyo atthi
Sadiso me na vijjati;
Sadevakasmiṃ lokasmiṃ
Natthi me paṭipuggalo.
Ahañhi arahā loke
Ahaṃ satthā anuttaro
Ekomhi sammāsambuddho
Sītibhūtosmi nibbuto.
Dhammacakkaṃ pavattetaṃ
Gacchāmi kāsinaṃ puram
Andhībhūtasmiṃ lokasmiṃ
Āhañchaṃ amatadundubhi*

*Ta vượt trên tất cả
Hiểu biết được toàn bộ,
Không còn bị vướng mắc
Trong tất cả các pháp,*

Đã đoạn tận tất cả,
Ái diệt, đã giải thoát,
Do tự mình chứng đắc
Còn ai dạy được Ta?
Không có ai thấy Ta,
Bằng Ta, tìm chẳng thấy,
Trong thế giới người trời
Bằng được Ta, không ai.
Vì ta bậc Ứng Cúng
Vô Thượng Sư đời này
Là bậc Chánh Đẳng Giác
Ta tịch lặng Niết Bàn.
Ta đi thành Kāsī
Vận hành bánh xe pháp
Đánh tiếng trống bát tử
Trong thế gian người mù.

- Dòng dõi của Đức Phật. (D.II.53)

Này các tỷ-kheo, như vậy Như Lai khéo chứng đạt pháp giới này, Như Lai nhớ chư Phật quá khứ, những vị này đã nhập Niết-bàn, đã đoạn các chương đạo, đã chấm dứt sự luân hồi, đã thoát ly mọi đau khổ. Như Lai cũng nhớ đến chúng tánh các vị này cũng nhớ đến danh tánh, cũng nhớ đến tộc tánh, cũng nhớ đến tuổi thọ, cũng nhớ đến hai vị đệ tử, cũng nhớ đến các tăng hội như sau:

"Các bậc Thế Tôn này, sanh tánh là như vậy, danh tánh là như vậy, tộc tánh là như vậy, giới hạnh là như vậy, pháp hạnh là như vậy, tuệ hạnh là như vậy, trí hạnh là như vậy, giải thoát là như vậy".

(Trường Bộ Kinh 2, Kinh Đại Bản)

- Một nhân vật tối thượng. (A.I.20)

Một người, này các tỷ-kheo, khi xuất hiện ở đời, sự xuất hiện đem lại hạnh phúc cho đa số, an lạc cho đa số, vì lòng thương tưởng cho đời, vì lợi ích, vì hạnh phúc, vì an lạc cho chư thiên và loài người. Một người ấy là ai? Chính là Thế Tôn, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác. Chính một người này, này các tỷ-kheo, khi xuất hiện ở đời, sự xuất hiện đem lại hạnh phúc cho đa số, an lạc cho đa số, vì lòng thương tưởng cho đời, vì lợi ích, vì hạnh phúc, vì an lạc cho chư thiên và loài người.

Một người, này các tỷ-kheo, khi xuất hiện ở đời là xuất hiện một người, không hai, không có đồng bạn, không có so sánh, không có tương trợ, không có đối phần, không có người ngang hàng, không có ngang bằng, không có đặt ngang bằng, bậc tối thượng giữa các loài hai chân. Một người ấy là ai? Chính là Như Lai, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác. Một người này, khi xuất hiện ở đời, là xuất hiện một người, không hai, không có đồng bạn, không có so sánh, không có tương trợ, không có đối phần, không có người ngang hàng, không có ngang bằng, không có đặt ngang bằng, bậc tối thượng giữa các loài hai chân.

Sự xuất hiện của một người, này các tỷ-kheo, là sự xuất hiện của mắt lớn, là sự xuất hiện của đại quang, là sự xuất hiện của đại minh, là sự xuất hiện của sáu vô thượng, là sự chứng ngộ bốn vô ngại giải, là sự thông đạt của nhiều giới, là sự thông đạt của các giới sai biệt, là sự chứng ngộ của mình và giải thoát, là sự chứng ngộ quả dự lưu, là sự chứng ngộ quả nhất lai, là sự chứng ngộ quả bất lai, là chứng ngộ quả a-la-hán. Của một người ấy là ai? Chính là Như Lai, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác. Sự xuất hiện của một người này, này các tỷ-kheo, là sự xuất hiện của mắt lớn, là sự xuất hiện của đại quang... Là sự chứng ngộ quả A-la-hán.

- Đức Phật biết rõ thế giới này và thế giới khác. (M.I.227)

*Ayaṃ loko paro loko
Jānatā suppakāsito
Yañca mārena sampattaṃ
Appattaṃ yañca maccunā.*

*Bậc Chánh Giác, trí giả,
Biết rõ mọi thế giới,
Cửa bất tử rộng mở,
Đạt an ổn Niết-bàn.*

*Sabbaṃ lokaṃ abhiññāya
Sambuddhena pajānatā
Vivaṭaṃ amatadvāraṃ
Khemaṃ nibbānapattiyā.*

*Đời này và đời sau,
Bậc trí khéo trình bày,
Cảnh giới ma đạt được,
Cảnh tử thần không đạt.*

*Chinnaṃ pāpimato sotaṃ
Viddhastam vinaḷikataṃ
Pāmojjabahulā hotha
Khemaṃ pattattha bhikkhavo*

*Dòng ma bị chặt ngang,
Nát tan và hư hoại,
Hãy sống sung mãn hỷ,
Đạt an ổn Niết-bàn*

(Trung Bộ Kinh 1, Tiểu Kinh Người Chấn Bò)

- Bậc Thắng Giả. (M.I.171)

Ngoại đạo lừa thể Upaka chỉ trích :

- Nay đạo hữu, theo như đạo hữu cho biết thì đạo hữu xứng đáng là vị jina (chiến thắng) vô biên.

Đức Phật đáp lại rằng:

*Mādisā ve jinā honti
Ye pattā āsavakkhayaṃ
Jitā me pāpakā dhammā
Tasmāhamupaka jino.*

*Này Upaka,
Các jina giống ta,
Các vị đạt lậu tận,
Chiến thắng các ác pháp,
Vậy ta là jina.*

- Không ai bằng Đức Phật. (Sn.561)

*Brahmabhūto atitulo
Mārasenappamaddano
Sabbāmitte vasīkatvā
Modāmi akutobhayo.*

*Là phạm thiên khó sánh,
Nhiếp phục các ma quân.
Hàng phục mọi đối nghịch,
Ta sống tâm hoan hỷ,
Không sợ hãi một ai,
Không từ đâu run sợ.*

- Đức Phật tuyên bố trí tuệ của Ngài. (Sn.558)

Abhiññeyyaṃ abhiññātamaṃ

*Bhāvetabbañca bhāvitam
Pahātabbam pahīnam me
Tasmā buddhosmi brāhmaṇa.*

*Cần biết, Ta đã biết,
Cần tu, Ta đã tu,
Cần bỏ, Ta đã bỏ.
Do vậy Ta là Phật,
Ôi, tôn giả phạm chí!*

- Đấng Pháp Vương. (Sn.554)

*Rājāhamasmi selāti
Dhammarājā anuttaro
Dhammena cakkam vattemi
Cakkam appaṭivattiyam.*

*Sela, Ta là vua,
Bậc Pháp Vương Vô Thượng,
Ta chuyển bánh xe pháp,
Bánh xe chưa từng chuyển.*

1. 4. THẦY CỦA TẤT CẢ

- Vị thầy giỏi. (M.I.227)

*Ayaṃ loko paro loko
Jānatā suppakāsito
Yañca mārena sampattaṃ
Appattaṃ yañca maccunā.
Đời này và đời sau,
Bậc trí khéo trình bày,
Cảnh giới ma đạt được,
Cảnh tử thân không đạt.
Sabbam lokaṃ abhiññāya
Sambuddhena pajānatā
Vivaṇṇaṃ amatadvāraṃ
Khemam nibbānapattiyā.*

*Bậc Chánh Giác, trí giả,
Biết rõ mọi thế giới,
Cửa bất tử rộng mở,
Đạt an ổn Niết-bàn.*

*Chinnaṃ pāpimato sotaṃ
Viddhastam vinaḷikataṃ
Pāmojjabahulā hotha
Khemam pattattha bhikkhavo.*

*Dòng ma bị chặt ngang,
Nát tan và hư hoại,
Hãy sống sung mãn hỷ,
Đạt an ổn Niết-bàn,
(Này các tỷ kheo)
(Trung Bộ Kinh 1, Tiểu Kinh Người Chăn Bò)*

- Chỉ một vị thầy duy nhất để nương tựa. (Sn.559)

*Vinayassu mayi kaṅkham
Adhimuccassu brāhmaṇa
Dullabham dassanam hoti
Sambuddhānam abhiñhaso.*

*Còn gì nghi ở Ta,
Hãy gác bỏ một bên,
Hãy giải thoát khỏi chúng,
Ôi, tôn giả phạm chí!
Thấy được bậc Chánh Giác,
Thật thiên nan vạn nan,*

- Cửa bất tử rộng mở. (M.I.169)

*Dhammacakkaṃ pavattetaṃ
Gacchāmi kāsinaṃ puraṃ;
Andhībhūtasmiṃ lokasmiṃ
Āhañchaṃ amatadundubhin'ti.*

*Để chuyển bánh xe pháp.
Ta đến thành Kāsī.
Giống lên trống bất tử,
Trong thế giới mù lòa.*

(Trung Bộ Kinh 1, Kinh Thánh Cầu)

- Thái độ của Đức Phật đối với thần thông. (D.11)

Đức Phật đã cảnh cáo Kevaddha – một đệ tử của Ngài – hãy dẹp bỏ yêu cầu cho chư Tăng thi triển thần thông để nêu cao Chánh Pháp và Bạc Đạo Sư, cùng với những nguy hiểm của việc làm như vậy trong việc tiến đến một đời sống cao thượng.

Với tuệ minh sát và trí tuệ siêu phàm của Ngài, Đức Phật đã nói về ba loại thần thông. Chúng là gì?

* **Biến hóa thần thông** : một vị sư có thần thông có thể biến thân của ông ấy thành nhiều thân khác nhau, hoặc có thể bay đến cảnh giới của phạm thiên rồi trở về.

Này Kevaddha, thế nào là biến hóa thần thông? Này kevaddha, ở đời có tỷ-kheo chứng được các thần thông: một thân hiện ra nhiều thân, nhiều thân hiện ra một thân; hiện hình, biến hình đi ngang qua vách, qua tường, qua núi, như đi ngang qua hư không; độn thổ trôi lên, ngang qua đất liền như ở trong nước, đi trên nước không chìm như đi trên đất liền; ngồi kiết-già đi trên hư không như con chim; với hai bàn tay chạm và sờ mặt trời và mặt trăng; những vật có đại oai thần lực, đại oai thần như vậy, có thể tự thân bay đến cõi phạm thiên.

* **Tha tâm thần thông** : một vị sư có tha tâm thần thông có thể đọc được tư tưởng của người khác như đọc một cuốn sách mở rộng. Khi nói đến những hành vi như vậy, cái phản ứng đáng ngờ vực của nó cũng gần giống như loại thần thông đầu tiên, thật đáng buồn cười.

Này Kevaddha, thế nào là tha tâm thần thông? Này kevaddha, ở đời có tỷ-kheo nói lên tâm, nói lên tâm sở, nói lên sự suy tâm nói lên sự suy tư của các loài hữu tình khác, của các người khác: "như vậy là ý của người".

* **Giáo hóa thần thông** : một vị sư có thể hướng dẫn rõ ràng cách thức để làm theo, hầu giải thoát tâm khỏi mọi kiết sử để đạt đến giải thoát. Hiểu biết và tu tập theo tứ diệu đế, thanh lọc nội tâm và thực hành bát chánh đạo.

Này Kevaddha, thế nào là giáo hóa thần thông? Ở đời có tỷ-kheo giáo hóa như sau: "Hãy suy tư như thế này, chớ có suy tư như thế kia; hãy tác ý như thế này, chớ có tác ý như thế kia; hãy trừ bỏ điều này, hãy chứng đạt và an trú điều kia". Này kevaddha, như vậy gọi là giáo hóa thần thông.

Đức Phật đã tán thán loại thần thông này, bởi vì những loại thần thông khác đưa đến sự hiêu kỳ mà chẳng đóng góp được gì để thanh lọc nội tâm.

(Trường Bộ Kinh 1, Kinh Kevaddha)

- Không được tịnh tín vào các vì sao. (Jā.49)

*Nakkhattam paṭimānentam
Attho bālam upaccagā
Attho atthassa nakkhattam
Kim karissanti tārakāti.*

*Chờ đợi các vì sao
Kẻ ngu hổng điều lành,
Điều lành chiếu điều lành,
Sao trời làm được gì?*

(Jātaka 49 – Nakkhatta Jātaka)

1. 5. MỘT CON NGƯỜI THỰC DỤNG.

- Đức Phật chỉ tuyên bố những gì hữu ích cho việc chứng đắc Níp-bàn. (S.V.437)

Một ngày nọ, Đức Phật hốt một nắm lá cây trong nắm tay của Ngài và hỏi các đệ tử của Ngài:

- Các ông nghĩ thế nào, này các tỷ-kheo, cái gì là nhiều hơn, một số ít lá simsapā mà ta nắm lấy trong tay, hay lá trong rừng simsapā?

- Thật là quá ít, bạch Thế Tôn, một ít lá simsapā mà thế tôn nắm lấy trong tay, và thật là quá nhiều lá trong rừng simsapā.

- Cũng vậy, này các tỷ-kheo, thật là quá nhiều, những gì Ta đã thắng tri mà không nói cho các ông! Thật là quá ít những gì mà Ta đã nói ra!

Nhưng tại sao, này các tỷ-kheo, ta lại không nói ra những điều ấy? Vì rằng, này các tỷ-kheo, những điều ấy không liên hệ đến mục đích, không phải là căn bản cho phạm hạnh, không đưa đến yếm ly, ly tham, đoạn diệt, an tịnh, thắng trí, giác ngộ, niết-bàn. Do vậy, ta không nói lên những điều ấy.

*(Tương Ưng Bộ Kinh 5. Tương Ưng Sự Thật.
Phẩm Rừng Simsapā. Phần Simsapā)*

- Đức Phật chỉ nói những gì có ý nghĩa. (M.I.395)

Cũng vậy, này vương tử, lời nói nào Như Lai biết không như thật, không như chân, không tương ứng với mục đích, và lời nói ấy khiến những người khác không ưa, không thích, thời như lai không nói lời nói ấy. Lời nói nào Như Lai biết là như thật, như chân, không tương ứng với mục đích, và lời nói ấy

khiến những người khác không ưa, không thích, thòi như lai không nói lời nói ấy. Và lời nói nào Như Lai biết là như thật, như chân, tương ứng với mục đích, và lời nói ấy khiến những người khác không ưa, không thích, như lai ở đây biết thời giải thích lời nói ấy. Lời nói nào Như Lai biết là không như thật, không như chân, không tương ứng với mục đích, và lời nói ấy khiến những người khác ưa thích, như lai không nói lời nói ấy. Lời nói nào Như Lai biết là như thật, như chân, không tương ứng với mục đích, và lời nói ấy khiến những người khác ưa và thích, như lai không nói lời nói ấy. Và lời nói nào Như Lai biết là như thật, như chân, tương ứng với mục đích, và lời nói ấy khiến những người khác ưa và thích, ở đây, như lai biết thời giải thích lời nói ấy. Vì sao vậy? Đây vương tử, Như Lai có lòng thương tưởng đối với các loài hữu tình.

(Trung Bộ Kinh 2. Kinh Vương Tử Vô Úy)

1. 6. NHỮNG PHẨM HẠNH KHÁC CỦA ĐỨC PHẬT.

- Đức Phật và hoa sen. (Thag.700-701)

*Yathāpi udake jātam
Punḍarīkam pavaddhati
Nopalippati toyena
Sugandham manoramam.*

*Như sen sanh trong nước,
Lớn lên được tăng trưởng,
Không có dính nước ướt,
Thơm ngát, rất khả ái.*

*Tatheva ca loke jāto
Buddho loke viharati
Nopalippati lokena
Toyena padumam yathā.*

*Cũng vậy bậc Chánh Giác,
Sanh và trú ở đời,
Không có dính sự đời,
Như sen không dính nước.*

- Đức Phật chịu đựng sự gièm pha. (Dhp.320)

Lúc ngài bị mắng nhiếc :

*Aham nāgova saṅgāme
Cāpato patitam saram
Ativākyam titikkham
Dussīlo hi bahujjano.*

*Ta như voi giữa trận,
Hứng chịu cung tên rơi,
Chịu đựng mọi phi báng.
Ác giới rất nhiều người.*

- Sự xuất hiện của Đức Phật xóa tan sự tăm tối. (S.V.442)

Cho đến khi nào, này các tỷ-kheo, mặt trăng, mặt trời không hiện ra ở đời, cho đến khi ấy, không có ánh sáng lớn, hào quang lớn hiện hữu. Khi ấy chỉ có đêm tối, chỉ có u ám, không thể phân biệt đêm và ngày, không thể phân biệt tháng và nửa tháng, không thể phân biệt thời tiết hằng năm.

Cho đến khi nào, này các tỷ-kheo, mặt trăng, mặt trời hiện ra ở đời, cho đến khi ấy, có ánh sáng lớn, có hào quang lớn hiện hữu. Khi ấy không có đêm tối, không có u ám. Và có sự phân biệt đêm ngày, có sự phân biệt tháng và nửa tháng, có sự phân biệt thời tiết hằng năm.

Cũng vậy, này các tỷ-kheo, cho đến khi nào Như Lai, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác không hiện ra ở đời, cho đến khi ấy, không có ánh sáng lớn, không có hào quang lớn. Khi ấy chỉ có đêm tối, chỉ có u ám. Cho đến khi ấy, không có sự tuyên bố, không có sự thuyết giảng, không có sự trình bày, không có sự thiết lập, không có sự khai diễn, không có sự phân tích, không có sự hiển thị bốn thánh đế.

Cho đến khi nào, này các tỷ-kheo, Như Lai, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác hiện ra ở đời, cho đến khi ấy, có ánh sáng lớn, có hào quang lớn. Khi ấy không có đêm tối, không có u ám. Cho đến khi ấy, có sự tuyên bố, có sự thuyết giảng, có sự trình bày, có sự thiết lập, có sự khai diễn, có sự phân tích, có sự hiển thị bốn thánh đế.

*(Tương Ưng Bộ Kinh 5. Tương Ưng Sự Thật.
Phẩm Rừng Simsapā. Phần Ví Dụ Mặt Trời 2)*

- Giáo Pháp của Đức Phật chính là Ngài. (S.III.120)

Tỳ kheo Vakkali - đang đau đớn bởi con bệnh ở giai đoạn cuối cùng - đánh lễ Đức Phật :

- Đã từ lâu, bạch Thế Tôn, con muốn đến để được thấy Thế Tôn. Nhưng thân con không đủ sức mạnh để được đến thấy Thế Tôn.

- Thôi vừa rồi, này Vakkali, có gì đáng thấy đối với cái thân hôi hám này. Này Vakkali, ai thấy pháp, người ấy thấy Ta. Ai thấy Ta, người ấy thấy pháp. Này vakkali, đang thấy pháp, là thấy Ta. Đang thấy Ta, là thấy pháp.

(Tương Ưng Bộ Kinh 3. Tương Ưng Uẩn. Phẩm Trưởng Lão. Phần Vakkali)

- Đức Phật là người che chở. (Pmj.22)

“Đức Phật giống như một con người cương nghị luôn che chở khỏi sự sợ hãi. Giáo Pháp giống như sự che chở khỏi sự sợ hãi và chư Tăng giống như những người đã tìm được sự che chở khỏi sự sợ hãi.

Đức Phật như một người an ủi tài giỏi. Giáo Pháp giống như những lời khuyên bảo và chư Tăng như những người đã nhận sự an ủi.

Đức Phật giống như một người ban chân thật. Giáo Pháp giống như lời khuyên hữu ích và chư Tăng giống như những người đã đạt được ý nguyện của mình bởi nghe theo những lời khuyên hữu ích đó.”

- Đức Phật giống như người thầy thuốc. (Pmj.21)

“Đức Phật giống như người thầy thuốc giỏi có thể trị lành mọi chứng bệnh về phiền não.

Giáo Pháp giống như dược phẩm được áp dụng đúng cách và chư Tăng với cách điều trị phiền não của họ, cũng giống như người bệnh được hồi phục sức khỏe nhờ dược phẩm đó.”

- Đức Phật chỉ dạy có một điều. (M.I.140)

Pubbe cāhaṃ bhikkhave, etarahi ca dukkhañceva paññāpemi, dukkhassa ca nirodhaṃ.

Chư Tỷ-kheo, xưa cũng như nay, Ta chỉ nói lên sự khổ và sự diệt khổ.

(Trung Bộ Kinh 1. Kinh Ví Dụ Con Rắn)

- Người được gần Đức Phật. (It.91)

Này các tỷ-kheo, nếu một tỷ-kheo nắm lấy viền áo Tăng-già lê đi theo sau lưng Ta, chân bước theo chân, nhưng vị ấy có tham ái trong các dục, với lòng sắc xảo, với tâm sân hận, ý tư duy nhiễm ác, thất niệm, không tỉnh giác, không định tĩnh, tâm tán loạn, với các căn hoang dại, vị ấy xa hỷ Ta và Ta xa vị ấy. Vì có sao?

Này các tỷ-kheo, tỷ-kheo ấy không thấy pháp. Do không thấy pháp nên không thấy Ta. Này các tỷ-kheo, nếu tỷ-kheo sống xa đến một trăm do-tuần và vị ấy không có tham ái trong các dục, với lòng tham không sắc xảo, tâm không sân hận, ý tư duy không nhiễm ác, chánh niệm tỉnh giác, định tĩnh nhất tâm, các căn được chế ngự, vị ấy gần hỷ Ta và Ta gần vị ấy. Vì có

sao? Đây các tỷ-kheo, tỷ-kheo ấy thấy pháp. Do thấy pháp nên thấy Ta.

(Itivuttaka. Chương 3. Phẩm 5)

- Xa lìa phiền não. (A.II.37)

*Yena devūpapatyassa
Gandhabbo vā vihaṅgamo
Yakkhattaṃ yena gaccheyyaṃ
Manussattañca abbaje
Te mayhaṃ, āsavā khīṇā
Viddhastā vinaḷīkatā.
Puṇḍarīkaṃ yathā vaggu
Toyena nUpālippiati
NUpālippāmi lokaṇa
Tasmā buddhosmi brāhmaṇa.*

*Với lậu hoặc chưa đoạn,
Ta có thể là tiên,
Có thể Càn-thát-bà,
Có thể là loài chim
Hay đi đến Dạ-xoa,
Hay vào trong thai người,
Với Ta lậu hoặc tận,
Bị phá hủy, trừ khử
Như sen trắng tươi đẹp
Không bị nước thấm ướt,
Đời không thấm ướt Ta,
Do vậy Ta được gọi,
Ta là Phật Chánh giác,
Hỡi này Bà-la-môn.*

(Tăng Chi Bộ Kinh 1. Chương Bốn Pháp.

- Lời nói sau cùng của Ngài. (D.II.156)

Này các tỷ kheo, Ta nói cho các ngươi nghe và hãy quán xét thật kỹ lưỡng :

“Handa dāni, bhikkhave, āmantayāmi vo, vayadhammā saṅkhārā appamādena sampādettha”

"Các pháp hữu vi là vô thường, hãy tinh tấn, chớ có phóng dật"

(Trường Bộ Kinh 1, Kinh Đại Bát Níp-Bàn)

- Quy y Phật. (S.I.49)

*Namo te buddha vīratthu
Vippamuttosi sabbadhi
Sambādhapaṭipannosmi
Tassa me saraṇaṃ bhava.*

*Đảnh lễ đáng Giác Ngộ,
Bậc anh hùng muôn thuở,
Ngài là bậc giải thoát,
Thoát ly thật viên mãn,
Còn con bị trói buộc,
Hãy cho con quy ngưỡng.*

*(Tương Ưng Bộ Kinh 1. Tương Ưng Thiên Tử.
Phẩm Thứ Nhất. Phần Candima)*

- Sự quy y và tránh xa địa ngục. (D.II.252)

*Yekeci buddhaṃ saraṇaṃ gatāse
na te gamissantī apāyabhūmiṃ;*

*Pahāya mānusaṃ dehaṃ
devakāyaṃ paripūressanti.*

*Những ai quy y Phật
Sẽ không đi đọa xứ,
Từ bỏ thân làm người
Sẽ tràn đầy thiên giới.
(Trường Bộ Kinh 2. Kinh Đại Hội)*

- Lời dạy của Ngài là thầy của chúng ta. (D.II.154)

Này Ānanda, nếu trong các người có người nghĩ rằng: "lời nói của Bậc Đạo Sư không còn nữa. Chúng ta không có Đạo sư (giáo chủ)". Này Ānanda, chớ có những tư tưởng như vậy. Này Ānanda, pháp và luật, Ta đã giảng dạy và trình bày, sau khi Ta diệt độ, chính pháp và luật ấy sẽ là Đạo sư của các người.

“Yo vo, ānanda, mayā dhammo ca vinayo ca desito paññatto, so vo mamaccayena satthā”.

(Trường Bộ Kinh 1, Kinh Đại Bát Níp-Bàn)

- Điều cốt yếu trong lời dạy của Chư Phật. (Dhp.183-185)

*Sabbapāpassa akaraṇaṃ
Kusalassa upasampadā
Sacittapariyodapanaṃ
Etaṃ buddhāna sāsanaṃ.*

*Không làm mọi điều ác
Thành tựu các hạnh lành
Tâm ý giữ trong sạch
Chính lời chư Phật dạy.*

*Khantī paramaṃ tapo titikkhā
Nibbānaṃ paramaṃ vadanti buddhā
Na hi pabbajito parūpaghātī
Na samaṇo hoti paraṃ viheṭṭhayanto.*

*Chư phật thường giảng dạy
Nhẫn, khổ hạnh tối thượng
Niết bàn, quả tối thượng
Xuất gia không phá người
Sa môn không hại người.*

*Anūpavādo anūpaghāto
Pātimokkhe ca saṃvaro
Mattaññutā ca bhattasmiṃ
Pantañca sayanāsaṇaṃ
Adhicitte ca āyogo
Etaṃ buddhāna sāsanaṃ.*

*Không phỉ báng, phá hoại
Hộ trì giới căn bản
Ăn uống có tiết độ
Sàng tọa chỗ nhàn tịnh
Chuyên chú tăng thượng tâm,
Chính lời chư Phật dạy.*

- Thỉnh cầu Đức Phật thuyết pháp. (Vin.M.V.S.VI)

Sau khi chứng đắc sự giác ngộ cao thượng. Đức Phật quán xét thế gian và thấy rằng tâm của chúng sanh bị lầm lạc bởi những khái niệm và niềm tin sai lạc. Ngài biết rằng tâm của họ không thể nào phát triển để hiểu được Giáo Pháp cao cả và thâm sâu của Ngài.

Khi ấy, Phạm thiên Sahampati xuất hiện và thỉnh cầu Ngài thuyết giảng Giáo Pháp :

*Pāturahosi magadhesu pubbe
Dhammo asuddho samalehi cintito
Apāpuretaṃ amatassa dvāraṃ
Sunaṃtu dhammaṃ vimalenānubuddhaṃ.*

*Đã xuất hiện trước đây
Trong xứ Ma kiệt đà
Pháp không được thanh tịnh
Đã được suy nghiệm ra
Bởi những người ô nhiễm.
Cửa bất tử mở ra
Hãy lắng nghe Giáo Pháp
Bậc Vô Nhiễm chứng ngộ.*

*Sele yathā pabbatamuddhaniṭṭhito
Yathāpi passe janataṃ samantato
Tathūpamaṃ dhammamayaṃ sumedha
Pāsādamāruyha samantacakkhu
Sokāvatiṇṇaṃ janatamapetasoko
Avekkhassu jātijarābhībhūtaṃ.*

*Như người đứng ở trên
Đỉnh đầu hòn núi đá
Nhìn quanh xem nhân loại,
Cũng thế hồi bậc trí,
Hãy bước lên lầu đài
Được xây bằng giáo pháp.*

*Hồi bậc thông hiểu rộng,
Vị thoát khỏi buồn đau
Nhìn xuống xem nhân loại
Đắm chìm trong sầu khổ,
Bị sanh, già hành hạ.*

*Uṭṭhehi vīra vijitasāṅgāma
Satthavāha aṇaṇa vicara loke
Desassu bhagavā dhammaṃ
Aññātāro bhavissanti.*

*Hồi người thắng chiến trận,
Người hùng, hãy đứng lên,
Người hướng dẫn đoàn xe
Không bị vướng nợ nần,
Hãy đi khắp thế gian*

- Thái độ của Đức Phật đối với việc cải đạo. (M.I.379)

Nhân dịp Upāli - một đệ tử của nhóm ngoại đạo Nigantha - đến gặp Đức Phật và rất hài lòng về lời dạy pháp của Ngài, ông ta lập tức bày tỏ sự ao ước được trở thành đệ tử của đức phật, nhưng ngài đã cảnh báo ông rằng :

“Này cư sĩ kia, hãy suy nghĩ cho kỹ trước đã, một người biết phân biệt như ngươi, ta khuyên ngươi nên suy nghĩ cho thật chính chắn.”

Upāli quá đổi hoan hỷ trước sự nhắc nhở quá bất ngờ của Đức Phật nên nói :

“Kính bạch Đức Thế Tôn, nếu như con xin được làm đệ tử của một tôn giáo khác thì họ sẽ đưa con đi tuần hành và tuyên bố rằng có một nhà triệu phú giàu có như vậy và như vậy đã từ bỏ đạo của ông ta trước đây để quay về với đạo của họ.

Nhưng, bạch Thế Tôn, Ngài lại khuyên con nên suy nghĩ lại cho thật kỹ, điều đó làm cho con vô cùng hoan hỷ.”

Rồi ông ta lặp lại thể thức :

“Con xin thành kính quy y Đức Phật, quy y Pháp, quy y Tăng.”

(Trung Bộ Kinh 2, Kinh Upāli)

- Đức Phật hoằng pháp. (S.I.105-106)

Vì lòng từ ái đối với mọi người, Đức Phật đã lên đường hoằng pháp sau khi Ngài giác ngộ và đã dạy các đệ tử của Ngài cũng làm như vậy.

Đức Phật gọi chư Tăng lại và dạy :

Này các tỷ-kheo, Ta đã được giải thoát khỏi tất cả bảy sập ở thiên giới và nhân giới. Này các tỷ-kheo, các ông cũng được giải thoát khỏi tất cả bảy sập ở thiên giới và nhân giới. Này các tỷ-kheo, hãy du hành vì hạnh phúc cho quần chúng, vì an lạc cho quần chúng, vì lòng thương tưởng cho đời, vì lợi ích, vì hạnh phúc, vì an lạc cho chư thiên và loài người. Chớ có đi hai người một chỗ. Này các tỷ-kheo, hãy thuyết pháp sơ thiện, trung thiện, hậu thiện, có nghĩa, có văn. Hãy tuyên thuyết phạm hạnh hoàn toàn viên mãn thanh tịnh. Có các chúng sanh sanh ra ít nhiễm bụi đời, nếu không được nghe pháp sẽ đi đến hoại diệt. Họ sẽ trở thành những vị thâm hiểu chánh pháp.

*(Tương Ưng Bộ Kinh 1. Tương Ưng Ác Ma.
Phẩm Thứ Nhất. Phần Bảy Sập)*

1. 7. TRÍ TUỆ SIÊU PHẨM CỦA ĐỨC PHẬT.

- Minh Hạnh Túc – Vijjācaranasampanno. (M.I.22-23)

Đức Phật có đầy đủ tuệ giác (*vijjā*) và phẩm hạnh (*carana*), vì thế Ngài được gọi là bậc Minh Hạnh Túc (*vijjācaranasampanno*).

Vijjā có nghĩa là phá vỡ sự vô minh. Đây là một trong chín ân đức thù thắng của Đức Phật.

Tám tuệ giác – *vijjā* được diễn tả trong Kinh *Ambalatthika* như sau :

Tuệ quán minh – *Vipassanāñāṇa*.

Ý hóa minh – *Manomayiddhiñāṇa*.

Biến hóa minh – *Iddhividhañāṇa*.

Thiên nhãn minh – *Dibbacakkhuñāṇa*.

Thiên nhĩ minh – *Dibbasotañāṇa*.

Tha tâm minh – *Cetopariyañāṇa*.

Túc mạng minh – *Pubbenivāsānussatiñāṇa*.

Lậu tận minh – *Āsavakkhayañāṇa*.

Phẩm hạnh (*carana*) - gồm mười lăm phẩm hạnh, đó là :

Đầy đủ giới hạnh – *Sīlasampadā*.

Thu thu các căn – *Indriyaṣaṃvara*.

Tiết độ ẩm thực – *Bhojanamattaññutā*.

Luôn luôn tỉnh thức – *Jagariyānuyogo*.

Có đức tin – *Saddho*.
Hỗ thẹn tội lỗi – *Hirimā*.
Ghê sợ tội lỗi – *Ottappī*.
Có sự học hỏi nhiều – *Bahussuto*.
Có sự tinh tấn – *Āraddhaviriyo*.
Luôn luôn chánh niệm – *Upaṭṭhitasati*.
Có đủ trí tuệ – *Paññavā*.
Đắc sơ thiền – *Paṭhamajjhāna*.
Đắc nhị thiền – *Dutiyaajjhāna*.
Đắc tam thiền – *Tatiyaajjhāna*.
Đắc tứ thiền – *Catutthajjhāna*.

- Sự chứng đắc tam minh.

Túc mạng minh – *Pubbenivāsānussati ñāṇa*.

Khi Đức Phật đang thiền định dưới cội bồ đề trong canh đầu, Ngài đã phát triển trí tuệ có thể thấy được các kiếp quá khứ của Ngài.

Sanh tử minh – *Catūpapāta ñāṇa*.

Vào canh giữa của đêm, Ngài đắc được sanh tử minh. Đó là tuệ giác biết được sự sanh tử luân hồi của chúng sanh.

Lậu tận minh – *Āsavakkhaya ñāṇa*.

Vào canh cuối của đêm, Ngài phát triển trí tuệ với chú tâm tận diệt mọi cấu uế của tâm và hiểu biết được mọi sự vật như thật và đã chứng đắc Chánh Đẳng Chánh Giác (*sammāsambodhi*).

**- Sáu tuệ giác vô song và nhất thiết chủng trí của Đức Phật -
Asādhāraṇāñāṇa. (Pmj.21)**

Tuệ giác thu thúc lục căn – *Indriya paro pariyatti ñāṇa*.

Lục căn của Đức Phật rất thanh tịnh (được giải thoát mọi cấu uế), luôn hướng về năm đức hạnh : niềm tin, chánh niệm, định, tinh tấn và tuệ.

Sự quán tưởng của Đức Phật về những đức hạnh này làm cho Ngài có thể thấy được sự thanh tịnh và bất tịnh ở tâm của người khác, để ngài thuyết giảng Giáo Pháp đem đến sự lợi ích cho họ.

Tha tâm minh – *Āsayānusaya ñāṇa*.

Trước khi thuyết pháp, Đức Phật dùng nhất thiết chủng trí để hiểu biết và phân tích thái độ tâm linh của chúng sanh.

Khả năng hiểu biết căn tánh, chương ngại và sự phát triển theo khả năng của họ, hay nói cách khác là sự hiểu biết về Giáo Pháp cùng bản tánh và thói quen của họ đã lưu lại từ những tiền kiếp trong vòng sanh tử luân hồi.

Phép song thông – *Yamaka pātihāriya ñāṇa*.

Đức Phật có phép thuật vô song, Ngài có thể thi triển hai thần thông cùng một lúc, hai tia sáng đỏ và trắng phát ra từ thân của Ngài (thường được giải thích là lửa và nước). Ít khi Đức Phật sử dụng loại thần thông này. Ngài chỉ thi triển chúng để thay đổi tri kiến của những người quá sai lầm, tự kiêu và đầy rẫy sự hoài nghi.

Đức Phật thường không dùng đến thần thông để cải đạo những người ngoài tôn giáo. Đức Phật cực lực phản bác đệ tử của Ngài thi triển thần thông nhằm chứng minh sự cao quý Giáo Pháp của Ngài.

Tâm từ vô lượng – *Mahā karuṇā samāpatti ñāṇa*.

Đức Phật có tâm từ bi vô lượng muốn giải thoát mọi khổ đau cho người khác. Tình thương yêu của Ngài vô bờ bến (bao trùm khắp vũ trụ) mà bất kỳ bậc Đạo Sư nào khác cũng không thể so sánh được.

Toàn giác trí – *Sabbaññuta ñāṇa*.

Đức Phật biết được tất cả, không có cái gì trong vũ trụ này mà Ngài không hiểu biết, cho dù ở quá khứ, hiện tại hay ở vị lai.

Vô ngại trí – *Anāvaraṇa ñāṇa*.

Tâm giác ngộ của Đức Phật luôn chói sáng, thật thanh tịnh và thâm sâu để nhận biết được bản chất thật sự của mọi vật trong vũ trụ.

- Mười tuệ giác siêu thế của Đức Phật – *dasa bala*. (M.I.68-71)

Tuệ giác hay năng lực biết được cái gì có thể và cái gì không có thể. Tuệ giác biết được bằng cách nào mọi vật hiện hữu, nguyên nhân của chúng và chúng diệt như thế nào.

Tuệ giác thấy được sự vận hành bên trong của mạng lưới nghiệp lực, ảnh hưởng và kết quả của chúng. Bằng cách nào một nghiệp lực đưa đến quả khổ không thể tránh được hoặc có thể tránh được hay đưa đến một quả trái ngược hoặc giảm bớt quả của nghiệp tùy theo sự hỷ tương và sức mạnh của ba gốc độc hại là tham (*lobha*), sân hận (*dosa*) và si mê (*moha*) hay với ba đức hạnh trái ngược lại là vô tham (*alobha*), tâm từ (*adosa*) và chánh kiến (*amoha*). Tuệ giác hiểu biết được một số điều kiện nào đó ở thế gian làm ngăn trở hay thích hợp cho sự vận hành của nghiệp lực, dẫn đến hậu quả tốt hoặc xấu.

Tuệ giác hiểu biết được bằng cách nào một hành động tạo nghiệp đặc biệt được thực hiện chẳng hạn như : sát sanh (*pānātipāta*) hay bố thí (*dāna*). Điều kiện tái sanh tùy thuộc vào tác ý (*cetanā*) của mỗi người khi khởi tâm tạo ra hành động đặc biệt đó.

Tuệ giác biết được bằng cách nào mà mọi vật có được sinh khí, sự vô hồn và sự tồn tại của các hệ thống trong thế gian đều tùy thuộc vào sự kết hợp hài hòa của năm nhóm tập hợp và bốn phần tử có tính chất đông cứng (đất), lỏng (nước), chuyển động (gió) và nóng (lửa).

Tuệ giác biết được bằng cách nào mà chúng sanh vẫn duy trì những cá tánh khác nhau, ưa thích và không ưa thích như một dòng chảy liên tục từ thói quen và khuynh hướng tâm linh của họ của những tiền kiếp trong vòng sanh tử luân hồi.

Tuệ giác biết được cách thuyết giảng mang đến hiệu quả tùy theo khả năng hiểu biết của thính chúng, thường đưa đến sự chứng ngộ ngay lập tức.

Tuệ giác biết chỉ định đề mục hành thiền hợp lý tùy theo cấu uế nội tâm khác nhau hoặc những chương ngại xuất hiện trong tâm của hành giả ngay giây phút đạt đến nhập định (*jhāna*).

Tuệ giác siêu thế để nhớ lại những kiếp sống trong quá khứ của Ngài và của chúng sanh.

Tuệ giác hiểu biết được sự tái sanh của mỗi chúng sanh xảy ra tùy theo nghiệp của họ như thế nào.

Tuệ giác biết được bằng cách nào mà ngài đạt được sự phát triển tâm linh của Ngài, sự thanh lọc nội tâm cùng sự chứng đắc giác ngộ bằng một chuỗi đoạn tận mọi lậu hoặc trong tâm và chỉ phát triển những phẩm hạnh.

Qua phương pháp loại suy, nhất thiết chủng trí của Đức Phật, khi đem so sánh với những vị lãnh đạo tinh thần khác cũng giống như đem ánh sáng của mặt trời đặt trước ánh sáng của mặt trăng, ánh sáng các vì sao và ánh sáng của ngọn đèn dầu. Sự rực rỡ của ánh mặt trời làm cho mọi vật đều có thể thấy được nó bao trùm tất cả và tỏa sáng.

(Trung Bộ Kinh 1. Đại Kinh Sư Tử Hống)

- Trí tuệ bất diệt với thời gian. (M.I.83)

Có một số sa-môn, bà-la-môn có những chủ thuyết như sau, có những kiến giải như sau: "khi một thiếu niên còn trẻ tuổi, tóc đen nhánh, huyết khí sung mãn, trong tuổi thanh xuân, người ấy thành tựu trí tuệ biện tài tối thượng. Nhưng khi người ấy già cả, niên cao, lap lón, đã đến tuổi trưởng thượng, đã đi đến đoạn cuối cuộc đời, khi đã tám mươi, chín mươi hay một trăm tuổi, khi ấy trí tuệ biện tài tối thượng ấy bị đoạn trừ".

"Này Sāriputta, chớ có quan niệm như vậy. Này Sāriputta, nay ta đã già, niên cao, lap lón, đã đến tuổi trưởng thượng, đã đi đến đoạn cuối cuộc đời, tuổi ta nay đã đến tám mươi. Này Sāriputta, ở đây ta có bốn vị đệ tử, tuổi thọ đến một trăm, đã sống một trăm tuổi, thành tựu chánh niệm đệ nhất, thành tựu chuyên tâm đệ nhất, thành tựu tinh cần đệ nhất và đầy đủ trí tuệ biện tài tối thượng. Này Sāriputta, ví như một người bắn cung thiện xảo, có huấn luyện, khéo tay, thuần thục, với một mũi tên nhẹ, có thể dễ dàng bắn ngang qua bóng một cây ta-la. Cũng vậy, những vị này với chánh niệm đệ nhất như vậy, được thành tựu trí tuệ biện tài tối thượng như vậy, nếu những vị này hỏi ta nhiều lần một câu hỏi về bốn niệm xứ, và nếu ta, được hỏi nhiều lần như vậy, phải giải thích cho họ hiểu và nếu họ được ta giải thích như vậy, có thể hiểu như đã giải thích, và nếu họ không hỏi ta về những vấn đề phụ thuộc và các

vấn đề khác, trừ khi ăn, uống, nhai, nằm, trừ khi đi đại tiện, tiểu tiện, trừ khi ngủ để lấy lại sức. Nay Sāriputta, dầu vậy, sự thuyết pháp của như lai cũng chưa hoàn tất, sự giải thích cú pháp của như lai cũng chưa hoàn tất, sự trả lời các câu hỏi của như lai cũng chưa hoàn tất, khi mà bốn đệ tử của ta, tuổi thọ đến một trăm tuổi, đã sống một trăm tuổi, đã từ trần sau một trăm tuổi. Nay sariputta, nếu ông có gánh ta trên giường đi chỗ này chỗ kia, thật sự trí tuệ biện tài của như lai không có gì thay đổi.”

(Trung Bộ Kinh 1. Đại Kinh Sư Tử Hống)

CHƯƠNG 2

GIÁO PHÁP CAO THƯỢNG

2. 1. GIÁO PHÁP ĐỘC NHẤT.

- Giáo Pháp thật thâm sâu và khó hiểu. (M.I.167-168)

Này các Tỷ-kheo, rồi Ta suy nghĩ như sau: "Pháp này do Ta chứng được, thật là sâu kín, khó thấy, khó chứng, tịch tịnh, cao thượng, siêu lý luận, vi diệu, chỉ người trí mới hiểu thấu. Còn quần chúng này thì ưa ái dục, khoái ái dục, ham thích ái dục. Đối với quần chúng ưa ái dục, khoái ái dục, ham thích ái dục, thật khó mà thấy được định lý Idapaccāyata Paṭiccasamuppāda (Y Tánh Duyên Khởi Pháp); sự kiện này thật khó thấy; tức là sự tịch chỉ tất cả hành, sự trừ bỏ tất cả sanh y, ái diệt, ly tham, đoạn diệt, Niết-bàn. Nếu nay Ta thuyết pháp mà các người khác không hiểu Ta, thời như vậy thật khổ não cho Ta, như vậy thật bức mình cho Ta!" Này các Tỷ-kheo, rồi những kẻ bất khả tư nghĩ, từ trước chưa từng được nghe, được khởi lên nơi Ta:

*Kicchena me adhigatam
Halam dāni pakāsitaṃ
Rāgadosaparetehi
Nāyaṃ dhammo susambudho.*

Sao Ta nói Chánh pháp,
Được chứng ngộ khó khăn?
Những ai còn tham sân,
Khó chứng ngộ pháp này.

*Paṭisotagāmiṃ nipuṇaṃ
Gambhīraṃ duddasaṃ aṇuṃ
Rāgarattā na dakkhanti
Tamokhandhena āvuṭa.*

*Đi ngược dòng, thâm diệu,
Khó thấy, thật tế nhị,
Kẻ ái nhiễm vô minh,
Không thấy được pháp này.*

(Trung Bộ Kinh 1. Kinh Thánh Cầu)

- Giáo Pháp dành cho những ai muốn tầm cầu và thực chứng. (D.II.94)

*"Svākkhāto bhagavatā dhammo sandiṭṭhiko akāliko
ehi-passiko opaneyyiko paccattaṃ veditaṃ viññūhī'ti*

*"Chánh pháp được Thế Tôn khéo giảng dạy, thiết thực,
vượt ngoài thời gian chỉ phối, đến để mà thấy, có khả năng giải
thoát, được kẻ trí tự mình thâm hiểu".*

(Trường Bộ Kinh 1. Kinh Đại Bát Níp-Bàn)

- Giáo Pháp làm giảm sự thèm khát của bạn. (Miln.335)

*Dhammosadhaṃ pivitvāna
Ajarāmaṇā siyuma;
Bhāvayitvā ca passitvā
Nibbutā upadhi-kkhaye.*

Uống được pháp được này
Bạn trở nên bất tử
Ngoài lưới hái tử thần
Thấy, phát triển chân lý
Bạn giảm được ái tham.

- Lấy Giáo Pháp làm của riêng bạn. (D.II.100)

Đức Phật giải thích cho Ngài Ānanda nghe :

Này Ānanda, thế nào là vị Tỷ-kheo hãy tự mình là ngọn đèn cho chính mình, tự mình nương tựa chính mình, không nương tựa một gì khác, dùng Chánh pháp làm ngọn đèn, dùng Chánh pháp làm chỗ nương tựa, không nương tựa một gì khác?

Này Ānanda, ở đời, vị Tỷ-kheo, đối với thân quán thân, tinh tấn, tỉnh giác, chánh niệm, nhiếp phục mọi tham ái, ưu bi trên đời; đối với các cảm thọ... đối với tâm... đối với các pháp, quán pháp, tinh tấn, tỉnh giác, chánh niệm, nhiếp phục mọi tham ái, ưu bi trên đời. Này Ānanda, như vậy vị Tỷ-kheo tự mình là ngọn đèn cho chính mình, tự mình nương tựa chính mình, không nương tựa một gì khác, dùng Chánh pháp làm ngọn đèn, dùng Chánh pháp làm chỗ nương tựa, không nương tựa một gì khác.

(Trường Bộ Kinh 2. Kinh Đại Bát Níp-Bàn)

- Sự rộng mở của Đức Phật. (A.I.282)

Này các Tỷ-kheo, có ba pháp này được che giấu khi thực hành, không có hiển lộ. Thế nào là ba?

Sở hành của nữ nhân, này các Tỷ-kheo, được che dấu khi thực hành, không có hiển lộ. Chủ thuật của Bà-la-môn, này các Tỷ-kheo, được che dấu khi thực hành, không có hiển lộ. Tà kiến, này các Tỷ-kheo, được che dấu khi thực hành, không có hiển lộ. Ba pháp này, này các Tỷ-kheo, được che giấu khi thực hành, không có hiển lộ.

Này các Tỷ-kheo, ba pháp này chói sáng, được hiển lộ, không có che giấu. Vành tròn của mặt trăng, này các Tỷ-kheo, chói sáng, được hiển lộ, không có che giấu. Vành tròn của mặt

trời, này các Tỷ-kheo, chói sáng, được hiển lộ, không có che giấu. Pháp và Luật được Thế Tôn tuyên thuyết, này các Tỷ-kheo, chói sáng, được hiển lộ, không có che giấu. Ba pháp này chói sáng, được hiển lộ, không có che giấu.

*(Tăng Chi Bộ Kinh 1. Chương Ba Pháp.
Phẩm Kusināra. Phần Che Giấu)*

- Một Giáo Pháp không bí truyền. (D.II.100)

Này Ānanda, chúng Tỷ-kheo còn mong mỏi gì nữa ở Ta! Này Ānanda, Ta đã giảng Chánh pháp, không có phân biệt trong ngoài (mật giáo và không phải mật giáo), vì này Ānanda, đối với các Pháp, Như Lai không bao giờ là vị Đạo sư còn nắm tay (còn giữ lại một ít mật giáo chưa giảng dạy). Này Ānanda, những ai nghĩ rằng: "Như Lai là vị cầm đầu chúng Tỷ-kheo"; hay "chúng Tỷ-kheo chịu sự giáo huấn của Như Lai" thời này Ānanda, người ấy sẽ có lời di giáo cho chúng Tỷ-kheo. Này Ānanda, Như Lai không nghĩ rằng: "Ta là vị cầm đầu chúng Tỷ-kheo; hay "chúng Tỷ-kheo chịu sự giáo huấn của Ta" thời này Ānanda, làm sao Như Lai lại có lời di giáo cho chúng Tỷ-kheo?

(Trường Bộ Kinh 2. Kinh Đại Bát Níp-Bàn)

- Món quà cao quý nhất và sự an lạc. (Dhp.354)

*Sabbadānaṃ dhammadānaṃ jināti
Sabbarasaṃ dhammaraso jināti
Sabbaratiṃ dhammarati jināti
Taṇhakkhaya sabbadukkhaṃ jināti.*

*Pháp thí, thắng mọi thí!
Pháp vị, thắng mọi vị!*

*Pháp hỷ, thắng mọi hỷ!
Ái diệt, thắng mọi khổ!*

**- Tất cả tôn giáo khác có dạy giáo pháp giống vậy không?
(D.II.282)**

Thiên chủ Sakka bạch hỏi Đức Phật :

- Bạch Thế Tôn, có phải tất cả vị Sa Môn, Bà La Môn đều đồng một tư tưởng, đồng một giới hạnh, đồng một mong cầu, đồng một chí hướng?

- Nay Thiên chủ, tất cả Sa Môn, Bà La Môn không đồng một tư tưởng, không đồng một giới hạnh, không đồng một mong cầu, không đồng một chí hướng!

- Bạch Thế Tôn, vì sao cả Sa Môn, Bà La Môn không đồng một giới hạnh, không đồng một mong cầu, không đồng một chí hướng?

- Nay Thiên chủ, thế giới này gồm có nhiều loại giới, nhiều giới sai biệt. Trong thế giới gồm có nhiều loại giới và nhiều giới sai biệt này, các loại hữu tình tự nhiên thiên chấp một loại giới nào, và khi đã thiên chấp, trở thành Kiên trì, cố thủ, với định kiến: "Đây là sự thật, ngoài ra toàn là si mê". Do vậy, tất cả Sa Môn, Bà La Môn không đồng một tư tưởng, không đồng một giới hạnh, không đồng một cứu cánh, không đồng một mong cầu, không đồng một chí hướng.

- Bạch Thế Tôn, có phải tất cả vị Sa Môn, Bà La Môn đều đồng một cứu cánh, đồng một an ổn, đồng một phạm hạnh, đồng một mục đích?

- Nay Thiên chủ, tất cả vị Sa Môn, Bà La Môn không đồng một cứu cánh, không đồng một an ổn, không đồng một phạm hạnh, không đồng một mục đích.

Bạch Thế Tôn, vì sao tất cả Sa môn, Bà la môn, không đồng một cứu cánh, không đồng một an ổn, không đồng một phạm hạnh, không đồng một mục đích?

- Nay Thiên chủ, chỉ những vị Sa môn Bà la môn nào đã giải thoát tham ái, những vị ấy mới đồng một cứu cánh, đồng một an ổn, đồng một phạm hạnh, đồng một mục đích. Do vậy, tất cả vị Sa môn, Bà la môn không đồng một cứu cánh, không đồng một an ổn, không đồng một phạm hạnh, không đồng một mục đích.

(Trường Bộ Kinh 2. Kinh Đế Thích Sở Vấn).

- Tứ diệu đế (S.V.420)

Bốn sự thật tuyệt đối của Giáo Pháp gồm có :

➤ Khổ Đế - Dukkhasacca. Một chân lý chắc thật đầu tiên nói về sự bất toại nguyện hay những nỗi đau khổ của thế gian.

Idam kho pana, bhikkhave, dukkham ariyasaccam – jātipi dukkhā, jarāpi dukkhā, byādhipi dukkho, maraṇampi dukkham, appiyehi sampayogo dukkho, piyehi vippayogo dukkho, yampiccham na labhati tampi dukkham – saṃkhittena pañcupādānakkhandhā dukkhā.

Đây là Thánh đế về Khổ, này các Tỷ-kheo. Sinh là khổ, già là khổ, bệnh là khổ, chết là khổ, sầu, bi, khổ, ưu, não là khổ, oán gặp nhau là khổ, ái biệt ly là khổ, cầu không được là khổ. Tóm lại, năm thủ uẩn là khổ.

➤ Tập Đế - Samudayasacca. Một chân lý chắc thật thứ hai nói về nguyên nhân của sự bất toại nguyện hay đau khổ này và lý do vì đâu mà có những đau khổ này.

Idam kho pana, bhikkhave, dukkhasamudayam ariyasaccam – yāyam taṇhā ponobbhavikā nandirāgasahagatā

tatratatrābhinandinī, seyyathidaṃ – kāmataṇhā, bhavataṇhā, vibhavataṇhā.

Đây là Thánh đế về Khổ tập, này các Tỷ-kheo, chính là ái này đưa đến tái sanh, cấu hữu với hỷ và tham, tìm cầu hỷ lạc chỗ này chỗ kia. Tức là dục ái, hữu ái, phi hữu ái.

➤ Diệt Đế - Nirodhasacca. Một chân lý chắc thật thứ ba nói về sự diệt trừ của những bất toại nguyện hay đau khổ này và những quả vị an lành, tốt đẹp mà chúng sinh đạt được khi diệt trừ được những nỗi thống khổ này.

Idaṃ kho pana, bhikkhave, dukkhanirodhaṃ ariyasaccaṃ – yo tassāyeva taṇhāya asesavirāgaṇirodho cāgo paṭinissaggo mutti anālayo.

Đây là Thánh đế về Khổ diệt, này các Tỷ-kheo, chính là ly tham, đoạn diệt, không có dư tàn khát ái ấy, sự quăng bỏ, từ bỏ, giải thoát, không có chấp trước.

➤ Đạo Đế - Maggasacca. Một chân lý chắc thật thứ tư nói về những đạo lộ đưa đến sự diệt trừ những đau khổ này.

Idaṃ kho pana, bhikkhave, dukkhanirodhagāminī paṭipadā ariyasaccaṃ – ayameva ariyo aṭṭhaṅgiko maggo, seyyathidaṃ – sammādiṭṭhi sammāsaṅkappo sammāvācā sammākammanto sammājīvo sammāvāyāmo sammāsati sammāsamādhī.

Đây là Thánh đế về Con Đường đưa đến Khổ diệt, này các Tỷ-kheo, chính là con đường Thánh đạo Tám ngành, tức là chánh tri kiến, chánh tư duy, chánh ngữ, chánh nghiệp, chánh mạng, chánh tinh tấn, chánh niệm, chánh định.

(Tương Ưng Bộ Kinh 5. Tương Ưng Sự Thật.

Phẩm Chuyển Pháp Luân. Phần Như Lai Thuyết)

- Khổ đế là gì?

Đây là Thánh đế về Khổ, này các Tỷ-kheo. Sanh là khổ, già là khổ, bệnh là khổ, chết là khổ, sầu, bi, khổ, ưu, não là khổ, oán gặp nhau là khổ, ái biệt ly là khổ, cầu không được là khổ. Tóm lại, năm thủ uẩn là khổ.

Đây là Thánh đế về Khổ, này các Tỷ-kheo, đối với các pháp từ trước Ta chưa từng được nghe, nhãn sanh, trí sanh, tuệ sanh, minh sanh, quang sanh.

Đây là Thánh đế về Khổ cần phải liễu tri, này các Tỷ-kheo, đối với các pháp, từ trước Ta chưa từng nghe, nhãn sanh, trí sanh, tuệ sanh, minh sanh, quang sanh.

Đây là Thánh đế về Khổ đã được liễu tri, này các Tỷ-kheo, đối với các pháp từ trước Ta chưa từng được nghe, nhãn sanh, trí sanh, tuệ sanh, minh sanh, quang sanh.

- Tập đế là gì?

Đây là Thánh đế về Khổ tập, này các Tỷ-kheo, chính là ái này đưa đến tái sanh, cấu hữu với hỷ và tham, tìm cầu hỷ lạc chỗ này chỗ kia. Tức là dục ái, hữu ái, phi hữu ái.

Đây là Thánh đế về Khổ tập, này các Tỷ-kheo, đối với các pháp từ trước Ta chưa từng được nghe, nhãn sanh, trí sanh, tuệ sanh, minh sanh, quang sanh.

Đây là Thánh đế về Khổ tập cần phải đoạn tận, này các Tỷ-kheo, đối với các pháp từ trước Ta chưa từng được nghe, nhãn sanh, trí sanh, tuệ sanh, minh sanh, quang sanh.

Đây là Thánh đế về Khổ tập đã được đoạn tận, này các Tỷ-kheo, đối với các pháp từ trước Ta chưa từng được nghe, nhãn sanh, trí sanh, tuệ sanh, minh sanh, quang sanh.

- Diệt đế là gì?

Đây là Thánh đế về Khổ diệt, này các Tỷ-kheo, chính là ly tham, đoạn diệt, không có dư tàn khát ái ấy, sự quăng bỏ, từ bỏ, giải thoát, không có chấp trước.

Đây là Thánh đế về Khổ diệt, này các Tỷ-kheo, đối với các pháp từ trước Ta chưa từng được nghe, nhãn sanh, trí sanh, tuệ sanh, minh sanh, quang sanh.

Đây là Thánh đế về Khổ diệt cần phải chứng ngộ, này các Tỷ-kheo, đối với các pháp từ trước Ta chưa từng được nghe, nhãn sanh, trí sanh, tuệ sanh, minh sanh, quang sanh.

Đây là Thánh đế về Khổ diệt đã được chứng ngộ, này các Tỷ-kheo, đối với các pháp từ trước Ta chưa từng được nghe, nhãn sanh, trí sanh, tuệ sanh, minh sanh, quang sanh.

- Đạo đế là gì?

Đây là Thánh đế về Con Đường đưa đến Khổ diệt, này các Tỷ-kheo, chính là con đường Thánh đạo Tám ngành, tức là chánh tri kiến, chánh tư duy, chánh ngữ, chánh nghiệp, chánh mạng, chánh tinh tấn, chánh niệm, chánh định.

Đây là Thánh đế về Con Đường đưa đến khổ diệt, này các Tỷ-kheo, đối với các pháp từ trước Ta chưa từng được nghe, nhãn sanh, trí sanh, tuệ sanh, minh sanh, quang sanh.

Đây là Thánh đế về Con Đường đưa đến Khổ diệt cần phải tu tập, này các Tỷ-kheo, đối với các pháp từ trước Ta chưa từng được nghe, nhãn sanh, trí sanh, tuệ sanh, minh sanh, quang sanh.

Đây là Thánh đế về Con Đường đưa đến Khổ diệt đã được tu tập, này các Tỷ-kheo, đối với các pháp từ trước Ta chưa từng được nghe, nhãn sanh, trí sanh, tuệ sanh, minh sanh, quang sanh.

- Bát Chánh Đạo. (M.I.301)

Đây là cốt lõi trong Giáo Pháp của Đức Phật để sống một đời sống cao thượng và đạt được giải thoát. Đạo lộ gồm có tám phần :

➤ **GIỚI – SĪLA**

- Chánh ngữ – *Sammāvācā*.
- Chánh nghiệp – *Sammākammanto*.
- Chánh mạng – *Sammā-ājīvo*.

➤ **ĐỊNH – SAMĀDHI**

- Chánh tinh tấn – *Sammāvāyāmo*.
- Chánh niệm – *Sammāsatī*.
- Chánh định – *Sammāsamādhi*.

➤ **TUỆ – PAÑÑĀ**

- Chánh kiến – *Sammādiṭṭhi*.
- Chánh tư duy - *Sammāsaṅkappo*.

(Trung Bộ Kinh 1. Tiểu Kinh Phương Quảng)

*** Chánh ngữ. (M.III.251-252)**

Là một biểu hiện đặc tính do trí tuệ và lòng nhân từ, do đó không bị hoen ố bởi nói láo, nói xấu, nói lời hung dữ và nói lời vô ích.

Này chư Hiền, thế nào là chánh ngữ? Tự chế không nói láo, tự chế không nói hai lưỡi, tự chế không ác khẩu, tự chế không nói lời phù phiếm. Này chư Hiền, như vậy gọi là chánh ngữ.

*** Chánh nghiệp.**

Là sự gìn giữ cẩn thận năm giới để tránh các điều bất thiện khác và đề tận lực trau dồi những phẩm hạnh ở chúng sanh.

Này chư Hiền, thế nào là chánh nghiệp? Tự chế không sát sanh, tự chế không trộm cắp, tự chế không tà dâm. Này chư Hiền, như vậy gọi là chánh nghiệp.

*** Chánh mạng.**

Là có một nghề chánh đáng, mà nghề nghiệp đó không gây ra sự nguy hại hoặc bất công đối với người tại gia, gồm có : mua bán vũ khí, mua bán nô lệ, nuôi thú lấy thịt, mua bán các chất say và mua bán chất độc. Tà mạng cũng liên quan đến gạt gẫm, gian dối và lừa đảo.

Này chư Hiền, thế nào là chánh mạng? Này chư Hiền, ở đây vị Thánh đệ tử từ bỏ tà mạng, sinh sống bằng chánh mạng. Này chư Hiền, như vậy gọi là chánh mạng.

*** Chánh tinh tấn.**

Là sự từ bỏ bán chất ngu muội và tu tập các phẩm hạnh cao quý để đạt được mười phẩm hạnh cao thượng (*dasapāramī*).

Này chư Hiền, và thế nào là chánh tinh tấn? Này chư Hiền, ở đây Tỷ-kheo, đối với các ác, bất thiện pháp chưa sanh, khởi lên ý muốn không cho sanh khởi; vị này nỗ lực, tinh tấn, quyết tâm, trì chí. Đối với các ác, bất thiện pháp đã sanh, khởi lên ý muốn trừ diệt; vị này nỗ lực, tinh tấn, quyết tâm, trì chí.

Đối với các thiện pháp chưa sanh, khởi lên ý muốn khiến cho sanh khởi; vị này nỗ lực, tinh tấn, quyết tâm, trì chí. Đối với các thiện pháp đã sanh khởi, khởi lên ý muốn khiến cho an trú, không cho băng hoại, khiến cho tăng trưởng, phát triển, viên mãn; vị này nỗ lực, tinh tấn, quyết tâm, trì chí. Đây chư Hiền, như vậy gọi là chánh tinh tấn.

*** Chánh niệm.**

Là sự luôn luôn tỉnh giác về thân, cảm giác, ý nghĩ và tư tưởng để có sự sáng suốt nhận rõ mọi vật đúng như thật, một trạng thái tâm linh mà trực giác chỉ hướng đến sự thông minh, sáng suốt.

Này chư Hiền, thế nào là chánh niệm? Đây chư Hiền, ở đây, Tỷ-kheo sống quán thân trên thân, nhiệt tâm, tỉnh giác, chánh niệm, để chế ngự tham ưu ở đời... quán thọ trên các cảm thọ... quán tâm trên các tâm... quán pháp trên các pháp, nhiệt tâm, tỉnh giác, chánh niệm, để chế ngự tham ưu ở đời. Đây chư Hiền, như vậy gọi là chánh niệm.

*** Chánh định.**

Là sự phát triển tâm linh chỉ một hướng duy nhất qua sự hiểu biết đầy đủ rằng : mọi vật là vô thường (*anicca*), khổ não, bất toại nguyện (*dukkha*) và vô sở hữu (*anatta*) bằng sự đoạn trừ năm chướng ngại (*nīvaraṇa*).

Này chư Hiền, thế nào là chánh định? Đây chư Hiền, ở đây, Tỷ-kheo ly dục, ly ác bất thiện pháp, chứng và trú Thiền thứ nhất, một trạng thái hỷ lạc do ly dục sanh, với tầm, với tứ. Vị Tỷ-kheo ấy diệt tầm, diệt tứ, chứng và trú Thiền thứ hai, một trạng thái hỷ lạc do định sanh, không tầm, không tứ, nội tĩnh nhất tâm. Tỷ-kheo ly hỷ trú xả, chánh niệm, tỉnh giác, thân cảm sự lạc thọ mà các bậc Thánh gọi là xả niệm lạc trú, chứng và trú Thiền thứ ba. Tỷ-kheo ấy xả lạc, xả khổ, diệt hỷ ưu đã cảm

thọ trước, chứng và trú Thiền thứ tư, không khổ, không lạc, xả niệm thanh tịnh. Nay chư Hiền, như vậy gọi là chánh định.

*** Chánh kiến.**

Là sự thấy rõ cuộc sống như nó là, cùng với ba đặc tính của cuộc sống là vô thường, khổ và vô ngã, luật nhân quả của một nhóm tứ đại, sự thấy được tứ diệu đế và pháp duyên khởi.

Này chư Hiền, thế nào là chánh tri kiến? Nay chư Hiền, tri kiến về Khổ, tri kiến về Khổ tập, tri kiến về Khổ diệt, tri kiến về Khổ diệt đạo. Nay chư Hiền, như vậy gọi là chánh tri kiến.

*** Chánh tư duy.**

Là sự có được tâm giải thoát khỏi mọi tham ái (*rāgā*), sự sân hận, ác tâm (*vyāpāda*), sự độc ác và những thứ như vậy (*vihimsā*).

Này chư Hiền, thế nào là chánh tư duy? Tư duy về lý dục, tư duy về vô sân, tư duy về bất hại. Nay chư Hiền, như vậy gọi là chánh tư duy.

(Trung Bộ Kinh 3. Kinh Phân Biệt Về Sự Thật).

- Những phẩm chất tuyệt diệu của đại dương được tìm thấy trong Giáo Pháp. (A.IV.198)

- *Này Pahārāda, có bao nhiêu sự vi diệu chưa từng có trong biển lớn mà do thấy chúng, các A-tu-la thích thú biển lớn?*

- *Bạch Thế Tôn, có tám vi diệu chưa từng có trong biển lớn mà do thấy chúng, các A-tu-la thích thú biển lớn. Thế nào là tám?*

- *Bạch Thế Tôn, biển lớn tuần tự thuận xuôi, tuần tự thuận hướng, tuần tự sâu dần, không có thành linh như một vực thẳm. Vì rằng bạch Thế Tôn, vì rằng biển lớn tuần tự thuận xuôi, tuần tự thuận hướng, tuần tự sâu dần, không có thành linh như một vực thẳm, nên bạch Thế Tôn, đây là vi diệu chưa từng có thứ nhất, do thấy vậy, thấy vậy, các A-tu-la thích thú biển lớn.*

Lại nữa, bạch Thế Tôn, biển lớn đứng một chỗ, không có vượt qua bờ. Vì rằng bạch Thế Tôn, biển lớn đứng một chỗ, không có vượt qua bờ, bạch Thế Tôn, đây là vi diệu chưa từng có thứ hai, do thấy vậy, thấy vậy, các A-tu-la thích thú biển lớn.

Lại nữa, bạch Thế Tôn, biển lớn không có chấp chứa xác chết. Nếu có xác chết trong biển lớn, lập tức bị quăng lên bờ hay vớt lên đất liền. Vì rằng bạch Thế Tôn, biển lớn không có chấp chứa xác chết. Nếu có xác chết trong biển lớn, lập tức bị quăng lên bờ hay vớt lên đất liền. Nên bạch Thế Tôn đây là vi diệu chưa từng có thứ ba, do thấy vậy, thấy vậy, các A-tu-la thích thú biển lớn.

Lại nữa, bạch Thế Tôn, phàm có các con sông lớn nào, ví như sông Hằng, sông Yamunā, sông Aciravatī, sông Sarabhū, sông Mahī, các con sông ấy khi chảy đến biển, liền bỏ tên họ cũ trở thành biển lớn. Vì rằng, phàm có các con sông lớn nào, ví như sông Hằng ... trở thành biển lớn, nên bạch Thế Tôn, đây là vi diệu chưa từng có thứ tư, do thấy vậy, thấy vậy, các A-tu-la thích thú biển lớn.

Lại nữa, bạch Thế Tôn, phàm có những dòng nước gì ở đời chảy vào biển lớn, phàm có những nước mưa từ trời rơi xuống, nhưng không vì vậy biển lớn được thấy có vui có đầy. Bạch Thế Tôn, vì rằng, phàm có những dòng nước gì ở đời chảy vào biển lớn, phàm có những nước mưa từ trời rơi xuống, nhưng không vì vậy biển lớn được thấy có vui có đầy, bạch Thế

Tôn, đây là vi diệu chưa từng có thứ năm, do thấy vậy, thấy vậy, các A-tu-la thích thú biển lớn.

Lại nữa, bạch Thế Tôn, biển lớn chỉ có một vị là vị mặn. Vì rằng, bạch Thế Tôn, biển lớn chỉ có một vị là vị mặn, nên bạch Thế Tôn, đây là vi diệu chưa từng có thứ sáu, do thấy vậy, thấy vậy, các A-tu-la thích thú biển lớn.

Lại nữa, bạch Thế Tôn, biển lớn có nhiều châu báu, nhiều loại châu báu, ở đây có những châu báu này, như thân châu, ma-ni châu, lưu-ly, xa-cừ, ngọc bích, san hô, bạc, vàng, ngọc đỏ, mã não. Vì rằng, bạch Thế Tôn, biển lớn có nhiều châu báu, nhiều loại châu báu, ở đây có những châu báu này, như thân châu, ma-ni châu, lưu-ly, xa-cừ, ngọc bích, san hô, bạc, vàng, ngọc đỏ, mã não. Bạch Thế Tôn, đây là vi diệu chưa từng có thứ bảy, do thấy vậy, thấy vậy, các A-tu-la thích thú biển lớn.

Lại nữa, bạch Thế Tôn, biển lớn là trú xứ các loại chúng sanh lớn, tại đây, có những chúng sanh như các con Timi, Timiṅgalā, Timiramiṅgalā, những loại Asura (A-tu-la), các loại Nāga, các loại Gandhabba. Trong biển có những loài hữu tình có tự ngã dài một trăm do tuần, hai trăm, ba trăm, bốn trăm, năm trăm do tuần. Vì rằng, bạch Thế Tôn, biển lớn là trú xứ các loài chúng sanh lớn ... năm trăm do tuần, nên bạch Thế Tôn, đây là vi diệu chưa từng có thứ tám, do thấy vậy, thấy vậy, các A-tu-la thích thú biển lớn. Nhưng bạch Thế Tôn, các Tỷ-kheo có thích thú trong Pháp và Luật này?

- Nay Pahārāda, Tỷ-kheo có thích thú trong Pháp và Luật này.

- Bạch Thế Tôn, trong Pháp và Luật này có bao nhiêu pháp vi diệu chưa từng có mà do thấy chúng, thấy chúng, các Tỷ-kheo thích thú trong pháp và luật này?

- *Này Pahārāda, có tám pháp vì điều này chưa từng có trong Pháp và Luật mà do thấy chúng, thấy chúng, các Tỷ-kheo thích thú trong pháp và luật này. Thế nào là tám?*

Ví như, này Pahārāda, biển lớn tuân tự thuận xuôi, tuân tự thuận hướng, tuân tự sâu dân, không có thành linh như một vực thẳm. Cũng vậy, này Pahārāda, trong Pháp và Luật này, các học pháp là tuân tự, các quả dị thực là tuân tự, các con đường là tuân tự, không có sự thể nhập chánh trí thành linh. Này Pahārāda, vì rằng trong pháp và luật này, các học pháp là tuân tự, các quả dị thực là tuân tự, các con đường là tuân tự, không có sự thể nhập chánh trí thành linh, nên này Pahārāda, đây là vì điều chưa từng có thứ nhất mà do thấy vậy, thấy vậy, các Tỷ-kheo thích thú trong Pháp và Luật này.

Ví như, này Pahārāda, biển lớn đứng một chỗ, không có vượt qua bờ. Cũng vậy, này Pahārāda, khi các học pháp được Ta sửa soạn cho các đệ tử, các đệ tử của Ta, dầu cho vì nhân sinh mạng, cũng không vượt qua. Vì rằng này Pahārāda các học pháp được Ta sửa soạn cho các đệ tử, các đệ tử của Ta, dầu cho vì nhân sinh mạng, cũng không vượt qua,. Nên này Pahārāda, trong Pháp và Luật này, đây là vì điều chưa từng có thứ hai mà do thấy vậy, thấy vậy, các Tỷ-kheo thích thú trong Pháp và Luật này.

Ví như, này Pahārāda, biển lớn không có chấp chứa xác chết. Nếu có xác chết trong biển lớn, lập tức bị quăng lên bờ hay vát lên đất liền. Cũng vậy, này Pahārāda, người nào là ác giới, theo ác pháp, sở hành bất tịnh đáng nghi ngờ, có những hành vi che đậy, không phải là Sa-môn, nhưng tự nhận là Sa-môn, không phải sống Phạm hạnh nhưng tự nhận có Phạm hạnh, nội tâm hôi hám, ứ đầy tham dục, tánh tình bất tịnh. Chúng Tăng không sống chung với người ấy, lập tức hội họp lại và đuổi người ấy ra khỏi. Dầu cho người ấy có ngồi giữa chúng Tỷ-kheo Tăng, nhưng người ấy sống xa chúng Tăng và

chúng Tăng sống xa người ấy. Vì rằng, này Pahārāda, người ấy là ác giới, theo ác pháp, ... tánh tình bất tịnh ... và chúng Tăng sống xa vị ấy, nên này Pahārāda, trong pháp và luật này, đây là pháp vì điều chưa từng có thứ ba mà do thấy vậy, thấy vậy, các Tỷ-kheo thích thú trong Pháp và Luật này.

Vì như, này Pahārāda, phàm có các con sông lớn nào, ví như sông Hằng, sông Yamunā, sông Aciravatī, sông Sarabhū, sông Mahī, các con sông ấy khi chảy đến biển, liền bỏ tên họ cũ trở thành biển lớn. Cũng vậy, này Pahārāda, có bốn giai cấp: Sát-đế-ly, Bà-la-môn, Phệ-xá, Thủ-đà, sau khi từ bỏ gia đình, sống không gia đình, xuất gia trong Pháp và Luật được Như Lai tuyên bố, họ từ bỏ tên và họ của họ từ trước, và họ trở thành những Sa-môn Thích tử. Này Pahārāda, trong Pháp và Luật này, đây là pháp vì điều chưa từng có thứ tư mà do thấy vậy, thấy vậy, các Tỷ-kheo thích thú trong Pháp và Luật này.

Vì như, này Pahārāda, phàm có những dòng nước gì ở đời chảy vào biển lớn, phàm có những nước mưa từ trời rơi xuống, nhưng không vì vậy biển lớn được thấy có vơi có đầy. Cũng vậy, này Pahārāda, nếu có nhiều Tỷ-kheo nhập vào Niết-bàn giới không có dư y, Niết-bàn giới cũng không vì vậy được thấy có vơi có đầy. Này Pahārāda, nếu có nhiều vị Tỷ-kheo nhập vào Niết-bàn giới không có dư y, Niết-bàn giới cũng không vì vậy được thấy có vơi có đầy. Này Pahārāda, trong Pháp và Luật này, đây là pháp vì điều chưa từng có thứ năm mà do thấy vậy, thấy vậy, các Tỷ-kheo thích thú trong Pháp và Luật này.

Vì như, này Pahārāda, biển lớn chỉ có một vị mặn. Cũng vậy, này Pahārāda, Pháp và Luật cũng chỉ có một vị là vị giải thoát. Này Pahārāda, trong Pháp và Luật này, đây là pháp vì điều chưa từng có thứ sáu mà do thấy vậy, thấy vậy, các Tỷ-kheo thích thú trong Pháp và Luật này.

Ví như, này Pahārāda, biển lớn có nhiều châu báu, có nhiều loại châu báu, ở đây có những châu báu này, như trân châu, ma-ni châu, lưu-ly, xa-cừ, ngọc bích, san hô, bạc, vàng, ngọc đỏ, mã não. Cũng vậy, này Pahārāda, Pháp và Luật này có nhiều châu báu, nhiều loại châu báu, ở đây có những châu báu này, như Bốn niệm xứ, Bốn chánh cần, Bốn như ý túc, Năm căn, Năm lực, Bảy giác chi, Thánh đạo tám ngành. Này Pahārāda, vì rằng Pháp và Luật này có nhiều châu báu, nhiều loại châu báu, ở đây có những châu báu này, như Bốn niệm xứ, Bốn chánh cần, Bốn như ý túc, Năm căn, Năm lực, Bảy giác chi, Thánh đạo tám ngành, nên này Pahārādan, trong Pháp và Luật này, đây là pháp vi diệu chưa từng có thứ bảy mà do thấy vậy, thấy vậy, các Tỷ-kheo thích thú trong Pháp và Luật này.

Ví như, này Pahārāda, biển lớn là trú xứ các loại chúng sanh lớn, tại đây, có những chúng sanh như các con Timi, Timiṅgalā, Timiramīṅgalā, những loại Asura (A-tu-la), các loại Nāga, các loại Gandhabba. Trong biển có những loài hữu tình với tự ngã dài một trăm do tuần, hai trăm, ba trăm, bốn trăm, năm trăm do tuần. Cũng vậy, này Pahārāda, Pháp và Luật là trú xứ của các loài chúng sanh lớn. Ở đây có những loại chúng sanh này: bậc Dự lưu, bậc đã hướng đến chứng ngộ Dự lưu quả, bậc Nhất Lai, bậc đã hướng đến chứng ngộ Nhất lai quả, bậc Bất lai, bậc đã hướng đến chứng ngộ Bất lai quả, bậc A-la-hán, bậc đã hướng đến chứng ngộ quả A-la-hán. Này Pahārāda, vì rằng Pháp và Luật này là trú xứ của các loại chúng sanh lớn. Ở đây có những chúng sanh này ... quả A-la-hán. Này Pahārāda, trong Pháp và Luật này, đây là pháp vi diệu chưa từng có thứ tám mà do thấy vậy, thấy vậy, các Tỷ-kheo thích thú trong Pháp và Luật này.

Này Pahārāda, đây là tám pháp vi diệu, chưa từng có trong pháp và luật và do thấy vậy, do thấy vậy, các Tỷ-kheo thích thú trong Pháp và Luật này.

(Tăng Chi Bộ Kinh 3. Chương Tám Pháp. Phẩm Lớn.
Phần A-tu-la Pahārāda)

- Giáo Pháp là được phẩm. (Miln.335)

*Ye keci osadhā loke
Vijjanti vividhā bahū
Dhammosadhasamaṃ natthi
Etaṃ pivatha bhikkhavo.*

*Tất cả thuốc trên thế gian này
Có nhiều thứ, nhiều loại khác nhau
Không loại nào sánh bằng pháp được
Này Tỳ kheo, hãy uống thuốc này.*

**- Giáo Pháp này chỉ dành cho những người trí chứ không
phải kẻ ngu. (A.IV.228)**

Tám tư niệm của bậc đại nhân :

1. Pháp này để cho người ít dục, pháp này không phải để cho người nhiều dục. (*appicchassāyaṃ dhammo, nāyaṃ dhammo mahicchassa.*)
2. Pháp này để cho người biết đủ, pháp này không phải để cho người không biết đủ. (*santutṭhassāyaṃ dhammo, nāyaṃ dhammo asantutṭhassa.*)
3. Pháp này để cho người sống thanh vắng, pháp này không phải để cho người ưa hội chúng. (*pavivittassāyaṃ dhammo, nāyaṃ dhammo saṅgaṇikārāmassa.*)
4. Pháp này để cho người tinh cần tinh tấn, pháp này không phải để cho người biếng nhác. (*āraddhavīriyassāyaṃ dhammo, nāyaṃ dhammo kusītassa.*)

5. Pháp này để cho người trú niệm, pháp này không phải để cho người thất niệm. (*upaṭṭhitassāyaṃ dhammo, nāyaṃ dhammo muṭṭhassatissa.*)

6. Pháp này để cho người Thiền định, pháp này không phải để cho người không Thiền định. (*samāhitassāyaṃ dhammo, nāyaṃ dhammo asamāhitassa.*)

7. Pháp này để cho người có trí tuệ, pháp này không phải để cho người ác tuệ. (*paññavato ayaṃ dhammo, nāyaṃ dhammo duppañña.*)

8. Pháp này để cho người không ưa hý luận, không thích hý luận, Pháp này không phải để cho người ưa hý luận, thích hý luận. (*nippapañcārāmassāyaṃ dhammo nippapañcaratino, nāyaṃ dhammo papañcārāmassa papañcaratino.*)

(Tăng Chi Bộ Kinh 3. Chương Tám Pháp. Phẩm Gia Chủ.

Phản Tôn Giả Anuruddha).

2. 2. NHỮNG QUAN KIẾN VÀ HOÀI NGHI KHÁC.

- Bốn tín ngưỡng giả dối. (M.I. 515-521)

Có bốn loại tín ngưỡng bị chỉ trích trong Phật giáo là giả dối, vì nếu chúng được chấp nhận thì việc trau dồi phẩm hạnh và sự phát triển về tâm linh trở thành không thích hợp. Vì vậy, bốn loại tín ngưỡng này chỉ có thể coi như là lý thuyết chứ không phải là tôn giáo.

✚ Tín ngưỡng tin chắc rằng sự chết là chấm dứt tất cả; việc ác và việc thiện đều bị hủy bỏ lúc chết. Theo thuyết duy vật.

Có vị Đạo sư có thuyết lý như sau, có quan điểm như sau: "Không có bố thí, không có lễ hy sinh, không có tế tự, không có quả dị thực các nghiệp thiện ác, không có đời này, không có đời khác, không có mẹ, không có cha, không có loại hóa sanh, ở đời không có những vị Sa-môn, Bà-la-môn chánh hướng, chánh hạnh, sau khi đã tự mình giác ngộ với thắng trí tuyên bố về đời này và đời sau. Con người này do bốn đại hợp thành, khi mệnh chung, địa đại quy nhập địa giới, thủy đại quy nhập thủy giới, hỏa đại quy nhập hỏa giới, phong đại quy nhập phong giới, các căn nhập vào hư không. Bốn người, gánh quan tài với người nằm trong quan tài là năm, gánh người chết mang đi, đến chỗ hỏa táng và thốt ra những lời kẻ lẻ, đặc tánh của người chết. Các xương thành màu xám như chim bồ câu, và những vật cứng dường trở thành tro bụi. Chỉ có người ngu mới tán dương bố thí, lời nói của họ trống không, giả dối, vô ích khi họ chấp thuyết "có sự hiện hữu (Atthikavada)". Kẻ ngu cũng như người trí, sau khi thân hoại mạng chung sẽ đoạn diệt, tiêu thất, không còn tồn tại sau khi chết".

✚ Tín ngưỡng chối bỏ giá trị đạo đức cũng như tinh thần.

Có vị Đạo sư có thuyết lý như sau, có quan điểm như sau: "Tự làm hay khiến người làm, chém giết hay khiến người chém giết, đốt nấu hay khiến người đốt nấu, gây phiền muộn, hay khiến người gây phiền muộn, gây ảo não hay khiến người gây ảo não, tự mình gây sợ hãi hay khiến người gây sợ hãi, sát sanh, lấy của không cho, phá cửa nhà mà vào, cướp đoạt, đánh cướp một nhà lẻ loi, chặn đường cướp giựt, tư thông vợ người, nói láo, hành động như vậy không có tội ác. Nếu lấy một bánh xe sắc bén giết hại tất cả chúng sanh trên cõi đất này, làm thành một đồng thịt, thành một chồng thịt, cũng không vì vậy mà có tội ác, gây ra tội ác. Nếu đi trên bờ phía Nam sông Hằng giết hại, tàn sát, chém giết, khiến người chém giết, đốt nấu, khiến người đốt nấu, cũng không vì vậy có tội ác, gây ra tội ác. Nếu đi trên bờ phía Bắc sông Hằng bó thí, khiến người bó thí, tế lễ, khiến người tế lễ, cũng không vì vậy có phước báo, tạo nên phước báo. Bó thí, tự điều phục, tự chế ngự, nói thật không có công đức, không tạo nên công đức".

✚ Tin ngưỡng không chấp nhận luật nhân quả.

Có vị Đạo sư có thuyết lý như vậy, có quan điểm như vậy: "Không có nhân, không có duyên, các loài hữu tình bị nhiễm ô; không có nhân, không có duyên, các loài hữu tình sẽ bị nhiễm ô. Không có nhân, không có duyên, các loài hữu tình được thanh tịnh, không nhân không duyên, các loài hữu tình sẽ được thanh tịnh. Không có lực, không có tinh tấn, không có nhân lực, không có cố gắng của người. Tất cả loài hữu tình, tất cả chúng sanh, tất cả sanh loại, tất cả sinh mạng đều không tự tại, không lực, không tinh tấn. Họ bị dắt dẫn chi phối bởi định mệnh, bởi sự trùng hợp, bởi tự tánh. Họ hưởng thọ khổ lạc, y theo sáu sanh loại".

✚ Tín ngưỡng từ chối ngay cả giá trị của cuộc sống và chủ trương thuyết định mệnh.

Có vị Đạo sư có thuyết lý như vậy, có quan điểm như vậy: "Có bảy thân này không bị làm ra, không làm ra, không bị sáng tạo, không sáng tạo, không sanh sản, thường tại như đỉnh núi, đứng thẳng như trụ đá. Chúng bất động, không chuyển biến, không xâm hại nhau. Chúng không thể ảnh hưởng đến lạc hay khổ với nhau, hoặc cả khổ và lạc. Thế nào là bảy? Địa thân, thủy thân, hỏa thân, phong thân, khổ, lạc, và thứ bảy là mạn. Bảy thân này không bị làm ra, không làm ra, không bị sáng tạo, không sáng tạo, không sanh sản, thường tại như đỉnh núi, đứng thẳng như trụ đá. Chúng bất động, không chuyển biến, không xâm hại nhau. Chúng không thể ảnh hưởng đến lạc hay khổ với nhau, hoặc cả khổ và lạc. Ở đây, không có người giết hại hoặc người bị giết hại, người nghe hoặc người nói, người biết hoặc người khiến cho biết, khi có một ai dùng lưỡi kiếm sắc bén chém đầu, thời không ai tước đoạt sanh mạng của ai cả, lưỡi kiếm chỉ rơi vào giữa bảy thân mà thôi. Có tất cả là 14 trăm ngàn chủng loại thác sanh, lại có thêm 60 một trăm và 6 một trăm. Có 5 một trăm loại nghiệp và có 5 nghiệp (theo 5 căn), lại có 3 nghiệp (về thân, khẩu, ý), lại có toàn nghiệp (thân và khẩu), bán nghiệp (ý), có 62 đạo, 62 trung kiếp, 6 giai cấp, 8 nhân địa; 4900 sanh nghiệp, 4900 kẻ du hành, 4900 chỗ ở của loài Naga, 2000 căn, 3000 cảnh địa ngục, 36 trần giới, 7 tướng thai, 7 vô tướng thai, 7 tiết thai (sanh từ đốt, hay ly hệ thai) 7 loài Thiên, 7 loài Người, 7 loài Quỷ, 7 hồ nước, 7 pavutas (núi hay hồ nhỏ), 7000 pavutas, 700 papatas (vực thẳm), 7 mộng, 700 mộng có 8.400.000 đại kiếp, trong thời gian ấy kẻ ngu và người trí, sau khi lưu chuyển, luân hồi, sẽ trừ tận khổ đau. Không có lời nguyện: "Với giới này, với giới cấm này, với khổ hạnh này, hay với Phạm hạnh này, tôi sẽ làm cho chín muồi những nghiệp chưa được thuần thực, hoặc trừ diệt những nghiệp đã được thuần thực, bởi những nhân thọ liên tục không

thể đo lường, khổ và lạc với những vật đo lường, trong luân hồi không có tăng giảm, không có cao thấp. Ví như cuộn chỉ được tung ra sẽ được kéo dài đến một mức độ nào đó. Cũng như vậy, kẻ ngu và người trí, sau khi lưu chuyển luân hồi sẽ chấm dứt khổ đau".

(Trung Bộ Kinh 2. Kinh Sandaka).

- Bốn tôn giáo không thỏa đáng. (M.I. 515-521)

Trong khi những trách nhiệm về đạo đức và tu tập theo cuộc sống đạo hạnh có thể được duy trì thì có bốn loại giáo pháp xuất hiện thật hoàn toàn không thỏa đáng. những người lãnh đạo đó là :

✓ Những đạo sư tuyên bố là toàn tri với tri kiến hiểu biết mọi vật ở mọi thời. Người ta có thể nhận ra rằng họ cầu xin những con bò về thanh danh của con người, và cầu xin sự hướng dẫn. Tuy nhiên, đôi khi những con chó và những con bò tấn công họ. Những điều như vậy không thể nào xảy ra được nếu như họ thực sự là đáng toàn tri với trí tuệ ở mọi thời.

Có bậc Đạo sư nhưt thiết tri, nhưt thiết kiến, tự xem đã chứng được tri kiến hoàn toàn: "Khi ta đi, ta đứng, ta ngủ và ta thức, tri, kiến được an trú ở trong ta, liên tục, không gián đoạn". Vị ấy đi vào một nhà trống, không nhận được đồ ăn khát thực, và con chó cắn vị ấy, vị ấy gặp voi dữ, gặp người dữ, gặp bò dữ, và vị ấy hỏi tên và họ một người đàn bà, một người đàn ông, và hỏi tên những con đường của làng, của thị trấn. Vị ấy được hỏi: "Sao như thế này?", và trả lời: "Ta phải vào một nhà trống, do vậy ta đã vào; ta phải không nhận được đồ ăn khát thực, do vậy ta đã không nhận được đồ ăn khát thực. Có người phải bị chó cắn, do vậy ta đã bị chó cắn. Có người phải gặp voi dữ, do vậy ta đã gặp; phải gặp ngựa dữ, do vậy ta đã gặp, phải

gặp bò dữ, do vậy ta đã gặp. Có người phải hỏi tên và họ một người đàn bà, một người đàn ông, do vậy ta đã hỏi. Có người phải hỏi tên những con đường của làng, của thị trấn, do vậy ta đã hỏi".

Ở đây, này Sandaka, người có trí suy tư như sau: "Vị Tôn sư này là nhất thiết tri, nhất thiết kiến... , do vậy ta đã hỏi". Vị ấy sau khi biết: "Hạnh này là bất an", nên yếm ly hạnh ấy và bỏ đi.

✓ Những đạo sư dựa vào sự khai thị đơn độc cho trí tuệ của họ. Họ có thể hoặc và không có thể nhận được lời dạy của thượng đế rõ ràng. Những thánh thư có thể hoặc không có thể được hiểu biết rõ ràng.

Có vị Đạo sư y cứ truyền thuyết, xem truyền thuyết là chân thật, vị này thuyết pháp theo truyền thuyết, theo tương truyền và truyền thống, theo uy tín Thánh tạng. Này Sandaka, nếu vị Đạo sư y cứ truyền thuyết, xem truyền thuyết là chân thật, vị ấy có phần khéo nhớ, có phần không khéo nhớ, khi thì như thế này, khi thì như thế khác.

Ở đây, này Sandaka, người có trí suy tư: "Vị Tôn sư này y cứ truyền thuyết, xem truyền thuyết là chơn thật, vị này thuyết pháp theo truyền thuyết, theo tương truyền và truyền thống, theo uy tín Thánh tạng. Nếu vị Đạo sư y cứ truyền thuyết, xem truyền thuyết là chơn thật, vị ấy có phần khéo nhớ, có phần không khéo nhớ, khi thì như thế này, khi thì như thế khác. Vị ấy sau khi biết: "Hạnh này là bất an", nên yếm ly hạnh ấy và bỏ đi.

✓ Những đạo sư dựa vào lý luận cho sự hiểu biết trong tôn giáo của họ. Người ta không hài lòng bởi vì họ có thể hoặc và không thể thực hiện được lý luận của họ mà chỉ tạo ra những giả thuyết hợp lý. Điều đó không thể chứng minh được trí tuệ của họ có đúng hay không.

Có vị Đạo sư là nhà lý luận, là nhà suy luận. Do sự đả phá của lý luận và y cứ theo suy luận, vị này thuyết pháp theo nguyên tắc tự mình sáng tác. Nay Sandaka, nếu vị Đạo sư là nhà lý luận, là nhà suy luận, vị ấy có phần khéo lý luận, có phần không khéo lý luận, khi thì như thế này, khi thì như thế khác.

Ở đây, này Sandaka, người có trí suy nghĩ: "Vị Tôn sư này là nhà lý luận, là nhà suy luận. Do sự đả phá của lý luận và y cứ theo suy luận, vị này thuyết pháp theo nguyên tắc tự mình sáng tác. Nếu vị Đạo sư là nhà lý luận, là nhà suy luận, vị ấy có phần khéo lý luận, có phần không khéo lý luận, khi thì như thế này, khi thì như thế khác. Vị ấy sau khi biết: "Hạnh này là bất an" nên yếm ly hạnh ấy và bỏ đi.

✓ Những đạo sư đáng hoài nghi, thiếu sự thông minh, khi bị cật vấn, họ thường làm bối rối người nghe bằng cách nói “ta không thể nói phải hoặc không phải hoặc trái lại”. Họ cũng là những lãnh đạo tôn giáo không được thỏa đáng.

Có vị Đạo sư là người đần độn, là người ngu si. Vì đần độn ngu si, khi được hỏi về vấn đề này, vấn đề khác, vị ấy dùng những lời nguy hiểm trườn uốn như con lươn: "Theo tôi không phải như vậy, theo tôi không phải như kia, theo tôi không khác như thế, theo tôi không phải như thế, theo tôi không không phải như thế".

Ở đây, này Sandaka, người có trí suy tư: "Vị Tôn sư này là người đần độn, là người ngu si... , theo tôi không phải như thế". Vị ấy sau khi biết: "Hạnh này là bất an", nên yếm ly hạnh ấy và bỏ đi.

(Trung Bộ Kinh 2. Kinh Sandaka).

- Mười thứ tà kiến - Micchādiṭṭhi. (D.I.55)

1. Chối bỏ hiệu quả của sự bố thí.

2. Chối bỏ hiệu quả của sự cúng dường, tế lễ.
3. Chối bỏ hiệu quả của sự cúng dường đến bậc Thánh bằng những hình thức khác.
4. Tin rằng nghiệp thiện hoặc ác không chịu sự thưởng phạt nào cả.
5. Tin rằng thế gian này với sự hình thành của nó trong hiện tại, cuộc sống không tồn tại.
6. Tin rằng không có sự sinh tồn ở kiếp sau cho những chúng sanh đang sinh tồn trong hiện tại.
7. Chối bỏ những bổn phận của một người con đối với mẹ.
8. Chối bỏ những bổn phận của một người con đối với cha và mẹ.
9. Tin rằng chúng sanh không thể xuất hiện trong thế gian một cách tự nhiên.
10. Chối bỏ sự hiện hữu của các Bậc Đạo Sư đã tuyên bố với thế gian về trí tuệ của các Ngài sau khi thực chứng bằng trí tuệ thanh tịnh cao quý nhất của các Ngài, mà kết quả có được từ sự tu tập theo tôn giáo hợp lý.

Thông thường, những tư tưởng này chối bỏ giá trị của sự trau dồi phẩm hạnh. Sự tu tập đời sống theo tôn giáo và những cách đối đãi tốt đẹp chỉ là vô nghĩa mà không có sự thưởng phạt thích hợp. Chấp nhận tư tưởng này có nghĩa là sẽ tái sanh vào khổ cảnh.

(Trường Bộ Kinh 1. Kinh Sa Môn Quả).

- Mười sáu thứ hoài nghi. (M.I.8)

Mười sáu loại hoài nghi xuất hiện trong tâm của một người một cách rất tự nhiên. Với sự hiểu biết về Giáo Pháp và có được tuệ phân tích, những hoài nghi này sẽ từ từ biến mất.

➤ Năm hoài nghi về quá khứ :

1. Đời trước đây ta có phải không?
2. Đời trước đây ta không có phải không?
3. Đời trước đây ta là cái gì?
4. Đời trước đây ta như thế nào?
5. Đời trước đây ta từ đâu sanh lại?

➤ Sáu hoài nghi về hiện tại :

1. Đây là ta phải không?
2. Đây không phải là ta phải không?
3. Bây giờ ta là cái gì?
4. Bây giờ ta như thế nào?
5. Từ nơi nào ta tái sanh đến đây?
6. Ta sẽ tái sanh về nơi nào?

➤ Năm hoài nghi về tương lai :

1. Đời sau ta có mặt phải không?
2. Đời sau không có ta phải không?
3. Đời sau ta sẽ là cái gì?
4. Đời sau ta sẽ như thế nào?
5. Đời sau ta sẽ là cái gì sau khi ta chết?

Ta có mặt trong thời quá khứ, hay ta không có mặt trong thời quá khứ? Ta có mặt trong thời quá khứ như thế nào? Ta có mặt trong thời quá khứ hình vóc như thế nào? Trước kia ta là gì và ta đã có mặt như thế nào trong thời quá khứ? Ta sẽ có mặt trong thời vị lai hay ta sẽ không có mặt trong thời vị lai? Ta sẽ có mặt trong thời vị lai như thế nào? Ta sẽ có mặt trong thời vị lai, hình vóc như thế nào? Trước kia ta là gì và ta sẽ có mặt như thế nào trong thời vị lai?" Hay nay vị ấy có nghi ngờ về mình trong thời hiện tại: "Ta có mặt hay ta không có mặt? Ta có mặt như thế nào? Ta có mặt hình vóc như thế nào? Chúng sanh này từ đâu đến? Và rồi nó sẽ đi đâu?"

(Trung Bộ Kinh 1. Kinh Tất Cả Lậu Hoặc)

**- Ba quan niệm sai lầm dẫn đến sự tin tưởng thuyết hư vô.
(A.I.173)**

▪ Bất cứ cái gì mà một người phải trải qua hoàn toàn thuộc về kết quả của nghiệp của đời sống trước của người đó (thuyết định mệnh).

Này các Tỷ-kheo, có một số Sa-môn, Bà-la-môn thuyết như sau, chấp kiến như sau: "Phàm có cảm giác gì về con người này lãnh thọ lạc, khổ hay không khổ, không lạc, tất cả đều do nhân nghiệp quá khứ".

▪ Bất cứ cái gì mà một người phải trải qua là do xếp đặt của một đẳng tối cao hay thượng đế (thuyết tin có thượng đế).

Này các Tỷ-kheo, có một số Sa-môn, Bà-la-môn, thuyết như sau, chấp kiến như sau: "Phàm có cảm giác gì về con người này lãnh thọ lạc, khổ hay không khổ, không lạc, tất cả đều do nhân một tạo hóa tạo ra".

▪ Cho rằng không có nguyên nhân hay điều kiện đằng sau của con người phải trải qua.

Này các Tỷ-kheo, có một số Sa-môn, hay Bà-la-môn, thuyết pháp như sau, chấp kiến như sau: "Phàm có cảm giác gì về con người này lãnh thọ lạc, khổ hay không khổ, không lạc, tất cả đều do không nhân, không duyên".

Đức Phật biện bác những quan điểm này theo tánh cách như sau :

"Nếu toàn bộ chúng sanh phải trải qua là kết quả của nghiệp đã tạo trong quá khứ, thì trong trường hợp sát sanh, trộm cắp, tà dâm, nói dối, nói lời độc ác... cái ý định hay sự nỗ lực trong hành động đó, người không được tìm thấy trong chủ ý của từng cá nhân cho hành động đó có nên làm hay không nên làm. Trái lại, nếu như những biệc mà con người phải trải qua là một hành động của một bậc tối thượng hay chỉ là những việc làm hoàn toàn ngẫu nhiên thì con người không thể phán đoán được việc làm hay phải chịu trách nhiệm về mặt đạo đức cho cách đối xử của họ. do đó, nếu phải nghiên cứu để phê phán thì những quan điểm này mang tính chất hư vô".

"Nhu vậy, thời theo các Tôn giả, do nhân nghiệp quá khứ, sẽ trở thành người sát sanh; do nhân nghiệp quá khứ, sẽ trở thành người lấy của không cho; do nhân nghiệp quá khứ, sẽ trở thành người không Phạm hạnh; do nhân nghiệp quá khứ, sẽ trở thành người nói láo; do nhân nghiệp quá khứ, sẽ trở thành người nói hai lưỡi; do nhân nghiệp quá khứ, sẽ trở thành người ác khẩu; do nhân nghiệp quá khứ, sẽ trở thành người nói lời phù phiếm; do nhân nghiệp quá khứ, sẽ trở thành người tham lam; do nhân nghiệp quá khứ, sẽ trở thành người tâm sân; do nhân nghiệp quá khứ, sẽ trở thành người theo tà kiến". Nhưng này các Tỷ-kheo, với những ai trở lại dựa vào nghiệp quá khứ là do kiên thực, với những người ấy sẽ không có ước muốn, không có tinh tấn, không có "Đây là việc phải làm", hay "Đây là việc không nên làm". Như vậy, sự cần thiết cần phải làm hay không cần phải làm không được tìm thấy là chân thực, là đáng

tin cậy, thời danh từ Sa-môn không thể áp dụng đúng pháp cho các Ông được, vì các Ông sống thất niệm và với các căn không hộ trì.

Như vậy, thời theo các Tôn giả, do nhân một vị tạo hóa tạo ra, sẽ trở thành người sát sanh ... Do nhân một vị tạo hóa tạo ra, sẽ trở thành người theo tà kiến". Nhưng này các Tỷ-kheo, với những ai trở lại dựa vào vị tạo hóa tạo ra là lý do kiên thực, với những người ấy sẽ không có ước muốn, không có tinh tấn, không có "Đây là việc phải làm", hay "Đây là việc không nên làm". Như vậy, sự cần thiết cần phải làm hay không cần phải làm không được tìm thấy là chân thực, là đáng tin cậy, thời danh từ Sa-môn không thể áp dụng đúng pháp cho các Ông được, vì các Ông sống thất niệm và với các căn không hộ trì.

Như vậy, thời theo các Tôn giả, do không nhân không duyên, sẽ trở thành người sát sanh ... Do không nhân không duyên, sẽ trở thành người theo tà kiến". Nhưng này các Tỷ-kheo, với những ai trở lại dựa vào không nhân không duyên là lý do kiên thực, với những người ấy sẽ không có ước muốn, không có tinh tấn, không có "Đây là việc phải làm", hay "Đây là việc không nên làm". Như vậy, sự cần thiết cần phải làm hay không cần phải làm không được tìm thấy là chân thực, là đáng tin cậy, thời danh từ Sa-môn không thể áp dụng đúng pháp cho các Ông được, vì các Ông sống thất niệm và với các căn không hộ trì".

*(Tăng Chi Bộ Kinh 1. Chương Ba Pháp. Phẩm Lớn. Phần
Sở Y Xứ)*

- Mười câu hỏi có tính chất suy diễn mà Đức Phật không trả lời. (M.I.426-432)

1. Thế gian là thường tồn phải không?
2. Thế gian không thường tồn phải không?
3. Thế gian là hữu biên phải không?
4. Thế gian là vô biên phải không?
5. Linh hồn và thể xác là một phải không?
6. Linh hồn và thể xác là khác biệt phải không?
7. Như Lai có tồn tại sau khi chết không?
8. Như Lai không tồn tại sau khi chết phải không?
9. Như Lai có tồn tại và không tồn tại sau khi chết phải không?
10. Như Lai không có tồn tại và không không có tồn tại sau khi chết phải không?

Theo Đức Phật đã giải thích với *Mālunkya*putta : thật là vô lý để suy đoán những câu hỏi này. Giả sử có một người bị mũi tên bắn trúng và mũi tên đó có tẩm độc rất mạnh. Khi quyến thuộc cho mời thầy thuốc đến để trị cho anh ta, anh ta nói “Tôi không cho rút mũi tên này ra trừ khi tôi biết được ai là người đã bắn trúng tôi? Một vị bà-la-môn? Một con người cao thượng? Một thương gia hay một người làm công? Tôi cần phải biết được tên của người đó và gia tộc của người đó nữa. Người đó cao hay thấp? Tôi cũng cần biết màu da của anh ta nữa. Đen, nâu hay vàng?”

Anh ta có thể nói “tôi sẽ không cho rút mũi tên ra trừ khi ta biết được cây cung làm cho ta bị bắn trúng là loại cung nào? Cung nỏ hay cung thường?”

Người đó sẽ chết trước khi anh ta biết được câu trả lời của những câu hỏi đó. điều quan trọng và cần thiết nhất là lấy mũi tên ra và chăm sóc vết thương.

Vì như một người bị mũi tên bắn, mũi tên được tẩm thuốc độc rất dày. Bạn bè và bà con huyết thống của người ấy mời một vị y sĩ khoa mổ xẻ đến săn sóc. Nhưng người ấy lại nói: "Tôi sẽ không rút mũi tên này ra khi nào tôi chưa biết được người đã bắn tôi thuộc giòng hoàng tộc, hay Bà-la-môn, hay buôn bán, hay người làm công". Người ấy có thể nói như sau: "Tôi sẽ không rút mũi tên này ra khi nào tôi chưa biết được người đã bắn tôi tên là gì, tộc tánh là gì?" Người ấy có thể nói như sau: "Tôi sẽ không rút mũi tên này ra khi nào tôi chưa biết được người đã bắn tôi là cao hay thấp, hay người bậc trung". Người ấy có thể nói như sau: "Tôi sẽ không rút mũi tên này ra khi nào tôi chưa biết được người đã bắn tôi là da đen, da sẫm hay da vàng". Người ấy có thể nói như sau: "Tôi sẽ không rút mũi tên này ra khi nào tôi chưa biết được người đã bắn tôi thuộc làng nào, thuộc thị trấn nào, thuộc thành phố nào". Người ấy có thể nói như sau: "Tôi sẽ không rút mũi tên này ra khi nào tôi chưa biết cái cung mà tôi bị bắn, cái cung ấy thuộc loại cung thông thường hay loại cung nỏ". Người ấy có thể nói như sau: "Tôi sẽ không rút mũi tên này ra khi nào tôi chưa biết được dây cung mà tôi bị bắn, dây cung ấy làm bằng cây leo, hay cây lau, hay một thứ gân, hay một thứ dây gai, hay một thứ cây có nhựa". Người ấy có thể nói như sau: "Tôi sẽ không rút mũi tên này ra khi nào tôi chưa biết cái tên mà tôi bị bắn, cái tên ấy thuộc một loại cây lau này hay cây lau khác". Người ấy có thể nói như sau: "Tôi sẽ không rút mũi tên này ra khi nào tôi chưa biết cái tên mà tôi bị bắn, mũi tên ấy có kết lông gì, hoặc lông con kê, hoặc lông con cò, hoặc lông con ó, hoặc lông con công, hoặc lông một loại kết". Người ấy có thể nói như sau: "Tôi sẽ không rút mũi tên này ra khi nào tôi chưa biết cái tên mà tôi bị bắn, cái tên ấy được cuốn (parikkhittam) bởi loại gân

nào, hoặc là gân bò cái, hoặc là gân trâu, hoặc là gân nai, hoặc là gân lừa". Người ấy có thể nói như sau: "Tôi sẽ không rút mũi tên này ra khi nào tôi chưa biết cái tên mà tôi bị bắn, cái tên ấy thuộc loại tên nhọn, hay thuộc loại tên móc, hay thuộc loại tên như đầu sào, hay thuộc loại tên như răng bò, hay thuộc loại tên như kềm gai". Nay Malunkyaputta, người ấy sẽ chết và vẫn không được biết gì.

(Trung Bộ Kinh 2. Tiểu Kinh Mālunkya)

Bởi vì sự đau khổ của cuộc sống vẫn hiện hữu : sanh, già, chết, ưu sầu, khổ não, đau khổ, bị thương và thất vọng. Đức Phật dạy phương cách cho mọi chúng sanh chắc chắn được giải thoát khỏi mọi hình thức đau khổ đang tồn tại.

Vì vậy, Đức Phật đã không trả lời những câu hỏi này, vì chúng vô nghĩa và không thích hợp cho sự tu tập trong Phật giáo.

Từ câu hỏi số một đến số bốn liên quan đến hạn định của trái đất về thời gian và khoảng không của không gian. Không chấp nhận một thế giới không bao giờ thay đổi, người ta không thể nào phát biểu những câu hỏi này. Vì mọi vật là sự sanh khởi có điều kiện, không có gì có thể tồn tại một cách độc lập như một thực thể riêng lẻ.

Vì vậy, người nào hiểu được điều kiện của sự sinh tồn thì hiểu được sự nguy biến của những câu hỏi thế giới hữu biên hay vô biên. Ngoài những câu hỏi này, người ta đã phát biểu sai, cái tư tưởng về một thế giới cơ bản cũng là sai.

Câu hỏi số năm và số sáu hỏi về sự liên hệ giữa thể xác và bản ngã (linh hồn). Để trả lời cho những câu hỏi này, xác định hay phủ định, con người phải chấp nhận trước rằng : có sự hiện hữu của một linh hồn là một với thể xác hoặc riêng lẽ với thể xác. Quan điểm này trái ngược với khái niệm vô ngã, kết quả của thuyết tùy thuộc điều kiện.

Từ câu hỏi số bảy đến số mười hỏi về đấng Như Lai, một người hiểu biết được sự thật (Giáo Pháp). Trong giáo pháp và thực tế, chúng ta không thể nghĩ đến sự hiện hữu của một đấng Như Lai ở tại đây, vào lúc này bởi vì một đấng Như Lai không phải là một tập hợp của vật chất, cảm giác, tư tưởng, những yếu tố tâm linh khác và tiềm thức. Hơn nữa, người ta không thể suy đoán một đấng Như Lai là một nhóm ngũ uẩn độc lập.

Do đó, tất cả những câu hỏi không được trả lời vì họ đã đặt sai, bắt nguồn từ những suy nghĩ sai lạc. Người ta không thể trả lời những câu hỏi đó khi không có sự chấp nhận những khái niệm sai lầm của các tư tưởng gia đó.

- Viễn ly các quan điểm. (Sn. 895-896)

Một quan điểm có thể chỉ nghiêng về một phía. Nếu con người bám chặt vào một quan điểm thì người ta bảo vệ nó coi những quan điểm của người khác là sai. Vì vậy, sự tranh cãi và tranh luận trở thành một yếu tố tất nhiên trong xã hội. Tranh luận trên quan điểm của người khác luôn luôn không tốt đẹp, vì chúng làm trở ngại cho sự hiểu biết thích hợp về mọi vật và sự phát triển của trí tuệ.

Người hỏi:

*Ye kecime diṭṭhiparibbasānā
Idameva saccanti vivādayanti
Sabbeva te nindamanvānāyanti
Atha paṣaṃsampi labhanti tattha.*

*Với những ai thiên vị,
Đối với những tri kiến này,
Chỉ đây là sự thật,
Họ cãi cò tranh luận,
Tất cả những người ấy,
Đem lại sự chỉ trích,
Hay chính tại ở đây,
Họ được lời tán thán?*

Thế Tôn:

*Appaṇhi etaṃ na alaṃ samāya
Duve vivādassa phalāni brūmi
Etampi disvā na vivādayetha
Khemābhipassam avivādabhūmiṃ.*

*Đây chỉ là nhỏ bé,
Không đủ đem an tịnh,
Ta nói về hai quả
Của các loại đấu tranh.
Sau khi thấy như vậy,
Chớ có nên tranh luận,
Nên thấy rằng an ổn,
Không phải đấu tranh luận.*

- Bám chắc vào các quan điểm tạo khó khăn cho sự tiến bộ tâm linh. (Sn.910)

*Nivissavādī na hi subbināyo
Pakappitaṃ diṭṭhi purekkharāno
Yaṃ nissito tattha subhaṃ vadāno
Suddhiṃvado tattha tathaddasā so.*

*Người đã gọi cuồng tín,
Không đưa đến thanh tịnh,*

*Vì đã có thiên vị,
Với tri kiến tác thành,
Y chỉ nơi cái gì,
Nơi đấy là tinh sạch,
Người tuyên bố thanh tịnh,
Thấy ở đấy như vậy.*

- Đừng bám vào niềm tin của bạn. (M.I.260)

“Này các tỷ kheo, cho dù quan điểm đó (là chính thật của Đức Phật) giáo pháp thật thuần khiết, nếu các người bám chặt, vuốt ve, nếu các người cất giữ và dính chặt vào giáo pháp thì các người không hiểu được rằng giáo pháp chỉ dùng để vượt qua chứ không phải để cất giữ”.

- Này các Tỷ-kheo, đối với tri kiến này được thanh tịnh như vậy, được làm cho trong sáng như vậy, nếu các Ông chấp trước, lấy làm hãnh diện, truy cầu, xem là của mình, thì này các Tỷ-kheo, các Ông có thể hiểu ví dụ chiếc bè, nói Pháp được giảng dạy là để đưa vượt qua, không phải để nắm lấy?

- Bạch Thế Tôn, không.

- Nhưng này các Tỷ-kheo, đối với tri kiến này được thanh tịnh như vậy, được làm cho trong sáng như vậy, nếu các Ông không chấp trước, không lấy làm hãnh diện, không truy cầu, không xem là của mình, thì này các Tỷ-kheo, các Ông có thể hiểu ví dụ của mình, thì này các Tỷ-kheo, các Ông có thể hiểu ví dụ là của mình, thì này các Tỷ-kheo, các Ông có thể ví dụ chiếc bè, nói Pháp được giảng dạy là để đưa vượt qua, không phải để nắm lấy?

- Bạch Thế Tôn, có.

(Trung Bộ Kinh I. Đại Kinh Đoạn Tận Ai)

- Hãy chấp nhận chân lý bất cứ nơi nào có. (A.I.189)

“Nếu các người tìm thấy được chân lý (ở bất cứ tôn giáo nào, triết học hay khoa học nào), hãy chấp nhận chân lý đó (không nên nặng thành kiến)”.

**- Làm thế nào để bảo vệ chân lý khi có một quan điểm?
(M.II. 171-174)**

“Nếu sự hiểu biết của một người là kết quả của niềm tin, của sở thích, tin đồn, lý luận thì người ta nên duy trì nó. Đây là niềm tin của tôi. Đây là sở thích của tôi... nhưng ta nên tránh kết luận rằng “chỉ có điều này là chân lý, còn tất cả điều khác là giả dối”.

Người như vậy là biết bảo vệ chân lý. Một người có trí tuệ nên cố gắng hơn nữa để giác ngộ được chân lý và bám chặt vào chân lý – *saccānubodha*, *saccānupatti*. Sau hai bước này, có được trí tuệ thực chứng chứ không còn là quan điểm nữa”.

Này Bhāradvāja, nếu có người có lòng tin và nói: "Đây là lòng tin của tôi", người ấy hộ trì chân lý, nhưng người ấy không đi đến kết luận một chiều: "Chỉ đây là sự thật, ngoài ra đều là sai lầm". Cho đến như vậy, này Bhāradvāja, là sự hộ trì chân lý. Cho đến như vậy, chân lý được hộ trì. Và cho đến như vậy, chúng tôi chủ trương hộ trì chân lý. Nhưng ở đây, chưa phải là giác ngộ chân lý. Này Bhāradvāja, nếu có người có lòng tùy hỷ, này Bhāradvāja, nếu có người có lòng tùy vấn; này Bhāradvāja, nếu có người có sự cân nhắc suy tư các lý do; này Bhāradvāja, nếu có người chấp nhận một quan điểm và nói: "Đây là sự chấp nhận quan điểm của tôi", người ấy hộ trì chân lý. Nhưng người ấy không đi đến kết luận một chiều: "Chỉ đây là sự thật, ngoài ra là sai lầm". Cho đến như vậy, này Bhāradvāja, là hộ trì chân lý. Cho đến như vậy, này Bhāradvāja, chúng tôi chủ trương hộ trì và cho đến như vậy,

này Bhāradvāja, chúng tôi chủ trương hộ trì chân lý. Nhưng ở đây chưa phải sự giác ngộ chân lý.

Ở đây, này Bhāradvāja, Tỷ-kheo sống gần một làng hay một thị trấn. Một gia chủ hay con trai một gia chủ đi đến vị ấy và tìm hiểu vị ấy trong ba pháp, tức là tham pháp, sân pháp, si pháp. Người này nghĩ rằng: "Không hiểu vị Tôn giả ấy có tham ái hay không, do những tham ái này, tâm vị ấy bị chi phối đến nỗi dầu không biết vẫn nói: "Tôi biết", dầu không thấy vẫn nói: "Tôi thấy," hay xui khiến người khác có những hành động khiến người ấy không được hạnh phúc, phải đau khổ lâu dài". Trong khi xem xét vị ấy, người này biết như sau: "Vị Tôn giả ấy không có những tham pháp, do những tham pháp này tâm vị ấy bị chi phối đến nỗi dầu không biết vẫn nói: "Tôi biết", dầu không thấy vẫn nói: "Tôi thấy"; hay xui khiến người khác có những hành động khiến người ấy không được hạnh phúc, phải đau khổ lâu dài. Thân hành của vị ấy là như vậy, khẩu hành là như vậy, là hành động của một người không có lòng tham. Còn Tôn giả ấy thuyết pháp, pháp ấy thâm sâu, khó thấy, khó chứng, tịch tịnh, thù thắng, vượt ngoài luận lý suông, tế nhị, được người trí chấp nhận; pháp ấy không thể do một người có lòng tham khéo giảng".

Sau khi xem xét vị ấy và thấy vị ấy trong sạch, không có những si pháp, người này sanh lòng tin đối với vị ấy, với lòng tin sanh, người này đến gần, khi đến gần liền thân cận giao thiệp, do thân cận giao thiệp, nên lắng tai, lắng tai, người ấy nghe pháp, sau khi nghe, liền thọ trì pháp, rồi tìm hiểu ý nghĩa các pháp được thọ trì; trong khi tìm hiểu ý nghĩa, các pháp được hoan hỷ chấp nhận; khi các pháp được hoan hỷ chấp nhận, ước muốn sanh, khi ước muốn sanh, liền cố gắng, sau khi cố gắng liền cân nhắc, sau khi cân nhắc, người ấy tinh cần. Trong khi tinh cần, người ấy tự thân chứng ngộ tối thượng chân lý, và khi thể nhập chân lý ấy với trí tuệ, người ấy thấy.

Cho đến mức độ này, này Bhāradvāja là sự giác ngộ chân lý, cho đến mức độ này, chân lý được giác ngộ, và cho đến mức độ này, chúng tôi chủ trương sự giác ngộ chân lý. Nhưng như vậy chưa phải là chứng đạt chân lý.

Này Bhāradvāja, chính nhờ luyện tập, tu tập và hành tập nhiều lần, chân lý mới được chứng đạt. Cho đến như vậy, này Bhāradvāja, là chứng đạt chân lý, cho đến như vậy, chân lý được chứng đạt, cho đến như vậy, chúng tôi chủ trương sự chứng đạt chân lý.

(Trung Bộ Kinh 2. Kinh Caṅkī)

-Cách thích hợp để chấp nhận một quan điểm. (M.II.170-171)

Có năm cách để cho một quan điểm sanh khởi :

- Niềm tin – *saddhā*.
- Khuynh hướng – *ruci*.
- Tin đồn – *anussava*.
- Lý luận – *ākārapari-vitakka*.
- Lòng xác tín – *diṭṭhi-nijjhānakkhanti*.

Năm cách này gây ra hai kết quả. những gì mà người ta tin có thể là sự thật hay giả dối. tin đồn cũng có thể là thật hay giả. Người ta có thể lý luận đúng hoặc không đúng. Cho đến bao giờ chưa có sự chứng thực của sự việc thì trí tuệ vẫn còn là một quan điểm.

Trước hết, này Bhāradvāja, Ông đi đến lòng tin, nay Ông nói đến tùy văn. Này Bhāradvāja, năm pháp này có hai quả báo ngay trong hiện tại. Thế nào là năm? Tín, tùy hỷ, tùy văn, cân

nhắc suy tư các lý do và chấp nhận quan điểm. Đây là *Bhāradvāja*, năm pháp này có hai quả báo ngay trong hiện tại. Tuy vậy, đây là *Bhāradvāja*, có điều được khéo tin tưởng, có thể là trống không, trống rỗng, hư vọng. Trái lại, có điều không được khéo tin tưởng, có thể là thật, chân, không thay đổi. Lại nữa đây là *Bhāradvāja*, có điều được khéo tùy hỷ... được khéo tùy vãn... được khéo cân nhắc suy tư... được khéo chấp nhận, có thể là trống không, trống rỗng, hư vọng. Trái lại, có điều không được khéo chấp nhận, có thể là thật, chân, không thay đổi. Hộ trì chân lý, đây là *Bhāradvāja* không đủ để một người có trí đi đến kết luận một chiều là: "Chỉ đây là sự thật, ngoài ra đều là sai lầm"

(Trung Bộ Kinh 2. Kinh Cankī)

- Không được khi dễ niềm tin của người khác. (Sn.889)

*Atisāraditṭhiyāva so samatto
Mānena matto paripuṇṇamānī
Sayameva sāmam manasābhisitto
Ditṭhi hi sā tassa tathā samattā.*

*Vị ấy quá say mê,
Với tri kiến của mình,
Nên trở thành kiêu mạn,
Viên mãn tự ý mình,
Tự mình với tâm ý,
Làm lễ quán đánh mình,
Do vậy, bị say mê,
Trong tri kiến của mình.*

2. 3. MÁT NIỀM TIN.

- Những giai đoạn của cuộc đời. (S.I.2)

*Accenti kālā tarayanti rattiyo,
Vayoguṇā anupubbam jahanti;
Etaṃ bhayaṃ maraṇe pekkhamāno,
Lokāmisam pajahe santi pekkho.*

*Thời gian lặng trôi qua,
Đêm ngày luôn di động,
Tuổi tác buổi thanh xuân,
Tiếp tục bỏ chúng ta.
Những ai chịu quán sát,
Sợ hãi tử vong này,
Hãy bỏ mọi thế lợi,
Tâm hướng cầu tịch tịnh.*

- Bản chất của mọi vật có điều kiện. (S.I.158)

*Aniccā vata saṅkhārā
Uppādavayadhammino
Uppajjitvā nirujjhanti
Tesaṃ vūpasamo sukho*

*Các hành là vô thường,
Có sanh phải có diệt,
Sau khi sanh, chúng diệt,
Tịch chỉ chúng, an lạc.*

- Cuộc đời thật ngắn ngủi. (S.I.108)

*Appamāyu manussānaṃ
Hīleyya naṃ suporiso
Careyyādittasīsova
Natthi maccussa nāgamo.*

*Loài Người thọ mạng ngắn,
Người lành phải âu lo,
Như cháy dầu, hãy sống,
Tử vong rồi phải đến.*

- Mọi vật ít khi theo ước vọng của chúng ta. (Sn.588)

*Yena yena hi maññanti
Tato taṃ hoti aññathā
Etādiso vinābhāvo
Passa lokassa pariyāyaṃ.*

*Loài Người còn mong ước,
Thế này hay thế khác,
Nhưng sự việc xảy ra,
Hoàn toàn thật sai khác,
Như vậy tánh không có,
Xem định tánh của đời.*

- Thoáng qua bản chất của cuộc đời. (Vism.48)

“Cuộc sống, nhân cách, niềm vui và đau khổ, chúng là như thế, chỉ như một thoáng suy tư rồi bất chợt nó vùng tan biến”.

- Không có gì độc nhất trong thể xác con người. (M.II.196)

*Tesaṃ vo ahaṃ byakkhissaṃ
(Vāseṭṭhāti bhagavā)
Anupubbaṃ yathātathaṃ
Jātivibhaṅgaṃ paṇānaṃ
Aññaṃaññāhi jātiyo.*

*Này Ông Vāseṭṭha,
Ta trả lời cho Ông,
Thuận thứ và như thật,
Sự phân loại do sanh,
Của các loại hữu tình,
Chính do sự sanh đẻ,
Do sanh, có dị loại.*

*Tiṇarukkhepi jānātha
Na cāpi paṭijānare
Liṅgaṃ jātimayaṃ tesaṃ
Aññaṃaññā hi jātiyo.*

*Hãy xem cỏ và cây,
Dầu chúng không nhận thức,
Chúng có tướng thọ sanh,
Do sanh, có dị loại.*

*Tato kīṭe paṭaṅge ca
Yāva kunthakipillike
Liṅgaṃ jātimayaṃ tesaṃ
Aññaṃaññā hi jātiyo.*

*Hãy xem loại côn trùng,
Bướm đêm, các loại kiến,
Chúng có tướng thọ sanh,
Do sanh, có dị loại.*

*Catuppadepi jānātha
Khuddake ca mahallake
Liṅgaṃ jātimayaṃ tesam
Aññamaññā hi jātiyo.*

*Hãy xem loại bốn chân,
Loại nhỏ và loại lớn,
Chúng có tướng thọ sanh,
Do sanh, có dị loại.*

*Pādudarepi jānātha
Urage dīghapiṭṭhike
Liṅgaṃ jātimayaṃ tesam
Aññamaññā hi jātiyo.*

*Hãy xem loài bò sát,
Loại rắn, loại lưng dài,
Chúng có tướng thọ sanh,
Do sanh, có dị loại.*

*Tato macchepi jānātha
Udake vārigocare
Liṅgaṃ jātimayaṃ tesam
Aññamaññā hi jātiyo.*

*Hãy xem các loại cá,
Loại sinh sống trong nước,
Chúng có tướng thọ sanh,
Do sanh, có dị loại.*

*Tato pakkhīpi jānātha
Pattayāne vihaṅgame
Liṅgaṃ jātimayaṃ tesam
Aññamaññā hi jātiyo.*

*Hãy xem các loại chim,
Loại có cánh trên trời,
Chúng có tướng thọ sanh,
Do sanh, có dị loại.*

*Yathā etāsu jātīsu
Līṅgaṃ jātimayaṃ puthu
Evaṃ natthi manussesu
Līṅgaṃ jātimayaṃ puthu.*

*Tùy theo sự thọ sanh,
Chúng có tướng tùy sanh.
Trong thế giới loài Người,
Tướng sanh không có nhiều.*

*Na kesehi na sīsehi
Na kaṇṇehi na akkhīhi
Na mukhena na nāsāya
Na oṭṭhehi bhamūhi vā.
Na gīvāya na aṃsehi
Na udarena na piṭṭhiyā
Na soṇiyā na urasā
Na sambādhe na methune.*

*Không ở đầu mái tóc,
Không ở tai, ở mắt,
Không ở miệng, ở mũi,
Không ở môi, ở mày,
Không ở cổ, ở nách,
Không ở bụng, ở lưng,
Không ở ngực, ở vú,
Không âm hộ, hành dâm.*

*Na hatthehi na pādehi
Naṅgulīhi nakhehi vā
Na jaṅghāhi na ūrūhi
Na vaṇṇena sarena vā
Līṅgaṃ jātimaṃ neva
Yathā aññāsu jātisu.*

*Không ở tay, ở chân,
Không ở ngón, ở móng,
Không ở cổ chân, vế,
Không ở sắc, ở tiếng.*

*Paccattaṇca sarīresu
Manussesvetam na vijjati
Vokāraṇca manussesu
Samaññāya pavuccati.*

*Không tướng, do tùy sanh,
Tùy sanh, loại sai khác.
Trên tự thân con người,
Không có gì đặc biệt.
Chỉ tùy theo danh xưng,
Loài Người được kêu gọi.*

(Trung Bộ Kinh 2. Kinh Vāseṭṭha)

- Năm điều bất định trong cuộc sống. (Vism.236)

*Jīvitam byādhī kālō ca
Dehanikkhepanaṃ gati
Pañcete jīvalokasmim
Animittā na nāyare.*

1. Điều bất định thứ nhất là may mắn và rủi ro, được và mất, kể cả hạnh phúc và đau khổ, còn sự lâu hay chậm của chúng về phía tương lai của chúng ta chứ không ở ngay trong lúc hiện tại này.

2. Điều bất định thứ hai là tình trạng sức khỏe của chúng ta hay một thứ bệnh nào khác sẽ làm chúng ta sầu khổ ở tương lai chứ không phải ở ngay lúc hiện tại này.

3. Điều bất định thứ ba là ngày giờ và nơi chốn, cùng cái kiểu cách chính xác mà chúng ta chết.

4. Điều bất định thứ tư là ở nơi nào và bằng phương cách nào cái xác chết của chúng ta sẽ được xử lý. Cho dù những điều này đã được đồng ý hay kiểm nhận qua lời trăn trối với quyền thuộc cũng không thể đoán trước được hoàn cảnh nào xảy ra có thể làm cho ước nguyện cuối cùng của chúng ta không thể thực hiện được.

5. Điều bất định thứ năm là ở nơi đâu và hình dạng ra sao ở kiếp sau của chúng ta sau khi chết.

2. 4. SỰ ĐAU KHỔ.

- Chúng ta đau khổ vì không hiểu rõ được Tứ Diệu Đế.
(S.V.431)

*Catunnaṃ ariyasaccānaṃ
Yathābhūtaṃ adassanā
Saṃsitāṃ dīghamaddhānaṃ
Tāsu tāsveva jātisu.*

*Do không như thật thấy,
Bốn sự thật bậc Thánh,
Phải lâu ngày luân chuyển,
Trải qua nhiều đời sống.*

*Tāni etāni diṭṭhāni
Bhavanetti samūhatā
Ucchinnaṃ mūlaṃ dukkhassa
Natthidāni punabbhavo.*

*Khi chúng được thấy rõ,
Mầm tái sinh nhỏ sạch,
Gốc khổ được đoạn tận,
Nay không còn tái sinh.*

*(Tương Ứng Bộ Kinh 5. Tương Ứng Sự Thật.
Phẩm Kotigāma. Phần Minh (1))*

- Trách nhiệm của thượng đế. (Jā. 528)

*Issaro sabbalokassa
Sace kappeti jīvitāṃ
Iddhiṃ byasanabhāvañca
Kammaṃ kalyāṇapāpakāṃ
Niddesakārī puriso
Issaro tena lippati.*

*Nếu có Chúa trời đủ vạn năng
Cho người thiện, ác, lạc, ưu tràn,
Đáng kia quả thật mang đầy tội,
Người theo ý chúa, chỉ chuyên làm.*

(Jātaka 528 - Mahābodhijātaka)

- Tránh hành động ác để khỏi khổ đau. (Ud.50)

*Sace bhāyatha dukkhassa
Sace vo dukkhamappiyaṃ
Mākattha pāpakaṃ kammaṃ
Āvi vā yadi vā raho.*

*Nếu con không ưa khổ,
Dầu bất cứ chỗ nào,
Chớ làm các nghiệp ác,
Trước mặt hay sau lưng.*

*Sace ca pāpakaṃ kammaṃ
Karissatha karoṭha vā
Na vo dukkhā pamutyatthi
Upeccapi palāyataṃ.*

*Nếu Con làm, sẽ làm,
Các nghiệp ác, bất thiện,
Con không giải thoát khổ,
Dầu nhảy vọt và chạy.*

- Không tham muốn, không khổ não. (Dhp.215)

*Kāmato jāyatī soko
Kāmato jāyatī bhayaṃ
Kāmato vippamuttassa
Natthi soko kuto bhayaṃ.*

*Dục ái sinh sầu ưu,
Dục ái sinh sợ hãi,*

Ai thoát khỏi dục ái,
Không sầu, đâu sợ hãi?

- Tham ái cần phải đoạn trừ. (Dhp.338)

*Yathāpi mūle anupaddave dalhe
Chinnopi rukkho punareva rūhati
Evampi taṇhānusaye anūhate
Nibbattaṭī dukkhamidaṃ punappunaṃ.*

Như cây bị chặt đốn,
Gốc chưa hại vẫn bền
Ái tùy miên chưa nhổ,
Khổ này vẫn sanh hoài.

- Tham ái và kết quả của nó. (Sn.776-777)

*Passāmi loke pariphandamānaṃ
Pajamaṃ imaṃ taṇhagataṃ bhavesu
Hīnā narā maccumukhe lapanti
Avīтатаṇhāse bhavābhavesu.*

Ta thấy ở trên đời,
Loài Người run, sợ hãi,
Đi đến khát ái này,
Trong những loại sanh hữu.
Phàm những người thấp kém,
Than van trước miệng chết,
Chưa viễn ly khát ái,
Đối với hữu, phi hữu.

*Mamāyite passatha phandamāne
Maccheva appodake khīṇasote
Etampi disvā amamo careyya
Bhavesu āsattimakubbamāno.*

*Hãy nhìn những người ấy,
Run sợ trong tự ngã,
Như cá chỗ ít nước,
Trong dòng sông khô cạn,
Thấy được sự kiện này,
Hãy sống không của ta,
Không làm sự việc gì,
Khiến tham đắm các hữu.*

- Cửa cái hại kẻ ngu. (Dhp.355)

*Hananti bhogā dummedham
No ca pāragavesino
Bhogatañhāya dummedho
Hanti aññeva attanam.*

*Tài sản hại người ngu.
Không người tìm bờ kia
Kẻ ngu vì tham giàu,
Hại mình và hại người.*

- Hãy quy y Tam Bảo khi sợ hãi. (S.I.220)

*Araññe rukkhamūle vā
Suññāgāreva bhikkhavo
Anussaretha sambuddham
Bhayaṃ tumhāka no siyā.*

*Này các vị Tỷ-kheo,
Trong rừng hay gốc cây,
Hay tại căn nhà trống,
Hãy niệm bậc Chánh Giác.
Các Ông có sợ hãi,
Sợ hãi sẽ tiêu diệt.*

*No ce buddham sareyyātha
Lokajettṭham narāsabham
Atha dhammam sareyyātha
Niyyanikam sudesitam.*

*Nếu không tư niệm Phật,
Tối thượng chủ ở đời,
Và cũng là Nguru vương,
Trong thế giới loài Người,
Vậy hãy tư niệm Pháp,
Hướng thượng, khéo tuyên thuyết.*

*No ce dhammam sareyyātha
Niyyanikam sudesitam
Atha saṅgham sareyyātha
Puññakkhetṭam anuttaram.*

*Nếu không tư niệm Pháp,
Hướng thượng, khéo tuyên thuyết,
Vậy hãy tư niệm Tăng,
Là phước điền vô thượng.*

*Evam buddham sarantānam
Dhammam saṅghaṇca bhikkhavo
Bhayam vā chambhitattam vā
Lomahaṃso na hessati.*

*Vậy này các Tỷ-kheo,
Như vậy tư niệm Phật,
Tư niệm Pháp và Tăng,
Sợ hãi hay hoảng hốt,
Hay lông tóc dựng ngược,
Không bao giờ khởi lên.*

**- Làm sao để vượt qua những trở ngại của con người?
(S.I.13)**

Một chư thiên muốn hết sự hoài nghi của ông ta về những trở ngại của con người, nên vào một đêm ông ta đến gặp Đức Phật và hỏi :

*Anto jaṭā bahi jaṭā
Jaṭāya jaṭitā pajā
Taṃ taṃ gotama pucchāmi
Ko imaṃ vijaṭaye jaṭaṃ.*

*Nội triền và ngoại triền,
Chúng sanh bị triền phược,
Con hỏi Gotama,
Ai thoát khỏi triền này?*

Đức Phật giải thích như sau :

*Sīle paṭiṭṭhāya naro sapañño
Cittaṃ paññañca bhāvayaṃ
Ātāpī nipako bhikkhu
So imaṃ vijaṭaye jaṭaṃ.*

*Người trú giới có trí,
Tu tập tâm và tuệ,
Nhiệt tâm và thận trọng,
Tỷ-kheo ấy thoát triền.*

2. 5. ĐẠO LỘ.

- Hãy theo Trung đạo. (S.V.420)

Yo cāyaṃ kāmesu kāmasukhallikānuyogo hīno gammo pothujjaniko anariyo anattasaṃhito, yo cāyaṃ attakilamathānuyogo dukkho anariyo anattasaṃhito. Ete kho, bhikkhave, ubho ante anupagamma majjhimā paṭipadā tathāgatena abhisambuddhā cakkhukaraṇī ñāṇakaraṇī upasamāya abhiññāya sambodhāya nibbānāya saṃvattati.

Một là đắm say trong các dục (kāmesu), hạ liệt, đê tiện, phàm phu, không xứng bậc Thánh, không liên hệ đến mục đích. Hai là tự hành khổ mình, khổ đau, không xứng bậc Thánh, không liên hệ đến mục đích. Tránh xa hai cực đoan này, này các Tỷ-kheo, là con đường Trung đạo, do Như Lai chánh giác, tác thành mắt, tác thành trí, đưa đến an tịnh, thắng trí, giác ngộ, Niết-bàn.

*(Tương Ưng Bộ Kinh 5. Tương Ưng Sự Thật.
Phẩm Chuyển Pháp Luân. Phần Như Lai Thuyết)*

- Đạo lộ không phải cho kẻ gian dối. (Ud.75)

*Kāmandhā jālasaṇṇchannā
Taṇhāchadanachāditā
Pamattabandhunā baddhā
Macchāva kumināmukhe;
Jarāmarañamanventi
Vaccho khīrapakova mātaraṃ.*

*Bị mù bởi các dục,
Bị bao phủ bởi lưới,
Bị ái dục bao trùm,
Lại còn bị trói buộc,*

*Bởi trời buộc phóng dật,
Như cá mắc miệng lưới,
Họ đi đến già chết,
Như con bê bú sữa.*

- Thận trọng và cầu thả. (Dhp.21)

*Appamādo amatapadaṃ
Pamādo maccuno padaṃ
Appamattā na mīyanti
Ye pamattā yathā matā.*

*Không phóng dật, đường sống,
Phóng dật là đường chết.
Không phóng dật, không chết,
Phóng dật như chết rồi.*

- Ánh sáng đã sinh khởi. (S.V.422)

Trong thời pháp thoại đầu tiên, Đức Phật đã tuyên bố :

"Sự giác ngộ về các pháp đã sinh khởi trong ta, các pháp ấy chưa từng được nghe trước đây".

Đây là Thánh đế về Khổ, này các Tỷ-kheo, đối với các pháp từ trước Ta chưa từng được nghe, nhãn sanh, trí sanh, tuệ sanh, minh sanh, quang sanh.

Idaṃ dukkhaṃ ariyasacca'nti me, bhikkhave, pubbe ananussutesu dhammesu cakkhūṃ udapādi, ñāṇaṃ udapādi, paññā udapādi, vijjā udapādi, āloko udapādi.

Đây là Thánh đế về Khổ tập, này các Tỷ-kheo, đối với các pháp từ trước Ta chưa từng được nghe, nhãn sanh, trí sanh, tuệ sanh, minh sanh, quang sanh.

Idaṃ dukkhasamudayaṃ ariyasacca'nti me, bhikkhave, pubbe ananussutesu dhammesu cakkhuṃ udapādi, ñāṇaṃ udapādi, paññā udapādi, vijjā udapādi, āloko udapādi.

Đây là Thánh đế về Khổ diệt, này các Tỷ-kheo, đối với các pháp từ trước Ta chưa từng được nghe, nhãn sanh, trí sanh, tuệ sanh, minh sanh, quang sanh.

Idaṃ dukkhanirodhaṃ ariyasacca'nti me, bhikkhave, pubbe ananussutesu dhammesu cakkhuṃ udapādi, ñāṇaṃ udapādi, paññā udapādi, vijjā udapādi, āloko udapādi.

Đây là Thánh đế về Con Đường đưa đến khổ diệt, này các Tỷ-kheo, đối với các pháp từ trước Ta chưa từng được nghe, nhãn sanh, trí sanh, tuệ sanh, minh sanh, quang sanh.

Idaṃ dukkhanirodhagāminī paṭipadā ariyasacca'nti me, bhikkhave, pubbe ananussutesu dhammesu cakkhuṃ udapādi, ñāṇaṃ udapādi, paññā udapādi, vijjā udapādi, āloko udapādi.

- Niềm an lạc của xuất gia. (A.I.80)

“Dvemāni, bhikkhave, sukhāni. Katamāni dve? Gihisukhañca pabbajitasukhañca. Imāni kho, bhikkhave, dve sukhāni. Etadaggaṃ, bhikkhave, imesaṃ dvinnaṃ sukhānaṃ yadidaṃ pabbajitasukhaṃ.

Có hai loại lạc này, này các Tỷ-kheo. Thế nào là hai? Lạc tại gia và lạc xuất gia. Những pháp này, này các Tỷ-kheo, là hai lạc. Tối thắng trong hai lạc này, này các Tỷ-kheo, tức là lạc xuất gia.

- Trí tuệ là tĩnh lặng. (Sn.720-721)

*Taṃ nadīhi vijānātha
Sobbhesu padaresu ca*

*Saṇantā yanti kusobbhā
Tuṇhīyanti mahodadhī.*

*Hãy học các dòng nước,
Từ khe núi vực sâu.
Nước khe núi chảy ôn,
Biển lớn động im lặng.*

*Yadūnakam taṃ saṇati
Yaṃ pūraṃ santameva taṃ
Adḍhakumbhūpamo bālo
Rahado pūrova paṇḍito.*

*Cái gì trống kêu to,
Cái gì đầy yên lặng,
Ngu như ghè vơi nước,
Bậc trí như ao đầy.*

- Thiếu trí tuệ. (Dhp.152)

*Appassutāyaṃ puriso
Balibaddhova jīrati
Maṃsāni tassa vaḍḍhanti
Paññā tassa na vaḍḍhati.*

*Người ít nghe kém học,
Lớn già như trâu đực.
Thịt nó tuy lớn lên,
Nhưng tuệ không tăng trưởng."*

- Hai con đường khác nhau. (Dhp.75)

*Aññā hi lābhūpanisā
Aññā nibbānagāminī
Evameva abhiññāya*

*Bhikkhu buddhassa sāvako
Sakkāraṃ nābhinandeyya
Vivekamanubrūhaye.*

*Khác thay duyên thế lợi,
Khác thay đường Niết Bàn.
Tỷ kheo, đệ tử Phật,
Hãy như vậy thắng tri.
Chớ ưa thích cung kính,
Hãy tu hạnh viễn ly.*

- Bản chất của người trí. (A.II.178)

*Idha, bhikkhu, paṇḍito mahāpañño nevattabyābādhāya
ceteti na parabyābādhāya ceteti na ubhayabyābādhāya ceteti
attahitaparahitabhaya-hitasabbalokahitameva cintayamāno
cinteti.*

*Này Tỷ-kheo, Bậc Hiền trí, Đại tuệ, không có nghĩ tự làm
hại mình, không có nghĩ tự làm hại người, không có nghĩ tự
mình làm hại cả hai, có suy nghĩ điều gì thời suy nghĩ lợi mình,
lợi người, lợi cả hai, lợi toàn thể thế giới.*

*(Tăng Chi Bộ Kinh 2. Chương Bốn Pháp. Phẩm Chiến Sĩ.
Phần Con Đường Sai Lạc).*

- Tránh hai cực đoan.

Chân lý quan trọng của Phật Giáo được coi như ở giữa
hai quan điểm cực đoan.

Thực thể luận cực đoan cho rằng mọi vật đều tồn tại
(*sabbam atthiti*), đó là một cực đoan. Còn thuyết hư vô thì quả

quyết rằng chẳng có gì tồn tại (*sabbam natthiti*), đó là một cực đoan khác. Chân lý nằm ở giữa hai cực đoan này. (S.II.76)

Bà-la-môn Jānussoṇi bạch Thế Tôn:

- *Thưa Tôn giả Gotama, có phải tất cả đều có?*

- *Này Bà-la-môn, tất cả đều có, ấy là một cực đoan.*

- *Thưa Tôn giả Gotama, có phải tất cả đều không có?*

- *Này Bà-la-môn tất cả đều không có, ấy là cực đoan thứ hai. Này Bà-la-môn, từ bỏ hai cực đoan ấy, Như Lai thuyết pháp theo trung đạo.*

*(Tương Ưng Bộ Kinh 2. Tương Ưng Nhân Duyên.
Phẩm Gia Chủ. Phần Jānussoṇi)*

Tín điều về sự bất tử (*sassatadiṭṭhi*) là một cực đoan, còn tín điều về sự tuyệt diệu (*ucchedadiṭṭhi*) là một cực đoan khác. (S.III.98)

Vị ấy có thể không quán sắc như là tự ngã; không quán thọ... không quán tưởng... không quán các hành... không quán thức là tự ngã; có thể không có (tà) kiến như sau: "Đây là tự ngã, đây là thế giới; sau khi chết, tôi sẽ trở thành thường còn, thường hằng, thường trú, không chịu sự biến hoại". Nhưng vị ấy có thể có (tà) kiến như sau: "Nếu trước ta không có, thời nay không có của ta. Nếu ta sẽ không có, thời sẽ không có của ta".

Vị ấy có thể không quán sắc như là tự ngã... không quán thọ... không quán tưởng... không quán các hành... không quán thức như là tự ngã... không quán tự ngã ở trong thức; không có (tà) kiến như sau: "Đây là tự ngã, đây là thế giới; sau khi chết tôi sẽ thường còn, thường hằng, thường trú, không chịu sự biến hoại" ; có thể không có (tà) kiến như sau: "Nếu trước ta không có, thời nay không có của ta. Nếu ta sẽ không có, thời sẽ không

có của ta". Nhưng vị ấy có thể nghi hoặc, do dự, không đạt được cứu cánh trong Chánh pháp này.

*(Tương Ưng Bộ Kinh 3. Tương Ưng Uẩn.
Phẩm Những Gì Được Ăn. Phần Pārileyya).*

Hai quan điểm cực đoan cũng giống vậy là khái niệm của những người theo thuyết duy vật, cho rằng thể xác và linh hồn không khác biệt, còn khái niệm của những người theo thuyết nhị nguyên cho rằng linh hồn và thể xác là khác biệt. (S.II.60)

Này Tỷ-kheo, chỗ nào có (tà) kiến: "Sinh mạng và thân thể là một", chỗ ấy không có Phạm hạnh trú. Này Tỷ-kheo, chỗ nào có (tà) kiến: "Sinh mạng và thân thể là khác", chỗ ấy không có Phạm hạnh trú. Này Tỷ-kheo, từ bỏ hai cực đoan này, Như Lai thuyết pháp theo trung đạo.

*(Tương Ưng Bộ Kinh 2. Tương Ưng Nhân Duyên. Phẩm
Kalāra –
Vị Sát-đế-lỵ. Phần Do Duyên Vô Minh)*

Theo luận đề của những người theo thuyết định mạng cho rằng mọi vật được tạo theo điều kiện do các yếu tố trong quá khứ (*sabbam pubbekatahetu*), còn theo luận đề của những người theo thuyết hư vô định cho rằng không có cái gì được tạo thành phải tùy thuộc nguyên nhân và điều kiện (*sabbam ahetu appaccaya*). (A.I.173)

Này các Tỷ-kheo, có một số Sa-môn, Bà-la-môn thuyết như sau, chấp kiến như sau: "Phàm có cảm giác gì về con người này lãnh thọ lạc, khổ hay không khổ, không lạc, tất cả đều do nhân nghiệp quá khứ".

Này các Tỷ-kheo, có một số Sa-môn, hay Bà-la-môn, thuyết pháp như sau, chấp kiến như sau: "Phàm có cảm giác gì về con người này lãnh thọ lạc, khổ hay không khổ, không lạc, tất cả đều do không nhân, không duyên".

(Tăng Chi Bộ Kinh 3. Chương Ba Pháp. Phẩm Lớn. Phần Sở Y Xứ)

Có quan điểm cho rằng chúng ta phải hoàn toàn chịu trách nhiệm cho sự bất hạnh của chúng ta, còn quan điểm đối lập thì cho rằng chúng ta không phải chịu trách nhiệm cho sự bất hạnh của chúng ta chút nào cả. (S.II.20)

Một người làm và chính người làm ấy cảm thọ (kết quả). Này Kassapa, như Ông gọi ban đầu "khổ do tự mình làm ra", như vậy có nghĩa là thường kiến.

Một người khác làm và một người khác cảm thọ. Này Kassapa, như vậy đối với người bị cảm thọ, được xảy ra như: "Khổ do người khác làm ra", như vậy có nghĩa là đoạn kiến.

Này Kassapa, từ bỏ hai cực đoan ấy, Như Lai thuyết pháp theo con đường trung đạo.

(Tương Ưng Bộ Kinh 2. Tương Ưng Nhân Duyên. Phẩm Đồ Án. Phần Lỗa Thế)

Thuyết khoái lạc (*kāmasukhallikānuyogo*) là cực đoan, còn cực đoan kia là thuyết tuyệt dục (*attakilamathānuyogo*). (S.IV.330)

Có hai cực đoan mà người xuất gia không nên thực hành: Một là say đắm dục lạc đối với các dục vọng hạ liệt, đê tiện, phàm phu, không xứng Thánh hạnh, không liên hệ đến mục đích. Hai là hành hạ tự thân, khổ đau, không xứng bậc Thánh,

không liên hệ đến mục đích. Từ bỏ hai cực đoan này là con đường trung đạo, đã được Như Lai giác ngộ, tác thành mắt, tác thành trí, đưa đến an tịnh, thắng trí, giác ngộ, Niết-bàn.

(Tương Ưng Bộ Kinh 4. Tương Ưng Thôn Trưởng. Phần Rāsiya)

Qua tất cả những ví dụ này, người ta nói rằng Đức Phật không rơi vào hai cực đoan, thuyết giảng Giáo Pháp theo giữa của hai cực đoan. Vì ý nghĩa ở giữa hai cực đoan là sự thật.

Trung đạo (*Majjhimaṭṭipadā*) là một phương tiện của cả hai phương diện niềm tin lẫn đạo đức, điều đó được nói là "hãy có trí tuệ để đưa đến sự chứng ngộ". (M.I.15)

Ở đây, này chư Hiền, phẫn nộ là ác pháp và hiềm hận cũng là ác pháp, giả dối là ác pháp và náo hại cũng là ác pháp, tật đố là ác pháp và xan lẫn cũng là ác pháp, mạn trá là ác pháp và phản bội cũng là ác pháp, ngoan cố là ác pháp và bông bột nông nổi cũng là ác pháp, mạn là ác pháp và tăng thượng mạn cũng là ác pháp, kiêu là ác pháp và phóng dật cũng là ác pháp. Có một con đường Trung đạo diệt trừ kiêu và diệt trừ phóng dật, khiến (tịnh) nhãn sanh, khiến (chân) trí sanh, hướng đến tịch tịnh, thắng trí, giác ngộ, Niết-bàn. Và này chư Hiền, con đường Trung đạo ấy là gì - (con đường) khiến (tịnh) nhãn sanh, khiến (chân) trí sanh, hướng đến tịch tịnh, thắng trí, giác ngộ, Niết-bàn? Đó là con đường Thánh tám ngành, tức là: Chánh tri kiến, Chánh tư duy, Chánh ngữ, Chánh nghiệp, Chánh mạng, Chánh tinh tấn, Chánh niệm, Chánh định. Này chư Hiền, đó là con đường Trung đạo khiến (tịnh) nhãn sanh, khiến (chân) trí sanh, hướng đến tịch tịnh, thắng trí, giác ngộ, Niết-bàn.

(Trung Bộ Kinh 1. Kinh Thừa Tự Pháp).

Những chân lý này nằm ở giữa hai cực đoạn, dường như là một sự kiện ngẫu nhiên để khám phá dựa theo kinh nghiệm.

- Phát triển tâm linh. (A.I.61)

"Khi sự tĩnh lặng được phát triển, tâm được phát triển thì tham ái bị đoạn trừ. Khi tuệ giác được phát triển thì chánh kiến được phát triển và vô minh được đoạn trừ. Tâm bị cấu uế bởi tham ái thì không được giải thoát. Ở đâu có cấu uế do vô minh thì chánh kiến không được phát triển".

- Thần thông. (A.III.280)

Trong Phật Giáo, nhận biết được sáu loại thần thông mà một người có được qua sự phát triển thiền định. Mặc dù những pháp thần thông này không phải chủ yếu cho việc giải thoát nhưng chúng là một trợ lực lớn lao trong việc hiểu biết bản chất của chúng sanh và thế gian.

Phát triển thần thông – *Abhiññā*.

➤ **Thiên nhãn thông – *Dibbacakkhu*.**

Thiên nhãn thông thường được diễn tả như là một sự thấu thị, có thể làm cho con người thấy được cảnh trời hay những hiện tượng ở thế gian, xa hoặc gần mà mắt thường không thể thấy được.

➤ **Thiên nhân trí – Cutūpapāta ñāṇa.**

Trí hiểu biết được sự chết và tái sanh của chúng sanh nhờ vào thiên nhân. Trí biết được tương lai và hoàn cảnh của chúng sanh tùy theo nghiệp thiện hay ác của họ.

Vị ấy với thiên nhân thuần tịnh, siêu nhân, thấy sự sống và chết của chúng sanh. Vị ấy biết rõ rằng, chúng sanh người hạ liệt, kẻ cao sang, người đẹp đẽ, kẻ thô xấu, người may mắn, kẻ bất hạnh, đều do hạnh nghiệp của họ. Các chúng sanh này làm những ác hạnh về thân, ngữ, ý, phỉ báng các bậc thánh, theo tà kiến, tạo các nghiệp theo tà kiến. Những người này, sau khi thân hoại mạng chung, phải sanh vào cõi dữ, ác thú đọa xứ, địa ngục. Còn những chúng sanh này làm những thiện hạnh về thân, ngữ, ý, không phỉ báng các bậc thánh, theo chánh kiến, tạo các nghiệp theo chánh kiến. Những người này, sau khi thân hoại mạng chung, được sanh lên các cõi thiện, cõi trời, cõi đời này. Như vậy, vị ấy với Thiên nhân, thấy sự sống chết của chúng sanh. Vị ấy biết rõ rằng, chúng sanh người hạ liệt, kẻ cao sang, người đẹp đẽ, kẻ thô xấu, người may mắn, kẻ bất hạnh, đều do hạnh nghiệp của họ.

➤ **Thiên nhĩ thông – Dibbasota.**

Thiên nhĩ hay sự thấu thính có thể làm cho người ta nghe được những âm thanh thô hay tế, xa hay gần.

Với thiên nhĩ thuần tịnh siêu nhân, nghe được hai loại tiếng, chư Thiên và loài Người ở xa và gần.

➤ **Túc mạng minh – Pubbe nivāsānussati ñāṇa.**

Oai lực có thể nhớ lại được những kiếp quá khứ của chính vị đó và của những người khác. Khi đề cập đến loại tuệ này thì tuệ của Đức Phật là vô biên, còn của các vị khác thì có giới hạn.

Nhớ đến các đời sống quá khứ, như một đời, hai đời, ba đời, bốn đời, năm đời, mười đời, hai mươi đời, ba mươi đời, bốn mươi đời, năm mươi đời, một trăm đời, hai trăm đời, một ngàn đời, một trăm ngàn đời; nhiều hoại kiếp, nhiều thành kiếp, nhiều hoại và thành kiếp; vị ấy nhớ rằng: "Tại chỗ kia, ta có tên như thế này, dòng họ như thế này, giai cấp như thế này, thọ khổ lạc như thế này, tuổi thọ đến mức như thế này. Sau khi chết tại chỗ kia, ta được sanh ra tại chỗ nọ. Tại chỗ ấy ta có tên như thế này, dòng họ như thế này, giai cấp như thế này, thọ khổ lạc như thế này, tuổi thọ đến mức như thế này. Sau khi chết tại chỗ nọ, ta được sanh ra ở đây". Như vậy vị ấy nhớ đến nhiều đời sống quá khứ cùng với các nét đại cương và các chi tiết.

➤ **Tha tâm trí – Para citta vijānana ñāṇa.**

Oai lực để hiểu rõ tư tưởng của người khác.

Sau khi đi sâu vào tâm của chúng sanh, của loài Người với tâm của mình, vị ấy rõ biết như sau: "Tâm có tham, rõ biết là tâm có tham, hay tâm ly tham... hay tâm có sân... hay tâm ly sân... hay tâm có si... hay tâm ly si... hay tâm chuyên chú... hay tâm tán loạn... hay đại hành tâm... hay không phải đại hành tâm... hay tâm chưa vô thượng... hay tâm vô thượng... hay tâm Thiền định... hay tâm không Thiền định... hay tâm giải thoát... hay tâm không giải thoát, rõ biết là tâm không giải thoát".

➤ **Phép thân thông – Iddhividha.**

Oai lực để bay trong không trung, đi trên mặt nước, độn thổ, biến hóa nhiều thân khác nhau...

Ở đây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo chứng được các loại thân thông: một thân hiện ra nhiều thân, nhiều thân hiện ra một thân, hiện hình, biến hình, đi ngang qua vách, qua tường, qua núi như đi ngang hư không, độn thổ trôi lên ngang qua đất liền, như ở trong nước, đi trên nước không chìm như trên đất liền, ngồi kiết già hay đi trên hư không như con chim, với bàn

tay chạm và sờ mặt trăng và mặt trời, những vật có đại oai lực, đại oai thần như vậy, có thể tự thân bay đến Phạm thiên.

(Tăng Chi Bộ Kinh 3. Chương Sáu Pháp.
Phẩm Đáng Được Cung Kính. Phần Đáng Được Cung Kính
(2))

2. 6. HƯỚNG VỀ SỰ HIỂU BIẾT HƠN CỦA CUỘC SỐNG.

- Ai có thể làm chủ xác thân này? (S.II.63)

Thân này chẳng của anh
Chẳng của ai khác cả
Mà do nghiệp quá khứ
Đã được chọn sẵn rồi
Phải kinh qua mới thấy.

**- Được Thánh quả tốt hơn được quyền lực thế gian.
(Dhp.178)**

*Pathabyā ekarajjena
Saggassa gamanena vā
Sabbalokādhīpaccena
Sotāpattiphalam varam.*

*Hơn thống lãnh cõi đất,
Hơn được sanh cõi trời,
Hơn chủ trì vũ trụ,
Quả Dự Lưu tối thắng."*

- Bệnh nào mới là trầm trọng. (A.II.142)

- Đây các Tỷ-kheo, có hai loại bệnh này. Thế nào là hai?
Bệnh về thân và bệnh về tâm.

Này các Tỷ-kheo, chúng ta thấy có chúng sanh tự nhận mình là không thân bệnh được một năm, tự nhận mình là không thân bệnh được hai năm, được ba ... được bốn ... được năm ... được mười ... được hai mươi ... được ba mươi ... được bốn mươi ... tự nhận mình là không thân bệnh được năm mươi năm, tự nhận mình là không thân bệnh được một trăm năm. Các chúng sanh ấy, này các Tỷ-kheo, rất khó tìm được ở đời là những chúng sanh tự nhận mình là không tâm bệnh dầu chỉ trong một khoảnh khắc, trừ những vị đã đoạn trừ các lậu hoặc.

(Tăng Chi Bộ Kinh 2. Chương Bốn Pháp.
Phẩm Các Căn. Phần Bệnh)

- Tránh tìm lỗi người khác. (Dhp.253)

*Paravajjānupassissa
Niccamaṃ ujjhānasaññino
Āsavā tassa vaḍḍhanti
Ārā so āsavakkhaya.*

*Ai thấy lỗi của người,
Thường sanh lòng chỉ trích,
Người ấy lậu hoặc tăng,
Rất xa lậu hoặc diệt.*

**- Làm thế nào đối mặt với sự tán thưởng và lời phỉ báng?
(D.I.3)**

- Này các Tỷ-kheo, nếu có người hủy báng Ta, hủy báng Pháp hay hủy báng Tăng, các người chớ có vì vậy sanh lòng công phần, tức tối, tâm sanh phiền muộn. Này các Tỷ-kheo, nếu có người hủy báng Ta, hủy báng Pháp hay hủy báng Tăng, và nếu các người sanh lòng công phần, tức tối, tâm sanh phiền

muộn, thời như vậy sẽ có hại cho các người. Nếu có người hủy báng Ta, hủy báng Pháp hay hủy báng Tăng, và nếu các người công phần và phiền muộn, thời các người có thể biết được lời nói của những kẻ ấy là đúng hay sai lạc chăng?

- Bạch Thế Tôn, không thể được!

- Nay các Tỷ-kheo, khi có người hủy báng Ta, hủy báng Pháp hay hủy báng Tăng, các người phải nói rõ những điểm không đúng sự thật là không đúng sự thật: - "Như thế này, điểm này không đúng sự thật; như thế này, điểm này không chính xác; việc này không có giữa chúng tôi; việc này không xảy ra giữa chúng tôi".

Nay các Tỷ-kheo, nếu có người tán thán Ta, tán thán Pháp, hay tán thán Tăng, thời các người không nên hoan hỷ, vui mừng, tâm không nên thích thú. Nay các Tỷ-kheo, nếu có người tán thán ta, tán thán Pháp hay tán thán Tăng, mà nếu các người hoan hỷ, vui mừng và thích thú thời sẽ có hại cho các người. Nay các Tỷ-kheo, nếu có người tán thán Ta, tán thán Pháp hay tán thán Tăng, thời các người hãy công nhận những gì đúng sự thật là đúng sự thật: "Như thế này, điểm này đúng sự thật, như thế này, điểm này chính xác, việc này có giữa chúng tôi, việc này đã xảy ra giữa chúng tôi".

(Trường Bộ Kinh 1. Kinh Phạm Võng)

- Niềm tin vào một linh hồn trường cửu. (M.I.137)

Chư Tỷ-kheo, các Ông có thể thấy một vật sở hữu nào được nắm giữ và vật sở hữu được nắm giữ ấy sẽ thường còn, thường hằng, thường trú, không chuyển biến, có thể trú như thế này mãi mãi không?

- Bạch Thế Tôn, không.

- Lành thay, này các Tỷ-kheo. Này các Tỷ-kheo, Ta cũng không thấy một vật sở hữu được nắm giữ nào, mà vật sở hữu được nắm giữ ấy sẽ thường còn, thường hằng, thường trú, không chuyển biến, có thể trú như thế này mãi mãi. Này các Tỷ-kheo, các Ông có thể chấp thủ Ngã luận thủ nào mà Ngã luận thủ ấy được chấp thủ như vậy lại không khởi lên sầu, bi, khổ, ưu, não không? Này các Tỷ-kheo, các Ông có thấy Ngã luận thủ nào mà Ngã luận thủ ấy được chấp thủ như vậy lại không khởi lên sầu, bi, khổ, ưu, não không?

- Bạch Thế Tôn không.

- Lành thay, này các Tỷ-kheo. Này các Tỷ-kheo, Ta cũng không thấy Ngã luận thủ nào mà Ngã luận thủ ấy được chấp thủ như vậy lại không khởi lên sầu, bi, khổ, ưu, não.

(Trung Bộ Kinh 1. Kinh Ví Dụ Con Rắn).

- Mãn nguyện. (S.I.5)

Vị chư Thiên nói lên bài kệ này trước mặt Thế Tôn:

*Araññe viharantānaṃ
Santānaṃ brahmacāriṇaṃ
Ekabhattaṃ bhuñjamānānaṃ
Kena vaṇṇo pasīdati.*

*Thường sống trong rừng núi,
Bậc Thánh sống Phạm hạnh,
Một ngày ăn một buổi,
Sao sắc họ thù diệu?*

(Thế Tôn):

*Aññaṃ nānusoṇanti
Nappajappanti nāgataṃ
Paccuppannaṃ yāpentī*

Tena vaṇṇo pasīdati.

*Không than việc đã qua,
Không mong việc sắp tới,
Sống ngay với hiện tại,
Do vậy, sắc thù diệt.*

*Anāgatappajappāya
Aññassānusocanā
Etena bālā sussanti
Naḷova harito luto.*

*Do mong việc sắp tới,
Do than việc đã qua,
Nên kẻ ngu héo mòn,
Như lau xanh rồi cành.*

*(Tương Ưng Bộ Kinh 1. Tương Ưng Chư Thiên.
Phẩm Cây Lau. Phân Rừng Núi)*

- Thái độ tâm linh đúng đắn. (Sn.71)

*Sīhova saddesu asantasanto
Vātova jālamhi asajjamāno
Padumaṃva toyena alippamāno
Eko care khaggavisāṇakappo.*

*Như sư tử, không động,
An tĩnh giữa các tiếng,
Như gió không vương mắc,
Khi thổi qua màn lưới.
Như hoa sen không dính,
Không bị nước thấm ướt,
Hãy sống riêng một mình
Như tê ngưu một sừng.*

- Cuộc sống năng động và hữu ích. (Dhp.112)

*Yo ca vassasataṃ jīve
Kusīto hīnavīriyo
Ekāhaṃ jīvitam seyyo
Vīriyamārabhato daḥhaṃ.*

*Ai sống một trăm năm,
Lười nhác không tinh tấn,
Tốt hơn sống một ngày
Tinh tấn tận sức mình.*

2. 7. BẢN CHẤT CỦA SỰ SINH TỒN.

- Mọi vật đều không bền vững. (Dhp.277-279)

*“Sabbe saṅkhārā aniccā” ti
Yadā paññāya passati
Atha nibbindati dukkhe
Esa maggo visuddhiyā.*

*"Tất cả hành vô thường "
Với Tuệ, quán thấy vậy
Đau khổ được nhàm chán;
Chính con đường thanh tịnh.*

*“Sabbe saṅkhārā dukkhā” ti,
Yadā paññāya passati
Atha nibbindati dukkhe
Esa maggo visuddhiyā.*

*"Tất cả hành khổ đau
Với Tuệ quán thấy vậy,
Đau khổ được nhàm chán;
Chính con đường thanh tịnh.*

“*Sabbe dhammā anattā*”*’ti*
Yadā paññāya passati
Atha nibbindati dukkhe
Esa maggo visuddhiyā.

"Tất cả pháp vô ngã,
Với Tuệ quán thấy vậy,
Đau khổ được nhàm chán
Chính con đường thanh tịnh.

- Vũ trụ tính trong mọi vật. (Dhp.277-279)

Cốt lõi nhất trong Phật Giáo là ba đặc tính trong mọi vật.

❖ Vô thường – *Aniccā*. Mọi pháp đều vô thường và không bền vững.

❖ Đau khổ – *Dukkha*. Mọi pháp đều đau khổ, bất toại nguyện, xung khắc.

❖ Vô ngã – *Anattā*. Không có linh hồn, không vững chắc, không có một thực thể trường tồn trong các pháp.

- Có điều kiện. (Vin.Mv.40)

Sự tùy thuộc điều kiện của mọi hiện tượng ở thế gian là phần tinh túy trong lời dạy của Đức Phật.

Đại đức Assaji (một trong các đệ tử đầu tiên của Đức Phật) đã tóm tắt lời dạy của Đức Phật như sau :

Ye dhammā hetuppabhavā
Tesaṃ hetuṃ tathāgato āha
Tesañca yo nirodho
Evaṃvādī mahāsamaṇo.

*Pháp sanh lên do nhân
Như Lai giảng nhân ấy,
Nhân diệt thời Pháp diệt
Đại sa-môn nói vậy.*

- Các pháp là bất diệt. (S.II.25)

Cho dù chư Phật có xuất hiện hay không xuất hiện ở thế gian này thì vẫn tồn tại yếu tố này, sự hình thành này, những hiện tượng này (các pháp). Điều xác thực này, ở các pháp được kể như sau : tùy thuộc điều kiện mà sanh khởi - *Paṭiccasamuppāda*. Đức Phật chỉ khám phá ra chúng mà thôi.

Dầu các Như Lai có xuất hiện hay không xuất hiện, an trú là giới tánh ấy, pháp trú tánh ấy, pháp quyết định tánh ấy, y duyên tánh ấy. Như Lai hoàn toàn chứng ngộ, hoàn toàn chứng đạt định lý ấy. Sau khi hoàn toàn chứng ngộ, hoàn toàn chứng đạt, Như Lai tuyên bố, tuyên thuyết, tường thuyết, khai hiển, khai thị, phân biệt, minh hiển, minh thị.

*(Tương Ứng Bộ Kinh 2. Tương Ứng Nhân Duyên.
Phẩm Đồ Ấn. Phần Duyên)*

- Khái niệm về bản ngã. (D.IX.169)

Chúng ta lấy sữa từ con bò, từ sữa bò có lớp váng sữa, từ lớp váng sữa ta có chất bơ, từ chất bơ ta có được bơ, từ bơ ta có được chất kem. Khi có sữa chúng ta không nói đến váng sữa, chất bơ, bơ hay kem, chúng ta chỉ nói đến sữa, khi có những lớp váng sữa chúng ta không nói đến chất bơ, khi có chất kem chúng ta không nói đến sữa.

Cũng giống như vậy, khi có một bản ngã hiện hữu, chúng ta không nói do tâm tạo hay một bản ngã vô hình. Khi có một bản ngã do tâm tạo hiện hữu, chúng ta không nói đó là bản ngã

hay một bản ngã vô hình. Khi có một bản ngã vô hình hiện hữu, chúng ta không nói đó là bản ngã hay bản ngã do tâm tạo, chúng ta chỉ nói về bản ngã. Đây chỉ là những tên gọi, những thành ngữ, những ngôn từ mang tính chất giai đoạn, những sự chế định mang tính phổ biến trong thế gian.

Một lý thuyết mà một hiện tượng không vững chắc hay hoàn toàn tồn tại (các pháp), mọi vật là vô ngã, đó là kết quả tự nhiên của một sự hiểu biết về pháp tùy thuộc sanh khởi. Làm sao giải thích như vậy được cho một người có suy nghĩ sai lầm nghe khi mà anh ta cứ cho rằng có một thực thể trường tồn.

Này Citta, ví như từ bò cái sanh ra sữa, từ sữa sinh ra lạc, từ lạc sanh ra sanh tô, từ sanh tô sanh ra thực tô, từ thực tô sanh ra đề hồ. Khi thành sữa thời sữa ấy không thuộc lạc, không thuộc sanh tô, không thuộc thực tô, không thuộc đề hồ, chính khi ấy thuộc sữa; khi thành lạc... khi thành sanh tô... khi thành thực tô... khi thành đề hồ thời đề hồ không thuộc sữa, không thuộc lạc, không thuộc sanh tô, không thuộc thực tô, chính khi ấy thuộc đề hồ.

Như vậy này Citta trong khi có thô phù ngã chấp... Này Citta, trong khi có ý sở thành ngã chấp... Này Citta, trong khi có vô sắc ngã chấp thời ngã chấp ấy không thuộc thô phù ngã chấp, không thuộc ý sở thành ngã chấp, chính khi ấy thuộc vô sắc ngã chấp. Này Citta, chúng chỉ là danh tự thể gian, ngôn ngữ thể gian, danh xưng thể gian, ký pháp thể gian. Như Lai dùng chúng nhưng không chấp trước chúng.

(Trường Bộ Kinh 1. Kinh Potṭhapāda)

- Phiền não vì thiếu sự hiểu biết về lý duyên khởi. (D.II.55)

Giáo Pháp của sự kiện sanh khởi từ các nhân này rất xa. Không xuyên qua sự hiểu biết giáo pháp này, không xuyên

qua sự xâm nhập giáo pháp này thì cuộc đời này trở thành một cuộn chỉ rối, không thể nào vượt qua được số phận khổ đau, con đường đầy khổ sở, sự phá sản và cái vòng luân hồi liên tục.

Này Ānanda, giáo pháp Duyên khởi này thâm thúy, thật sự thâm thúy. Này Ānanda, chính vì không giác ngộ, không thâm hiểu giáo pháp này mà chúng sanh hiện tại bị rối loạn như một ổ kén, rối ren như một ống chỉ, giống như cỏ munja và lau sậy babaja (ba-ba-la) không thể nào ra khỏi khổ xứ, ác thú, đọa xứ, sanh tử.

(Trường bộ Kinh 1. Kinh Đại Duyên)

- Nguyên nhân của sự trở thành và biến mất. (M.II.32)

Đau khổ là thể thức tùy thuộc điều kiện sanh khởi cần nên được quán xét :

"Cái này có mặt thì cái đây có mặt; do cái này sanh, cái đây sanh. Cái này không có mặt thì cái đây không có mặt; do cái này diệt, cái đây diệt"

(Trung Bộ Kinh 2. Tiểu Kinh Sakuludāyī)

- Cuộc sống thật quý đối với mọi loài. (Dhp.129)

*Sabbe tasanti danḍassa
Sabbe bhāyanti maccuno
Attānaṃ upamaṃ katvā
Na haneyya na ghātaye.*

*Mọi người sợ hình phạt,
Mọi người sợ tử vong.
Lấy mình làm ví dụ
Không giết, không bảo giết.*

- Sự hợp pháp của Giáo Pháp – Dhammaniyāma. (A.I.286)

- *Này các Tỷ-kheo, dầu các Như Lai có xuất hiện hay không xuất hiện, vẫn được an trú là pháp trú tánh của giới ấy, là pháp quyết định tánh, tức là: "Tất cả các hành là vô thường". Vấn đề này, Như Lai chánh giác tri, chánh giác ngộ, sau khi chánh giác tri, chánh giác ngộ, Như Lai tuyên bố, thuyết giảng, tuyên thuyết, xác nhận, khai thị, phân biệt, hiển thị: "Tất cả các hành là vô thường".*

Này các Tỷ-kheo, dầu các Như Lai có xuất hiện hay không xuất hiện, vẫn được an trú là pháp trú tánh của giới ấy, là pháp quyết định tánh, tức là: "Tất cả các hành là khổ". Về vấn đề này, Như Lai chánh giác tri, chánh giác ngộ, sau khi chánh giác tri, chánh giác ngộ, Như Lai tuyên bố, thuyết giảng, tuyên thuyết, xác nhận, khai thị, phân biệt, hiển thị: "Tất cả các hành là khổ".

Này các Tỷ-kheo, dầu các Như Lai có xuất hiện hay không xuất hiện, vẫn được an trú là pháp trú tánh của giới ấy, là pháp quyết định tánh, tức là: "Tất cả các pháp là vô ngã". Về vấn đề này, Như Lai chánh giác tri, chánh giác ngộ. Sau khi chánh giác tri, chánh giác ngộ, Như Lai tuyên bố, thuyết giảng, tuyên thuyết, xác nhận, khai thị, phân biệt, hiển thị: "Tất cả các pháp là vô ngã".

*(Tăng Chi Bộ Kinh 1. Chương Ba Pháp.
Phẩm Kế Chiến Sĩ. Phần Xuất Hiện)*

- Bạn có thể mang theo được cái gì của thế gian? (S.I.71)

Attānañce piyaṃ jaññā

Na naṃ pāpena saṃyuje

*Na hi taṃ sulabhaṃ hoti
Sukhaṃ dukkaṭakārinā.*

*Antakenādhipannassa
Jahato mānusaṃ bhavaṃ
Kiñhi tassa sakaṃ hoti
Kiñca ādāya gacchati
Kiñcassa anugaṃ hoti
Chāyāva anapāyinī.*

*Ubho puññañca pāpañca
Yaṃ macco kurute idha
Tañhi tassa sakaṃ hoti
Tañca ādāya gacchati
Tañcassa anugaṃ hoti
Chāyāva anapāyinī.*

*Tasmā kareyya kalyāṇaṃ
Nicayaṃ samparāyikaṃ
Puññāni paralokasmiṃ
Patiṭṭhā honti pāṇinaṃ.*

*Nếu những ai biết được,
Tự ngã là thân ái,
Họ sẽ không liên hệ,
Với các điều ác hạnh.
Kẻ làm điều ác hạnh,
Khó được chơn hạnh phúc,
Bị thần chết cầm tù,
Từ bỏ thân làm người.
Kẻ có nghiệp như vậy,
Cái gì là của mình?
Lấy cái gì đem đi?
Cái gì theo dõi họ,
Như bóng theo dõi hình?*

*Ở đây kẻ bị chết,
Làm các nghiệp công đức,
Làm các nghiệp ác đức,
Lấy cả hai đem đi.
Cả hai của kẻ ấy,
Như bóng theo dõi hình.
Cả hai theo kẻ ấy,
Do vậy hãy làm lành,
Tích lũy cho đời sau,
Công đức cho đời sau,
Là hậu cứu cho người.*

*(Tương Ứng Bộ Kinh 1. Tương Ứng Kosala.
Phẩm Thứ Nhất. Phần Thân Ái)*

CHƯƠNG 3

GIỚI HẠN

3. 1. LÀM BIỆC TỐT.

- Làm việc tốt và tránh việc ác là có thể. (A.I.58)

Này các Tỷ-kheo, hãy từ bỏ bất thiện, này các Tỷ-kheo, từ bỏ bất thiện có thể làm được. Nếu từ bỏ bất thiện không thể làm được thì ta đã không nói như sau: "Này các Tỷ-kheo, hãy từ bỏ bất thiện". Vì rằng, này các Tỷ-kheo, từ bỏ bất thiện có thể làm được, do vậy Ta mới nói rằng: "Này các Tỷ-kheo, hãy từ bỏ bất thiện". Và nếu, này các Tỷ-kheo, từ bỏ bất thiện đưa đến bất hạnh, đau khổ, thì ta không nói như sau: "Này các Tỷ-kheo, hãy từ bỏ bất thiện". Và này các Tỷ-kheo, vì từ bỏ bất thiện đưa đến hạnh phúc, an lạc, nên Ta đã nói như sau: "Này các Tỷ-kheo, hãy từ bỏ bất thiện".

Này các Tỷ-kheo, hãy tu tập thiện. Này các Tỷ-kheo, tu tập thiện có thể làm được. Nếu tu tập thiện không thể làm được, này các Tỷ-kheo, thì ta đã không nói như sau: "Này các Tỷ-kheo, hãy tu tập thiện". Vì rằng, này các Tỷ-kheo, tu tập thiện có thể làm được, do vậy Ta mới nói rằng: "Này các Tỷ-kheo, hãy tu tập thiện". Và nếu, này các Tỷ-kheo, tu tập thiện đưa đến bất hạnh, đau khổ, thì ta đã không nói như sau: "Này các Tỷ-kheo, hãy tu tập thiện". Và vì rằng, này các Tỷ-kheo, tu tập thiện đưa đến hạnh phúc, an lạc, nên Ta đã nói như sau: "Này các Tỷ-kheo, hãy tu tập thiện".

*(Tăng Chi Bộ Kinh 1. Chương Hai Pháp. Phẩm Tranh Luận.
Phần Các Sức Mạnh)*

- Để làm được việc tốt là việc khó làm. (Dhp.163)

*Sukarāṇi asādhūṇi
Attano ahitāṇi ca
Yaṃ ve hitaṇca sādhuṇca
Taṃ ve paramadukkaraṃ.*

*Để làm các điều ác,
Để làm tự hại mình.
Còn việc lành, việc tốt,
Thật tối thượng khó làm.*

- Hãy suy nghĩ trước khi làm. (M.I.415)

- Nay Rāhula, Ông nghĩ thế nào? Mục đích của cái gương là gì?

- Bạch Thế Tôn, mục đích là để phản tỉnh.

- Cũng vậy, nay Rāhula, sau khi phản tỉnh nhiều lần, hãy hành thân nghiệp. Sau khi phản tỉnh nhiều lần, hãy hành khẩu nghiệp. Sau khi phản tỉnh nhiều lần, hãy hành ý nghiệp.

Nay Rāhula, khi Ông muốn làm một thân nghiệp gì, hãy phản tỉnh thân nghiệp ấy như sau: "Thân nghiệp này của ta có thể đưa đến tự hại, có thể đưa đến hại người, có thể đưa đến hại cả hai; thời thân nghiệp này là bất thiện, đưa đến đau khổ, đem đến quả báo đau khổ". Nay Rāhula, nếu trong khi phản tỉnh, Ông biết: "Thân nghiệp này, ta muốn làm. Thân nghiệp này của ta có thể đưa đến tự hại, có thể đưa đến hại người, có thể đưa đến hại cả hai; thời thân nghiệp này là bất thiện, đưa đến đau khổ, đem đến quả báo đau khổ". Một thân nghiệp như vậy, nay Rāhula, Ông nhất định chớ có làm. Nay Rāhula, nếu sau khi phản tỉnh, ông biết: "Thân nghiệp này ta muốn làm. Thân nghiệp này của ta không có thể đưa đến tự hại, không có thể đưa đến hại người, không có thể đưa đến hại cả hai; thời

thân nghiệp này là thiện, đưa đến an lạc, đem đến quả báo an lạc". Một thân nghiệp như vậy, này Rāhula, Ông nên làm.

(Trung Bộ Kinh 2. Kinh Giáo Giới La-Hầu-La ở Rừng Ambala)

- Tán tán phẩm hạnh. (M.III.152)

*Kammaṃ vijjā ca dhammo ca
Sīlaṃ jīvitamuttamaṃ
Etena maccā sujjhanti
Na gottena dhanena vā.*

*Nghiệp, minh và Chánh pháp,
Giới, tối thượng sanh mạng,
Chính nhờ các pháp trên,
Khiến chúng sanh thanh tịnh,
Không phải do giai cấp,
Không phải do tài sản.*

(Trung Bộ Kinh 3. Kinh Giáo Giới Cấp-Cô-Độc)

- Những người ngủ ít. (A.III.152)

Năm hạng người này, này các Tỷ-kheo, ban đêm ngủ ít, thức nhiều. Thế nào là năm?

Người đàn bà, này các Tỷ-kheo, thao thức đến đàn ông, ban đêm ngủ ít thức nhiều. Người đàn ông, này các Tỷ-kheo, thao thức đến đàn bà, ban đêm ngủ ít thức nhiều. Người ăn trộm, này các Tỷ-kheo, thao thức đến đồ ăn trộm, ban đêm ngủ ít thức nhiều. Vị vua, này các Tỷ-kheo, lo lắng các công việc của vua, ban đêm ngủ ít thức nhiều. Vị Tỷ-kheo, này các Tỷ-kheo, thao thức đến ly hệ phược, ban đêm ngủ ít thức nhiều.

(Tăng Chi Bộ Kinh 2. Chương Năm Pháp. Phẩm Vua.
Phân Ngủ Rất Ít)

3. 2. LÀM THẾ NÀO ĐỂ HUỚNG DẪN KẺ KHÁC?

**- Chỉ có người đã trong sạch mới có thể dạy cách thanh lọc.
(M.I.45)**

Này Cunda, con người tự mình bị rơi vào bùn lầy có thể kéo lên một người bị rơi vào bùn lầy, sự tình ấy không thể xảy ra. Này Cunda, con người tự mình không rơi vào bùn lầy, có thể kéo lên một người bị rơi vào bùn lầy, sự tình ấy có thể xảy ra. Này Cunda, con người tự mình không được nhiếp phục, không được huấn luyện, không được hoàn toàn giải thoát, tự mình có thể nhiếp phục, huấn luyện và hoàn toàn giải thoát người khác, sự tình ấy không thể xảy ra. Một người được nhiếp phục, được huấn luyện, được hoàn toàn giải thoát, tự mình có thể nhiếp phục, huấn luyện, hoàn toàn giải thoát người khác, sự tình ấy có thể xảy ra.

(Trung Bộ Kinh 1. Kinh Đoạn Giám)

- Tu tập giới hạnh bằng cách so sánh. (The Expositor)

Một người có thể so sánh phẩm hạnh của mình với người khác và tu tập những đức hạnh tốt. Người khác có thể bị hại nếu tiếp tục như vậy, chúng ta sẽ không bị hại. Người khác có thể sát hại chúng sanh, chúng ta tránh sát hại chúng sanh.

Một người có thể so sánh những hành động trái với đạo đức dưới đây của người khác để tránh làm những hành động đó cho chính mình : hãm hại chúng sanh, trộm cắp, tà dâm, nói láo, nói lời độc ác, nói lời thô lỗ, nói lời nhảm nhí, tham lam, hủ lậu, tà kiến, tà tâm, vọng ngữ, hành động tà vạy, cách sống bậy bạ, tà niệm, lười biếng, khoác lác, đa nghi, phần nộ, tị hiềm, ác độc, ác cảm, ganh tỵ, keo kiệt, xảo quyệt, giả dối, cứng đầu, hách dịch, khó dạy, làm bạn với người xấu, thiếu

niềm tin, không biết xấu hổ, cầu thả, ít học, trí óc lộn xộn, thiếu trí.

Một người thanh lọc nội tâm mình khỏi những hành động trái đạo đức này và phát triển các phẩm hạnh, rồi so sánh lối sống của người khác với chính bản thân mình.

Lối đạo đức này không nghiêm ngặt chút nào cả cho chủ nghĩa cá nhân. Vì người ta nói rằng một người phải tốt trước đã rồi mới cố gắng chỉ dạy người khác. Sự quán xét về đức hạnh tốt của người khác luôn là bản thể của lối tu tập đạo đức này.

(Lời Bình Luận)

- Những cách khác để tu tập đức hạnh. (M.I.40-46)

"Hãy phát triển thiện tâm
Tránh làm các việc ác
Như tránh con đường xấu
Đi trên đường thẳng thớm
Như làm các việc lành
Với tâm không trong sạch
Đưa ta vào ác đạo
Với tâm thật thuần khiết
Nhàn cảnh là của ta
Hãy chọn hướng đi lên".

- Tự mình tốt trước đã. (Dhp.158)

*Attānameva paṭhamam
Patirūpe nivesaye
Athaññāmanusāseyya
Na kilisseyya paṇḍito.*

*Trước hết tự đặt mình,
Vào những gì thích đáng.
Sau mới giáo hóa người,
Người trí khỏi bị nhiễm.*

- Người biết thương mình, không làm hại kẻ khác. (S.I.75)

*Sabbā disā anuparigamma cetasā,
Nevajjhagā piyataramattanā kvaci;
Evam piyo puthu attā paresam,
Tasmā na himse paramattakāmo*

*Tâm ta đi cùng khắp,
Tất cả mọi phương trời,
Cũng không tìm thấy được,
Ai thân hơn tự ngã.
Tự ngã đối mọi người,
Quá thân ái như vậy.
Vậy ai yêu tự ngã,
Chớ hại tự ngã người.*

- Sự nguy hại của uống rượu.

*Majjañca pānaṃ na samācareyya
Dhammaṃ imaṃ rocaye yo gahaṭṭho
Na pāyaye pivaṃ nānujaññā
Ummādanantaṃ iti naṃ veditvā.*

*Chớ sống theo nếp sống,
Uống rượu và say rượu,
Với vị là cư sĩ,
Đã chấp nhận pháp này,
Chớ khiến người uống rượu,*

*Chớ chấp thuận uống rượu
Sau khi biết uống rượu,
Cuối đường là điên cuồng.*

(Sn.398)

"Kẻ ngu phạm tội ác do hậu quả của sự say sưa, còn xúi những người ngu muội khác hành động theo như vậy, ảo cảnh này và sự thỏa thích này là của những người ngu".

(Ibid.V.399)

3. 3. GIỚI LUẬT – SĪLA.

"Giới luật" hay "phẩm hạnh" là một trạng thái cầu tâm và sự tác ý (cetanā) thể hiện qua lời nói hay hành động. gìn giữ giới luật là nền tảng cho sự tu tập trong phật giáo. Đó là điều học đầu tiên trong tam học: giới - định - tuệ. giới hạnh trong phật giáo không chỉ tránh làm các việc ác mà sự giữ giới chủ yếu còn cố tránh những ác pháp sanh khởi trong tâm nữa.

- Hai phương diện của giới – sīla. (Vism.10)

- Thường giới – Pakatisīla.

Những phẩm hạnh đạo đức tự nhiên trong nhân loại.

- Giới chế định – Paññattisīla.

Những giới luật chế định cho đệ tử gìn giữ, một số giới liên hệ đến nhân cách, phong tục tập quán.

- Sự kiêng cử và thực hành – cāritta – vāritta sīla. (Vism.11)

Giới hạnh gồm có phần thực hiện và phần tránh né. Đó là sự thực hành các giới luật mà Đức Thế Tôn đã chế định để gìn

giữ (cāritta) và phần tránh làm các điều mà Đức Thế Tôn đã bài bác không nên theo (vāritta).

- Mục đích của sự giữ giới. (Vism.12)

Nếu mục đích của việc giữ giới là để đạt được tài sản và hạnh phúc của thế gian thì đó chỉ là việc giữ giới hạ liệt.

Nếu mục đích của việc giữ giới là để đạt được giải thoát và để cứu độ người khác thì đó là việc giữ giới cao thượng.

❖ Tiểu giới.

Đơn giản chỉ là những giới căn bản về đức hạnh tốt đẹp.

❖ Trung giới.

Phát triển cao hơn giá trị của phẩm hạnh cho sự an lạc của vị đó.

❖ Đại giới.

Tích cực tinh tấn để giữ một cuộc sống cao thượng.

- Giới luật cho một vị Tỳ kheo. (Vin.)

Một vị Tỳ kheo cần phải giữ bốn loại giới hay bốn loại giới hạnh :

✚ Biệt biệt giải thoát giới – *Pātimokkhasīla*.

Những đức hạnh cơ bản.

✚ Lục căn thu thúc giới – *Indriyaśamvarasīla*.

Những giới hạnh liên quan đến sự gìn giữ các căn.

✚ Chánh mạng thanh tịnh giới – *Ājīvapārisuddhisīla*.

Những giới hạnh liên quan đến sự nuôi mạng chân chánh.

✚ Vật dụng quán tưởng giới – *Paccayasannissatasīla*.

Những giới hạnh liên quan đến việc sử dụng các vật dụng cần thiết cho đời sống.

3. 4. SỰ CẦN THIẾT CỦA GIỚI LUẬT.

- Trí tuệ và đạo đức là một cặp không thể tách rời. (D.I.84)

- Trí tuệ được thanh tịnh nhờ đạo đức và đạo đức được trong sạch nhờ trí tuệ. Nơi nào có cái này thì nơi đó có cái kia.

"Một con người có đạo đức thì có trí tuệ và người có trí tuệ thì có đạo đức. Sự kết hợp giữa đạo đức và trí tuệ được gọi là tính chất cao thượng nhất ở thế gian."

- Cái gì là sự mất mát to lớn? (D.III.235)

Năm sự tổn thất : Thân thuộc tổn thất, tài sản tổn thất, tật bệnh tổn thất, giới tổn thất, kiến tổn thất. Đây các Hiền giả, không có loài hữu tình nào, vì thân thuộc tổn thất, vì tài sản tổn thất, hay vì tật bệnh tổn thất, sau khi thân hoại mạng chung sanh vào khổ giới, ác thú, đọa xứ, địa ngục. Đây các Hiền giả, có loài hữu tình, vì giới tổn thất hay vì kiến tổn thất, sau khi thân hoại mạng chung sanh vào khổ giới, ác thú, đọa xứ, địa ngục.

(Trường Bộ Kinh 2. Kinh Phúng Tụng)

- Cái gì là sự có được cao quý nhất? (D.III.235)

Năm sự thành tựu : Thân thuộc thành tựu, tài sản thành tựu, vô bệnh thành tựu, giới thành tựu, kiến thành tựu. Đây các Hiền giả, không có loài hữu tình nào, vì thân thuộc thành tựu, vì tài sản thành tựu hay vì vô bệnh thành tựu, được sanh lên thiện thú, Thiên giới, đời này. Đây các Hiền giả, có các loài

hữu tình, vì giới thành tựu hay vì kiến thành tựu, được sanh lên thiện thú, Thiên giới, đời này.

(Trường Bộ Kinh 2. Kinh Phúng Tụng)

- Những lợi ích của sự giữ giới. (D.16)

Này các Gia chủ có năm sự lợi ích cho những ai giữ giới, sống theo giới luật. Thế nào là năm?

Ở đây, này các Gia chủ, người giữ giới, sống theo giới luật sẽ có tiền của dồi dào rất nhiều vì sống không phóng dật. Đó là sự lợi ích thứ nhất cho những ai giữ giới, sống theo giới luật.

Lại nữa, này các Gia chủ, người giữ giới, sống theo giới luật được tiếng tốt đồn xa. Đó là sự lợi ích thứ hai cho những ai giữ giới, sống theo giới luật.

Lại nữa, này các Gia chủ, người giữ giới, sống theo giới luật khi đi vào hội chúng nào, hoặc Sát Đế Ly, hoặc Bà-la-môn, hoặc gia chủ, hoặc Sa-môn, người ấy đi vào với tâm thần không sợ hãi, không bối rối. Đó là sự lợi ích thứ ba cho những ai giữ giới, sống theo giới luật.

Lại nữa, này các Gia chủ, người giữ giới, sống theo giới luật sẽ chết với tâm hồn không rối loạn. Đó là sự lợi ích thứ tư cho những ai giữ giới, sống theo giới luật.

Lại nữa, này các Gia chủ, người giữ giới, sống theo giới luật sau khi thân hoại mạng chung, sẽ được sanh vào thiện thú, thiên giới. Đó là sự lợi ích thứ năm cho những ai giữ giới, sống theo giới luật.

(Trường Bộ Kinh 1. Kinh Đại Bát Níp-Bàn)

- Hương thơm của đức hạnh tỏa khắp nơi. (A.I.226)

- Ở đây, này Ānanda, tại làng nào hay tại thị trấn nào, có nữ nhân hay nam nhân quy y Phật, quy y Pháp, quy y chúng Tăng, từ bỏ sát sanh, từ bỏ lấy của không cho, từ bỏ sống tà hạnh trong dục vọng, từ bỏ nói láo, từ bỏ dùng rượu, men rượu nấu làm say người, giữ giới, tâm tánh hiền lương, sống trong nhà với tâm không nhiễm xan tham, bố thí không luyến tiếc với tay rộng mở, thích thú từ bỏ, sẵn sàng được yêu cầu, ưa thích chia xẻ đồ bố thí. Người như vậy, được các Sa-môn, Bà-la-môn tán thán khắp bốn phương: tại làng ấy, hay tại thị trấn ấy, có nữ nhân hay nam nhân quy y Phật, quy y Pháp, quy y chúng Tăng, ... ưa thích chia xẻ đồ bố thí. Chư Thiên và các phi nhân cũng tán thán: tại làng ấy, hay tại thị trấn ấy, có nữ nhân hay nam nhân quy y Phật, quy y Pháp, quy y chúng Tăng, ... ưa thích chia xẻ đồ bố thí. Cây hương như vậy, này Ānanda, có hương bay thuận gió, có hương bay ngược gió, có hương bay thuận gió ngược gió.

*Na pupphagandho paṭivātameti,
Na candanam tagaramallikā vā
Satañca gandho paṭivātameti
Sabbā disā sappuriso pavāyati.*

*Không một hương hoa nào
Bay ngược chiều gió thổi
Dầu là hoa chiên-đàn
Già-là hay mật-ly
Chỉ hương người đức hạnh
Bay ngược chiều gió thổi
Chỉ có Bạc Chân nhân
Biển mặn mọi phương trời.*

*(Tăng Chi Bộ Kinh 1. Chương Ba Pháp.
Phẩm Ānanda. Phần Hương)*

- Trí tuệ tỏa khắp thế gian. (Dhp.58-59)

*Yathā saṅkāraṭhānasmiṃ
Ujjhitasmiṃ mahāpathe
Padumaṃ tattha jāyetha
Sucigandhaṃ manoramaṃ.*

*Như giữa đồng rác nhóp,
Quăng bỏ trên đường lớn,
Chỗ ấy hoa sen nở,
Thơm sạch, đẹp ý người.*

*Evaṃ saṅkārabhūtesu
Andhabhūte puthujjane
Atirocati paññāya
Sammāsambuddhasāvako.*

*Cũng vậy giữa quần sanh,
Uế nhiễm, mù, phàm tục,
Đệ tử bậc Chánh Giác,
Sáng ngời với Tuệ Trí.*

CHƯƠNG 4

TRÍ TUỆ

4. 1. ĐIỀM BÁO TRƯỚC CỦA MỌI VẬT.

- Không có thể gian ở ngoài tâm. (S.I.39)

*Kenassu nīyati loko
Kenassu parikassati;
Kissassu ekadhammassa,
Sabbeva vasamanvagu.*

*Vật gì dắt dẫn đời?
Vật gì tự nào hại?
Và có một pháp nào,
Mọi vật đều tùy thuộc?*

*Cittena nīyati loko,
Cittena parikassati;
Cittassa ekadhammassa,
Sabbeva vasamanvagu.*

*Chính tâm dắt dẫn đời,
Chính tâm tự nào hại,
Chính tâm là một pháp,
Mọi vật đều tùy thuộc.*

*(Tương Ứng Bộ Kinh 1. Tương Ứng Chư Thiên.
Phẩm Thắng. Phần Tâm)*

- Tâm chịu trách nhiệm về mọi việc. (Dhp.1)

*Manopubbaṅgamā dhammā,
Manoseṭṭhā manomayā;
Manasā ce paduṭṭhena,
Bhāsati vā karoti vā;
Tato naṃ dukkhamanveti,
Cakkamva vahato padaṃ.*

Ý dẫn đầu các pháp,
Ý làm chủ, ý tạo;
Nếu với ý ô nhiễm,
Nói lên hay hành động,
Khổ não bước theo sau,
Như xe, chân vật kéo.

4. 2. TÂM TRONG SẠCH TỰ NHIÊN.

- Tâm tự nhiên. (A.I.10)

Tâm này nó thuần khiết
Nhưng đối tượng bên ngoài
Làm cho tâm ô nhiễm
Qua ảnh hưởng các căn
Cùng với các tâm thức
Hoặc cấu uế trong thân.

Pabhassaramidaṃ, bhikkhave, cittaṃ. Tañca kho āgantukehi upakkilesehi upakkiliṭṭhaṃ.

Tâm này, này các Tỷ-kheo, là sáng chói, nhưng bị ô nhiễm bởi các cấu uế từ ngoài vào.

- Tâm chuyển động nhanh hơn tất cả. (A.I.9)

Nāhaṃ, bhikkhave, aññaṃ ekadhammampi samanupassāmi yaṃ evaṃ lahuparivattaṃ yathayidaṃ cittaṃ. Yāvañcidaṃ, bhikkhave, upamāpi na sukarā yāva lahuparivattaṃ cittaṃ.

Ta không thấy một pháp nào khác, này các Tỷ-kheo, lại vận chuyển nhẹ nhàng như tâm. Thật không dễ gì, này các Tỷ-kheo, dùng một ví dụ để diễn tả sự vận chuyển nhẹ nhàng của tâm.

4. 3. TÂM KHÔNG TU TẬP BỊ Ô UẾ.

- Tâm không tu tập.

*Yathā agāraṃ ducchannaṃ,
Vuṭṭhī samativijjhati;
Evaṃ abhāviṭaṃ cittaṃ,
Rāgo samativijjhati.*

*Như ngôi nhà vụng lợp,
Mưa liền xâm nhập vào.
Cũng vậy tâm không tu,
Tham dục liền xâm nhập*

(Dhp.13)

*Diso disaṃ yaṃ taṃ kayirā,
Verī vā pana verinaṃ;
Micchāpaṇihitaṃ cittaṃ,
Pāpiyo naṃ tato kare.*

*Kẻ thù hại kẻ thù,
Oan gia hại oan gia,
Không bằng tâm hướng tà,
Gây ác cho tự thân.*

(Dhp.42)

- Tâm ô nhiễm xúi làm ác. (M.I.36)

Này các Tỷ-kheo, như một tấm vải cấu uế, nhiễm bụi, một người thợ nhuộm nhúng tấm vải ấy vào thuốc nhuộm này hay thuốc nhuộm khác - hoặc xanh, hoặc vàng, hoặc đỏ, hoặc tía - vải ấy sẽ được màu nhuộm không tốt đẹp, sẽ được màu nhuộm không sạch sẽ. Vì sao vậy? Này các Tỷ-kheo, vì tấm vải không

được trong sạch. Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, cỗi ác chờ đợi một tâm cấu uế.

(Trung Bộ Kinh 1. Kinh Ví Dụ Tấm Vải)

4. 4. TÂM BÁT TỊNH.

- Cấu uế của tâm. (M.I.36-37)

Và này các Tỷ-kheo, thế nào là những cấu uế của tâm? Tham dục, tà tham là cấu uế của tâm, sân là cấu uế của tâm, phần là cấu uế của tâm, hận là cấu uế của tâm, hư ngụy, não hại, tật đố, xan tham, man trá, khi cuống, ngoan cố, cấp tháo, quá mạn, kiêu, phóng dật là cấu uế của tâm.

(Trung Bộ Kinh 1. Kinh Ví Dụ Tấm Vải)

- Các yếu tố làm ngăn trở tâm linh phát triển.

Có năm sự hoài nghi. (M.I.101-102)

Chư Tỷ-kheo, Tỷ-kheo nào chưa diệt trừ năm tâm hoang vu, chưa đoạn tận năm tâm triền phược, vị ấy có thể lớn mạnh, trưởng thành, hưng thịnh trong Pháp và Luật này, sự kiện này không xảy ra.

Thế nào là năm tâm hoang vu chưa được đoạn trừ? Chư Tỷ-kheo, ở đây, Tỷ-kheo nghi ngờ bậc Đạo Sư, do dự, không quyết đoán, không có tịnh tín. Chư Tỷ-kheo, Tỷ-kheo nào nghi ngờ bậc Đạo Sư, do dự, không quyết đoán, không có tịnh tín, thời tâm vị này không hướng về nỗ lực, chuyên cần, kiên trì, tinh tấn. Nếu tâm của ai không hướng về nỗ lực, chuyên cần, kiên trì, tinh tấn, như vậy là tâm hoang vu thứ nhất chưa được diệt trừ.

Và lại nữa, chư Tỷ-kheo, Tỷ-kheo nào nghi ngờ Pháp, do dự, không quyết đoán, không có tịnh tín... (như trên)... Nếu tâm

của ai không hướng về nỗ lực, chuyên cần, kiên trì, tinh tấn, như vậy là tâm hoang vu thứ hai chưa được diệt trừ.

Và lại nữa, chư Tỷ-kheo, Tỷ-kheo nào nghi ngờ Tăng, do dự, không quyết đoán, không có tịnh tín... (như trên)... Nếu tâm của ai không hướng về nỗ lực, chuyên cần, kiên trì, tinh tấn, như vậy là tâm hoang vu thứ ba chưa được diệt trừ.

Và lại nữa, chư Tỷ-kheo, Tỷ-kheo nào nghi ngờ các học pháp, do dự, không quyết đoán, không có tịnh tín... (như trên)... Nếu tâm của ai không hướng về nỗ lực, chuyên cần, kiên trì; tinh tấn, như vậy là tâm hoang vu thứ tư chưa được diệt trừ.

Và lại nữa, chư Tỷ-kheo, Tỷ-kheo phần nộ đối với các đồng phạm hạnh, không có hoan hỷ, tâm tư chống đối, cứng rắn. Chư Tỷ-kheo, Tỷ-kheo nào phần nộ đối với các vị đồng phạm hạnh, không có hoan hỷ, tâm tư chống đối, cứng rắn, thời tâm của vị này không hướng về nỗ lực, chuyên cần, kiên trì, tinh tấn. Nếu tâm của ai không hướng về nỗ lực, chuyên cần, kiên trì, tinh tấn, như vậy là tâm hoang vu thứ năm chưa được diệt trừ.

Như vậy là năm tâm hoang vu chưa được diệt trừ.

(Trung Bộ Kinh 1. Kinh Tâm Hoang Vu).

Có năm thứ bất tịnh thích hợp đi đôi với những chương ngại.

(A.III.63) (S.V.121)

- Có năm chương ngại triền cái này, này các Tỷ-kheo, bao phủ tâm, làm yếu ớt trí tuệ. Thế nào là năm?

Dục tham, này các Tỷ-kheo, là chương ngại triền cái bao phủ tâm, làm yếu ớt trí tuệ. Sân, này các Tỷ-kheo, là chương ngại triền cái bao phủ tâm làm yếu ớt trí tuệ. Hôn trầm thụy

miên, này các Tỷ-kheo, là chương ngại, triền cái bao phủ tâm, làm yếu ớt trí tuệ. Trạo hối, này các Tỷ-kheo, là chương ngại, triền cái bao phủ tâm, làm yếu ớt trí tuệ. Nghi, này các Tỷ-kheo, là chương ngại, triền cái bao phủ tâm, làm yếu ớt trí tuệ.

Những pháp này, này các Tỷ-kheo, là năm chương ngại triền cái bao phủ tâm, làm yếu ớt trí tuệ.

(Tăng Chi Bộ Kinh 3. Chương Năm Pháp. Phẩm Triền Cái.

Phản Ngăn Chặn)

Ví như, này Bà-la-môn, một bát nước trộn lẫn với thuốc nhuộm gôm lặc, hay màu đỏ tía, hay màu xanh, hay màu vàng, và ở đây một người có mắt muốn ngắm bóng mặt của mình, không có thể như thật biết được, thấy được. Cũng vậy, này Bà-la-môn, trong khi trú với tâm bị dục tham xâm chiếm, bị dục tham chi phối, không như thật rõ biết sự xuất ly khỏi dục tham đã khởi lên; trong khi ấy, người ấy không như thật biết và thấy lợi ích của mình; trong khi ấy, không như thật biết và thấy lợi ích của người; trong khi ấy, không như thật biết và thấy lợi ích cả hai.

Ví như, này Bà-la-môn, một bát nước được lửa đun sôi, sôi lên sùng sục, sôi lên cuộn cuộn. Ở đây, một người có mắt muốn ngắm mặt của mình, không thể như thật biết và thấy được. Cũng vậy, này Bà-la-môn, trong khi trú với tâm bị sân xâm chiếm, bị dục tham chi phối, không như thật rõ biết sự xuất ly khỏi dục tham đã khởi lên; trong khi ấy, người ấy không như thật biết và thấy lợi ích của mình; trong khi ấy, không như thật biết và thấy lợi ích của người; trong khi ấy, không như thật biết và thấy lợi ích cả hai.

Ví như, này Bà-la-môn, một bát nước bị rong rêu che phủ. Ở đây, một người có mắt muốn ngắm khuôn mặt của mình, không thể như thật biết và thấy được. Cũng vậy, này Bà-la-môn, trong khi trú với tâm bị hôn trầm thùy miên xâm chiếm, bị dục tham chi phối, không như thật rõ biết sự xuất ly khỏi dục tham đã khởi lên; trong khi ấy, người ấy không như thật biết và thấy lợi ích của mình; trong khi ấy, không như thật biết và thấy lợi ích của người; trong khi ấy, không như thật biết và thấy lợi ích cả hai.

Ví như, này Bà-la-môn, một bát nước bị gió thổi, dao động, chấn động, nổi sóng. Ở đây, một người có mắt muốn ngắm khuôn mặt của mình, không thể như thật biết và thấy được. Cũng vậy, này Bà-la-môn, khi trú với tâm bị trạo hối xâm chiếm, bị dục tham chi phối, không như thật rõ biết sự xuất ly khỏi dục tham đã khởi lên; trong khi ấy, người ấy không như thật biết và thấy lợi ích của mình; trong khi ấy, không như thật biết và thấy lợi ích của người; trong khi ấy, không như thật biết và thấy lợi ích cả hai.

Ví như, này Bà-la-môn, một bát nước bị khuấy động, khuấy đục, khuấy bùn, đặt trong bóng tối. Ở đây, một người có mắt muốn ngắm khuôn mặt của mình, không thể như thật biết và thấy được. Cũng vậy, này Bà-la-môn, khi trú với tâm bị nghi hoặc xâm chiếm, bị nghi hoặc chi phối, bị dục tham chi phối, không như thật rõ biết sự xuất ly khỏi dục tham đã khởi lên; trong khi ấy, người ấy không như thật biết và thấy lợi ích của mình; trong khi ấy, không như thật biết và thấy lợi ích của người; trong khi ấy, không như thật biết và thấy lợi ích cả hai.

(Tương Ứng Bộ Kinh 5. Tương Ứng Giác Chi.

Phẩm Tổng Nhiếp Giác Chi. Phần Saṅgāraṇa)

- Làm thế nào để đoạn tận những chướng ngại tâm linh?

Trong các chú giải, Đức Phật dạy cách đoạn tận những chướng ngại với sự trình bày có hệ thống sáu cách đưa đến sự chiến thắng từng chướng ngại.

Pháp triển cái (*nīvaraṇa*) [*nī* + *va* là trở ngại, che lấp] ngăn cản sự tiến triển của một người, hay làm trở ngại con đường đưa đến sự giải thoát và cõi trời. Pháp đó còn được giải thích như là che phủ, bao trùm, cản trở tâm.

Có năm thứ pháp triển cái hay chướng ngại :

- * Dục dục cái – *Kāmacchanda*.
- * Sân độc cái – *Vyāpāda*.
- * Hôn thụy cái – *Thīnamiddha*.
- * Trạo hồi cái – *Uddhaccakukkucca*.
- * Hoài nghi cái – *Vicikicchā*.

1. Dục dục cái (*kāmachanda*) là sự ham muốn của các căn, hay sự bám chặt vào sự thỏa thích qua các đối tượng của các căn như hình sắc, âm thanh, mùi thơm, vị ngon và xúc lạc. Đây coi như là những kiết sử trói buộc con người vào vòng sanh tử luân hồi (*samsāra*).

Một người bị trói buộc sanh nóng nảy bởi sự dụ dỗ của các đối tượng của các căn. Thiếu sự kiểm chế bản thân đưa đến kết quả không thể tránh được là dục vọng sanh khởi.

Chướng ngại này làm cản trở sự định tâm (*ekaggatā*) mà sự định tâm là một trong năm ẩn chứng của thiền (*jhāna*). Nó chỉ được giảm bớt khi đắc quả vị Tư-đà-hàm (*sakadāgāmi*) và hoàn toàn bị diệt tận khi đắc quả vị A-na-hàm (*anāgāmi*). Một hình thức né tránh sự dính mắc vào dục sanh (*rūparāga*) và vô dục sanh (*arūparāga*) [dính mắc vào cảnh sắc giới và vô sắc giới] và chỉ đoạn tận khi đắc quả vị A-la-hán.

Sáu điều kiện sau đây có khuynh hướng diệt tận sự ham muốn của các căn :

- * Quán tưởng đến sự ghê tởm của đối tượng.
- * Luôn luôn nhận xét đến sự ghê tởm của đối tượng.
- * Thu thúc lục căn.
- * Tiết độ trong vật thực.
- * Kết giao với bạn tốt.
- * Nói lời hữu ích.

2. Sân độc cái (*vyāpāda*) hay sự ghét bỏ. Một đối tượng đáng ưa thích đưa đến sự tham chấp, trong khi đối tượng không đáng ưa thích đưa đến sự ghét bỏ. Đây là hai ngọn lửa to lớn đốt cháy cả thế gian, được vô minh hỗ trợ, hai ngọn lửa này đưa đến sự đau khổ ở thế gian.

Ác ý được đối trị bởi phỉ lặc (*pīṭi*) – là một trong các ân chứng của thiền. Nó sẽ được giảm bớt khi đắc quả vị Tư-đà-hàm và bị diệt tận khi đắc quả vị A-na-hàm.

Sáu điều kiện sau đây có khuynh hướng diệt tận được sân độc cái :

- * Quán tưởng về đối tượng với thiện ý.
- * Luôn luôn quán tưởng đến tâm từ (*mettā*).
- * Luôn luôn quán tưởng nghiệp là của riêng mỗi người.
- * Bám chặt vào quan điểm đó.
- * Kết giao với bạn tốt.
- * Nói lời hữu ích.

3. Hôn thụy cái (*thīnamiddha*). *Thīna* được giải thích là một trạng thái bệnh hoạn của tâm, *middha* (buồn ngủ) là một

trạng thái bệnh hoạn thuộc về tâm. Một tâm vững chắc như là "một con dơi treo mình trên cây không động đậy, hay như là một mứa bám dính vào một thanh que, hay như là một thỏi bơ quá đặc để tán nát ra".

Hôn trầm, đã dượt sẽ không được hiểu biết khi cơ thể ở trạng thái mơ màng. Vì một vị A-la-hán đã đoạn tận hai trạng thái này rồi, và ngài cũng đã kinh qua trạng thái mệt mỏi của thân rồi. Hai trạng thái này đưa trạng thái tâm đến bất động, đối nghịch với tinh tấn (*viriya*). Chúng bị ngăn chặn bởi chi thiện tâm (*vitakka*) và bị đoạn tận khi đắc quả A-la-hán.

Sáu điều kiện sau đây có khuynh hướng diệt tận sự hôn thụy cái :

- * Quán tưởng đến đề mục tiết độ vật thực.
- * Thay đổi oai nghi.
- * Chú tâm vào đề mục ánh sáng.
- * Sống nơi thoáng đãng.
- * Kết giao với bạn lành.
- * Nói lời hữu ích.

4. Trạo hối cái (*uddhaccakukkuca*). *Uddhacca* là một trạng thái tâm không ngừng nghỉ, hay tâm bị dao động. Đó là một trạng thái tâm có sự liên kết với mọi tâm thức bất thiện. Như làm các việc ác với sự kích động hay không ngừng nghỉ.

Kukkuca là sự lo âu. Đó là sự hối hận về những tội ác đã phạm phải, hoặc hối tiếc những việc lành chưa làm được trọn vẹn. Sự hối hận về những việc ác đã phạm không thể làm cho tránh được những quả tất nhiên của nó. Sự hối hận tốt nhất là không lặp lại tội ác đó.

Cả hai chương ngại này bị ngăn trở bởi chi thiền lạc (*sukha*). Sự lo âu, hối hận sẽ được diệt tận khi đắc được quả vị A-na-hàm và trạo hối hay trạng thái tâm dao động sẽ được diệt tận khi đắc quả A-la-hán.

Sáu điều kiện dưới đây có chiều hướng làm tận diệt hai trạng thái này :

- * Học hỏi hay mở rộng kiến thức uyên bác.
- * Thăm hỏi hay thảo luận.
- * Hiểu biết về luật (*vinaya*).
- * Tiếp xúc thường với các bậc trưởng lão.
- * Kết giao với bạn lành.
- * Nói lời hữu ích.

5. Hoài nghi cái (*vicikicchā*) là sự ngờ vực, hay lưỡng lự, không có sự cải tiến về trí tuệ là hoài nghi (*vicikicchā* → *vi* = không có; *cikicchā* = trí tuệ). Nó còn được giải thích như là sự làm buồn phiền do những tư tưởng hay ý nghĩ làm phiền (*vici* = sự tìm kiếm; *kicchā* = sự bị làm buồn phiền).

Ở đây không dùng trong ý nghĩa hoài nghi khi đề cập đến Đức Phật.. vì ngay như không phải là Phật tử cũng ngăn cấm sự hoài nghi về chứng đắc thiền.

Theo sự hoài nghi của người sưu tập là sự ngờ vực vào Đức Phật... nhưng một chương ngại là chỉ rõ sự không quyết định trong việc đặc biệt nào đó đang làm được làm theo sự giải quyết của chú giải về sự hoài nghi là thiếu khả năng để quyết định bất cứ việc gì một cách rõ ràng như chúng là. Nói một cách khác, đó là sự lưỡng lự, phân vân.

Trạng thái này bị ngăn trở bởi chi thiền tứ (*vicāra*). Nó sẽ bị diệt tận khi đắc được Tư-đà-huàn (*sotāpatti*).

Sáu cách sau đây có chiều hướng làm nó bị tận diệt :

- * Hiểu biết về pháp và luật.
- * Tìm hiểu hay thảo luận.
- * Hiểu biết rõ ràng về luật.
- * Có niềm tin tuyệt đối.
- * Kết giao với bạn lành.
- * Nói lời hữu ích.

4. 5. TÂM THUẦN THỰC ĐƯA ĐẾN AN LẠC.

- Tâm thuần thực đưa ta lên. (Dhp.43)

Một tâm được huấn luyện thuần thực cho chúng ta sự tốt đẹp nhất.

*Na taṃ mātā pitā kayirā,
Aññe vāpi ca ñātakā;
Sammāpaṇihitaṃ cittaṃ,
Seyyaso naṃ tato kare.*

*Điều mẹ cha bà con,
Không có thể làm được
Tâm hướng chánh làm được
Làm được tốt đẹp hơn.*

- Hãy kiểm soát tâm của bạn. (Thag.446)

*Sace dhāvati cittaṃ te,
Kāmesu ca bhavesu ca;
Khippaṃ niggaṇha satiyā,
Kiṭṭhādaṃ viya duppasuṃ*

*Nếu tâm người chạy theo,
Theo dục, theo sanh hữu,
Hãy gấp nắm với niệm,
Như nắm con vật ác,
Đi vào trong ruộng lúa.*

- Nội tâm tịch tịnh. (Thag.39)

"Tịch tịnh ở nội tâm
Khi tâm được giải thoát
Mọi phiền não lậu hoặc
Các đối tượng ngoài thân
Không đem đến an lạc"

- Hạnh phúc ở nơi đâu? (Ud.11)

*Yañca kāmasukhaṃ loke,
Yañcidaṃ diviyaṃ sukhaṃ;
Taṇhakkhayaasukhasseti,
Kalaṃ nāgghanti soḷasiṃ.*

*Dục lạc gì ở đời,
Kể cả thiên lạc này,
Không bằng phần mười sáu,
Lạc do ái đoạn diệt.*

- Không có đau khổ khi tâm vững mạnh. (Thag.192)

*Mama selūpamaṃ cittaṃ,
Thitaṃ nānupakampati;
Virattaṃ rajāṇīyesu,
Kuppanīye na kuppati;
Mamevaṃ bhāvitaṃ cittaṃ,
Kuto maṃ dukkhamessati*

*Tâm ta như tảng đá
Đứng vững, không dao động,
Đối những vật khả ái,
Tâm không có tham ái,
Đối vật làm dao động,
Tâm không có dao động,
Tâm ta tu tập vậy,
Từ đâu, khổ đến ta.*

- Tâm luôn trôi chảy, cần được huấn luyện. (Dhp.35)

*Dunniggahassa lahuno,
Yatthakāmanipātino;
Cittassa damatho sādhu,
Cittaṃ dantaṃ sukhāvahaṃ.*

*Khó nắm giữ, khinh động,
Theo các dục quay cuồng.
Lành thay, điều phục tâm;
Tâm điều, an lạc đến.*

- Huấn luyện tâm để bắt tử. (Dhp.37)

*Dūraṅgamaṃ ekacaraṃ
Asarīraṃ guhāsayaṃ;
Ye cittaṃ saṃyamessanti,
Mokkhanti mārabandhanā.*

*Chạy xa, sống một mình,
Không thân, ẩn hang sâu
Ai điều phục được tâm,
Thoát khỏi Ma trói buộc.*

4. 6. TÂM GIẢI THOÁT.

- Tại sao phải chánh niệm? (A.I.3)

Này các tỷ kheo, ta nói chánh niệm là cần thiết trong tất cả các pháp ở khắp nơi. Nó cần thiết như muối đối với canh. Chánh niệm mang lại lợi ích rất to lớn.

- Sự phát triển an tịnh và trí tuệ. (A.I.100)

Này các tỷ kheo, có hai pháp cần được tu tập, phát triển để liễu tri tham, sân, si. Cái gì là hai? Chỉ và Quán. Hai pháp này nên được tu tập, phát triển để từ bỏ, chấm dứt và diệt tận tham, sân, si.

- Đắc định là cạnh Níp-bàn. (Dhp.372)

*Natthi jhānaṃ apaññassa,
Paññā natthi ajhāyato
Yamhi jhānañca paññā ca,
Sa ve nibbānasantike*

*Không trí tuệ, không thiền,
Không thiền, không trí tuệ.
Người có thiền có tuệ,
Nhất định gần Niết-Bàn.*

- Sự chấm dứt của tâm thức. (D.I.223)

Này Tỷ-kheo, câu hỏi phải nói như sau:

"Chỗ nào mà địa đại, thủy đại, hỏa đại, phong đại, dài ngắn, tế, thô, tịnh, bất tịnh không có chân đứng? Chỗ nào cả danh và sắc tiêu diệt hoàn toàn?" và đây là câu trả lời cho câu hỏi này:

"Thức là không thể thấy, vô biên, biến thông hết thấy xứ. Ở đây, địa đại, thủy đại, hỏa đại, phong đại không có chân đứng.

Ở đây, cũng vậy dài, ngắn, tế, thô, tịnh và bất tịnh.

Ở đây danh và sắc tiêu diệt hoàn toàn.

Khi thức diệt, ở đây mọi thứ đều diệt tận".

(Trường Bộ Kinh 1. Kinh Kevaddha)

4. 7. HUẤN LUYỆN TÂM.

- Các nghi thức không thể làm tâm trong sạch. (Sn.249)

*Na macchamaṃsānamanāsakattaṃ
Na naggiyaṃ na muṇḍiyaṃ jaṭṭajallaṃ;
Kharājīnāni nāggihuttassupasevanā,
Ye vāpi loke amarā bahū tapā;
Mantāhutī yaññāmutūpasevanā,
Sodhenti maccaṃ avitiṇṇakāṅkhaṃ.*

*Không phải do cá thịt,
Cùng các loại nhện ăn,
Không phải do lửa thối,
Đầu trọc và bện tóc,
Không do tro trét mình,
Mặc da thú khô cứng,
Không phải do săn sóc,*

*Nuôi dưỡng lửa tế tự,
Không do nhiều khổ hạnh,
Để được chứng bất tử,
Không bùa chú tế tự,
Các tế đàn thời tiết,
Làm con người trong sạch,
Nếu nghi hoặc chưa đoạn.*

- Không dùng phép thuật để huấn luyện tâm. (A.I.239)

Này các Tỷ-kheo, có ba việc cấp thiết này, người nông phu gia chủ cần phải làm. Thế nào là ba?

Ở đây, này các Tỷ-kheo, người nông phu gia chủ mau lẹ khéo cày thửa ruộng, khéo bừa thửa ruộng, sau khi mau lẹ khéo cày thửa ruộng, khéo bừa thửa ruộng, liền mau lẹ gieo hạt giống, sau khi mau lẹ gieo hạt giống, liền mau lẹ cho nước vô, cho nước ra. Này các Tỷ-kheo, đây là ba việc cấp thiết mà người nông phu gia chủ cần phải làm.

Người nông phu gia chủ ấy, này các Tỷ-kheo, không có thần lực hay không có uy lực (để ra lệnh): "Hôm nay lúa của ta được mọc lên, ngày mai chúng sẽ trở hạt, ngày kế tiếp chúng sẽ chín".

Nhưng chính theo thời gian của người nông phu gia chủ, các cây lúa do sự hướng dẫn của thời tiết được mọc lên, được trở hạt và được chín.

Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, có ba công việc cấp thiết này Tỷ-kheo cần phải làm. Thế nào là ba?

Chấp hành tăng thượng giới học, chấp hành tăng thượng định học, chấp hành tăng thượng tuệ học. Ba công việc cấp thiết này, này các Tỷ-kheo, một Tỷ-kheo cần phải làm.

Tỳ-kheo ấy, này các Tỳ-kheo, không có thần lực hay không có uy lực (để ra lệnh): "Hôm nay, tâm ta được giải thoát khỏi các lậu hoặc, không có chấp thủ, ngày mai cũng vậy, ngày kế tiếp cũng vậy". Nhưng này các Tỳ-kheo, chính do thời gian Tỳ-kheo ấy sử dụng để học tập tăng thượng giới, để học tập tăng thượng tâm, để học tập tăng thượng tuệ, mà tâm được giải thoát khỏi các lậu hoặc, không có chấp thủ.

Do vậy, này các Tỳ-kheo, cần phải học tập như sau: "Sắc bén sẽ là ước muốn của ta để chấp hành tăng thượng giới học. Sắc bén sẽ là ước muốn của ta để chấp hành tăng thượng định học. Sắc bén sẽ là ước muốn của ta để chấp hành tăng thượng tuệ học". Như vậy, này các Tỳ-kheo, các Thầy cần phải học tập.

*(Tăng Chi Bộ Kinh 1. Chương Ba Pháp.
Phẩm Hạt Muối. Phần Cấp Thiết)*

CHƯƠNG 5

NGHIỆP

5. 1. Ý NGHĨA CỦA NGHIỆP.

- Hành động - kamma. (Sn.651-652)

*Kassako kammunā hoti,
Sippiko hoti kammunā;
Vāṇijo kammunā hoti,
Pessiko hoti kammunā.*

*Hành động làm nông phu,
Hành động làm công thợ,
Hành động làm lái buôn,
Hành động làm nô bộc.*

*Coropi kammunā hoti,
Yodhājīvopi kammunā;
Yājako kammunā hoti,
Rājāpi hoti kammunā.*

*Hành động làm ăn trộm,
Hành động làm nhà binh.
Hành động làm tế quan,
Hành động làm vua chúa.*

- Chức năng của nghiệp ở ngoài sự hiểu biết. (A.II.80)

Quả dị thực của nghiệp, này các Tỷ-kheo, không thể nghĩ đến được, nếu nghĩ đến, thời người suy nghĩ có thể đi đến cuồng loạn và thống khổ.

(Tăng Chi Bộ Kinh 2. Chương Bốn Pháp. Phẩm Không
Hỷ Luận. Phần Không Thể Nghĩ Được).

- Quả của nghiệp không lãnh chịu liền. (Dhp.69,71)

Ác nghiệp cho quả vào thời điểm chín mùi.

*Madhuvā maññati bālo,
Yāva pāpaṃ na paccati;
Yadā ca paccati pāpaṃ,
Bālo dukkhaṃ nigacchati.*

*Người ngu nghĩ là ngọt,
Khi ác chưa chín muối;
Ác nghiệp chín muối rồi,
Người ngu chịu khổ đau.*

*Na hi pāpaṃ kataṃ kammaṃ,
Sajju khīraṃva muccati;
Dahantaṃ bālaṃ manveti,
Bhasmacchannova pāvako.*

*Nghiệp ác đã được làm,
Như sữa, không đông ngay,
Cháy ngấm theo kẻ ngu,
Như lửa tro che đậy.*

- Có tác ý là nghiệp. (A.III.413)

*Cetantāhaṃ, bhikkhave, kammaṃ vadāmi. Cetayitvā
kammaṃ karoti – kāyena vācāya manasā.*

Này các Tỷ-kheo, Ta tuyên bố rằng suy tư là nghiệp; sau khi suy tư, tạo nghiệp về thân, về lời, về ý.

*(Tăng Chi Bộ Kinh 3. Chương Sáu Pháp. Đại Phẩm.
Phần Một Pháp Môn Quyết Trạch)*

- Nghiệp bất đồng. (The Expositor)

Tính cách bất đồng của nghiệp là gì?

Có những nghiệp con người phải chịu đọa vào địa ngục, có những nghiệp con người phải chịu làm súc sanh, ma quỷ hoặc được tái sanh làm người hoặc về cõi chư thiên.

Đây là sự bất đồng của nghiệp.

Và này các Tỷ-kheo, thế nào là các nghiệp sai biệt? Đây các Tỷ-kheo, có nghiệp đưa đến cảm thọ ở địa ngục, có nghiệp đưa đến cảm thọ loài bàng sanh, có nghiệp đưa đến cảm thọ cõi naga quỷ, có nghiệp đưa đến cảm thọ thế giới loài Người, có nghiệp đưa đến cảm thọ thế giới chư Thiên.

(Tăng Chi Bộ Kinh 3. Chương Sáu Pháp. Đại Phẩm.
Phần Một Pháp Môn Quyết Trạch)

- Nghiệp dừng lại. (A.III.415)

Và này các Tỷ-kheo, thế nào là nghiệp đoạn diệt? Xúc đoạn diệt, này các Tỷ-kheo, là nghiệp đoạn diệt. Đây là Thánh đạo tám ngành, con đường đưa đến các nghiệp đoạn diệt. Đó là chánh tri kiến, chánh tư duy, chánh ngữ, chánh nghiệp, chánh mạng, chánh tinh tấn, chánh niệm, chánh định.

(Tăng Chi Bộ Kinh 3. Chương Sáu Pháp. Đại Phẩm.
Phần Một Pháp Môn Quyết Trạch)

- Hiểu biết được nghiệp là hiểu biết lý duyên khởi (paṭiccasamuppāda). (Sn. 653)

*Evametam yathābhūtam,
Kammam passanti paṇḍitā;
Paṭiccasamuppādadassā,
Kammavipākakovidā*

*Kẻ trí thấy hành động,
Như thật là như vậy.
Thấy rõ lý duyên khởi,
Biết rõ nghiệp dị thực.*

- Hiểu biết về nghiệp có liên hệ đến trí tuệ cao hơn. (D.I.82)

Đức Phật phát huy thiên nhãn để thấy được chúng sanh lang thang trong kiếp luân hồi như thế nào.

Với tâm định tĩnh, thuần tịnh, không cấu nhiễm, không phiền não, nhu nhuyễn, dễ sử dụng, vững chắc, bình thản như vậy, Tỷ-kheo dẫn tâm, hướng tâm đến trí huệ về sanh tử của chúng sanh. Vị ấy với thiên nhãn thuần tịnh, siêu nhân, thấy sự sống và chết của chúng sanh. Vị ấy biết rõ rằng, chúng sanh người hạ liệt kẻ cao sang, người đẹp đẽ kẻ thô xấu, người may mắn kẻ bất hạnh, đều do hạnh nghiệp của chúng: "Này các Hiền giả, những Tôn giả này làm những điều ác hạnh về thân, lời và ý, phỉ báng các bậc Thánh, theo tà kiến, tạo các nghiệp theo tà kiến. Những người này sau khi thân hoại mạng chung, phải sanh vào cõi dữ, ác thú, đọa xứ, địa ngục. Này các Hiền giả, còn những chúng sanh nào làm những thiện hạnh về thân, lời và ý, không phỉ báng các bậc Thánh, theo chánh kiến, tạo các nghiệp theo chánh kiến, những người này, sau khi thân hoại mạng chung, được sanh lên các thiện thú, cõi trời, trên đời này. Như vậy vị ấy với thiên nhãn thuần tịnh siêu nhân thấy sự sống chết của chúng sanh. Vị ấy biết rõ rằng chúng sanh, người hạ liệt kẻ cao sang, người đẹp đẽ kẻ thô xấu, người may mắn kẻ bất hạnh, đều do hạnh nghiệp của chúng.

(Trường Bộ Kinh 1. Kinh Sa-Môn Quả).

5. 2. NGHIỆP VÀ CÁC QUAN ĐIỂM KHÁC

- Cái gì là nghiệp? (Facets of Buddhism)

Nghiệp (*Kamma* – trong tiếng *Pāli*; *Karma* – trong tiếng *Sanskrit*), trong cái nghĩa chung chung là muốn nói đến mọi hành động thiện và ác. Nghiệp (*kamma*) không phải là một thuyết định mệnh hay một giáo lý tiền định. Quá khứ ảnh hưởng đến hiện tại vì nghiệp (*kamma*) ở đây bao gồm cả quá khứ và hiện tại. Quá khứ và hiện tại ảnh hưởng đến tương lai, ảnh hưởng đến đời sống này hay đời sống kế tiếp. Một cái nhân để tạo trước để có một cái quả sau đó. Vì thế, khi chúng ta nói đến nghiệp như là đề cập đến luật nhân quả, đề cập đến những gì bất bình đẳng đang tồn tại ở thế gian này. Những người Phật tử không thể phó thác nó cho một vị Thượng đế hay một đấng sáng tạo trông nom những số mạng của con người và phân cấp vô số chúng sanh đang trú ngụ trong vũ trụ này. Người Phật tử cũng không thể tin rằng sự phức tạp này của thế gian là kết quả của vận mạng không lối thoát.

- Sự phủ nhận nghiệp. (A.I.287) (A.I.249)

Này các Tỷ-kheo, những ai là các vị A-la-hán trong thời vị lai, các vị Chánh Đẳng Giác, các bậc Thế Tôn; các vị ấy đều chủ trương có nghiệp, đều chủ trương có nghiệp quả, đều chủ trương có tình tấn. Nhưng này các Tỷ-kheo, chỉ có Makkhali, kẻ ngu si nói phản lại tất cả: "Không có nghiệp, không có nghiệp quả, không có tình tấn"...

Ví như, này các Tỷ-kheo, tại cửa sông, có người đặt một cái sập bẫy cá đem đến bất hạnh, đau khổ, tổn hại, nguy hại cho các loại cá. Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, Makkhali, kẻ ngu si xuất hiện ở đời như cái bẫy sập người, đem lại bất hạnh, đau khổ, tổn hại, nguy hại cho nhiều loài hữu tình.

(Tăng Chi Bộ Kinh 1. Chương Ba Pháp. Phẩm Kẻ Chiến Sĩ.
Phần Mền Bằng Tóc).

Ai nói như sau, này các Tỷ-kheo: "Người này làm nghiệp như thế nào, như thế nào, người ấy cảm thọ như vậy, như vậy". Nếu sự kiện là vậy, này các Tỷ-kheo, thời không có đời sống Phạm hạnh, không có cơ hội để nêu rõ đau khổ được chơn chánh đoạn diệt. Và này các Tỷ-kheo, ai nói như sau: "Người này làm nghiệp được cảm thọ như thế nào, như thế nào, người ấy cảm thọ quả dị thực như vậy, như vậy". Nếu sự kiện là vậy, này các Tỷ-kheo, thời có đời sống Phạm hạnh, có cơ hội để nêu rõ đau khổ được chơn chánh đoạn diệt.

(Tăng Chi Bộ Kinh 1. Chương Ba Pháp. Phẩm Hạt Muối.
Phần Hạt Muối).

5. 3. TRÁCH NHIỆM RIÊNG CỦA NGHIỆP.

- Làm nghiệp thiện. (Dhp.68)

*Tañca kammaṃ katamā sādhu,
Yam katvā nānutappati;
Yassa patīto sumano,
Vipākam paṭisevati.*

*Và nghiệp làm chánh thiện,
Làm rồi không ăn năn,
Hoan hỷ, ý đẹp lòng,
Hưởng thọ quả dị thực.*

- Con người phải chịu trách nhiệm về biệt nghiệp. (A.I.138)

Này người kia, chính vì do phóng dật, người đã không làm các điều lành về thân, về lời nói, về ý. Thật vậy, này người

kia, chúng sẽ làm cho người, đúng theo sự phóng dật của người. Ác nghiệp ấy của người, không phải mẹ làm, không phải cha làm, không phải anh làm, không phải chị làm, không phải bạn bè thân hữu làm, không phải bà con huyết thống làm, không phải chư Thiên làm, không phải Sa-môn làm, Bà-la-môn làm. Ác nghiệp ấy chính do người làm và Người sẽ thọ lãnh quả dị thực của ác nghiệp ấy.

(Tăng Chi Bộ Kinh 1. Chương Ba Pháp. Phẩm Sứ Giả Của Trời. Phần Diêm Vương).

- Nghiệp có một câu nói. (M.III.203)

Kammassakā, māṇava, sattā kammadāyādā kammayonī kammabandhū kammappaṭisaraṇā. Kammaṃ satte vibhajati yadidaṃ – hīnappaṇītataṭṭhāyati

Này Thanh niên, các loài hữu tình là chủ nhân của nghiệp, là thừa tự của nghiệp. Nghiệp là thai tạng, nghiệp là quyến thuộc, nghiệp là điểm tựa, nghiệp phân chia các loài hữu tình; nghĩa là có liệt, có ưu.

(Trung Bộ Kinh 3. Kinh Tiểu Nghiệp Phân Biệt).

- Chỉ có mỗi một điều con người làm chủ. (S.I.72)

*Ubho puññañca pāpañca,
Yaṃ macco kurute idha;
Tañhi tassa sakaṃ hoti,
Tañca ādāya gacchati;
Tañcassa anugaṃ hoti,
Chāyāva anapāyinī.
Tasmā kareyya kalyāṇaṃ,
Nicayaṃ samparāyikaṃ;*

*Puññāni paralokasmiṃ,
Patitṭhā honti pāṇinaṃ.*

Ở đây kẻ bị chết,
Làm các nghiệp công đức,
Làm các nghiệp ác đức,
Lấy cả hai đem đi.
Cả hai của kẻ ấy,
Như bóng theo dõi hình.
Cả hai theo kẻ ấy,
Do vậy hãy làm lành,
Tích lũy cho đời sau,
Công đức cho đời sau,
Là hậu cứ cho người.

*(Trương Ứng Bộ Kinh 1. Trương Ứng Kosala.
Phẩm Thứ Nhất. Phần Thân Ái).*

- Không ai có thể làm ai trong sạch. (Dhp.165)

*Attanā hi kataṃ pāpaṃ,
Attanā saṃkilissati;
Attanā akataṃ pāpaṃ,
Attanāva visujjhati;
Suddhī asuddhi paccattaṃ,
Nāñño aññaṃ visodhaye.*

Tự mình, làm điều ác,
Tự mình làm nhiễm ô,
Tự mình không làm ác,
Tự mình làm thanh tịnh.
Tịnh, không tịnh tự mình,
Không ai thanh tịnh ai!

5. 4. NHÂN CỦA NGHIỆP.

- Nhân gốc của ác nghiệp. (A.I.135)

Có ba nguyên nhân này, này các Tỷ-kheo, khởi lên các nghiệp. Thế nào là ba? Tham là nguyên nhân khởi lên các nghiệp. Sân là nguyên nhân khởi lên các nghiệp. Si là nguyên nhân khởi lên các nghiệp.

Phàm nghiệp nào được làm vì tham, này các Tỷ-kheo, sanh ra từ tham, duyên khởi từ tham, tập khởi từ tham, tại chỗ nào tự ngã được hiện hữu, tại chỗ ấy, nghiệp ấy được thuần thực. Chỗ nào nghiệp ấy được thuần thực, chỗ ấy quả dị thực của nghiệp ấy được cảm thọ ngay trong hiện tại, hay trong đời sống kế tiếp, hay trong một đời sau nữa.

Phàm nghiệp nào được làm vì sân, này các Tỷ-kheo, sanh ra từ sân ... Phàm nghiệp nào được làm vì si, này các Tỷ-kheo, sanh ra từ si ... tại chỗ ấy, nghiệp ấy được thuần thực ... hay trong một đời sau nữa.

Ví như, này các Tỷ-kheo, các hạt giống không bị bể vụn, không bị hư thối, không bị gió và nắng làm hư, còn tươi tốt được khéo gieo vào một đồng ruộng tốt, được trồng vào đất khéo sửa soạn, và được trời mưa xuống đều đặn, các hạt giống ấy, này các Tỷ-kheo, được lớn lên, tăng trưởng, lớn mạnh. Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, phàm nghiệp nào được làm vì tham ... hay trong một đời sau nữa. Phàm nghiệp nào được làm vì sân ... hay trong một đời sau nữa. Phàm nghiệp nào được làm vì si ... hay trong một đời sau nữa.

Có ba nguyên nhân này, này các Tỷ-kheo, khởi lên các nghiệp.

(Tăng Chi Bộ Kinh I. Chương Ba Pháp. Phẩm Sứ Giả Của Trời. Phần Các Nguyên Nhân).

- Ba nhân ác. (A.III.338)

Có ba nhân duyên này, này các Tỷ-kheo, khiến các nghiệp khởi lên. Thế nào là ba?

Tham là nhân duyên khiến các nghiệp khởi lên. Sân là nhân duyên khiến các nghiệp khởi lên. Si là nhân duyên khiến các nghiệp khởi lên. Này các Tỷ-kheo, không phải từ tham, không tham khởi lên. Này các Tỷ-kheo, chính từ tham, chỉ có tham khởi lên. Này các Tỷ-kheo, không phải từ sân, không sân khởi lên. Này các Tỷ-kheo, chính từ sân, chỉ có sân khởi lên. Này các Tỷ-kheo, không phải từ si, không si khởi lên. Này các Tỷ-kheo, chính từ si, chỉ có si khởi lên. Này các Tỷ-kheo, không phải do nghiệp từ tham sanh, không phải do nghiệp từ sân sanh, không phải do nghiệp từ si sanh, chư Thiên được nêu rõ, loài Người được nêu rõ, hay những loài khác đang ở trong thiện thú. Này các Tỷ-kheo, chính do nghiệp từ tham sanh, chính do nghiệp từ sân sanh, chính do nghiệp từ si sanh, địa ngục được nêu rõ, các loài bàng sanh được nêu rõ, các loại ngạ quỷ được nêu rõ, và các loài khác đang ở trong ác thú.

Đây là ba nhân duyên, này các Tỷ-kheo, khiến các nghiệp khởi lên.

*(Tăng Chi Bộ Kinh 3. Chương Sáu Pháp. Phẩm Chư
Thiên.
Phần Nhân Duyên)*

- Ba nhân thiện. (A.III.338)

Có ba nhân duyên này, này các Tỷ-kheo, khiến các nghiệp khởi lên. Thế nào là ba?

Không tham là nhân duyên khiến các nghiệp khởi lên, không sân là nhân duyên khiến các nghiệp khởi lên, không si là

nhân duyên khiến các nghiệp khởi lên. Không phải từ không tham, tham khởi lên. Đây các Tỷ-kheo, chính từ không tham, chỉ có không tham khởi lên. Đây các Tỷ-kheo, không phải từ không sân, sân khởi lên. Đây các Tỷ-kheo, chính từ không sân, chỉ có không sân khởi lên. Đây các Tỷ-kheo, không phải từ không si, si khởi lên. Đây các Tỷ-kheo, chính từ không si, chỉ có không si khởi lên. Đây các Tỷ-kheo, không phải do nghiệp từ không tham sanh, không phải do nghiệp từ không sân sanh, không phải do nghiệp từ không si sanh, địa ngục được nêu rõ, loài bàng sanh được nêu rõ, cõi ngạ quỷ được nêu rõ, và các loài khác đang ở trong ác thú. Nhưng đây các Tỷ-kheo, chính do nghiệp từ không tham sanh, chính do nghiệp từ không sân sanh, chính do nghiệp từ không si sanh, chư Thiên được nêu rõ, loài Người được nêu rõ, và các loài khác đang ở trong thiện thú.

Đây là ba nhân duyên, này các Tỷ-kheo, khiến các nghiệp khởi lên.

*(Tăng Chi Bộ Kinh 3. Chương Sáu Pháp. Phẩm Chư Thiên.
Phần Nhân Duyên)*

- Các nhân thiện nghiệp đưa đến sự dập tắt. (A.I.263)

Có ba nhân duyên này, này các Tỷ-kheo, khiến các nghiệp tập khởi. Thế nào là ba?

Vô tham là nhân duyên khiến các nghiệp tập khởi, vô sân là nhân duyên khiến các nghiệp tập khởi, vô si là nhân duyên khiến các nghiệp tập khởi.

Phàm nghiệp nào do vô tham tác thành, này các Tỷ-kheo, sanh ra từ vô tham, do vô tham làm nhân duyên, do vô tham tập khởi, nghiệp ấy là thiện, nghiệp ấy không có phạm tội, nghiệp

ấy có lạc dị thực, nghiệp ấy đưa đến nghiệp đoạn diệt, nghiệp ấy không đưa đến nghiệp tập khởi. Phàm nghiệp nào do vô sân tác thành ... Phàm nghiệp nào do vô si tác thành, này các Tỷ-kheo, sanh ra từ vô si, do vô si làm nhân duyên, do vô si tập khởi, nghiệp ấy là thiện, nghiệp ấy không có phạm tội, nghiệp ấy có lạc dị thực, nghiệp ấy không đưa đến nghiệp tập khởi, nghiệp ấy đưa đến nghiệp đoạn diệt. Ba pháp này, này các Tỷ-kheo, là ba nhân duyên khiến các nghiệp tập khởi.

*(Tăng Chi Bộ Kinh 1. Chương Ba Pháp. Phẩm Chánh Giác.
Phản Ba Nhân Duyên (2)).*

- Các nhân loại bỏ quả của nghiệp. (A.I.135)

Có ba nguyên nhân này, này các Tỷ-kheo, khởi lên các nghiệp. Thế nào là ba? Không tham là nguyên nhân khởi lên các nghiệp. Không sân là nguyên nhân khởi lên các nghiệp. Không si là nguyên nhân khởi lên các nghiệp.

Phàm nghiệp nào được làm vì không tham, này các Tỷ-kheo, sanh ra từ không tham, duyên khởi từ không tham, tập khởi từ không tham. Vì rằng tham được từ bỏ, như vậy, nghiệp ấy được đoạn tận, được cắt đứt từ gốc rễ, được làm như thân cây tala, được làm cho không thể hiện hữu, được làm cho không thể sanh khởi trong tương lai.

Phàm nghiệp nào được làm vì không sân ... Phàm nghiệp nào được làm vì không si, này các Tỷ-kheo, sanh ra từ không si ... Vì rằng si được từ bỏ, như vậy, nghiệp ấy được đoạn tận, được cắt đứt từ gốc rễ, được làm như thân cây tala, được làm cho không thể hiện hữu, được làm cho không thể sanh khởi trong tương lai.

Ví như này các Tỷ-kheo, các hạt giống không thể bị bể vụn, không bị hư thối, không bị gió và nắng làm hư, còn được tươi tốt, được khéo gieo. Và một người lấy lửa đốt chúng, sau khi lấy lửa đốt, làm cho chúng thành tro, sau khi làm thành tro, quạt chúng trong gió lớn, hay cho vào dòng nước sông chảy nhanh mang cuốn đi. Như vậy, này các Tỷ-kheo, các hạt giống ấy được đoạn tận, được cắt đứt từ gốc rễ, được làm cho như thân cây tala, được làm cho không thể hiện hữu, được làm cho không thể sanh khởi trong tương lai. Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, phạm nghiệp nào được làm từ không tham ... không thể sanh khởi trong tương lai. Phạm nghiệp nào được làm từ không sân ... không thể sanh khởi trong tương lai. Phạm nghiệp nào được làm từ không si ... không thể sanh khởi trong tương lai.

Có ba nguyên nhân này, này các Tỷ-kheo, khởi lên các nghiệp.

(Tăng Chi Bộ Kinh I. Chương Ba Pháp. Phẩm Sứ Giả Của Trời. Phần Các Nguyên Nhân).

**- Ham muốn những điều của quá khứ, hiện tại và tương lai.
(A.I.263)**

Có ba nhân duyên này, này các Tỷ-kheo, khiến các nghiệp tập khởi. Thế nào là ba?

Này các Tỷ-kheo, do duyên các pháp làm chỗ y xứ cho dục tham trong quá khứ; ước muốn khởi lên. Này các Tỷ-kheo, do duyên các pháp làm chỗ y xứ cho dục tham trong tương lai; ước muốn khởi lên. Này các Tỷ-kheo, do duyên các pháp làm chỗ y xứ cho dục tham trong hiện tại; ước muốn khởi lên.

Như thế nào, này các Tỷ-kheo, do duyên các pháp làm chỗ y xứ cho dục tham trong quá khứ, ước muốn khởi lên?

Này các Tỷ-kheo, do duyên các pháp làm chỗ y xứ cho dục tham trong quá khứ; với tâm, nó tầm cầu, nó tư sát. Do

duyên các pháp làm chỗ ý xử cho dục tham trong quá khứ; với tâm, nó tầm cầu, nó tư sát, nên ước muốn khởi sanh. Vì có ước muốn, nên nó bị liên hệ với các pháp ấy. Nay các Tỷ-kheo, Ta nói rằng đó là một kiết sử, vì tâm ấy có tham ái. Như vậy, nay các Tỷ-kheo, do duyên các pháp làm chỗ ý xử cho dục tham trong quá khứ, ước muốn sanh khởi.

Như thế nào, nay các Tỷ-kheo, do duyên các pháp làm chỗ ý xử cho dục tham trong tương lai, ước muốn sanh khởi ?

Nay các Tỷ-kheo, do duyên các pháp làm chỗ ý xử cho dục tham trong tương lai; với tâm, nó tầm cầu, nó tư sát. Do duyên các pháp làm chỗ ý xử cho dục tham trong tương lai; với tâm, nó tầm cầu, nó tư sát, nên ước muốn khởi sanh. Vì có ước muốn, nên nó bị liên hệ với các pháp ấy. Nay các Tỷ-kheo, Ta nói rằng đó là một kiết sử, vì tâm ấy có tham ái. Như vậy, nay các Tỷ-kheo, do duyên các pháp làm chỗ ý xử cho dục tham trong tương lai, ước muốn sanh khởi.

Và như thế nào, nay các Tỷ-kheo, do duyên các pháp làm chỗ ý xử cho dục tham trong hiện tại, ước muốn khởi sanh?

Nay các Tỷ-kheo, do duyên các pháp làm chỗ ý xử cho dục tham trong hiện tại; với tâm, nó tầm cầu, nó tư sát. Do duyên các pháp làm chỗ ý xử cho dục tham trong hiện tại; với tâm, nó tầm cầu, nó tư sát, nên ước muốn khởi sanh. Vì có ước muốn, nên nó bị liên hệ với pháp ấy. Nay các Tỷ-kheo, Ta nói rằng đó là một kiết sử, vì tâm ấy có tham ái. Như vậy, nay các Tỷ-kheo, do duyên các pháp làm chỗ ý xử cho dục tham trong hiện tại, ước muốn sanh khởi.

*(Tăng Chi Bộ Kinh 1. Chương Ba Pháp. Phẩm Chánh Giác.
Phản Nhân Duyên (3)).*

- Ác nghiệp đưa đến đau khổ. (A.I.262)

Phàm nghiệp nào do tham tác thành, này các Tỷ-kheo, sanh ra từ tham, do tham làm nhân duyên, do tham tập khởi, nghiệp ấy là bất thiện, nghiệp ấy có phạm tội, nghiệp ấy có khổ dị thực, nghiệp ấy làm nghiệp tập khởi, nghiệp ấy không đưa đến nghiệp đoạn diệt. Phàm nghiệp nào do sân tác thành ... Phàm nghiệp nào do si tác thành, này các Tỷ-kheo, sanh ra từ si, do si làm nhân duyên, do si tập khởi, nghiệp ấy là bất thiện, nghiệp ấy có phạm tội, nghiệp ấy có khổ dị thực, nghiệp ấy làm nghiệp tập khởi, nghiệp ấy không đưa đến nghiệp đoạn diệt.

(Tăng Chi Bộ Kinh 1. Chương Ba Pháp. Phẩm Chánh Giác.

Phân Ba Nhân Duyên (1)).

- Một tâm phòng hộ và không phòng hộ định trước bản chất của nghiệp. (A.I.262)

Này gia chủ, khi tâm không phòng hộ, thời thân nghiệp cũng không phòng hộ, khẩu nghiệp cũng không phòng hộ, ý nghiệp cũng không phòng hộ. Với ai thân nghiệp không phòng hộ, khẩu nghiệp không phòng hộ, ý nghiệp không phòng hộ, thời thân nghiệp đầy ứ tham dục và rĩ chảy; khẩu nghiệp đầy ứ tham dục và rĩ chảy; ý nghiệp đầy ứ tham dục và rĩ chảy; Với ai thân nghiệp đầy ứ tham dục và rĩ chảy, khẩu nghiệp đầy ứ tham dục và rĩ chảy, ý nghiệp đầy ứ tham dục và rĩ chảy, thời thân nghiệp bị hủ bại, khẩu nghiệp ... ý nghiệp bị hủ bại. Với ai thân nghiệp bị hủ bại, khẩu nghiệp ... ý nghiệp bị hủ bại, sự chết không được hiền thiện, mạng chung không được hiền thiện.

Này gia chủ, khi tâm được phòng hộ, thời thân nghiệp cũng được phòng hộ, khẩu nghiệp ... ý nghiệp cũng được phòng hộ. Với ai thân nghiệp được phòng hộ, khẩu nghiệp được

phòng hộ, ý nghiệp được phòng hộ, thời thân nghiệp không đầy ứ tham dục và rỉ chảy; khẩu nghiệp không đầy ứ tham dục và rỉ chảy; ý nghiệp không đầy ứ tham dục và rỉ chảy; Với ai thân nghiệp không đầy ứ tham dục và rỉ chảy, khẩu nghiệp không đầy ứ tham dục và rỉ chảy, ý nghiệp không đầy ứ tham dục và rỉ chảy, thời thân nghiệp không bị hủ bại, khẩu nghiệp ... ý nghiệp không bị hủ bại. Với ai thân nghiệp không bị hủ bại, khẩu nghiệp ... ý nghiệp không bị hủ bại, thời sự chết được hiền thiện, mạng chung được hiền thiện ...

(Tăng Chi Bộ Kinh 1. Chương Ba Pháp. Phẩm Chánh Giác.

Phản Nóc Nhọn (1)).

- Nghiệp không có sự khởi đầu hay chấm dứt. (The Author)

Nếu chúng ta hiểu được nghiệp như là một sức mạnh hay một hình thức của năng lực thì chúng ta có thể biết rõ nó không có sự bắt đầu. Để hỏi nghiệp bắt đầu từ đâu cũng giống như chúng ta hỏi điện được bắt đầu từ đâu vậy. Nghiệp cũng giống như điện, không có sự bắt đầu. Nó được xuất phát hay trở thành dưới một số điều kiện nào đó.

(Lời Tác Giả)

5. 5. SỰ KHÁC BIỆT TRONG CHÚC NĂNG.

**- Quả của ác nghiệp thay đổi theo trạng thái của tâm.
(A.I.250-252)**

Ở đây, này các Tỷ-kheo, có người làm nghiệp ác nhỏ mọn, và nghiệp ác ấy đưa người ấy vào địa ngục. Ở đây, này các Tỷ-kheo, có người làm nghiệp ác nhỏ mọn tương tợ, và nghiệp ác ấy đưa người ấy đến cảm thọ ngay trong hiện tại,

cho đến chút ít cũng không thấy được (trong đời sau), nói gì là nhiều.

Ở đây, này các Tỷ-kheo, có người có người thân không tu tập, giới không tu tập, tâm không tu tập, tuệ không tu tập, hạn hẹp, tự ngã nhỏ nhen, sống chịu khổ ít ỏi. Người như vậy, này các Tỷ-kheo, làm nghiệp ác nhỏ mọn, và nghiệp ác ấy đưa người ấy vào địa ngục.

Ở đây, này các Tỷ-kheo, có người thân được tu tập, giới được tu tập, tâm được tu tập, tuệ được tu tập, không có hạn hẹp, tự ngã to lớn, sống đời vô lượng. Người như vậy, này các Tỷ-kheo, có làm nghiệp ác nhỏ mọn tương tự, nghiệp ác ấy đưa người ấy đến cảm thọ ngay trong hiện tại, cho đến chút ít cũng không thấy được, còn nói gì là nhiều.

(Tăng Chi Bộ Kinh 1. Chương Ba Pháp. Phẩm Hạt Muối.
Phần Hạt Muối.)

Sự khác biệt của quả nghiệp được giải thích riêng từng người qua hai thí dụ, chẳng hạn như một hạt muối bỏ vào một cái tách nhỏ có nước thì nước thì nước bị mặn không uống được, nhưng cũng một lượng muối như vậy mà đem bỏ xuống sông hằng thì không thể nào làm cho nước sông mặn được hay không thể uống được.

- Tiềm năng của nghiệp. (S.III.60)

Từ ngữ hành (*saṅkhāra*) được dùng trong các kinh thánh để biểu thị những yếu tố tâm linh bao gồm cả tiềm năng của tâm. Vì nghiệp (*kamma*) là có tác ý (*cetanā*) [ý chí, ý định, cố ý], hành (*saṅkhāra*) được định nghĩa là như lý tác ý (*sañcetanā*).

Có sáu cách cho sự tác ý này là sắc, thanh, hương, vị, xúc và đối tượng của tâm. Những cái này được gọi là hành (*sankhāra*).

- Cách vận hành của nghiệp. (M.III.209)

Nếu một ai có dụng ý làm thân nghiệp, khẩu nghiệp, ý nghiệp, có khả năng đưa đến lạc thọ, người ấy sẽ cảm giác lạc thọ. Nay Hiền giả Potaliputta, nếu một ai có dụng ý làm thân nghiệp, khẩu nghiệp, ý nghiệp có khả năng đưa đến khổ thọ, người ấy sẽ cảm giác khổ thọ. Nay Hiền giả Potaliputta, nếu một ai có dụng ý làm thân nghiệp, khẩu nghiệp, ý nghiệp có khả năng đưa đến bất khổ bất lạc thọ, người ấy sẽ cảm giác bất khổ bất lạc thọ.

(Trung Bộ Kinh 3. Kinh Đại Nghiệp Phân Biệt).

- Một cách phân tích để biết nghiệp đưa đến quả như thế nào? (M.III.201-205)

Có bốn loại cho mỗi cá nhân :

✓ Một người đã tạo ác nghiệp và sau khi chết bị đọa vào địa ngục (*niraya*).

✓ Một người đã tạo ác nghiệp nhưng sau khi chết lại được tái sinh cõi trời.

✓ Một người tránh làm các điều ác và sau khi chết được tái sinh cõi trời.

✓ Một người tránh làm các điều ác nhưng sau khi chết lại bị đọa địa ngục.

Có một vài đạo sĩ sau khi đắc định đã dùng thiên nhãn của họ quan sát những chúng sanh đó. Những vị này thấy được hạng thứ nhất và hạng thứ ba thì họ thừa nhận năng lực của

nghiệp, trong khi hạng thứ hai và thứ tư thì họ lại bác bỏ khả năng của nghiệp. Mỗi vị trong nhóm này có lẽ đã chấp chặt vào quan điểm riêng của mình một cách mạnh mẽ và khẳng khái cho rằng cái gì họ thấy là đúng, còn tất cả của người khác là sai, là giả dối. Đức Phật nhìn nhận sự hiểu biết của họ qua kinh nghiệm là đúng nhưng không phải là quan điểm của họ.

Nguyên nhân như sau :

Trường hợp thứ nhất :

Ở đây, này Ānanda, người nào sát sanh, lấy của không cho... có tà kiến; sau khi thân hoại mạng chung, người ấy bị sanh vào cõi dữ, ác thú, đọa xứ, địa ngục... Hoặc là một ác nghiệp đưa đến cảm giác khổ thọ do người ấy làm lúc trước, hay một ác nghiệp đưa đến cảm giác khổ thọ do người ấy làm về sau, hay trong khi mệnh chung, một tà kiến được người ấy chấp nhận và chấp chặt. Do vậy, sau khi thân hoại mạng chung, người ấy sanh vào cõi dữ, ác thú, đọa xứ, địa ngục. Và ai ở đây sát sanh, lấy của không cho... có tà kiến, người ấy phải lãnh thọ quả báo được khởi lên ngay hiện tại hay trong một đời khác.

Trường hợp thứ hai :

Ở đây, này Ānanda, người nào sát sanh, lấy của không cho... có tà kiến; sau khi thân hoại mạng chung, người ấy sanh vào thiện thú, Thiên giới, cõi đời này... Hoặc là một thiện nghiệp đưa đến cảm giác lạc thọ do người ấy làm lúc trước, hay một thiện nghiệp đưa đến cảm giác lạc thọ do người ấy làm về sau, hay trong khi mệnh chung, một chánh kiến được người ấy chấp nhận và chấp chặt. Do vậy sau khi thân hoại mạng chung, người ấy sanh vào thiện thú, Thiên giới, cõi đời này. Và ai ở đây sát sanh, lấy của không cho... có tà kiến, người ấy phải lãnh thọ quả báo được khởi lên ngay hiện tại hay trong một đời khác.

Trường hợp thứ ba :

Ở đây, này Ānanda, người nào từ bỏ sát sanh, từ bỏ lấy của không cho... có chánh kiến; sau khi thân hoại mạng chung, người ấy sanh vào thiện thú, Thiên giới, cõi đời này... Hoặc là một thiện nghiệp đưa đến cảm giác lạc thọ do người ấy làm từ trước, hay một thiện nghiệp đưa đến cảm giác lạc thọ do người ấy làm về sau, hay trong khi mệnh chung, một chánh kiến được người ấy chấp nhận và chấp chặt. Do vậy, sau khi thân hoại mạng chung, người ấy sanh vào thiện thú, Thiên giới, cõi đời này. Và ai ở đây từ bỏ sát sanh, từ bỏ lấy của không cho... có chánh kiến, người ấy phải lãnh thọ quả báo được khởi lên ngay hiện tại, hay trong một đời khác.

Trường hợp thứ tư :

Ở đây, này Ānanda, người nào từ bỏ sát sanh, từ bỏ lấy của không cho... có chánh kiến; sau khi thân hoại mạng chung, người ấy bị sanh vào cõi dữ, ác thú, đọa xứ, địa ngục... Hoặc là một ác nghiệp đưa đến cảm giác khổ thọ do người ấy làm từ trước, hay một ác nghiệp đưa đến cảm giác khổ thọ do người ấy làm về sau, hay trong khi mệnh chung, một tà kiến được người ấy chấp nhận và chấp chặt. Do vậy, sau khi thân hoại mạng chung, người ấy sanh vào cõi dữ, ác thú, đọa xứ, địa ngục. Và ai ở đây từ bỏ sát sanh, từ bỏ lấy của không cho... có chánh kiến, người ấy phải lãnh thọ quả báo được khởi lên ngay hiện tại hay trong một đời khác.

Iti kho, ānanda, atthi kammaṃ abhabbamaṃ abhabbābhāsaṃ, atthi kammaṃ abhabbamaṃ bhabbābhāsaṃ, atthi kammaṃ bhabbāñceva bhabbābhāsañca, atthi kammaṃ bhabbamaṃ abhabbābhāsaṃ.

Như vậy, này Ānanda, có nghiệp vô hữu tợ vô hữu, có nghiệp vô hữu tợ hữu, có nghiệp hữu tợ hữu, có nghiệp hữu tợ vô hữu.

- Tại sao có sự bất đồng trong chúng sanh? (M.III.202-206)

Những câu hỏi sau đây đề cập đến sự bất đồng trong con người, được nêu lên bởi một thanh niên có tên Subha. Đức Phật đã trả lời tất cả câu hỏi của anh ta.

- *Thưa Tôn giả Gotama, chúng tôi thấy có người đoản thọ, có người trường thọ?*

- *Ở đây, này Thanh niên, có người đàn bà hay người đàn ông, sát sanh, tàn nhẫn, tay lấm máu, tâm chuyên sát hại đả thương, tâm không từ bi đối với các loại chúng sanh. Do nghiệp ấy, thành đạt như vậy, thành tựu như vậy, sau khi thân hoại mạng chung, bị sanh vào cõi dữ, ác thú, đọa xứ, địa ngục. Nếu sau khi thân hoại mạng chung, người ấy không sanh vào cõi dữ, ác thú, đọa xứ, địa ngục, nếu được đi đến loài Người, chỗ nào người ấy sanh ra, người ấy phải đoản mạng. Con đường ấy đưa đến đoản mạng, này Thanh niên, tức là sát sanh, tàn nhẫn, tay lấm máu, tâm chuyên sát hại đả thương, tâm không từ bi đối với các loài hữu tình.*

Nhưng ở đây, này Thanh niên, có người đàn bà hay đàn ông, từ bỏ sát sanh, tránh xa sát sanh, bỏ trượng, bỏ kiếm, biết tầm quý, có lòng từ, sống thương xót đến hạnh phúc tất cả chúng sanh và loài hữu tình. Do nghiệp ấy, thành đạt như vậy, thành tựu như vậy, sau khi thân hoại mạng chung, người ấy được sanh vào thiện thú, Thiên giới, ở đời. Nếu sau khi thân hoại mạng chung, người ấy không sanh vào thiện thú, Thiên giới, ở đời, nếu người ấy đi đến loài Người, chỗ nào người ấy sanh ra, người ấy được trường thọ. Con đường ấy đưa đến trường thọ, này Thanh niên, tức là từ bỏ sát sanh, tránh xa sát

sanh, bỏ trượng, bỏ kiếm, biết tầm quý, có lòng từ, sống thương xót đến hạnh phúc tất cả chúng sanh và loài hữu tình.

- chúng tôi thấy có người nhiều bệnh, có người ít bệnh?

- Ở đây, này Thanh niên, có người đàn bà hay người đàn ông, tánh hay não hại các loài hữu tình, với tay, hay với cục đất, hay với cây gậy, hay với cây đao. Do nghiệp ấy, thành đạt như vậy, thành tựu như vậy, sau khi thân hoại mạng chung, người ấy sanh vào cõi dữ, ác thú, đọa xứ, địa ngục. Nếu sau khi thân hoại mạng chung, người ấy không sanh vào cõi dữ, ác thú, đọa xứ, địa ngục, nếu người ấy đi đến loài Người, chỗ nào người ấy sanh ra, người ấy phải bị nhiều bệnh hoạn. Con đường ấy đưa đến nhiều bệnh hoạn, này Thanh niên, tức là tánh hay não hại các loài hữu tình với tay, hay với cục đất, hay với cây gậy, hay với cây đao.

Nhưng ở đây, này Thanh niên, có người đàn bà hay người đàn ông, tánh không hay não hại các loài hữu tình, với tay, hay với cục đất, hay với cây gậy, hay với cây đao. Do nghiệp ấy thành đạt như vậy.. thiện thú... người ấy được ít bệnh hoạn. Con đường ấy đưa đến ít bệnh hoạn... tánh không não hại... hay với cây đao.

- Chúng tôi thấy có người xấu sắc, có người đẹp sắc?

- Ở đây, này Thanh niên, có người đàn bà hay người đàn ông, phần nộ, nhiều phật ý, bị nói đến một chút thời bất bình, phần nộ, sân hận, chống đối, và tỏ lộ phần nộ, sân hận, bất mãn. Do nghiệp ấy, thành đạt như vậy... cõi dữ... xấu sắc. Con đường ấy đưa đến xấu sắc, này Thanh niên, tức là phần nộ... bất mãn.

Ở đây, này Thanh niên, có người đàn bà hay người đàn ông, không phần nộ, không nhiều phật ý, dẫu cho bị nói đến nhiều, cũng không bất bình, phần nộ, sân hận, chống đối, và không tỏ lộ phần nộ, sân hận, bất mãn. Do nghiệp ấy, thành đạt

như vậy.... thiện thú... đẹp sắc (pasadika: hoan hỷ) Con đường ấy đưa đến đẹp sắc, này Thanh niên, tức là không phần nộ... không bất mãn.

- Chúng tôi thấy có người quyền thế nhỏ, có người quyền thế lớn?

- Ở đây, này Thanh niên, có người đàn bà hay người đàn ông, tật đổ, đối với người khác được quyền lợi, được tôn trọng, cung kính, tôn sùng, đánh lễ, cúng dường, sanh tật đổ, sanh tâm, ôm ấp tâm tật đổ. Do nghiệp ấy, thành đạt như vậy... ác thú... quyền thế nhỏ. Con đường ấy đưa đến quyền thế nhỏ, này thanh niên, tức là tật đổ... ôm ấp tâm tật đổ.

Nhưng ở đây, này Thanh niên, có người đàn bà hay người đàn ông, không có tật đổ, đối với những người khác được quyền lợi, được tôn trọng, cung kính, tôn sùng, đánh lễ, cúng dường, không sanh tật đổ, không sanh tâm, không ôm ấp tâm tật đổ. Do nghiệp ấy... thiện thú... quyền thế lớn. Con đường ấy đưa đến quyền thế lớn, này Thanh niên, tức là không tật đổ... không ôm ấp tật đổ.

- Chúng tôi thấy có người tài sản nhỏ, có người tài sản lớn?

- Ở đây, này Thanh niên, có người đàn bà hay người đàn ông, không bố thí cho Sa-môn hay Bà-la-môn, đồ ăn uống, y phục, xe cộ, vòng hoa, hương liệu, phấn sáp, ngọa cụ, nhà cửa, đèn đuốc. Do nghiệp ấy.. đọa xứ... tài sản nhỏ. Con đường đưa đến tài sản nhỏ, ngọa cụ, nhà cửa, đèn đuốc.

Nhưng ở đây, này Thanh niên, có người đàn bà hay người đàn ông có bố thí cho Sa-môn hay cho Bà-la-môn các đồ ăn uống... ngọa cụ, nhà cửa, đèn đuốc. Do nghiệp ấy... thiện thú... nhiều tài sản. Con đường đưa đến nhiều tài sản nhỏ... ngọa cụ, nhà cửa, đèn đuốc.

- Chúng tôi thấy có người thuộc gia đình hạ liệt, có người thuộc gia đình cao quý?

- Ở đây, này Thanh niên, có người đàn bà hay người đàn ông ngạo nghễ, kiêu mạn, không đánh lễ những người đáng đánh lễ, không đứng dậy đối với người đáng đứng dậy, không mời ngồi những người đáng mời ngồi, không nhường chỗ đi cho những người đáng được nhường chỗ đi, không tôn trọng những người đáng tôn trọng, không cung kính những người đáng cung kính, không cúng dường những người đáng cúng dường. Do nghiệp ấy... đọa xứ... thuộc gia đình hạ liệt. Con đường đưa đến gia đình hạ liệt.. không cúng dường những người đáng cúng dường.

Nhưng ở đây, này Thanh niên, có người đàn bà hay người đàn ông, không có ngạo nghễ quá mạn, đánh lễ những người đáng đánh lễ... cúng dường những người đáng cúng dường. Do nghiệp ấy... thiện thú... vào gia đình cao quý. Con đường đưa đến gia đình cao quý... cúng dường những người đáng cúng dường.

- Chúng tôi thấy có người trí tuệ yếu kém, có người có đầy đủ trí tuệ?

- Ở đây, này Thanh niên, có người đàn bà hay người đàn ông, sau khi đi đến Sa-môn hay Bà-la-môn, không hỏi: "Thưa Tôn giả, thế nào là thiện? Thế nào là bất thiện? Thế nào là phạm tội? Thế nào là không phạm tội? Thế nào là cần phải thực hành? Thế nào là không cần phải thực hành? Tôi đã làm gì để phải không lợi ích và đau khổ lâu dài? Hay tôi đã làm gì để được lợi ích và an lạc lâu dài? Do nghiệp ấy... đọa xứ... trí tuệ yếu kém. Con đường đưa đến trí tuệ yếu kém... lợi ích, hạnh phúc lâu dài?"

Nhưng ở đây, này Thanh niên, có người đàn bà hay người đàn ông, sau khi đến Sa-môn hay Bà-la-môn, có hỏi: "Thưa

Tôn giả, thế nào là thiện? Thế nào là bất thiện... lợi ích, an lạc lâu dài? Do nghiệp ấy... thiện thú... đầy đủ trí tuệ. Con đường đưa đến đầy đủ trí tuệ... lợi ích, an lạc lâu dài?"

(Trung Bộ Kinh 3. Kinh Tiểu Nghiệp Phân Biệt)

5. 6. CÁC SUY TƯỞNG VỀ NGHIỆP.

- Hãy suy nghĩ trước khi hành động. (M.I.415)

Này Rāhula, khi Ông muốn làm một thân nghiệp gì, hãy phản tỉnh thân nghiệp ấy như sau: "Thân nghiệp này của ta có thể đưa đến tự hại, có thể đưa đến hại người, có thể đưa đến hại cả hai; thời thân nghiệp này là bất thiện, đưa đến đau khổ, đem đến quả báo đau khổ". Này Rāhula, nếu trong khi phản tỉnh, Ông biết: "Thân nghiệp này, ta muốn làm. Thân nghiệp này của ta có thể đưa đến tự hại, có thể đưa đến hại người, có thể đưa đến hại cả hai; thời thân nghiệp này là bất thiện, đưa đến đau khổ, đem đến quả báo đau khổ". Một thân nghiệp như vậy, này Rāhula, Ông nhất định chớ có làm. Này Rāhula, nếu sau khi phản tỉnh, ông biết: "Thân nghiệp này ta muốn làm. Thân nghiệp này của ta không có thể đưa đến tự hại, không có thể đưa đến hại người, không có thể đưa đến hại cả hai; thời thân nghiệp này là thiện, đưa đến an lạc, đem đến quả báo an lạc". Một thân nghiệp như vậy, này Rāhula, Ông nên làm.

(Trung Bộ Kinh 2. Kinh Giáo Giới La-Hầu-La ở Rừng Ambala)

- Vai trò của nghiệp trong sự sinh tồn. (Aṭṭhasālinī.66)

Do nghiệp, thế gian luân chuyển.

Do nghiệp, chúng sanh tồn tại.

Và cũng do nghiệp, mà chúng sanh vương vữu.

*Liên kết với nhau như bánh xe,
Cấu hợp, dính liền và quay tròn quanh cái trục.*

*Do nghiệp, chúng sanh được vinh hạnh tôn sùng.
Do nghiệp, chúng sanh chịu cảnh nô lệ tôi đòi,
Bị nạn độc tài đàn áp và đi đến chỗ bại vong .
Đã biết rằng nghiệp sanh quả
Tại sao vẫn tin rằng:*

"Trong đời này không có nghiệp báo?"

(Đức Phật Và Phật Pháp. Chương 18 - Nghiệp Báo)

**- Bằng cách nào, con người trở thành giai cấp thượng lưu
hay hạ lưu? (Sn.136)**

*Na jaccā vasalo hoti,
Na jaccā hoti brāhmaṇo;
Kammunā vasalo hoti,
Kammunā hoti brāhmaṇo.*

*Bần tiện không vì sanh,
Phạm chí không vì sanh,
Do hành, thành bần tiện,
Do hành, thành Phạm chí.*

Chúng ta là kết quả
Của những gì đã làm
Chúng ta sẽ nhận quả
Của những gì đang làm
Cuộc sống ở quá khứ
Hiện tại và vị lai
Luôn luôn được kết nối
Tinh khiết hay bất tịnh
Do tiến triển ở tâm.

- Kẻ tội lỗi tự hủy hoại mình. (Dhp.240)

*Ayasāva malaṃ samuṭṭhitam,
Tatuṭṭhāya tameva khādati;
Evaṃ atidhonacārinaṃ,
Sāni kammāni nayanti duggatiṃ.*

*Như sét từ sắt sanh,
Sắt sanh lại ăn sắt,
Cũng vậy, quá lợi dưỡng
Tự nghiệp dẫn cỏi ác.*

- Kẻ ác bị đau khổ. (Dhp.17)

*Idha tappati pecca tappati,
Pāpakārī ubhayattha tappati;
Pāpaṃ me katanti tappati,
Bhiyyo tappati duggatiṃ gato.*

*Nay than, đời sau than,
Kẻ ác, hai đời than,
Than rằng: "Ta làm ác "
Đọa cỏi dữ, than hơn.*

- Nghiệp và phản ứng của nghiệp. (Dhp.67)

*Na taṃ kammaṃ kataṃ sādhu,
Yaṃ katvā anutappati;
Yassa assumukho rodaṃ,
Vipākaṃ paṭisevati.*

*Nghiệp làm không chánh thiện,
Làm rồi sanh ăn năn,
Mặt nhuốm lệ, khóc than,
Lãnh chịu quả dị thực.*

- Hãm hại người vô tội. (Dhp.125)

*Yo appaduṭṭhassa narassa dussati,
Suddhassa posassa anaṅgaṇassa;
Tameva bālaṃ pacceti pāpaṃ,
Sukhumo rajo paṭivātaṃva khitto.*

*Hại người không ác tâm,
Người thanh tịnh, không uế,
Tội ác đến kẻ ngu,
Như ngược gió tung bụi.*

- Người ấy bị đau khổ khi ác nghiệp trở quả. (Dhp.69)

*Madhuvā maññati bālo,
Yāva pāpaṃ na paccati;
Yadā ca paccati pāpaṃ,
Bālo dukkhaṃ nigacchati.*

*Người ngu nghĩ là ngọt,
Khi ác chưa chín muồi;
Ác nghiệp chín muồi rồi,
Người ngu chịu khổ đau.*

- Tích lũy cho kiếp vị lai. (S.I.72)

*Ubho puññañca pāpañca,
Yaṃ macco kurute idha;
Tañhi tassa sakaṃ hoti,
Tañca ādāya gacchati;
Tañcassa anugaṃ hoti,
Chāyāva anapāyinī.
Tasmā kareyya kalyāṇaṃ,
Nicayaṃ samparāyikaṃ;
Puññāni paralokasmiṃ,
Patitṭhā honti pāṇinaṃ.*

*Ở đây kẻ bị chết,
Làm các nghiệp công đức,
Làm các nghiệp ác đức,
Lấy cả hai đem đi.
Cả hai của kẻ ấy,
Như bóng theo dõi hình.
Cả hai theo kẻ ấy,
Do vậy hãy làm lành,
Tích lũy cho đời sau,
Công đức cho đời sau,
Là hậu cứ cho người.*

*(Tương Ứng Bộ Kinh I. Tương Ứng Kosala.
Phẩm Thứ Nhất. Phần Thân Ái).*

- Không nơi nào thoát khỏi quả ác nghiệp. (Dhp.127)

*Na antalikkhe na samuddamajjhe,
Na pabbatānaṃ vivaraṃ pavissa
Na vijjatī so jagatippadeso,
Yatthaṭṭhito mucceyya pāpakammā.*

*Không trên trời, giữa biển,
Không lánh vào động núi,
Không chỗ nào trên đời,
Trốn được quả ác nghiệp.*

- Các thiện pháp. (S.I.32)

*Kesaṃ divā ca ratto ca,
Sadā puññaṃ pavaḍḍhati;
Dhammaṭṭhā sīlasampannā,
Ke janā saggagāmino.
Ārāmaropā vanaropā,
Ye janā setukārakā;
Papañca udapānañca,
Ye dadanti upassayaṃ.
Tesaṃ divā ca ratto ca,
Sadā puññaṃ pavaḍḍhati;
Dhammaṭṭhā sīlasampannā,
Te janā saggagāmino.*

*Những ai ngày lẫn đêm,
Công đức luôn tăng trưởng,
Trú pháp, cù túc giới,
Kẻ nào sanh thiên giới?
Ai trồng vườn, trồng rừng,
Ai dựng xây cầu cống,
Đào giếng, cho nước uống,
Những ai cho nhà cửa,
Những vị ấy ngày đêm,
Công đức luôn tăng trưởng,
Trú pháp, cù túc giới,
Những vị ấy sanh Thiên.*

(Tương Ưng Bộ Kinh 1. Tương Ưng Chư Thiên.

- Lợi ích của phẩm hạnh. (Ud.87)

Này các Gia chủ, có năm điều lợi ích này cho người giữ giới, cho người đầy đủ giới. Thế nào là năm? Ở đây, này các Gia chủ người giữ giới, người đầy đủ giới, do nhân duyên không phóng dật được tài sản lớn. Đây là lợi ích thứ nhất cho người giữ giới, cho người đầy đủ giới. Lại nữa, này các Gia chủ, với người giữ giới, người đầy đủ giới, tiếng tốt lành được đồn xa. Đây là lợi ích thứ hai cho người giữ giới, cho người đầy đủ giới. Lại nữa, này các Gia chủ, người giữ giới, người đầy đủ giới khi đi đến hội chúng nào, hoặc là Sát-đế-lý hoặc là Bà-la-môn, hoặc là gia-chủ, hoặc là Sa-môn, người ấy đi đến không có sợ hãi, không có ngỡ ngàng. Đây là lợi ích thứ ba cho người giữ giới cho người có đầy đủ giới. Lại nữa, này các Gia chủ, người giữ giới, người đầy đủ giới, khi chết không có si ám. Đây là lợi ích thứ tư cho người giữ giới, cho người có đầy đủ giới. Lại nữa, này các Gia chủ, người giữ giới, người đầy đủ giới khi thân hoại mạng chung được sanh thiện thú, Thiên giới, cõi đời này. Đây là lợi ích thứ năm cho người giữ giới, cho người đầy đủ giới. Này các Gia chủ, có năm lợi ích này cho người giữ giới, cho người đầy đủ giới.

- Hãy tỉnh giác về thân. (A.I.21)

Những vị này không hưởng được bất tử, này các Tỷ-kheo, là những vị không thực hiện thân hành niệm. Những vị này hưởng được bất tử, này các Tỷ-kheo, là những vị thực hành thân hành niệm.

(Tăng Chi Bộ Kinh I. Chương Một Pháp. Phẩm Thiền Định)

- Nghiệp uôn tạo kiếp vị lai. (A.V.289)

Ở đây, này các Tỷ-kheo, có người sát sanh, bạo ngược, bàn tay lấm máu, tâm chuyên sát hại đã thương, tâm không từ bi đối với tất cả loài hữu tình, sinh vật. Vị ấy quanh co với thân, quanh co với lời, quanh co với ý. Thân nghiệp của vị ấy quanh co, ngữ nghiệp của vị ấy quanh co, ý nghiệp của vị ấy quanh co, sanh thú quanh co, sanh thành quanh co. Với người có sanh thú quanh co, này các Tỷ-kheo, có sanh thành quanh co. Ta nói rằng có một trong hai sanh thú sau đây: Các địa ngục nhất hướng đau khổ hay các loài bàng sanh thuộc loại trườn bò. Và này các Tỷ-kheo, thế nào là các loài bàng sanh thuộc loại trườn bò? Loại rắn, bò cạp, rết, con ăn rắn, con mèo, con chuột, con cú, và bất cứ loài súc vật nào, khi thấy người, trườn bò mà đi. Như vậy, này các Tỷ-kheo là các sinh vật, sự sanh khởi của sinh vật. Do làm như thế nào, như vậy được sanh ra và được sanh như thế nào, thời có những cảm xúc như vậy. Này các Tỷ-kheo, Ta nói rằng các chúng sanh ấy là những kẻ thừa tự nghiệp của mình.

Ở đây, này các Tỷ-kheo, có người lấy của không cho... có tà hạnh trong các dục... nói láo... nói hai lưỡi... nói lời thô ác... nói lời phù phiếm... có tham ái... có sân tâm... có tà kiến, có kiến điên đảo rằng: "Không có bố thí, không có cúng thí, không có tế tự; không có kết quả dị thực các nghiệp thiện ác; không có đời này, không có đời sau; không có mẹ; không có cha; không có các loài hóa sanh; ở đời không có các Sa-môn, Bà-la-môn chân chánh hành trì, chân chánh thành tựu, những vị này, sau khi tự mình với thắng trí chứng ngộ đời này, đời sau và tuyên bố. Người ấy quanh co với thân, quanh co với lời, quanh co với ý. Thân nghiệp quanh co, ngữ nghiệp quanh co, ý nghiệp quanh co, sanh thú quanh co, sinh thành quanh co. Với người có sanh thú quanh co, này các Tỷ-kheo, có sanh thành quanh co, Ta nói rằng... Như vậy này các Tỷ-kheo, Ta nói rằng các chúng sanh ấy là những kẻ thừa tự nghiệp của mình.

(Tăng Chi Bộ Kinh 5. Phẩm Thân Do Nghiệp Sanh.
Phần Pháp Môn Quanh Co)

- Có phước nhất. (Sn.260-261)

*Patirūpadesavāso ca,
Pubbe ca katapuññatā;
Attasammāpaṇidhi ca,
Etaṃ maṅgalamuttamaṃ.*

*Ở trú xứ thích hợp,
Công đức trước đã làm,
Chân chánh hướng tụ tâm,
Là điều lành tối thượng.*

*Bāhusaccañca sippañca,
Vinayo ca susikkhito;
Subhāsītā ca yā vācā,
Etaṃ maṅgalamuttamaṃ.*

*Học nhiều, nghề nghiệp giỏi,
Khéo huấn luyện học tập,
Nói những lời khéo nói
Là điềm lành tối thượng.*

5. 7. CHO SỰ HIỂU BIẾT TỐT HƠN VỀ NGHIỆP.

- Kể ác thỏa thích đến khi ác nghiệp cho quả. (S.I.86)

Vilumpateva puriso,
Yāvassa upakappati;
Yadā caññe vilumpanti,
So vilutto viluppati.
Thānañhi maññati bālo,
Yāva pāpaṃ na paccati;
Yadā ca paccati pāpaṃ,
Atha dukkhaṃ nigacchati.
Hantā labhati hantāraṃ,
Jetāraṃ labhate jayaṃ;
Akkosako ca akkosam,
Rosetārañca rosako;
Atha kammavivaṭṭena,
So vilutto viluppati.

Vì nghĩ đến tư lợi,
Nên mới cướp hại người,
Khi người khác cướp hại,
Bị hại, lại hại người.
Người ngu nghĩ như vậy,
Khi ác chưa chín muồi,
Khi ác đã chín muồi,
Người ngu chịu khổ đau.
Sát người, bị người sát,
Thắng người, bị người thắng,
Mắng người, người mắng lại,
Nào người, người nào lại,
Do nghiệp được diễn tiến,
Bị hại, lại hại người.

- Nghiệp chứa ở đâu? (Miln.46)

Vua Milinda hỏi Đại Đức Nāgasena:

- Kính bạch Đại Đức, Nghiệp được tích trữ ở đâu?

- Tâu Đại vương, ta không thể nói Nghiệp được tích trữ ở một nơi nào trong cái tâm luôn luôn biến đổi, hay ở một nơi nào khác trong thân thể con người. Nhưng tùy thuộc nơi danh và sắc, Nghiệp khởi hiện trong một lúc thích ứng. Cũng như ta không thể nói trái xoài được tích trữ ở nơi nào trong cây xoài nhưng, tùy thuộc nơi cây xoài và khi đầy đủ cơ duyên, nó sẽ trở ra đúng lúc, đúng mùa.

(Đức Phật Và Phật Pháp. Chương 19 - Nghiệp Báo)

- Tái sanh – quá khứ - hiện tại - vị lai. (Vism.669-672)

*Atīte hetavo pañca,
idāni phalapañcakam;
Idāni hetavo pañca,
āyatim phalapañcakam.*

*Có năm nhân ở quá khứ
Hiện tại có 5 quả
Bây giờ cũng có 5 nhân
Và trong tương lai, năm quả.*

(Thanh Tịnh Đạo. Chương 17)

Năm nhân ở quá khứ là vô minh (*avijjā*) và tiềm lực bên trong còn gọi là hành (*saṅkhāra*) phối hợp với tham ái (*tanhā*), chấp thủ (*upādāna*) và sự trở thành hay còn gọi là cảnh giới (*bhava*).

Năm quả trong hiện tại nghĩa là sự tái sanh của chúng sanh ở hiện tại theo kết quả của năm nhân ở quá khứ. Năm quả

đó là tiềm thức (*viññāna*), các tâm thức và phần thể xác (*nāma-rūpa*), sáu giác quan (*salāyatana*), sự xúc chạm (*phassa*) và cảm giác (*vedanā*).

Làm một chúng sanh ở đời này phải chịu năm nhân như : vô minh, hành, tham ái, chấp thủ và sự trở thành hay còn gọi là cảnh giới để được tái sanh, cùng với năm quả : tiềm thức, tâm thức và thể xác, sáu giác quan căn bản, sự xúc chạm và cảm giác.

- Nhân và quả (nghiệp phân loại khi nó cho quả) (Vism.124)

Nghiệp có nghĩa là hành động. Nó là một quy luật nhân quả liên quan mang tính luân lý, hay còn gọi là luật nhân quả và nó có liên quan đến vật chất vũ trụ hay vũ trụ tương quan. Nghiệp là nhân, *vipāka* là quả, kết quả. Nhân cho ra quả; quả giải thích cho nhân. Một hành động có chủ tâm, cho dù là thiện (*kusala*) hay bất thiện (*akusala*) sẽ tạo ra một nghiệp lực. Nghiệp gồm 12 loại.

Bốn loại nghiệp được phân loại tùy theo thời gian trở quả ở đời này hay từ đời này về sau. Chúng là :

1. Hiện báo nghiệp – *Ditṭhadhammavedanīya-kamma*.

Nghiệp trở quả trong đời này.

2. Sanh báo nghiệp – *Upapajjavedanīyakamma*.

Nghiệp trở quả trong kiếp sau.

3. Hậu báo nghiệp – *Aparāpariyavedanīya-kamma*.

Nghiệp trở quả trong bất kỳ đời sống nào trong vòng sanh tử luân hồi.

4. Vô hiệu nghiệp – *Ahosikamma*.

Nghiệp không cho quả. Ở nơi mà không có cơ hội cho nghiệp trở quả thì nghiệp trở thành vô hiệu quả. Giả tỷ, nghiệp có khả năng cho quả trong kiếp này hay kiếp kế tiếp, nó sẽ trở thành vô hiệu nghiệp nếu như nó không cho quả trong kỳ hạn của nó (trong đời này hay đời sau).

Bốn loại nghiệp được phân loại theo công năng của chúng :

1. *Sanh nghiệp – Janakakamma.*

Nghiệp cho quả từ khi tái sanh vào bào thai.

2. *Trì nghiệp – Upatthambhakakamma.*

Nghiệp có tính cách hỗ trợ với cuộc sống.

3. *Chướng nghiệp – Upapīlakakamma.*

Nghiệp có tính cách trở ngại với cuộc sống.

4. *Đoạn nghiệp – Upaghātakamma.*

Nghiệp có khả năng làm thay đổi cuộc sống hoặc hủy bỏ cuộc sống.

Bốn loại nghiệp được phân loại theo thứ tự ưu tiên của quả :

1. *Trọng nghiệp – Garukakamma.*

Những nghiệp ghê gớm, nặng nề sẽ cho quả liền như ngũ nghịch đại tội.

2. *Cận tử nghiệp – Āsannakamma*

Nghiệp xảy ra lúc chết. cảnh tướng xuất hiện vào lúc lâm chung, chỉ cho người sắp chết thấy được mà thôi, người đó bám vào cảnh nào thì sẽ tái sanh theo cảnh tướng đó.

3. *Thường nghiệp – Bahukakamma.*

Nghiệp được tạo theo thói quen. nghiệp đó quen thuộc với tâm vì nó được làm thường xuyên.

4. *Kinh tác nghiệp – Katattākamma.*

Nghiệp có tính cách tích lũy dần. loại nghiệp này không giống như những nghiệp khác, nó nằm yên bất động và chỉ trở nên có hiệu quả khi có sự hỗ trợ của các nghiệp khác.

Những xung lực tâm của hành động có chủ ý (*cetanā*) là một yếu tố quan trọng trong việc xác định cho nghiệp sẽ chín mùi trong kiếp sống này hay kiếp sau hoặc bất định trong vòng sanh tử luân hồi.

- Có thể làm thay đổi quả của nghiệp không? (Vib.339, A.439)

Nghiệp không phải là một sự tiền định, mà nó chịu ảnh hưởng của việc làm thiện hay việc làm ác độc hoặc sự vô hiệu hóa quy luật vận hành của riêng nó. Ngoài ra, còn có sự đóng góp của nhiều yếu tố khác, gồm có : sự sanh ra, thời gian, điều kiện, ngoại hình và sự cố gắng.

- Thời gian (*kāla*) và điều kiện chẳng hạn như chiến tranh thế giới hay nạn đói ảnh hưởng đến tất cả mọi người thì sự vận hành của thiện nghiệp bị gián đoạn và quả của ác nghiệp được tăng lên để phù hợp với điều kiện của thế giới. mặt khác, quả của ác nghiệp có thể tạm thời dừng lại.

- Một người được sanh ra trong một gia tộc tốt đẹp (*gatisampatti*) chẳng hạn như hoàng tộc, thiện nghiệp của người đó có cơ hội hơn để vận hành so với một người được sanh trong nhóm hạ lưu.

- Một người có hình dạng đẹp đẽ (*upadhisampatti*) không thể chịu sự bất lợi trong giới hạ lưu khi so sánh với một người

trong gia tộc tốt đẹp nhưng có thể bị hỏng đi bởi một người dung mạo xấu xa (*upadhisampatti*).

Thí dụ như có một người rõ ràng là người kế vị ngai vàng nhưng vì một vài khuyết tật về cơ thể hay tinh thần có thể bị truất bỏ.

➤ Sự cố gắng hay trí thông minh là thành phần thiết yếu cho sự tiến bộ của tâm linh và cơ thể. Chỉ có qua sự nỗ lực cố gắng thì thiện nghiệp mới được phát triển và ác nghiệp bị đè bẹp.

Hơn nữa, nhiều chi tiết được tìm thấy trong bộ *Phân Tích (Vibhaṅga)* thuộc *Tạng Vi Diệu Pháp (Abhidhammapiṭaka)* về quả của nghiệp trong quá khứ, hiện tại và vị lai do bởi nhân theo sự giải thích của Đức Phật.

➤ *Sanh thú thuận lợi – gatisampatti.*

Một loại ác nghiệp bị phá hủy bởi nơi chốn thanh caom nó không cho quả.

➤ *Sanh y thuận lợi – upadhisampatti.*

Một loại ác nghiệp bị cản trở bởi nhân cách cao thượng, nó không cho quả.

➤ *Thời kỳ thuận lợi – kālasampatti.*

Một loại ác nghiệp bị cản trở bởi thời gian thành tựu, nó không cho quả.

➤ *Sở hành thuận lợi – payogasampatti.*

Một loại ác nghiệp bị cản trở bởi sự tỉnh giác cao thượng, nó không cho quả.

➤ *Sanh thú bất lợi – gativipatti.*

Một loại ác nghiệp được phụ trợ bởi thảm họa của nơi chốn, nó cho quả.

➤ *Sanh y bất lợi – upadhivipatti.*

Một loại ác nghiệp được phụ trợ bởi nhân cách tai hại, nó cho quả.

➤ *Thời kỳ bất lợi – kālavipatti.*

Một loại ác nghiệp được yểm trợ bởi thời gian tai hại, nó cho quả.

➤ *Sở hành bất lợi – payogavipatti.*

Một loại ác nghiệp được yểm trợ bằng các hoạt động tai hại, nó cho quả.

➤ *Sanh thú bất lợi – gativipatti.*

Một loại ác nghiệp bị ngăn trở bởi nơi chốn tai hại, nó không cho quả.

➤ *Sanh y bất lợi – upadhivipatti.*

Một loại ác nghiệp bị ngăn trở bởi nhân cách tai hại, nó không cho quả.

➤ *Thời kỳ bất lợi – kālavipatti.*

Một loại ác nghiệp bị ngăn trở bởi thời gian tai hại, nó không cho quả.

➤ *Sở hành bất lợi – payogavipatti.*

Một loại ác nghiệp bị ngăn cản bởi sự tỉnh giác của hoạt động tai hại, nó không cho quả.

➤ *Sanh thú thuận lợi – gatisampatti.*

Một loại ác nghiệp được phụ trợ bởi nơi chốn cao thượng, nó cho quả.

➤ *Sanh y thuận lợi – upadhisampatti.*

Một loại ác nghiệp được phụ trợ bởi nhân cách cao thượng, nó cho quả.

➤ *Thời kỳ thuận lợi – kālasampatti.*

Một loại ác nghiệp được phụ trợ bởi thời gian, nó cho quả.

➤ *Sở hành thuận lợi – payogasampatti.*

Một loại ác nghiệp được phụ trợ bởi sự tinh giảo các hoạt động cao thượng, nó cho quả.

- Những hành động thuần khiết theo định nghĩa trong chú giải cho từ ngữ kusala. (Aṭṭhasālinī.38; The Expositor.48-49)

Từ ngữ *kusala* có nghĩa là không bệnh hoạn, khôn khéo, không có lỗi lầm, nhân lành cho quả vui...

Còn ở đây, cụm từ tình trạng đạo đức hay là thuần khiết, hay không có lỗi lầm, hay nhân lành cho quả vui... cũng có ý nghĩa thích hợp.

- Mười thiện pháp – Kusaladhamma. (The Expositor.209)

1. *Bố thí – dāna.*

Lòng rộng lượng quảng đại sẽ gặt hái được giàu sang và an lạc.

2. *Trì giới – sīla.*

Gìn giữ giới hạnh thanh cao sẽ đưa đến tái sanh trong những gia tộc cao quý và an lạc.

3. *Tham thiền – bhāvanā.*

Tinh tấn hành thiền sẽ đưa đến minh sát tuệ tịch tịnh và giải thoát.

4. *Cung kính – apacāyana.*

Sự tôn kính người đáng tôn kính là nhân của phẩm chất cao thượng.

5. *Phục vụ - veyyāvacca.*

Phục vụ mọi người với sự hoan hỷ đưa đến việc có nhiều thể lực hay luôn được sự giúp đỡ của người khác.

6. *Hồi hướng phước – pattidāna.*

Sự hồi hướng phước báu của mình đã tạo được sẽ đưa đến việc người ấy sẽ bố thí nhiều vô số kể ở kiếp vị lai.

7. *Tùy hỷ phước – pattānumodanā.*

Hoan hỷ với phước báu của người khác sẽ đưa đến phước báu được thành tựu bất kỳ nơi đâu người ấy tái sanh vào.

8. *Thính pháp – dhammassavana.*

Thường xuyên nghe pháp sẽ được trí tuệ minh mẫn.

9. *Giảng pháp – dhammadesanā.*

Thường xuyên giảng giải Giáo Pháp cũng sẽ được trí tuệ minh mẫn.

10. *Sửa đổi tri kiến - diṭṭhujukata.*

Củng cố và sửa đổi những quan niệm sai lầm sẽ làm cho niềm tin thêm vững chắc.

- Mười bất thiện pháp – akusaladhamma. (M.12)

*** Ba bất thiện pháp thuộc về thân, tức là :**

1. Sát sanh – pāṇātipāta.
2. Trộm cắp – adinnādāna.
3. Tà dâm – kāmesu micchācāra.

*** Bốn bất thiện pháp thuộc về khẩu, tức là :**

1. Nói dối – musāvādā.
2. Nói vu không – piṣuṇavācā.
3. Nói hung dữ - pharusāvācā.
4. Nói nhảm nhí – samphappalāpā.

*** Ba bất thiện pháp thuộc về ý, tức là :**

1. Tham lam – abhijjhā.
2. Ác tâm – vyāpāda.
3. Tà kiến – micchādiṭṭhi.

- Năm loại trọng nghiệp bất nhân. (A.III.146)

Kẻ nào phạm phải một trong năm ác nghiệp sau đây sẽ phải chịu một hậu quả vô cùng đau khổ trong một thời gian dài ngay sau khi người ấy chết, bất kể người ấy có tạo được thiện pháp nào.

Hơn thế nữa, bất cứ ai phạm phải bất kỳ tội nào trong những tội này thì không thể nhập vào dòng thánh vực được, cho dù trong kiếp sống đó họ có một nếp sống đạo hạnh, thuần khiết. Ảnh hưởng của thiện nghiệp cũng vô hiệu quả cho đến khi ác nghiệp đó được trả xong.

1. Tội giết mẹ - giết chết mẹ ruột.

2. Tội giết cha - giết chết cha ruột.
3. Giết một vị A-la-hán.
4. Làm bị thương Phật (không một ai có thể làm cho Phật chết được).
5. Chia rẽ Tăng đoàn.

Có năm nghịch tội này, này các Tỷ-kheo, đưa đến đọa xứ, đưa đến địa ngục, không có thể chữa trị. Thế nào là năm?

Đoạt mạng mẹ, đoạt mạng cha, đoạt mạng vị A-la-hán, với ác tâm làm Như Lai chảy máu, phá hòa hợp Tăng.

Này các Tỷ-kheo, năm pháp ngũ nghịch này, đưa đến đọa xứ, đưa đến địa ngục, không thể chữa trị.

*(Tăng Chi Bộ Kinh 3. Chương Năm Pháp. Phẩm Bệnh.
Phân Ngũ Nghịch)*

- Điều kiện cần thiết để tạo nghiệp. (The Expositor.I.128)

Khi có điều gì vui thích đến với chúng ta, làm chúng ta vui vẻ, chúng ta có thể tin chắc rằng nghiệp chúng ta đến để cho chúng ta biết rằng những gì chúng ta làm là đúng. Khi có điều gì không vui đến với chúng ta, làm chúng ta khổ, làm chúng ta mất vui, nên biết rằng nghiệp của chúng ta đến để chúng ta biết được lỗi lầm của chúng ta. Chúng ta đừng bao giờ quên rằng nghiệp luôn luôn là vậy. Nó không thương hoặc ghét ai, không thưởng hay trừng phạt ai, nó cũng không bao giờ giận hay vừa lòng ai, nó đơn giản hci là quy luật của nhân quả.

Nghiệp giống như ngọn lửa không thiên vị ai. Lửa có biết được chúng ta khi nó đốt chúng ta không? Bản chất của nó là đốt và cho ra hơi nóng. Nếu chúng ta sử dụng nó một cách hợp lý thì nó cho chúng ta ánh sáng, nấu thức ăn và đốt bất cứ cái gì mà chúng ta muốn bỏ đi. Nếu chúng ta sử dụng nó một cách sai trái thì nó sẽ đốt lại chúng ta cùng tài sản của chúng ta. Công việc của nó là để đốt cháy mà. Còn việc của chúng ta là sử dụng lửa cho đúng cách. Chúng ta thật ngu dại để giận dữ và trách phẫn ngọn lửa vì nó đốt chúng ta khi mà chúng ta dùng nó sai trái.

Một số điều kiện nào đó cần phải được thực hiện tròn đủ để có được quả trọn vẹn của nghiệp.

1. Năm chi của giới sát sanh :

- Một chúng sanh còn sống.
- Biết rằng đó là một chúng sanh.
- Có ý định giết.
- Ráng sức giết.
- Chúng sanh chết do sự ráng sức đó.

Quả của sự sát sanh :

- Đoản mạng.
- Luôn luôn bị bệnh hoạn.
- Thường xuyên đau khổ bởi xa cách người thân.
- Thường xuyên sợ hãi.

2. Năm chi của giới trộm cắp :

- Ăn cắp tài sản của người khác.
- Biết tài sản đó thuộc về người khác.

- Cố ý trộm cắp.
- Ráng sức trộm cắp.
- Trộm cắp được vì sự ráng sức đó.

Quả của việc trộm cắp :

- Nghèo khổ.
- Bần cùng.
- Ước mơ không được thành tựu.
- Tha phương cầu thực.

3. Ba chi của giới tà dâm :

- Có ý định tà dâm với đối tượng cấm (như giá có chồng...).
- Ráng sức tà dâm.
- Đã tà dâm.

Quả của sự tà dâm :

- Có nhiều kẻ thù.
- Lấy được chồng hoặc vợ không xứng đôi.
- Khuyết tật về cơ quan sinh dục.

4. Bốn chi của giới nói dối :

- Không thành thật.
- Có ý định nói dối.
- Ráng sức nói dối.
- Làm cho người khác tin lời nói dối đó.

Quả của sự nói dối :

- Bị đau khổ bởi những lời mắng nhiếc.
- Là đối tượng dễ phỉ báng.
- Không được tin tưởng.
- Bị khuyết tật ở miệng.

5. **Bốn chi của việc nói vu khống (nói đâm thọc):**

- Nói chia rẽ người.
- Cố tình nói đâm thọc.
- Ráng sức nói đâm thọc.
- Làm cho người ta tin lời đâm thọc đó.

Quả của việc nói vu khống (nói đâm thọc) :

- Tan rã với bạn bè một cách vô cớ.

6. **Ba chi của việc nói độc ác :**

- Người bị mắng chửi.
- Lòng nóng giận.
- Đã dùng lời mắng chửi.

Quả của việc nói độc ác :

- Bị người khác ghét bỏ mặc dù không đáng ghét.
- Có giọng nói khàn khàn khó nghe.

7. **Hai chi của việc nói lời nhảm nhí (vô ích) :**

- Thích nói nhảm nhí.
- Đã nói những lời nhảm nhí.

Quả của việc nói nhảm nhí :

- Có ngoại hình xấu xa.
- Nói không ai nghe theo.

8. Hai chi của sự tham muốn :

- Ham muốn tài sản của người.
- Muốn đem về làm của mình.

Quả của sự tham muốn :

- Mọi ước nguyện sẽ không được thành tựu.

9. Hai chi của ác ý :

- Một chúng sanh khác.
- Có ý định làm hại chúng sanh đó.

Quả của ác ý :

- Dung mạo xấu xa.
- Bị nhiều bệnh.
- Bản tính đáng ghét.

10. Hai chi của tà kiến (thấy sai lầm) :

- Cách hiểu sai lầm về một đối tượng mà đối tượng đó không sai.
- Hiểu biết sai lầm về đối tượng rồi chấp theo sự hiểu sai đó.

Quả của tà kiến :

- Thiểu trí.
- Khờ khạo.
- Bị bệnh mãn tính.

- Luôn có những tư tưởng đáng chê trách.

- Các gốc của bạo động. (Sn.935-938)

Trong bài *Kinh Cháp Trượng (Attadaṇḍasutta)* của *Kinh Tập (Suttanipāta)* nói lên tiếng nói của người đã vượt qua được sự thất vọng bởi đấu tranh.

*Attadaṇḍā bhayaṃ jātaṃ,
Janam passatha medhagam;
Saṃvegam kittayissāmi,
Yathā saṃvijitaṃ mayā.
Từ người cầm các trượng,
Sợ hãi được sanh ra,
Hãy xem các loài người,
Trong khi đấu tranh nhau,
Ta sẽ nói sợ hãi,
Như Ta đã được biết.*

*Phandamānaṃ pajam disvā,
Macche appodake yathā;
Aññaṃaññehi byāruddhe,
Disvā maṃ bhayaṃāvisi.
Thấy loài, người vùng vẫy,
Như cá trong nước cạn,
Thấy họ chống đối nhau,
Ta rơi vào sợ hãi.*

*Samantamasāro loko,
Disā sabbā sameritā;
Icchaṃ bhavanamattano,
Nāddasāsiṃ anositaṃ.*

Đời toàn không lỗi cây,
Mọi phương đều dao động
Muốn cho mình ngôi nhà,
Ta không thấy nhà ở.

*Osānetveva byāruddhe,
Disvā me aratī ahu;
Atheṭṭha sallamaddakkhiṃ,
Duddasaṃ hadayanissitaṃ.*
Cuối cùng là xung đột,
Thấy vậy Ta chán ngắt,
Đây Ta thấy mũi tên,
Khó thấy, gắn vào tim.

- Gieo giống nào thì gặt quả nấy. (S.I.227)

*Yādisaṃ vapate bījaṃ,
Tādisaṃ harate phalaṃ;
Kalyāṇakārī kalyāṇaṃ,
Pāpakārī ca pāpakaṃ;
Pavuttaṃ tāta te bījaṃ,
Phalaṃ paccanubhossasi.*
Tùy hạt giống đã gieo,
Ông gặt quả như vậy.
Làm thiện được quả thiện,
Làm ác bị quả ác,
Giống đã gieo và trồng,
Ông sẽ hưởng kết quả.

(*Tương Ưng Bộ Kinh 1. Tương Ưng Sakka. Phẩm Thứ Nhất.*

Phân ản Sĩ ở Bờ Biển Hay Sambara).

- Các bài học từ nghiệp. (Facets of Buddhism)

Chúng ta càng hiểu biết về nghiệp càng thấy như vậy thì chúng ta càng cẩn thận hơn trong mỗi hành động của mình về thân, khẩu và ý. Chúng ta phải chịu trách nhiệm cho hạnh phúc riêng của chúng ta. Được sống trong ánh sáng của trí tuệ này, chúng ta phải học kham nhẫn, niềm tin, sự tự tin, gìn giữ và sức mạnh.

➤ **Kham nhẫn.**

Phải biết rằng quy luật của nghiệp là sự nâng đỡ to lớn của chúng ta, nếu chúng ta sống theo nó và không có sự nguy hại nào có thể đến với chúng ta nếu chúng ta làm việc theo nó, cũng nên biết rằng nó sẽ phù hộ chúng ta đúng lúc, đúng thời. Chúng ta học nhiều về bài học kham nhẫn là không được kích động, và sự thiếu kiên nhẫn là sự đo lường mức tiến bộ. Khi đau khổ, chúng ta phải biết rằng chúng ta đang trả một món nợ và chúng ta học từ đó. Nếu chúng ta là người có trí tuệ thì chúng ta không tạo thêm đau khổ nữa cho vị lai. Khi được khoan khoái vui vẻ, chúng ta cảm ơn cho sự ngọt ngào của nó.

➤ **Niềm tin.**

Quy luật của nghiệp là thực tính và hoàn hảo. Không thể nào làm cho một người có được sự hiểu biết về nghiệp lại bị khó chịu về nó. Nếu như chúng ta khó chịu về nó, không có sự tin tưởng nó, chứng tỏ rằng chúng ta chưa nắm chắc được quy luật trọng yếu của nghiệp. Chúng ta thực hiện được an toàn dưới đôi cánh của nó và chẳng có cái gì ở khắp vũ trụ này làm cho chúng ta phải sợ hãi, trừ những kẻ có hành động sai lầm. Một quy luật làm cho một người đứng vững trên đôi chân mình và phân khởi với sự tự tin ở chính mình.

➤ **Sự tự tin.**

Những gì bây giờ chúng ta là đều do những gì mà chúng ta đã gây ra trong quá khứ. Vì thế, bởi do những gì mà chúng ta làm trong cuộc sống này sẽ xác định cho kiếp vị lai của chúng ta. Một sự hiểu biết về điều này có thể làm cho sự vinh quang ở kiếp vị lai sẽ vô hạn, cho chúng ta niềm tự tin lớn lao ở chính bản thân mình và dẹp bỏ đi xu hướng mong cầu một tha lực phù hộ mà thực sự nó chẳng giúp ích gì được cả.

➤ **Sự giữ gìn.**

Lẽ dĩ nhiên, nếu chúng ta nhận biết rằng một tội ác mà chúng ta làm, nó sẽ đánh trả lại chúng ta, chúng ta sẽ phải hết sức cẩn thận, e dè trong từng hành động, lời nói hay ý nghĩ mà nó không được tốt đẹp hoặc trong sạch hay chánh đáng. Sự hiểu biết về nghiệp sẽ ngăn cản chúng ta làm những việc sai trái có hại đến sự lợi ích của người khác, kể cả cho chính chúng ta.

➤ **Sức mạnh.**

Chúng ta càng lấy giáo pháp về nghiệp làm phương châm trong cuộc sống của chúng ta thì chúng ta càng có được một sức mạnh không chỉ để định hướng cho kiếp vị lai của chúng ta mà còn giúp cho đoàn hậu bối của chúng ta một cách hữu hiệu nhất.

- Gốc của nghiệp. (Facets of Buddhism)

Hetupaccaya hay điều kiện gốc là cách đầu tiên của hai mươi bốn cách của điều kiện. điều kiện gốc cũng giống như gốc của một cái cây. Cái cây dựa vào rễ của nó để sống cho đến khi nào rễ của nó chưa bị hủy hoại. trạng thái tâm thuộc về nghiệp thiện cũng như nghiệp bất thiện đều hoàn toàn tùy thuộc vào sự hiện diện của các gốc ở từng người trong chúng sanh; chẳng hạn như tham (*lobha*), sân (*dosa*), si (*moha*), vô tham (*alobha*), vô sân (*adosa*) và vô si (*amoha*).

Những điều kiện này qua sự hiện diện của chúng xác định được phẩm chất đạo đức thật sự của một ý định (*cetanā*) cùng với tiềm thức liên hệ của chúng và các tâm sở để phát sinh phẩm chất và loại của một nghiệp riêng. Do đó, chúng ta thấy rằng tham, sân, si thuộc về bất thiện, còn ngược lại với chúng là gốc thiện.

CHƯƠNG 6
SANH, TỬ
và
NÍP-BÀN

6. 1. VÒNG SANH TỬ LUÂN HỒI.

- Khởi đầu của vòng luân hồi. (S.II.190)

Vô thí là luân hồi này, này các Tỷ-kheo. Khởi điểm không thể nêu rõ đối với sự lưu chuyển luân hồi của các chúng sanh bị vô minh che đậy, bị tham ái trói buộc.

*(Tăng Chi Bộ Kinh 2. Tương Ưng Vô Thí. Phẩm Thứ Hai.
Phản Núi Vepulla)*

- Chúng ta đã trôi nổi trong vòng luân hồi bao lâu rồi? (S.II.178-179)

Ví như, này các Tỷ-kheo, có người chặt các cành cỏ, khúc cây, nhành cây, nhành lá, trong cối Diêm-phù-đề này, chặt chúng thành một đống, làm chúng thành những que đặt theo hình các ô vuông, cầm từng que đặt xuống và nói: "Đây là mẹ tôi, đây là mẹ của mẹ tôi". Và không thể cùng tận, này các Tỷ-kheo, là các bà mẹ, mẹ của người ấy. Nhưng nhành cỏ, khúc cây, nhành cây, nhành lá trong cối Diêm-phù-đề này có thể đi đến đoạn tận, đoạn diệt.

*(Tăng Chi Bộ Kinh 2. Tương Ưng Vô Thí. Phẩm Thứ Hai.
Phản Cỏ Và Cùi)*

-Các Ông nghĩ thế nào, này các Tỷ-kheo, cái gì là nhiều hơn? Dòng nước mắt tuôn chảy do các Ông than van, khóc lóc, phải hội ngộ với những gì không ưa, phải biệt ly với những gì mình thích, khi các Ông phải lưu chuyển luân hồi trong thời gian dài này hay là nước trong bốn biển lớn?

- Bạch Thế Tôn, theo như lời Thế Tôn thuyết pháp, chúng con hiểu rằng, cái này, bạch Thế Tôn, là nhiều hơn, tức là dòng nước mắt tuôn chảy do chúng con than van, khóc lóc, phải hội ngộ với những gì không ưa, phải biệt ly với những gì mình

thích, khi phải lưu chuyển luân hồi trong thời gian dài này chớ không phải nước trong bốn biển lớn.

- Lành thay, lành thay, này các Tỷ-kheo! Lành thay, này các Tỷ-kheo, các Ông đã hiểu như vậy Pháp do Ta dạy!

- Cái này là nhiều hơn, này các Tỷ-kheo, tức là dòng nước mắt tuôn chảy do các Ông than van, khóc lóc, phải hội ngộ với những gì không ưa, phải biệt ly với những gì mình thích, khi các Ông phải lưu chuyển luân hồi trong thời gian dài này chớ không phải nước trong bốn biển lớn.

*(Tăng Chi Bộ Kinh 2. Tương Ưng Vô Thi. Phẩm Thứ Hai.
Phần Nước Mắt)*

- Những giai đoạn khác nhau của sự tái sanh. (D.II.305)

Katamā ca, bhikkhave, jāti? Yā tesam tesam sattānaṃ tamhi tamhi sattanikāye jāti sañjāti okkanti abhinibbatti khandhānaṃ pātubhāvo āyatanānaṃ paṭilābho, ayaṃ vuccati, bhikkhave, jāti.

Này các Tỷ kheo thế nào là sanh? Mỗi mỗi hạng chúng sanh trong từng giới loại, sự xuất sản, xuất sanh, xuất thành, tái sanh của họ, sự xuất hiện các uẩn, sự hoạch đắc các căn. Này các Tỷ kheo, như vậy gọi là sanh.

(Trường Bộ Kinh 2. Kinh Đại Niệm Xứ)

Sự tái sanh được giải thích theo các giai đoạn :

* *Jāti* – Sanh khởi.

Sự mang thai hình thành.

* *Sañjāti* – Sanh thành.

Hình thành sáu giác quan.

* *Okkanti* – Sanh trưởng thức.

Tâm thức xuất hiện và phát triển.

* *Abhinibbatti* – Sanh trưởng thân.

Tự nhiên sanh ra sự phát triển về cơ thể.

* *Khandhānaṃ pātubhāvo* – Hiện hữu ngũ uẩn.

Sanh ra ở cõi hữu sắc và vô sắc.

* *Āyatanānaṃ paṭilābho* – Thành tựu lục căn.

Giai đoạn bám chấp vào các đối tượng bởi sáu giác quan.

- Các điều kiện cho sự tái sanh. (M.I.265-266)

Này các Tỷ-kheo, có ba sự hòa hợp mà một bào thai thành hình: ở đây, cha mẹ có giao hợp và người mẹ không trong thời có thể thụ thai, và hương ẩm (*gandhabba*) không hiện tiền, như vậy bào thai không thể thành hình.

Ở đây, cha và mẹ có giao hợp, và người mẹ trong thời có thể thụ thai, nhưng hương ẩm (*gandhabba*) không hiện tiền, như vậy bào thai không thể thành hình.

Và này các Tỷ-kheo, khi nào cha mẹ có giao hợp, và người mẹ trong thời có thể thụ thai, và hương ẩm có hiện tiền; có ba sự hòa hợp như vậy, thì bào thai mới thành hình.

(Trung Bộ Kinh I. Đại Kinh Đoạn Tận Ái)

- Tái sanh là gì? (*na ca so na ca añño*) (M.I.40)

"Một người chết ở đây và sẽ tái sanh ở một nơi nào đó thì con người mới sanh ra không phải là người đã chết cũng không khác người đã chết".

- Thực thể thường hằng. (M.I.256)

"Không có một thực thể (thường hằng) di chuyển từ kiếp sống này sang một kiếp khác. Cái gì di chuyển trong vòng luân hồi sanh tử chỉ là tâm thức của chúng ta, tự nó sanh khởi. một thực thể (thường hằng) là quan điểm sai lầm và bị cương quyết bác bỏ theo lập trường của pháp duyên khởi".

6. 2. SỰ CHẾT VÀ SỰ TÁI SANH.

- Tái sanh là nhân của sự chết. (D.I.55)

Đức Phật dạy ngài Ānanda rằng :

- *Này Ānanda, nếu có ai hỏi: "Già và chết do duyên nào không?" Hãy đáp: "Có". Nếu có hỏi: "Già và chết do duyên gì?" Hãy đáp: "Già và chết do duyên sanh"...*

- *Này Ānanda, như vậy là nhơn, như vậy là duyên, như vậy là tập khởi, như vậy là nhơn duyên của lão tử, tức là sanh.*

(Trung Bộ Kinh 1. Kinh Đại Duyên).

- Cuộc sống là thế nhưng chết là chắc chắn. (S.I.96)

*Sabbe sattā marissantī,
Maraṇantañhi jīvitaṃ;
Yathākammaṃ gamissantī,
Puñṇapāpaphalūpagā;
Nirayaṃ pāpakammantā,
Puñṇakammā ca suggaṭiṃ.*

*Mọi chúng sanh sẽ chết,
Mạng sống, chết kết thúc,
Tùy nghiệp, họ sẽ đi,
Nhận lãnh quả thiện ác,
Ác nghiệp, đọa địa ngục,
Thiện nghiệp, lên Thiên giới.*

*Tasmā kareyya kalyāṇaṃ,
Nicayaṃ samparāyikaṃ;
Puñṇāni paralokasmiṃ,
Paṭiṭṭhā honti pāṇinaṃ.*

*Do vậy hãy làm lành,
Tích lũy cho đời sau,
Công đức cho đời sau,
Làm hậu cứ cho người.*

*(Tương Ưng Bộ Kinh 1. Tương Ưng Kosala. Phẩm Thứ
Ba.
Phần Tổ Mẫu)*

- Chết là gì? (M.I.296)

Theo lời dạy của Đức Phật thì sự chết không bao giờ xảy ra trừ khi và mãi cho đến khi tất cả mọi năng lực sau đây tách rời khỏi cơ thể :

* Nghiệp lực phát sanh (từ kiếp trước) tạo điều kiện cho kiếp sống này. Một khi năng lực này bị dập tắt thì sự sống còn là điều không thể có được.

* Nhiệt năng là năng lực chịu cho cuộc sống nằm trong một chùm của các phân tử.

Tâm thức là năng lực của tâm linh.

- Bằng cách nào sự tái sanh xảy ra? (Vism.579)

Các ảnh hưởng của tâm linh tạo điều kiện cho cuộc sống diễn tiến, gồm có :

* *Avijjā* – Vô minh.

* *Taṇhā* – Tham ái.

* *Kamma* – Nghiệp thuộc về năng lực của tâm (thiện hay ác).

* *Upādāna* – Chấp thủ.

* *Bhava* – Sanh thú. sự hình thành của nghiệp làm điều kiện cho kiếp vị lai.

Khi năm cấu tạo hợp thành này bị tan rã bởi cái chết ở kiếp trước, chúng sẽ phối hợp với các năng lực của vũ trụ để tạo ra điều kiện và cho ra năm hợp thành kế tiếp trong kiếp tái sinh như sau :

* *Viññāṇa* – Tâm thức.

* *Nāma-rūpa* – Tâm linh và thể xác (danh và sắc).

* *Salāyatana* – Phát triển của sáu giác quan.

* *Phassa* – Sự xúc chạm.

* *Vedanā* – Cảm giác (thọ).

- Bốn hình thức tái sinh. (M.I.73)

* *Aṇḍaja* – noãn sanh.

Sanh ra từ trứng, như chim và rắn.

* *Jalābuja* – thai sanh.

Sanh ra từ trong dạ con như con người và loài có vú.

* *Saṃsedaja* – thấp sanh.

Sanh ra từ trong nước hay chất lỏng như vi khuẩn và một số loài côn trùng.

* *Opapātika* – hóa sanh.

Được sanh ra một cách tự phát, tự hiện ra như các chư thiên, các đại phạm thiên gồm cả những cảnh giới vô hình và những sự xuất hiện khác của ma và quỷ. Sự tái sinh một cách tự hiện ra như vậy thì hiện thời nó nằm ngoài sự hiểu biết của một con người bình thường.

Này Sāriputta, có bốn loại sanh. Thế nào là bốn? Noãn sanh, thai sanh, thấp sanh, hóa sanh.

Này Sāriputta, thế nào là noãn sanh? Này Sāriputta, những loại chúng sanh nào phá vỏ trứng, mà sanh, này Sāriputta như vậy gọi là noãn sanh. Và này Sāriputta, thế nào là thai sanh? Này Sāriputta, những loại chúng sanh nào phá màn da mỏng che chỗ kín mà sanh, này Sāriputta, như vậy gọi là thai sanh. Và này Sāriputta, thế nào là thấp sanh? Này Sāriputta, những loại chúng sanh nào sanh ra từ cá thúi, từ xác chết thúi, từ cháo cơm thúi, hay trong hồ nước dơ hay trong ao nước nhớp. Này Sāriputta, như vậy gọi là thấp sanh. Và này Sāriputta, thế nào là hóa sanh? Chư Thiên, các chúng sanh ở địa ngục, một số thuộc loài người và một số thuộc đạo xứ. Này Sāriputta, như vậy gọi là hóa sanh.

(Trung Bộ Kinh 1. Đại Kinh Sư Tử Hống)

- Ba cảnh tượng báo trước của người đang hấp hối. (The Expositor)

- **Nghiệp – Kamma.**

Những hành động tốt hay xấu thường ngày được gọi là thường cận nghiệp (*āciṇṇakamma*) sẽ hiện ra cho người sắp chết thấy, chẳng hạn thấy trị lành bệnh cho người trong trường hợp người sắp chết là một y sĩ giỏi; hay thấy đang thuyết pháp trong trường hợp người sắp chết là một Tỳ-khưu phẩm hạnh; hay thấy đồ vật ăn trộm trong trường hợp người sắp chết là tên trộm. Còn những khinh tác nghiệp (*katattākamma*) ít khi xuất hiện ở đây. Các cảnh này trở thành đối tượng diễn tiến trong tâm của người sắp chết.

- **Nghiệp tương – Kammanimitta.**

Tâm có thấy những hình ảnh như dấu hiệu âm thanh, mùi vị và ý nghĩ có liên quan mật thiết đến hành động thiện và ác mà người sắp chết đã làm, chẳng hạn như hình ảnh con dao hay những con thú chết trong trường hợp người đó là người bán thịt, hay thấy bệnh nhân trong trường hợp người đó là bác sĩ, hoặc thấy hình ảnh các đồ vật thờ cúng trong trường hợp người đó là một tín đồ ngoan đạo...

• **Thú tướng – Gatanimitta.**

Người sắp chết thấy được một vài biểu hiện về sanh thú của kiếp vị lai. điều này thường giới thiệu với người sắp chết về sanh thú đó và chỉ rõ sự vui vẻ hay sầu khổ của nó tùy theo đặc tính của chúng. Khi dấu hiệu của kiếp vị lai có biểu hiện xấu, người ta có thể sửa chữa chúng ngay lúc đó. Tuy nhiên, những cách sửa chữa như vậy chỉ có tính cách tạm thời, không hiệu quả lắm.

Những nghiệp nặng chiếm ưu thế hơn xưa khi các nghiệp thiện biến mất. điều này được giải thích chp cái chết của trẻ con và những người vẫn số. Những cảnh tượng báo trước của số mạng như lửa, rừng rậm đen tối nếu như là nghiệp bất thiện; bông hoa đẹp, suối nước, cung điện nguy nga ở cõi trời và thiên nhân nếu là nghiệp thiện.

- **Tại sao khó thấy được chân lý? (Ud.80)**

*Duddasaṃ anataṃ nāma,
Na hi saccaṃ sudassanaṃ;
Paṭividdhā taṇhā jānato,
Passato natthi kiñcanaṃ.*

*Khó thấy là vô ngã,
Không dễ thấy, sự thật,
Với bậc có hiểu biết,
Khéo xâm nhập được ái,*

Với vị ấy thấy rõ,
Đâu còn có vật gì.

(Tiểu Bộ Kinh 1. Kinh Phật Tự Thuyết.
Chương 8 – Phẩm Pāṭaligāmiya)

- Cái gì di chuyển từ cái chết sang kiếp kế tiếp. (M.I.256)

Giây phút cuối cùng của tâm thức của cuộc sống hiện tại gọi là tâm tử (*cuti*) bởi vì nó kết liễu tiến trình cuộc sống ở kiếp hiện tại này. Giây phút kế tiếp của tâm thức được gọi là tâm tục sinh (*patisandhi*) vì nó làm căn nguyên của các chức năng của dòng tâm thức trong một kiếp sống mới. Vì đây là một sự việc quan trọng khác của dòng tâm thức, không có một cái gì được mang đến đây từ kiếp sống trước và cũng không có gì mang theo từ kiếp sống này đến kiếp vị lai.

"Tiếng vang gây tiếng vọng
Ảnh đây, đó có hình
Luôn luôn bị từ chối
Giống nhau hay khác nhau".

Cũng như có một tiếng vang, một ảnh phản chiếu hay một dấu mộc được tạo ra bởi âm thanh, ánh sáng hay một con dấu. cái sau có là do cái trước làm nhân nhưng không có cái gì thuộc vật chất chuyển từ cái nhân sang qua cái quả của nó được, cũng tương tự như vậy tâm tử (*cuti*) đưa đến tâm tục sinh (*patisandhi*).

Còn với dòng tương tục, không có cái gì giống nhau hay khác nhau. Nếu như có sự giống nhau tuyệt đối thì sẽ không có sự hình thành vầng sữa từ sữa. Nếu như có sự khác nhau tuyệt đối thì vầng sữa sẽ không xuất nguồn từ sữa (sự liên tục của một thực thể bị từ chối).

**- Đức Phật đã an ủi ngài Ānanda như thế nào trước khi
Ngài tịch diệt? (D.II.144)**

Khi đại đức Ānanda khóc trước khi Đức Phật tịch diệt,
Đức Phật dạy rằng :

*Thôi vừa rồi, Ānanda, chớ có buồn rầu, chớ có khóc than.
Này Ānanda, Ta đã tuyên bố trước với người rằng mọi vật ái
luyến, tốt đẹp đều phải sanh biệt, tử biệt và dị biệt. Này Ānanda
làm sao được có sự kiện này: "Các pháp sanh, trú, hữu vi, biến
hoại đừng có bị tiêu diệt?" Không thể có sự kiện như vậy được.
Này Ānanda, đã lâu ngày, người đối với Như Lai, với thân
nghiệp đầy lòng từ ái, lợi ích, an lạc, có một không hai, vô
lượng với khẩu nghiệp đầy lòng từ ái, lợi ích, an lạc, có một
không hai, vô lượng với ý nghiệp đầy lòng từ ái, lợi ích, an lạc,
có một không hai, vô lượng. Này Ānanda, người là người tác
thành công đức. Hãy cố gắng tinh tấn lên, người sẽ chứng bậc
Vô lậu, không bao lâu đâu.*

(Trường Bộ Kinh 1. Kinh Đại Bát Níp-Bàn)

- Không được sầu khổ trước cái chết. (Sn.574)

*Animittamanaññātāṃ,
Maccānaṃ idha jīvitāṃ;
Kasirañca parittañca,
Tañca dukkhena saṃyutaṃ.*

*Sinh mạng của loài Người,
Ở đời không ai biết,
Không tương, nhiều phiền toái,
Nhỏ nhoi, liên hệ khổ.*

- Con đường của thế gian. (Sn.575-576)

Bởi vì không có một cách thức nào mà nhờ đó những người được sinh ra khỏi bị chết. vì thế, khi con người đến tuổi già thì sẽ có sự chết. Đó là bản chất tự nhiên cho mọi loài hữu tình.

*Na hi so upakkamo atthi,
Yena jātā na miyyare;
Jarampi patvā maraṇaṃ,
Evaṃdhammā hi pāṇino.*

*Không có sự gắng nào,
Khiến sống thoát khỏi chết,
Sau khi già là chết,
Pháp hữu tình là vậy.*

*Phalānamiva pakkānaṃ,
Pāto patanato bhayaṃ;
Evaṃ jātāna maccānaṃ,
Niccaṃ maraṇato bhayaṃ.*

*Như các trái chín muồi,
Có sợ bị rơi sớm,
Cũng vậy, người được sanh,
Thường có sợ bị chết.*

6. 3. NÍP-BẢN (NIBBĀNA)

- Mục đích tối thượng của sự tu tập trong Phật giáo. (M.I.197, 204-205)

Này các Tỷ-kheo, phạm hạnh này không phải vì lợi ích, lợi dưỡng, danh vọng, không phải vì lợi ích thành tựu giới đức, không phải vì lợi ích thành tựu thiền định, không phải vì lợi ích tri kiến. Và này các Tỷ-kheo, tâm giải thoát bất động chính là mục đích của phạm hạnh này, là lối cây, là mục tiêu cuối cùng của phạm hạnh.

(Trung Bộ Kinh 1. Đại Kinh Ví Dụ Lỗi Cây).

- Khó nhận rõ được. (S.i.136)

*Kicchena me adhigatam,
Halam dāni pakāsitum;
Rāgadosaparetehi,
Nāyaṃ dhammo susambudho.
Paṭisotagāmiṃ nipuṇaṃ,
Gambhīraṃ duddasaṃ aṇuṃ;
Rāgarattā na dakkhanti,
Tamokhandhena āvuṭa.*

Pháp Ta chứng khó khăn,
Sao nay Ta nói lên?
Tham, sân chi phối ai,
Khó chứng ngộ pháp này.
Pháp này đi ngược dòng,
Vi diệu và thâm sâu,
Khó thấy, rất vi tế.
Những ai ưa ái dục,
Bị vô minh bao phủ,
Rất khó thấy pháp này.

(Tương Ứng Bộ Kinh 1. Tương Ứng Phạm Thiên.
Phẩm Thứ Nhất. Phân Thịnh Cầu)

- Trạng thái không điều kiện. (It.37)

Này các tỷ-kheo, có :

* *Ajāta* – sự không sanh ra.

* *Abhūta* – không có nguồn gốc.

* *Akata* – không được tạo ra.

* *Asaṅkhata* – trạng thái không điều kiện.

Này các Tỷ-kheo, có hai cái không sanh, không hiện hữu, không tác thành, không làm ra. Này các Tỷ-kheo, nếu không có cái không sanh, không hiện hữu, không tác thành, không làm ra, thì ở đây không thể trình bày được sự xuất ly khỏi sanh, khỏi hiện hữu, khỏi tác thành, khỏi làm ra. Do vì, này các Tỷ-kheo, có cái không sanh, không hiện hữu, không tác thành, không làm ra, nên có thể trình bày được sự xuất ly khỏi sanh, khỏi hiện hữu, khỏi tác thành, khỏi làm ra.

Theo chú giải, bốn từ ngữ này được sử dụng như đồng nghĩa.

Ajāta có nghĩa là nó không được sinh ra vì nhiều nguyên nhân hay điều kiện (*hetupaccaya*). *Abhūta* (không trở thành) nghĩa là nó không có sinh khởi. theo như nó không được sinh ra từ một nguyên nhân và không trở thành, không không được tạo ra (*akata*) bởi bất cứ cách thức nào. Trở thành và sinh khởi là những đặc tính của điều kiện cho chúng sanh, chẳng hạn như tâm và vật chất, nhưng Níp-bàn thì không chịu những điều kiện này, nó không có điều kiện (*asaṅkhata*).

- Hạnh phúc tối thượng. (Dhp.203)

Nibbānaṃ paramaṃ sukhaṃ - Níp Bàn, lạc tối thượng.

Níp-bàn là hạnh phúc tối thượng vì đó không phải là thứ hạnh phúc được cảm nhận bởi các giác quan. Mà đó là một trạng thái an lạc tuyệt đối được giảm đi từ những cảm nhận thế tục.

- Các định nghĩa của Níp-bàn (*nibbāna*). (Dha.A.A.409)

Từ ngữ Níp-bàn có nhiều sự giải thích, những sự giải thích sau đây được ghi lại trong các tạng kinh *sarvastivādin* chú giải, *abhidharma-mahavibhāsa-sāstra* :

* *Vāna* ám chỉ vòng luân hồi + *nir* có nghĩa là giải thoát hay rời khỏi vòng luân hồi.

* *Vāna* có nghĩa là sự hôi tanh + *nir* có nghĩa là giải thoát; được giải thoát khỏi sự đau khổ của nghiệp phiền não.

* *Vāna* có nghĩa là khu rừng tăm tối + *nir* có nghĩa là từ bỏ, rời bỏ; mãi mãi rời bỏ khu rừng tăm tối của ngũ uẩn (*pañcakkhandha*) hay là khu rừng tối tăm của tam độc tham, sân, si (*lobha, dosa, moha*) hay ba đặc tính của cuộc đời là vô thường, (*anitya*), khổ não (*dukkha*), vô ngã (*anātma*).

* *Vāna* có nghĩa là đan dệt + *nir* có nghĩa là cái gút; thoát khỏi cái gút của sợi chỉ nghiệp đau khổ.

- Tôn giả Nāgasena làm sáng tỏ nỗi hoài nghi của vua Milinda về Níp-bàn. (Miln.315-318)

- Bây giờ chúng ta trở lại đề tài Niết bàn! Đại đức nói rằng *có Niết bàn* và trăm cũng tin như thế - Nhưng nó ở đâu đại đức? Nó ở đông, tây, nam, bắc, thượng, hạ, trung?

- Ở một nơi nào đó, một chỗ nào đó thì không phải Niết bàn, đâu đại vương!

- Thế là đã rõ!

- Đại vương rõ sao ạ?

- Thưa, rõ là không có Niết bàn; Niết bàn chỉ là hư vô, không tướng! Niết bàn đã không có thì làm gì có chuyện tỏ rõ Niết bàn, tỏ ngộ Niết bàn? Và lại càng không có cái gọi là *an*

trú Niết bàn? Tại sao lại như thế? Vì khái niệm "*trú*" là gì đại đức biết chăng? *Trú* có nghĩa là phải có một địa cư, một vùng đất, một nơi chốn, một miền, một xứ, một cõi, một cảnh...*đề ở đây, nương gá đây, trụ ở đây!* Ví dụ như người ta nói rằng, ruộng là nơi trú của rất nhiều chủng loại lúa: lúa Sàli, lúa thơm, lúa ngắn ngày, lúa dài ngày v.v... Ví như người ta nói biển là nơi trú của vô lượng loài thủy tộc, vô lượng trên châu, bảo ngọc v.v... Ví như quả đất làm nơi nương trú của người, vật, chim muông, cây cỏ v.v....

Vậy thì nếu Niết bàn không có một chỗ nào cả - thì chữ "*trú*" này không được thành lập, trú không được thành lập thì tỏ rõ, tỏ ngộ Niết bàn cũng không được thành lập; tỏ rõ, tỏ ngộ Niết bàn không được thành lập thì người chứng đạt Niết bàn cũng không thành lập? Vậy Niết bàn ấy chỉ là khoảng không, không có gì cả. Tất cả không! Thừa đại đức.

Đại đức Na tiên nói:

- Thật là hùng hồn! Tuy nhiên, tâu đại vương! Có một chỗ nào đó, dù là "*khoảng trống không*" để Niết bàn trú ở đây cũng không được. Niết bàn là pháp vô vi, xa lìa hữu vi thì làm sao có chỗ trú được? Ví như "*lửa*" có chỗ trú không, hờ đại đức? Đại vương có thể chỉ cho bản tăng thấy rõ lửa nó ở hướng đông, tây, nam, bắc, chỗ này, chỗ kia không?

- Không thể chỉ được!

- Vậy là lửa không có rồi. Chính đại vương nói đấy nhé!

- Không, lửa có. Tuy lửa không ở chỗ nào, không thể chỉ được; nhưng ta lấy hai thanh gỗ cọ xát vào nhau thì lửa sẽ hiện ra, thừa đại đức!

- Cũng vậy, tâu đại vương! Niết bàn tuy không ở chỗ nào cả, không thể chỉ được; nhưng khi hàng giả quan sát thấy rõ sự

sanh diệt của pháp hành (*Sankhàra*) thì Niết bàn sẽ hiện ra, tâu đại vương!

- Có lý lắm, nhưng cũng không thể thuyết phục được trăm, tại sao? Lửa là pháp hữu vi, là điều kiện sanh, do nhân duyên sanh; trong lúc Niết bàn là pháp vô vi, không có điều kiện, không bị chi phối bởi định luật nhân quả. Dem lửa mà ví dụ cho Niết bàn, đại đức có thấy mình rơi vào luận thuyết của ngoại đạo tà giáo chăng?

- Hay lắm! Thật ra, phải từ ví dụ này để hiểu chuyện khác. Đại vương đã không hiểu lại còn bắt bẻ bản tạng rất hợp lý nữa. Vậy ta có thể tìm ví dụ khác nhé!

- Vâng!

- Đại vương có biết Đức Chuyển luân Thánh vương có bảy loại ngọc, là: *bánh xe ngọc, voi ngọc, ngựa ngọc, mani ngọc, nữ ngọc, gia chủ ngọc, tướng quân ngọc* không?

- Thưa, có biết từ kinh điển, từ truyền thuyết.

- Trước khi bảy loại ngọc vi diệu ấy hiện đến do phước báu của Đức Chuyển luân, nó ở từ đâu không?

- Không biết nó ở đâu!

- Vậy chắc nó không có rồi.

- Nó có đấy, thưa đại đức! Khi một vị vua tài đức vô song, phước báu cao quý không thể nghĩ nghĩ - thì bảy thứ ngọc vi diệu ấy đồng hiện đến, như là chứng cứ tôn xưng vị vua ấy thành đức Chuyển luân Thánh vương!

- Cũng tương tự thế, đại vương! Khi quán chiếu pháp hành (*Sankhàra*), thấy rõ pháp hành là sanh diệt; pháp hành là vô thường, khổ não, vô ngã; pháp hành là bất tịnh, là sầu bi, khổ ưu, phiền não, lúc ấy Niết bàn cũng tự hiện ra. Nó không phải là *một chỗ nào đó* để mà *đến* đâu, tâu đại vương!

- Chí lý lắm! Nhưng nếu đi sâu vào lĩnh vực luận lý, thì luận cứ của đại đức vẫn chưa trôi, vẫn còn dính mắc ở một chỗ, đại đức có biết không?

- Xin cho nghe, ấy là chỗ nào?

- Là *cái chỗ* mà từ đó Niết bàn hiện ra! Ví như đức vua có tài đức, có phước báu vô song; chính từ "*địa vị*" ấy, "*chỗ ấy*" thì bảy loại ngọc báu mới hiện ra. Trong trường hợp Niết bàn hiện ra, thì *địa vị* ấy, cái *chỗ* ấy là cái gì hờ đại đức?

- Câu hỏi vi tế lắm, thâm sâu lắm! tâu đại vương! *Địa vị* ấy, *chỗ* ấy có - đó chính là giới định tuệ! Bất cứ hành giả nào nếu giới thanh tịnh, định thanh tịnh, tuệ thanh tịnh; kiên trú vững chắc vào giới định tuệ thanh tịnh ấy, *địa vị* ấy, *chỗ* ấy - thì Niết bàn sẽ hiện ra; không kể kẻ người ấy ở đâu, trú xứ nào!

- Bắt đầu tỏ lộ rồi đây, thưa đại đức! Ngài hãy bi mẫn cho nghe tiếp.

- Tâu, vâng! Nhưng đại vương đã suốt thông chỗ "*địa vị*" ấy rồi chứ? Đã "*trôi*" điều ấy rồi chứ?

Đức vua Mi-lan-đà vui vẻ:

- Trẫm nhận tội rồi, đừng nên trả đũa nữa, đại đức.

- Ô! Vậy thì ta tiếp tục.

- Thưa vâng!

- Đại vương! Bất cứ ai kiên trú vững chắc nơi giới định tuệ rồi, người ấy sẽ tỏ lộ Niết bàn giống nhau, chẳng hề sai khác!

- Giống nhau như thế nào hờ đại đức?

- Giống nhau như "*hư không*", đại vương! Ví như có người trú trong rừng Sakàya thấy được hư không, người trú trong quốc độ Alasandana..., quốc độ Kàsikosala, quốc độ

Kasinara..., quốc độ Ganchàra... cõi trời Phạm thiên, tầng trời tịnh cư v.v... thấy được hư không! Những hư không kia giống nhau như thế nào thì Niết bàn sẽ giống nhau y như thế đó, đại vương!

- Trẫm hiểu rồi.

- Chúng lại còn giống nhau như "*phương đông*" nữa, đại vương! Tất cả chúng sanh ở bất cứ cảnh giới nào, xa gần, cao thấp khác nhau - nhưng phương đông mà chúng nhìn thấy, đều giống nhau, tâu đại vương!

- Đại đức đã dựng đứng, đã nêu cao cây cờ Pháp làm cho trẫm khả dĩ cắt đứt được sự nghi ngờ về "*trú xứ*" của Niết bàn. Trẫm rất hoan hỷ vậy.

- Một truyện ngụ ngôn về Níp-bàn. (Miln.317-323)

Thuở xưa, có một con cá và con rùa làm bạn với nhau. Con cá sống cả đời của nó dưới nước nên chẳng biết gì khác hơn cả. Một ngày nọ, trong lúc nó đang bơi, nó gặp được bạn rùa của nó vừa trở về sau chuyến tham quan trên mặt đất. Trong lúc đang nói chuyện về điều này, con cá thốt lên :

- Ở đất liền à? Ý của bạn muốn nói gì về cái từ đất liền đó? Tôi chưa bao giờ thấy vật như vậy cả. đất liền chẳng là gì cả.

- Bạn có quyền nghi vậy, nhưng đó chính là nơi tôi vẫn đến như thường.

- Thôi được rồi, nói nghiêm chỉnh nhé. Hãy nói cho tôi biết cái đất của bạn nó như thế nào? Nó có ướt không?

- Không, nó không có ướt.

- Thế nó có mát mẻ không?

- Không, nó không mát mẻ.

- Thế nó có trong suốt để ánh sáng xuyên qua không?

- Không, nó không trong suốt. ánh sáng không thể xuyên qua nó được.

- Vậy nó có mềm mại và trứng xuống để tôi có thể bơi lội ở trong đó được không?

- Không, nó không mềm mại và trứng xuống đâu, bạn không thể nào bơi trong đó được.

Con cá không chịu nổi, trở nên nóng giận với những câu trả lời không nên hỏi tiếp :

- Vậy nó có chuyển động hay chảy thành dòng không?

Rùa bình thản trả lời :

- Không có bạn ạ, nó không bao giờ nổi sóng đâu.

- Vậy thì đất theo như bạn nói nó không phải là một trong những điều này, vậy thì nó không phải là gì hết rồi chứ còn gì nữa.

- Thôi được rồi, nếu như bạn cứ khẳng định cho rằng đất liền đó là không phải gì cả thì tôi chẳng biết làm gì hơn để bạn hiểu được. Nhưng nếu như có một người biết nước như thế nào và đất liền như thế nào thì họ sẽ cho rằng bạn là con cá ngu muội, vì bạn cho rằng bất cứ cái gì mà bạn chưa biết là không có hay không là gì cả.

- Hạnh phúc tối thượng. (Dhp.203)

*Jighacchāparamā rogā,
Saṅkhāraparamā dukkhā;
Etaṃ ñatvā yathābhūtaṃ,
Nibbānaṃ paramaṃ sukhaṃ.*

*Đói ăn, bệnh tối thượng,
Các hành, khổ tối thượng,
Hiếu như thực là vậy,
Níp Bàn, lạc tối thượng.*

CHƯƠNG 7
THẾ GIỚI NỘI TÂM

7. 1. BẢN CHẤT CỦA THẾ GIỚI BÊN TRONG.

- Không thể đạt đến tận cùng của thế gian. (S.I.62)

Này Hiền giả, tại chỗ nào không sanh, không già, không chết, không diệt, không khởi. Ta nói rằng tại chỗ ấy, không có thể bộ hành, biết được hay thấy được sự tận cùng của thế giới. Ta nói như vậy.

*(Tương Ưng Bộ Kinh 1. Tương Ưng Thiên Tử.
Phẩm Các Ngoại Đạo. Phần Rohita).*

- Bạn là thế gian. (S.I.62)

Này Hiền giả, nhưng Ta cũng không nói rằng không đạt được sự tận cùng của thế giới thời chấm dứt cuộc khổ đau. Này Hiền giả, chính trong cái thân thể dài một tầm có tướng, có ý này, Ta tuyên bố thế giới, nguyên nhân của thế giới, sự đoạn diệt thế giới và con đường đưa đến sự đoạn diệt của thế giới.

*(Tương Ưng Bộ Kinh 1. Tương Ưng Thiên Tử.
Phẩm Các Ngoại Đạo. Phần Rohita).*

- Sự sinh khởi của thế gian. (S.II.73)

Này các Tỷ-kheo, Ta sẽ giảng về sự tập khởi và sự đoạn diệt của thế giới. Hãy nghe và khéo suy nghiệm, Ta sẽ nói.

- Thừa vâng, bạch Thế Tôn.

Các Tỷ-kheo ấy vâng đáp Thế Tôn.

Thế Tôn nói như sau:

- Và này các Tỷ-kheo, thế nào là thế giới tập khởi?

Do duyên con mắt và các sắc, nhãn thức khởi lên. Do ba cái tụ họp, nên có xúc. Do duyên xúc nên có thọ. Do duyên thọ nên có ái. Do duyên ái nên có thủ. Do duyên thủ nên có hữu. Do duyên hữu nên có sanh. Do duyên sanh, nên có già chết, sầu, bi, khổ, ưu, não sanh khởi. Đây là thế giới tập khởi.

Do duyên lỗ tai và các tiếng...

Do duyên lỗ mũi và các hương...

Do duyên lưỡi và các vị...

Do duyên thân và các xúc...

Do duyên ý với các pháp, ý thức khởi lên. Do ba cái tụ họp nên có xúc. Do duyên xúc nên có thọ... Do duyên sanh nên già chết, sầu, bi, khổ, ưu, não, sanh khởi. Đây các Tỷ-kheo, đây là sự tập khởi của thế giới.

*(Tương Ưng Bộ Kinh 2. Tương Ưng Nhân Duyên.
Phẩm Gia Chủ - Thứ Năm. Phần Thế Giới)*

- Sự chấm dứt của thế gian. (S.II.73)

Và này các Tỷ-kheo, thế nào là thế giới đoạn diệt?

Do duyên con mắt và các sắc, nhãn thức khởi lên. Do ba cái tụ họp nên có xúc. Do duyên xúc nên có thọ. Do duyên thọ nên có ái. Do sự ly tham, đoạn diệt ái ấy một cách hoàn toàn nên thủ diệt. Do thủ diệt nên hữu diệt... Đây là sự đoạn diệt của toàn bộ khổ uẩn này. Đây là thế giới đoạn diệt.

Do duyên lỗ tai và các tiếng...

Do duyên lỗ mũi và các hương...

Do duyên lưỡi và các vị...

Do duyên thân và các xúc...

Do duyên ý và các pháp, ý thức sanh khởi. Do ba cái tụ họp nên có xúc. Do duyên xúc nên có thọ. Do duyên thọ nên có ái. Do sự ly tham, đoạn diệt ái ấy một cách hoàn toàn nên thủ diệt. Do thủ diệt nên hữu diệt... Đây là sự đoạn diệt của toàn bộ khổ uẩn này.

Này các Tỷ-kheo, đây là thế giới đoạn diệt.

*(Tương Ưng Bộ Kinh 2. Tương Ưng Nhân Duyên.
Phẩm Gia Chủ - Thứ Năm. Phần Thế Giới)*

- Thế gian là một khối đau khổ (dukkha). (S.II.10)

Trước khi giác ngộ, Bồ tát đã quan sát thế gian như sau :

"Thật sự thế giới này bị hãm trong khổ não, bị sanh, bị già, bị chết, bị đoạn diệt và bị tái sanh; và từ nơi đau khổ này, không biết sự xuất ly, thoát khỏi già, chết; từ nơi đau khổ này, không biết khi nào được biết đến sự xuất ly già, chết".

*(Tương Ưng Bộ Kinh 2. Tương Ưng Nhân Duyên.
Phẩm Phật Đà. Phần Mahā Sakya Muni Gotama)*

- Hạnh phúc của thế gian. (A.I.258)

Này các Tỷ-kheo, trước khi Ta giác ngộ, chưa chánh đẳng giác, còn là Bồ-tát, ta suy nghĩ như sau: "Cái gì là vị ngọt ở đời?...". Rồi này các Tỷ-kheo, về vấn đề ấy, tư tưởng sau đây khởi lên nơi ta: "Do duyên với đời, khởi lên lạc hỷ gì, đây là vị ngọt ở đời.

*(Tăng Chi Bộ Kinh 1. Chương Ba Pháp.
Phẩm Chánh Giác. Phần Trước Khi Giác Ngộ)*

- Hạnh phúc trong thế gian phát triển sự dính mắc. (A.I.259)

Này các Tỷ-kheo, nếu không có vị ngọt ở đời, thời các loài hữu tình không có tham nhiễm đối với đời. Vì rằng, này các Tỷ-kheo, có vị ngọt ở đời, nên các loài hữu tình có tham nhiễm ở đời.

*(Tăng Chi Bộ Kinh 1. Chương Ba Pháp.
Phẩm Chánh Giác. Phần Vị Ngọt)*

- Giải thoát khỏi thế gian. (A.I.258)

"Điều phục dục tham ở đời, đoạn tận tham dục, đây là xuất ly ở đời".

*(Tăng Chi Bộ Kinh 1. Chương Ba Pháp.
Phẩm Chánh Giác. Phần Trước Khi Giác Ngộ)*

- Biết được sự giải thoát. (A.I.259)

Này các Tỷ-kheo, nếu không có xuất ly ra khỏi đời, thời các loài hữu tình không có xuất ly đối với đời. Vì rằng, này các Tỷ-kheo, có xuất ly đối với đời, nên các loài hữu tình có xuất ly ra khỏi đời.

*(Tăng Chi Bộ Kinh 1. Chương Ba Pháp.
Phẩm Chánh Giác. Phần Vị Ngọt)*

- Thấu hiểu thế gian là đối tượng của tôn giáo. (A.I.259)

Và này các Tỷ-kheo, cho đến khi nào các loài hữu tình đã như thật giác tri vị ngọt ở đời là vị ngọt, nguy hại là nguy hại, xuất ly là xuất ly, cho đến khi ấy, này các Tỷ-kheo, các loài hữu

tình có thể an trú với tâm thoát ly, không có hệ phược, giải thoát, không bị hạn cuộc khỏi thế giới gồm có Thiên giới, Ma giới, Phạm thiên giới, cùng với quần chúng Sa-môn, Bà-la-môn, chư Thiên và loài Người.

*(Tăng Chi Bộ Kinh 1. Chương Ba Pháp.
Phẩm Chánh Giác. Phần Vị Ngọt)*

- Hãy quán tưởng các pháp hữu vi. (S.IV.15)

Này các Tỷ-kheo, Ta sẽ thuyết về tất cả. Hãy lắng nghe.

Và này các Tỷ-kheo, thế nào là tất cả? Mắt và các sắc; tai và các tiếng; mũi và các hương; lưỡi và các vị; thân và các xúc; ý và các pháp. Như vậy, này các Tỷ-kheo, gọi là tất cả.

Này các Tỷ-kheo, ai nói như sau: "Sau khi từ bỏ tất cả này, ta sẽ tuyên bố (một) tất cả khác", thời lời nói người ấy chỉ là khoa ngôn. Và bị hỏi, người ấy không thể chứng minh gì. Và hơn nữa, người ấy có thể rơi vào ách nạn. Vì sao? Này các Tỷ-kheo, như vậy ra ngoài giới vực (avisaya) của người ấy!

*(Tương Ưng Bộ Kinh 4. Tương Ưng Sáu Xứ.
Phẩm Tất Cả. Phần Tất Cả)*

**- Hiểu được pháp hữu vi thì cuộc sống tự tại cao quý.
(S.II.283)**

Này Thera, thế nào là độc trú được làm viên mãn với các chi tiết? Ở đây, này Thera, cái gì đã qua được đoạn tận; cái gì sắp đến được từ bỏ; đối với những tự ngã, lợi đặc hiện tại, dục tham được khéo nhiếp phục. Như vậy, này Thera, là độc trú được làm viên mãn với các chi tiết.

*Sabbābhibhūṃ sabbaviduṃ sumedhaṃ,
Sabbesu dhammesu anūpalittaṃ;
Sabbañjahaṃ tanhākkhaye vimuttaṃ,
Tamaḥaṃ naraṃ ekavīhārīti brūmi.*

*Ai chiến thắng tất cả,
Ai hiểu biết tất cả,
Ai là bậc Thiện trí,
Mọi pháp không ô nhiễm.
Ai từ bỏ tất cả,
Ái tận được giải thoát,
Ta nói chính người ấy,
Thật là vị độc trú.*

*(Tương Ưng Bộ Kinh 2. Tương Ưng Tỳ-Khưu.
Phần Tên Trưởng Lão)*

- Mọi vật đang bốc cháy. (S.IV.19)

Thân bị bốc cháy. Các xúc bị bốc cháy. Thân thức bị bốc cháy. Thân xúc bị bốc cháy. Do duyên thân xúc khởi lên cảm thọ gì, lạc, khổ, hay bất khổ bất lạc; cảm thọ ấy bị bốc cháy. Bị bốc cháy bởi cái gì? Bị bốc cháy bởi lửa tham, lửa sân, lửa si. Ta nói rằng bị bốc cháy bởi sanh, già, chết, sầu, bi, khổ, ưu, não.

Ý bị bốc cháy. Các pháp bị bốc cháy. Ý thức bị bốc cháy. Ý xúc bị bốc cháy. Do duyên ý xúc khởi lên cảm thọ gì, lạc, khổ, hay bất khổ bất lạc; cảm thọ ấy bị bốc cháy. Bị bốc cháy bởi cái gì? Bị bốc cháy bởi lửa tham, lửa sân, lửa si. Ta nói rằng bị bốc cháy bởi sanh, già, chết, sầu, bi, khổ, ưu, não.

*(Tương Ưng Bộ Kinh 4. Tương Ưng Sáu Xứ.
Phần Tất Cả. Phần Bốc Cháy).*

- Mọi vật tồn tại hay không tồn tại? (S.II.76)

Bà-la-môn Jāṇussonī bạch Thế Tôn:

- Thưa Tôn giả Gotama, có phải tất cả đều có?

-Này Bà-la-môn, tất cả đều có, ấy là một cực đoan.

- Thưa Tôn giả Gotama, có phải tất cả đều không có?

- Này Bà-la-môn tất cả đều không có, ấy là cực đoan thứ hai. Này Bà-la-môn, từ bỏ hai cực đoan ấy, Như Lai thuyết pháp theo trung đạo.

Do duyên vô minh nên có các hành. Do duyên các hành nên có thức. Do duyên thức nên có danh sắc. Do duyên danh sắc nên có sáu xứ. Do duyên sáu xứ nên có xúc. Do duyên xúc nên có thọ. Do duyên thọ nên có ái. Do duyên ái nên có thủ. Do duyên thủ nên có hữu. Do duyên hữu nên có sanh. Do duyên sanh nên có già, chết, sầu bi khổ ưu não. Như vậy là sự tập khởi của toàn bộ khổ uẩn này.

Do sự ly tham, đoạn diệt vô minh ấy một cách hoàn toàn nên hành diệt. Do hành diệt, nên thức diệt. Do thức diệt, nên danh sắc diệt. Do danh sắc diệt nên sáu xứ diệt. Do sáu xứ diệt nên xúc diệt. Do xúc diệt nên thọ diệt. Do thọ diệt, nên ái diệt. Do ái diệt, nên thủ diệt. Do thủ diệt, nên hữu diệt. Do hữu diệt, nên sanh diệt. Do sanh diệt, nên già, chết, sầu, bi, khổ, ưu não diệt. Như vậy là sự đoạn diệt của toàn bộ khổ uẩn này.

*(Trương Ứng Bộ Kinh 2. Trương Ứng Nhân Duyên.
Phẩm Gia Chủ - Thứ Năm. Phần Jāṇussonī)*

7. 2. CHÂN LÝ CỦA THẾ GIỚI NỘI TÂM

- Một quan niệm của thế gian về thế gian. (S.II.109)

Này các Tỷ-kheo, những ai trong quá khứ, là Sa-môn hay Bà-la-môn, thấy những gì ở đời khả ái, hấp dẫn là thường còn, thấy là lạc, thấy là vô bệnh, thấy là an ổn, thấy là tự ngã, những người ấy làm ái tăng trưởng.

Những ai làm ái tăng trưởng, những người ấy làm sanh y tăng trưởng. Những ai làm sanh y tăng trưởng, những người ấy làm đau khổ tăng trưởng. Những ai làm đau khổ tăng trưởng, những người ấy không thể giải thoát sanh, già, chết, sầu, bi, khổ, ưu, não. Ta nói rằng họ không thể giải thoát khỏi đau khổ.

Này các Tỷ-kheo, những ai trong tương lai là Sa-môn hay Bà-la-môn thấy những gì ở đời khả ái, hấp dẫn là thường còn, thấy là lạc, thấy là tự ngã, thấy là vô bệnh, thấy là an ổn, những người ấy sẽ làm ái tăng trưởng.

Những ai làm ái tăng trưởng, những người ấy sẽ làm sanh y tăng trưởng. Những ai làm sanh y tăng trưởng, những người ấy sẽ làm đau khổ tăng trưởng. Những ai làm đau khổ tăng trưởng, những người ấy không thể giải thoát khỏi sanh, già, chết, sầu, bi, khổ, ưu, não. Ta nói họ không có thể giải thoát khỏi đau khổ.

Này các Tỷ-kheo, những ai trong hiện tại là Sa-môn hay Bà-la-môn thấy những gì ở đời khả ái, hấp dẫn là thường còn, thấy là lạc, thấy là tự ngã, thấy là vô bệnh, thấy là an ổn, những người ấy làm ái tăng trưởng.

Những ai làm ái tăng trưởng, những người ấy làm sanh y tăng trưởng. Những ai làm sanh y tăng trưởng, những người ấy làm đau khổ tăng trưởng. Những ai làm đau khổ tăng trưởng, những người ấy không thể giải thoát khỏi sanh, già, chết, sầu,

bi, khổ, ưu, não. Ta nói rằng họ không thể giải thoát khỏi đau khổ.

*(Tương Ưng Bộ Kinh 2. Tương Ưng Nhân Duyên.
Đại Phẩm - Thứ Bảy. Phần Xúc Chạm, Biết Rồi)*

- Cầm thọ và bất toại nguyện. (S.II.53)

Này Sāriputta, nếu Ông được hỏi: "Làm sao, này Hiền giả Sāriputta, Hiền giả biết như thế nào, Hiền giả thấy như thế nào, cầm thọ diệu lạc ấy không tồn tại?" Được hỏi vậy, này Sāriputta, Ông trả lời như thế nào?

- Bạch Thế Tôn, nếu con được hỏi: "Này Hiền giả Sāriputta, Hiền giả biết như thế nào, Hiền giả thấy như thế nào, cầm thọ diệu lạc không tồn tại?" Được hỏi vậy, bạch Thế Tôn, con trả lời như sau:

"Này Hiền giả, có ba cầm thọ này. Thế nào là ba? Lạc thọ, khổ thọ, phi khổ phi lạc thọ. Này Hiền giả, ba cầm thọ này vô thường, khi biết được cái gì vô thường là khổ, thời cầm thọ diệu lạc ấy không tồn tại".

Được hỏi vậy, bạch Thế Tôn, con trả lời như vậy.

- Lành thay, lành thay, này Sāriputta! Pháp môn (phương tiện) này, này Sāriputta, có thể trả lời tóm tắt như sau: Cái gì được cầm thọ, cái ấy nằm trong đau khổ.

*(Tương Ưng Bộ Kinh 2. Tương Ưng Nhân Duyên.
Phẩm Kalāra - Vị Sát Đế Ly. Phần Kalāra)*

Như vậy, đây là một chứng cứ về thế giới nội tâm theo Phật giáo chủ trương về phương diện đạo đức, ví dụ như những vấn đề đau khổ của kiếp sinh tồn.

- Pháp duyên khởi (*paṭiccasamuppāda*). (S.II.2)

Tiến trình tâm làm duyên cho tiến trình của cuộc sống được trở thành trong vòng luân hồi. Khi có sự sinh ra thì có sự chết. Cho đến bao giờ nghiệp lực còn tồn tại trong vòng luân hồi sanh tử (*saṃsāra*) thì chúng vẫn còn tồn tại, đưa đến kết quả đau khổ.

Này các Tỷ-kheo, thế nào là lý Duyên khởi? Này các Tỷ-kheo, vô minh duyên hành; hành duyên thức; thức duyên sanh sắc; danh sắc duyên sáu xứ; sáu xứ duyên xúc; xúc duyên thọ; thọ duyên ái; ái duyên thủ; thủ duyên hữu; hữu duyên sanh; sanh duyên già, chết, sầu, bi, khổ, ưu, não được khởi lên. Như vậy là toàn bộ khổ uẩn này tập khởi.

1. Avijjā – Vô minh.

Vô minh bắt rễ từ các lậu hoặc là nguyên nhân chính.

Này các Tỷ-kheo, thế nào là vô minh? Này các Tỷ-kheo, không rõ biết Khổ, không rõ biết Khổ tập, không rõ biết Khổ diệt, không rõ biết Con đường đưa đến Khổ diệt. Này các Tỷ-kheo, đây gọi là vô minh.

2. Sanhāra – Hành.

Tùy thuộc vào vô minh, sinh khởi tâm tạo tác thiện hay ác.

Và này các Tỷ-kheo, thế nào là hành? Này các Tỷ-kheo, có ba hành này: thân hành, khẩu hành, ý hành. Này các Tỷ-kheo, đây gọi là hành.

3. Viññāna – Thức.

Tùy thuộc vào tâm tạo tác, sinh khởi tâm hộ kiếp nối liền kiếp quá khứ với kiếp kế tiếp.

Và này các Tỷ-kheo, thế nào là thức? Đây các Tỷ-kheo, có sáu thức thân này: nhãn thức, nhĩ thức, tỷ thức, thiệt thức, thân thức, ý thức. Đây các Tỷ-kheo, đây gọi là thức.

4. Nāmarūpa – Danh sắc.

Tùy thuộc tâm hộ kiếp sanh khởi danh và sắc kèm với sáu xứ.

Và này các Tỷ-kheo, thế nào là danh sắc? Thọ, tưởng, tư, xúc, tác ý; đây gọi là danh. Bốn đại chủng và sắc do bốn đại chủng tạo ra; đây gọi là sắc. Như vậy, đây là danh, đây là sắc. Đây gọi là danh sắc.

5. Salāyatana – Sáu xứ.

Và này các Tỷ-kheo, thế nào là sáu xứ? Nhãn xứ, nhĩ xứ, tỷ xứ, thiệt xứ, thân xứ, ý xứ. Đây các Tỷ-kheo, đây gọi là sáu xứ.

6. Phassa – Xúc.

Bởi vì có sáu xứ nên có xúc.

Và này các Tỷ-kheo, thế nào là xúc? Đây các Tỷ-kheo, có sáu xúc này: nhãn xúc, nhĩ xúc, tỷ xúc, thiệt xúc, thân xúc, ý xúc. Đây các Tỷ-kheo, đây gọi là xúc.

7. Vedanā – Thọ.

Vì có xúc nên đưa đến thọ.

Và này các Tỷ-kheo, thế nào là thọ? Đây các Tỷ-kheo, có sáu thọ này: thọ do nhãn xúc sanh; thọ do nhĩ xúc sanh; thọ do tỷ xúc sanh; thọ do thiệt xúc sanh; thọ do thân xúc sanh; thọ do ý xúc sanh. Đây các Tỷ-kheo, đây gọi là thọ.

8. Tanhā – Ái.

Tùy thuộc vào cảm thọ nên sanh ra ra tham ái.

Và này các Tỷ-kheo, thế nào là ái? Đây các Tỷ-kheo, có sáu ái này: sắc ái, thanh ái, hương ái, vị ái, xúc ái, pháp ái. Đây các Tỷ-kheo, đây gọi là ái.

9. Upādāna – thủ.

Vì có tham ái nên sanh ra chấp thủ.

Và này các Tỷ-kheo, thế nào là thủ? Đây các Tỷ-kheo, có bốn thủ này: dục thủ, kiến thủ, giới cấm thủ, ngã luận thủ. Đây các Tỷ-kheo, đây gọi là thủ.

10. Bhava – Hữu.

Vì có chấp thủ nên sanh ra nghiệp hữu và để làm duyên cho sự sanh.

Và này các Tỷ-kheo, thế nào là hữu? Đây các Tỷ-kheo, có ba hữu này: Dục hữu, Sắc hữu, Vô sắc hữu. Đây các Tỷ-kheo, đây gọi là hữu.

11. Jāti – Sanh.

Và này các Tỷ-kheo, thế nào là sanh? Cái gì thuộc chúng sanh này hay chúng sanh khác, thuộc bộ loại chúng sanh này hay thuộc bộ loại chúng sanh khác bị sanh, xuất sanh, giáng sanh, đản sanh, sự xuất hiện các uẩn, sự thành tựu các xứ. Đây các Tỷ-kheo, đây gọi là sanh.

12. Jarāmaranam sokaparidevadukkhadomanas-supādāyāsā – Già, chết, sầu, bi, khổ, ưu, não.

Do vì có sanh nên đưa đến già, chết, sầu, bi, khổ, ưu, não.

Và này các Tỷ-kheo, thế nào là già, chết? Cái gì thuộc chúng sanh này hay chúng sanh khác, thuộc bộ loại chúng sanh này hay thuộc bộ loại chúng sanh khác, bị già, yếu, suy nhược,

răng rụng, tóc bạc, da nhăn, tuổi thọ tàn lụi, các căn chín muồi. Đây gọi là già. Cái gì thuộc chúng sanh này hay chúng sanh khác, thuộc bộ loại chúng sanh này hay thuộc bộ loại chúng sanh khác, sự từ bỏ, hủy hoại, tiêu mất, tử vong, các uẩn hư hoại, thân thể vứt bỏ. Đây gọi là chết. Như vậy, đây là già, đây là chết. Nay các Tỷ-kheo, đây gọi là già, chết.

(*Tương Ưng Bộ Kinh 2. Tương Ưng Nhân Duyên.*
Phẩm Phật Đà. Phần Phân Biệt)

- Quán tưởng duyên khởi là quán tưởng Pháp. (M.I.191)

Vuttam kho panetaṃ bhagavatā – ‘yo paṭiccasamuppādaṃ passati so dhammaṃ passati; yo dhammaṃ passati so paṭiccasamuppādaṃ passati’^{ti}

Thế Tôn đã nói như sau: "Ai thấy được lý duyên khởi, người ấy thấy được pháp; ai thấy được pháp, người ấy thấy được lý duyên khởi".

(*Trung Bộ Kinh 1. Đại Kinh Ví Dụ Dấu Chân Voi*)

- Cội nguồn của cuộc sống không thể nghĩ tưởng. (S.II.180)

Vô thi là luân hồi này, nay các Tỷ-kheo, khởi điểm không thể nêu rõ đối với sự lưu chuyển luân hồi của các chúng sanh bị vô minh che đậy, bị tham ái trói buộc.

(*Tương Ưng Bộ Kinh 2. Tương Ưng Vô Thi.*
Phẩm Thứ Nhất. Phần Sửa)

**- Làm thế nào để đạt đến sự chấm dứt của thế gian?
(S.II.36)**

*Gamanena na pattaḅbo,
Lokassanto kudācanaṃ;
Na ca appatvā lokantaṃ,
Dukkhā atthi pamocanaṃ.*

*Bộ hành không bao giờ
Đạt được thế giới tận,
Không đạt thế giới tận,
Không thể thoát khỏi khổ.*

*Tasmā have lokavidū sumedho,
Lokantagū vusitabrahmacariyo;
Lokassa antaṃ samitāvi ñatvā,
Nāsīsati lokamimaṃ parañca.*

*Do vậy, bậc Hiền thiện,
Thế gian giải, Thiện tuệ,
Đạt đến thế giới tận,
Phạm hạnh được viên thành.
Với tâm tư định tĩnh,
Biết được thế giới tận,
Không ước vọng đời này,
Không ước vọng đời sau.*

*(Tương Ưng Bộ Kinh 1. Tương Ưng Thiên Tử.
Phẩm Các Ngoại Đạo. Phần Rohita).*

- Cuộc sống nội tâm được an lạc. (Sn.182)

*Saddhīdha vittaṃ purisassa seṭṭhaṃ,
Dhammo sucinno sukhamāvahāti;
Saccaṃ have sādutaraṃ rasānaṃ,
Paññājīvaṃ jīvitamāhu seṭṭhaṃ*

Ở đời này, lòng tin,
Tối thắng cho con người,
Cái gì khéo thực hành,
Đem lại chơn an lạc?
Chánh pháp khéo thực hiện,
Đem lại chơn an lạc,
Sự thật trong các vị,
Là vị ngọt tối thượng,
Nếp sống với trí tuệ,
Là nếp sống tối thắng.

- Cuộc đời thật mau lẹ. (S.II.266)

Ví như, này các Tỷ-kheo, bốn người bắn cung đồng mãnh, lão luyện, thuần tay, thiện xảo về cung thuật, đứng tại bốn phương.

Rồi một người đến và nói rằng: "Ta sẽ nắm bắt và đem lại những mũi tên được bắn đi bốn phương, trước khi chúng rơi xuống đất, do bốn người bắn cung này bắn đi, những người đồng mãnh, lão luyện, thuần tay, thiện xảo về cung thuật".

- Này các Tỷ-kheo, các Ông nghĩ thế nào? Như vậy có vừa đủ chăng để gọi người nhanh nhẹn ấy đầy đủ với sự nhanh nhẹn tối thượng?

- Bạch Thế Tôn, nếu chỉ từ một người bắn cung đồng mãnh, lão luyện, thuần tay, thiện xảo về cung thuật, có thể nắm bắt và đem lại một mũi tên được bắn đi, như vậy là vừa đủ để gọi người nhanh nhẹn ấy, đầy đủ với sự nhanh nhẹn tối thượng. Còn nói gì từ bốn người bắn tên, đồng mãnh, lão luyện, thuần tay, thiện xảo về cung thuật!

- Và như vậy, này các Tỷ-kheo, là sự nhanh nhẹn của người ấy. Và như vậy là sự nhanh nhẹn của mặt trăng, mặt trời,

còn nhanh hơn sự nhanh nhẹn trước. Và như vậy, này các Tỷ-kheo là sự nhanh nhẹn của người ấy, và như vậy là sự nhanh nhẹn của mặt trăng, mặt trời, và như vậy là sự nhanh nhẹn của các chư Thiên chạy trước mặt trăng, mặt trời. Còn nhanh nhẹn hơn là sự biến diệt của thọ hành (thọ mạng của các sự vật).

Do vậy, này các Tỷ-kheo, các Ông cần phải học tập như sau: "Chúng tôi sẽ sống không phóng dật".

Như vậy, này các Tỷ-kheo, các Ông cần phải học tập.

*(Tương Ưng Bộ Kinh 2. Tương Ưng Thí Dụ.
Phần Người Bần Cung)*

- Bốn loại mây và bốn hạng người. (A.II.100)

Này các Tỷ-kheo, có bốn loại mây mưa này. Thế nào là bốn? Có sấm, không có mưa; có mưa, không có sấm; không có sấm, cũng không có mưa; có sấm và có mưa. Này các Tỷ-kheo, có bốn loại mây mưa này.

Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, có bốn hạng người được ví dụ với các loại mây mưa này, có mặt hiện hữu ở đời. Thế nào là bốn? Hạng người có sấm, không có mưa; hạng người có mưa, không có sấm; hạng người không có sấm, không có mưa; hạng người có sấm và có mưa.

Và này các Tỷ-kheo, thế nào là hạng người có sấm, không có mưa?

Ở đây, này các Tỷ-kheo, có hạng người có nói, không có làm. Như vậy, này các Tỷ-kheo, là hạng người có sấm không có mưa. Ví như, này các Tỷ-kheo, loại mây có sấm, không có mưa ấy, này các Tỷ-kheo, Ta nói rằng hạng người này giống như ví dụ ấy.

Và này các Tỷ-kheo, thế nào là hạng người có mưa, không có sấm?

Ở đây, này các Tỷ-kheo, có hạng người có làm, không có nói. Như vậy, này các Tỷ-kheo, là hạng người có mưa, không có sấm. Ví như, này các Tỷ-kheo, loại mây chỉ có mưa, không có sấm ấy, Ta nói rằng, này các Tỷ-kheo, hạng người này giống như ví dụ ấy.

Và này các Tỷ-kheo, thế nào là hạng người không có sấm, cũng không có mưa?

Ở đây, này các Tỷ-kheo, có hạng người không có nói, không có làm. Như vậy, này các Tỷ-kheo, là hạng người không có sấm, không có mưa. Ví như, này các Tỷ-kheo, loại mây không có sấm, không có mưa ấy, Ta nói rằng, này các Tỷ-kheo, hạng người này giống như ví dụ ấy.

Và này các Tỷ-kheo, thế nào là hạng người có sấm và có mưa?

Ở đây, này các Tỷ-kheo, có hạng người có nói và có làm. Như vậy, này các Tỷ-kheo, là hạng người có sấm và có mưa. Ví như, này các Tỷ-kheo, loại mây có sấm và có mưa ấy, Ta nói rằng, này các Tỷ-kheo, hạng người này giống như ví dụ ấy.

Này các Tỷ-kheo, có bốn hạng người giống như các loại mây này có mặt, hiện hữu ở đời.

*(Tăng Chi Bộ Kinh 2. Chương Bốn Pháp.
Phẩm Mây Mưa. Phần Mây Mưa 1)*

CHƯƠNG 8

THẾ GIỚI

QUANH BẠN

8. 1. TÀI SẢN VÀ HẠNH PHÚC.

- Hạnh phúc của người được làm chủ. (A.II.68)

Một người tại gia có được tài sản bằng sự nỗ lực chuyên cần, bằng sức mạnh của đôi tay và mồ hôi, có được tài sản một cách hợp pháp và công bằng. khi anh ta nghĩ đến điều này thì anh ta thấy hạnh phúc và mãn nguyện.

Ở đây, này Gia chủ, tài sản của người thiện nam tử, thâu hoạch được do nỗ lực tinh tấn, tích lũy được do sức mạnh cánh tay, do mồ hôi đổ ra đúng pháp, thâu hoạch đúng pháp. Vị ấy suy nghĩ: "Ta có tài sản, thâu hoạch được do nỗ lực tinh tấn, tích lũy được do sức mạnh cánh tay... thâu hoạch đúng pháp." Nghĩ vậy, vị ấy được lạc, được hỷ. Này Gia chủ, đây gọi là lạc sở hữu.

*(Tăng Chi Bộ Kinh 1. Chương Bốn Pháp.
Phẩm Nghiệp Công Đức. Phần Không Nợ)*

- Hạnh phúc có được tài sản. (A.II.68)

Một người tại gia có được tài sản hợp pháp và công bằng, rồi với tài sản đó anh ta làm nhiều thiện sự và hưởng thụ lạc thú của thế gian một cách đúng đắn. khi anh ta nghĩ đến điều này thì anh ta thấy được hạnh phúc và toại nguyện.

Ở đây, này Gia chủ, thiện nam tử thọ hưởng những tài sản thâu hoạch được do nỗ lực tinh tấn, tích lũy được... thâu hoạch đúng pháp và làm các việc phước đức. Vị ấy nghĩ rằng: "Ta thọ hưởng những tài sản thâu hoạch được do nỗ lực tinh tấn... thâu hoạch đúng pháp và ta làm các phước đức." Nghĩ vậy vị ấy được lạc, được hỷ. Này Gia chủ, đây gọi là lạc tài sản.

*(Tăng Chi Bộ Kinh 1. Chương Bốn Pháp.
Phẩm Nghiệp Công Đức. Phần Không Nợ)*

- Hạnh phúc vì không mắc nợ. (A.II.68)

Một người tại gia không vướng phải nợ nần với ai cả, dù lớn hay nhỏ thì khi anh ta nghĩ đến điều này sẽ làm cho anh ta thấy được hạnh phúc và vừa lòng.

Ở đây, này Gia chủ, vị thiện gia nam tử không có mắc nợ ai một điều gì, ít hay nhiều. Vị ấy nghĩ rằng: "Ta không có mắc nợ ai một điều gì, ít hay nhiều." Nghĩ vậy, vị ấy được lạc, được hỷ. Này Gia chủ, đây gọi là lạc không mắc nợ.

*(Tăng Chi Bộ Kinh 1. Chương Bốn Pháp.
Phẩm Nghiệp Công Đức. Phần Không Nợ)*

- Hạnh phúc vì không bị chê bai. (A.II.68)

Một người tín đồ thuần thành đạt được nhiều phước báu bởi những hành động không chê trách được qua thân, khẩu, ý thì khi người ấy nghĩ đến điều này, người ấy được an lạc, vững niềm tin ở đời này và đời sau.

Ở đây, này Gia chủ, vị Thánh đệ tử thành tựu thân hành không phạm tội, thành tựu khẩu hành không phạm tội, thành tựu ý hành không phạm tội. Vị ấy nghĩ rằng: "Ta thành tựu thân hành không phạm tội, khẩu hành không phạm tội, ý hành không phạm tội". Nghĩ vậy, vị ấy được lạc, được hỷ. Này Gia chủ, đây gọi là lạc không phạm tội.

*(Tăng Chi Bộ Kinh 1. Chương Bốn Pháp.
Phẩm Nghiệp Công Đức. Phần Không Nợ)*

- **Bốn loại tài sản mà con người tích lũy. (Kh.18)**

※ **Angasama nidhāna.**

Những sở hữu có tính chất thực dụng cho cuộc sống như vàng, tiền, đồ trang sức có giá trị và những thứ nhu yếu phẩm khác.

※ **Jangama nidhāna.**

Những sở hữu có thể mang đi được để sử dụng khi phải xa nhà như gia súc và những gia cầm khác.

※ **Thāvara nidhāna.**

Những bất động sản như đất đai, ruộng vườn, nhà ở.

※ **Anugāmika nidhāna.**

Những thiện nghiệp được tích lũy theo sát chúng ta như bóng với hình trong đời này đến đời sau, như vật thừa tự để hỗ trợ chúng ta.

- **Bốn hạng người – cách họ chú ý làm bốn phận của họ.
(A.II.94)**

Này các Tỷ-kheo, có bốn hạng người này có mặt, hiện hữu ở đời. Thế nào là bốn?

Hạng người hướng đến lợi mình, không lợi người (attahitāya paṭipanno no parahitāya).

Hạng người hướng đến lợi người, không lợi mình (parahitāya paṭipanno no attahitāya).

Hạng người không hướng đến lợi mình, không hướng đến lợi người (nevattahitāya paṭipanno no parahitāya).

Hạng người hướng đến lợi mình và lợi người (attahitāya ceva paṭipanno parahitāya ca).

*(Tăng Chi Bộ Kinh 1. Chương Bốn Pháp. Phẩm Asura.
Phần Lợi Minh 1)*

- Bốn ước vọng khó thành. (A.II.65)

Có bốn pháp này, này Gia chủ, khả lạc, khả hỷ, khả ý, khó được ở đời. Thế nào là bốn?

"Mong rằng tài sản khởi lên cho ta đúng pháp". Đây là pháp thứ nhất, khả lạc, khả hỷ, khả ý, khó được ở đời.

"Tài sản đã được đúng pháp, mong rằng tiếng tốt được đồn về ta, cùng với bà con, và các bậc Thầy". Đây là pháp thứ hai, khả lạc, khả hỷ, khả ý, khó được ở đời.

"Tài sản đã được đúng pháp, tiếng tốt đã được đồn về ta, cùng với bà con, và các bậc Thầy, mong rằng ta sống lâu, hộ trì thọ mạng kéo dài". Đây là pháp thứ ba, khả lạc, khả hỷ, khả ý, khó được ở đời.

"Tài sản đã được đúng pháp, tiếng tốt đã được đồn về ta, cùng với bà con, và các bậc Thầy, sau khi được sống lâu, hộ trì thọ mạng kéo dài, mong rằng khi thân hoại mạng chung, ta sanh lên cõi thiện, cõi Trời, cõi đời này". Đây là pháp thứ tư, khả lạc, khả hỷ, khả ý, khó được ở đời.

*(Tăng Chi Bộ Kinh 1. Chương Bốn Pháp. Phẩm Nghiệp
Công Đức. Phần Bốn Nghiệp Công Đức)*

- Bốn điều đưa đến sự thành tựu ước nguyện. (A.II.66)

Này Gia chủ, đối với bốn pháp khả lạc, khả hỷ, khả ý, khó được ở đời này, có bốn pháp đưa đến chứng được những pháp ấy. Thế nào là bốn?

Đầy đủ lòng tin, đầy đủ giới, đầy đủ bố thí, đầy đủ trí tuệ.

Và này Gia chủ, thế nào là đầy đủ lòng tin? Ở đây, này Gia chủ, vị Thánh đệ tử có lòng tin, tin tưởng ở sự giác ngộ của Như Lai: Vị này là bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác, Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhân Sư, Phật, Thế Tôn. Đây gọi là đầy đủ lòng tin.

Và này Gia chủ, thế nào là đầy đủ giới? Ở đây, này Gia chủ, vị Thánh đệ tử từ bỏ sát sanh... từ bỏ đắm say rượu men, rượu nấu. Đây gọi là đầy đủ giới.

Và này Gia chủ, thế nào là đầy đủ bố thí? Ở đây, này Gia chủ, vị Thánh đệ tử sống ở gia đình, tâm không bị cấu uế xan tham chi phối, bố thí rộng rãi, với bàn tay rộng mở, ưa thích từ bỏ, sẵn sàng để được yêu cầu, vui thích san sẻ vật bố thí. Đây gọi là đầy đủ bố thí.

Và này Gia chủ, thế nào là đầy đủ trí tuệ? Đây Gia chủ, sống với tâm bị dục tham chinh phục, làm việc không nên làm, không làm việc nên làm. Do làm việc không nên làm, không làm việc nên làm, vị ấy rời khỏi danh tiếng và an lạc. Đây Gia chủ, sống với tâm bị sân hận chinh phục... sống với tâm bị hôn trầm thuy miên chinh phục... sống với tâm bị trạo hối chinh phục... sống với tâm bị nghi chinh phục, làm việc không nên làm, không làm việc nên làm; do làm việc không nên làm, không làm việc nên làm, vị ấy rời khỏi danh tiếng và an lạc.

Này Gia chủ, Thánh đệ tử ấy, sau khi biết được dục tham là uế nhiễm của tâm, từ bỏ dục tham, uế nhiễm của tâm; sau khi biết được sân hận là uế nhiễm của tâm, từ bỏ sân hận, uế nhiễm của tâm; sau khi biết được hôn trầm thuy miên là uế nhiễm của tâm, từ bỏ hôn trầm thuy miên, uế nhiễm của tâm; sau khi biết được trạo hối là uế nhiễm của tâm, từ bỏ trạo hối, uế nhiễm của tâm; sau khi biết được nghi là uế nhiễm của tâm, từ bỏ nghi, uế nhiễm của tâm; đây gọi là vị Thánh

đệ tử có đại trí tuệ, có trí tuệ rộng lớn, bước vào giới vực mình kiến, đầy đủ trí tuệ. Đây gọi là đầy đủ trí tuệ.

(Tăng Chi Bộ Kinh 1. Chương Bốn Pháp. Phẩm Nghiệp Công Đức. Phần Bốn Nghiệp Công Đức)

- Bốn điều phải làm đưa đến hạnh phúc. (A.IV.280)

✓ Uttānasampadā – Đầy đủ sự tháo vát.

Khéo léo và thuần thục trong nghề nghiệp, năng nổ và chánh đáng trong việc nuôi mạng sống.

Ở đây, này Byagghapajja, thiện nam tử làm nghề gì để sống, hoặc nghề nông, hoặc đi buôn, hoặc nuôi bò, hoặc làm người bắn cung, hoặc làm việc cho vua, hoặc bất cứ nghề gì, trong các nghề ấy, người ấy thiện xảo, không biết mệt, biết suy tư hiểu phương tiện vừa đủ để tự làm và điều khiển người khác làm; này Byagghapajja, đây gọi là đầy đủ sự tháo vát.

✓ Ārakkhasampadā – đầy đủ phòng hộ.

Biết gìn giữ tài sản kiếm được khỏi bị trộm cắp và thiên tai.

Ở đây, này Byagghapajja, những tài sản của thiện nam tử do tháo vát tinh tấn thân tâm được, do sức mạnh bàn tay cất chứa được, do mồ hôi đổ ra đúng pháp, thân tâm được đúng pháp, vì ấy giữ gìn chúng, phòng hộ và bảo vệ: "Làm thế nào các tài sản này của ta không bị vua mang đi, không bị trộm cướp mang đi, không bị lửa đốt, không bị nước cuốn trôi, không bị các người con thừa tự không khả ái cướp đoạt". Này Byagghapajja, đây gọi là đầy đủ sự phòng hộ.

✓ Kalyānamittatā – làm bạn với thiện.

Nên kết giao với những bạn bè đáng tin cậy.

Ở đây, này Byagghapajja, thiện nam tử sống tại làng hay tại thị trấn. Tại đây có gia chủ hay con người gia chủ, những trẻ được nuôi lớn trong giới đức, hay những người lớn tuổi được lớn lên trong giới đức, đầy đủ lòng tin, đầy đủ giới đức, đầy đủ bố thí, đầy đủ trí tuệ, vị ấy làm quen, nói chuyện, thảo luận. Với những người đầy đủ lòng tin, vị ấy học tập với đầy đủ lòng tin. Với những người đầy đủ giới đức, vị ấy học tập với đầy đủ giới đức. Với những người đầy đủ bố thí, vị ấy học tập với đầy đủ bố thí. Với những người đầy đủ trí tuệ, vị ấy học tập với đầy đủ trí tuệ. Này Byagghapajja, đây gọi là làm bạn với thiện.

✓ **Samajīvikatā – sống thẳng bằng điều hòa.**

Phải biết tiêu xài hợp lý trong cuộc sống theo khả năng của mình.

Ở đây, này Byagghapajja, thiện nam tử sau khi biết tài sản nhập, và sau khi biết tài sản xuất, sinh sống một cách điều hòa, không quá phung phí, không quá bôn xén. Vị ấy suy nghĩ: "Đây là tiền nhập của ta, sau khi trừ đi tiền xuất, còn lại như vậy; không phải đây là tiền xuất của ta, sau khi trừ đi tiền nhập, còn lại như vậy". Ví như, này Byagghapajja, người cầm cân hay đệ tử người cầm cân, sau khi cầm cân biết rằng: "Với chùng ấy, cân nặng xuống, hay với chùng ấy, cân bổng lên". Cũng vậy, này Byagghapajja, thiện nam tử sau khi biết tài sản nhập, và sau khi biết tài sản xuất, sinh sống một cách điều hòa, không quá phung phí, không quá bôn xén. Vị ấy suy nghĩ: "Đây là tiền nhập của ta, sau khi trừ đi tiền xuất, còn lại như vậy; không phải đây là tiền xuất của ta, sau khi trừ đi tiền nhập, còn lại như vậy". Này Byagghapajja, nếu thiện nam tử này tiền nhập vào ít, nhưng sống nếp sống rộng rãi, hoang phí, thời người ta nói về người ấy như sau: "Người thiện nam tử này ăn tài sản của vị ấy như ăn trái cây sung". Này Byagghapajja, nếu người thiện nam tử này có tiền nhập lớn, nhưng sống nếp sống

cơ cực, thời người ta sẽ nói về vị ấy như sau: "Người thiện nam tử này sẽ chết như người chết đói". Khi nào, này Byagghapajja, thiện nam tử này, sau khi biết tài sản nhập, và sau khi biết tài sản xuất, sống nếp sống thẳng bằng điều hoà, không quá phung phí, không quá bòn xén. Vị ấy suy nghĩ: "Đây là tiền nhập của ta, sau khi trừ đi tiền xuất, còn lại như vậy; không phải đây là tiền xuất của ta, sau khi trừ đi tiền nhập, còn lại như vậy". Này Byagghapajja, đây gọi là nếp sống thẳng bằng điều hoà.

*(Tăng Chi Bộ Kinh 4. Chương Tám Pháp. Phẩm Gotamī.
Phản Dīghajāṇu, Người Koliya)*

- Chẳng có gì để cho bạn cho là của riêng bạn. (S.III.33)

Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, sắc không phải của các Ông, hãy từ bỏ nó. Từ bỏ nó sẽ đưa lại hạnh phúc, an lạc cho các Ông. Thọ không phải của các Ông... Tưởng không phải của các Ông. Các hành không phải của các Ông... Thức không phải của các Ông, hãy từ bỏ nó. Từ bỏ nó sẽ đưa lại hạnh phúc, an lạc cho các Ông.

(Tương Ưng Bộ Kinh 3. Tương Ưng Uẩn. Phẩm Không Phải Của Các Ông. Phản Không Phải Của Các Ông)

**- Bốn hạng người – cách thức họ uốn nắn cuộc sống của họ.
(S.I.93)**

**** Hạng người sống trong bóng tối và hướng đến bóng tối (tamotamaparāyano).**

Họ có cuộc sống đầy đau khổ và họ tiếp tục tạo thêm tội ác.

Ở đây, thừa Đại vương, có một số người sanh trong gia đình hạ tiện, gia đình kẻ chiêm-đà-la hay gia đình người đàn rồ, hay gia đình người làm bầy sập, hay gia đình người làm xe, hay

gia đình người đồ rác nghèo đói, ăn uống thiếu thốn, sanh kế khó khăn, khó kiếm đồ ăn mặc, và người ấy xấu xí khó nhìn, còm lưng, nhiều bệnh, mù lòa, quẹo tay, bại chân, hay nửa thân tê liệt. Người ấy không nhận được đồ ăn, đồ uống, vải mặc, xe cộ, vòng hoa, hương liệu, phấn sáp, không nhận được chỗ nằm, chỗ ở, đèn đuốc. Người ấy thân làm ác, miệng nói ác, ý nghĩ ác. Do thân làm ác, miệng nói ác, ý nghĩ ác, sau khi thân hoại mạng chung, người ấy sanh vào cõi dữ, ác thú, đọa xứ, địa ngục. Thưa Đại vương, ví như một người đi từ tối tăm này đến tối tăm khác, hay đi từ hắc ám này đến hắc ám khác, hay từ vết máu đỏ này đến vết máu đỏ khác. Thưa Đại vương, Ta nói người ấy với ví dụ như vậy. Thưa Đại vương, như vậy là người sống trong bóng tối, hướng đến bóng tối.

**** *Hang người sống trong bóng tối và hướng đến ánh sáng (tamojotiparāyano).***

Bởi nhờ sự hiểu biết rằng họ đang chịu sự đau khổ trong đời này là do nơi ác nghiệp ở đời trước nên họ cố gắng tu tập những phẩm hạnh cao quý trong đời này và...

Ở đây, thưa Đại vương, có một số người sanh trong gia đình hạ tiện, gia đình kẻ chiêm-đà-la, hay gia đình người đàn rồ, hay gia đình người làm bầy sập, hay gia đình người làm xe, hay gia đình người đồ rác, nghèo đói, ăn uống thiếu thốn, sanh kế khó khăn, khó kiếm đồ ăn mặc. Và người ấy xấu xí, khó nhìn, còm lưng, nhiều bệnh, mù lòa, quẹo tay, bại chân hay nửa thân tê liệt. Người ấy không nhận được đồ ăn, đồ uống, vải mặc, xe cộ, vòng hoa, hương liệu, phấn sáp, không nhận được chỗ nằm, chỗ ở, đèn đuốc. Người ấy thân làm thiện, miệng nói thiện, ý nghĩ thiện. Do thân làm thiện, miệng nói thiện, ý nghĩ thiện, sau khi thân hoại mạng chung người ấy được sanh lên thiện thú, Thiên giới, cõi đời này. Thưa Đại vương, ví như một người từ đất leo lên kiệu, hay từ kiệu leo lên lưng ngựa, hay từ lưng ngựa leo lên thân voi, hay từ thân voi leo lên lầu. Thưa Đại

vương, Ta nói người ấy với ví dụ như vậy. Thừa Đại vương, như vậy là người sống trong bóng tối hướng đến ánh sáng.

**** Hạng người sống trong ánh sáng và hướng đến bóng tối (jotitamaparāyano).**

Họ đang vui hưởng cuộc sống tốt đẹp của họ có được do nhờ thiện nghiệp kiếp trước, giờ đây họ lại tạo ra ác nghiệp.

Ở đây, thừa Đại vương, có số người sanh ra trong gia đình cao quý, trong gia đình Sát-đế-ly đại phú, hay trong gia đình Bà-la-môn đại phú, hay trong gia đình gia chủ đại phú, phú hào có tiền của lớn, có tài sản lớn, có nhiều vàng và bạc, có nhiều tài sản vật dụng, nhiều tiền của, ngũ cốc. Người ấy đẹp trai, dễ nhìn, dễ thương, với màu da tuyệt đẹp, mỹ miều. Người ấy lại nhận được đồ ăn, đồ uống, áo mặc, xe cộ, vòng hoa, hương liệu, phấn sáp, chỗ nằm, chỗ trú, đèn đuốc. Người ấy, thân làm ác, miệng nói ác, ý nghĩ ác. Do thân làm ác, miệng nói ác, ý nghĩ ác, sau khi thân hoại mạng chung, người ấy sanh vào cõi dữ, ác thú, đọa xứ, địa ngục. Ví như, thừa Đại vương, một người từ lầu leo xuống thân voi, hay từ thân voi leo xuống lưng ngựa, hay từ lưng ngựa leo xuống chiếc kiệu, hay từ chiếc kiệu leo xuống đất, hay từ đất leo xuống lòng đất tối tăm. Thừa Đại vương, Ta nói người ấy với ví dụ như vậy. Thừa Đại vương, như vậy là người sống trong ánh sáng hướng đến bóng tối.

**** Hạng người sống trong ánh sáng và hướng đến ánh sáng (jotijotiparāyano).**

Trong lúc thọ hưởng cuộc sống hạnh phúc ở đời này, họ lại tiếp tục tạo thêm nhiều thiện pháp hơn nữa để có được hạnh phúc hơn nữa trong kiếp vị lai của họ.

Ở đây, thừa Đại vương, có người sanh ra trong gia đình cao quý, trong gia đình Sát-đế-ly đại phú, hay trong gia đình Bà-la-môn đại phú, hay trong gia đình gia chủ đại phú, phú

hào, có tiền của lớn, có tài sản lớn, có nhiều vàng và bạc, có nhiều tài sản vật dụng, có nhiều tiền của, ngũ cốc. Và người ấy đẹp trai, dễ nhìn, dễ thương, với màu da tuyệt đẹp, mỹ miều. Người ấy lại nhận được đồ ăn, đồ uống, vải mặc, xe cộ, vòng hoa, hương liệu, phấn sáp, chỗ nằm, chỗ trú, đèn đuốc. Người ấy thân làm thiện, miệng nói thiện, ý nghĩ thiện. Do thân làm thiện, miệng nói thiện, ý nghĩ thiện, người ấy khi thân hoại mạng chung được sanh lên thiện thú, Thiên giới, cõi đời này. Ví như, thừa Đại vương, một người từ chiếc kiệu này bước qua chiếc kiệu khác, hay từ lưng ngựa này bước qua lưng ngựa khác, hay từ thân voi này bước qua thân voi khác, hay từ lầu này bước qua lầu khác. Thừa Đại vương, Ta nói người ấy với ví dụ như vậy. Thừa Đại vương, như vậy là người sống trong ánh sáng, hướng đến ánh sáng.

(*Tương Ưng Bộ Kinh 1. Tương Ưng Kosala.
Phẩm Thứ Ba. Phần Người*)

- Sử dụng thích hợp tài sản khó kiếm được. (A.61)

- Một người biết lo liệu để làm cho anh ta được hạnh phúc, vui vẻ, hòa đồng với cha mẹ, vợ con, tôi tớ và công nhân cùng với bạn bè.
- Anh ta bảo vệ tài sản khỏi bị thiệt hại trong mọi trường hợp không may mắn.
- Anh ta hoàn thành trách nhiệm của mình đối với quyền thuộc, khách khứa, những người quá cố (peta), với chánh quyền và với chư thiên (deva).
- Anh ta thường xuyên hộ độ các vị sa môn và Bà-la-môn nhằm làm trong sạch nội tâm và được an lạc.

- Sự nguy hại của các chất say. (D.III.182)

Này Gia chủ tử, đam mê các loại rượu có sáu nguy hiểm: Tài sản hiện tại bị tổn thất, đấu tranh tăng trưởng, bệnh tật dễ xâm nhập, thương tổn danh dự, để lộ âm tàng, và thứ sáu là trí lực tổn hại. Này Gia chủ tử, đam mê các loại rượu có sáu nguy hiểm như vậy.

(Kinh Trường Bộ 2. Kinh Giáo Thọ Thi-Ca-La-Việt)

- Những nguyên nhân làm tiêu hao tài sản. (D.III.182)

Này Gia chủ tử, đam mê các loại rượu là nguyên nhân phung phí tài sản. Du hành đường phố phi thời là nguyên nhân phung phí tài sản. La cà đình đám hí viện là nguyên nhân phung phí tài sản. Đam mê cờ bạc là nguyên nhân phung phí tài sản. Giao du ác hữu là nguyên nhân phung phí tài sản. Quen thói lười biếng là nguyên nhân phung phí tài sản.

(Kinh Trường Bộ 2. Kinh Giáo Thọ Thi-Ca-La-Việt)

- Phân chia tài sản trong việc chi xài. (D.III.188)

Một người trí phải biết chia tài sản mình kiếm được trong việc chi dùng thành bốn phần :

*Catudhā vibhaje bhoge,
Sa ve mittāni ganthati.
Ekena bhoge bhuñjeyya,
Dvīhi kammaṃ payojaye;
Catutthañca nidhāpeyya,
Āpadāsu bhavissati.*

*Tài sản cần chia bốn
Để kết hợp bạn bè:*

*Một phần mình an hưởng,
Hai phần dành công việc,
Phần tư, phần để dành,
Phòng khó khăn hoạn nạn.*

(Kinh Trường Bộ 2. Kinh Giáo Thọ Thi-Ca-La-Việt)

8. 2. PHỤC VỤ CHO NGƯỜI KHÁC.

**- Bạn có liên quan đến thế gian qua sáu hướng (những phương hướng bình thường của thế gian của bạn).
(D.III.192-193)**

Này Gia chủ tử, vị Thánh đệ tử hộ trì sáu phương như thế nào? Này Gia chủ tử, sáu phương này cần được hiểu như sau: Phương Đông cần được hiểu là cha mẹ. Phương Nam cần được hiểu là sư trưởng. Phương Tây cần được hiểu là vợ con. Phương Bắc cần được hiểu là bạn bè. Phương Dưới cần được hiểu là tôi tớ, lao công. Phương Trên cần được hiểu là Sa-môn, Bà-la-môn.

(Kinh Trường Bộ 2. Kinh Giáo Thọ Thi-Ca-La-Việt)

Cách thức liên hệ của mỗi cá nhân đối với xã hội đóng vai trò giúp đỡ con người biết cách tổ chức cuộc sống của mỗi người để duy trì mối liên hệ tốt đẹp nhất đối với xã hội. Thật ra thì mỗi người có mười hai mối liên hệ đối với xã hội, bởi vì sự liên hệ của mỗi cá nhân đối với xã hội luôn luôn là một mối tương quan.

- Những bốn phận thật sự của cha mẹ là gì? (A.I.61)

Có hai hạng người, này các Tỷ-kheo, ta nói không thể trả ơn được. Thế nào là hai? Mẹ và Cha. Nếu một bên vai cõng mẹ, này các Tỷ-kheo, nếu một bên vai cõng cha, làm vậy suốt

trăm năm, cho đến trăm tuổi; nếu đầm bóp, thoa xức, tắm rửa, xoa gội, và dầu tại đây, mẹ cha có vài tiểu tiện đại tiện, như vậy, này các Tỷ-kheo, cũng chưa làm đủ hay trả ơn đủ mẹ và cha. Hơn nữa, này các Tỷ-kheo, nếu có an trí cha mẹ vào quốc độ với tối thượng uy lực, trên quả đất lớn với bảy báu này, như vậy, này các Tỷ-kheo, cũng chưa làm đủ hay trả ơn đủ mẹ và cha. Vì có sao? Vì rằng, này các Tỷ-kheo, cha mẹ đã làm nhiều cho con cái, nuôi nấng, nuôi dưỡng chúng lớn, giới thiệu chúng vào đời này. Nhưng này các Tỷ-kheo, ai đối với cha mẹ không có lòng tin, khuyến khích, hướng dẫn an trú các vị ấy vào lòng tin; đối với mẹ cha theo ác giới, khuyến khích, hướng dẫn, an trú các vị ấy vào thiện giới; đối với mẹ cha xan tham, khuyến khích, hướng dẫn, an trú các vị ấy vào bố thí; đối với mẹ cha theo ác trí tuệ, khuyến khích, hướng dẫn, an trú các vị ấy vào trí tuệ. Cho đến như vậy, này các Tỷ-kheo, là làm đủ và trả ơn đủ mẹ và cha.

(Tăng Chi Bộ Kinh 1. Chương Hai Pháp.
Phẩm Tâm Thăng Bằng. Phần Đất)

- Bốn phận con đối với cha mẹ. (D.III.189)

Này Gia chủ tử, có năm trường hợp, người con phải phụng dưỡng cha mẹ như phượng Đông:

Được nuôi dưỡng, tôi sẽ nuôi dưỡng lại cha mẹ (bhato ne bharissāmi).

Tôi sẽ làm bốn phận đối với cha mẹ (kiccaṃ nesaṃ karissāmi).

Tôi sẽ gìn giữ gia đình và truyền thống (kulavaṃsaṃ thapessāmi).

Tôi bảo vệ tài sản thừa tự (dāyajjaṃ paṭipajjāmi).

Tôi sẽ làm tang lễ khi cha mẹ qua đời (atha vā pana petānaṃ kālāṇkatānaṃ dakkhiṇaṃ anuppadassāmīti).

(Kinh Trường Bộ 2. Kinh Giáo Thọ Thi-Ca-La-Việt)

- Bốn phận của học trò đối với thầy. (D.III.189)

Này Gia chủ tử, có năm cách, đệ tử phụng dưỡng các bậc sư trưởng như phượng Nam:

Đứng dậy để chào (uṭṭhānena).

Hầu hạ thầy (upaṭṭhānena).

Hăng hái học tập (sussusāya).

Tự phục vụ thầy (pāricariyāya).

Chú tâm học hỏi nghề nghiệp (sakkaccaṃ sippapaṭiggahaṇena).

(Kinh Trường Bộ 2. Kinh Giáo Thọ Thi-Ca-La-Việt)

- Bốn phận của vợ đối với chồng. (D.III.190)

Này Gia chủ tử, được chồng đối xử như phượng Tây theo năm cách như vậy, người vợ có lòng thương tưởng chồng theo năm cách:

Thi hành tốt đẹp bốn phận của mình (susaṃvihitakammantā ca hoti).

Khéo tiếp đón bà con (saṅgahitaparijanā ca).

Trung thành với chồng (anaticārinī ca).

Khéo gìn giữ tài sản của chồng (sambhatañca anurakkhati).

Khéo léo và nhanh nhẹn làm mọi công việc (dakkhā ca hoti analasā sabbakiccesu).

(Kinh Trường Bộ 2. Kinh Giáo Thọ Thi-Ca-La-Việt)

- Bốn phận của chồng đối với vợ (D.III.190)

Này Gia chủ tử, có năm cách, người chồng phải đối xử với vợ như phương Tây:

Kính trọng vợ (sammānanāya).

Không bắt kính đối với vợ (anavamānanāya).

Trung thành với vợ (anaticariyāya).

Giao quyền hành cho vợ (issariyavossaggena).

Sắm đồ nữ trang với vợ (alaṅkāranuppadānena).

(Kinh Trường Bộ 2. Kinh Giáo Thọ Thi-Ca-La-Việt)

- Bốn phận cha mẹ đối với con. (D.III.189)

Này Gia chủ tử, được con phụng dưỡng như phương Đông, theo năm cách như vậy, cha mẹ có lòng thương tưởng đến con theo năm cách:

Ngăn chặn con làm điều ác (pāpā nivārenti).

Khuyến khích con làm điều thiện (kalyāṇe nivesenti).

Dạy con nghề nghiệp (sippaṃ sikkhāpentī).

Cưới vợ xứng đáng cho con (patirūpena dārena saṃyojenti).

Đúng thời trao của thừa tự cho con (samaye dāyajjaṃ niyyādenti).

(Kinh Trường Bộ 2. Kinh Giáo Thọ Thi-Ca-La-Việt)

- Bỏn phận đối với bạn bè, thân hữu. (D.III.190)

Này Gia chủ tử, có năm cách vị thiện nam tử đối xử với bạn bè như phương Bắc:

Bố thí (dānena).

Ái ngữ (peyyavajjena).

Lợi hành (atthacariyāya).

Đồng sự (samānattatāya).

Không lường gạt (avisamvādanatāya).

(Kinh Trường Bộ 2. Kinh Giáo Thọ Thi-Ca-La-Việt)

- Bỏn phận của chủ đối với người giúp việc. (D.III.191)

Này Gia chủ tử, có năm cách một vị Thánh chủ nhân đối xử với hạng nô bộc như phương Dưới:

Giao việc đúng theo sức lực của họ (yathābalaṃ kammantasamvidhānena).

Lo cho họ ăn uống và tiền lương (bhattavetanānuppadānena).

Điều trị cho họ khi bệnh hoạn (gilānupaṭṭhānena).

Chia sẻ các mỹ vị đặc biệt cho họ (acchariyānaṃ rasānaṃ samvibhāgena).

Thỉnh thoảng cho họ nghỉ phép (samaye vossaggena).

(Kinh Trường Bộ 2. Kinh Giáo Thọ Thi-Ca-La-Việt)

- Phận sự đối với bậc tu hành. (D.III.191)

Này Gia chủ tử, có năm cách vị thiện nam tử đối xử với các vị Sa-môn, Bà-la-môn như phượng Trên:

Có lòng từ trong hành động về thân (*mettena kāyakammena*).

Có lòng từ trong hành động về khẩu (*mettena vacīkammena*).

Có lòng từ trong hành động về ý (*mettena manokammena*).

Mở rộng cửa để đón các vị ấy (*anāvaṭadvāratāya*).

Cúng dường các vị ấy các vật dụng cần thiết (*āmisānuppādānena*).

(Kinh Trường Bộ 2. Kinh Giáo Thọ Thi-Ca-La-Việt)

- Bốn phận của vua. (Jā.532)

Làm vua cần phải có một tấm lòng nhân hậu, phải biết chăm lo cho dân về mọi mặt. nhà vua như cha mẹ đối với thần dân của mình. bốn cách xử sự sau đây để cho nhà vua nên theo, để lo cho thần dân, hầu tỏ sự thành tâm, thiện ý của mình.

✚ Dāna – rộng lượng

✚ Piya vācana – lời nói ôn hòa.

✚ Atthacariyā – công hiến sự an sinh cho dân chúng.

✚ Samānattatā – bình đẳng với mọi người.

*Dānañca peyyavajjañca,
Atthacariyā ca yā idha;
Samānattatā ca dhammesu,
Tattha tattha yathārahaṃ;
Ete kho saṅgahā loke,
Rathassānīva yāyato*

- Thầy dạy đáp lại lòng thương yêu của học trò như thế nào? (D.III.189)

Này Gia chủ tử, được đệ tử phụng dưỡng như phượng Nam theo năm cách như vậy, các bậc sư trưởng có lòng thương tưởng đến các đệ tử theo năm cách:

Huấn luyện đệ tử những gì mình đã được khéo huấn luyện (suvinītaṃ vinenti).

Dạy cho bảo trì những gì mình được khéo bảo trì (suggahitaṃ gāhāpenti).

Dạy cho thuần thục các nghề nghiệp (sabbasippassutaṃ samakkhāyino bhavanti).

Khen đệ tử với các bạn bè quen thuộc (mittāmaccesu paṭiyādenti).

bảo đảm nghề nghiệp cho đệ tử về mọi mặt (disāsu parittāṇaṃ karonti).

(Kinh Trường Bộ 2. Kinh Giáo Thọ Thi-Ca-La-Việt)

- Bạn bè, bằng hữu biểu lộ sự thương yêu nhau như thế nào? (D.III.190)

Này Gia chủ tử, được vị thiện nam tử đối xử như phượng Bắc theo năm cách như vậy, bạn bè có lòng thương kính vị thiện nam tử theo năm cách:

Che chở nếu vị thiện nam tử phóng túng (pamattaṃ rakkhanti).

Bảo trì tài sản của vị thiện nam tử nếu vị này phóng túng pamattassa sāpateyyaṃ rakkhanti).

Trở thành chỗ nương tựa khi vị thiện nam tử gặp nguy hiểm (bhītaṃ saraṇaṃ honti).

Không tránh xa khi vị thiện nam tử gặp khó khăn (āpadāsu na vijahanti).

Kính trọng gia đình của vị thiện nam tử (aparapajā cassa paṭipūjenti).

(Kinh Trường Bộ 2. Kinh Giáo Thọ Thi-Ca-La-Việt)

- Người giúp việc tỏ lòng yêu thương của mình với chủ như thế nào? (Đ.III.191)

Này Gia chủ tử, các hàng nô bộc được Thánh chủ nhân đối xử như phương Dưới với năm cách như kia, có lòng thương tưởng đối với vị chủ nhân theo năm cách như sau:

Dậy trước khi chủ dậy (pubbuṭṭhāyino ca honti).

Đi ngủ sau chủ (pacchā nipātino ca).

Tự bằng lòng với các vật đã cho (dinnādāyino ca).

Khéo làm các công việc (sukatakammakarā ca).

Dem danh tiếng tốt đẹp cho chủ (kittivaṇṇaharā ca).

(Kinh Trường Bộ 2. Kinh Giáo Thọ Thi-Ca-La-Việt)

- Các bậc tu hành chăm lo cho hàng cư sĩ ra sao? (D.III.191)

Này Gia chủ tử, các vị Bà-la-môn, Sa-môn được vị thiện nam tử đối xử như phương Trên theo năm cách như vậy, có lòng thương tưởng vị thiện nam tử ấy theo sáu cách sau đây:

Ngăn họ không làm điều ác (*pāpā nivārenti*).

Khuyến khích họ làm điều thiện (*kalyāṇe nivesanti*).

Thương xót họ với tâm từ bi (*kalyāṇena manasā anukampanti*).

Dạy họ những điều chưa nghe (*assutaṃ sāvanti*).

Làm cho thanh tịnh điều đã được nghe (*sutaṃ pariyodāpenti*).

Chỉ bày con đường đưa đến cõi Trời (*saggassa maggaṃ ācikkhanti*).

(Kinh Trường Bộ 2. Kinh Giáo Thọ Thi-Ca-La-Việt)

- Hãy khôn khéo khi phục vụ người khác. (Dhp.166)

*Attadatthaṃ paratthena,
Bahunāpi na hāpaye;
Attadatthamabhiññāya,
Sadatthapasuto siyā.*

*Dầu lợi người bao nhiêu,
Chớ quên phần tư lợi,
Nhờ thắng trí tư lợi.
Hãy chuyên tâm lợi mình.*

- Hãy lo việc của bạn. (Dhp.50)

*Na paresaṃ vilomāni,
Na paresaṃ katākaṭaṃ;*

*Attanova avekkheyya,
Katāni akatāni ca.*

*Không nên nhìn lỗi người,
Người làm hay không làm.
Nên nhìn tự chính mình,
Có làm hay không làm.*

- Đừng lo việc ác vì lợi ích cho người. (Dhp.84)

*Na attahetu na parassa hetu,
Na puttamicche na dhanam na raṭṭham;
Na iccheyya adhammena samiddhimattano,
Sa sīlavā paññavā dhammiko siyā.*

*Không vì mình, vì người.
Không cầu được con cái,
Không tài sản quốc độ,
Không cầu mình thành tựu,
Với việc làm phi pháp.
Vị ấy thật trì giới,
Có trí tuệ, đứng pháp.*

8. 3. SỰ BẮT ĐỊNH TRONG NHỮNG ĐIỀU KIỆN CỦA THẾ GIAN.

- Bản chất của điều kiện trong thế gian. (A.IV.156)

- *Lābho* – được.
- *Alābho* – mất.
- *Ayaso* – danh tiếng xấu.
- *Yaso* – danh tiếng tốt.
- *Nindā* – chê trách.

- *Pasamsā* – khen ngợi.
- *Sukha* – hạnh phúc.
- *Dukkha* – đau khổ.

Được, mất ám ảnh trong tâm trí và ngự trị ở đó. Con người chào đón sự được và phản đối sự mất mát; đón chào danh thơm tiếng tốt và phản đối tiếng xấu; vì vậy, để vượt qua được những nỗi ám ảnh này bằng sự luồn cúi và gây hận thù, con người phải đối mặt với sầu, ưu, khổ não và đau khổ.

*Lābho alābho ca yasāyaso ca,
Nindā pasamsā ca sukhaṃ dukhañca;
Ete aniccā manujesu dhammā,
Asassatā vipariṇāmadhammā.*

*Lợi dưỡng, không lợi dưỡng,
Danh vọng, không danh vọng
Tán thán và chỉ trích
An lạc và đau khổ
Những pháp này vô thường
Không thường hằng biến diệt.*

- Cõi chùng sự dối trá bên ngoài. (S.I.79)

*Na vaṇṇarūpena naro sujāno,
Na vissase ittaradassanena;
Susaññatānañhi viyañjanena,
Asaññatā lokamimaṃ caranti.*

*Như bông tai bằng đất,
Giả dạng bông tai thật,
Như nửa tiền bằng đồng ,
Được sơn phết lớp vàng.
Một số sống che đậy,
Ẩn kín dưới bề ngoài,*

*Nội thân thật bất tịnh,
Mặt ngoài giả mỹ diệu.*

*Patirūpako mattikākundalova,
Lohaḍḍhamāsova suvaṇṇachanno;
Caranti loke parivārachannā,
Anto asuddhā bahi sobhamāna.*

*Không phải do sắc tướng,
Biết rõ được con người,
Không phải nhìn thoáng qua,
Đặt được lòng tin cậy.
Dưới bộ áo đạo đức,
Với hình tướng tự chế,
Những kẻ sống buông thả,
Sống phây phây đời này.*

*(Trương Ứng Bộ Kinh I. Trương Ứng Kosala.
Phẩm Thứ Hai. Phần Bện Tóc)*

- Bốn bánh xe của sự thịnh vượng. (A.II.31)

Có bốn bánh xe này, này các Tỷ-kheo, thành tựu với chúng, bốn bánh xe được vận chuyển giữa chư Thiên và loài Người thành tựu với chúng, chư Thiên và loài người không bao lâu đạt đến sự lớn mạnh, tăng thịnh trong các tài sản. Thế nào là bốn?

Trú xứ thích hợp (patirūpadesavāso).

Thân cận các bậc Chân nhân (sappurisāvassayo).

Tự nguyện chân chánh (attasammāpaṇidhi).

Trước đã làm phước (pubbe ca katapuññatā).

- Hãy tính toán sự an lạc của bạn. (Dhp.204)

*Ārogyaparamā lābhā,
Santutṭhiparamaṃ dhanam;
Vissāsaparamā ñāti
Nibbānaṃ paramaṃ sukhaṃ.*

*Không bệnh, lợi tối thượng,
Biết đủ, tiền tối thượng,
Thành tín đối với nhau,
Là bà con tối thượng.
Niết Bàn, lạc tối thượng.*

- Hạnh phúc tối thượng. (Sn.268)

*Phuṭṭhasa lokadhammehi,
Cittaṃ yassa na kampati;
Asokaṃ virajaṃ khemaṃ,
Etaṃ maṅgalamuttamaṃ*

*Khi xúc chạm việc đời,
Tâm không động, không sầu,
Không uế nhiễm, an ổn
Là điềm lành tối thượng.*

- Sống an lạc. (Dhp.197)

*Susukhaṃ vata jīvāma,
Verinesu averino;
Verinesu manussesu,
Viharāma averino.*

*Vui thay, chúng ta sống,
Không hận, giữa hận thù!*

Giữa những người thù hận,
Ta sống, không hận thù!

- Sống với tâm thanh tịnh. (Dhp.200)

*Susukham vata jīvāma,
Yesam no natthi kiñcanaṃ;
Pītibhakkhā bhavissāma,
Devā ābhassarā yathā.*

Vui thay chúng ta sống,
Không gì, gọi của ta.
Ta sẽ hưởng hỷ lạc,
Như chư thiên Quang Âm.

- Không ai hoàn toàn bị chê hay được khen. (Dhp.227-228)

*Porāṇametam atula,
Netaṃ ajjatanāmiva;
Nindanti tuṇhimāsīnaṃ,
Nindanti bahubhāṇinaṃ;
Mitabhāṇimpi nindanti,
Natthi loke anindito.*

A-tu-la, nên biết,
Xưa vậy, nay cũng vậy,
Ngồi im, bị người chê,
Nói nhiều bị người chê.
Nói vừa phải, bị chê.
Làm người không bị chê,
Thật khó tìm ở đời.

*Na cāhu na ca bhavissati,
Na cetarahi vijjati;
Ekantaṃ nindito poso,*

Ekantaṃ vā paśaṃsito.

Xưa, vị lai, và nay,
Đâu có sự kiện này,
Người hoàn toàn bị chê,
Người trọn vẹn được khen.

- Hãy bình thản trước sự khen chê. (Dhp.81)

*Selo yathā ekaghano
Vātena na samīrati;
Evaṃ nindāpaśaṃsāsu,
Na samīñjanti paṇḍitā.*

Như đá tảng kiên cố,
Không gió nào giao động,
Cũng vậy, giữa khen chê,
Người trí không giao động.

- Tại sao có một số gia đình được thăng tiến? (A.II.249)

Phàm những gia đình nào, này các Tỷ-kheo, đạt đến sự lớn mạnh trong các tài sản, không được tồn tại lâu dài; tất cả đều do bốn sự kiện ấy hay là một trong những sự kiện này. Thế nào là bốn?

Không tìm những gì đã mất; không sửa lại cái gì đã già yếu; ăn và uống quá độ; đặt ác giới nữ nhân, nam nhân trong địa vị tối thấp. Phàm những gia đình nào, này các Tỷ-kheo, đạt đến sự lớn mạnh trong các tài sản, không được tồn tại lâu dài; tất cả đều do bốn sự kiện ấy hay là một trong những sự kiện này.

Phàm những gia đình nào, này các Tỷ-kheo, đạt đến sự lớn mạnh trong các tài sản, được tồn tại lâu dài; tất cả đều do bốn sự kiện ấy hay là một trong những sự kiện này. Thế nào là bốn?

Tìm những gì đã mất; sửa lại cái gì đã già yếu; ăn và uống không quá độ; đặt nữ nhân, nam nhân có giới trong địa vị tối thắng. Phàm những gia đình nào, này các Tỷ-kheo, đạt đến sự lớn mạnh trong các tài sản, được tồn tại lâu dài; tất cả đều do bốn sự kiện ấy hay là một trong những sự kiện này.

(Tăng Chi Bộ Kinh 2. Chương Bốn Pháp. Phẩm Thắng Trí.

Phân Lợi Ích Cho Gia Đình)

- Những vấn đề trong cuộc sống tại gia. (Sn.406)

*Sambādhoyaṃ gharāvāso,
Rajassāyatanaṃ iti;
Abbhokāsova pabbajjā,
Iti disvāna pabbaji.*

*Trời buộc, sống gia đình,
Tụ hội mọi bụi đời,
Phóng khoáng, đời xuất gia,
Thấy vậy nên xuất gia.*

- Sự nhàn nhã làm hư cuộc sống. (Dhp.155)

*Acaritvā brahmacariyaṃ,
Aladdhā yobbane dhanam;
Jiṇṇakoñcāva jhāyanti,
Khīṇamaccheva pallale.*

*Lúc trẻ, không phạm hạnh,
Không tìm kiếm bạc tiền.
Như cò già bên ao,
Ủ rử, không tôm cá.*

- Kẻ ngu thật sự. (Dhp.63)

*Yo bālo maññati bālyam,
Paṇḍito vāpi tena so;
Bālo ca paṇḍitamānī,
Sa ve ‘bālo’ ti vuccati.*

*Người ngu nghĩ mình ngu,
Nhờ vậy thành có trí.
Người ngu tưởng có trí,
Thật xứng gọi chí ngu.*

- Hãy làm người chặn các đệ tử. (M.I.324)

"Như bò mẹ với bò con, khi nó đang ăn cỏ luôn để mắt ngó chừng bò con. Cũng dường thế ấy, này các Tỷ-khưu, rất phù hợp cho một người có đầy đủ chánh kiến nên dòm chừng nhiều việc cho đệ tử thực hành khi họ đang trên một đạo lộ".

8. 4. HẠNH PHÚC CỦA CỘNG ĐỒNG.

- Mười bốn phận của người. (A.10)

- Phụng dưỡng cha mẹ.
- Chăm sóc con cái.
- Ân cần chăm sóc vợ con.
- Duy trì mối hòa hảo trong cuộc sống lứa đôi.

- Giúp đỡ quyến thuộc.
- Tôn kính bậc trưởng thượng.
- Tưởng nhớ đến chư thiên và hồi hướng phước cho họ.
- Tưởng nhớ đến người quá cố bằng cách tạo thiện pháp để hồi hướng cho họ.
- Thực hiện nghĩa vụ đối với xã hội và các việc từ thiện.
- Sống đời chân chánh.

- Chúng sanh thuộc bốn nhóm. (Puggalapaññatti)

- Hạng người chịu đau khổ trong cuộc sống như ở địa ngục.
- Hạng người có cuộc sống sầu khổ và đầy bất hạnh như khổ cảnh của quỷ ma.
- Hạng người bị khổ sở bởi những nỗi sợ hãi và luôn sân hận như thú vật.
- Hạng người có một cuộc sống đáng kính bởi còn duy trì được thân phận của con người. Họ thật sự là người.

- Bảy pháp làm cho một cộng đồng phát triển. (D.II.74-75)

Này Ānanda, khi nào dân Vajjī thường hay tụ họp và tụ họp đông đảo với nhau, thời này Ānanda, dân Vajjī sẽ được cường thịnh, không bị suy giảm.

Này Ānanda, khi nào nghe dân Vajjī tụ họp trong niệm đoàn kết, giải tán trong niệm đoàn kết, và làm việc trong niệm đoàn kết, này Ānanda dân Vajjī sẽ được cường thịnh, không bị suy giảm.

Này Ānanda khi nào dân Vajjī, không ban hành những luật lệ không được ban hành, không hủy bỏ những luật lệ đã được ban hành, sống đúng với truyền thống của dân Vajjī như đã ban hành thuở xưa thời, này Ānanda, dân Vajjī sẽ được cường thịnh, không bị suy giảm.

Này Ānanda, khi nào dân Vajjī tôn sùng, kính trọng, đánh lễ, cúng dường các bậc trưởng lão Vajjī và nghe theo lời dạy của những vị này, thời dân Vajjī sẽ được cường thịnh, không bị suy giảm.

Này Ānanda, khi nào Vajjī không có bắt cóc và cưỡng ép những phụ nữ và thiếu nữ Vajjī phải sống với mình thời, này Ānanda, dân Vajjī sẽ được cường thịnh, không bị suy giảm.

Này Ānanda, khi nào dân Vajjī tôn sùng, kính trọng, đánh lễ, cúng dường các tự miếu của Vajjī ở tỉnh thành và ngoài tỉnh thành, không bỏ phế các cúng lễ đã cúng từ trước, đã làm từ trước đúng với quy pháp, thời này Ānanda, dân Vajjī sẽ được cường thịnh, không bị suy giảm.

Này Ānanda, khi nào dân Vajjī bảo hộ, che chở, ủng hộ đúng pháp các vị A-la-hán ở tại Vajjī khiến các vị A-la-hán chưa đến sẽ đến trong xứ, và những vị A-la-hán chưa đến sẽ đến trong xứ và những vị A-la-hán đã đến được sống an lạc, thời này Ānanda, dân Vajjī sẽ được cường thịnh, không bị suy giảm.

(Trường Bộ Kinh I. Kinh Đại Bát Níp-Bàn)

- Mười việc phải làm để được thành quả cao hơn. (A.V.136)

Mười việc sau đây làm tăng trưởng mười thành quả được ưa thích, được vừa lòng nhưng khó thực hiện ở thế gian.

Này các Tỷ-kheo, đối với mười pháp khả lạc, khả hỷ, khả ý khó tìm được ở đời này, mười pháp là những thức ăn. Thế nào là mười?

Không thụ động, hăng hái là món ăn cho các tài sản (*uttāhāṇaṃ anālasyaṃ bhogaṇaṃ āhāro*).

Trang sức, tô điểm là món ăn cho dung sắc (*maṇḍanā vibhūsanā vaṇṇassa āhāro*).

Hành động thích ứng là món ăn cho không bệnh (*sappāyakiriyā ārogyassa āhāro*).

Bạn bè với thiện bằng hữu là thức ăn cho các giới đức (*kalyāṇamittatā sīlānaṃ āhāro*).

Chế ngự các căn là thức ăn cho Phạm hạnh (*indriya-saṃvaro brahmacariyassa āhāro*).

Không có lừa dối là thức ăn cho bạn bè (*avisaṃvādanā mittānaṃ āhāro*).

Học tập là thức ăn cho nhiều trí (*sajjhāyakiriyā bāhusaccassa āhāro*).

Đa văn là thức ăn cho trí tuệ (*sussūsā paripucchā paññāya āhāro*).

Chú tâm quán sát là thức ăn cho các pháp (*anuyogo paccavekkhaṇā dhammānaṃ āhāro*).

Chánh hạnh là thức ăn cho Thiên giới (*sammāpaṭipatti saggānaṃ āhāro*).

Này các Tỷ-kheo, đối với mười pháp khả lạc, khả hỷ, khả ý khó tìm được ở đời này, mười pháp này là những thức ăn.

(Tăng Chi Bộ Kinh 5. Chương Mười Pháp.
Phẩm Ước Nguyện. Phần Khả Lạc)

- Nguyên nhân của cuộc chiến không có gì ngoài ích kỷ và tham ái. (M.I.86)

Này các Tỷ-kheo, do dục làm nhân, do dục làm duyên, do dục làm nguyên nhân, do chính dục làm nhân, vua tranh đoạt với vua, Sát-đế-lị tranh đoạt với Sát-đế-lị, Bà-la-môn tranh đoạt với Bà-la-môn, gia chủ tranh đoạt với gia chủ, mẹ tranh đoạt với con, con tranh đoạt với mẹ, cha tranh đoạt với con, con tranh đoạt với cha, anh em tranh đoạt với anh em, anh tranh đoạt với chị, chị tranh đoạt với anh, bạn bè tranh đoạt với bạn bè. Khi họ đã dẫn mình vào tranh chấp, tranh luận, tranh đoạt; họ công phá nhau bằng tay; họ công phá nhau bằng đá; họ công phá nhau bằng gậy; họ công phá nhau bằng kiếm. Ở đây họ đi đến tử vong, đi đến sự đau khổ gần như tử vong. Này các Tỷ-kheo, như vậy là sự nguy hiểm các dục, thiết thực hiện tại, thuộc khổ uẩn, lấy dục làm nhân, lấy dục làm duyên, là nguồn gốc của dục, là nguyên nhân của dục.

(Trung Bộ Kinh I. Đại Kinh Khổ Uẩn)

- Nhà vua phải chân chánh. (A.II.75)

*Gunnāṃ ce taramāṇāṇaṃ,
Ujuma gacchati paṇḍava;
Sabbā tā ujuma gacchanti,
Nette ujuma gate sati.*

*Khi đàn bò lội sông,
Đầu đàn đi đúng hướng,
Cả đàn đều đúng hướng,
Vì hướng dẫn đúng đường.
Evamevaṃ manussesu,*

*Yo hoti seṭṭhasammato;
So sace dhammaṃ carati,*

*Pageva itarā pajā;
Sabbam raṭṭham sukham seti,
Rājā ce hoti dhammiko.*

*Cũng vậy trong loài Người,
Vị được xem tối thắng,
Nếu sở hành đúng pháp,
Còn nói gì người khác,
Cả nước được an vui,
Nếu vua sống đúng pháp.*

*(Tăng Chi Bộ Kinh 2. Chương Bốn Pháp. Phẩm Nghiệp
Công Đức. Phần Phi Pháp)*

- Chăm sóc cho người bệnh. (Vin.IV.301)

Đức Phật đã nêu một tấm gương cao cả qua việc chăm sóc người bệnh bằng lời nói đáng ghi nhớ :

"Ai chăm sóc cho người bệnh là Chăm sóc Như Lai".

- Phạm thiên và cha mẹ. (A.I.131)

Phạm Thiên, này các Tỷ-kheo, là đồng nghĩa với cha mẹ. Các Đạo sư thời xưa, này các Tỷ-kheo, là đồng nghĩa với cha mẹ. Đáng được cúng dường, này các Tỷ-kheo, là đồng nghĩa với cha mẹ. Vì có sao? Giúp đỡ rất nhiều, này các Tỷ-kheo, là cha mẹ đối với con cái, nuôi chúng lớn, dưỡng dục chúng, giới thiệu chúng vào đời.

*(Tăng Chi Bộ Kinh 1. Chương Ba Pháp. Phẩm Sứ Giả
Của Trời. Phần Ngang Bằng Với Phạm Thiên)*

8. 5. SỰ ĐỐI LẬP.

- Hận thù không bao giờ chấm dứt được hận thù. (Dhp.5)

*Na hi verena verāni,
Sammantīdha kudācanam;
Averena ca sammanti,
Esa dhammo sanantano.*

Với hận diệt hận thù,
Đòi này không có được.
Không hận diệt hận thù,
Là định luật ngàn thu.

- Diệt sự sân hận của bạn. (S.I.161)

*Kodham chetvā sukham seti,
Kodham chetvā na socati;
Kodhassa visamūlassa,
Madhuraggassa brāhmaṇa;
Vadham ariyā paṇṇasanti,
Tañhi chetvā na socati.*

Sát phần nộ, được lạc
Sát phần nộ, không sầu,
Phần nộ với độc căn,
Với vị ngọt tối thượng,
Pháp ấy, bậc Hiền Thánh,
Tán đồng sự sát hại.
Sát pháp ấy, không sầu,
Này Bà-la-môn kia.

(Tương Ưng Bộ Kinh 1. Tương Ưng Bà-La-Môn. Phẩm A-La-Hán Thứ Nhất. Phần Dhanañjānī)

- Sân hận là xấu xa. (A.IV.96)

*Kodhano dubbaṇṇo hoti,
Atho dukkhampi seti so;
Atho atthaṃ gahetvāna,
Anatthaṃ adhipajjati.*

*Kẻ phẫn nộ xấu xí,
Đau khổ khi nằm ngủ,
Được các điều lợi ích
Lại cảm thấy bất lợi.*

*Tato kāyena vācāya,
Vadhaṃ katvāna kodhano;
Kodhābhibhūto puriso,
Dhanajāniṃ nigacchati.*

*Phẫn nộ, nó đã thương,
Với thân với lời nói,
Người phẫn nộ chinh phục,
Tài sản bị tiêu vong.*

*(Tăng Chi Bộ Kinh 4. Chương Bảy Pháp.
Phẩm Không Tuyên Bố. Phần Sân Hận)*

- Bạn giận với cái gì? (Vism)

Này anh bạn, trong lúc nóng giận người này, cái gì của anh ta làm bạn giận vậy?

Bạn giận lông, tóc của anh ta chẳng?

Hay bạn giận móng tay, móng chân, thịt, xương, da... của anh ta?

Hay bạn giận tứ đại của anh ta có tên gọi là đất, nước, lửa, gió?

Hay bạn giận ngũ uẩn của anh ta có tên gọi là sắc, thọ, tưởng, hành, thức?

Hay bạn giận năm giác quan của anh ta hay là bạn giận các hoạt động của năm giác quan đó?

- Bằng cách nào sân hận sanh khởi? (A.V.150-151)

Này các Tỷ-kheo, có chín trường hợp hiềm hận. Thế nào là chín?

Hiềm hận được kết thành, khi nghĩ rằng: "Nó đã làm hại ta".

Hiềm hận được kết thành, khi nghĩ rằng: "Nó đang làm hại ta".

Hiềm hận được kết thành, khi nghĩ rằng: "Nó sẽ làm hại ta".

Hiềm hận được kết thành, khi nghĩ rằng: "Nó đã hại người ta yêu, người ta mến..."

Hiềm hận được kết thành, khi nghĩ rằng: "Nó đang hại người ta yêu, hại người ta mến..."

Hiềm hận được kết thành, khi nghĩ rằng: "Nó sẽ hại người ta yêu, người ta mến".

Hiềm hận được kết thành, khi nghĩ rằng: "Nó đã làm lợi cho người ta không yêu, người ta không mến".

Hiềm hận được kết thành, khi nghĩ rằng: "Nó đang làm lợi cho người ta không yêu, người ta không mến".

Hiềm hận được kết thành, khi nghĩ rằng: "Nó sẽ làm lợi cho người ta không yêu, người ta không mến". Làm cho vị ấy tức giận không có lý do.

Này các Tỷ-kheo, có chín trường hợp hiềm hận này.

*(Tăng Chi Bộ Kinh 5. Chương Mười Pháp. Phẩm Ước
Nguyện.*

Phân Những Trường Hợp Hiềm Hận)

Ngoài những điều trên đây thì sân hận không thể sanh khởi ở bất cứ nguyên nhân đặc biệt nào.

Để kiềm chế cơn giận sanh khởi, ta phải nghĩ theo cách sau đây :

"Nó đã làm vậy để hại tôi. Nó cũng chẳng thể làm gì được. Đó là hành động của nó chứ không phải của tôi. Sân hận không thể sanh khởi nơi tôi dùm cho nó. Ta cũng nên thôi nóng giận". như vậy sân hận chẳng có lý do đặc biệt nào để sinh khởi nữa.

Cuối cùng, có những cơn giận vô căn cứ có vẻ khó mà kiềm chế. Nó chẳng nhắm vào một cá nhân nào. người ta giận những việc không đâu, với những suy nghĩ phi lý để giận chuyện không đâu, ta phải dừng lại thói quen đó ngay lập tức qua sự tỉnh giác.

- Những suy nghĩ của người hay quạo. (A.IV.94)

- Này các Tỷ-kheo, có bảy pháp này được người thù địch ưa thích, tác thành kẻ thù địch đi đến người phần nộ, đàn bà hay đàn ông. Thế nào là bảy?

Ở đây, này các Tỷ-kheo, người thù địch mong muốn kẻ thù địch của mình như sau: "Mong rằng kẻ này trở thành xấu xí!" Vì có sao? Này các Tỷ-kheo, người thù địch không hoan hỷ kẻ thù địch của mình có dung sắc. Này các Tỷ-kheo, hạng người nào phần nộ, bị phần nộ chinh phục, bị phần nộ chi phối, dầu cho người ấy khéo tắm rửa, khéo chải chuốt, tóc râu khéo

sửa soạn, mặc toàn đồ trắng rồi người ấy cũng trở thành xấu xí, vì bị phần nô chinh phục. Đây các Tỷ-kheo, đây là pháp thứ nhất, được người thù địch ưa thích, tác thành kẻ thù địch đi đến người phần nô, đàn bà hoặc đàn ông.

Lại nữa, này các Tỷ-kheo, người thù địch mong muốn kẻ thù địch của mình như sau: "Mong rằng kẻ này ngủ một cách khổ sở!" Vì có sao? Đây các Tỷ-kheo, người thù địch không hoan hỷ kẻ thù địch của mình ngủ một cách an lành. Đây các Tỷ-kheo, hạng người nào phần nô, bị phần nô chinh phục, bị phần nô chi phối, dầu có nằm trên ghế dài, nệm trải bằng len, chăn len trắng, chăn len thêu, nệm bằng da con sơn dương gọi là kadali, tấm khảm với lọng che phía trên, ghế dài có đầu gối chân màu đỏ. Tuy vậy, họ vẫn ngủ một cách khổ sở, vì bị phần nô chinh phục. Đây các Tỷ-kheo, đây là pháp thứ hai, được người thù địch ưa thích, tác thành kẻ thù địch đi đến người phần nô, đàn bà hoặc đàn ông.

Lại nữa, này các Tỷ-kheo, người thù địch mong muốn kẻ thù địch của mình như sau: "Mong rằng kẻ này không có lợi ích!" Vì có sao? Đây các Tỷ-kheo, người thù địch không hoan hỷ kẻ thù địch của mình có được lợi ích. Đây các Tỷ-kheo, hạng người nào phần nô, bị phần nô chinh phục, bị phần nô chi phối, tham hoạch bất lợi, lại nghĩ rằng: "Ta được lợi ích", tham hoạch điều bất lợi ích, lại nghĩ rằng: "Ta không được lợi ích". Những pháp này được nắm giữ khiến người khác trở thành thù địch, đưa đến không hạnh phúc, đau khổ lâu dài, vì bị phần nô chinh phục. Đây các Tỷ-kheo, đây là pháp thứ ba, được người thù ưa thích, tác thành kẻ thù địch đi đến người phần nô, đàn bà hoặc đàn ông.

Lại nữa, này các Tỷ-kheo, người thù địch mong muốn kẻ thù địch của mình như sau: "Mong rằng kẻ này không có tài sản!" Vì có sao? Đây các Tỷ-kheo, người thù địch không hoan hỷ kẻ thù địch của mình có được tài sản. Đây các Tỷ-kheo,

hạng người nào phần nô, bị phần nô chinh phục, bị phần nô chi phối, những tài sản nào của họ thu hoạch do sự phần chấn tinh cần, cất chứa do sức mạnh của cánh tay, chồng chất do những giọt mồ hôi, đúng pháp, thu hoạch hợp pháp. Các tài sản ấy được nhà vua cho chở về ngân khố nhà vua, vì bị phần nô chinh phục. Đây các Tỷ-kheo, đây là pháp thứ tư, được người thù ưa thích, tác thành kẻ thù địch đi đến người phần nô, đàn bà hoặc đàn ông.

Lại nữa, đây các Tỷ-kheo, người thù địch mong muốn kẻ thù địch của mình như sau: "Mong rằng kẻ này không có danh tiếng!" Vì có sao? Đây các Tỷ-kheo, người thù địch không hoan hỷ kẻ thù địch của mình có được danh tiếng. Đây các Tỷ-kheo, hạng người nào phần nô, bị phần nô chinh phục, bị phần nô chi phối, nếu có được danh tiếng gì nhờ không phóng dật thu hoạch được, danh tiếng ấy lánh xa họ, vì bị phần nô chinh phục. Đây các Tỷ-kheo, đây là pháp thứ năm, được người thù ưa thích, tác thành kẻ thù địch đi đến người phần nô, đàn bà hoặc đàn ông.

Lại nữa, đây các Tỷ-kheo, người thù địch mong muốn kẻ thù địch của mình như sau: "Mong rằng kẻ này không có bạn bè!" Vì có sao? Đây các Tỷ-kheo, người thù địch không hoan hỷ kẻ thù địch của mình có được bạn bè. Đây các Tỷ-kheo, hạng người nào phần nô, bị phần nô chinh phục, bị phần nô chi phối, nếu người đó có những bạn bè thân hữu, bà con huyết thống gì, họ sẽ xa lánh, từ bỏ người đó, vì người đó bị phần nô chinh phục. Đây là pháp thứ sáu, được người thù ưa thích, tác thành kẻ thù địch đi đến người phần nô, đàn bà hoặc đàn ông.

Lại nữa, đây các Tỷ-kheo, người thù địch mong muốn kẻ thù địch của mình như sau: "Mong rằng kẻ này sau khi thân hoại mạng chung, sẽ sanh trong cõi dữ, ác thú, đọa xứ, địa ngục !" Vì có sao? Đây các Tỷ-kheo, người thù địch không hoan hỷ kẻ thù địch của mình sau khi thân hoại mạng chung,

được sanh lên thiện thú, Thiên giới, cõi đời này! Nay các Tỷ-kheo, hạng người nào phần nộ, bị phần nộ chinh phục, bị phần nộ chi phối, người đó làm ác hạnh với thân, người đó nói lời ác hạnh với lời, người đó nghĩ đến điều ác hạnh với ý, khi thân hoại mạng chung, người đó sanh vào cõi dữ, ác thú, đọa xứ, địa ngục. Đây là pháp thứ bảy, được người thù ưa thích, tác thành kẻ thù địch đi đến người phần nộ, đàn bà hoặc đàn ông.

Bảy pháp này, này các Tỷ-kheo, được người thù địch ưa thích, tác thành kẻ thù địch đi đến người phần nộ, đàn bà hoặc đàn ông.

*(Tăng Chi Bộ Kinh 4. Chương Bảy Pháp.
Phẩm Không Tuyên Bố. Phần Sân Hận)*

- Làm sao đối mặt với người sân giận? (S.I.208)

*Satīmato sadā bhaddaṃ,
Satimā sukhamedhati;
Satīmato suve seyyo,
Verā na parimuccati.*

*Lành thay, thường chánh niệm,
Nhờ niệm, lạc tăng trưởng,
Có niệm, mai đẹp hơn,
Hận thù chưa giải thoát.*

*Yassa sabbamahorattaṃ
Ahiṃsāya rato mano;
Mettaṃ so sabbabhūtesu,
Veraṃ tassa na kenaci.*

*Với ai trọn ngày đêm,
Tâm ý lạc, bất hại,
Từ tâm mọi hữu tình,
Vị ấy không thù hận.*

*(Tương Ưng Bộ Kinh 1. Tương Ưng Dạ Xoa.
Phần Mañibhadda)*

*Biết người kia đang giận
Người ấy vẫn giác tỉnh
Hành động lợi cho mình
Cũng lợi ích người kia.*

(S.I.162)

- Hãy vượt qua lòng oán hận. (A.III.185)

- Có năm trừ khử hiềm hận này, này các Tỷ-kheo, ở đây, vị Tỷ-kheo có hiềm hận khởi lên cần phải được trừ khử một cách hoàn toàn. Thế nào là năm?

Trong người nào, này các Tỷ-kheo, hiềm hận được sanh, trong người ấy, từ cần phải tu tập. Như vậy trong người ấy, hiềm hận cần phải trừ khử.

Trong người nào, hiềm hận được sanh, trong người ấy, bị cần phải tu tập. Như vậy trong người ấy, hiềm hận cần phải trừ khử.

Trong người nào, hiềm hận được sanh, trong người ấy xả cần phải tu tập. Như vậy trong người ấy hiềm hận cần phải trừ khử.

Trong người nào, này các Tỷ-kheo, hiềm hận được sanh, trong người ấy, vô niệm, vô tác ý cần được thực hiện. Như vậy trong người ấy hiềm hận cần phải trừ khử.

Trong người nào, này các Tỷ-kheo, hiềm hận được sanh, trong người ấy, sự kiện nghiệp do mình tạo cần phải an lập là: "Tôn giả là chủ của nghiệp, là thừa tự của nghiệp, là khởi nguyên của nghiệp, là bà con của nghiệp, là chỗ nương tựa của nghiệp. Phàm nghiệp thiện hay ác được làm Tôn giả sẽ là người thừa tự nghiệp ấy". Như vậy, trong người ấy, hiềm hận cần phải được trừ khử.

Này các Tỷ-kheo, có năm trừ khử hiềm hận này, ở đây, hiềm hận khởi lên cho Tỷ-kheo cần phải trừ khử một cách hoàn toàn.

*(Tăng Chi Bộ Kinh 3. Chương Nam Pháp. Phẩm Hiềm Hận.
Phần Trừ Khử Hiềm Hận 1)*

- Làm sao để vượt qua lòng oán hận? (Lời Tác Giả)

-  Hãy nghĩ đến vài đức tính tốt của người ấy.
-  Hãy nói chuyện với người ấy ôn tồn, nhã nhặn.
-  Hãy nghĩ rằng nếu chúng ta lại sân hận với người ấy thì chúng ta cũng tạo nên ác nghiệp.
-  Hãy nghĩ rằng sự hận thù đang làm ô nhiễm tâm của mình và chính mình hại mình.

- Hãy ôn tồn và trầm tĩnh. (M.I.126)

Cũng vậy chư Tỷ-kheo, ở đây, Tỷ-kheo hết sức hiền lành, hết sức nhu thuận, hết sức ôn hòa trong khi chưa bị những lời nói bất khả ý, xúc phạm. Và chư Tỷ-kheo, chỉ khi nào Tỷ-kheo bị những lời nói bất khả ý, xúc phạm mà vị ấy vẫn hết sức hiền lành, hết sức nhu thuận, hết sức ôn hòa, khi ấy vị ấy mới được

xem là hiền lành, mới được xem là nhu thuận, mới được xem là ôn hòa.

(Trung Bộ Kinh 1. Kinh Ví Dụ Cái Cửa)

- Hãy tập giống như đất. (M.I.127)

Chư Tỷ-kheo, ví như một người đến, cầm xẻng và thùng, nói như sau: "Tôi sẽ làm cho đất lớn này không thành đất nữa", và người ấy đào chỗ này chỗ kia, rải đất chỗ này chỗ kia, nhỏ nước miếng chỗ này chỗ kia, đi tiểu tiện chỗ này chỗ kia, với ý nghĩ: "Người trở thành không phải đất, Người trở thành không phải đất". Chư Tỷ-kheo, nghĩ thế nào? Người ấy có thể làm cho đất lớn này trở thành không phải đất chăng?

- Bạch Thế Tôn, không. Vì sao vậy? Vì đất lớn này thâm sâu và vô lượng, không dễ gì khiến cho đất lớn này trở thành không phải đất, trước khi người ấy bị mệt nhọc và bị thất bại.

- Cũng vậy, này chư Tỷ-kheo, có năm loại ngôn ngữ này mà các Ông có thể nói với người khác: "Đúng thời hay phi thời... hay với sân tâm". Các Tỷ-kheo, khi nói với các người khác, các Ông có thể nói: "Đúng thời... hay với sân tâm". Các Tỷ-kheo, ở tại đây, các Ông cần phải học tập như sau: "Chúng ta sẽ giữ tâm của chúng ta không biến nhiễm; chúng ta sẽ không thốt ra những lời ác ngữ; chúng ta sẽ sống với lòng lân mẫn, với tâm từ bi, với nội tâm không sân hận; chúng ta sẽ sống biến mãn người này với tâm câu hữu với từ. Và với người này là đối tượng, ta sống biến mãn cùng khắp thế giới, với tâm câu hữu với từ, quảng đại, vô biên, không hận, không sân". Các Tỷ-kheo, các Ông cần phải học tập như vậy.

(Trung Bộ Kinh 1. Kinh Ví Dụ Cái Cửa)

- Hãy tập tâm giống như bầu trời. (M.I.128)

Chư Tỷ-kheo, ví như một người đến, cầm màu son, màu vàng, màu xanh sẫm hay màu đỏ tía; người ấy có thể nói như sau: "Ta sẽ viết các hình sắc trên hư không này. Ta sẽ làm cho các hình sắc hiển hiện". Các Tỷ-kheo, các Ông nghĩ thế nào? Người ấy có thể viết các hình sắc trên hư không và làm cho các hình sắc hiển hiện được không?

- Bạch Thế Tôn, không thể được. Vì sao vậy? Bạch Thế Tôn, hư không là vô sắc, không thể thấy được. Ở đây, không dễ gì viết các hình sắc và làm hình sắc hiển hiện, trước khi người ấy bị mệt mỏi và bị thất bại.

- Cũng vậy, này Tỷ-kheo, có năm loại ngôn ngữ này mà các Ông có thể nói với người khác: "Đúng thời hay phi thời... hay với sân tâm... (như trên)... Và với người này là đối tượng, ta sống biến mãn cùng khắp thế giới với tâm câu hữu với từ, quảng đại, vô biên, không hận, không sân". Chư Tỷ-kheo, các Ông cần phải học tập như vậy.

(Trung Bộ Kinh 1. Kinh Ví Dụ Cái Cửa)

- Hãy thoát khỏi hận thù. (M.I.128)

Chư Tỷ-kheo, ví như một người đến, cầm một bó cỏ khô đang cháy và nói như sau: "Ta với bó cỏ khô đang cháy này sẽ hâm nóng và đun sôi sông Hằng này. Chư Tỷ-kheo, các Ông nghĩ thế nào? Người ấy, với bó cỏ khô đang cháy có thể hâm nóng và đun sôi sông Hằng được không?

- Bạch Thế Tôn, không. Vì sao vậy? Bạch Thế Tôn, vì sông Hằng thâm sâu và vô lượng, không dễ gì với bó cỏ khô đang cháy có thể hâm nóng và đun sôi sông Hằng được, trước khi người ấy mệt mỏi và bị thất bại.

- Cũng vậy, này chư Tỷ-kheo, có năm loại ngôn ngữ này mà các Ông có thể nói với các người khác: "Đúng thời hay phi

thời... hay với sân tâm". Chư Tỷ-kheo, khi nói với các người khác, các Ông có thể nói: "Đúng thời... hay với sân tâm... (như trên)... Và với người này là đối tượng, ta sống biến mãn cùng khắp thế giới với tâm câu hữu với từ, quảng đại, vô biên, không hận, không sân". Chư Tỷ-kheo, các Ông cần phải học tập như vậy.

(Trung Bộ Kinh 1. Kinh Ví Dụ Cái Cưa)

- Ví dụ cây cưa. (M.I.129)

Chư Tỷ-kheo, như những kẻ đạo tặc hạ liệt, dùng cưa hai lưỡi mà cưa tay, cưa chân; dầu vậy, nếu một ai ở đây khởi ý nhiễm loạn, người ấy do vậy không phải là người thực hành giáo pháp của Ta. Ở đây, chư Tỷ-kheo các Ông phải học tập như sau: "Chúng ta sẽ giữ tâm của chúng ta không biến nhiễm; chúng ta sẽ không thốt ra những lời ác ngữ; chúng ta sẽ sống với lòng lân mẫn, với tâm từ bi, với nội tâm không sân hận. Chúng ta sẽ sống bao phủ người này với tâm câu hữu với từ. Và với người này là đối tượng, ta sống biến mãn cùng khắp thế giới với tâm câu hữu với từ, quảng đại, vô biên, không hận, không sân". Chư Tỷ-kheo, các Ông cần phải học tập như vậy.

(Trung Bộ Kinh 1. Kinh Ví Dụ Cái Cưa)

8. 6. BẢNG HỮU.

- Tốt hơn sống một mình nếu không có bạn chân thật. (M.III.154)

*No ce labhetha nipakam sahaṃyam,
Saddhim caram sādhuviḥārī dhāram;
Rājāva raṭṭham vijitam pahāya,
Eko care mātaṅgaraññeva nāgo.*

Nếu được bạn hiền trí,
Đồng hành, khéo an trú,
Đã thắng mọi hiểm nạn,
Sống hoan hỷ chánh niệm.

*Ekassa caritaṃ seyyo,
Natthi bāle sahāyatā;
Eko care na ca pāpāni kayirā,
Appossukko mātāṅgaraññeva nāgo*

Nếu không bạn hiền trí,
Như vua bỏ quốc độ,
Cô độc như voi rừng.
Tốt hơn, sống một mình,
Không bè bạn kẻ ngu,
Cô độc không làm ác,
Nhàn hạ, như voi rừng.

(Trung Bộ Kinh 3. Kinh Tùy Phiền Não)

- Yêu thương ích kỷ là nhân của mọi vấn đề. (Ud.92)

*Ye keci sokā paridevitā vā,
Dukkhā ca lokasmimanekarūpā;
Piyaṃ paṭiccappabhavanti ete,
Piye asante na bhavanti ete.
Tasmā hi te sukhino vītasokā,
Yesaṃ piyaṃ natthi kuhiñci loke;
Tasmā asokaṃ virajaṃ patthayāno,
Piyaṃ na kayirātha kuhiñci loke.*

Sầu, than và đau khổ,
Sai biệt có ở đời,
Duyên thân ái, chúng có,
Không thân ái, chúng không,
Do vậy, người an lạc,

*Người không có sầu muộn,
Là những ai ở đời,
Không có người thân ái,
Do vậy ai tha thiết,
Được không sầu, không tham,
Chớ làm thân làm ái,
Với một ai ở đời.*

- Bảy phẩm chất của người bạn tốt. (A.IV.30)

Thành tựu bảy chi phần, này các Tỷ-kheo, một Tỷ-kheo cần phải thân cận như một người bạn. Thế nào là bảy?

Cho những gì khó cho (duddadam dadāti)

Làm những gì khó làm (dukkaram karoti).

Nhẫn những gì khó nhẫn (dukkhamam khamati).

Nói lên những gì bí mật của mình (guyhamassa āvi karoti).

Che giấu bí mật của người khác (guyhamassa pariguhati).

Không từ bỏ khi gặp bất hạnh (āpadāsu na jahati).

Không có khinh rẻ khi tài sản khánh tận (khīṇena nātimaññati).

Thành tựu bảy chi phần này, này các Tỷ-kheo, một Tỷ-kheo cần phải thân cận như một người bạn.

*(Tăng Chi Bộ Kinh 4. Chương Bảy Pháp. Phẩm Chư
Thiên.
Phần Bạn Hữu 1)*

- Những bạn tốt thật sự. (S.I.36)

*Kiṃsu pavasato mittam,
Kiṃsu mittam sake ghare;
Kiṃ mittam atthajātassa,
Kiṃ mittam samparāyikaṃ.*

*Ai bạn kẻ đi đường?
Ai bạn người ở nhà?
Ai bạn khi cần thiết?
Ai bạn cho đời sau?
Bạn đường, bạn đi đường,*

*Sattho pavasato mittam,
Mātā mittam sake ghare;
Sahāyo atthajātassa,
Hoti mittam punappunam;
Sayamkatāni puññāni,
Tam mittam samparāyikaṃ.*

*Bạn ở nhà là mẹ,
Bạn bè khi cần thiết,
Mới là bạn thường xuyên,
Công đức tự mình làm,
Là bạn cho đời sau.*

*(Tương Ưng Bộ Kinh 1. Tương Ưng Chư Thiên.
Phẩm Già. Phần Bạn)*

- Hãy tránh xa những bạn ích kỷ. (D.III.186)

*Này Gia chủ từ, có bốn hạng người phải xem không phải
bạn, dầu tự cho là bạn:*

Người vật gì cũng lấy phải được xem không phải bạn,
dầu tự cho là bạn (*aññadatthuharo amitto mittapatirūpako veditabbo*).

Người chỉ biết nói giỏi phải được xem không phải bạn,
dầu tự cho là bạn (*vacīparamo amitto mittapatirūpako veditabbo*).

Người khéo nịnh hót phải được xem không phải bạn, dầu
tự cho là bạn (*anuppiyabhāṇī amitto mittapatirūpako veditabbo*).

Người tiêu pha xa xỉ phải được xem không phải bạn, dầu
tự cho là bạn (*apāyasahāyo amitto mittapatirūpako veditabbo*).

Aññadatthuharo mitto,
Yo ca mitto vacīparo
Anuppiyañca yo āha,
Apāyesu ca yo sakhā.
Ete amitte cattāro,
Iti viññāya paṇḍito;
Ārakā parivajjeyya,
Maggam paṭibhayam yathā.

Người bạn gì cũng lấy,
Người bạn chỉ nói giỏi,
Người nói lời nịnh hót,
Người tiêu pha xa xỉ.
Cả bốn, không phải bạn,
Biết vậy, người trí tránh,
Như đường đầy sợ hãi.

(Trường Bộ Kinh 2. Kinh Giáo Thọ Thi-Ca-La-Việt)

- Kết thân với những bạn đáng tin cậy. (D.III.187)

Này Gia chủ tử, bốn loại bạn này phải được xem là bạn chân thật:

Người bạn giúp đỡ phải được xem là bạn chân thật (upakāro mitto suhado veditabbo).

Người bạn chung thủy trong khổ cũng như trong vui phải được xem là bạn chân thật (samānasukhadukkho mitto suhado veditabbo).

Người bạn khuyên điều lợi ích phải được xem là bạn chân thật (atthakkhāyī mitto suhado veditabbo).

Người bạn có lòng thương tưởng phải được xem là bạn chân thật (anukampako mitto suhado veditabbo).

*Upakāro ca yo mitto,
Sukhe dukkhe ca yo sakhā
Atthakkhāyī ca yo mitto,
Yo ca mittānukampako.
Etepi mitte cattāro,
Iti viññāya paṇḍito;
Sakkaccaṃ payirupāseyya,
Mātā puttāṃ va orasāṃ;*

*Bạn sẵn sàng giúp đỡ,
Bạn chung thủy khổ vui,
Bạn khuyên khích lợi ích,
Bạn có lòng thương tưởng.
Biết rõ bốn bạn này,
Người trí phục vụ họ,
Như mẹ đối con ruột.*

(Trường Bộ Kinh 2. Kinh Giáo Thọ Thi-Ca-La-Việt)

- Làm sao để trở thành bạn chân thật. (S.I.88)

Đức vua Pasenadi – Kosala được Đức Thế Tôn dạy bảo :

Do vậy, này Đại vương, cần phải học như sau: "Tôi sẽ là thiện hữu, thiện bạn hữu, thiện giao du". Như vậy, này Đại vương, Đại vương cần phải học. Này Đại vương, để Đại vương có thể trở thành thiện hữu, thiện bạn hữu, thiện giao du, Đại vương cần phải y cứ, an trú vào một pháp, tức là không phóng dật trong các thiện pháp.

Thưa Đại vương, nếu Đại vương an trú không phóng dật, y cứ không phóng dật, thời các nữ cung nhân sẽ suy nghĩ: "Đại vương an trú không phóng dật, y cứ không phóng dật; vậy chúng ta hãy an trú không phóng dật, y cứ không phóng dật."

Thưa Đại vương, nếu Đại vương an trú không phóng dật, y cứ không phóng dật, các vị Sát-đế-lỵ chư hầu sẽ suy nghĩ: "Đại vương an trú không phóng dật, y cứ không phóng dật; vậy chúng ta hãy an trú không phóng dật, y cứ không phóng dật."

Thưa Đại vương, nếu Đại vương an trú không phóng dật, y cứ không phóng dật, các dân chúng ở thị trấn và quốc độ sẽ suy nghĩ: "Đại vương an trú không phóng dật, y cứ không phóng dật. Vậy chúng ta hãy an trú không phóng dật, y cứ không phóng dật."

Thưa Đại vương, nếu Đại vương an trú không phóng dật, y cứ không phóng dật, thời tự ngã được che chở, hộ trì, nội cung được che chở, hộ trì, kho tàng được che chở, hộ trì.

*(Tương Ứng Bộ Kinh 1. Tương Ứng Kosala. Phẩm Thứ Hai.
Phản Không Phóng Dật)*

- Giáo pháp cao thượng dành cho những người bạn chân chánh. (S.I.87)

Thưa Đại vương, pháp được Ta khéo giảng. Và pháp ấy giảng cho thiện hữu, thiện bạn hữu, thiện giao du, không phải cho ác hữu, ác bạn hữu, ác giao du.

*(Tương Ứng Bộ Kinh 1. Tương Ứng Kosala. Phẩm Thứ Hai.
Phản Không Phóng Dật)*

- Một cuộc sống đạo hạnh. (S.I.88)

Một thời, thưa Đại vương, Ta ở giữa dòng họ Sakka (Thích-ca) tại một thị trấn của các vị Sakka.

Rồi thưa Đại vương, Tỷ-kheo Ānanda đến Ta, sau khi đến, đánh lễ Ta và ngồi xuống một bên. Ngồi xuống một bên, thưa Đại vương, Tỷ-kheo Ānanda bạch với Ta:

"- Bạch Thế Tôn, quá phân nửa đời sống Phạm hạnh này thuộc về thiện hữu, thiện bạn hữu, thiện giao du."

Khi được nói vậy, thưa Đại vương. Ta nói với Tỷ-kheo Ānanda:

"Này Ānanda, không phải vậy. Này Ānanda, không phải vậy. Thật sự, này Ānanda, toàn phần đời sống Phạm hạnh này thuộc về thiện hữu, thiện bạn hữu, thiện giao du. Từ một Tỷ-kheo làm bạn với thiện, này Ānanda, chúng ta hy vọng rằng vị ấy sẽ tu trì Thánh đạo Tám ngành, làm cho sung mãn Thánh đạo Tám ngành của vị thiện hữu, thiện bạn hữu, thiện giao du.

*(Tương Ứng Bộ Kinh 1. Tương Ứng Kosala. Phẩm Thứ Hai.
Phản Không Phóng Dật)*

- Người bạn cao cả nhất. (S.I.88)

Này Ānanda, chính vì Ta y cứ, làm bạn với thiện, nên các chúng sanh bị sanh được giải thoát khỏi sanh; các chúng sanh bị già được giải thoát khỏi già; các chúng sanh bị bệnh được giải thoát khỏi bệnh; các chúng sanh bị chết được giải thoát khỏi chết; các chúng sanh bị sầu, bi, khổ, ưu, não được giải thoát khỏi sầu, bi, khổ, ưu, não. Và chính theo pháp môn này, này Ānanda, Ông cần phải hiểu như thế nào toàn phần đời sống Phạm hạnh này là thuộc về thiện hữu, thiện bạn hữu, thiện giao du.

*(Tương Ứng Bộ Kinh 1. Tương Ứng Kosala. Phẩm Thứ Hai.
Phản Không Phóng Dật)*

- Các lợi ích của tình bạn chân thật - mittānisamsa. (Jā.538)

Ai gìn giữ được tình bạn chân thật (thành thật và trung thành với bạn), bất cứ lúc nào người ấy phải rời khỏi nhà để đi xa thì sẽ :

▪ Nhận được nhiều sự tiếp đón ân cần, nhiều người khác cũng sẽ được lợi ích qua người ấy.

*Pahūtabhakkho bhavati,
Vippavuttho sakam gharā;
Bahū nam upajīvanti,
Yo mittānam na dubbhati.*

*Một kẻ trung thành với bạn thân,
Dù đi phiêu bạt khắp xa gần,
Nhiều người hoan hỷ đem cung phụng
Thực phẩm tất nhiên được hiến dâng.*

▪ Được kính trọng bởi bất kỳ quốc độ, làng mạc hay tỉnh thành nào mà người ấy tới viếng thăm.

*Yam yam janapadam yāti,
Nigame rājadhāniyo;
Sabbattha pūjito hoti,
Yo mittānaṃ na dubbhati.*

*Dù đất nước nào phiêu bạt qua,
Kinh thành, thị trấn khắp gần xa,
Kẻ nào chung thủy cùng bằng hữu
Cũng được vinh quang danh vọng mà.*

▪ Không bị khinh chế bởi bọn cướp, hoàng tộc sẽ không khinh bỉ người ấy, người ấy toàn thắng mọi kẻ thù.

*Nāssa corā pasāhanti,
Nātimaññanti khattiyā;
Sabbe amitte tarati,
Yo mittānaṃ na dubbhati.*

*Không đạo tặc nào dám tổn thương,
Cũng không võ tướng dám khinh nhờn,
Người nào trung tín cùng bằng hữu
Sẽ thoát khỏi bao kẻ oán hờn.*

▪ Trở về nhà với lòng hân hoan, hòa hợp với hội chúng và trở thành người lãnh đạo trong gia tộc.

*Akkuddho sagharam eti,
Sabhāyaṃ paṭinandito;
Ñātīnaṃ uttamo hoti,
Yo mittānaṃ na dubbhati.*

*Người ấy hoàn hương, thấy đón chào,
Lòng không mòn mỏi với ưu sầu;
Kẻ nào chung thủy cùng bằng hữu
Giữa đám bà con, đệ nhất cao.*

▪ Được tiếp đón ân cần vì sự ân cần của người ấy đối với người khác, vì kính trọng người khác nên người ấy được kính trọng. người ấy được hoan hỷ bởi được tán thán và tiếng thơm.

*Sakkatvā sakkato hoti,
Garu hoti;
Vannakittibhato hoti,
Yo mittānaṃ na dubbhati.*

*Tôn vinh người, lại được tôn vinh,
Được kính trọng và đáp thịnh tình.
Một kẻ trung thành cùng bạn hữu
Nhận phần vinh hiển khắp quần sinh.*

▪ Nhận được quà tặng vì chính người ấy cũng từng là người tặng. vì sự tôn kính người khác, chính người ấy là biết tự trọng nên người ấy đạt được sự thuận lợi.

*Pūjako labhate pūjaṃ,
Vandako paṭivandanam;
Yaso kittiṇca pappoti,
Yo mittānaṃ na dubbhati.*

*Người nào biết quý trọng người đời,
Sẽ được mọi người quý trọng thôi;
Một kẻ trung thành cùng bạn hữu
Phần mình được tiếng tốt cao vời.*

▪ Được nổi tiếng khắp nơi và tỏa sáng như chư thiên luôn luôn thành tựu mọi ước nguyện.

*Aggi yathā pajjalati,
Devatāva virocati;
Siriyaṃ ajahito hoti,
Yo mittānaṃ na dubbhati.*

*Kẻ ấy giống như lửa cháy bùng
Tỏa ra ánh sáng tựa Thiên thần,*

*Người nào trung tín cùng bằng hữu
Chiếu ánh huy hoàng rực rỡ luôn.*

▪ Có được nhiều của cải, tài sản. những gì người ấy giao trên ruộng đồng sẽ đem hoa kết trái và sự thu hoạch sẽ làm cho người ấy hoan hỷ.

*Gāvo tassa pajāyanti,
Khetta vuttaṃ virūhati;
Vuttānaṃ phalamasānāti,
Yo mittānaṃ na dubbhati.*

*Trâu bò tăng trưởng thật là nhanh,
Hạt giống thường xuyên mọc tốt lành;
Một kẻ trung thành cùng bạn hữu
Tất nhiên gặt hái mọi công thành.*

▪ Được che chở và không bị tổn thương vì tai nạn hay những sự nguy hiểm.

*Darito pabbatāto vā,
Rukkhatto patito naro;
Cuto patiṭṭhaṃ labhati,
Yo mittānaṃ na dubbhati.*

*Nếu bị rơi từ đỉnh núi cao,
Hoặc từ cây cối hoặc hang hào,
Người nào chung thủy cùng bằng hữu
Cũng thấy đất bằng vững chắc sao.*

▪ Không bị lật đổ bởi kẻ thù, như cây đa có rễ ăn thật sâu trong lòng đất không thể bị lật ngã bởi gió to.

*Virūḷhamūlasantānaṃ,
Nigrodhamiva māluto;
Amittā nappasāhanti,
Yo mittānaṃ na dubbhati.*

*Cây đa thách đố mọi cuồng phong
Cành lá mọc quanh gốc rễ chung,
Kẻ biết trung thành cùng bạn hữu,
Oán hờn cừu địch thấy tiêu vong.*

*(Tiểu Bộ Kinh 9. Chuyện Tiền Thân Số 538 –
Mūgapakkhajātaka)*

- Thế gian tầm tối. (Dhp.174)

*Andhabhūto ayaṃ loko,
Tanukettha vipassati;
Sakuṇo jālamuttova,
Appo saggāya gacchati.*

*Đời này thật mù quáng,
Ít kẻ thấy rõ ràng.
Như chim thoát khỏi lưới,
Rất ít đi thiên giới.*

**- Sự nghèo khổ có thể trở thành nguyên nhân của tội ác.
(D.26)**

- ✓ Điều kiện kinh tế của dân chúng cần phải được cải tiến.
- ✓ Hạt giống và những phương tiện khác trong nông nghiệp nên cung ứng cho nhà nông và những người canh tác.
- ✓ Nên cung ứng tiền vốn cho thương nhân, tạo sự dễ dàng trong giao dịch làm ăn.
- ✓ Công nhân phải được trả lương xứng đáng (đủ để sống).

✓ *Khi dân chúng có được công ăn việc làm, có được thu nhập cần thiết thì họ sẽ được an tâm, mãn nguyện, khỏi phải lo âu, sợ hãi.*

✓ *Kết quả là quốc gia sẽ được bình yên và thoát khỏi mọi tội ác.*

(Trường Bộ Kinh 1. Kinh Kūṭadanta)

- Những người bạn thật sự. (D.III.185)

Này Gia chủ tử, có bốn hạng người phải xem không phải bạn, dầu tự cho là bạn: Người vật gì cũng lấy phải được xem không phải bạn, dầu tự cho là bạn; người chỉ biết nói giỏi phải được xem không phải bạn, dầu tự cho là bạn; người khéo nịnh hót phải được xem không phải bạn, dầu tự cho là bạn; người tiêu pha xa xỉ phải được xem không phải bạn, dầu tự cho là bạn.

Này Gia chủ tử, có bốn trường hợp người vật gì cũng lấy phải được xem không phải bạn, dầu tự cho là bạn: Người vật gì cũng lấy, cho ít xin nhiều, vì sợ mà làm, làm vì mưu lợi cho mình. Này Gia chủ tử, như vậy là bốn trường hợp người vật gì cũng lấy phải được xem không phải bạn, dầu tự cho là bạn.

Này Gia chủ tử, có bốn trường hợp, người chỉ biết nói giỏi phải được xem không phải bạn, dầu tự cho là bạn: Tổ lộ thân tình việc đã qua; tổ lộ thân tình việc chưa đến; mua chuộc cảm tình bằng sáo ngữ; khi có công việc, tự tỏ sự bắt lực của mình. Này Gia chủ tử, như vậy là bốn trường hợp, người chỉ biết nói giỏi phải được xem không phải bạn, dầu tự cho là bạn.

Này Gia chủ tử, có bốn trường hợp, kẻ nịnh hót phải được xem không phải bạn, dầu tự cho là bạn: Đồng ý các việc ác; không đồng ý các việc thiện; trước mặt tán thán; sau lưng

chỉ trích. Đây Gia chủ tử, như vậy là bốn trường hợp kẻ nịnh hót phải được xem không phải bạn, dầu tự cho là bạn.

Này Gia chủ tử, có bốn trường hợp, người tiêu pha xa xỉ phải được xem không phải bạn, dầu tự cho là bạn: Là bạn khi mình đam mê các loại rượu; là bạn khi mình du hành đường phố phi thời; là bạn khi mình la cà đình đám hý viện; là bạn khi mình đam mê cờ bạc. Đây Gia chủ tử, như vậy có bốn trường hợp, người tiêu pha xa xỉ phải được xem không phải bạn, dầu tự cho là bạn.

Này Gia chủ tử, bốn loại bạn này phải được xem là bạn chân thật: Người bạn giúp đỡ phải được xem là bạn chân thật; người bạn chung thủy trong khổ cũng như trong vui phải được xem là bạn chân thật; người bạn khuyên điều lợi ích phải được xem là bạn chân thật; người bạn có lòng thương tưởng phải được xem là bạn chân thật.

Này Gia chủ tử, có bốn trường hợp, người bạn giúp đỡ phải được xem là bạn chân thật: Che chở cho bạn khi bạn vô ý phóng dật, che chở của cải cho bạn khi bạn vô ý phóng dật, là chỗ nương tựa cho bạn khi bạn sợ hãi, khi bạn có công việc sẽ giúp đỡ cho bạn của cải gấp hai lần những gì bạn thiếu. Đây Gia chủ tử, như vậy có bốn trường hợp, người bạn giúp đỡ phải được xem là người bạn chân thật.

Này Gia chủ tử, có bốn trường hợp, người bạn chung thủy trong khổ cũng như trong vui phải được xem là người bạn chân thật: Nói cho bạn biết điều bí mật của mình; giữ gìn kín điều bí mật của bạn; không bỏ bạn khi bạn gặp khó khăn; dám hy sinh thân mạng vì bạn. Đây Gia chủ tử, như vậy có bốn trường hợp, người bạn chung thủy trong khổ cũng như trong vui phải được xem là người bạn chân thật.

Này Gia chủ tử, có bốn trường hợp, người bạn khuyên điều lợi ích phải được xem là người bạn chân thật: Ngăn chặn

bạn không làm điều ác; khuyến khích bạn làm điều thiện; cho bạn nghe điều bạn chưa nghe; cho bạn biết con đường lên cõi chư Thiên. Đây Gia chủ tử, như vậy có bốn trường hợp, người bạn khuyên điều lợi ích phải được xem là người bạn chân thật.

Này Gia chủ tử, có bốn trường hợp, người bạn thương tưởng phải được xem là người bạn chân thật: Không hoan hỷ khi bạn gặp hoạn nạn; hoan hỷ khi bạn gặp may mắn; ngăn chặn những ai nói xấu bạn; khuyến khích những ai tán thán bạn. Đây Gia chủ tử, như vậy có bốn trường hợp, người bạn thương tưởng phải được xem là người bạn chân thật.

(Trường Bộ Kinh 2. Kinh Giáo Thọ Thi-Ca-La-Việt)

CHƯƠNG 9
THẾ GIỚI
BÊN KIA BẠN

9. 1. THẾ GIỚI CỦA KHÔNG GIAN VÀ THỜI GIAN.

- Những thế giới hệ. (A.I.226)

Quan điểm của Đức Phật về vũ trụ dường như rộng lớn hơn mà các nhà khoa học đương thời thừa nhận và chắc chắn nhiều hơn so với những gì mà các nhà khoa học phương Tây tin tưởng mãi cho đến thế kỷ vừa qua.

Tuy nhiên, Ngài bắt buộc phải sử dụng những thuật ngữ mang tính thần thoại còn lưu lại thời đó ở Ấn Độ để truyền đạt sự hiểu biết của Ngài về vũ trụ ở thời điểm đó.

(Lời Tác Giả)

Đại Đức Ānanda hỏi Đức Phật những câu hỏi sau đây :

- Con được nghe trước mặt Thế Tôn, con được nắm giữ trước mặt Thế Tôn: "Abhibhū, đệ tử Đức Phật Sikhi, đứng ở Phạm Thiên Giới, có thể làm cho ngàn thế giới nghe tiếng của mình". Nhưng bạch Thế Tôn, Thế Tôn bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác có thể làm cho nghe tiếng xa như thế nào?

- Vị ấy chỉ là một đệ tử, này Ānanda. Các Như Lai là vô lượng.

Đại Đức Ānanda lặp lại câu hỏi ba lần.

Rồi Đức Phật dạy về sự thành lập của thế giới hệ.

- Xa cho đến mặt trăng, mặt trời chạy trong quỹ đạo của chúng và chói sáng khắp bốn phương với ánh sáng của chúng, xa như vậy là một ngàn thế giới. Trong ấy có một ngàn mặt trăng, một ngàn mặt trời, một ngàn núi Sineru (Tu-di), một ngàn Jambudīta (Diêm-phù-đề), một ngàn Aparagoyāna (Tây ngưu hóa châu), một ngàn Uttarakuru (Bắc-cu-vô châu), một ngàn Pūbbavideha (Đông thắng thần châu), bốn ngàn biển lớn, bốn ngàn đại vương, 1000 cõi trời Bốn thiên vương, 1000 cõi

trời ba mươi ba, 1000 Dạ-ma thiên, 1000 Tusitā (Đâu-suất thiên), 1000 Hóa Lạc thiên, 1000 Tha Hóa Tự tại thiên, 1000 Phạm Thiên. Nay Ānanda, đây gọi là một tiểu thiên thế giới. Nay Ānanda, cho đến 1000 lần một tiểu thiên thế giới, được gọi là, nay Ānanda, ba Đại thiên thế giới. Nay Ānanda, Như Lai có thể làm cho tiếng mình nghe xa cho đến ba ngàn Đại thiên thế giới hay xa hơn nữa nếu muốn.

- Làm sao, bạch Thế Tôn, Thế Tôn có thể làm cho tiếng mình nghe xa cho đến ba ngàn Đại thiên thế giới hay xa hơn nữa nếu muốn?

- Ở đây, nay Ānanda, Như Lai chiếu ánh sáng cho đến ba ngàn Đại thiên thế giới, cho đến khi các chúng sanh nhận thức được ánh sáng ấy. Rồi Thế Tôn phát âm và làm cho tiếng mình được nghe. Như vậy, nay Ānanda, Như Lai làm cho tiếng mình nghe xa cho đến ba ngàn Đại thiên thế giới hay xa hơn nữa nếu muốn.

(Tăng Chi Bộ Kinh 1. Chương Ba Pháp.
Phẩm Ānanda. Phần Abhibhū)

Chúng ta có thể làm đơn giản câu nói trên như sau :

Tiểu thiên thế giới gồm khoảng một ngàn hệ thống thái dương hệ.

Trung thiên thế giới gồm khoảng một ngàn tiểu thiên đại thế giới.

Đại thiên thế giới gồm khoảng một ngàn trung thiên thế giới. Như vậy có khoảng một tỷ hệ thống thái dương hệ. (Nó được bắt đầu khám phá bởi các nhà thiên văn học hiện đại là vũ trụ chạy dài hơn giới hạn của nó, xa tận bên kia nữa).

- Đại kiếp – kappa. (S.II.181)

Một đại kiếp (kappa) là một đơn vị thời gian được dùng để đo lường thời hạn của vũ trụ và khoảng thời gian mà chúng sanh lang thang trong vòng sanh tử luân hồi. Vì nguồn gốc bắt đầu của chúng sanh được nói là "không có sự khởi thi" hay "nguồn gốc từ đâu thì không thấy được". Cũng cùng một khái niệm như vậy được áp dụng cho thế giới hệ, bởi vì chúng cũng xuất hiện và biến mất theo thời gian. Tuy nhiên, một đơn vị để đo lường thời hạn của thế giới hệ theo thế gian và cuộc sống của chúng sanh trong vòng luân hồi sanh tử là điều cần thiết.

Thật dài, này Tỷ-kheo, là một kiếp. Thật không dễ gì có thể đếm là một vài năm, một vài trăm năm, một vài ngàn năm hay một vài trăm ngàn năm.

- Bạch Thế Tôn, Thế Tôn có thể cho một ví dụ được không?

- Có thể được, này Tỷ-kheo. Thế Tôn nói như vậy. Ví như, này Tỷ-kheo, có một hòn núi đá lớn, một do tuần bề dài, một do tuần bề rộng, một do tuần bề cao, không có khe hở, không có lỗ hổng, một tảng đá thuần đặc. Rồi một người đến, cứ sau một trăm năm lại lau hòn đá ấy một lần với tám vài kāsī. Này Tỷ-kheo, hòn núi đá lớn ấy được làm như vậy có thể đi đến đoạn tận, đoạn diệt mau hơn là một kiếp.

Như vậy dài, này các Tỷ-kheo, là một kiếp. Với những kiếp dài như vậy, này Tỷ-kheo, hơn một kiếp đã qua, hơn một trăm kiếp đã qua, hơn một ngàn kiếp đã qua, hơn một trăm ngàn kiếp đã qua.

Vì sao? Vô thi là luân hồi, này các Tỷ-kheo, khởi điểm không thể nêu rõ đối với lưu chuyển luân hồi của các chúng sanh bị vô minh che đậy, bị tham ái trói buộc.

(Tương Ưng Bộ Kinh 2. Tương Ưng Vô Thi.

- Con số của đại kiếp. (S.II.183)

Rất nhiều, này các Tỷ-kheo, là những kiếp đã đi qua, đã vượt qua. Thật không dễ gì để có thể đếm chúng được là một vài kiếp, một vài trăm kiếp, một vài ngàn kiếp, một vài trăm ngàn kiếp.

- Bạch Thế Tôn, Thế Tôn có thể cho một ví dụ được không?

- Có thể được, này các Tỷ-kheo. Ở đây, này các Tỷ-kheo, có bốn vị đệ tử, tuổi thọ một trăm tuổi, sống đến một trăm năm. Cứ mỗi ngày họ nhớ đến trăm ngàn kiếp, này các Tỷ-kheo, các kiếp được họ nhớ đến là vậy. Bốn đệ tử ấy tuổi thọ một trăm tuổi, sống đến một trăm năm, sau một trăm năm đi đến mệnh chung.

Nhiều như vậy, này các Tỷ-kheo, là những kiếp đã đi qua, đã vượt qua. Thật không dễ gì để có thể đếm chúng được là một vài kiếp, một vài trăm kiếp, một vài ngàn kiếp, một vài trăm ngàn kiếp.

*(Tương Ưng Bộ Kinh 2. Tương Ưng Vô Thi.
Phẩm Thứ Nhất. Phần Các Đệ Tử)*

**- Chu kỳ của thế giới được chia làm bốn giai đoạn.
(A.II.142)**

❖ **Kappo samvattati – Hoại kiếp.**

Sự hủy hoại từ từ sự sinh tồn của thế giới hệ.

❖ **Kappo samvatto tittthati – thời thay vào hoại kiếp.**

Hoàn toàn biến mất hay hoàn toàn tan rã của thế giới hệ.

❖ **Kappo vivattati – thành kiếp.**

Sự phát triển từ từ hay sự xuất hiện trở lại của thế giới hệ.

❖ **Kappo vivatto tittthati – thời thay vào thành kiếp.**

Kiếp sinh tồn của thế giới hệ.

Này các Tỷ-kheo, có bốn vô lượng của kiếp này. Thế nào là bốn?

Khi kiếp chuyển thành, này các Tỷ-kheo, thật không dễ gì để ước tính có bao nhiêu năm như vậy, có nhiều trăm năm như vậy, có nhiều ngàn năm như vậy. Có nhiều trăm ngàn năm như vậy.

Khi kiếp đã chuyển thành và dừng lại, này các Tỷ-kheo, thật không dễ gì ước tính như vậy.

Khi kiếp chuyển hoại, này các Tỷ-kheo, thật không dễ gì ước tính có nhiều năm như vậy ... như vậy.

Khi kiếp đã chuyển hoại và dừng lại, này các Tỷ-kheo, thật không dễ gì ước tính ... như vậy.

Này các Tỷ-kheo, có bốn vô lượng của kiếp này.

*(Tăng Chi Bộ Kinh 2. Chương Bốn Pháp.
Phẩm Các Căn. Phần Kiếp)*

9. 2. THẾ GIỚI CỦA CHÚNG SANH.

- Sự xuất hiện của chúng sanh. (D.III.84-85)

Sự xuất hiện và phát triển của chúng sanh xảy ra theo sự phát triển của thế giới hệ.

Này Vāseṭṭha, có một thời đến một giai đoạn nào đó, sau một thời hạn rất lâu, thế giới này chuyển hoại. Trong khi thế giới chuyển hoại, các loại hữu tình phần lớn sanh qua cõi Abhassara (Quang Âm thiên). Ở tại đây, những loại chúng sanh này do ý sanh, nuôi sống bằng hỷ, tự chiếu hào quang, phi hành trên hư không, sống trong sự quang vinh, và sống như vậy một thời gian khá dài. Này Vāseṭṭha, có một thời đến một giai đoạn nào đó, sau một thời hạn rất lâu, thế giới này chuyển thành. Trong khi thế giới này chuyển thành, một số lớn chúng sanh từ Quang Âm thiên thác sanh qua tại đây. Những chúng sanh này do ý sanh, nuôi sống bằng hỷ, tự chiếu hào quang, phi hành trên hư không, sống trong sự quang vinh và sống như vậy một thời gian khá dài.

(Trường Bộ Kinh 2. Kinh Khởi Thế Nhân Bản)

- Năm định luật – pañca niyāma dhamma. (DhsA.272)

Có năm định luật của sự phát triển vận hành trong thiên nhiên và cảnh giới tâm linh. Chúng tạo điều kiện cho cách thức một chúng sanh được hình thành.



Utuniyāma – định luật về thời tiết.

Những định luật liên quan đến những hiện tượng có liên quan thời tiết như : gió, mưa, hơi nóng, lạnh.



Bījanīyāma – định luật về chủng tử.

Những định luật có liên quan đến thai bào và những hạt giống thảo mộc.

 Kammaniyāma – định luật về nghiệp.

Những quy luật có liên quan đến hành động tạo tác và kết quả của nó, sự tương quan nhân quả.

 Dhammaniyāma – định luật về pháp.

Những định luật có liên quan đến những hiện tượng của thiên nhiên như trọng lực, vũ trụ, năng lượng.

 Cittaniyāma – định luật về tâm thức.

Những quy luật thuộc về tâm hoặc tâm linh, sự phát triển của tâm thức.

Thật ra, năm quy luật này được giải thích như là một sức mạnh hay những cốt lõi điều khiển chúng sanh và mọi sự sinh tồn hiện hữu. Người Phật tử có thể dễ dàng giải thích những quyền lực ngự trị của thiên nhiên và mọi chúng sanh hữu tình chứ không cần phải trông cậy vào một đấng Sáng tạo chủ nào - người được cho là đã tạo ra thế gian.

Định luật về thời tiết đề cập đến thiên nhiên hay những quy luật của thiên nhiên trong vũ trụ.

Định luật về chủng tử giống như cách cách di truyền được sắp xếp theo trình tự trong cơ thể của mọi chúng sanh hữu tình.

Định luật về nghiệp là phương cách mà các tiềm năng chúng ta tích lũy trong tâm, đưa đến hành động tương quan đến vấn đề hay sự việc.

Định luật về các pháp là những định luật có tính cách riêng biệt mà chúng có liên quan đến Đức Phật...

Những định luật này là một thách thức đối với những sự giải thích mang nặng tính luận lý. Chúng được hiểu biết bởi trí tuệ ở nội tâm hơn là những luận thuyết. Đây là một điều thiết yếu cho sự hiểu biết về cốt lõi của Phật giáo.

9. 3. CÁC CẢNH GIỚI SINH TỒN.

- Ba mươi một cảnh giới sinh tồn. (Dhs)

Sau khi chết, một chúng sanh sẽ tái sinh vào một trong ba mươi một cảnh giới, tùy theo nghiệp thiện hay nghiệp ác mà chính chúng sanh đó tạo ra. tất cả các cảnh giới đó đều phải chịu chi phối bởi luật vô thường trong vũ trụ.

❖ Bốn khổ cảnh (duḡḡati).

1. Địa ngục – niraya. Cảnh giới đầy đau khổ, nơi mà chúng sanh phải chịu sự khổ não tạm thời.

2. Súc sanh – tiracchānayani. Cảnh giới của loài bàng sanh (súc vật).

3. Nga quỷ – peta. Cảnh giới của ma quỷ.

4. A-tu-la – asura. Cảnh giới của a-tu-la.

❖ Bảy lạc cảnh (sugati).

1. Cõi nhân loại (manussa).

2. Sáu cõi trời dục giới (devaloka).

❖ Mười sáu cõi trời sắc giới (rūpaloka).

Cảnh giới của các vị phạm thiên (brahmaloka).

❖ Bốn cõi trời vô sắc (arūpaloka).

Cảnh giới của các vị phạm thiên chỉ có danh pháp, không có hình tướng.

- Thái độ của Đức Phật về chư thiên. (M.II.212)

Thanh niên Bà-la-môn Saṅgārava bạch thế tôn:

- Thưa Tôn giả Gotama, có các chư Thiên không?

- Nay Bhāradvāja, Ta được biết một cách chắc chắn có chư Thiên.

- Nhưng vì sao, thưa Tôn giả Gotama, khi được hỏi có các chư Thiên không, lại hỏi: "Nay Bhāradvāja, Ta được biết một cách chắc chắn có chư Thiên". Sự việc là như vậy, thưa Tôn giả Gotama, thì có phải là hư ngôn, vọng ngữ không?

- Nay Bhāradvāja, nếu khi được hỏi: "Có chư Thiên không?"; cần phải đáp: "Có chư Thiên"; nhưng lại đáp: "Chắc chắn Ta được biết có chư Thiên". Như vậy, một người có trí đi đến kết luận không có gì nghi ngờ nữa, là có chư Thiên.

- Nhưng vì sao Tôn giả Gotama không giải thích như vậy cho con từ khi bắt đầu?

- Nay Bhāradvāja, như vậy đã được lớn tiếng chấp nhận ở đời tức là có chư Thiên.

(Trung Bộ Kinh 2. Kinh Saṅgārava)

Đức Phật đã làm sáng tỏ nhiều sự hoài nghi về chư thiên trong nhiều thời pháp của Ngài. Ý nghĩa quan trọng trong lời dạy này là Đức Phật biết rằng có chư thiên không phải vì nó có tính cách phổ biến hay theo sự tin tưởng mang tính truyền thống mà chỉ bởi vì chính Ngài biết được sự hiện hữu của họ.

- Cõi trời dục giới – devaloka. (Dhs)

Theo Phật giáo, có sáu cõi trời dục giới mà ở nơi đó các chư thiên thọ hưởng những lạc thú thế gian trong một khoảng thời gian thật lâu. Với người Phật tử, mục đích giải thoát cuối

cùng không phải là một sự hiện hữu ở cõi trời mà là được chứng đắc Níp-bàn. Cõi trời dành cho những Phật tử thuần thành, nhưng ở nơi đó cũng có những bất toại nguyện như ở cõi người.

✓ **Tứ đại thiên vương – catummahārājika.**

Cõi trời thấp nhất trong các cõi trời do bốn vị thiên vương cai quản cùng với các tùy tùng của họ.

✓ **Đao lợi thiên – tāvatimsa.**

Cảnh trời của ba mươi ba vị chư thiên, đức trời Đế Thích (sakka) là thiên chủ. Đức Phật đã dạy Vi Diệu Pháp (abhidhamma) để tế độ cho mẫu hậu tại cõi trời này trong ba tháng.

✓ **Dạ ma thiên – yāmā.**

Cõi trời của các chư thiên dạ ma, cõi trời mà mọi sự đau khổ bị tiêu diệt.

✓ **Đâu suất thiên – tusita.**

Cảnh giới của lạc thú, kiếp cuối cùng của bồ tát đã ở cung trời này trước khi Ngài xuất hiện ở cõi nhân loại là thái tử siddhattha.

✓ **Hóa lạc thiên – nimmānaratī.**

Cảnh giới của những vị chư thiên được hưởng lạc thú trong những cung điện đẹp đẽ.

✓ **Tha hóa tư tại thiên – paranimmitavasavattī.**

Cảnh giới của những vị chư thiên có thể tạo ra những tạo vật khác để phục vụ cho mục đích của họ.

- Tuổi thọ của sáu cõi trời dục giới. (A.IV.250)

Việc giữ bát quan trai giới, người Phật tử có thể mong mỗi được tái sinh vào cảnh giới của chư thiên để được hưởng lạc thú ở đó.

❖ Cõi Tứ Đại Thiên Vương.

Năm chục năm ở cõi người bằng một ngày và một đêm ở đây. ở đây cũng có ba mươi ngày trong một tháng và mười hai tháng trong một năm. tuổi thọ của những vị chư thiên này là 500 tuổi trời (khoảng 9 triệu năm ở cõi người).

Năm mươi năm của một đời người, này các Tỷ-kheo, bằng một đêm một ngày của chư Thiên Bốn thiên vương. Ba mươi đêm của đêm ấy làm thành một tháng, mười hai tháng của tháng ấy làm thành một năm. Năm mươi năm chư Thiên của năm ấy làm thành thọ mạng của chư Thiên Bốn thiên vương. Sự kiện này có xảy ra, này các Tỷ-kheo: "Ở đây, có người đàn bà hay đàn ông, sau khi thực hành trai giới thành tựu tám chi phần, sau khi thân hoại mạng chung, được sanh cộng trú với chư Thiên Bốn thiên vương". Do vậy, Ta nói: "Nhỏ nhoi thay, này các Tỷ-kheo, là quyền của loài người, so sánh với hạnh phúc chư Thiên".

❖ Cõi Đạo Lợi.

Một ngày ở cõi trời này bằng một trăm năm ở cõi người. tuổi thọ ở đây là 1.000 năm tuổi trời, tương đương 36 triệu năm ở cõi người.

Một trăm năm của một đời người, này các Tỷ-kheo, bằng một đêm một ngày của chư Thiên cõi trời Ba mươi ba. Ba mươi đêm của đêm ấy làm thành một tháng, mười hai tháng của tháng ấy làm thành một năm. Một ngàn năm chư Thiên của năm ấy làm thành thọ mạng của chư Thiên cõi trời Ba mươi ba. Sự kiện này có xảy ra, này các Tỷ-kheo: "Ở đây, có người đàn

bà hay đàn ông, sau khi thực hành ngày trai giới thành tựu tám chi phần, sau khi thân hoại mạng chung, được sanh cộng trú với chư Thiên cõi trời Ba mươi ba". Do vậy, Ta nói: "Nhỏ nhoi thay, này các Tỷ-kheo, là quyền của loài người, so sánh với hạnh phúc chư Thiên "

❖ Cõi Dạ Ma.

Tuổi thọ ở cõi này là 2.000 năm tuổi trời, một ngày ở đây dài bằng 200 năm ở cõi người (khoảng 144 triệu năm ở cõi người).

Hai trăm năm của một đời người, này các Tỷ-kheo, bằng một đêm một ngày của chư Thiên cõi trời Yàma. Ba mươi đêm của đêm ấy làm thành một tháng, mười hai tháng của tháng ấy làm thành một năm. Hai ngàn năm chư Thiên của năm ấy làm thành thọ mạng của chư Thiên cõi trời Yàma. Sự kiện này có xảy ra, này các Tỷ-kheo: "Ở đây, có người đàn bà hay đàn ông, sau khi thực hành ngày trai giới thành tựu tám chi phần, sau khi thân hoại mạng chung, được sanh cộng trú với chư Thiên cõi trời Yàma". Do vậy, Ta nói: "Nhỏ nhoi thay, này các Tỷ-kheo, là quyền của loài người, so sánh với hạnh phúc chư Thiên".

❖ Cõi Đâu Suất.

Một ngày ở cõi này bằng 400 năm ở cõi người, tuổi thọ ở đây là 4.000 năm tuổi trời, tương đương với 576 triệu năm ở cõi người.

Bốn trăm năm của một đời người, này các Tỷ-kheo, bằng một đêm một ngày của chư Thiên cõi trời Tusitā (Đâu-Xuất). Ba mươi đêm của đêm ấy làm thành một tháng, mười hai tháng của tháng ấy làm thành một năm. Bốn ngàn năm chư Thiên của năm ấy làm thành thọ mạng của chư Thiên cõi trời Tusitā. Sự kiện này có xảy ra, này các Tỷ-kheo: "Ở đây, có người đàn bà hay đàn ông, sau khi thực hành ngày trai giới thành tựu tám chi

phần, sau khi thân hoại mạng chung, được sanh cộng trú với chư Thiên cõi trời Tusitā". Do vậy, Ta nói: "Nhỏ nhoi thay, này các Tỷ-kheo, là quyền của loài người, so sánh với hạnh phúc chư Thiên".

❖ **Cõi Hóa Lạc.**

Một ngày ở cõi này bằng 800 năm ở cõi người, những chư thiên ở đây hưởng thọ lạc thú với tuổi thọ 8.000 năm tuổi trời, khoảng 2.304 triệu năm ở cõi người.

Tám trăm năm của một đời người, này các Tỷ-kheo, bằng một đêm một ngày của chư Thiên cõi trời Hóa lạc. Tám ngàn năm chư Thiên của năm ấy làm thành thọ mạng của chư Thiên cõi trời Hóa lạc. Sự kiện này có xảy ra, ... với hạnh phúc chư Thiên".

❖ **Cõi Tha Hóa Tư Tại.**

Một ngày ở cõi này bằng 1.600 năm ở cõi người, tuổi thọ chư thiên ở đây là 16.000 năm tuổi trời, khoảng 9.216 triệu năm ở cõi người.

Mười sáu trăm năm của một đời người, này các Tỷ-kheo, bằng một đêm một ngày của chư Thiên cõi trời Tha hóa Tư tại. Ba mươi đêm của đêm ấy làm thành một tháng, mười hai tháng của tháng ấy làm thành một năm. Mười sáu ngàn năm chư Thiên của năm ấy làm thành thọ mạng của chư Thiên cõi trời Tha hóa Tư tại. Sự kiện này có xảy ra, này các Tỷ-kheo: "Ở đây, có người đàn bà hay đàn ông, sau khi thực hành ngày trai giới thành tựu tám chi phần, sau khi thân hoại mạng chung, được sanh cộng trú với chư Thiên cõi trời Tha hóa Tư tại. Do vậy, Ta nói: "Nhỏ nhoi thay, này các Tỷ-kheo, là quyền của loài người, so sánh với hạnh phúc chư Thiên".

*(Tăng Chi Bộ Kinh 4. Chương Tám Pháp.
Phẩm Ngày Trai Giới. Phần Ngày Trai Giới)*

Tuổi thọ được lâu dài cho đến đời mà các chư thiên ở những cảnh giới này nghĩ rằng họ được bất tử. Lẽ dĩ nhiên, đây không phải là một ngoại lệ, họ vẫn phải chịu sự vô thường. chỉ có những bậc đã đoạn tận lậu hoặc (A-la-hán) mới thoát khỏi vô thường.

9. 4. CẢNH GIỚI PHẠM THIÊN.

- Bản chất cảnh giới của phạm thiên.

Cao hơn những cõi trời dục giới là những cảnh giới phạm thiên hay còn gọi là sắc giới, nơi mà các vị ấy thọ hưởng hỷ lạc các tầng thiên mà họ đã chứng đắc quan sự từ bỏ dục lạc của ngũ trần.

Cõi sắc giới gồm có mười sáu cảnh trời tương ứng với tầng thiên mà hành giả chứng đắc.

• Cảnh giới sơ thiên có 3 :

1. Phạm chúng thiên – *brahmapārisajjā*.

Cảnh giới của các phạm thiên làm tùy tùng cho các vị phạm thiên.

2. Phạm phụ thiên – *brahmapurohitā*.

Cảnh giới của các vị phạm thiên thân cận với các vị phạm thiên.

3. Đại phạm thiên – *mahābrahmā*.

Cảnh giới của các vị đại phạm thiên.

Theo Ấn Độ giáo, vị đại phạm thiên là vị thượng đế sáng tạo ra vũ trụ.

Cõi trời cao nhất trong ba cõi trời này là đại phạm thiên. sở dĩ được gọi như vậy là vì các vị đại phạm thiên ở đây thọ hưởng hạnh phúc hơn, đẹp đẽ hơn, tuổi thọ nhiều hơn so với

các vị phạm thiên khác nhờ vào phước báo của họ trong việc tu tập phát triển tâm linh.

- **Cảnh giới nhị thiên có 3 :**

4. *Thiếu quang thiên – parittābhā.*

Cảnh giới của các vị phạm thiên có ít hào quang tỏa sáng.

5. *Vô lượng quang thiên – appamāṇābhā.*

Cảnh giới của các vị phạm thiên có hào quang tỏa sáng vô lượng.

6. *Quang âm thiên – ābhassarā.*

Cảnh giới của các vị phạm thiên có hào quang thật rực rỡ.

- **Cảnh giới tam thiên có 3 :**

7. *Thiếu tịnh thiên – parittasubhā.*

Cảnh giới của các vị phạm thiên có hào quang nhỏ.

8. *Vô lượng quang thiên – appamāṇasubhā.*

Cảnh giới của các vị phạm thiên có hào quang vô lượng.

9. *Biến tịnh thiên – subhakiṇhā.*

Cảnh giới của các vị phạm thiên có hào quang vững chắc không xao động.

- **Cảnh giới tứ thiên có 7 :**

10. *Quảng quả thiên – vehapphalā.*

Cảnh giới của các vị phạm thiên hưởng quả rộng lớn.

11. *Vô tướng thiên – asaṇṇīsatta.*

Cảnh giới của các vị phạm thiên không có tâm.

12. *Vô phiền thiên – avihā.*

Cảnh giới của các vị phạm thiên hoàn toàn tinh khiết, trường cửu.

13. *Vô nhiệt thiên – atappā.*

Cảnh giới của các vị phạm thiên hoàn toàn thanh tịnh.

14. *Thiện kiến thiên – sudassana.*

Cảnh giới của các vị phạm thiên hoàn toàn đẹp đẽ.

15. *Thiện hiện thiên – sudassī.*

Cảnh giới của các vị phạm thiên hoàn toàn quang đăng.

17. *Sắc cứu cánh thiên – akiniṭṭhā.*

Cảnh giới của các vị phạm thiên tối thượng.

Các vị đã đắc A-na-hàm trước khi chứng đắc quả vị A-la-hán mà tịch diệt, các vị ấy sẽ tái sinh vào một trong năm cảnh giới sau cùng để tu tập phát triển cuộc sống thánh thiện của họ cho đến khi họ chứng đắc A-la-hán quả và sau đó họ Níp-bàn. Ở cảnh giới thứ 11 được gọi là vô tưởng thiên, các vị phạm thiên này được tái sinh không có tâm thức mà chỉ có sắc pháp.

9. 5. CÁC CHÚNG SANH KHÁC.

- Có ba loại chư thiên. (KhA.123)

Người ta cho rằng chư thiên được chia làm ba hạng.

○ Chư thiên định danh – sammutidevā.

Đó là các vị vua và thái tử được gọi là thiên tử (xuất phát từ tư tưởng của người Ấn Độ, từ ngữ "vua trời" được chấp nhận như một tước vị bởi các vị vua của xứ Campuchia...)

○ Chư thiên hóa sanh – upapattidevā.

Đó là các chư thiên sinh tồn trong các cõi trời.

○ **Chư thiên thanh tịnh – visuddhidevā.**

Đó là chư Phật và các bậc a-la-hán.

- Nga quỷ - peta. (Pv)

Có bốn nhóm nga quỷ bất hạnh.

- Hạng nga quỷ bị đau khổ bởi sự thiêu đốt các căn.
- Hạng nga quỷ bị đau khổ bởi sự đói khát.
- Hạng nga quỷ phải chịu sống khổ sở ở những nơi bẩn thỉu, dơ dáy.
- Hạng nga quỷ chờ đợi thọ hưởng phước báu của thân bằng quyến thuộc để thoát khỏi sự đau khổ của họ.

- Từ ma vương đến đạo sĩ Gotama.

"Ngài trông ốm, xanh xao
Bị thần chết ngự trị
Muôn phần trên cơ thể
Đã ký gửi tử thần
Nhưng mạng sống vẫn còn
Quả là điều dũng cảm
Vậy Ngài ơi! hãy sống
Cuộc sống vẫn tốt hơn
Còn sống, hãy tạo phước
Sống cuộc đời thánh thiện
Hãy đốt lên ngọn lửa
Giải thoát là nhiên liệu
Sáng cả trời công đức

Đấu tranh bạn được gì?
Bồi con đường tranh đấu
Khó khăn và hiểm trở
Chịu đựng nổi, mấy ai!"

(Cuộc đời Đức Phật – Ven.Nāṇamoli)

- Địa ngục ở đâu? (S.IV.206)

"Khi có một người dốt nát quả quyết rằng có một địa ngục ở dưới đáy đại dương – pātāla, đó là một khái niệm để nói lên cảm giác đau đớn của bản thân".

Kẻ vô văn phạm phu, khi cảm giác khổ thọ về thân, thời sầu muộn, than vãn, khóc lóc, đâm ngực, đi đến bất tỉnh. Nay các Tỷ-kheo, đây gọi là kẻ vô văn phạm phu không đứng lên trên vực thẳm, không đạt tới chỗ chân đứng.

*(Tương Ưng Bộ Kinh 4. Tương Ưng Thọ.
Phẩm Có Kệ. Phần Vực Thẳm)*

- Sự chọc phá và nổi khổ của ma vương. (Sn.74)

Có một dịp ma vương đến gặp bồ tát lúc Ngài sắp thành Phật và đề nghị rằng:

"Ngài nên trở về cung điện của Ngài để tận hưởng lạc thú của cuộc đời và tạo phước báu".

Đức bồ tát nói với ma vương :

"Không còn một chút công đức nào hữu dụng đối với ta cả (phước báu không còn là mục đích quan trọng đối với người khao khát tầm cầu sự giác ngộ)".

- Năm thứ ma. (Vism.211)

Những ma vương là sự nhân cách hóa của nhiều trạng thái khác nhau. Theo Phật giáo, có năm thứ ma :

- **Thiên tử ma – devaputtamāra.**

Hạng chư thiên chuyên phá phách, xúi người làm ác, ngăn làm điều thiện.

- **Phiền não ma – kilesamāra.**

Ấm chỉ những dục vọng xấu xa do gốc tam độc mà ra.

- **Hành vi ma – abhisāṅkhāmāra.**

Ấm chỉ mọi thiện nghiệp hay ác nghiệp trôi buộc con người trong vòng sanh tử luân hồi.

- **Ngũ uẩn ma – khandhamāra.**

Ấm chỉ sự kết hợp của sắc, thọ, tưởng, hành, thức đưa chúng sanh đến nỗi sầu, bi, khổ, não.

- **Tử thân ma – maccumāra.**

Ấm chỉ nói về sự chết của chúng ta.

- Đạo quân ma.

"Ngũ dục đạo ma đầu
Buồn chán đứng thứ hai
Đói khát hạng thứ ba
Tham ái là thứ bốn
Hôn thục xếp thứ năm
Nhu hèn vào thứ sáu
Hoài nghi hạng thứ bảy
Sân hận và cứng đầu
Được xếp hàng thứ tám

Danh dự, được, tiếng thơm
Ác tâm ai cũng biết
Kiêu mạn, chê bai người
Đây là đạo quân ma."

(Cuộc Đòi Đức Phật – Ven.Ñāṇamoli)

- Bảy phẩm hạnh chánh yếu. (S.I.229)

Này các Tỷ-kheo, thuở xưa, khi Thiên chủ Sakka còn làm người, vị này chấp trì và thật hành bảy cấm giới túc. Nhờ chấp trì bảy cấm giới túc này, Sakka được địa vị Sakka.

Thế nào là bảy cấm giới túc?

Cho đến trọn đời, tôi hiếu dưỡng cha mẹ (yāvajīvaṃ mātāpettibharo assaṃ).

Cho đến trọn đời, tôi kính trọng bậc gia trưởng (yāvajīvaṃ kule jettḥāpacāyī assaṃ).

Cho đến trọn đời, tôi nói lời nhu hòa (yāvajīvaṃ saṇhāvāco assaṃ).

Cho đến trọn đời, tôi không nói lời hai lưỡi (yāvajīvaṃ apisuṇavāco assaṃ).

Cho đến trọn đời, với tâm ly cấu uế và xan tham, tôi sống trong gia đình với tâm bố thí, với tay sạch sẽ, hoan hỷ thí xả, nhiệt tình đáp ứng các yêu cầu, sung sướng phân phối vật bố thí (yāvajīvaṃ vigatamalamaccherena cetasā agāraṃ ajjhāvaseyyaṃ muttacāgo payatapāṇi vossaggarato yācayogo dānasaṃvibhāgarato).

Cho đến trọn đời, tôi nói lời chân thật (yāvajīvaṃ saccavāco assaṃ).

Cho đến trọn đời, tôi không phần nộ, nếu tôi có phần nộ, tôi sẽ mau chóng dẹp trừ phần nộ ấy (yāvajīvaṃ akkodhano assaṃ – sacepi me kodho uppajjeyya, khippameva naṃ paṭivineyyaṃ).

Này các Tỷ-kheo, thuở xưa, khi Thiên chủ Sakka còn làm người, vị này chấp trì và thật hành bảy cấm giới túc. Nhờ chấp trì bảy cấm giới túc này, Sakka được địa vị Sakka.

(Tương Ưng Bộ Kinh 1. Tương Ưng Sakka. Phẩm Thứ Hai. Phần Chư Thiên)

9. 6. NGUỒN GỐC VÀ NGƯỜI SÁNG TẠO.

**- Niềm tin vào người sáng tạo chỉ là một khái niệm.
(M.II.32)**

Thuyết về nhân quả tương quan.

Này Udāyi, hãy dừng lại ở quá khứ, hãy dừng lại ở tương lai! Ta sẽ thuyết pháp cho Ông : Cái này có mặt thì cái đây có mặt; do cái này sanh, cái đây sanh. Cái này không có mặt thì cái đây không có mặt; do cái này diệt, cái đây diệt.

(Trung Bộ Kinh 2. Tiểu Kinh Sakuludāyi)

Đây là trích đoạn của pháp Duyên khởi (*paṭicca-samuppāda*) giải thích về sự hiện hữu của chúng sanh. Tùy thuộc điều kiện cho sự sanh tồn của chúng sanh đã được làm sáng tỏ trong pháp duyên khởi. Những hiện tượng xảy ra là một tiến trình không có hồi kết của sự sinh khởi và dừng lại, là kết quả của nhiều nhân duyên. Vì vậy, chúng có vẻ hơi đối nghịch với những điều thấy được để suy cứu điểm khởi đầu của các hiện tượng. Ngay như những nhân duyên đưa đến sự sinh khởi một hiện tượng riêng biệt cũng sinh ra tùy theo điều kiện và

như vậy không có khả năng tồn tại sự hiện hữu mãi mãi của chúng sanh được.

Theo Phật giáo, tìm kiếm một nguyên nhân đầu tiên thì không có gì khác hơn là sự suy cứu sai trái. Nó trái ngược với điều kiện thấy được và những điều có thể chứng minh được cùng với bản chất của hiện tượng. Khái niệm của một đấng sáng tạo được tuyên bố loại bỏ.

- Đấng sáng tạo - Đại phạm thiên. (Jā.543)

Trong túc sanh truyện Bhūridatta, đức bồ tát đã hỏi vị thiên chủ về sự phán quyết của đấng sáng tạo như sau:

Người ấy có đôi mắt dị tật, tại sao thiên chủ không làm cho tạo vật của ông ta được toàn vẹn?

Nếu quyền lực của ông ta rộng lớn, có thể gìn giữ được tất cả, tại sao đôi tay ông ta ít rộng mở để ban phúc lành?

Tại sao những tạo vật của ông ta bị xử phạt phải chịu khổ đau?

Tại sao ông ta không ban phát cho tất cả được hạnh phúc?

Tại sao những kẻ lừa đảo, nói láo, ngu dốt còn nhiều ở thế gian?

Tại sao có những cuộc chiến thắng đầy giả dối mà sự thật và công lý lại thua?

Ta coi vị thiên chủ là một trong những kẻ bất công.

Người đã tạo ra thế gian mà ở đó che đậy điều sai trái.

*Vọng ngữ tham lam thuyết đảo điên,
Kẻ ngu tin tưởng chuyện hư huyền,
Ai người có mắt nhìn toàn cảnh,*

Sao chẳng công bình, hỡi Phạm thiên?

*Nếu quyền vô hạn khắp nơi nơi,
Sao chính tay ban phúc hiếm hoi,
Sao vật ngài sinh đều chịu khổ,
Sao không ban phúc đến muôn loài?*

*Lừa dối ngu si ở khắp nơi,
Trần đầy hư vọng, chánh chân vơi,
Phạm thiên là vị bất công quá,
Đã tạo thế gian lắm trái sai.*

- Những chúng sanh không thể tạo phước. (A.IV.224)

Tám chỗ sau đây mà ở nơi đó chúng sanh không thể tạo phước (phát triển tâm linh), được coi như tình trạng không thích hợp để phát triển cuộc sống cao thượng :

- Địa ngục, cảnh giới của nạ quỷ và loài bàng sanh.

Cảnh giới chịu khổ đau, sự đau khổ liên tục.

- Cõi vô sắc.

Nơi các vị phạm thiên sinh tồn mà không có hình tướng.

- Cõi vô tướng.

Nơi mà các vị phạm thiên không có tâm thức.

- Những chúng sanh ở hành tinh khác hay ở thế giới hệ khác trong vũ trụ.

- Những chúng sanh mà các giác quan bị dị tật hay suy nhược, mất khả năng điều khiển chúng.

- Những chúng sanh bám chắc tà kiến.

▪ Khi có một vị Phật xuất hiện hay giáo pháp của Ngài không còn tồn tại mà lúc đó xã hội trở nên vô đạo đức hay không màng đến cuộc sống cao thượng.

▪ Ở những nơi mà chúng sanh không có cơ hội để nghe và học hỏi giáo pháp.

Này các Tỷ-kheo, có tám phi thời, phi thời tiết cho đời sống Phạm hạnh. Thế nào là tám?

Ở đây, này các Tỷ-kheo, Như Lai xuất hiện ở đời, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác, Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhân Sư, Phật, Thế Tôn. Và pháp được giảng đưa đến an tịnh, đưa đến tịch tịnh, đưa đến giác ngộ, được bậc Thiện Thệ tuyên bố. Và người này lại bị sanh vào địa ngục. Này các Tỷ-kheo, đây là phi thời, phi thời tiết thứ nhất cho đời sống Phạm hạnh.

Lại nữa, này các Tỷ-kheo, Như Lai xuất hiện ở đời, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác ... Phật, Thế Tôn và pháp được giảng đưa đến an tịnh, đưa đến tịch tịnh, đưa đến giác ngộ, được bậc Thiện Thệ tuyên bố. Và người này lại bị sanh vào loại bàng sanh ... người này lại bị sanh vào cõi ngạ quỷ ... người này lại bị sanh vào giữa chư Thiên giới có thọ mạng lâu dài ... người này lại bị sanh vào các biên địa, giữa những kẻ vô trí mọi rợ, tại đây, không có hướng đi cho các Tỷ-kheo, cho các Tỷ-kheo -Ni, cho nam cư sĩ, nữ cư sĩ ... và người này được sanh vào chánh địa, nhưng lại có tà kiến, có tri kiến đảo ngược: "Không có bố thí, không có lễ hy sinh, không có tế tự, không có quả dị thực các nghiệp thiện ác, không có đời này, không có đời khác, không có mẹ, không có cha, không có loại hóa sanh, ở đời không có những Sa-môn, những Bà-la-môn chánh hướng chánh hạnh, đã tự mình chứng tri giác ngộ và truyền dạy lại đời này, đời khác ..." và người này được sanh vào đây chánh địa, nhưng người ấy lại ác tuệ, si mê, căm điếc, không có thể

hiểu rõ ý nghĩa của một lời nói khéo, nói hay, nói dở. Đây các Tỷ-kheo, đây là phi thời, phi thời tiết thứ tám cho đời sống Phạm hạnh.

Này các Tỷ-kheo, có tám phi thời, phi thời tiết này cho đời sống Phạm hạnh.

(Tăng Chi Bộ Kinh 4. Chương Tám Pháp.
Phẩm Gia Chủ. Phần Không Phải Thời)

9. 7. THỂ GIỚI CỦA NGŨ UẨN.

- Ba sự hiện hữu – bhava. (A.I.223)

 **Dục hữu – kāmabhava.**

Là danh sắc của chúng sanh cõi dục giới.

 **Sắc hữu – rūpabhava.**

Là các uẩn của của các phạm thiên cõi sắc giới (cảnh giới phạm thiên thọ hỷ lạc thân tướng).

 **Vô sắc hữu – arūpabhava.**

Là các danh uẩn của các phạm thiên cõi vô sắc giới (cảnh giới phạm thiên mà ở đó chỉ có tâm thức chú không có thân tướng).

Trong khi từ ngữ "loka - cõi" hay "dhātu - giới" (như kāmaloaka – cõi dục, kāmadhātu - dục giới) nhấn mạnh về nơi chốn mà chúng sanh được tái sanh theo nghiệp của họ. Còn từ ngữ "bhava - hữu" nhấn mạnh đến nghiệp tạo tác. Nếu có sự tham ái để thỏa mãn các căn, từ những hành động bất thiện thì chúng sanh phải chịu tái sanh vào bốn khổ cảnh (duggati); còn những chúng sanh biết kiềm chế mọi tham muốn của dục vọng qua sự tu tập cuộc sống đạo hạnh, hành thiện và chúng đắc các

tăng thiên thì những chúng sanh đó sẽ được tái sanh lại làm người hay tái sanh vào cảnh giới của chư thiên hoặc phạm thiên.

Có những chúng sanh vẫn còn ham muốn được thân tướng, họ tu tập phát triển thiện pháp để mong được tái sanh về cõi hữu sắc. Còn có hạng chúng sanh lại không còn ham muốn về thân tướng nên họ tinh tấn tu đề được tái sanh về cõi vô sắc. Bất kể chúng sanh được tái sanh về đâu trong vòng luân hồi thì mọi hình thái của sự sinh tồn cũng đều được phân loại trong ba cõi này.

- *Này Ānanda, nếu không có hành động (nghiệp) và sự chín muồi của dục giới thời dục hữu có thể trình bày được không?*

- *Thưa không, bạch Thế Tôn.*

- *Như vậy, này Ānanda, nghiệp là thừa ruộng, thức là hạt giống, ái là sự nhuận ướt. Chúng sanh bị vô minh che lấp, bị ái trói buộc, nên thức được an lập trong giới thấp kém. Như vậy, trong tương lai có sự tái sanh sanh khởi. Như vậy, này Ānanda, hữu có mặt.*

*(Tăng Chi Bộ Kinh 1. Chương Ba Pháp. Phẩm Ānanda.
Phần Hiện Hữu)*

- Các yếu tố hình thành chúng sanh. (A.I.224)

Toàn thể sự hiện hữu của chúng sanh đều được suy đoán dưới hình thức phân loại của tập hợp ngũ uẩn.

Bất cứ cảnh giới nào mà chúng sanh được tái sanh, nó gồm cả ngũ uẩn - bốn nhóm thuộc về danh (*nāma*) và một nhóm thuộc về sắc (*rūpa*).

Những chúng sanh ở cõi vô sắc (ám chỉ các phạm thiên cõi vô sắc) chỉ có bốn danh uẩn. Còn một cảnh giới khác nữa thuộc về cõi sắc, ở đó các chúng sanh chỉ có một nhóm sắc uẩn tồn tại thôi (ám chỉ phạm thiên ở cõi vô tướng chỉ có thân tướng mà không có tâm thức).

- Sự chấm dứt của thế gian là ảo tưởng. (S.I.61)

Thiên tử Rohitassa bạch Thế Tôn:

- Bạch Thế Tôn, tại chỗ nào không có sanh, không có già, không có chết, không có diệt, không có khởi, làm sao, bạch Thế Tôn, với bộ hành, có thể biết được, hay thấy được, hay đạt được sự tận cùng của thế giới?

- Nay Hiền giả, tại chỗ nào không có sanh, không có già, không có chết, không có diệt, không có khởi, Ta nói rằng tại chỗ ấy, không có thể với bộ hành, biết được, hay thấy được, hay đạt được sự tận cùng của thế giới.

- Thật vi diệu thay, bạch Thế Tôn! Thật hy hữu thay, bạch Thế Tôn! Thế Tôn đã nói lên điều khéo nói như vậy: "Nay Hiền giả, tại chỗ nào không sanh, không già, không chết, không diệt, không khởi, Ta nói rằng tại chỗ ấy, không có thể với bộ hành biết được, hay thấy được, hay đạt được sự tận cùng của thế giới".

Bạch Thế Tôn, thuở trước, con tên là Rohita con của Bhoja, có thần thông, có thể đi giữa hư không. Bạch Thế Tôn, tốc lực con mau lạ cho đến con có thể bay, như người thợ bắn cung lão luyện, khéo tập, khéo luyện, thuần thục, thiện xảo, với một cây cung chắc mạnh không gì khó khăn, có thể bắn một mũi tên nhẹ bay vượt qua bóng tối của cây tala.

Và bạch Thế Tôn, bước đi của con dài cho đến con có thể bước từ biển phía Đông qua biển phía Tây. Và ở nơi con, bạch

Thế Tôn, khởi lên sự ước muốn như sau: "Với bộ hành, ta có thể đạt đến được sự tận cùng của thế giới".

Và bạch Thế Tôn, dầu cho tốc lực của con mau đến như vậy, và dầu cho con có bước dài đến như vậy, và dầu cho con không có dừng để ăn, hay uống, hay nhai, hay ném, dầu cho con không có đại tiện, tiểu tiện, dầu cho con không ngủ, không bị mệt nhọc, không trừ cầu uế, dầu cho trăm năm là tuổi thọ thường tình, dầu cho trăm năm là mạng sống thường tình, tuy con đi hơn trăm năm và bị mệnh chung, con cũng không thể đạt đến sự tận cùng của thế giới.

*(Tương Ưng Bộ Kinh I. Tương Ưng Thiên Tử.
Phẩm Các Ngoại Đạo. Phần Rohita)*

- Vòng luân hồi không chấm dứt. (S.I.173)

*Punappunañceva vapanti bījaṃ,
Punappunaṃ vassati devarājā;
Punappunaṃ khettaṃ kasanti kassakā,
Punappunaṃ dhaññaṃupeti raṭṭhaṃ.*

*Nhiều lần và nhiều lần,
Chúng gieo vãi hạt giống.
Nhiều lần và nhiều lần,
Trời mưa đi, mưa lại.
Nhiều lần và nhiều lần,
Người nông phu cày ruộng.
Nhiều lần và nhiều lần,
Lúa gạo đến quốc độ.*

*Punappunaṃ yācakā yācayanti,
punappunaṃ dānapatī dadanti;
Punappunaṃ dānapatī daditvā,
Punappunaṃ saggamupenti tñānaṃ.*

Nhiều lần và nhiều lần,
Hành khát lại xin ăn.
Nhiều lần và nhiều lần,
Thí chủ lại bố thí.
Nhiều lần và nhiều lần,
Thí chủ sau khi cho.
Nhiều lần và nhiều lần,
Được đi đến thiên giới.

*Punappunam khīranikā duhanti,
Punappunam vaccho upeti mātaram;
Punappunam kilamati phandati ca,
Punappunam gabbhamupeti mando.*

Nhiều lần và nhiều lần,
Người làm sữa vắt sữa,
Nhiều lần và nhiều lần,
Bò con tìm bò mẹ.
Nhiều lần và nhiều lần,
Mệt sức và lao khổ.
Nhiều lần và nhiều lần,
Kẻ ngu nhập bào thai.

*Punappunam jāyati mīyati ca,
Punappunam sivathikam haranti;
Maggāñca laddhā apunabbhavāya,
Na punappunam jāyati bhūripaṇṇo.*

Nhiều lần và nhiều lần,
Lại sanh rồi lại chết.
Nhiều lần và nhiều lần,
Họ mang đến nghĩa địa.
Họ được đường giải thoát,
Không đưa đến tái sanh.

*Bậc đại trí, đại tuệ,
Không sanh đi, sanh lại.*
(*Tương Ưng Bộ Kinh 1. Tương Ưng Bà La Môn.
Phẩm Cư Sĩ. Phần Udaya*)

- Ba cảnh giới.

★ **Cõi dục giới – kāmaloaka.**

Là nơi mà chúng sanh được thọ hưởng các dục lạc (bàng sanh, nhân loại và chư thiên dục giới).

★ **Cõi sắc giới – rūpaloka.**

Là nơi mà các vị phạm thiên thọ hưởng lạc thú qua hình tướng thật vi tế của các Ngài ở cõi hữu sắc.

★ **Cõi vô sắc giới – arūpaloka.**

Là nơi mà các vị phạm thiên đã trút bỏ mọi phiền toái của thân tướng, không có thân tướng.

- Ngũ uẩn – pañcakkhandha. (S.III.26)

Sự sống còn của con người bao gồm bốn nhóm thuộc về tâm được gọi là danh pháp (nāma) và tứ đại thuộc về vật chất được gọi là sắc pháp (rūpa).

✓ **Sắc uẩn – rūpakkkhandha.**

Phân vật chất, gồm có bốn nguyên tố là đất, nước, lửa, gió.

✓ **Thọ uẩn – vedanākkhandha.**

Nhóm cảm giác đưa đến trạng thái vui, buồn, sợ...

✓ **Tưởng uẩn – saññākkhandha.**

Nhóm nhận biết các đối tượng qua các căn.

✓ **Hành uẩn – saṅkhārakkhandha.**

Nhóm hình thành của tâm hay hững khuynh hướng tạo tác ở tâm.

✓ **Thức uẩn – viññāṇakkhandha.**

Nhóm tâm thức, hoạt động của nhóm này kết hợp với ba uẩn thuộc về tâm xuất hiện trước đó cùng với sáu xứ (sáu đối tượng của sáu căn).

Để hiểu được thế giới bên kia, người ta phải quán tưởng đến tứ đại mà chúng là những hợp thành của chúng sanh.

- Bản chất của các nguyên đại. (M.I.185-190)

Bốn nguyên đại là đất (paṭhavī), nước (āpo), lửa (tejo) và gió (vāyo). Những nguyên đại này không giống như đất, nước, lửa, gió thông thường mà là những năng lực cơ bản.

• **Đất – pathavī.**

Là những phần tử phụ thuộc, tầng lớp vật chất bên dưới. không có nó, con người không thể chiếm ngự khoảng không gian. Đặc tính của nó là cứng và mềm mại; tương đối thuần khiết, đó là hai điều kiện của phần tử riêng lẻ này.

• **Nước – āpo.**

Là phần tử có tính cách kết dính với nhau. Không giống như đất, nó không thể sờ chạm được, chính phần tử này làm cho các phần tử vật chất rời rạc được liên kết lại và cho ra ý tưởng "thân thể".

Khi có một số người bị xúc động thì phần tử này trở nên nổi bật hơn dưới dạng chất lỏng. Những phần tử phụ thuộc và kết dính thường có sự liên hệ mật thiết với nhau, khi phần tử kết dính dừng lại thì những phần tử phụ thuộc biến mất.

- **Lửa – tejo.**

Là phần tử có tính chất nóng và lạnh. cả hai sự nóng và lạnh gom vào lửa bởi vì chúng chiếm hữu sức mạnh của con người. lửa, nói một cách khác chính là năng lượng cho sự sống còn của sinh mạng. Phần tử này cũng bị hủy hoại và cần được duy trì. Không giống như ba nhóm vật chất trọng yếu kia, phần tử này có sức mạnh tự phát sinh lại bởi chính nó.

- **Gió – vāyo.**

Là phần tử có tính chất chuyển động. kết chặt với lửa không thể tách ly ra được chính là gió. Mọi sự di chuyển đều do phần tử này. Sự chuyển động được xem như là lực lượng hay máy phát ra hơi nóng. sự chuyển động và hơi nóng ở cõi sắc giới tương hợp với nhau một cách tương đối so với tâm thức và nghiệp ở lãnh vực tâm linh.

Bốn nguyên đại này cùng phối hợp vì nó không thể tách rời nhau được, nhưng đôi khi một nguyên đại này có thể chiếm ưu thế nhiều hơn các nguyên đại khác. Ví dụ như đất gập đất, nước gập nước, lửa gập lửa, gió gập không khí.

- Hãy đạt được sự giải thoát ở thế gian. (Ud.33)

*Evametam yathābhūtam,
Sammappaññāya passato;
Bhavataṇhā pahīyati,
Vibhavaṃ nābhinandati.
Sabbaso taṇhānaṃ khayā,*

*Asesavirāgaṇirodho nibbānaṃ;
Tassa nibbutassa bhikkhuno,
Anupādā punabbhavo na hoti;
Abhibhūto māro vijitasāṅgāmo,
Upaccagā sabbabhavāni tādī.*

*Hãy xem đời rộng này,
Bị vô minh chi phối,
Các sanh loại được sanh,
Ưu thích được sanh khởi,
Không thoát được sanh hữu.
Với ai đốt sanh hữu,
Tất cả mọi thời, xứ,
Tất cả sanh hữu này,
Vô thường khổ biến hoại,
Như vậy, thấy như thật,
Với chơn chánh trí tuệ,
Hữu ái được đoạn tận,
Phi hữu ái hoan hỷ
Đoạn diệt ái hoàn toàn,
Ly tham, diệt, hoàn toàn,
Như vậy là Niết Bàn,
Tỷ-kheo ấy mát lạnh,
Không chấp thủ tái sanh,
Nhiếp phục được ma vương,
Trận chiến đã chiến thắng,
Vị Tỷ-kheo như vậy,
Vượt qua mọi sanh hữu.*

- Pháp nhãn – dhammacakka. (S.V.423)

Trong khi lời dạy này được tuyên bố, Tôn giả Kondañña khởi lên pháp nhãn thanh tịnh, không cấu uế như sau: "Phàm vật gì được tập khởi, tất cả pháp ấy cũng bị đoạn diệt".

(Tương Ưng Bộ Kinh 5. Tương Ưng Sự Thật. Phẩm Chuyển Pháp Luân. Phần Như Lai Thuyết)

- Bánh xe sinh tồn. (S.II.184)

Vì như, này các Tỷ-kheo, một cây gậy được ném lên trên hư không, khi thì rơi trên đầu gối, khi thì rơi chạng giữa, khi thì rơi đầu ngọn. Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, các chúng sanh bị vô minh che đậy, bị tham ái trói buộc, lưu chuyển luân hồi, khi thì từ thế giới này đi thế giới khác, khi thì từ thế giới khác đến thế giới này.

Vì sao? Vô thí là luân hồi, này các Tỷ-kheo, khởi điểm không thể nêu rõ đối với lưu chuyển luân hồi của các chúng sanh bị vô minh che đậy, bị tham ái trói buộc.

Cũng vậy, đã lâu ngày, này các Tỷ-kheo, các Ông chịu đựng khổ, chịu đựng thống khổ, chịu đựng tai họa, và các mộ phần ngày một lớn lên.

Cho đến như vậy, này các Tỷ-kheo, là vừa đủ để các Ông nhàm chán, là vừa đủ để các Ông từ bỏ, là vừa đủ để các Ông giải thoát đối với tất cả các hành.

(Tương Ưng Bộ Kinh 2. Tương Ưng Vô Thi. Phẩm Thứ Nhất. Phần Cây Gậy)

CHƯƠNG 10
NHỮNG KHÁI NIỆM CHỦ
YẾU
CỦA GIÁO PHÁP

10. 1. CON ĐƯỜNG PHẬT GIÁO.

- Nét đại cương về con đường Phật giáo.

Nhiều khái niệm về Phật giáo đã được giải thích tuần tự theo một hệ thống trong những bài kinh cũng như trong những chú giải. Chúng giúp người ta hiểu biết được Phật giáo tốt đẹp hơn. Những khái niệm này cũng giúp chúng ta có thể tóm lược những lời dạy của Đức Phật thành một đại cương có kết cấu vững chắc cho "con đường Phật giáo".

- Ba giai đoạn của giáo pháp. (Vism.25)

Giáo pháp (lời dạy của Đức Phật) không gì khác hơn là những phương tiện để đạt được giải thoát. Giáo pháp là một sự thực hành có hệ thống để chúng ngộ được mục đích của lời dạy của Đức Phật. Như một chân lý, giáo pháp là những phương tiện đưa đến sự giác ngộ chứng đắc Níp-bàn. học hỏi và tìm hiểu được giáo pháp rất hữu ích cho việc thực hành giáo pháp, từ đó có ba giai đoạn cho giáo pháp.

○ Pháp học – pariyattidhamma.

Những Phật ngôn cần phải được học hiểu.

○ Pháp hành – patipattidhamma.

Những sự thực hành theo những Phật ngôn đã được học hiểu rành rẽ.

○ Pháp thành – pativedhadhamma.

Sự chứng ngộ được đạo quả.

- Ba loại đau khổ - dukkha. (Vism.499)

• **Khổ khổ – dukkhadukkha.**

Tất cả trạng thái đau khổ thuộc về thân và tâm như : sanh, già, bệnh, chết và những trạng thái đau đớn khác.

• **Hoại khổ – viparināmadukkha.**

Những sự bất toại nguyện mà con người phải hứng chịu hay khi có được một sự hài lòng, ưa thích bỗng dưng bị biến mất hoặc phải chịu sự thay đổi.

• **Hành khổ – saṅkhāradukkha.**

Khi có sự thay đổi vô thường một cách tự nhiên của ngũ uẩn xuất hiện trong đời. sự chấp thủ vào chúng sẽ gây ra đau khổ cho người.

- Ba loại tham ái - taṇhā. (S.V.421)

Có ba loại tham ái. sự tham ái dẫn đến sự tái sanh.

▪ **Dục ái – kāmataṇhā.**

Những dục vọng, ham muốn thọ hưởng dục lạc.

▪ **Hữu ái – bhavataṇhā.**

Những dục vọng, ham muốn cho sự sinh tồn, đặc biệt làm ham muốn được trường sanh bất tử.

▪ **Phi hữu ái – vibhavataṇhā.**

Những dục vọng, ham muốn cho sự không còn sinh tồn.

- Bốn loại vật thực nuôi dưỡng chúng sanh. (S.II.100)

Những chất liệu hỗ trợ cho sự luân hồi, cho cuộc sống và cho các uân sau khi chết được gọi là vật thực hay chất bổ dưỡng (āhāra) nuôi dưỡng chúng sanh.

Này các Tỷ-kheo, có bốn loại đồ ăn này đưa đến sự tồn tại, hay sự chấp thủ tái sanh cho các loài hữu tình hay chúng sanh.

Thế nào là bốn? Đoàn thực hoặc thô, hoặc tế; thứ hai là xúc thực; thứ ba là tư niệm thực; thứ tư là thức thực.

Này các Tỷ-kheo, bốn loại đồ ăn này đưa đến sự tồn tại, hay sự chấp thủ tái sanh cho các loài hữu tình hay các loài chúng sanh.

*(Trung Ưng Bộ Kinh 2. Trung Ưng Nhân Duyên.
Đại Phẩm Thứ Bảy. Phần Thập Đứa Con)*

- Cội nguồn của bốn vật thực. (M.I.262)

Nguồn cội của bốn loại vật thực là tham ái. Cảm thọ làm duyên cho tham ái. Xúc chạm làm duyên cho cảm thọ. Lục căn là nguồn gốc của xúc chạm. Sáu xứ có nguồn gốc ở danh và sắc. Danh và sắc bắt nguồn từ tâm thức. Nghiệp hữu làm sinh khởi tâm thức, trong khi đó có vô minh là cội nguồn của nó.

Và này các Tỷ-kheo bốn món ăn này, lấy gì làm nhân duyên, lấy gì làm tập khởi, lấy gì làm sanh chủng, lấy gì làm nguyên nhân? Bốn món ăn này lấy ái làm nhân duyên, lấy ái làm tập khởi, lấy ái làm sanh chủng, lấy ái làm nguyên nhân. Này các Tỷ-kheo, ái này lấy gì làm nhân duyên, lấy gì làm tập khởi, lấy gì làm sanh chủng, lấy gì làm nguyên nhân? Ái lấy thọ làm nhân duyên, lấy thọ làm tập khởi, lấy thọ làm sanh chủng, lấy thọ làm nguyên nhân. Này các Tỷ-kheo, thọ này lấy gì làm

nguyên nhân, lấy gì làm tập khởi, lấy gì làm sanh chủng, lấy gì làm nguyên nhân? Thọ lấy xúc làm nhân duyên, lấy xúc làm tập khởi, lấy xúc làm sanh chủng, lấy xúc làm nguyên nhân. Nay các Tỷ-kheo, xúc này lấy gì làm nhân duyên, lấy gì làm tập khởi, lấy gì làm sanh chủng, lấy gì làm nguyên nhân? Xúc lấy sáu nhập làm nhân duyên, lấy sáu nhập làm tập khởi, lấy sáu nhập làm sanh chủng, lấy sáu nhập làm nguyên nhân. Nay các Tỷ-kheo, sáu nhập này lấy gì làm nhân duyên, lấy gì làm tập khởi, lấy gì làm sanh chủng, lấy gì làm nguyên nhân? Sáu nhập lấy danh sắc làm nhân duyên, lấy danh sắc làm tập khởi, lấy danh sắc làm sanh chủng, lấy danh sắc làm nguyên nhân. Nay các Tỷ-kheo, danh sắc này lấy gì làm nhân duyên, lấy gì làm tập khởi, lấy gì làm sanh chủng, lấy gì làm nguyên nhân? Danh sắc lấy thức làm nhân duyên, lấy thức là tập khởi, lấy thức làm sanh chủng, lấy thức làm nguyên nhân. Nay các Tỷ-kheo, thức này lấy gì làm nhân duyên, lấy gì làm tập khởi, lấy gì làm sanh chủng, lấy gì làm nguyên nhân? Thức lấy hành làm nhân duyên, lấy hành làm tập khởi, lấy hành làm sanh chủng, lấy hành làm nguyên nhân. Nay các Tỷ-kheo, các hành này lấy gì làm nhân duyên, lấy gì làm tập khởi, lấy gì làm sanh chủng, lấy gì làm nguyên nhân? Các hành lấy vô minh làm nhân duyên, lấy vô minh làm tập khởi, lấy vô minh làm sanh chủng, lấy vô minh làm nguyên nhân.

(Trung Bộ Kinh I. Đại Kinh Đoạn Tận Ái)

- Lục căn. (M.III.216)

- **Nhãn – cakkhu.**

Nhãn vật là phần nền của cảm giác nằm trong con người; ở đó thần kinh thị giác được phát sinh.

- **Nhĩ – sota.**

Nhĩ vật là phần nền của cảm giác nằm trong lỗ tai, nơi mà thần kinh nhĩ được phát sinh.

- **Tỷ – ghāṇa.**

Tỷ vật là phần nền của cảm giác nằm trong lỗ mũi, nơi mà thần kinh tỷ được phát sinh.

- **Thiệt – jivhā.**

Thiệt vật là phần nền của cảm giác nằm ở bề mặt của lưỡi, nơi mà thần kinh thiệt được phát sinh.

- **Thân – kāya.**

Thân vật là phần nền của cảm giác, thâm nhập khắp nơi trong cơ thể từ đầu đến bàn chân, nơi mà thần kinh xúc giác được phát sinh.

- **Ý – mana.**

Nền tảng của tâm (ý vật) là tính chất của tứ đại rất tinh xảo, nằm ở trái tim, nơi mà tâm thức được phát sinh ra chính yếu (theo các triết gia thời xưa thì tin tưởng rằng tâm đặt nền tảng ở trái tim).

- Ba mươi bảy pháp trợ bồ đề. (Vism.678)

Tất cả mọi phẩm hạnh mà một vị hành giả cần phải tinh tấn tu tập để đạt được giải thoát khỏi vòng luân hồi và để chứng ngộ Níp-bàn đều được phân loại dưới nhan đề "bodhipakkhiyadhamma – pháp trợ bồ đề". Các pháp đó gồm có :

- ✓ *Tứ niệm xứ – satipaṭṭhāna.*
- ✓ *Tứ chánh cần – sammappadhāna.*
- ✓ *Tứ như ý túc – iddhipāda.*

- ✓ Ngũ quyền – indriya.
- ✓ Ngũ lực – bala.
- ✓ Thất giác chi – bojjhaṅga.
- ✓ Bát thánh đạo – ariyamagga.

- Tứ niệm xứ - cattāro satipaṭṭhānā. (M.I.56)

▪ Thân quán niệm xứ - kāyanupassanā satipaṭṭhāna.

Quán tưởng đến những chức năng trong cơ thể.

▪ Thọ quán niệm xứ - vedanānupassanā satipaṭṭhāna.

Quán tưởng đến những cảm giác khi chúng sanh khởi.

▪ Tâm quán niệm xứ - cittānupassanā satipaṭṭhāna.

Quán tưởng đến sự sinh diệt của tâm.

▪ Pháp quán niệm xứ - dhammānupassanā satipaṭṭhāna.

Quán tưởng đến các pháp (những hiện tượng khác nhau sinh khởi trong tâm).

(Trung Bộ Kinh I. Kinh Niệm Xứ)

- Tứ chánh cần – cattāro sammappadhānā. (M.II.11)

✓ Thân cần – samvarapadhāna.

Tỉnh tấn ngăn ngừa những ác pháp chưa sinh khởi trong tâm không cho nó sinh khởi.

✓ Trừ cần – pahānapadhāna.

Tỉnh tấn đoạn trừ những ác pháp đã sinh khởi trong tâm.

✓ **Tu cần – bhāvanāpadhāna.**

Tinh tấn làm tu tập những thiện pháp chưa sinh khởi trong tâm.

✓ **Bảo cần – anurakkhanāpadhāna.**

Tinh tấn duy trì, phát triển và làm cho thành tựu trọn vẹn những thiện pháp đã có.

- **Tứ như ý túc – cattāro iddhipāda. (M.I.103)**

▪ **Dục như ý túc – chandiddhipāda.**

Tập trung nỗ lực vào sự mong muốn, quyết chí làm.

▪ **Cần như ý túc – viriyiddhipāda.**

Tập trung nỗ lực vào khả năng làm việc cho được thành tựu.

▪ **Tâm như ý túc – cittiddhipāda.**

Tập trung nỗ lực vào sự tỉnh giác để biết việc nên làm.

▪ **Thâm như ý túc – vimamsiddhipāda.**

Tập trung nỗ lực vào trí tuệ để tìm hiểu phương pháp làm việc thích hợp cho được như ý nguyện.

- **Ngũ quyền – pañca indriyāni. (M.II.11)**

✧ **Tín quyền – saddhindriya.**

Đức tin là cơ sở dẫn đến sự tỉnh lặng và giác tỉnh.

✧ **Tấn quyền – viriyindriya.**

Tinh tấn là cơ sở dẫn đến sự tỉnh lặng và giác tỉnh.

✧ Niệm quyền – satindriya.

Chánh niệm là cơ sở dẫn đến sự tỉnh lặng và giác tỉnh.

✧ Định quyền – samādhindriya.

Trụ tâm là cơ sở dẫn đến sự tỉnh lặng và giác tỉnh.

✧ Tuệ quyền – paññindriya.

Trí tuệ là cơ sở dẫn đến sự tỉnh lặng và giác tỉnh.

Ngũ lực – pañca balāni, năm pháp này cũng giống như ngũ quyền.

- Thân này bị cướp đi. (A.I.155)

*Upanīyati jīvitamappamāyu,
Jarūpanītassa na santi tñā;
Etaṃ bhayaṃ maraṇe pekkhamāno,
Puññāni kayirātha sukhāvahāni.*
Đời sống bị dắt dẫn
Mạng sống chẳng là bao
Bị già kéo dẫn đi
Không có nơi nương tựa
Hãy luôn luôn quán tưởng
Sợ hãi tử vong này
Hãy làm các công đức
Đưa đến chơn an lạc.

*Yodha kāyena saṃyamo,
Vācāya uda cetasā;
Taṃ tassa petassa sukhāya hoti,
Yaṃ jīvamāno pakaroti puññaṃ.*

Ở đây chế ngự thân,
Chế ngự lời và ý,

*Kẻ ấy dầu có chết,
Cũng được hưởng an lạc,
Vì khi còn đang sống
Đã làm các công đức.*

*(Tăng Chi Bộ Kinh 1. Chương Ba Pháp.
Phẩm Các Bà La Môn. Phần Hai Người)*

- Phát triển tâm thiện tốt hơn là cha mẹ. (Dhp.43)

*Na tam mātā pitā kayirā,
Aññe vāpi ca ñātakā;
Sammāpaṇihitaṃ cittaṃ,
Seyyaso naṃ tato kare.*

*Điều mẹ cha bà con,
Không có thể làm được
Tâm hướng chánh làm được
Làm được tốt đẹp hơn.*

- Những người bạn thật sự. (D.III.187)

Này Gia chủ tử, bốn loại bạn này phải được xem là bạn chân thật: Người bạn giúp đỡ phải được xem là bạn chân thật; người bạn chung thủy trong khổ cũng như trong vui phải được xem là bạn chân thật; người bạn khuyên điều lợi ích phải được xem là bạn chân thật; người bạn có lòng thương tưởng phải được xem là bạn chân thật.

Này Gia chủ tử, có bốn trường hợp, người bạn giúp đỡ phải được xem là bạn chân thật: Che chở cho bạn khi bạn vô ý phóng dật, che chở của cải cho bạn khi bạn vô ý phóng dật, là chỗ nương tựa cho bạn khi bạn sợ hãi, khi bạn có công việc sẽ giúp đỡ cho bạn của cải gấp hai lần những gì bạn thiếu. Này

Gia chủ tử, như vậy có bốn trường hợp, người bạn giúp đỡ phải được xem là người bạn chân thật.

Này Gia chủ tử, có bốn trường hợp, người bạn chung thủy trong khổ cũng như trong vui phải được xem là người bạn chân thật: Nói cho bạn biết điều bí mật của mình; giữ gìn kín điều bí mật của bạn; không bỏ bạn khi bạn gặp khó khăn; dám hy sinh thân mạng vì bạn. Này Gia chủ tử, như vậy có bốn trường hợp, người bạn chung thủy trong khổ cũng như trong vui phải được xem là người bạn chân thật.

Này Gia chủ tử, có bốn trường hợp, người bạn khuyên điều lợi ích phải được xem là người bạn chân thật: Ngăn chặn bạn không làm điều ác; khuyến khích bạn làm điều thiện; cho bạn nghe điều bạn chưa nghe; cho bạn biết con đường lên cõi chư Thiên. Này Gia chủ tử, như vậy có bốn trường hợp, người bạn khuyên điều lợi ích phải được xem là người bạn chân thật.

Này Gia chủ tử, có bốn trường hợp, người bạn thương tưởng phải được xem là người bạn chân thật: Không hoan hỷ khi bạn gặp hoạn nạn; hoan hỷ khi bạn gặp may mắn; ngăn chặn những ai nói xấu bạn; khuyến khích những ai tán thán bạn. Này Gia chủ tử, như vậy có bốn trường hợp, người bạn thương tưởng phải được xem là người bạn chân thật.

(Trường Bộ Kinh 2. Kinh Giáo Thọ Thi-Ca-La-Việt)

- Hai mươi tám sắc pháp trong cơ thể con người – rūpa kalāpa. (Vism.364)

✓ Sắc đại hiển – mahābhūta.

Bốn phần vật chất đặc trưng : nhóm phần tử phụ thuộc (đất), nhóm kết dính (nước), nhóm có tính nóng lạnh (lửa) và nhóm có tính chuyển động (gió).

✓ **Sắc thần kinh – pasāda.**

Liên hệ đến các giác quan như là nhãn, nhĩ, thiệt, thân.

✓ **Sắc cảnh giới – visaya.**

Đề cập đến vật thực cho ngũ căn hay sự kích thích của các căn, chẳng hạn như : sắc, thanh, khí, vị, xúc.

✓ **Sắc tính – bhava.**

Đề cập đến những đặc tính riêng biệt của nam và nữ, ở cả hai phương diện bên trong lẫn bên ngoài. Tính chất nam và nữ không chỉ đề cập đến cơ quan sinh dục.

✓ **Sắc ý vật – hadayavatthu.**

đề cập đến vị trí của trái tim, nền tảng vật chất cho đời sống tâm linh.

✓ **Sắc mạng quyền – jīvitindriya.**

Là phần chủ yếu của đời sống. Điều này được lưu ý khi cái đuôi con thần lẫn đứt, cái đuôi đứt vẫn còn cử động, cái năng lực của cuộc sống đó gọi là sắc mạng quyền.

✓ **Sắc vật thực – āhāra.**

Là năng lượng trích từ vật thực - những phần tử bổ dưỡng. Chúng gồm có 18 sắc pháp khác phối hợp.

✓ **Sắc giao giới – pariccheda.**

Là khoảng không gian giữa các sắc pháp để làm ranh giới

✓ **Sắc biểu tri – viññatti.**

Là sự biểu hiện nơi thân và khẩu mà biết được tư tưởng.

✓ **Sắc kỳ dị – vikāra.**

Là những sắc về thân mà chúng tạo ra cho chúng ta có những trạng thái khác nhau như : nhẹ nhàng, mềm mại, mềm

đeo; chẳng hạn như lông, tóc là sắc nhẹ nhàng, thân hình hay cái miệng là sắc mềm mại và cái lưỡi là sắc mềm dẻo.

✓ **Sắc tướng trang – lakkhana.**

Là bốn sắc thuộc về thân có tướng trạng riêng biệt của thân tùy theo thời gian : sắc sinh là sắc vừa mới sinh ra, sắc tiền là sắc sinh ra được phát triển tăng lên, sắc dị là sắc sinh được tồn tại, sắc diệt là các tiêu hoại của sắc pháp (vô thường)

Mười sắc không rõ (*anipphannarūpa*) sau cùng này không thật sự sinh ra trong một sắc pháp này hay sắc pháp kia, mà chúng chỉ là những sắc nhỏ nhặt khác nhau được tìm thấy trong 18 sắc thuộc về thân trước đây được chúng ta thảo luận.

Ở một con người khỏe mạnh bình thường có đủ 28 sắc pháp này. trừ trường hợp những người bị mù, câm, điếc hay những dị tật khác, nói tóm lại, những người bị tật nguyên thì không đủ 28 sắc pháp này.

- Ý nghĩa của thân tướng. (S.III.86)

Này các Tỷ-kheo, thế nào gọi là sắc? Bị thay đổi, này các Tỷ-kheo, nên gọi là sắc. Bị thay đổi bởi cái gì? Bị thay đổi bởi lạnh, bị thay đổi bởi nóng, bị thay đổi bởi đói, bị thay đổi bởi khát, bị thay đổi bởi sự xúc chạm của ruồi, muỗi, gió, sức nóng và rắn. Bị thay đổi, này các Tỷ-kheo, nên gọi là sắc.

(Tương Ưng Bộ Kinh 3. Tương Ưng Uẩn. Phẩm Những Gì Được Ấn. Phần Đáng Được Ấn)

- Hai thứ bệnh. (A.II.143)

Này các Tỷ-kheo, có hai loại bệnh này. Thế nào là hai? Bệnh về thân và bệnh về tâm.

Này các Tỷ-kheo, chúng ta thấy có chúng sanh tự nhận mình là không thân bệnh được một năm, tự nhận mình là không thân bệnh được hai năm, được ba ... được bốn ... được năm ... được mười ... được hai mươi ... được ba mươi ... được bốn mươi ... tự nhận mình là không thân bệnh được năm mươi năm, tự nhận mình là không thân bệnh được một trăm năm. Các chúng sanh ấy, này các Tỷ-kheo, rất khó tìm được ở đời là những chúng sanh tự nhận mình là không tâm bệnh dầu chỉ trong một khoảnh khắc, trừ những vị đã đoạn trừ các lậu hoặc.

(Tăng Chi Bộ Kinh 2. Chương Bốn Pháp.
Phẩm Các Căn. Phần Bệnh)

- Thái độ của Đức Phật đối với những kẻ chỉ cầu nguyện để giải thoát. (D.13)

- Này Vāseṭṭha, như sông Acirāvātī này, đầy tràn cho đến bờ khiến con quạ có thể uống được. Có người đến, có sự việc bên bờ bên kia, tìm đến bờ bên kia, hướng đến bờ bên kia và muốn lội qua bờ bên kia. Người đứng bờ bên này kêu bờ bên kia và nói: "Bờ bên kia, hãy lại đây! Bờ bên kia, hãy lại đây". Này Vāseṭṭha, Người nghĩ thế nào? Có phải vì người kia kêu gọi bờ bên kia, vì cầu khẩn, vì hy vọng, vì tán thán mà bờ bên kia của sông Acirāvātī đến bờ bên này không?

- Tôn giả Gotama, không thể vậy.

- Cũng vậy, này Vāseṭṭha, không có một người nào có thể giải thoát khỏi vòng luân hồi vì đã cầu nguyện.

(Trường Bộ Kinh 1. Kinh Tam Minh)

- Bốn cách quy y tam bảo. (KhuA)

* *Attasanniyyātanā* – quy y Tam bảo bằng cách phát nguyện ủy thác mạng sống cho Tam bảo.

* *Tapparāyanā* – quy y Tam bảo bằng cách phát nguyện chấp nhận Tam bảo là lãnh đạo tinh thần.

* *Sissabhāvupagamana* – quy y Tam bảo bằng cách phát nguyện làm đệ tử có sự chứng minh của chư Tăng.

* *Paṇipāta* – quy y Tam bảo bằng cách phát nguyện tôn kính Tam bảo.

- Những lợi ích của sự tôn kính. (Dhp.109)

*Abhivādanasīlissa,
Niccaṃ vuddhāpacāyino;
Cattāro dhammā vaḍḍhanti,
Āyu vaṇṇo sukhaṃ balaṃ.*

*Thường tôn trọng, kính lễ
Bậc kỳ lão trưởng thượng,
Bốn pháp được tăng trưởng:
Thọ, sắc, lạc, sức mạnh.*

- Bốn tính chất của vật thực.

Đây là bốn tính chất cơ bản của vật thực và chúng luôn phối hợp không thay đổi với bốn xuất xứ, tức là màu (*vanna*), mùi (*gandha*), vị (*rasa*) và chất bổ dưỡng (*oja*).

- Bốn pháp bất khả tư nghĩ đối với thế gian. (A.II.79)

- Có bốn điều này không thể nghĩ đến được, này các Tỷ-kheo, nếu nghĩ đến, thời người suy nghĩ có thể đi đến cuồng loạn và thống khổ. Thế nào là bốn?

Phật giới của các đức Phật, này các Tỷ-kheo, không thể nghĩ đến được, nếu nghĩ đến, thời người suy nghĩ có thể đi đến cuồng loạn và thống khổ (*buddhānaṃ, bhikkhave, buddhavisayo acinteyyo, na cintetabbo; yaṃ cinto ummāda vighāta bhāgi assa*).

Thiền giới của người ngồi Thiền, này các Tỷ-kheo, không thể nghĩ được, nếu nghĩ... thống khổ (*jhāyissa, bhikkhave, jhānavisayo acinteyyo, na cintetabbo; yaṃ cinto ummāda vighāta bhāgi assa*).

Quả dị thực của nghiệp, này các Tỷ-kheo, không thể nghĩ đến được, nếu nghĩ đến... thống khổ (*kammavipāko, bhikkhave, acinteyyo, na cintetabbo; yaṃ cinto ummāda vighāta bhāgi assa*).

Tâm tư thế giới, này các Tỷ-kheo, không thể nghĩ đến được, nếu nghĩ đến thời có thể đi đến cuồng loạn và thống khổ (*lokacintā, bhikkhave, acinteyyā, na cintetabbā; yaṃ cinto ummāda vighāta bhāgi assa*).

- Có bốn điều này không thể nghĩ đến được, này các Tỷ-kheo, nếu nghĩ đến, thời có thể đi đến cuồng loạn và thống khổ.

(Tăng Chi Bộ Kinh 2. Chương Bốn Pháp. Phẩm Không
Hỷ Luận. Phân Không Thể Nghĩ Được)

- Tên gọi không bao giờ bị hủy hoại. (S.I.42)

"Mặc dù thể xác con người bị hủy hoại và biến mất nhưng cái tên để gọi hay những ảnh hưởng mà con người đã tạo ra không bị hủy hoại".

10. 2. QUÁN TƯỞNG VỀ PHÁP BỔ THÍ – DĀNA.

- Thái độ của Đức Phật về việc làm phước bổ thí. (A.I.161)

Du sĩ Vacchagotta thưa với Thế Tôn:

- Tôi có được nghe, thưa Tôn giả Gotama, người ta loan truyền rằng Sa-môn Gotama nói như sau: "Cần phải bố thí cho Ta, không cần bố thí cho người khác. Cần phải bố thí cho đệ tử của Ta, không cần phải bố thí cho đệ tử những người khác. Bố thí cho Ta có quả lớn, bố thí cho những người khác không có quả lớn. Bố thí cho các đệ tử của ta có quả lớn, bố thí cho những đệ tử của người khác không có quả lớn!". Thưa Tôn giả Gotama, những ai nói rằng Sa-môn nói như sau: "Cần phải bố thí cho Ta, không cần bố thí cho người khác. Cần phải bố thí cho đệ tử của Ta, không cần phải bố thí cho đệ tử những người khác. Bố thí cho Ta có quả lớn, bố thí cho những người khác không có quả lớn. Bố thí cho các đệ tử của ta có quả lớn, bố thí cho những đệ tử của người khác không có quả lớn!", những người nói như vậy, có phải nói đúng lời nói của Tôn giả Gotama, không có xuyên tạc Tôn giả Gotama với điều không thật? Có phải họ nói như vậy là đúng pháp và thuận pháp, và những ai là người đúng pháp, nói lời đúng pháp và thuận pháp, không có cơ hội để chỉ trích? Họ không muốn xuyên tạc Tôn giả Gotama?

- Nay Vaccha, những ai nói rằng Sa-môn Gotama nói như sau: "Cần phải bố thí cho Ta, không cần bố thí cho người khác. Cần phải bố thí cho đệ tử của Ta, không cần phải bố thí cho đệ tử những người khác. Bố thí cho Ta có quả lớn, bố thí

cho những người khác không có quả lớn. Bồ thí cho các đệ tử của ta có quả lớn, bồ thí cho những đệ tử của người khác không có quả lớn!", những người ấy không nói đúng với lời nói của ta, họ đã xuyên tạc ta với điều không thật, họ đã nói láo. Nay Vaccha, ai ngăn chặn người khác bồ thí, người ấy tạo ra ba chương ngại pháp và đánh cắp mất ba vật. Thế nào là ba?

Người ấy làm chương ngại người cho không được công đức, người ấy ngăn chặn người nhận không được bồ thí, và tự ngã người ấy trước đã mất gốc, lại càng bị thương tổn hơn.

(Tăng Chi Bộ Kinh 1. Chương Ba Pháp.
Phẩm Các Bà-La-Môn. Phần Vacchagotta)

**- Sáu phẩm hạnh làm cho sự bồ thí được thành tựu.
(A.III.335)**

Này các Tỷ-kheo, thế nào là thí vật gồm có sáu phần cho chúng Tỷ-kheo Tăng?

Ở đây, này các Tỷ-kheo, có ba phần thuộc người bố thí và có ba phần thuộc người nhận đồ bồ thí.

Thế nào là ba phần thuộc về người bố thí? Ở đây, này các Tỷ-kheo, người bố thí, trước khi bố thí, ý được vui lòng; trong khi bố thí, tâm được tịnh tín; sau khi bố thí, cảm thấy hoan hỷ. Đây là ba phần của người bố thí.

Thế nào là ba phần của người nhận đồ bồ thí? Ở đây, này các Tỷ-kheo, những người nhận vật bồ thí, đã được ly tham hay đang thực hành hạnh ly tham; đã được ly sân hay đang thực hành hạnh ly sân; đã được ly si hay đang thực hành hạnh ly si. Đây là ba phần của những người nhận vật bồ thí. Như vậy là ba phần của người bố thí và ba phần của những người nhận được vật bồ thí.

Như vậy, này các Tỷ-kheo, là thí vật gồm có sáu phần.

*(Tăng Chi Bộ Kinh 3. Chương Sáu Pháp.
Phẩm Chư Thiên. Phần Bố Thí)*

- Một số mục đích của sự bố thí. (A.IV.59)

Tôn giả Sāriputta bạch Thế Tôn:

- Có thể, bạch Thế Tôn, ở đây có hạng người bố thí như vậy, không được quả lớn, không được lợi ích lớn. Nhưng bạch Thế Tôn, có thể ở đây có hạng người bố thí như vậy, được quả lớn, được lợi ích lớn.

- Này Sāriputta, có thể ở đây có hạng người bố thí như vậy, không được quả lớn, không được lợi ích lớn. Có thể, này Sāriputta, ở đây có hạng người bố thí như vậy, được quả lớn, được lợi ích lớn.

- Bạch Thế Tôn, do nhân gì, do duyên gì, ở đây có hạng người bố thí như vậy, không được quả lớn, không được lợi ích lớn? Bạch Thế Tôn, do nhân gì, do duyên gì, ở đây có hạng người bố thí như vậy, được quả lớn, được lợi ích lớn?

- Ở đây, này Sāriputta, có người bố thí với tâm mong cầu, bố thí với tâm trói buộc (về kết quả), bố thí với tâm mong cầu được chất chứa, bố thí với ý nghĩ: "Tôi sẽ hưởng thọ cái này trong đời sau". Vị ấy bố thí như vậy cho các Sa-môn, Bà-la-môn, bố thí đồ ăn, đồ uống, vải mặc, xe cộ, vòng hoa, hương thơm, hương liệu, giường nằm, những trú xứ, đèn đuốc. Thấy nghĩ thế nào, này Sāriputta, ở đây có thể có hạng người bố thí như vậy không?

- Thưa có, bạch Thế Tôn.

- Ở đây, này Sāriputta, có hạng người bố thí với tâm mong cầu, bố thí với tâm trói buộc, bố thí với tâm mong cầu

được chất chứa, bố thí với ý nghĩ: "Ta sẽ hưởng thọ cái này trong đời sau". Vị ấy bố thí như vậy, khi thân hoại mạng chung, được sanh cộng trú với chư Thiên ở Bốn thiên vương. Và vị ấy, khi nghiệp được đoạn tận, thần lực ấy, danh tiếng ấy, uy quyền ấy được đoạn tận, vị ấy trở thành "vị trở lui lại", trở lui trạng thái này.

Ở đây, này Sāriputta, có người bố thí không với tâm cầu mong, bố thí không với tâm trối buộc, bố thí không với mong cầu được chất chứa, bố thí không với ý nghĩ: "Ta sẽ hưởng thọ cái này trong đời sau", bố thí không với ý nghĩ: "Lành thay, sự bố thí", bố thí không với ý nghĩ: "Cái này đã được cho trong đời quá khứ, đã được tổ tiên làm trong quá khứ, ta không nên để truyền thống gia đình này bị bỏ quên", bố thí không với ý nghĩ: "Ta nấu ăn, các người này không nấu ăn. Ta không xứng đáng là người nấu ăn, lại không bố thí cho người không nấu ăn", bố thí không với ý nghĩ: "Như các vị ẩn sĩ thời xưa có những tể đàn lớn như Atthaka, Vāmaka, Vāmadeva, Vessāmitta, Yamataggi, Āṅgīrasa, Bhāradvāja, Vāseṭṭha, Kassapa, Bhagu; cũng vậy, ta sẽ là người san sẻ các vật bố thí này", bố thí không với ý nghĩ: "Do ta bố thí vật bố thí này, tâm được tịnh tín, hỷ duyệt khởi lên". Nhưng vị ấy bố thí với ý nghĩ để trang nghiêm tâm, để trang bị tâm. Và đối với Sa-môn hay Bà-la-môn, vị ấy bố thí đồ ăn, đồ uống, vải mặc, xe cộ, vòng hoa, hương thơm, hương liệu, giường nằm, trú xứ, đèn đuốc. Thầy nghĩ thế nào, này Sāriputta, ở đây, có hạng người có thể bố thí như vậy không?

- Thừa có, bạch Thế Tôn.

- Này Sāriputta, ở đây, ai bố thí không với tâm cầu mong, bố thí không với tâm trối buộc, bố thí không với mong cầu được chất chứa, bố thí không với ý nghĩ: "Ta sẽ hưởng thọ cái này trong đời sau", bố thí không với ý nghĩ: "Lành thay, sự bố thí", bố thí không với ý nghĩ: "Cái này đã được cho trong đời quá

khứ, đã được tổ tiên làm trong quá khứ, ta không nên để truyền thống gia đình này bị bỏ quên", bố thí không với ý nghĩ: "Ta nấu ăn, các người này không nấu ăn. Ta không xứng đáng là người nấu ăn, lại không bố thí cho người không nấu ăn", bố thí không với ý nghĩ: "Như các vị ẩn sĩ thời xưa có những tế đàn lớn như Atthaka, Vāmaka, Vāmadeva, Vessāmitta, Yamataggi, Aṅgīrasa, Bhāradvāja, Vāseṭṭha, Kassapa, Bhagu; cũng vậy, ta sẽ là người san sẻ các vật bố thí này", bố thí không với ý nghĩ: "Do ta bố thí vật bố thí này, tâm được tịnh tín, hỷ duyệt khởi lên". Nhưng vị ấy bố thí với ý nghĩ để trang nghiêm tâm, để trang bị tâm. Do vị ấy bố thí như vậy, sau khi thân hoại mạng chung, được sanh cộng trú với chư Thiên ở Phạm chúng thiên. Và khi vị ấy, nghiệp được đoạn tận, thần lực ấy, danh tiếng ấy, uy quyền ấy được đoạn tận, vị ấy trở thành vị Bất lai, không trở lui trạng thái này.

Này Sāriputta, đây là nhân, đây là duyên, khiến cho ở đây, một hạng người bố thí như vậy, không được quả lớn, không được lợi ích lớn. Này Sāriputta, nhưng đây cũng là nhân, là duyên khiến cho ở đây, có hạng người bố thí như vậy, được quả lớn, được lợi ích lớn.

(Tăng Chi Bộ Kinh 3. Chương Bảy Pháp.
Phẩm Đại Tế Đàn. Phần Bố Thí)

- Bố thí hợp pháp như thế nào? (A.IV.243)

Này các Tỷ-kheo, có tám bố thí này của bậc chân nhân. Thế nào là tám?

Cho vật trong sạch (*sucim deti*).

Cho vật thù diệu (*paṇītaṃ deti*).

Cho đúng thời (*kālena deti*).

Cho vật thích ứng (kappiyaṃ deti).

Cho với sự cẩn thận (viceyya deti).

Cho luôn luôn (abhinhaṃ deti).

Tâm cho được tịnh tín (dadaṃ cittaṃ pasādeti).

Sau khi cho được hoan hỷ (datvā attamano hoti).

Này các Tỷ-kheo, có tám bố thí này của bậc chân nhân

*(Tăng Chi Bộ Kinh 4. Chương Tám Pháp.
Phẩm Bố Thí. Phần Người Chân Nhân)*

**- Bằng cách nào mà phước thí được tăng trưởng?
(M.III.255)**

Tại đây, này Ānanda, sau khi bố thí cho các loại bàng sanh, cúng dường này có hy vọng đem lại trăm phần công đức. Sau khi bố thí cho những phàm phu theo ác giới, cúng dường này có hy vọng đem lại ngàn phần công đức. Sau khi bố thí cho các phàm phu gìn giữ giới luật, cúng dường này có hy vọng đem lại trăm ngàn lần công đức. Sau khi bố thí cho các người ngoại học đã ly tham trong các dục vọng, cúng dường này có hy vọng đem lại trăm ngàn ức lần công đức. Sau khi bố thí cho các vị trên con đường chứng quả Dự lưu, cúng dường này có hy vọng đem lại vô số vô lượng công đức. Còn nói gì đến những vị đã chứng quả Dự lưu? Còn nói gì đến những vị trên con đường chứng quả Nhất lai? Còn nói gì đến những vị đã chứng quả Nhất lai? Còn nói gì đến những vị trên con đường chứng quả Bất lai? Còn nói gì đến những vị đã chứng quả Bất lai? Còn nói gì đến những vị trên con đường chứng quả A-la-hán? Còn nói gì đến những vị đã chứng quả A-la-hán, đệ tử Như Lai? Còn nói gì đến những vị Độc Giác Phật? Còn nói gì đến các Như Lai, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác?

(Trung Bộ Kinh 3. Kinh Phân Biệt Cúng Đường)

- Cúng đường đến tăng chúng. (M.III.256)

Này Ānanda, khi Ta nói rằng cúng đường cho Tăng chúng là vô số và vô lượng, thời này Ānanda, Ta không có muốn nói rằng bất cứ phương tiện gì, một sự bố thí phân loại theo cá nhân lại có kết quả to lớn hơn đối với cúng đường cho Tăng chúng.

(Trung Bộ Kinh 3. Kinh Phân Biệt Cúng Đường)

- Bố thí cho ai? (S.I.97)

Vua Pasenadi nước Kosala bạch Thế Tôn:

- Chỗ nào, bạch Thế Tôn, bố thí cần phải đem cho?

Thưa Đại vương, tại chỗ nào, tâm được hoan hỷ.

Bạch Thế Tôn, chỗ nào cho được quả lớn? ...

Thưa Đại vương, dầu cho một người có xuất gia từ một gia đình nào, từ bỏ gia đình, sống không gia đình, vị ấy đoạn trừ năm chi và hội đủ năm chi. Bố thí cho một người như vậy có quả báo lớn.

Thế nào là năm chi được đoạn trừ? Tham dục được đoạn trừ, sân được đoạn trừ, hôn trầm thụy miên được đoạn trừ, trạo hối được đoạn trừ, nghi được đoạn trừ. Năm chi này được đoạn trừ.

Thế nào là năm chi được hội đủ? Vô học giới uẩn được hội đủ, vô học định uẩn được hội đủ, vô học tuệ uẩn được hội đủ, vô học giải thoát uẩn được hội đủ, vô học giải thoát tri kiến uẩn được hội đủ. Năm chi này được hội đủ.

Chính một người như vậy, năm chi được đoạn trừ, năm chi được hội đủ, bố thí cho người như vậy được quả báo lớn.

*(Tương Ưng Bộ Kinh 1. Tương Ưng Kosala.
Phẩm Thứ Ba. Phân Cung Thuật)*

- Sự quan trọng của thiện pháp. (Dhp.188)

*Puññañce puriso kayirā,
Kayirā nam punappunam;
Tamhi chandam kayirātha,
Sukho puññassa uccayo.*

*Nếu người làm điều thiện,
Nên tiếp tục làm thêm.
Hãy ước muốn điều thiện,
Chứa thiện, được an lạc.*

- Năm điều lợi ích cho người thọ thí. (A.III.42)

Người bố thí bữa ăn, này các Tỷ-kheo, người thí chủ đem lại cho người thọ lãnh năm điều. Thế nào là năm?

Cho thọ mạng, cho dung sắc, cho an lạc, cho sức mạnh, cho biện tài. Cho thọ mạng, vị ấy được chia thọ mạng chư Thiên hay loài Người. Cho dung sắc, vị ấy được chia dung sắc chư Thiên hay loài Người. Cho an lạc, vị ấy được chia an lạc chư Thiên hay loài Người. Cho sức mạnh, vị ấy được chia sức mạnh chư Thiên hay loài Người. Cho biện tài, vị ấy được chia biện tài chư Thiên hay loài Người. Người bố thí bữa ăn, này các Tỷ-kheo, người thí chủ đem lại cho người thọ lãnh năm điều này.

(Tăng Chi Bộ Kinh 3. Chương Năm Pháp.

- Bản chất của thiện tâm trong Phật giáo. (Sn.149-151)

*Mātā yathā niyaṃ puttamāyusā
Ekaputtamanurakkhe;
Evampi sabbabhūtesu,
Mānasam bhāvaye aparimāṇam.*

*Như tấm lòng người mẹ,
Đối với con của mình,
Trọn đời lo che chở,
Con độc nhất mình sanh.
Cũng vậy, đối tất cả
Các hữu tình chúng sanh,
Hãy tu tập tâm ý,
Không hạn lượng rộng lớn.*

*Mettañca sabbalokasmi,
Mānasam bhāvaye aparimāṇam;
Uddham adho ca tiriyañca,
Asambādham averamasapattam.*

*Hãy tu tập từ tâm,
Trong tất cả thế giới,
Hãy tu tập tâm ý,
Không hạn lượng rộng lớn.
Phía trên và phía dưới,
Cũng vậy, cả bề ngang,
Không hạn chế, trói buộc,
Không hận, không thù địch.*

*Tiṭṭham caram nisinno va
Sayāno yāvatāssa vitamiddho
Etaṃ satim adhiṭṭheyya,*

Brahmametaṃ vihāramidhamāhu.

*Khi đứng, hay khi đi,
Khi ngồi, hay khi nằm,
Lâu cho đến khi nào,
Khi đang còn tỉnh thức,
Hãy an trú niệm này,
Nếp sống này như vậy,
Được đời đề cập đến,
Là nếp sống tối thượng.*

- Ba đặc tính của đức tin. (A.I.150)

Do ba sự kiện, này các Tỷ-kheo, một người được biết là có lòng tin. Thế nào là ba?

Ưa thấy người có giới hạnh, ưa nghe diệu pháp, với tâm ly cấu uế của xan tham, sống trong nhà, bố thí rộng rãi với bàn tay sạch sẽ, ưa thích từ bỏ, sẵn sàng để được yêu cầu, thích phân phát vật bố thí. Do ba sự kiện này, này các Tỷ-kheo, một người được biết là có lòng tin.

*(Tăng Chi Bộ Kinh 1. Chương Ba Pháp. Phẩm Nhỏ. Phần
Sự Kiện)*

CHƯƠNG 11
VỊ TRÍ
NGƯỜI PHỤ NỮ
TRONG PHẬT GIÁO

11. 1. MỘT VÀI CÂU NÓI VỀ NGƯỜI PHỤ NỮ.

- Vai trò quan trọng của người phụ nữ trong xã hội.

Thái độ thù nghịch đối với người phụ nữ ở xã hội cũng như ở lãnh vực tôn giáo đã bị Đức Phật phê phán và phản đối nhiều lần trong nhiều trường hợp. Trong Kosalasamyutta (Samyuttanikāya 1), Đức Phật đã cải chính sự tin tưởng rằng sanh ra một bé gái không đem đến sự mừng rỡ bằng sanh một bé trai. Đức Phật đã chỉ rõ vai trò quan trọng và xứng đáng của người phụ nữ trong xã hội và Ngài đã khẳng định vai trò đó với sự sáng suốt và làm thích nghi vai trò của họ một cách hài hòa trong cơ cấu của xã hội. Họ là những thành viên đáng yêu thích trong cuộc sống tại gia, giữ nhiều sự liên hệ trong gia tộc và được mọi người quý trọng như một người mẹ của đàn con ngoan.

Vai trò nổi bật của người nam trong Phật giáo sử đã là một sự trùng hợp mang tính lịch sử và những lực lượng lao động có tính cách xã hội trong những cộng đồng mà Phật giáo thừa nhận. Sự trùng hợp không bắt buộc giáo pháp của Phật giáo hỗ trợ. Toàn bộ giáo pháp được áp dụng một cách bình đẳng đối với cả hai phái nam và nữ. Và không có sự phân biệt trong bất kỳ lĩnh vực nào được đề cập đến trong những giáo lý cơ bản (tứ diệu đế, ngũ uẩn, cấu uế, tu tập và Níp-bàn).

- Có phải tâm tánh người phụ nữ hẹp hòi không? (S.I.129)

Ác ma muốn làm Tỷ-kheo-ni Somā run sợ, hoảng sợ, lông tóc dựng ngược, muốn nàng từ bỏ Thiên định, liền đi đến Tỷ-kheo-ni Somā; sau khi đến, nói lên bài kệ với Tỷ-kheo-ni Somā:

*Địa vị khó chứng đạt,
Chỉ Thánh nhân chứng đạt,*

*Trí nữ nhân hai ngón,
Sao hy vọng chứng đạt?*

Tỷ-kheo-ni Somā suy nghĩ: "Ai đã nói bài kệ này? Người hay không phải người?"

Tỷ-kheo-ni Somā suy nghĩ: "Đây là Ác ma muốn làm cho ta run sợ, hoảng sợ, lông tóc dựng ngược, muốn ta từ bỏ Thiền định, nên đã nói lên bài kệ đó".

Tỷ-kheo-ni Somā biết được : "Đây là Ác ma", liền nói lên bài kệ với Ác ma:

*Nữ tánh chương ngại gì,
Khi tâm khéo Thiền định,
Khi trí tuệ triển khai,
Chánh quán pháp vi diệu?
Ai tự mình tìm hỏi :
"Ta, nữ nhân, nam nhân,
Hay ta là ai khác?"
Xứng nói chuyện Ác ma,
Ác ma thật cân xứng.*

(Tương Ưng Bộ Kinh 1. Tương Ưng Tỳ-Khuru Ni. Phần Somā)

- Thế giới của lạc thú là ở người nữ. (A.III.69)

Phật giáo với đặc tính hiện thực cũng nhận biết được tính chất cố hữu ở người nữ là sự hấp dẫn của họ đối với phái nam. Người ta nói rằng : ở thế gian này chẳng có cái gì làm say mê đắm đuối người nam cho bằng người nữ cả. Ở người nữ, người nam có thể tìm thấy được năm lần dục lạc. Thế giới của lạc thú tồn tại ở họ. Một khi tâm của người nam không phòng bị, mất cảnh giác thì họ sẽ rơi vào chạm bẫy của những sự cám dỗ này của người nữ.

Này các Tỷ-kheo, Ta không thấy một tiếng nào khác... một hương nào khác... một vị nào khác... một xúc nào khác lại khả ái như vậy, đẹp đẽ như vậy, mê ly như vậy, trói buộc như vậy, say sưa như vậy, chướng ngại như vậy cho sự đạt đến an ổn khỏi các khổ ách, tức là, này các Tỷ-kheo, cảm xúc của nữ nhân. Và này các Tỷ-kheo, loài hữu tình nào ái nhiễm, tham luyến, tham đắm, say đắm, say mê cảm xúc nữ nhân, chúng sẽ bị sầu ưu lâu dài, vì bị rơi vào uy lực của nữ xúc. Nữ nhân, khi đang đi, sẽ đứng lại để chinh phục tâm người đàn ông; khi đứng, khi ngồi, khi nằm, khi cười, khi nói, khi hát, khi khóc, khi bất tỉnh, khi chết, sẽ đứng lại để chinh phục tâm người đàn ông.

Này các Tỷ-kheo, nếu có ai nói rằng: "Là bấy mỗi toàn diện của Màra", thời người ấy đã nói một cách chơn chánh về nữ nhân, thật là "một bấy mỗi hoàn toàn của Màra".

(Tăng Chi Bộ Kinh 3. Chương Năm Pháp. Phẩm Triền

Cái.

Phản Mạ Và Con)

- Năm điều chỉ trích Ngài Ānanda. (Vin.II.288)

Khi ấy, các tỷ khuru trưởng lão đã nói với đại đức Ānanda điều này:

- Này sư đệ Ānanda, đây là tội dukkaṭa (tác ác) cho người về việc người đã không hỏi đức Thế Tôn rằng: "Bạch ngài, vậy các điều học nhỏ nhất và ít quan trọng là các điều nào?" Người hãy sám hối tội dukkaṭa (tác ác) ấy.

- Thừa các ngài, vì không lưu ý nên tôi đã không hỏi đức Thế Tôn rằng: "Bạch ngài, vậy các điều học nhỏ nhất và ít quan trọng là các điều nào?" Tôi không thấy được tội dukkaṭa (tác ác) ấy, nhưng vì niềm tin đối với các đại đức tôi xin sám hối tội dukkaṭa (tác ác) ấy.

- *Này sư đệ Ānanda, đây cũng là tội dukkaṭa (tác ác) cho người về việc người đã đập lên y tắm mưa của đức Thế Tôn rồi may. Người hãy sám hối tội dukkaṭa (tác ác) ấy.*

- *Thưa các ngài, không phải vì không kính trọng mà tôi đã đập lên y tắm mưa của đức Thế Tôn rồi may. Tôi không thấy được tội dukkaṭa (tác ác) ấy, nhưng vì niềm tin đối với các đại đức tôi xin sám hối tội dukkaṭa (tác ác) ấy.*

- *Này sư đệ Ānanda, đây cũng là tội dukkaṭa (tác ác) cho người về việc người đã cho phép phụ nữ đánh lễ nhục thân của đức Thế Tôn trước tiên; trong khi họ khóc lóc nhục thân của đức Thế Tôn đã bị lấm lem bởi nước mắt. Người hãy sám hối tội dukkaṭa (tác ác) ấy.*

- *Thưa các ngài, (nghĩ rằng): “Những người nữ này không nên ở lại vào ban đêm,” nên tôi đã cho phép phụ nữ đánh lễ nhục thân của đức Thế Tôn trước tiên. Tôi không thấy được tội dukkaṭa (tác ác) ấy, nhưng vì niềm tin đối với các đại đức tôi xin sám hối tội dukkaṭa (tác ác) ấy.*

- *Này sư đệ Ānanda, đây cũng là tội dukkaṭa (tác ác) cho người về việc trong khi đức Thế Tôn ra dấu hiệu rõ ràng, làm biểu hiện rõ rệt, người đã không cầu khẩn đức Thế Tôn rằng: “Xin đức Thế Tôn hãy tồn tại trọn kiếp, xin đáng Thiện Thệ hãy tồn tại trọn kiếp vì sự lợi ích cho nhiều người, vì sự an lạc cho nhiều người, vì lòng bi mẫn đối với thế gian, vì sự tấn hoá, sự lợi ích, sự an lạc của chư thiên và nhân loại.” Người hãy sám hối tội dukkaṭa (tác ác) ấy.*

- *Thưa các ngài, vì tâm đã bị Ác ma ám ảnh nên tôi đã không cầu khẩn đức Thế Tôn rằng: “Xin đức Thế Tôn hãy tồn tại trọn kiếp, xin đáng Thiện Thệ hãy tồn tại trọn kiếp vì sự lợi ích cho nhiều người, vì sự an lạc cho nhiều người, vì lòng bi mẫn đối với thế gian, vì sự tấn hoá, sự lợi ích, sự an lạc của chư thiên và nhân loại.” Tôi không thấy được*

tội dukkaṭa (tác ác) ấy, nhưng vì niềm tin đối với các đại đức tôi xin sám hối tội dukkaṭa (tác ác) ấy.

- Nay sư đệ Ānanda, đây cũng là tội dukkaṭa (tác ác) cho người về việc người đã nỗ lực cho sự xuất gia của phụ nữ trong Pháp và Luật đã được đức Như Lai công bố. Người hãy sám hối tội dukkaṭa (tác ác) ấy.

- Thừa các ngài, (nghĩ rằng): “Bà Mahāpajāpati Gotamī này là di ruột của đức Thế Tôn, là người chăm sóc, là người nuôi dưỡng, là người cho sữa, bà đã cho đức Thế Tôn bú sữa khi người mẹ ruột qua đời” nên tôi đã nỗ lực cho sự xuất gia của phụ nữ trong Pháp và Luật đã được đức Như Lai công bố. Tôi không thấy được tội dukkaṭa (tác ác) ấy, nhưng vì niềm tin đối với các đại đức tôi xin sám hối tội dukkaṭa (tác ác) ấy.

(Tạng Luật. Tiểu Phẩm 2. Chương Liên Quan Đến Năm Trăm Vị)

- Một người phụ nữ phẩm hạnh. (S.IV.250)

Được tăng trưởng với năm sự tăng trưởng, này các Tỷ-kheo, một nữ Thánh đệ tử, được tăng trưởng trong Thánh tăng trưởng, nắm giữ được những lời dạy (căn bản, tinh vi), nắm giữ được những tốt đẹp nhất về thân. Thế nào là năm?

Tăng trưởng về lòng tin, tăng trưởng về giới hạnh, tăng trưởng về nghe nhiều (sutena), tăng trưởng về thí xả, tăng trưởng về trí tuệ. Này các Tỷ-kheo, được tăng trưởng với năm sự tăng trưởng này, này các Tỷ-kheo, một nữ Thánh đệ tử được tăng trưởng trong Thánh tăng trưởng, nắm giữ được những lời dạy (căn bản, tinh vi), nắm giữ được những điểm tốt đẹp nhất về thân.

*(Tương Ưng Bộ Kinh 4. Tương Ưng Nữ Nhân.
Phẩm Các Sức Mạnh. Phần Tăng Trưởng)*

- Bốn phận của người vợ. (A.IV.271)

Này Visākhā, đầy đủ bốn pháp, nữ nhân thành tựu sự chiến thắng ở đời này. Đời này rơi vào tầm tay của nàng. Thế nào là bốn?

Ở đây, này Visākhā, nữ nhân có khả năng khéo làm các công việc, biết thấu hiểu các người phục vụ, sở hành vừa ý chồng, biết giữ gìn tài sản cất chứa. Này Visākhā, thế nào là nữ nhân có khả năng khéo làm các công việc?

Này Visākhā, đầy đủ bốn pháp, nữ nhân thành tựu sự chiến thắng ở đời sau. Đời sau rơi vào tầm tay của nàng. Thế nào là bốn?

Ở đây, này Visākhā, nữ nhân đầy đủ lòng tin, đầy đủ giới đức, đầy đủ bố thí, đầy đủ trí tuệ. Và này Visākhā, thế nào là nữ nhân đầy đủ lòng tin?

*(Tăng Chi Bộ Kinh 4. Chương Tám Pháp.
Phẩm Ngày Trai Giới. Phần Ở Đời Này)*

- Sự gia nhập của người nữ vào Tăng đoàn. (A.IV)

Thân phận người phụ nữ ở xã hội Ấn Độ cách đây 2.500 năm thường được xem như hạ lưu. Họ không được phép đi học để mở mang kiến thức và tham gia vào các hoạt động tôn giáo để phát triển tâm linh.

Nhận biết được tình trạng bất công và không lành mạnh này, Đức Phật đã cho phép họ được tham gia vào những hoạt động tôn giáo. Họ được phép gia nhập vào tăng đoàn Tỳ-khuru ni (bhikkhunī) với điều kiện phải gìn giữ thêm tám giới do Đức Phật chế định ngoài những giới mà Đức Phật đã chế định cho

Tỳ-khưu tăng trước đây. Những giới này không cố ý làm giảm đi nhân cách của họ mà chỉ nhằm vào những khuyết điểm đặc biệt của giới nữ và để hướng dẫn họ hoàn thành tốt đẹp cuộc sống phạm hạnh không bị trở ngại. Đây là cơ hội đầu tiên trong lịch sử nhân loại mà người phụ nữ được phép tham dự vào tập thể của tăng chúng.

Tám giới ấy là :

Dầu cho thọ đại giới một trăm năm, một Tỳ-kheo-ni đối với một Tỳ-kheo mới thọ đại giới trong một ngày cũng phải đánh lễ, đứng dậy, chấp tay, xử sự đúng pháp. Pháp này sau khi cung kính, tôn trọng, đánh lễ, cúng dường, cho đến trọn đời không được vượt qua.

Tỳ-kheo-ni không có thể an cư mùa mưa tại chỗ không có Tỳ-kheo. Pháp này sau khi cung kính, tôn trọng, đánh lễ, cúng dường, cho đến trọn đời không được vượt qua.

Nửa tháng một lần, Tỳ-kheo-ni cần phải thỉnh chúng Tỳ-kheo hỏi ngày trai giới và đến để thuyết giới. Pháp này, sau khi cung kính, tôn trọng, đánh lễ, cúng dường, cho đến trọn đời không được vượt qua.

Sau khi an cư mùa mưa xong, Tỳ-kheo-ni cần phải làm lễ Tự tứ trước hai Tăng chúng về ba vấn đề được thấy, được nghe và nghĩ. Pháp này, sau khi cung kính, tôn trọng, đánh lễ, cúng dường, cho đến trọn đời không được vượt qua.

Tỳ-kheo-ni phạm trọng tội phải hành pháp pakkhamānattam (man-na-đọa) cho đến nửa tháng. Pháp này, sau khi cung kính, tôn trọng, đánh lễ, cúng dường, cho đến trọn đời không được vượt qua.

Sau khi học tập sáu pháp trong hai năm, phải đến xin thọ cụ túc giới trước hai Tăng chúng. Pháp này, sau khi cung kính,

tôn trọng, đánh lễ, cúng dường, cho đến trọn đời không được vượt qua.

Không vì duyên có gì, một Tỷ-kheo-ni có thể mắng nhiếc, chỉ trích một Tỷ-kheo. Pháp này, sau khi cung kính, tôn trọng, đánh lễ, cúng dường, cho đến trọn đời không được vượt qua.

Này Ānanda, bắt đầu từ hôm nay, có sự giáo giới phê bình giữa các Tỷ-kheo về Tỷ-kheo-ni, không có sự giáo giới phê bình giữa các Tỷ-kheo-ni về các Tỷ-kheo. Pháp này, sau khi cung kính, tôn trọng, đánh lễ, cúng dường, cho đến trọn đời không được vượt qua.

*(Tăng Chi Bộ Kinh 4. Chương Tám Pháp.
Phẩm Gotamī. Phần Mahāpajāpatī Gotamī)*

- Những nữ đệ tử nổi tiếng trước đây. (A.I.25)

1. Trong các vị nữ đệ tử Tỷ-kheo-ni đã lâu ngày của Ta, tối thắng là Mahāpajāpati Gotamī.

2. Trong các vị nữ đệ tử Tỷ-kheo-ni của Ta, đại trí tuệ, tối thắng là Khemā.

3. Trong các vị nữ đệ tử Tỷ-kheo-ni của Ta, đầy đủ thân thông, tối thắng là Uppalavannā.

4. Trong các vị nữ đệ tử Tỷ-kheo-ni của Ta, trì Luật, tối thắng là Paṭācārā.

5. Trong các vị nữ đệ tử Tỷ-kheo-ni của Ta, thuyết pháp, tối thắng là Dhammānā.

6. Trong các vị nữ đệ tử Tỷ-kheo-ni của Ta, tu Thiền, tối thắng là Nandā.

7. Trong các vị nữ đệ tử Tỷ-kheo-ni của Ta, tinh cần tinh tấn, tối thắng là Soṇā.

8. Trong các vị nữ đệ tử Tỷ-kheo-ni của Ta, thiên nhân, tối thắng là Bakulā.

9. Trong các vị nữ đệ tử Tỷ-kheo-ni của Ta, có thắng trí mau lẹ, tối thắng là Bhaddā Kuṇḍalakesā.

10. Trong các vị nữ đệ tử Tỷ-kheo-ni của Ta, nhớ đến các thời quá khứ, tối thắng là Bhaddā Kāpilānī.

11. Trong các vị nữ đệ tử Tỷ-kheo-ni của Ta, đã chứng đạt đại thắng trí, tối thắng là Bhaddā Kaccānā.

12. Trong các vị nữ đệ tử Tỷ-kheo-ni của Ta, mang thọ y, tối thắng là Kisāgotamī.

13. Trong các vị nữ đệ tử Tỷ-kheo-ni của Ta, đầy đủ tin thắng giải, này các Tỷ-kheo, tối thắng là Sīṅgālakamātā.

(Tăng Chi Bộ Kinh I. Chương Một Pháp. Phẩm Người Tối Thắng. Phần Nữ Đệ Tử Tỷ-Khuru Ni)

- Năm khuyết điểm của phụ nữ. (S.IV.328)

Này các Tỷ-kheo, có năm đau khổ riêng biệt mà người đàn bà phải gánh chịu, khác biệt với đàn ông. Thế nào là năm?

Ở đây, này các Tỷ-kheo, người đàn bà lúc trẻ tuổi đi đến nhà chồng, không có bà con. Đây là đau khổ riêng biệt thứ nhất, này các Tỷ-kheo, người đàn bà phải gánh chịu điều đó khác biệt với đàn ông.

Lại nữa, này các Tỷ-kheo, người đàn bà có kinh nguyệt. Đây là đau khổ riêng biệt thứ hai, này các Tỷ-kheo, người đàn bà phải gánh chịu, khác biệt với đàn ông.

Lại nữa, này các Tỷ-kheo, người đàn bà phải mang thai. Đây là sự đau khổ riêng biệt thứ ba, này các Tỷ-kheo, người đàn bà phải gánh chịu, khác biệt với đàn ông.

Lại nữa, này các Tỷ-kheo, một người đàn bà phải sanh con. Đây là đau khổ riêng biệt thứ tư, này các Tỷ-kheo, người đàn bà phải gánh chịu, khác biệt với đàn ông.

Lại nữa, này các Tỷ-kheo, người đàn bà hầu hạ đàn ông. Đây là đau khổ riêng biệt thứ năm, này các Tỷ-kheo, người đàn bà phải gánh chịu, khác biệt với đàn ông.

Này các Tỷ-kheo, đây là năm đau khổ riêng biệt, này các Tỷ-kheo, người đàn bà phải gánh chịu, khác biệt với đàn ông.

*(Tăng Chi Bộ Kinh 4. Tương Ưng Nữ Nhân.
Phẩm Đặc Thù. Phần Trung Lực)*

**- Năm sức mạnh làm cho người phụ nữ tin tưởng.
(S.IV.248)**

Này các Tỷ-kheo, có năm sức mạnh này của người đàn bà. Thế nào là năm? Sức mạnh nhan sắc, sức mạnh tài sản, sức mạnh bà con, sức mạnh con trai, sức mạnh giới hạnh.

Này các Tỷ-kheo, người đàn bà không do nhân nhan sắc, không do nhân tài sản, không do nhân bà con hay không do nhân con trai, sau khi thân hoại mạng chung, được sanh thiện thú, thiên giới, cõi đời này.

Này các Tỷ-kheo, người đàn bà do nhân giới hạnh, sau khi thân hoại mạng chung, được sanh thiện thú, thiên giới, cõi đời này.

Này các Tỷ-kheo, đây là năm sức mạnh của người đàn bà.

*(Tăng Chi Bộ Kinh 4. Tương Ưng Nữ Nhân.
Phẩm Các Sức Mạnh. Phần Nhân)*

**- Người phụ nữ cũng có sự thông minh. (Dhs.A.Vol II;
ThA.119)**

"Không phải chỉ có người nam là luôn luôn thông minh
lanh lợi mà người nữ cũng thông minh nữa".

- Nghiệp làm thành tựu ước nguyện của họ. (S.IV.249)

*Có năm sự kiện này, này các Tỷ-kheo, thật dễ cho người
đàn bà có làm các công đức có thể thực hiện được. Thế nào là
năm?*

*"Mong rằng tôi được sanh vào một gia đình thích đáng!"
Này các Tỷ-kheo, đây là sự kiện thứ nhất thật dễ cho người đàn
bà làm các công đức có thể thực hiện được.*

*"Sau khi được sanh vào một gia đình thích đáng, mong
rằng tôi được đi đến (làm vợ) một gia đình thích đáng!" Này
các Tỷ-kheo, đây là sự kiện thứ hai thật dễ cho người đàn bà có
làm các công đức có thể thực hiện được.*

*"Sau khi được vào một gia đình thích đáng, sau khi được
đi đến (làm vợ) một gia đình thích đáng, mong rằng tôi được
sống trong một gia đình không có người vợ địch thủ!" Này các
Tỷ-kheo, đây là sự kiện thứ ba thật dễ cho người đàn bà có làm
các công đức có thể thực hiện được.*

*"Sau khi được sanh vào một gia đình thích đáng, sau khi
được đi đến (làm vợ) một gia đình thích đáng, sau khi được
sống trong một gia đình không có người vợ địch thủ, mong
rằng tôi được sanh con trai!" Này các Tỷ-kheo, đây là sự kiện
thứ tư thật dễ cho người đàn bà có làm các công đức có thể
thực hiện được.*

*"Sau khi được sanh vào một gia đình thích đáng, sau khi
được đi đến (làm vợ) một gia đình thích đáng, sau khi được ở*

trong một gia đình không có người vợ địch thủ, sau khi được sinh con trai, mong rằng tôi chinh phục được người chồng!"
Này các Tỷ-kheo, đây là sự kiện thứ năm thật dễ cho người đàn bà có làm các công đức có thể thực hiện được.

Năm sự kiện này, này các Tỷ-kheo, thật dễ cho người đàn bà có làm các công đức có thể thực hiện được.

*(Tăng Chi Bộ Kinh 4. Tương Ưng Nữ Nhân.
Phẩm Các Sức Mạnh. Phần Sự Kiện)*

- Có vài phụ nữ vẫn tốt hơn nam nhân. (S.I.89)

Một người đi đến vua Pasenadi nước Kosala và báo tin kẻ bên tai vua Pasenadi nước Kosala: "Thưa Đại vương, hoàng hậu Mallikà đã sinh hạ được một người con gái".

Khi được nói vậy, vua Pasenadi nước Kosala không được hoan hỷ.

Rồi Thế Tôn, sau khi biết vua Pasenadi nước Kosala không được hoan hỷ, ngay lúc ấy nói lên bài kệ:

*Này Nhân chủ, ở đời,
Có một số thiếu nữ,
Có thể tốt đẹp hơn,
So sánh với con trai,
Có trí tuệ, giới đức,
Khiến nhạc mẫu tán phục.
Rồi sinh được con trai,
Là anh hùng, quốc chủ,
Người con trai như vậy,
Của người vợ hiền đức,
Thật xứng là Đạo sư,
Giáo giới cho toàn quốc.*

*(Tăng Chi Bộ Kinh 1. Tương Ưng Kosala.
Phẩm Thứ Hai. Phần Người Con Gái)*

- Người nữ là rất cần thiết. (S.I.43)

*Vật gì chủ ở đời?
Hàng hóa gì tối thượng?
Vật gì làm rỉ sét,
Lưỡi kiếm ở trên đời?
Vật gì ở đời này,
Tác thành cội địa ngục?
Ai đem đi, bị chặn?
Ai đem đi, được ưa?
Ai thường xuyên đi lại,
Được kẻ trí hoan hỷ?*

*- Thế lực chủ ở đời,
Nữ nhân, vật tối thượng.
Phần nộ làm rỉ sét,
Lưỡi kiếm ở trên đời.
Kẻ trộm ở đời này,
Tác thành cội địa ngục.
Trộm đem đi, bị chặn,
Sa-môn đem, được ưa,
Sa-môn thường đi lại,
Được kẻ trí hoan hỷ.*

*(Tương Ưng Bộ Kinh 1. Tương Ưng Chư Thiên.
Phẩm Đoạn. Phần Tôn Chủ)*

- Người nữ là nhân vật tối cần thiết. (Comy)

"Người nữ là một nhân vật cần thiết vì qua người nữ mà bồ tát và các vị vua được sinh ra".

- Có bảy hạng vợ. (A.IV.91-93)

1. Sát nhân thê – vaddhakā bhariyā.

Ai tâm bị uế nhiễm,
Không từ mẫn thương người,
Thích thú những người khác,
Khinh rẻ người chồng mình,
Bị mua chuộc bằng tiền,
Hăng say giết hại người,
Hạng người vợ như vậy,
Được gọi vợ sát nhân.

2. Đạo tặc thê – corī bhariyā.

Còn hạng nữ nhân nào,
Tiêu xài tài sản chồng,
Do công nghiệp đem lại,
Hay thương nghiệp, nông nghiệp,
Do vậy, nếu muốn trộm,
Dẫu có ít đi nữa,
Hạng người vợ như vậy,
Được gọi vợ ăn trộm.

3. Chủ nhân thê – ayyā bhariyā.

Không ưa thích làm việc,
Biếng nhác, nhưng ăn nhiều,
Ác khẩu và bạo ác,

Phát ngôn lời khó chịu,
Mọi cố gắng của chồng,
Đàn áp và chỉ huy,
Hạng người vợ như vậy,
Được gọi là vợ chủ nhân.

4. **Hiện mẫu thê – mātā bhariyā.**

Ai luôn luôn từ mẫn,
Có lòng thương xót người,
Sẵn sóc giúp đỡ chồng,
Như mẹ chăm sóc con,
Tài sản chồng cất chứa,
Biết hộ trì gìn giữ,
Hạng người vợ như vậy,
Được gọi vợ như mẹ,

5. **Hiện muội thê – bhaginī bhariyā.**

Ai như người em gái,
Đối xử với chị lớn,
Biết cung kính tôn trọng,
Đối với người chồng mình,
Với tâm biết tầm quý,
Tùy thuận phục vụ chồng,
Hạng người vợ như vậy,
Được gọi vợ như chị.

6. **Bằng hữu thê – sakhī bhariyā.**

Ai ở đời thấy chồng,
Tâm hoan hỷ vui vẻ,
Như người bạn tốt lành,
Đã lâu từ xa về,

*Sanh gia đình hiền đức,
Giữ giới, dạ trung thành,
Hạng người vợ như vậy,
Được gọi vợ như bạn.*

7. Nô bộc thể – dāsī bhariyā.

*Không tức giận, an tịnh,
Không sợ hình phạt, trượng,
Tâm tư không hiềm hận,
Nhẫn nhục đối với chồng,
Không phẫn nộ tức giận,
Tùy thuận lời chồng dạy,
Hạng người vợ như vậy,
Được gọi vợ nữ tỳ.*

*(Tăng Chi Bộ Kinh 4. Chương Bảy Pháp.
Phẩm Không Tuyên Bố. Phần Các Người Vợ)*

- Năm cách để cho người vợ trở thành hoàn hảo. (A.III.36-37)

Đức Phật đã dạy cho những người con gái sắp lấy chồng năm điều để họ suy ngẫm :

Này các thiếu nữ, các Con hãy học tập như sau: "Đối với những người chồng nào, mẹ cha cho các con, vì muốn lợi ích, vì tìm hạnh phúc, vì lòng thương tưởng, vì lòng từ mẫn khởi lên, đối với vị ấy, chúng ta sẽ thức dậy trước, chúng ta sẽ đi ngủ sau cùng, vui lòng nhận làm mọi công việc, xử sự đẹp lòng, lời nói dễ thương." Như vậy, này các Thiếu nữ, các Con cần phải học tập.

Do vậy, này các Thiếu nữ, các Con cần phải học tập như sau: "Những ai, chồng ta kính trọng, như mẹ, cha, Sa-môn, Bà-

la-môn, chúng ta sẽ tôn trọng, đánh lễ, cúng dường và khi họ đến, chúng ta sẽ dâng hiến họ chỗ ngồi và nước." Như vậy, này các Thiếu nữ, các Con cần phải học tập.

Do vậy, này các Thiếu nữ, các Con cần phải học tập như sau: "Phàm có những công nghiệp trong nhà, hoặc thuộc về len vải hay vải bông, ở đây, chúng ta sẽ phải thông thạo, không được biếng nhác, tự tìm hiểu phương pháp làm, vừa đủ để tự mình làm, vừa đủ để sắp đặt người làm." Như vậy, này các Thiếu nữ, các Con cần phải học tập.

Do vậy, này các Thiếu nữ, các Con cần phải học tập như sau: "Trong nhà người chồng, phàm có nô tỳ nào, hay người đưa tin, hay người công thợ, chúng ta sẽ phải biết công việc của họ với công việc đã làm; chúng ta sẽ phải biết sự thiếu sót của họ với công việc không làm. Chúng ta sẽ biết sức mạnh hay sức không mạnh của những người đau bệnh. Chúng ta sẽ chia các đồ ăn, loại cứng và loại mềm, mỗi người tùy theo phần của mình". Như vậy, này các Thiếu nữ, các Con cần phải học tập.

Do vậy, này các Thiếu nữ, các Con cần phải học tập như sau: "Phàm có tiền bạc, lúa gạo, bạc và vàng người chồng đem về, chúng ta cần phải phòng hộ, bảo vệ chúng, và sẽ gìn giữ để khỏi ăn trộm, ăn cắp, kẻ uống rượu, kẻ phá hoại". Như vậy, này các Thiếu nữ, các con cần phải học tập.

(Tăng Chi Bộ Kinh 3. Chương Năm Pháp.
Phẩm Sumanā. Phần Người Gia Chủ)

- Đó là niềm hạnh phúc. (Jā.453)

*Yassa bhariyā tulyavayā samaggā,
Anubbatā dhammakāmā pajātā;
Koliniyā sīlavatī patibbatā,
Dāresu ve sotthānaṃ tadāhu.*

*Vợ hiền, đồng tuổi, có tình thân,
Tận tụy, nhân từ, trẻ lại đông,
Đức hạnh, trung thành, dòng quý tộc,
Ấy niềm hạnh phúc giữa hồng quần.*

- Cửa hồi môn tốt đẹp nhất. (DhpA.53)

Cửa hồi môn tốt đẹp nhất mà cha mẹ có thể dành cho con gái mình là những lời giáo huấn được ghi lại trong chú giải kinh pháp cú qua những lời huấn dụ của cha nói với bà đại thí chủ Visākhā vào ngày bà lấy chồng :

Không đem lửa trong nhà ra ngoài.

Không đem lửa ở ngoài vào nhà.

Chỉ cho những người đáng được cho.

Không cho những người không đáng cho.

Cho cả hai hạng người, đáng cho và không đáng cho.

Ngồi một cách vui vẻ.

Ăn một cách vui vẻ.

Ngủ một cách an lạc.

Trông nom, gìn giữ lửa.

Tôn trọng các vị trời ở trong nhà.

Ngụ ý những lời dạy trên như sau :

Lửa ở đây ngụ ý những lời phỉ báng, vu cáo. Một người vợ không nên nói xấu chồng và gia đình chồng cho người khác nghe; cũng như không nên nói những khuyết điểm hay những cuộc cãi cọ ở trong nhà chồng cho người khác nghe.

Không nên nghe ngóng ở ngoài đường hay những người láng giềng nói xấu gia đình bên chồng rồi đem về nhà mà thuật lại cho gia đình bên chồng nghe.

Chỉ nên cho người nào mượn mà biết rằng sẽ đem trả lại.

Không nên cho người nào mượn mà biết rằng người ấy thường mượn luôn không bao giờ hoàn trả lại.

Những thân bằng quyến thuộc nghèo khó thì nên giúp đỡ họ, cho dù biết rằng họ không thể trả lại được.

Ngồi một cách vui vẻ có nghĩa là khi thấy cha mẹ chồng, nên đứng dậy để tỏ lòng tôn kính chứ không nên ngồi im lặng. Những lời dạy này dành cho những người vợ biết khiêm nhường, biết lễ độ để biểu hiện sự kính trọng cha mẹ chồng.

Ăn một cách vui vẻ nghĩa là trước khi ăn cơm, hãy quan sát xem có những gì thiếu sót mà cha mẹ chồng cần khi ăn không; nếu có nên đi lấy mang đến dâng cho họ rồi mới được ngồi ăn. Và cũng nên chăm sóc miếng ăn cho tươm tất trong nhà chu đáo nữa.

Ngủ một cách an lạc không có nghĩa là người vợ muốn ngủ bao lâu hay giờ giấc nào tùy thích mà ngụ ý là trước khi đi ngủ phải nên đi quan sát xem tất cả cửa ngõ đã đóng lại hết chưa, đồ đạc trong nhà được an toàn chưa, tươm tất đã làm xong phận sự trong nhà chưa, cha mẹ chồng và chồng đã lên giường ngủ chưa, xong rồi mới nên đi ngủ. Một người vợ hiền phải nên thức dậy sớm trừ khi bị đau ốm hay không được khỏe và cũng không nên ngủ ban ngày.

Lửa ở đây ám chỉ cho cha mẹ chồng và chồng. Hãy đối xử với họ hết sức cẩn trọng như thể sử dụng lửa vậy, nếu vô ý sẽ bị phỏng hoặc nhiều tai hại khác nữa.

Các vị trời trong nhà ở đây ý muốn nói đến cha mẹ chồng và chồng. Phải tỏ ra hết sức kính trọng họ. Chính như Đức

Phật khi đề cập đến cha mẹ bên vợ lúc Ngài còn là bồ tát thì Ngài vẫn xem họ như là chư thiên tại thế (sassudeva).

Theo phong tục phương Đông, người vợ xem chồng mình như ông vua. Theo lời dạy của Đức Phật thì người vợ được xem như là một người bạn tốt của chồng.

Nhiệm vụ của người chồng là phải nên đối xử với vợ như một người thân cận mang đến lợi ích to lớn nhất và nên xem vợ như là tâm thân thứ hai của mình. Một người vợ đảm đang và chung thủy hết sức coi trọng chồng như là nơi nương tựa, che chở lý tưởng của mình.

Người vợ cũng không quên lo lắng đến những bổn phận trong đời sống đạo hạnh. Các vị Sa môn, Bà-la-môn đến nhà lúc hợp thời phải nên đối xử với họ một cách tôn kính. Phải tỏ ra niềm nở với các vị ấy.

- Sức mạnh tinh thần của người phụ nữ. (Apa.11.535)

Người nam luôn thể hiện sự ngờ vực về tinh thần của người nữ là không tin tưởng, ngay như sau khi biết được sự thành tựu của giáo hội Tỳ-khuru Ni là một minh chứng tốt đẹp được Đức Phật tán thán khi bà Gotamī viếng thăm và đánh lễ Ngài vào thời điểm bà sắp Níp-bàn :

"Này Tỳ-khuru ni Gotamī, bà đã thực hiện tốt đẹp một cách kỳ diệu trong việc xóa tan mọi quan điểm sai lầm của những người nam ngu muội mà trong tâm trí của họ đầy sự hoài nghi về những tiềm lực tâm kinh của người phụ nữ".

- Vật hấp dẫn ở thế gian. (A.I.1)

Ta không thấy một sắc nào khác, này các Tỷ-kheo, xâm chiếm và ngự trị tâm người đàn ông như sắc người đàn bà. Này các Tỷ-kheo, sắc người đàn bà xâm chiếm và ngự trị tâm người đàn ông.

Ta không thấy một tiếng nào khác, này các Tỷ-kheo, xâm chiếm và ngự trị tâm người đàn ông, như tiếng người đàn bà. Này các Tỷ-kheo, tiếng người đàn bà xâm chiếm và ngự trị tâm người đàn ông.

Ta không thấy một hương nào khác, này các Tỷ-kheo, xâm chiếm và ngự trị tâm người đàn ông, như hương người đàn bà. Này các Tỷ-kheo, hương người đàn bà xâm chiếm và ngự trị tâm người đàn ông.

Ta không thấy một vị nào khác, này các Tỷ-kheo, xâm chiếm và ngự trị tâm người đàn ông, như vị người đàn bà. Này các Tỷ-kheo, vị người đàn bà xâm chiếm và ngự trị tâm người đàn ông.

Ta không thấy một xúc nào khác, này các Tỷ-kheo, xâm chiếm và ngự trị tâm người đàn ông, như xúc người đàn bà. Này các Tỷ-kheo, xúc người đàn bà xâm chiếm và ngự trị tâm người đàn ông.

*(Tăng Chi Bộ Kinh 1. Chương Một Pháp. Phẩm Sắc.
Phần Nữ Sắc)*

- Các đức hạnh mà người phụ nữ nên trau dồi. (S.IV.143)

Những đức hạnh làm cho người phụ nữ trở nên tốt đẹp cả hai đời, đời này và đời sau đã được Đức Phật tuyên bố như sau:

1. Có tâm đạo nhiệt thành.

2. Có tâm hổ thẹn và ghê sợ tội lỗi.
3. Không nuôi dưỡng tâm địa ác độc, oán thù và sân hận.
4. Không ghen tuông bóng gió.
5. Không cãi vã mà nên có lòng rộng lượng.
6. Nhã nhận trong mọi hành vi.
7. Đầy đủ đức hạnh.
8. Học hỏi để nâng cao kiến thức, nhất là sự hiểu biết.
9. Nhiệt tình và sốt sắng trong công việc.
10. Luôn phòng hộ tâm và khôn khéo trong xử sự.
11. Có trí tuệ hiểu biết.

- Bản chất của người phụ nữ. (Sn)

Mặc dù, thực sự Đức Phật nâng cao thân phận người phụ nữ, Ngài đã thể hiện qua sự giữ giới của Ngài và khuyến dạy các đệ tử từ thời này sang thời khác, nhưng Ngài vẫn nhận biết được sự khác biệt về vấn đề xã hội và sinh lý giữa người nam và người nữ vẫn còn tồn tại. Những điều này đã được miêu tả trong *Anguttara Nikāya* và *Saṃyutta Nikāya*. Mặc dù trong một vài đoạn kinh, có một vài nguyên do nói lên tai hại về tư cách và sự quyến rũ của người nữ đáng bị chỉ trích đã được ghi lại. Trong *Saṃyutta Nikāya*, Đức Phật đã có ý đưa ra nhiều yếu tố để xóa bỏ thành kiến này. Trong một vài trường hợp, người nữ được xem như sáng suốt và thông minh hơn người nam, và người nữ cũng có khả năng chứng đắc quả giải thoát hay đắc được các quả vị Thánh sau khi họ tu tập Bát chánh đạo.

Đối với những người phụ nữ đã bị xúc động thái quá và đau khổ cùng tột khi bị mất đi người thân yêu, Đức Phật đã dạy

về cái chết không thể nào tránh được của chúng sanh như đã được trình bày trong tứ diệu đế và nhiều dẫn vụ khác nhau được trích giảng về vấn đề này. Đối với và Visākhā, bị quá xúc động vì lòng thương yêu của bà ngoại khi bị mất đi đứa cháu gái, Đức Phật đã an ủi bà như sau :

*Do ái sinh sầu ưu,
Do ái sinh sợ hãi,
Ai thoát khỏi tham ái,
Không sầu, đâu sợ hãi? (Dhp.212)*

CHƯƠNG 12

SỰ TU TẬP

12. 1. HƯỚNG DẪN CÁCH THANH LỘC NỘI TÂM.

- Đạo lộ dẫn đến giải thoát. (Vism)

Sự giác ngộ Níp-bàn không thể có được nếu không có tu thiền (bhāvanā). Tu thiền nghĩa là làm cho tâm linh được phát triển hay sự sửa đổi tâm cho tốt đẹp hơn chứ không phải là sự suy nghĩ bình thường. Bằng cách tu tập có hệ thống riêng biệt, người ta có thể phát triển mọi tâm thiện, đồng thời không cho các tâm bất thiện sinh khởi ở nội tâm.

Cuối cùng, khi các thiện tâm được phát triển, niềm tin, sự tinh giác, định, tinh tấn và trí tuệ trở nên hoạt động nổi bật trong tâm. Khi ấy, hành giả có thể quan sát thật rõ ràng diễn tiến của tâm và sự tham chấp, sân hận, ảo tưởng cùng những bất thiện tâm sinh diệt ở các căn như thế nào. Quan điểm sai lầm về sự bất diệt, bản ngã hay thuyết hư vô ám ảnh tiềm thức tạo ra sự trói chặt vào sự sinh tồn đưa đến hậu quả là vòng luân hồi đầy đau khổ không có chấm dứt; và hành giả có thể khởi tâm để phân biệt rõ ràng các bất thiện pháp ấy, về sau này, các thiện tâm được phát triển như vậy với sự chuyên cần, tinh tấn cũng làm mất đi ảnh hưởng của chúng. Rồi hành giả tiến bộ đến mức hoàn toàn được giải thoát, chứng ngộ Níp-bàn.

Mỗi người đều có sự suy nghĩ riêng, sở thích hay không ưa thích riêng, hoặc sự nhận thức riêng. Vì vậy, mọi chúng sanh đều có cá tính khác nhau, do đó cần phải có sự học tập thích hợp cho từng cá tính. Sự sắp xếp và khuynh hướng của tâm là điều cần thiết cho vị thầy hướng dẫn trước khi dạy cho hành giả cách tu tập thích hợp. Nhiều thế kỷ trôi qua, các bộ kinh và chú giải đã làm cho công việc tu tập đầy phức tạp này trở nên đơn giản hơn cho đoàn hậu bối như là một quyển học bạ của học sinh và phân loại thành các tầng thiền.

- Hãy tự thanh lọc chính bạn cho thật xứng đáng. (Dhp.239)

*Anupubbena medhāvī,
Thokaṃ thokaṃ khaṇe khaṇe;
Kammāro rajatasseva,
Niddhame malamattano.*

*Bạc trí theo tuần tự.
Từng sát na trừ dần.
Như thợ vàng lọc bụi
Trừ cấu uế nơi mình.*

- Làm thế nào để được giải thoát? (D.I.73)

Một người với sự quán tưởng như vậy khởi lên hoan hỷ.

Với tâm hoan hỷ khởi lên sự phi lạc.

Với tâm phi lạc, thân được thanh tịnh.

Thân được thanh tịnh là được an lạc.

Với sự an lạc, tâm người ấy định.

Với tâm định, người ấy thấy được thực tướng của các pháp.

Với sự thấy được như vậy, vị ấy trở nên tỉnh ngộ và đẩy lùi các bất thiện pháp.

Với sự đẩy lùi như vậy, vị ấy trở nên trầm tĩnh.

Với sự trầm tĩnh, vị ấy được giải thoát.

12. 2. NHỮNG CÁ TÍNH CỦA CON NGƯỜI.

Về việc tu thiền, có một sự hiểu biết tổng quát về các cá tính khác biệt là điều rất cần thiết. Điều này hữu ích cho cả hai người, thiền sư và hành giả, để chọn đề mục thích hợp nhất và phương pháp hợp lý để đạt được kết quả tốt đẹp nhất một cách nhanh chóng.

- Có sáu loại cá tính (Vism.101)

➤ **Tính tham – rāgacarita.**

Có tính tham nổi bật.

➤ **Tính sân – dosacarita.**

Có tính ghen ghét nổi bật.

➤ **Tính si – mohacarita.**

Có tính hay bối rối, ưa lo lắng nổi bật.

➤ **Tính tín – saddhācarita.**

Có sự tin tưởng nổi bật.

➤ **Tính trí – buddhicarita.**

Có sự hiểu biết nổi bật.

➤ **Tính tầm – vitakkacarita.**

Có tính hay suy đoán hoặc suy luận nổi bật.

Lẽ dĩ nhiên, cá tính của con người không thể có màu sắc và thật khó phân biệt. Con người là một tổng thể phức tạp gồm có đủ mọi đặc tính này. Ở đây chỉ đề cập đến cá tính nào nổi bật nhất.

- Tiếng đàn "lute¹" ở đâu? (S.IV.195)

Vì như, này các Tỷ-kheo, một vị vua hay đại thần của vua từ trước chưa từng được nghe tiếng đàn tỳ bà, nay được nghe tiếng đàn tỳ bà, vị ấy nói: "Này Bạn, tiếng ấy là tiếng gì, khả ái như vậy, khả lạc như vậy, mê ly như vậy, say đắm như vậy, hấp dẫn như vậy?" Họ nói với vị ấy: "Thưa Tôn giả, đây là đàn tỳ bà, với tiếng khả ái như vậy, mê ly như vậy, khả lạc như vậy, say đắm như vậy, hấp dẫn như vậy". Vị ấy nói như sau: "Hãy đi và đem đàn tỳ bà ấy về cho ta". Họ đem đàn tỳ bà về cho vị ấy, và nói như sau: "Thưa Tôn giả, đàn tỳ bà này với tiếng khả ái như vậy, khả lạc như vậy, mê ly như vậy, say đắm như vậy, hấp dẫn như vậy". Vị ấy bèn nói: "Thôi vừa rồi đối với ta về đàn tỳ bà này. Hãy đem tiếng lại cho ta". Họ thưa với vị ấy: "Thưa Tôn giả, cái này được gọi là đàn tỳ bà, gồm có nhiều thành phần, gồm có số lớn thành phần. Nhờ nhiều thành phần này nên đàn phát âm. Như duyên cái bầu, duyên cái da, duyên cái cán, duyên cái đầu, duyên cái dây, duyên cái cung, duyên nỗ lực thích nghi của người. Như vậy, thưa Tôn giả, cái này gọi là đàn tỳ bà, gồm có nhiều thành phần, gồm có số lớn thành phần. Nhờ gồm nhiều thành phần này nên đàn phát âm". Rồi vua ấy đập đàn tỳ bà ấy ra thành 10 mảnh, 100 mảnh; sau khi đập bể đàn tỳ bà ấy ra thành 10 mảnh, 100 mảnh, vị ấy chế thành từng miếng nhỏ; sau khi chế thành từng miếng nhỏ, vị ấy lấy lửa đốt; sau khi lấy lửa đốt, vị ấy vụn lại thành đồng tro; sau khi vụn lại thành đồng tro, vị ấy đem quạt đồng tro lớn ấy trước làn gió mạnh, hay để chúng trôi theo dòng nước sông chảy mạnh. Rồi vị ấy nói: "Thật là hạ liệt, cái gọi đàn tỳ bà này, dầu cho tỳ bà là cái gì. Ở đây, đại chúng thường phóng dật, bị hướng dẫn sai lạc".

¹ Đàn tỳ bà.

Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo quán sát sắc cho đến sở thú của sắc, quán sát thọ... quán sát tưởng... quán sát các hành... quán sát thức cho đến sở thú của thức. Trong tất cả quán sát này, không có cái gì là "Tôi", là "Của tôi", là "Tôi là" cả.

*(Tương Ưng Bộ Kinh 4. Tương Ưng Sáu Xứ. Phẩm Rắn
Độc.
Phân Đàn Tỳ Bà)*

- Cá tính và đề mục thiền thích hợp. (Vism.101)

✧ Có tính tham nổi bật.

Hãy quán tưởng đến sự thối rữa của xác chết (asubha bhāvanā) hoặc quán tưởng đến sự bất tịnh của 32 thể trực của mình (kāyagatāsati).

✧ Có tính sân nổi bật.

Hãy phát triển bốn phạm trú (brahmavihāra) hoặc phát triển tâm từ, bi, hỷ, xả vô lượng đến mọi loài hữu tình. Hay tập trung tâm quán tưởng đến màu sắc, bất kỳ vật gì có màu vàng, xanh, đỏ hoặc hồng.

✧ Có tính si nổi bật.

Hãy quan sát về hơi thở (ānāpānasati).

✧ Có tính tín nổi bật.

Hãy quán tưởng đến Phật, Pháp, Tăng.

✧ Có tính trí nổi bật.

Hãy quán tưởng đến sự chết (maraṇasati)

Hãy quán tưởng tâm an tịnh (upasamānussati).

Hãy quán tưởng phân tích tứ đại (catu dhātu vavatthāna) là những thành phần vật chất ở thân mình.

Hãy quán tưởng đến sự bất tịnh của vật thực (āhāre patikkūla saññā).

★ **Có tính tâm nổi bật.**

Hãy quán tưởng về đề mục hơi thở (ānāpānasati)

12. 3. TRƯỚC KHI TU TẬP.

- Những chướng ngại cho việc tham thiền.

Một vị đã đạt được sự thanh tịnh và phẩm hạnh vững chắc tốt đẹp thì vị ấy phải nhận biết được những chướng ngại (palibodha) cho sự tu tập ở cả hai lãnh vực : nội thân và ngoại thân. Mười kiết sử được chấp nhận coi như là những chướng ngại cho việc tu thiền. mười chướng ngại đó đã được giải thích trong thanh tịnh đạo (vissuddhimagga) như sau : trú xứ, gia đình, lợi dưỡng, đồ chúng, việc xây cất, đi du lịch, quyền thuộc, ưu não, sách vở, thân thông.

- Sự kham nhẫn qua việc tham thiền. (M.I)

Để phát triển trong việc tham thiền cho được tiến bộ phải học cách làm như nước; vì khi tham thiền như vậy, những ấn tượng về cảm giác khó chịu đựng hay an lạc sanh khởi vẫn còn đọng lại trong tâm, không tan biến. Cũng giống như người ta rửa sạch phần, nước tiểu, mủ, máu và đờm nhưng nước không lo lắng, bức mình hay khó chịu; cũng như vậy, phát triển việc tham thiền hãy học cách làm như nước vậy.

- Bạn cũng có thể đạt được giải thoát nữa. (Mahā.V)

"Với lòng kiên chí bền gan và kiên quyết mà Ta đã đạt được giác ngộ và giải thoát.

Với sự chuyên cần tinh tấn không ngừng nghỉ mà Ta đã được an lạc tối thượng.

Nếu các người cũng chuyên cần tinh tấn không ngừng nghỉ như vậy thì các người cũng đạt được mục đích tối cao là an lạc và giải thoát".

- Những điều quán tưởng để huấn luyện tâm. (A.III.71)

Có năm sự kiện này, này các Tỷ-kheo, cần phải thường xuyên quán sát bởi nữ nhân hay nam nhân, bởi tại gia hay xuất gia. Thế nào là năm?

"Ta phải bị già, không thoát khỏi già" (jarādhammomhi, jaram anatīto) là sự kiện cần phải thường xuyên quán sát bởi nữ nhân hay nam nhân, bởi tại gia hay xuất gia.

"Ta phải bị bệnh, không thoát khỏi bệnh" (byādhidhammomhi, byādhim anatīto) là sự kiện cần phải thường xuyên quán sát bởi nữ nhân hay nam nhân, bởi tại gia hay xuất gia.

"Ta phải bị chết, không thoát khỏi chết" (maraṇadhammomhi, maraṇam anatīto) là sự kiện cần phải thường xuyên quán sát bởi nữ nhân hay nam nhân, bởi tại gia hay xuất gia.

"Tất cả pháp khả ái, khả ý đối với ta sẽ phải đổi khác, sẽ phải biến diệt" (sabbhehi me piyehi manāpehi nānābhāvo vinābhāvo) là sự kiện cần phải thường xuyên quán sát bởi nữ nhân hay nam nhân, bởi tại gia hay xuất gia.

"Ta là chủ nhân của nghiệp, là thừa tự của nghiệp, nghiệp là thai tạng, nghiệp là quyền thuộc, nghiệp là điểm tựa.

Phàm nghiệp nào ta sẽ làm thiện hay ác, ta sẽ thừa tự nghiệp ấy" (*kammassakomhi, kammadāyādo kammayoni kammabandhu kammaṭṭisarāṇo. Yaṃ kammaṃ karissāmi – kalyāṇaṃ vā pāpakaṃ vā – tassa dāyādo bhavissāmi*) là sự kiện cần phải thường xuyên quán sát bởi nữ nhân hay nam nhân, bởi tại gia hay xuất gia.

(Tăng Chi Bộ Kinh 3. Chương Năm Pháp. Phần Triền Cái.
Phần Sự Kiện Cần Quán Sát)

- Ba loại trí tuệ. (D.III.219)



Trí văn – sutamayapaññā.

Là trí hiểu biết do nghe nói hay tham khảo sách vở mà có được (không được rõ ràng lắm).



Trí tư – cintāmayapaññā.

Là trí có được qua sự suy nghĩ (không được chính xác lắm).



Trí tu – bhāvanāmayapaññā.

Là trí có được qua tham thiền, nó sinh khởi lên để tu tiên (hoàn toàn chính xác và rõ ràng).

- Ba cấp độ thoát khỏi những cấu uế của tâm. (Vism.693)

- Tạm thời thoát khỏi các cấu uế - *tadaṅgapahāna*.
- Đè nén hay kiềm chế các cấu uế - *vikkhambhanapahāna*.
- Hoàn toàn đoạn tận các cấu uế - *samucchadapahāna*.

- Năm pháp triển cái - nīvaraṇa (A.III.62)

Là những cấu uế của tâm làm ngăn trở sự phát triển tâm linh. Chúng gồm có :

❖ **Dục dục cái – kāmachandanīvaraṇa.**

Là sự tham chấp mạnh mẽ vào những dục lạc.

❖ **Sân độc cái – byāpādanīvaraṇa.**

Là sự ác ý hay oán hận đối với người khác, mong cho họ bị suy sụp, tàn mạt, đau khổ.

❖ **Hôn thuy cái – thīnamiddhanīvaraṇa.**

Là sự dă dượt, buồn ngủ, một trạng thái biếng nhác.

❖ **Trao hồi cái – uddhaccakukkuccanīvaraṇa.**

Là trạng thái lo lắng, ưu tư, trăn trở.

❖ **Hoài nghi cái – vicikicchānīvaraṇa.**

Là trạng thái ngờ vực, hoang mang theo khuynh hướng xóa bỏ mọi tin tưởng một cách vô cớ.

- Oai lực của định. (S.V.282)

Vì như một hòn sắt (hâm nóng) cả ngày, trở thành nhẹ nhàng hơn, nhu nhuyễn hơn, kham nhận hơn, chói sáng hơn. Cũng vậy, này Ānanda, khi nào Thế Tôn định thân trên tâm hay định tâm trên thân; trong khi nhập vào và an trú lạc tưởng và khinh an tưởng trong thân; trong khi ấy, này Ānanda, thân của Như Lai lại càng khinh an hơn, nhu nhuyễn hơn, càng kham nhận hơn, càng chói sáng hơn.

(Tương Ưng Bộ Kinh 5. Tương Ưng Như Ý Túc.

12. 4. TU THIỀN VẮNG LẶNG (THIỀN CHỈ)

- Hai điều kiện để phát sanh trí tuệ. (A.I.60)

Có hai pháp này, này các Tỷ-kheo, thuộc thành phần mình. Thế nào là hai?

Chỉ và Quán.

Chỉ được tu tập, này các Tỷ-kheo, chờ đợi lợi ích gì?

Tâm được tu tập.

Tâm được tu tập, chờ đợi lợi ích gì?

Cái gì thuộc về tham được đoạn tận.

Quán được tu tập, này các Tỷ-kheo, chờ đợi lợi ích gì?

Tuệ được tu tập.

Tuệ được tu tập, chờ đợi lợi ích gì?

Cái gì thuộc vô minh được đoạn tận.

Bị tham làm uế nhiễm, này các Tỷ-kheo, tâm không thể giải thoát.

Hay bị vô minh làm uế nhiễm, tuệ không được tu tập.

Do vậy, do ly tham, là tâm giải thoát. Do đoạn vô minh, là tuệ giải thoát.

(Tăng Chi Bộ Kinh 1. Chương Hai Pháp. Phẩm Người Ngủ)

- Bốn yếu tố thành tựu A-la-hán quả. (A.II.156)

Tôn giả Ānanda nói như sau:

- *Tỳ-kheo hay Tỳ-kheo-ni nào tuyên bố trước mặt tôi rằng, đã chứng được quả A-la-hán, tất cả vị ấy được đầy đủ bốn chi phần này, hoặc là một trong bốn chi phần này. Thế nào là bốn?*

Ở đây, này chư Hiền, Tỳ-kheo tu tập quán, có chỉ đi trước; do vị ấy tu tập quán có chỉ đi trước, con đường được sanh khởi. Vị ấy thực hành con đường ấy, tu tập, làm cho sung mãn. Do vị ấy thực hành con đường ấy, tu tập, làm cho sung mãn, các kiết sử được đoạn tận, các tùy miên được chấm dứt.

Lại nữa, này chư Hiền, vị Tỳ-kheo tu tập chỉ, có quán đi trước. Do vị ấy tu tập chỉ có quán đi trước, con đường được sanh khởi. Vị ấy thực hành con đường ấy, tu tập, làm cho sung mãn. Do vị ấy thực hành con đường ấy, tu tập, làm cho sung mãn, các kiết sử được đoạn tận, các tùy miên được chấm dứt.

Lại nữa, này chư Hiền, Tỳ-kheo tu tập cả hai chỉ quán gắn liền với nhau. Do vị ấy tu tập cả hai chỉ quán gắn liền với nhau, con đường được sanh khởi. Vị ấy thực hành con đường ấy, tu tập, làm cho sung mãn. Do vị ấy thực hành con đường ấy, tu tập, làm cho sung mãn, các kiết sử được đoạn tận, các tùy miên được chấm dứt.

Lại nữa, này chư Hiền, Tỳ-kheo với các dao động đối với các pháp được hoàn toàn dứt sạch. Này các Hiền giả, đây là thời khi tâm của vị ấy an trú, an tọa, nhất tâm, định tĩnh. Với vị ấy, con đường sanh khởi. Vị ấy thực hành con đường ấy, tu tập, làm cho sung mãn. Do vị ấy thực hành con đường ấy, tu tập, làm cho sung mãn, các kiết sử được đoạn tận, các tùy miên được chấm dứt.

Này chư Hiền, Tỳ-kheo hay Tỳ-kheo-ni nào tuyên bố trước mặt tôi rằng, đã chứng được quả A-la-hán, tất cả vị ấy được đầy đủ bốn chi phần này, hoặc là một trong bốn chi phần này.

*(Tăng Chi Bộ Kinh 2. Chương Bốn Pháp.
Phẩm Đạo Hành. Phần Gắn Liền Cột Chặt).*

Vì vậy, sự tu tập trong Phật giáo gồm cả hai phương pháp này : tu thiền chỉ (samatha) và thiền quán hay gọi là thiền minh sát (vipassanā).

Thiền chỉ mục đích hướng tâm đến vắng lặng và đưa đến sự định tâm. Ở đây có những triền cái đưa đến sự lo lắng, bồn chồn, hôn thụy, có hướng tham dục... với mục đích làm cho hành giả trở nên thụ động. Rồi sự vắng lặng và trầm tĩnh được sinh khởi với sự định tâm (trạng thái được biết là sơ thiền). Rồi hành giả cần phải phát triển xa hơn nữa, mức độ định tâm mạnh hơn bằng cách áp dụng phương pháp tu tập thiền chỉ để chứng đắc những tầng thiền cao hơn.

Có nhiều phương pháp được áp dụng để ức chế những trở ngại trong việc tiến triển tâm linh và đưa đến sự an tịnh ở nội tâm đi đôi với sự định tâm.

- Kasiṇa thiền. (D.III.268)

Đây là tên gọi cho một đề mục hoàn tịnh ở bên ngoài để giúp hành giả định tâm và phát triển sự định tâm để đạt được bốn tầng thiền (jhāna).

Nó gồm có sự tập trung cực điểm của hành giả và không phân tâm vào một đề mục thấy được như biến xứ đã được chuẩn bị trước (parikammanimitta), chẳng hạn như một cái đĩa hay một điểm có màu sắc hay một miếng đất hoặc một cái ao ở một khoảng cách thích hợp... cho đến khi nào hành giả nhận thấy được ở trong tâm, mặc dù đôi mắt khép lại, thu được biến xứ đó (uggahanimitta). Bây giờ, trong lúc vẫn tiếp tục hướng sự chú ý của mình vào biến xứ này có thể sẽ sanh khởi một biến xứ trái trước (patibhāganimitta) không thay đổi và không rõ nơi

chỗn và cùng với nó hành giả sẽ đạt đến một trạng thái cận định (upacārasamādhī). Trong lúc an trú tâm vào đề mục, cuối cùng hành giả đạt đến một trạng thái của tâm mà mọi hoạt động của các giác quan bị ngưng lại. Hành giả không còn nghe và thấy nữa, hành giả không còn cảm nhận được cảm giác ở thân nữa. Đó là trạng thái của sơ thiền.

Mười biến xứ được đề cập đến trong kinh là :

- ✓ *Biến xứ đất.*
- ✓ *Biến xứ nước.*
- ✓ *Biến xứ lửa.*
- ✓ *Biến xứ gió.*
- ✓ *Biến xứ xanh.*
- ✓ *Biến xứ vàng.*
- ✓ *Biến xứ đỏ.*
- ✓ *Biến xứ trắng.*
- ✓ *Biến xứ hư không.*
- ✓ *Biến xứ thức.*

- Mười tùy niệm – anussati. (Vism.197)

- *Tùy niệm Phật – buddhānussati.*
- *Tùy niệm Pháp – dhammānussati.*
- *Tùy niệm Tăng – saṅghānussati.*
- *Tùy niệm giới – sīlānussati.*
- *Tùy niệm thí – cāgānussati.*
- *Tùy niệm thiên – devatānussati.*

- *Niệm hơi thở – ānāpānasati.*
- *Niệm sự chết – maraṇasati.*
- *Niệm về thân – kāyagatāsati.*
- *Niệm về tịch tịnh – upasamaanussati.*

- Những đề mục thiền - kammaṭṭhāna. (Vism.110)

- *10 biến xứ (kasiṇa).*
- *10 đề mục bất tịnh (asubha).*
- *10 điều tùy niệm (anussati).*
- *4 phạm trú (brahmavihāra).*
- *4 đề mục vô sắc (arūpa).*
- *Quán tưởng sự ghê tởm của vật thực (āhāra paṭikūlasaññā).*
- *Định rõ bốn yếu tố vật chất (catudhātuvavaṭṭhāna).*

- Mười loại tử thi – asubha. (Vism.178)

- ✧ *Tử thi sinh trướng – uddhumātaka.*
- ✧ *Tử thi biến sắc xanh – vinīlaka.*
- ✧ *Tử thi chảy nước vàng – vipubbaka.*
- ✧ *Tử thi bị chặt đứt nửa thân – vicchiddaka.*
- ✧ *Tử thi bị thú cắn xé – vikkhāyitaka.*
- ✧ *Tử thi rời rã chi thể - vikkhittaka.*
- ✧ *Tử thi bị cắt từng đoạn – hatavikkhittaka.*

✧ *Tử thi bị thương đầy máu – lohita.*

✧ *Tử thi bị dòi đục – puluvaka.*

✧ *Tử thi còn xương cốt – atthika.*

- Cực điểm của thiền chỉ. (M.I.40)

Sự phát triển tâm linh mà một hành giả đạt được qua thiền chỉ (samatha) để có được oai lực thiền được gọi là tầng thiền. Sự chứng đắc thiền có tám bậc. Năm pháp triển cái bị đẩy lùi (cho dù chỉ tạm thời tâm định) để đạt được tầng thiền.

○ **Rūpajhāna.**

Thiền sắc giới.

○ **Sơ thiền.**

Trong sơ thiền có 5 chi : tâm, sát, phi, lạc và định.

○ **Nhi thiền.**

Trong nhị thiền có 4 chi : sát, phi, lạc và định.

○ **Tam thiền.**

Trong tam thiền có 3 chi : phi, lạc và định.

○ **Tứ thiền.**

Trong tứ thiền có 2 chi : xả và định.

- Ý nghĩa của thiền. (The path of serenity & insight).

Từ ngữ thiền (jhāna) tương xứng với từ dhyāna của Sanskrit có nghĩa rộng hơn. sự thiêu đốt những cấu uế của tâm, sự suy tưởng hay tham thiền, còn ở trong Phật giáo được sử dụng không chỉ bao hàm phương pháp phát triển tâm linh rộng

lớn mà còn là một tiến trình biến đổi tâm thức từ trạng thái thấp kém đến một trạng thái cao hơn, từ cõi sắc xuyên qua cõi vô sắc để đạt đến tận cùng của sự tu tập là giải thoát.

- Sự giải thích về thiền trong Vi Diệu Pháp. (Vism)

Những trạng thái phi, lạc và định được nhấn mạnh trong kinh điển là khi hành giả thành tựu được các tầng thiền như là một sự thực chứng. Các phân tích của Vi Diệu Pháp chỉ có khía cạnh tâm lý. Các tâm sở tịnh hảo được phát triển, còn các tâm sở bất tịnh hảo thì hành giả phải loại bỏ dần dần ở mức độ tâm định cao hơn, đây là điểm nổi bật nhất trong Vi Diệu Pháp. Vì vậy, bốn tầng thiền sắc giới trong kinh điển được tính thành năm tầng thiền trong vi diệu pháp.

- Thiền quán. (Vism)

Thiền sắc giới có 5 bậc, là sự phát triển của các tâm sở tịnh hảo qua sự tu tập thiền quán.

▪ Sơ thiền gồm có 5 chi :

Tầm (vitakka), tứ (vicāra), hỷ (pīti), lạc (sukha) và định (ekaggatā).

▪ Nhi thiền gồm có 4 chi :

tứ, hỷ, lạc và định.

▪ Tam thiền gồm có 3 chi :

Hỷ, lạc và định.

▪ Tứ thiền gồm có 2 chi :

Lạc và định.

▪ **Ngũ thiên gồm có 2 chi :**

Xả (upekkhā) và định.

- Cõi vô sắc. (A.IV)

Ở cõi sắc, hành giả duy trì trạng thái tâm định vào một đề mục luôn luôn có hình tướng. Các vị đã đắc được thiên này sẽ được tái sinh cộng trú với phạm thiên. Ở cõi phạm thiên sắc giới, các vị này đều có thân tướng.

Sau khi đắc được tứ thiên (như liệt kê trong kinh điển), vị hành giả nỗ lực gia tăng sự định tâm tiến xa hơn bằng cách chọn một đề mục xảo diệu hơn, chẳng hạn như quán tưởng đề mục "không vô biên xứ". Nếu vị ấy đắc được tầng thiên này, vị ấy sẽ được tái sinh lên cõi vô sắc. giai đoạn thứ hai đòi hỏi hành giả phải quán tưởng đề mục "thức vô biên xứ" và giai đoạn thứ ba phải quán tưởng đề mục "vô sở hữu xứ". Cuối cùng, vị ấy chẳng còn quán tưởng đến đề mục nào cả, nhưng vị ấy trở nên tỉnh giác thanh tịnh (etaṃ santam etaṃ panītam) và nỗ lực lắng tâm rồi hành giả đạt đến mức độ tột cùng của tầng thiên "phi tướng phi phi tướng xứ". Đây được gọi là saññagga, mức độ tột đỉnh của tâm thức.

- Bốn cõi vô sắc – arūpaloka. (Vism)

Cõi vô sắc (arūpaloka) được chia làm bốn cõi, tùy thuộc vào bốn tầng thiên vô sắc mà một vị hành giả đã chứng đắc.

• **Không vô biên xứ - ākāśānañcāyatana.**

Phạm vi khái niệm về một không gian vô bờ bến.

• **Thức vô biên xứ - viññānañcāyatana.**

Phạm vi khái niệm về một tâm thức vô bờ bến.

- Vô sở hữu xứ - ākiñcaññāyatana.

Phạm vi khái niệm về không có gì cả.

- Phi tướng phi phi tướng xứ - nevasaññānāsaññāyatana.

Phạm vi không có khái niệm mà cũng không phải không có khái niệm.

- Bản chất của ngũ uẩn. (S.III.142)

*Phenaṇḍūpamaṃ rūpaṃ,
Vedanā bubbulūpamā;
Marīcikūpamā saññā,
saṅkhārā kadalūpamā;
Māyūpamañca viññāṇaṃ,
Desitādiccabandhunā.*

*Sắc ví với đồng bọt,
Thọ ví bong bóng nước,
Tướng ví rảng mặt trời,
Hành ví với cây chuối,
Thức ví với ảo thuật,
Đẳng bà con mặt trời,
Đã thuyết giảng như vậy.*

*(Tương Ứng Bộ Kinh 3. Tương Ứng Uẩn.
Phẩm Hoa. Phần Bọ Nước)*

12. 5. THIÊN GIỚI HAY SỰ QUÁN TƯỞNG ĐẾN CHÚNG SANH.

Tu tập phát triển tâm từ, bi, hỷ, xả đối với tất cả mọi chúng sanh được lưu ý đặc biệt trong kinh điển. Hầu như mỗi chúng sanh trải qua trong đời bị giam hãm trong một bản ngã. Họ tự chia rẽ mình với người khác và tạo ra nhiều phiền toái trái ngược ở thế gian. Sự tu tập này nhằm hạn chế tối đa cái bản

ngã hiện hữu đó và phát huy một thái độ vô lượng vô biên biến mãn cùng khắp không phân biệt đến tất cả mọi chúng sanh đang sinh tồn. Cách tu tập này được gọi là sống không phân biệt (appamāna vihāri).

Theo bài kinh Tevijja trong Trường Bộ kinh (Dīghanikāya), Đức Phật đã khuyên nhủ các vị Bà-la-môn nói về việc cộng trú với Phạm thiên hãy nên phát triển tứ vô lượng tâm thay vì cầu nguyện nếu như họ thật sự muốn cộng trú với Phạm thiên. Bài kinh này gián tiếp đề nghị mỗi giáo đồ nên tu tập điều này.

(D.13)

- Bốn phạm trú – brahmavihāra. (A.II)

Một người cần phải trau dồi các phẩm hạnh cao quý này hay thiên chất này để trở nên cao thượng.

- **Tâm từ – mettā.**

Phải có thiện tâm, thương yêu đến mọi chúng sanh mà không có sự phân biệt hay kỳ thị.

- **Tâm bi – karuṇā.**

Có lòng thương tưởng đến chúng sanh bị đau khổ, có lòng muốn giảm bớt sự đau khổ của họ.

- **Tâm hỷ – muditā.**

Có lòng hoan hỷ với chúng sanh, vui khi thấy chúng sanh được hạnh phúc mà không đem lòng ganh tỵ.

- **Tâm xả – upekkhā.**

Tâm không vui buồn, vô tư trước sự thịnh suy của chúng sanh, luôn giữ sự hòa nhã với mọi người mà không có sự phân biệt.

- Sự dẫn đến thiện tâm. (Vism.318)

Lòng bi mẫn thương tưởng luôn nghĩ về mọi sầu khổ đang hành hạ chúng sanh trong khi tâm từ (mettā) luôn mong cầu chúng sanh được an lạc hạnh phúc.

Từ tâm (mettā) nghĩ đến sự an lạc chúng sanh, tâm bi (karuṇā) nghĩ đến sự đau khổ của chúng sanh, tâm hỷ (muditā) nghĩ đến sự thanh lợi, an vui của chúng sanh, tâm xả (upekkhā) nghĩ đến sự an nhiên, tự tại trước sự thịnh suy, yêu thương và ghét bỏ, hạnh phúc hay đau khổ của chúng sanh.

- Mong cho tất cả chúng sanh được hạnh phúc. (Kinh Từ Bi – Mettā sutta)

*Các loài hiện đang sống,
Các loài sẽ được sanh,
Mong mọi loài chúng sanh
Sống hạnh phúc an lạc.*

- Cả thế gian là một đại gia đình. (S.II.189)

Này các Tỷ-kheo, thật không dễ gì tìm được một chúng sanh, trong thời gian dài này, lại không một lần đã làm mẹ, làm cha, làm anh em, làm con cháu của mình trong vòng luân hồi sanh tử vô tận này.

- Hãy phát triển tâm từ bi. (Miln)

Một cái cây không phân biệt bóng mát của nó tạo ra, cũng như vậy, một vị hành giả, một thiện sinh chân chính cũng phải không có sự phân biệt chúng sanh mà phải phát triển từ tâm bình đẳng đến kẻ thù cũng như người thân và cho chính mình. Vị ấy nghĩ rằng : "Mong cho những chúng sanh này không còn hận thù, không còn ý nào hại người khác, mong cho họ luôn được yên tĩnh, được an lạc, mong cho họ biết lo lắng cho nhau".

- Sự lợi ích của tâm từ. (A.IV.150)

Với từ tâm giải thoát, này các Tỷ-kheo, được sử dụng, được tu tập, được làm cho sung mãn, được làm như cỗ xe, được làm như căn cứ địa, được tùy trú, được tích tập, được khéo tác thành, thời chờ đợi là có tám lợi ích. Thế nào là tám?

Ngủ được an lạc, dậy được an lạc, không thấy ác mộng, được người ái mộ, được phi nhân ái mộ, được chư Thiên hộ trì, lửa hay thuốc độc hay kiếm không gia hại, nếu không thông đạt thượng vị, đạt được Phạm Thiên giới. Với từ tâm giải thoát, này các Tỷ-kheo, được sử dụng, được tu tập, được làm cho sung mãn, được làm như cỗ xe, được làm như căn cứ địa, được tùy trú, được tích tập, được khéo tác thành, thời chờ đợi là có tám lợi ích này.

*(Tăng Chi Bộ Kinh 3. Chương Tám Pháp. Phẩm Từ.
Phân Từ)*

- Hãy phát triển những phẩm hạnh cao quý. (M.I.424)

Này Rahula, hãy tu tập sự tu tập về lòng từ. Này Rahula, do tu tập sự tu tập về lòng từ, cái gì thuộc sân tâm sẽ được trừ diệt. Này Rahula, hãy tu tập sự tu tập về lòng bi. Này Rahula, do tu tập sự tu tập về lòng bi, cái gì thuộc hại tâm sẽ được trừ

diệt. Nay Rahula, hãy tu tập sự tu tập về hỷ. Nay Rahula, do tu tập sự tu tập về hỷ, cái gì thuộc bất lạc sẽ được trừ diệt. Nay Rahula, hãy tu tập sự tu tập về xả. Nay Rahula, do tu tập sự tu tập về xả, cái gì thuộc hận tâm sẽ được trừ diệt. Nay Rahula, hãy tu tập sự tu tập về bất tịnh. Nay Rahula, do tu tập sự tu tập về bất tịnh, cái gì thuộc tham ái được trừ diệt. Nay Rahula, hãy tu tập sự tu tập về vô thường. Nay Rahula, do tu tập sự tu tập về vô thường, cái gì thuộc ngã mạn được trừ diệt.

(Trung Bộ Kinh 2. Đại Kinh Giáo Giới La-Hầu-La)

12. 6. TU TẬP TUỆ MINH SÁT.

Tu tập thiền chỉ để tâm được yên tịnh, đưa đến sự định tâm. Ngoài ra, còn có thể đoạn trừ được các tâm bất tịnh hão mà chính chúng tạo ra phiền não ở tâm. Với một tâm vững mạnh qua sự phát triển định (samādhi), hành giả chưa thoát khỏi sự trói buộc của kiếp sinh tồn, bởi vì ấy vẫn chưa thực chứng được thực tướng của các hiện tượng, chẳng hạn như sự vô thường, khổ não và vô ngã. Hãy hướng sự thể nghiệm đến đặc tính của hiện tượng, người ta có thể phát triển được trí tuệ. Trí tuệ sinh khởi có nghĩa được giải thoát.

Về phương diện tu tập này, quán tưởng đến sự vô thường của tất cả hiện tượng chỉ có thể được thấy trong Phật giáo mà thôi, bởi vì Phật giáo phủ nhận cái ý tưởng không thay đổi của vạn vật hay một sự vĩnh hằng. Tu tập minh sát tuệ (vipassanā bhāvanā) có nghĩa là quan sát, suy nghĩ. Đây là cách duy nhất để đạt đến mục đích sau cùng là giải thoát.

(Vism.22)

- Đạo lộ duy nhất. (M.I. 55-56)

Ekāyano ayam, bhikkhave, maggo sattānaṃ visuddhiyā, sokaparidevānaṃ samatikkamāya, dukkhadomanassānaṃ atthaṅgamāya, ñāyassa adhigamāya, nibbānassa sacchikiriyāya, yadidaṃ cattāro satipaṭṭhānā.

Này các Tỷ-kheo, đây là con đường độc nhất đưa đến thanh tịnh cho chúng sanh, vượt khỏi sầu não, diệt trừ khổ ưu, thành tựu chánh trí, chứng ngộ Niết-bàn. Đó là Bốn Niệm xứ.

(Trung Bộ Kinh 1. Kinh Tứ Niệm Xứ)

- Tứ niệm xứ. (Satipaṭṭhānasutta)

Đức Phật đã dạy tứ niệm xứ như là một đạo lộ duy nhất để thấy rõ được thực tính của vạn vật như thật sự chúng là để thanh lọc nội tâm để được thanh tịnh và đạt được giải thoát cuối cùng.

✓ **Thân quán niệm xứ - kāyānupassanā.**

Quán sát về thực tướng của thân.

✓ **Thọ quán niệm xứ - vedanānupassanā.**

Quán sát về những cảm giác như lạc thọ, khổ thọ và xả thọ.

✓ **Tâm quán niệm xứ - cittānupassanā.**

Quán sát về thực tướng của tâm, tính chất của tâm khi sanh khởi, thiện hay bất thiện.

✓ **Pháp quán niệm xứ - dhammānupassanā.**

Quán sát về thức chất của tâm trong lãnh vực những pháp triển cái và những sự phát triển của thiện tâm.

- Những sự quán tưởng để giải thoát I. (A.V.108)

Có 10 đề mục để quán tưởng trong cuộc sống và ở thế gian để chứng ngộ được thực tính của vạn vật hợp thành.

- + Quán tưởng đến sự vô thường.
- + Quán tưởng đến pháp vô ngã (không có một bản ngã hay một linh hồn trường cửu).
- + Quán tưởng đến sự bất tịnh của thân.
- + Quán tưởng đến những điều bất lợi (những sự nguy hiểm).
- + Quán tưởng đến sự từ bỏ, sự xuất thế.
- + Quán tưởng đến sự xả ly.
- + Quán tưởng đến sự giải thoát.
- + Quán tưởng đến sự vô thường của mọi vật hợp thành.
- + Quán tưởng đến sự nhàm chán thế gian.
- + Luôn tỉnh giác với hơi thở vào và ra.

- Những sự quán tưởng để giải thoát II. (A.V.105)

- o Sự bất tịnh – asubha.

Hãy nghĩ đến sự không trong sạch, bản thù của vạn vật.

- o Sự chết – marana.

Hãy nghĩ đến sự chết của mỗi chúng sanh.

- o Sự nhàm gớm vật thực – āhāre paṭikkūla.

Hãy nghĩ đến sự không trong sạch của vật thực.

- o Sự bất lạc của thế giới – sabbaloke anabhirati.

Hãy nhàm chán thế giới này.

- Vô thường – anicca.

Hãy nghĩ đến sự vô thường.

- Khổ vô thường – anicce dukkha.

Hãy nghĩ đến cái gì là vô thường thì sanh đau khổ.

- Vô ngã khổ - dukkhe anatta.

Hãy nghĩ đến sự vô ngã sanh đau khổ.

- Sự đoạn trừ - pahāna.

Hãy nghĩ đến sự từ bỏ để ra đi tầm cầu giải thoát.

- Sự vô nhiễm – virāga.

Hãy nghĩ đến sự xả ly.

- Sự đoạn diệt – nirodha.

Hãy nghĩ đến sự đoạn diệt, quán tưởng đến những ý tưởng cùng tột của sự bất tử.

- Những sự quán tưởng để giải thoát III. (A.V.105)

- *Quán tưởng đến sự vô thường.*
- *Quán tưởng đến sự vô ngã.*
- *Quán tưởng đến sự chết.*
- *Quán tưởng đến sự không trong sạch của vật thực.*
- *Quán tưởng đến sự nhàm chán thế gian.*
- *Quán tưởng đến thân xác này không có gì cả mà chỉ là bộ xương.*

- Quán tưởng đến tử thi bị dòi đục, thối rữa.
- Quán tưởng đến tử thi bị sinh trưởng.
- Quán tưởng đến tử thi bị nứt nẻ, chảy nước vàng.

- Thất giác chi – Satta bojjaṅga. (S.V.62)

Một vị hành giả nên tu tập phát triển bảy chi phần giác ngộ theo tiến triển dưới đây để dễ dàng phát sanh trí tuệ. Khi những chi phần này được phát triển mạnh mẽ thì sẽ sinh khởi trí tuệ được được giải thoát.

○ Niệm – sati.

"Ở đây, cái gì là niệm được xem như là một chi phần của sự giác ngộ? Ở đây, một vị Tỳ-khưu có chánh niệm là vị ấy thiện xảo trong chánh niệm, vị ấy nhớ rõ và ghi nhận cái gì đã làm, cái gì đã nói trước đây lâu rồi. Đây gọi là niệm được xem như là một chi phần của sự giác ngộ".

○ Trạch pháp – dhammavicaya.

"An trú trong chánh niệm như vậy, vị ấy suy xét giáo pháp với trí tuệ, thẩm sát giáo pháp và nhận định sự suy xét. Đây gọi là trạch pháp, coi như là một chi phần của giác ngộ".

○ Cần – viriya.

"Khi suy xét giáo pháp, thẩm sát giáo pháp và nhận định sự suy xét đó, vị ấy nỗ lực chuyên cần tu tập. Đây gọi là tinh cần như một chi phần của giác ngộ".

○ Hỷ – pīti.

"Khi vị ấy đã có sự chuyên cần nỗ lực, sự hoan hỷ sanh khởi nơi vị ấy, thoát khỏi mọi dục lạc. Đây gọi là hỷ như là một chi phần của giác ngộ".

○ **An tịnh – passaddhi.**

"Khi tâm của vị ấy tràn đầy sự hoan hỷ thì thân và tâm của vị ấy trở nên an tịnh. Đây gọi là an tịnh như một phần của giác ngộ".

○ **Định – samādhī.**

"Khi thân vị ấy được sự an tịnh và hoan hỷ thì tâm của vị ấy an trụ vững chắc. Đây gọi là định như là một phần của giác ngộ".

○ **Xả - upekkhā.**

"Khi tâm định của vị ấy vững chắc, vị ấy nhìn mọi việc với tâm bình thản, an nhiên. Đây được gọi là xả như là một chi phần của giác ngộ".

Đây là bảy phần chánh yếu đưa đến sự giác ngộ hay tuệ. Vì vậy, thuật ngữ thất giác chi là nói đến những chi phần của giác ngộ.

- Bảy pháp thanh tịnh. (M.I.149)

Cũng giống như những tầng thiền (samatha), sự thanh tịnh đạt được bởi bảy pháp trong việc tu tập thiền minh sát (vipassanā).

Ở mỗi một mức độ, hành giả làm sâu thêm tuệ quán của vị ấy vào thực tính của hiện tượng, của sự xả ly và của vô minh mà vị ấy tích lũy trước đây từ lúc bắt đầu của vòng sanh tử luân hồi bất khả tự nghỉ trở nên mất tác dụng dần dần. Theo ước muốn của vị ấy làm cho sự hiện hữu của hiện tượng bị tiêu trừ từ từ, vị ấy có thể thực chứng được sự an lạc của giải thoát.

Bảy pháp thanh tịnh để được giải thoát khỏi mọi lậu hoặc (āsava) và mọi nhân duyên làm cho phải bị trôi nổi trong vòng luân hồi sanh tử là :

○Giới tịnh – sīlavisuddhi.

Gìn giữ giới luật cho thật trong sạch, không bị bợn nhơ.

○Tâm tịnh – cittavisuddhi.

Sự thanh tịnh có được nhờ tâm định, điều này bao gồm tám thiền chứng.

○Kiến tịnh – ditthivisuddhi.

Sự thanh tịnh về tri kiến nhờ sự chứng ngộ được thực tướng của tâm.

○Đoạn nghi tịnh – kaṅkhāvitaraṇavisuddhi.

Sự thanh tịnh do sự đoạn trừ hoài nghi. Sự hiểu biết được duyên khởi có liên hệ của thân và tâm như là một phối hợp của nhiều phần tử và năng lực thì sự hoài nghi về quá khứ, hiện tại và tương lai sẽ biến mất và khi đó sẽ có được sự hiểu biết về lý nhân quả.

○Đạo phi đạo tri kiến – maggāmaggañānadassana-visuddhi.

Sự thanh tịnh của tri kiến và minh sát tuệ giúp cho sự nhận thức rõ ràng đạo lộ giải thoát. Sự thanh tịnh này bao gồm sự hiểu biết đạo lộ chân chánh đưa đến sự chứng ngộ Níp-bàn và sự hiểu biết nhân quả hay là sự sinh khởi và diệt của mọi pháp trong vũ trụ.

○Hành lộ tri kiến tịnh – patipadāñānadassanavisuddhi.

Sự thanh tịnh của tri kiến và minh sát tuệ được phát triển. Vị hành giả được thoát khỏi mọi cấu uế thù nghịch ở nội tâm và

nhập vào đạo lộ chân chánh, phát huy tri kiến sâu sắc hơn nữa để hiểu biết được tứ diệu đế.

○ Tri kiến tịnh – ñānadassanavisuddhi.

Sự thanh tịnh của tri kiến và minh sát tuệ trong thánh đạo. Điều này bao gồm cả bốn thánh đạo.

Mục đích cuối cùng của sự phát triển bảy pháp thanh tịnh là sự chứng ngộ Níp-bàn tối thượng không còn bám chấp "anupādisesapariniḥḥāna".

- Trau dồi tâm. (A.I.261)

"Thật cần thiết để trau dồi một biện pháp nào đó để gìn giữ tâm cho được trong sạch và nhất là cho những tâm chưa được thuần hóa khỏi phải luôn luôn hối tiếc vì đã phạm tội ác qua lời nói hay việc làm. Khi tâm không được phòng hộ thì thân hành động cũng không được phòng hộ, vì thế lời nói hay suy nghĩ cũng vậy".

- Bạc thiện trí thức cũng giống như cái hồ. (Sn. 721)

*Yadūnakam taṃ saṇati,
Yaṃ pūram santameva taṃ;
Aḍḍhakumbhūpamo bālo,
Rahado pūrova paṇḍito.*

*Cái gì trống kêu to,
Cái gì đầy yên lặng,
Ngu như ghè vơi nước,
Bạc trí như ao đầy.*

12. 7. CỨU CÁNH NÍP-BÀN.

- Võ tan ảo mộng. (M.I.511)

Này Māgandiya, nếu Ta thuyết pháp cho Ông: "Đây là không bệnh ấy, đây là Niết-bàn ấy", Ông có thể biết không bệnh, Ông có thể thấy Niết-bàn. Và với mắt được khởi lên cho Ông, lòng tham dục đối với năm thủ uẩn được đoạn trừ; và Ông có thể nghĩ như sau: "Thật sự trong một thời gian dài, ta bị tâm này lường gạt, lừa dối, phỉnh gạt, chấp thủ sắc, ta đã chấp thủ, chấp thủ thọ, ta đã chấp thủ, chấp thủ tưởng, ta đã chấp thủ, chấp thủ các hành, ta đã chấp thủ, chấp thủ thức, ta đã chấp thủ. Do duyên chấp thủ ấy nơi ta, nên có hữu; do duyên hữu, có sanh; do duyên sanh, có già chết, sầu, bi, khổ, ưu, não khởi lên. Như vậy là sự tập khởi của toàn bộ Khổ uẩn".

(Trung Bộ Kinh 2. Kinh Māgandiya).

- Các bậc A-la-hán có thể tồn tại bất cứ lúc nào. (D.II.151)

Này Subhadda, nếu những vị Tỷ-kheo này sống chơn chánh, thời đời này không vắng những vị A-la-hán.

(Trường Bộ Kinh 1. Kinh Đại Bát Níp-Bàn).

- Níp-bàn là gì? (S.IV.252)

- Này Hiền giả, thế nào là Niết-bàn?

- Này Hiền giả, đoạn tận tham, đoạn tận sân, đoạn tận si, đây gọi là Niết-bàn.

(Tương Ưng Bộ Kinh 4. Tương Ưng Jambukhāḍaka.
Phần Níp-Bàn)

- Đạo lộ đến Níp-bàn. (Vism.675-678)

Có bốn hạng thánh nhân (ariyapuggala) nhập vào Thánh vực từng bậc một và chứng nghiệm được an lạc Níp-bàn. Sự chứng đắc này được chia làm bốn bậc và có sự liên hệ đến việc đoạn trừ mười kiết sử (dasasaññojana).

- Đạo – magga. Có bốn đạo.

Giai đoạn thể nhập vào trạng thái cao thượng (Níp-bàn).

- Quả - phala. Có bốn quả.

Mãnh lực của tâm thức đang chứng đắc mỗi trạng thái.

- Bậc Dự Lưu – sotāpatti.

Gồm đạo lộ nhập vào dòng Thánh và chứng đắc quả vị tu-đà-huần.

- Bậc Nhất Lai – sakadāgāmi.

Gồm đạo lộ nhập vào dòng Thánh chỉ trở lại một lần và chứng đắc quả vị tu-đà-hàm.

- Bậc Bất Lai – anāgāmi.

Gồm đạo lộ nhập vào dòng Thánh không còn trở lại và chứng đắc quả vị a-na-hàm.

- Bậc ứng Cúng – arahanta.

Gồm đạo lộ nhập vào dòng Thánh cao thượng và chứng đắc quả vị A-la-hán.

- Đạo dự lưu là nhân để đoạn trừ ba kiết sử :

- Thân kiến hay ảo tưởng về bản ngã.

- Hoài nghi Tam bảo.

- Sự tin tưởng vào những nghi lễ, cúng tế đưa đến sự lợi ích (giới cấm thủ).

• Đạo nhất lai là nhân để giảm trừ dần dần hai kiết sử :

- Ái dục.

- Ác tâm, sân hận.

• Đạo bất lai là nhân để tuyệt trừ hai kiết sử còn dư sót ở đạo nhất lai :

- Ái dục còn dư sót.

- Ác tâm còn dư sót.

• Đạo Ứng Cúng là nhân để tuyệt trừ năm kiết sử còn lại

:

- Tham muốn tái sanh cõi sắc giới.

- Tham muốn tái sanh cõi vô sắc.

- Ngã mạn, kiêu căng.

- Phóng dật, tâm tán loạn.

- Vô minh hay thiếu sự hiểu biết về tứ diệu đế.

Khi mười kiết sử này được hoàn toàn tuyệt trừ thì vị ấy thành bậc Thánh vô lậu giải thoát.

- **Tĩnh lặng và tuệ minh sát – samatha & samādhī. (A.II.10)**

Có hai pháp này, này các Tỷ-kheo, thuộc thành phần minh. Thế nào là hai? Chỉ và Quán.

Chỉ được tu tập, này các Tỷ-kheo, chờ đợi lợi ích gì? Tâm được tu tập. Tâm được tu tập, chờ đợi lợi ích gì? Cái gì thuộc về tham được đoạn tận.

Quán được tu tập, này các Tỷ-kheo, chờ đợi lợi ích gì? Tuệ được tu tập. Tuệ được tu tập, chờ đợi lợi ích gì? Cái gì thuộc vô minh được đoạn tận. Bị tham làm uế nhiễm, này các Tỷ-kheo, tâm không thể giải thoát. Hay bị vô minh làm uế nhiễm, tuệ không được tu tập.

Do vậy, do ly tham, là tâm giải thoát. Do đoạn vô minh, là tuệ giải thoát.

CHƯƠNG 13
DẠY VÀ HỌC
GIÁO LÝ

13. 1. ĐỐI VỚI THẦY DẠY.

- Phải hiểu mình trước tiên. (M.I.45)

Trước khi hướng dẫn, dạy dỗ người khác, vị ấy cần phải hiểu rõ đề tài tận tường. Thật là một điều rất quan trọng cho một người chịu hành theo giáo pháp. Nếu như vị thầy không có kinh nghiệm ở chính bản thân thì quả thật là một điều khó khăn để hướng dẫn người khác một cách thích hợp.

Này Cunda, con người tự mình bị rơi vào bùn lầy có thể kéo lên một người bị rơi vào bùn lầy, sự tình ấy không thể xảy ra. Này Cunda, con người tự mình không rơi vào bùn lầy, có thể kéo lên một người bị rơi vào bùn lầy, sự tình ấy có thể xảy ra. Này Cunda, con người tự mình không được nhiếp phục, không được huấn luyện, không được hoàn toàn giải thoát, tự mình có thể nhiếp phục, huấn luyện và hoàn toàn giải thoát người khác, sự tình ấy không thể xảy ra. Một người được nhiếp phục, được huấn luyện, được hoàn toàn giải thoát, tự mình có thể nhiếp phục, huấn luyện, hoàn toàn giải thoát người khác, sự tình ấy có thể xảy ra.

(Trung Bộ Kinh 1. Kinh Đoạn Giám)

- Dạy pháp cho người khác không phải dễ. (A.III.184)

Này Ānanda, thật không dễ gì để thuyết pháp cho các người khác. Để thuyết pháp cho các người khác, này Ānanda, sau khi nội tâm an trú được năm pháp, mới nên thuyết pháp cho các người khác. Thế nào là năm?

"Ta sẽ thuyết pháp tuân tự", thuyết pháp cho người khác cần phải suy nghĩ như vậy. "Ta sẽ thuyết với mắt nhìn vào pháp môn", thuyết pháp cho người khác cần phải suy nghĩ như vậy. "Ta sẽ thuyết vì lòng từ mẫn", thuyết pháp cho người khác cần

phải suy nghĩ như vậy. "Ta sẽ thuyết pháp, không phải vì tài vật", thuyết pháp cho người khác cần phải suy nghĩ như vậy. "Ta sẽ thuyết pháp, không làm thương tổn cho mình và cho người". Thuyết pháp cho người khác cần phải suy nghĩ như vậy.

- Nay Ānanda, thật không dễ gì để thuyết pháp cho các người khác. Để thuyết pháp cho các người khác, nay Ānanda, sau nội tâm an trú được năm pháp, mới nên thuyết pháp cho các người khác.

*(Tăng Chi Bộ Kinh 3. Chương Năm Pháp. Phẩm Diệu Pháp.
Phần Tôn Giả Udāyī)*

- Ai sẽ được lợi ích trong việc học pháp? (A.II.5)

Có bốn hạng người này, nay các Tỷ-kheo, có mặt, hiện hữu ở đời. Thế nào là bốn? Nghe ít, điều đã được nghe không khởi lên; Nghe ít, điều đã được nghe được khởi lên; Nghe nhiều, điều đã được nghe không khởi lên; Nghe nhiều, điều đã được nghe có khởi lên.

Và nay các Tỷ-kheo, thế nào là người nghe ít, điều đã được nghe không khởi lên?

Ở đây, nay các Tỷ-kheo, có hạng người được nghe ít về kinh: ứng tụng, ký thuyết, các Bài kệ, Cảm hứng ngữ, Như thị thuyết, Bốn sanh, Vị tăng hữu, Phương quảng. Người ấy, với điều đã được nghe ít ở này, không biết nghĩa, không biết pháp, không thực hành pháp, tùy pháp. Như vậy, nay các Tỷ-kheo, là người nghe ít, điều đã được nghe không khởi lên.

Và nay các Tỷ-kheo, thế nào là người nghe ít, điều đã được nghe có khởi lên?

Ở đây, này các Tỷ-kheo, có hạng người được nghe ít về kinh: ứng tụng, ký thuyết, các Bài kệ, Cảm hứng ngữ, Như thị thuyết, Bốn sanh, Vị tăng hữu, Phương quảng. Người ấy, với điều đã được nghe ít ỏi này, biết nghĩa, biết pháp, thực hành pháp đúng pháp. Như vậy, này các Tỷ-kheo, là người nghe ít, điều đã được nghe có khởi lên.

Và này các Tỷ-kheo, thế nào là người nghe nhiều, điều đã được nghe không khởi lên?

Ở đây, này các Tỷ-kheo, có hạng người được nghe nhiều về kinh: ứng tụng, ký thuyết, các Bài kệ, Cảm hứng ngữ, Như thị thuyết, Bốn sanh, Vị tăng hữu, Phương quảng. Người ấy, với điều đã được nghe nhiều này, không biết nghĩa, không biết pháp, không thực hành pháp, tùy pháp. Như vậy, này các Tỷ-kheo, là người nghe nhiều, điều đã được nghe không khởi lên.

Và này các Tỷ-kheo, thế nào là người nghe nhiều, điều đã được nghe được khởi lên?

Ở đây, này các Tỷ-kheo, có hạng người được nghe nhiều về kinh: ứng tụng, ký thuyết, các Bài kệ, Cảm hứng ngữ, Như thị thuyết, Bốn sanh, Vị tăng hữu, Phương quảng. Người ấy, với điều đã được nghe nhiều này, biết nghĩa, biết pháp, thực hành pháp, tùy pháp. Như vậy, này các Tỷ-kheo, là người nghe nhiều, điều đã được nghe có khởi lên.

(Tăng Chi Bộ Kinh I. Chương Bốn Pháp. Phẩm Bhaṇḍagāma. Phần Học Hỏi Ít)

- Cách thức người ta hiểu pháp. (A.II.135)

- **Lược khai trí giả - ugghatitāññū.**

Hạng người có trình độ nói sơ là hiểu rồi, hay đưa ra một vài ẩn dụ là hiểu được liền.

- **Quảng diễn trí giả - vipacitaññū.**

Hạng người phải nói rõ từng chi tiết đầy đủ mới hiểu được.

- **Tiến dẫn trí giả - neyya.**

Hạng người cần phải được hướng dẫn tuần tự thứ lớp có hệ thống mới hiểu được.

- **Văn cú tối vi giả - padaparama.**

Hạng người chỉ hiểu được bằng cách học thuộc lòng hay phải nói đi nói lại nhiều lần mới hiểu được.

- Học và trình pháp. (A.II.135)

- *Hạng người hiểu được pháp nhưng không thể giải thích một cách rõ ràng.*
- *Hạng người chậm hiểu ý nghĩa của pháp nhưng có thể giải thích một cách rõ ràng.*
- *Hạng người có cả hai đức tính trên.*
- *Hạng người không có được đức tính trên.*

- Bằng cách nào để trả lời câu hỏi? (A.II.45)

Này các Tỷ-kheo, có bốn cách thức để trả lời câu hỏi. Thế nào là bốn?

Có câu hỏi, này các Tỷ-kheo, đòi hỏi câu trả lời nhất hướng (một chiều dứt khoát); có câu hỏi, này các Tỷ-kheo, đòi hỏi một câu hỏi phản nghịch; có câu hỏi, này các Tỷ-kheo, cần phải để một bên; có câu hỏi, này các Tỷ-kheo, cần phải trả lời một cách phân tích.

Này các Tỷ-kheo, có bốn cách thức để trả lời câu hỏi này.

*(Tăng Chi Bộ Kinh 2. Chương Bốn Pháp.
Phẩm Rohitassa. Phần Các Câu Hỏi)*

- Phẩm chất của một vị pháp sư. (A.III.195)

Tôn giả Sāriputta nói : "Khi một vị pháp sư muốn thuyết pháp cho người khác nghe, hãy để cho vị ấy xác định rõ năm phẩm chất tốt đẹp của một vị pháp sư rồi mới thuyết pháp". Vị ấy suy nghĩ :

"Tôi sẽ nói đúng thời, không phải phi thời"; "Tôi sẽ nói chơn thật, không phải phi chơn thật"; "Tôi sẽ nói nhu hòa, không phải thô bạo"; "Tôi sẽ nói lời liên hệ đến lợi ích, không phải lời không liên hệ đến lợi ích"; "Tôi sẽ nói với từ tâm, không phải với sân tâm".

*(Tăng Chi Bộ Kinh 2. Chương Bốn Pháp.
Phẩm Hiem Hận. Phần Buộc Tội)*

- Hãy là vị cứu tinh cho chính mình. (Dhp.276)

*Tumhehi kiccamātappaṃ,
Akkhātāro tathāgatā;
Paṭipannā pamokkhanti,
Jhāyino mārabandhanā.*

*Người hãy nhiệt tình làm,
Như Lai chỉ thuyết dạy.
Người hành trì thiền định
Thoát trói buộc Ác ma.*

- Hãy chấp nhận một cách khôn khéo. (M.II.170)

"Người ta không nên chấp nhận bất cứ điều gì theo tình cảm riêng tư mà nên theo ý kiến chung của đa số và sự hiểu biết riêng của mình trước khi chấp nhận bất cứ điều gì".

13. 2. ĐỐI VỚI HỌC VIÊN.

**- Sự chân thật sẽ sinh khởi qua sự nhận thấy rõ ràng.
(M.I.511)**

Này Māgandiya, ví như người sanh ra đã mù, không thấy sắc đen hay sắc trắng, không thấy sắc xanh, không thấy sắc vàng, không thấy sắc đỏ, không thấy sắc đỏ tía, không thấy cái gì thẳng bằng, không thẳng bằng, không thấy các vì sao, không thấy mặt trăng, mặt trời. Người ấy nghe một người có mắt nói như sau: "Thật tốt đẹp thay tấm vải trắng, xinh đẹp, không cấu uế, thanh tịnh". Và người ấy tìm tấm vải trắng. Rồi có một người khác đánh lừa người ấy với một tấm y thô, dính dầu và đất và nói: "Này bạn, đây là tấm vải trắng, xinh đẹp, không cấu uế, thanh tịnh cho bạn". Người ấy lấy tấm y ấy, sau khi lấy, đắp

trên mình. Sau khi đắp trên mình, người ấy hoan hỷ thốt lên lời nói tự mãn: "Thật tốt đẹp thay tấm vải trắng xinh đẹp, không cấu uế, thanh tịnh". Nay Māgandiya, Ông nghĩ thế nào? Kẻ sanh ra đã mù kia, do biết, do thấy, lấy tấm y thô, dính dầu và đất ấy để rồi sau khi lấy người ấy đắp trên mình, sau khi đắp trên mình; người ấy hoan hỷ thốt lên lời nói tự mãn: "Thật tốt đẹp thay, tấm vải trắng xinh đẹp, không cấu uế, thanh tịnh, hay là do lòng tin người có mắt?

- Thừa Tôn giả Gotama, do không biết, không thấy, kẻ sanh ra đã mù kia lấy tấm y thô, dính dầu và đất ấy để rồi sau khi lấy, người ấy đắp trên mình, sau khi đắp trên mình, người ấy hoan hỷ thốt lên lời nói tự mãn: "Thật tốt đẹp thay tấm vải trắng, xinh đẹp, không cấu uế, thanh tịnh" là do lòng tin người có mắt.

- Cũng vậy, nay Māgandiya, các du sĩ mù lòa, không có mắt, không biết không bệnh, không thấy Niết-bàn nhưng nói lên câu kệ này:

Không bệnh, lợi tối thắng,
Niết-bàn, lạc tối thắng.

Nay Māgandiya, câu kệ này trong thời quá khứ đã được các bậc A-la-hán, Chánh Đăng Giác nói lên:

Không bệnh, lợi tối thắng,
Niết-bàn, lạc tối thắng.
Bát chánh là độc đạo,
An ổn và bất tử.

Và câu kệ ấy này được dần dần lan tràn đến dân chúng phàm phu. Nhưng nay Māgandiya, thân này trở thành bệnh khổ, trở thành cực bướng, trở thành mũi tên, trở thành bất hạnh, trở thành bệnh chướng và với thân trở thành bệnh khổ, trở thành cực bướng, trở thành mũi tên, trở thành bất hạnh, trở thành bệnh chướng này, Ông nói: "Thưa Tôn giả Gotama, cái

này là không bệnh ấy, cái này là Niết-bàn ấy". Như vậy, này Māgandiya, Ông không có Thánh nhân ấy, với Thánh nhân ấy Ông có thể biết không bệnh, có thể thấy Niết-bàn.

- Con có lòng tin Tôn giả Gotama như sau: "Tôn giả Gotama có thể thuyết pháp cho ta để ta có thể biết không bệnh, có thể thấy Niết-bàn".

(Trung Bộ Kinh 2. Kinh Māgandiya)

- Hãy suy nghĩ những lời khuyên sau đây trước khi chấp nhận một đạo. (A.I.187)

Này các Kālāma, chớ có tin vì nghe báo cáo, chớ có tin vì nghe truyền thuyết; chớ có tin vì theo truyền thống; chớ có tin vì được kinh điển truyền tụng; chớ có tin vì lý luận suy diễn; chớ có tin vì diễn giải tương tự; chớ có tin vì đánh giá hời hợt những dữ kiện; chớ có tin vì phù hợp với định kiến; chớ có tin vì phát xuất từ nơi có uy quyền, chớ có tin vì vị Sa-môn là bậc đạo sư của mình.

Nhưng này các Kālāma, khi nào tự mình biết như sau: "Các pháp này là thiện; Các pháp này là không đáng chê; Các pháp này không bị các người có trí chỉ trích; Các pháp này nếu thực hiện và chấp nhận đưa đến hạnh phúc an lạc", thời này Kālāma, hãy tự đạt đến và an trú!

*(Tăng Chi Bộ Kinh 1. Chương Ba Pháp. Phẩm Lớn.
Phân Các Vị ở Kesaputta)*

- Có phải tốt hơn là nói ra những lời mà người ta đã thấy không? (A.II.172)

- Bạch đức Gotama, về phần của tôi, tôi xin nói điều này, tôi giữ quan điểm này. Nếu có ai đó nói ra về những gì mà anh ta đã thấy, đã nghe hay đã xúc chạm và không có hại gì đến với

anh ta thì anh ta nói : "Đây là những gì tôi đã thấy, đây là những gì tôi đã nghe, đây là những gì tôi đã xúc chạm". Điều đó chẳng đưa đến kết quả tai hại nào.

- Nay Bà-la-môn, còn về phần Ta, Ta không cho rằng bất cứ cái gì mà một người đã thấy, đã nghe hay đã xúc chạm, nên nói ra và Ta cũng không cho rằng điều đó không nên nói ra. Nếu người ấy nói và đưa đến sự không lợi ích thì người ấy không nên nói ra. Nếu người ấy nói mà có sự lợi ích thì người ấy nên nói về những gì mà người ấy đã thấy, đã nghe, đã xúc chạm và đã hiểu.

- Tán thán hãy chỉ trích phải hợp thời. (A.II.97)

Này Potaliya, có bốn hạng người này có mặt, hiện hữu ở đời. Thế nào là bốn?

Ở đây, này Potaliya, có hạng người nói lời không tán thán đối với người không đáng được tán thán, đúng sự kiện, đúng sự thật, đúng thời; không nói lời tán thán đối với hạng người đáng được tán thán, đúng sự kiện, đúng sự thật, đúng thời. Ở đây, này Potaliya, có hạng người nói lên lời tán thán hạng người đáng được tán thán, đúng sự kiện, đúng sự thật, đúng thời; không nói lời không tán thán đối với hạng người không đáng được tán thán, đúng sự kiện, đúng sự thật, đúng thời. Ở đây, này các Tỷ-kheo, có hạng người không nói lời không tán thán đối với hạng người không đáng được tán thán, đúng sự kiện, đúng sự thật, đúng thời; không nói lời tán thán đối với hạng người đáng được tán thán, đúng sự kiện, đúng sự thật, đúng thời. Ở đây, này Potaliya, có hạng người nói lời không tán thán đối với hạng người không đáng tán thán, đúng sự kiện, đúng sự thật, đúng thời; và nói lời tán thán đối với hạng người đáng được tán thán, đúng sự kiện, đúng sự thật, đúng thời.

Này Potaliya, có bốn hạng người này có mặt, hiện hữu ở đời. Này Potaliya, trong bốn hạng người này hạng người nào Ông chấp nhận là vi diệu hơn, thù thắng hơn?

Trong bốn hạng người này, thưa Tôn giả Gotama, hạng người nói lời không tán thán đối với hạng người không đáng tán thán... nói lời tán thán đối với hạng người đáng được tán thán, đúng sự kiện, đúng sự thật, đúng thời; hạng người này, tôi chấp nhận là vi diệu hơn, thù thắng hơn bốn hạng người trên. Vì có sao? Thưa Tôn giả Gotama, thật là vi diệu tức là tại đây, tại đây rõ biết đúng thời.

*(Tăng Chi Bộ Kinh 2. Chương Bốn Pháp.
Phẩm Asura. Phần Potaliya)*

- Tiếng rống sư tử. (A.IV.121)

- Con sư tử, này các Tỷ-kheo, vào buổi chiều, từ hang đi ra, sau khi từ hang đi ra, nó duỗi chân; sau khi nó duỗi chân, nó ngó xung quanh cả bốn phương; sau khi nó ngó xung quanh cả bốn phương, ba lần nó rống tiếng rống con sư tử; sau khi ba lần rống tiếng rống con sư tử, nó ra đi tìm mồi. Nếu nó vô bắt con voi, nó vô bắt rất cẩn thận, chu đáo, không phải không cẩn thận, chu đáo. Nếu nó vô bắt con thủy ngưu, nó vô bắt rất cẩn thận, chu đáo, không phải không cẩn thận, chu đáo. Nếu nó vô bắt con báo, nó vô bắt rất cẩn thận, chu đáo, không phải không cẩn thận, chu đáo. Nếu nó vô bắt các con vật nhỏ khác như thỏ hay mèo, nó vô bắt rất cẩn thận, chu đáo, không phải không cẩn thận, chu đáo. Vì có sao? "Mong rằng uy lực của ta không có thất bại".

Con sư tử, này các Tỷ-kheo, là đồng nghĩa với bậc A-la-hán Chánh Đẳng Giác. Khi Như Lai thuyết pháp cho hội chúng, tức là rống tiếng rống con sư tử. Này các Tỷ-kheo, nếu

Như Lai thuyết pháp cho các vị Tỷ-kheo, Như Lai thuyết pháp hết sức cẩn thận, chu đáo, không phải không cẩn thận, chu đáo. Nếu Như Lai thuyết pháp cho các vị Tỷ-kheo Ni, Như Lai thuyết pháp hết sức cẩn thận, chu đáo, không phải không cẩn thận, chu đáo. Nếu Như Lai thuyết pháp cho các hàng nam cư sĩ, Như Lai thuyết pháp hết sức cẩn thận, chu đáo, không phải không cẩn thận, chu đáo. Nếu Như Lai thuyết pháp cho các hàng nữ cư sĩ, Như Lai thuyết pháp hết sức cẩn thận, chu đáo, không phải không cẩn thận, chu đáo. Nếu Như Lai thuyết pháp cho các hàng phàm phu, cho các người bắt chim hay xin ăn, Như Lai thuyết pháp hết sức cẩn thận, chu đáo, không phải không cẩn thận, chu đáo. Vì có sao? Vì Như Lai là bậc tôn trọng Pháp, này các Tỷ-kheo, là bậc tôn kính Pháp.

*(Tăng Chi Bộ Kinh 3. Chương Năm Pháp.
Phẩm Kakudha. Phần Con Sư Tử)*

**- Phương pháp của Đức Phật tạo niềm tin cho loài người.
(M.I.371)**

Có một lần, một nhà triệu phú tên Upālī là đệ tử thuần thành của ngoại đạo Nigantha Nātaputta đến gặp Đức Phật có ý mong muốn được nghe Ngài thuyết pháp. Niềm tin đã sinh khởi nơi vị ấy sau khi nghe Đức Phật thuyết pháp. Ngay lập tức vị ấy biểu lộ sự hoan hỷ và xin được làm đệ tử của Đức Phật. Nhưng Đức Phật nói :

- Này Gia chủ, hãy chín chắn suy tư. Chín chắn suy tư là tốt đẹp với những người trứ danh như Ông.

- Bạch Thế Tôn, con càng bội phần hoan hỷ, bội phần thỏa mãn với những lời Thế Tôn nói với con: "Này Gia chủ, hãy chín chắn suy tư. Chín chắn suy tư là tốt đẹp với những người trứ danh như Ông". Bạch Thế Tôn, nếu các ngoại đạo

được con làm đệ tử, họ sẽ trương cờ lên và tuyên bố: "Gia chủ Upāli đã trở thành đệ tử chúng tôi". Nhưng Thế Tôn lại nói với con: "Này Gia chủ, hãy chín chắn suy tư. Chín chắn suy tư là tốt đẹp với những người trứ danh như Ông". Bạch Thế Tôn, lần thứ hai, con xin quy y Thế Tôn, quy y Pháp và quy y chúng Tỷ-kheo Tăng. Mong Thế Tôn nhận con làm cư sĩ, từ nay cho đến mạng chung, con trọn đời quy ngưỡng.

(Trung Bộ Kinh 2. Kinh Upāli)

CHƯƠNG 14

THOÁNG NHÌN VỀ TƯƠNG LAI

14. 1. THẾ GIỚI ĐỂ CHÚNG TA ĐẾN.

- Sự hình thành của thế giới hệ. (D.27)

Chúng sanh không phải được tạo ra hay được tạo thành để điều hòa những điều kiện của thế gian. Họ cũng không có khả năng gánh chịu hay sửa đổi thế giới hệ để phù hợp với nhu cầu của họ. Nhưng cả hai phải cung ứng đầy đủ điều kiện và ảnh hưởng tương hỗ lẫn nhau cho sự phát triển. Theo truyền thuyết dưới dạng tường thuật lại trong kinh Cakkavattisīhanāda (bài kinh số 26) và kinh Aggañña (bài kinh số 27) trong Trường Bộ Kinh (Dīghanikāya), người ta có thể có nguồn gốc từ một viễn cảnh thế giới. Do đó, tất cả sự hiện hữu của mọi sinh vật là do ở điều kiện của thế gian. Sự thăng trầm của cuộc sống chúng sanh xảy ra qua ảnh hưởng của các hiện tượng thế gian.

Khi con người bắt đầu không còn quan tâm đến đạo đức nữa thì sự suy đồi hư hỏng xảy ra, không chỉ cho chúng sanh mà chính thế giới hệ tự nó cũng bị hủy hoại lần lần. Sự suy đồi luân lý vẫn tiếp tục cho đến khi nào mỗi chúng sanh không còn coi nhau là chúng sanh nữa. Khi mà các giá trị của con người không còn nữa thì người này xem người kia như một con thú rồi họ đi đến tàn sát lẫn nhau.

Có một số ít người không chịu nổi cách cư xử đầy thú tánh này, họ bỏ trốn trong rừng núi và sống như thời nguyên thủy. Khi gặp nhau, họ chào nhau : "Thật vui khi được gặp một người". Một lần nữa, người ta lại bắt đầu thực hành đạo đức. Trước hết, người ta yêu chuộng hòa bình và tránh sự sát sanh. Khi mà đạo đức luân lý được thực thi rộng rãi, thiên nhiên sẽ thay đổi, thế giới sẽ được phồn thịnh, sung túc. Có một lúc, tuổi thọ của chúng sanh chỉ còn có 7 năm tuổi, rồi con người sẽ được an hưởng tuổi thọ đến hàng ngàn năm tuổi.

Đây là viễn cảnh của sự sinh khởi và sự diệt tận của những nền văn minh. Thiên nhiên cũng cư xử như cách giống vậy. Vào lúc hình thành thế giới này, chúng sanh gần như là những vị chư thiên có hào quang phát sáng. Họ đi trên không trung và sống không cần vật thực. Nhưng sự tham ái sanh khởi cùng với tư cách kém đạo đức khác đã gây ra sự suy đồi đến mức sống hiện tại ở thời đó. Giữa khoảng thời gian này đã có nhiều nền văn minh được sinh ra và bị hủy diệt. Cuối cùng, sau một khoảng thời gian dài thật là dài, người ta đến với thế giới này từ cõi quang âm thiên, một cảnh giới của phạm thiên. Họ đã đến với một cảnh giới thấp hơn khi mà một thế giới hệ khác được hình thành.

Đây là một cốt truyện mà chúng ta có thể thiết lập theo kinh điển. Chúng ta có thể từ chối cái nghĩa đen của nó nếu như chúng ta muốn. Nhưng một điều quan trọng để chúng ta lưu ý là sự phát triển về vật chất của thế giới hệ và chu kỳ cuộc sống của chúng sanh trong vòng luân hồi sanh tử có liên hợp với nhau.

- Sự chấm dứt của thế gian. (A.IV.99)

Núi chúa Sineru, này các Tỷ-kheo, dài 84 ngàn do tuần, rộng 84 ngàn do tuần, chìm xuống biển lớn 84 ngàn do tuần, nổi lên trên biển lớn 84 ngàn do tuần. Này các Tỷ-kheo, rồi có thời, nhiều năm, nhiều trăm năm, nhiều ngàn năm, nhiều trăm ngàn năm, trời không mưa. Khi không có mưa, các loài chủng tử, các loài thực vật, các rừng rậm được thảo đều khô héo cằn cõi không có tồn tại. Như vậy, này các Tỷ-kheo, các hành là vô thường. Này các Tỷ-kheo, các hành là không có kiên cố. Này các Tỷ-kheo, các hành là không an ổn. Cho đến như vậy, này các Tỷ-kheo, là vừa đủ để nhàm chán, là vừa đủ để ly tham, là

vừa đủ để giải thoát đối với tất cả các cảnh. Nay các Tỷ-kheo, rồi có thời, sau một thời gian rất dài, mặt trời thứ hai hiện ra.

Nay các Tỷ-kheo, khi mặt trời thứ hai có mặt, thời tất cả sông nhỏ, ao nhỏ khô cạn, khô kiệt, không có tồn tại, như vậy, nay các Tỷ-kheo, các hành là vô thường... là vừa đủ để giải thoát đối với tất cả các hành. Nay các Tỷ-kheo, rồi có một thời, sau một thời gian rất dài, mặt trời thứ ba hiện ra.

Nay các Tỷ-kheo, khi mặt trời thứ ba có mặt, thời các sông lớn như sông Hằng, sông Yamunā, Aciravatī, Sarabhū, Mahī, các con sông ấy bị khô cạn, bị khô kiệt, không có tồn tại. Như vậy, nay các Tỷ-kheo, các hành là vô thường... là vừa đủ để giải thoát đối với tất cả các hành. Nay các Tỷ-kheo, rồi có một thời, sau một thời gian rất dài, mặt trời thứ tư hiện ra.

Nay các Tỷ-kheo, khi mặt trời thứ tư hiện ra, thời các biển hồ lớn, từ đáy các sông lớn chảy ra, ví như Anotattā, Sīhapapātā, Rathakārā, Kannamunda, Kunālā, Chaddantā, Mandākinī, các biển hồ ấy bị khô cạn, bị khô kiệt, không có tồn tại. Như vậy, nay các Tỷ-kheo, các hành là vô thường... là vừa đủ để giải thoát đối với tất cả các hành. Nay các Tỷ-kheo, rồi có một thời, sau một thời gian rất dài, mặt trời thứ năm hiện ra.

Nay các Tỷ-kheo, khi mặt trời thứ năm hiện ra, thời nước các biển lớn rút lui một trăm do tuần, nước các biển lớn rút lui hai trăm do tuần, các nước biển lớn rút lui ba trăm do tuần... Nước các biển lớn rút lui bảy trăm do tuần; nước các biển lớn dừng lại sâu đến bảy cây sālā, sáu cây sālā, năm cây sālā, bốn cây sālā, ba cây sālā, hai cây sālā, chỉ một cây sālā. Nước các biển lớn dừng lại, sâu đến bảy đầu người, sáu đến sáu đầu người, năm đầu người, bốn đầu người, ba đầu người, hai đầu người, một đầu người, nửa đầu người. Nước các biển lớn dừng lại, sâu chỉ đến eo lưng của người, chỉ đến đầu gối của người, chỉ đến mắt cá của người. Ví như này các Tỷ-kheo, vào mùa thu

khi trời mưa hạt lớn, chỗ này chỗ khác, trong các dấu chân của các con bò cái, có những vũng nước nhỏ đọng lại. Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, chỉ còn những vũng nước nhỏ trong dấu chân các con bò cái là nước của biển lớn còn lại, chỗ này chỗ kia. Này các Tỷ-kheo, khi mặt trời thứ năm hiện ra, nước biển lớn chỉ bằng độ ngón tay. Như vậy, này các Tỷ-kheo, các hành là vô thường... là vừa đủ để giải thoát đối với tất cả các hành. Này các Tỷ-kheo, rồi có một thời, sau một thời gian rất dài, mặt trời thứ sáu hiện ra.

Này các Tỷ-kheo, khi mặt trời thứ sáu hiện ra, thời đất lớn này và núi chúa Sineru, sanh khói lên, thổi khói lên, phun khói lên. Ví như, này các Tỷ-kheo, các lò của người thợ gốm mới đốt lửa lên, sanh khói lên, phun khói lên. Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, khi mặt trời thứ sáu hiện ra, thời đất lớn này và núi chúa Sineru sanh khói lên, thổi khói lên, phun khói lên. Như vậy, này các Tỷ-kheo, các hành là vô thường... là vừa đủ để giải thoát đối với tất cả các hành. Này các Tỷ-kheo, rồi có một thời, sau một thời gian rất dài, mặt trời thứ bảy hiện ra.

Này các Tỷ-kheo, khi mặt trời thứ bảy hiện ra, trái đất lớn này và núi chúa Sineru bốc cháy, rực cháy, trở thành một màn lửa. Và khi quả đất lớn này và núi chúa Sineru cháy đỏ lên, cháy rực lên ngọn lửa do gió thổi bốc cao đến Phạm thiên giới. Các chớp ngọn của núi Sineru, cao đến một, hai, ba, bốn, năm trăm do tuần, khi bị cháy đỏ lên, cháy rực lên, bị cả khối lửa to lớn phá hoại và chinh phục, liền sụp đổ xuống. Sau khi quả đất lớn và núi Sineru bị cháy đỏ lên, cháy rực lên, không tìm thấy tro và lọ đen. Ví như, này các Tỷ-kheo, khi bơ và dầu được cháy đỏ, được cháy rực lên, không tìm thấy tro và lọ đen. Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, khi quả đất lớn này và núi chúa Sineru bị cháy đỏ lên, cháy rực lên, không tìm thấy tro và lọ đen.

**- Đức Phật phân tích những giấc mơ của đức vua Kosala.
(Jā.77)**

Vua Kosala có 16 giấc mơ bất thường và đầy rối rắm, lo sợ nên đã tìm đến Đức Phật nhờ Ngài giải thích ý nghĩa của những giấc mơ đó. Đức Phật bằng lòng giúp nhà vua, sau khi nói với đức vua rằng trong một tiền kiếp của Đức Phật khi còn là bồ tát, Ngài đã gặp nhà vua xứ Bārāṇasī, vị vua này cũng có những giấc mơ giống vậy.

 Giấc mơ thứ 1 :

- Hình như có bốn con bò đực, sặc đen tuyền từ bốn hướng chạy vào sân châu với vẻ muốn đánh nhau, dân chúng đổ xô đến xem đấu bò, họp thành một đám đông, nhưng bảy bò chỉ giương oai múa võ, găm thét ầm ỉ rồi cuối cùng bỏ đi chứ không đánh nhau. Đó là giấc mơ đầu của trẫm. Nó báo trước điều gì sẽ xảy ra chăng?

- Nay Đại vương, giấc mơ ấy không có hậu quả gì ngay trong thời Đại vương hay trong thời của Ta đâu. Mà sau này, vào thời kỳ vua chúa xan tham, bất công, khi dân chúng không theo Chánh pháp, thế giới đảo điên, việc thiện suy giảm, và điều ác đồng thời tăng trưởng. Trong những ngày thế giới điêu tàn ấy, sẽ không có mưa từ trời rơi xuống, gió không thổi, mùa màng cây cỏ khô héo, nạn đói nổi lên trên địa cầu. Rồi mây sẽ kéo đến từ góc trời như thể sắp mưa, khiến dân chúng vội vã, trước tiên là mang vào nhà mọi thứ thóc lúa, hoa màu mà phụ nữ đã đem phơi nắng, vì sợ ướt hết. Sau đó đám đàn ông đem xẻng, thùng... đi đắp đê. Bầu trời như thể có dấu hiệu mưa tới, sấm nổ ầm ầm, chớp lóe sáng lòe xé mây, nhưng rồi cũng như

bầy bò trong giấc mơ họ không đánh nhau thì mây kia cũng sẽ tan nhanh và mưa chẳng đến. Những việc họ mà các Bà-la-môn bảo ngài làm chỉ cốt để sinh lợi cho họ thôi.



Giấc mơ thứ 2 :

- Bạch Thế Tôn, vua đáp, giấc mộng thứ hai của trẫm như vậy: Hình như có những bụi cây con từ dưới đất trời lên, khi chúng chỉ mới cao chừng vài tấc thì chúng đã đơm hoa kết trái. Đó là giấc mơ thứ hai, và chuyện gì sẽ xảy ra từ đây chẳng?

- Nay Đại vương, giấc mộng này sẽ thành hiện thực vào thời thế giới này suy đồi và con người yếu mệnh. Trong thời vị lai, dục vọng sẽ rất mãnh liệt, có những bọn con gái rất non trẻ đi đến sống chung với bọn đàn ông và rồi cũng theo lẽ lối đàn bà, chúng sẽ thụ thai và sinh con cái. Hoa quả kia tượng trưng cho con cái của chúng. Nhưng Đại vương chẳng có gì phải lo sợ cả.



Giấc mơ thứ 3 :

- Bạch Thế Tôn, hình như trẫm mơ thấy bầy bò cái bú sữa con mà chúng vừa sinh ra trong một ngày thôi. Đó là giấc mơ thứ ba. Vậy điều gì sẽ xảy ra chẳng?

- Giấc mơ này, thưa Đại vương, chỉ thành hiện thực trong thời vị lai, khi các người già không còn được kính trọng nữa. Trong thời ấy, con người đời không tỏ lòng kính trọng cha mẹ mình hay nhạc phụ nhạc mẫu. Chính con cháu sẽ cai quản tài sản gia đình, và nếu họ muốn, họ sẽ cho cha mẹ thức ăn, áo mặc, còn nếu không thích thì họ sẽ cắt hết các quà biếu ấy lại. Lúc ấy đám người già sống thiếu thốn và lệ thuộc vào bọn con cháu, tùy theo ân huệ ban bố của con cháu mình, giống như bò cái bú sữa bò con vừa mới sinh một ngày! Nhưng Đại vương chẳng cần phải lo sợ gì cả.



Giấc mơ thứ 4 :

- Bạch Thế Tôn, hình như trăm thấy người ta mở dây buộc đàn bò lực lưỡng mạnh bạo ra, rồi đem đàn bò con bắt kéo xe, và chúng không đủ sức mang gánh nặng đặt lên đầu chúng, nên không chịu đi, chỉ đứng yên, khiến xe cộ không chạy được trên đường sá. Đó là giấc mộng thứ tư của trăm, và việc gì sẽ xảy ra chăng?

- Giấc mộng này, thưa Đại vương, cũng chẳng thành hiện thực mãi cho đến ngày vị lai, thời có các vua chúa bắt minh. Trong thời vị lai ấy, các vua chúa xan tham bắt chánh không có lòng tôn kính các bậc trưởng thượng thông thái, am hiểu luật pháp cổ kim, đa mưu túc kế, thành thạo việc đời, nên vua không bổ nhiệm vào pháp đình những vị phán quan thông minh uyên bác về luật vua phép nước. Chẳng những thế, bọn vua chúa ấy quý trọng những người quá non trẻ ngu si và chỉ định chúng vào những chức chủ tọa tòa án. Đám người này vừa ngu dốt việc triều chính, vừa kém cỏi không thể vận dụng kiến thức và thực hành, nên không đủ sức mang nổi trách nhiệm cao cả của chúng hoặc trị dân trị nước, mà sẽ làm nghiêng ngả giềng mối quốc sự vì thiếu năng lực tài ba. Do đó những bậc cao niên trưởng thượng thông thái kia, dù đầy đủ tài năng đương đầu với mọi trở lực gian lao, vẫn nhớ rõ là họ đã bị bỏ rơi như thế nào rồi, nên sẽ từ chối giúp sức và bảo: "Đây không phải là việc của chúng ta, chúng ta là người ngoài cuộc, cứ để cho bọn trẻ nội bộ lo liệu". Từ đó, các vị ấy đứng tách rời ra, và cảnh suy tàn sẽ vây hãm đám vua chúa kia từ mọi phía. Chuyện ấy cũng giống như dây thừng đem buộc vào bảy bò con chưa đủ sức kéo xe nặng nề, chứ không phải buộc vào đàn bò kéo xe lực lưỡng từ xưa, chính bọn chúng đã thừa khả năng đảm đương việc ấy. Tuy vậy, Đại vương chẳng có gì phải sợ hãi cả.



Giấc mơ thứ 5 :

- Bạch Thế Tôn, hình như trăm mơ thấy một co ngựa có cái mồm cả hai bên, thức ăn được bỏ vào cả hai bên, nên nó ăn luôn cả hai mồm cùng một lúc, đó là giấc mơ thứ năm. Vậy việc gì sẽ xảy ra chăng?

- Giấc mơ này cũng chỉ thành hiện thực trong tương lai, thời kỳ các vua chúa ngu si bất chánh bỏ nhiệm bọn người tham lam bất chánh làm phán quan. Bọn người hèn hạ này là một bọn ngu si, khinh chê điều thiện, sẽ nhận tiền của hối lộ từ cả hai bên trong lúc chúng ngồi ghế xét xử, chúng sẽ nhét đầy túi tham với cách những lam cả hai phía này, chẳng khác nào con ngựa ăn cỏ cả hai mồm cùng một lúc. Tuy thế, Đại vương chẳng có gì phải lo sợ chuyện đó cả.



Giấc mơ thứ 6 :

- Bạch Thế Tôn, hình như trăm thấy người ta cầm một cái bát vàng sáng loáng đáng giá trăm ngàn đồng tiền, lại đưa ra mời một con chó rừng già nua tiểu tiện vào đây. Và trăm thấy con vật kia đã làm như vậy. Đó là giấc mộng thứ sáu. Việc gì sẽ xảy ra chăng?

- Giấc mộng này cũng chỉ thành hiện thực trong tương lai, khi các vua chúa, dù xuất thân từ dòng dõi hoàng tộc, lại không tin dùng các vương tôn công tử quý phái từ xưa, mà đem ban chức tước cho bọn hạ đẳng, khiến đám quý tộc phải sa sút nghèo hèn và đám cùng đinh lên ngôi cao trọng. Sau đó những danh gia vọng tộc bị quản bách bản cùng phải cố tìm kế mưu sinh bằng cách nương tựa vào đám người trưởng giả mới lên, và đem con gái mình gả cho chúng. Như vậy mỗi nhân duyên kết hợp bấy tiểu thư đài các với đám tục tử hạ lưu có khác gì việc con chó rừng già tiểu tiện vào cái bát vàng kia! Tuy thế Đại vương chẳng có gì phải lo ngại cả.



Giấc mơ thứ 7 :

- Bạch Thế Tôn, có một kẻ đan sợi dây thừng, trong khi vừa đan, nó lại vừa thả dây này xuống chân, dưới ghế ngồi khi ấy có một con chó cái rình đòi mồi, nên cứ ăn mãi sợi dây thừng kia mà người ấy chẳng hề biết. Đó là giấc mơ thứ bảy mà trăm đã thấy. Việc gì sẽ xảy ra chẳng?

- Giấc mộng này cũng không thành hiện thực cho tới thời vị lai, khi ấy đám nữ nhân đầy tham dục chạy theo bọn đàn ông và rượu nồng, ngọc ngà, trang sức vàng bạc, lê bước khắp nẻo đường thọ hưởng mọi lạc thú trần gian. Trong lối sống phóng đãng hoang phí kia, chúng cũng say sưa bên men rượu nồng cùng bọn tình nhân, chúng cứ phô trương đủ thứ vòng hoa, sấp thơm thật bóng lộn, chẳng còn quan tâm đến việc tề gia nội trợ dù cấp bách đến đâu đi nữa, chúng chỉ suốt ngày chờ đợi bọn tình nhân, cứ nhìn qua khe hở cao tí ở ngoài vách tường quanh nhà; chúng lại đem hết thóc giống để dành gieo hạt ngày sau ra giã làm bột, cốt để ăn chơi thỏa thích. Bằng mọi cách trên, chúng lấy hết kho thóc lúa do công lao của chồng chúng làm ra trên đồng ruộng, chúng xâu xé tài sản của bọn đàn ông khôn khéo kia, có khác gì con chó rình đòi mồi dưới chân ghế cứ gặm hết đoạn dây thừng trong lúc người ấy đang kết dây lại. Tuy vậy, Đại vương chẳng có gì phải sợ hãi cả.

Giấc mơ thứ 8 :

- Bạch Thế Tôn, hình như trăm thấy tại hoàng môn có một bình lớn đầy nước tận miệng, ở giữa một số bình trống không. Rồi từ bốn phương có bốn dòng người gồm cả bốn giai cấp (Sát-đế-ly, Bà-la-môn, Vệ-xá, Thủ-đà), liên tục mang nước trong các bình đất đến đổ vào chiếc bình lớn kia, làm nước tràn chảy hết ra ngoài. Tuy vậy, họ vẫn cứ đổ mãi nước vào bình đã tràn ấy, mà chẳng có người nào thèm liếc mắt tới những bình trống trơn tràn cả. Đó là giấc mơ thứ tám của trăm. Xin cho biết có việc gì xảy ra chẳng?

- Giác mơ này cũng chẳng thành hiện thực cho tới thời vị lai. Khi ấy thế giới sẽ suy tàn, vương quốc trở thành kiệt quệ, vua chúa sẽ nghèo khó và sinh thói xan tham, người giàu nhất trong đám vua chúa cũng không thể có nhiều hơn một trăm ngàn đồng tiền trong kho. Trong lúc túng quẫn, bọn vua chúa này bắt toàn dân ra sức làm việc cho họ; vì thế, để phụng sự vua, dân chúng bỏ hết công việc riêng của mình, đi gieo hạt lúa, đậu, trông coi gặt hái, đập giã và cất vào công kho; để phụng sự vua, dân chúng phải trông mía làm đường, nấu mật; để phụng sự vua, dân chúng phải trồng vườn hoa vườn trái, và thu hoạch hoa màu. Khi thu hoạch đủ loại sản phẩm, chúng đem chứa đầy vào các kho tích trữ của vua chúa đến tràn lan, mà chẳng khác gì đổ tràn các bình đã đầy và chẳng quan tâm những bình trống rỗng. Tuy nhiên, Đại vương chẳng có gì phải lo sợ vì việc ấy cả.

Giác mơ thứ 9 :

- Bạch Thế Tôn, hình như trẫm thấy một hồ sâu có bờ cao bao quanh mọc đầy năm loại hoa sen. Từ bốn phía hồ các loài vật hai chân, bốn chân kéo đến từng đàn để uống nước. Chính giữa hồ thì nước sâu lại đục ngầu như quấy bùn, nhưng nước lại trong trẻo lấp lánh ở các bờ hồ, nơi đủ loại súc vật bước xuống uống ăn. Đó là giấc mộng thứ chín của trẫm. Chuyện gì sẽ xảy ra từ điềm ấy chẳng?

- Giác mơ này cũng chỉ thành hiện thực ở thời tương lai. Thời ấy vua chúa trở thành bất công, cai trị theo ý muốn và sở thích riêng của mình, nên không xử án theo công lý. Bọn vua chúa này thèm khát vàng bạc và gia tăng việc nhận hối lộ, họ không tỏ lòng thương xót yêu mến dân chúng mình, mà lại tàn ác vợ vét của cải bằng cách chà đạp bọn bề tôi như ép mía và đánh thuế dân đến độ đồng xu chẳng còn dính túi. Vì không thể nào trả nổi sưu thuế đè nặng trên lưng, dân chúng khắp thị thành làng mạc sẽ bỏ trốn, tìm nơi trú ẩn ở các vùng biên địa

của xứ sở nên trung tâm của tổ quốc trở thành chốn hoang vu, trong khi vùng biên địa lại đông đúc dân chúng. Chuyện ấy cũng giống như nước giữ hồ vắn đục, còn ở bờ hồ lại trong trẻo. Tuy vậy, Đại vương chẳng có gì phải lo sợ gì việc ấy cả.

Giấc mơ thứ 10 :

- Bạch Thế Tôn, hình như trăm thấy cơm sôi trong nồi mà không được trộn cho đều. Vì không được khuấy đều, nên nồi gạo giống như được chia ra ba phần rõ rệt theo ba giai đoạn nấu cơm: phần thì nhão nhẹt, phần thì sũng sượng, phần thì vừa chín thật ngon lành! Đó là giấc mộng thứ mười của trăm. Việc gì sẽ xảy ra từ điềm ấy chăng?

- Giấc mộng này cũng chẳng thành sự thật cho đến thời vị lai. Thời ấy vua chúa bất công, dân chúng dưới quyền cũng trở thành bất chánh, các Bà-la-môn, gia chủ, thị dân, nông dân cũng thế; đúng vậy, dân chúng đều thành ra bất chánh cả, ngay cả những Bà-la-môn thông thái. Kế đó là các thần linh hộ trì chúng, những thần linh mà chúng thường dân tế lễ, như thần cây cối, thần giữa không gian, cũng trở thành bất chánh luôn, ngay cả gió thổi qua quốc độ của các hôn quân này cũng trở thành cuồng phong hỗn loạn, làm rung chuyển các đền đài trên Thiên giới, khiến chư thần trên đó phân nộ, không cho mưa rơi xuống; hoặc là nếu có mưa đi nữa cũng chẳng rơi đều khắp quốc độ cùng một lúc, cũng chẳng có những cơn mưa đông lớn tốt lành tưới đều trên các vùng đất cày cấy gieo hạt để giúp dân chúng đang cơn túng quẫn. Vì thế, trong một quốc gia rộng lớn, trong mỗi thôn làng, hồ, ao, mưa không rơi xuống cùng một lúc trong cùng một phạm vi; nếu mưa ở phần trên, thì không mưa ở phần dưới, nơi này mùa màng bị hư hại nặng vì úng thủy, nơi kia lại khô cằn vì hạn hán, nơi khác nữa lại thịnh vượng nhờ những cơn mưa thuận gió hòa đều đặn. Thế là mùa màng trong cùng một quốc độ - như cơm trong một nồi - sẽ

không giống nhau. Tuy thế, Đại vương không có gì phải lo sợ vì chuyện đó cả.

 Giấc mơ thứ 11 :

- Bạch Thế Tôn, hình như trăm thấy bơ tươi được đem đi đổi lấy gỗ chiên- đàn (trâm hương) quý trị giá cả một trăm ngàn đồng tiền. Đó là giấc mơ thứ mười một. Có điều gì xảy ra từ đó chăng?

- Giấc mộng này cũng không thành hiện thực cho đến thời vị lai, ngày mà Giáo pháp của Ta suy tàn. Vào thời đó, nhiều Tỷ-kheo tham lam vô tâm vô quý sẽ xuất hiện, chỉ vì miếng cơm manh áo mà chúng thuyết giảng chính Giáo pháp Ta đã truyền bá cốt để tận diệt dục tham! Do chúng từ bỏ Giáo hội chỉ vì lợi dưỡng tẩm thân và dính vào hàng ngũ của bọn tà giáo, nên chúng không thể giảng Chánh pháp đưa đến Niết-bàn. Không, chúng chỉ suy nghĩ, trong lúc giảng pháp, làm sao dùng đủ lời lẽ hoa mỹ và giọng nói ngọt ngào để dụ dỗ quần chúng đem cho chúng thực phẩm, y phục đắt tiền cùng các thứ đại loại như thế và chỉ chuyên tâm đến lợi dưỡng cúng dường. Có những kẻ ngồi ở đại lộ, góc đường, hoàng môn... cúi mình xuống giảng pháp vì tiền, vì các đồng tiền lớn nhỏ. Và trong khi chúng đem bán rẻ Giáo pháp đưa đến Niết-bàn vô giá để đổi lấy thực phẩm, y phục, vàng bạc thì chúng có khác gì kẻ đem đổi gỗ chiên-đàn đáng giá trăm ngàn đồng để lấy thứ bơ tươi kia? Tuy thế, Đại vương chẳng có gì phải lo sợ chuyện ấy cả.

 Giấc mơ thứ 12 :

- Bạch Thế Tôn, trăm thấy dây bí bầu rỗng ruột lại chìm xuống nước. Vậy có điều gì sẽ xảy ra chăng?

- Giấc mộng này cũng không thành hiện thực cho đến thời vị lai có vua chúa bất công, thế giới điên đảo. Thời ấy vua chúa không quý trọng những người dòng dõi quý tộc mà chỉ ưu đãi bọn hạ đẳng, nên bọn này sẽ thành ra những chúa tể quyền

cao chức trọng trong khi đám quý tộc phải bị chìm xuống cảnh nghèo khổ. Cũng vậy ở chốn triều đình, ở cung môn, tại sảnh đường hay tòa án chỉ có lời nói của bọn hạ đẳng - mà xác lập vững vàng, như thể chìm tận đáy nước. Ngay trong tư sự cũng dường: thực phẩm y phục, sàng tọa, dược liệu... cũng vậy, chỉ ý kiến của kẻ ác dục, suy đồi được xem là có quyền định đoạt chứ không phải ý kiến của các Tỷ-kheo biết thiếu dục trí túc. Chuyện như thế khắp nơi chẳng khác gì cảnh dây bầu bí rỗng ruột lại chìm. Tuy vậy, Đại vương không có gì phải lo sợ chuyện đó cả.



Giấc mơ thứ 13 :

- Bạch Thế Tôn, hình như trẫm thấy những tảng đá lớn bằng ngôi nhà, lại nổi bồng bềnh như thuyền bè trên nước. Vậy việc gì sẽ xảy ra chăng?

- Giấc mộng này cũng không thành sự thật cho tới thời vị lai như Ta đã nói trên. Thời ấy, vua chúa bắt công, tận dụng đám người hạ đẳng, chúng sẽ trở thành các chúa tể đầy quyền lực trong lúc đám người quý tộc sa sút nghèo khổ. Người ta không còn tôn sùng quý tộc, mà chỉ tôn sùng bọn mới giàu sang thôi. Lúc vua lâm triều, trong phòng họp cơ mật, hay ở chốn pháp đình, lời nói của các vị quý tộc tinh thông luật pháp - chính các tảng đá lớn tượng trưng cho hạng người này - lại trôi giạt bồng bềnh, chứ không lắng sâu vào tâm tư mọi người. Khi các vị này cất tiếng thì bọn trưởng giả mới nổi sẽ cười nhạo khinh bỉ, bảo nhau: "Các tên kia đang nói gì thế?". Cũng vậy, trong các hội chúng Tỷ-kheo, giống như đã nói trên đây, người ta không biết kính trọng những bậc tối thắng giữa hàng Samôn, nên lời nói của các vị này không lắng đọng lại, mà chỉ trôi dạt dờ đi mất, chẳng khác nào các tảng đá nổi bồng bềnh trên mặt nước. Tuy nhiên, Đại vương không có gì phải sợ hãi chuyện ấy cả.



Giấc mơ thứ 14 :

- Bạch Thế Tôn, hình như trẫm thấy những con nhái bén chẳng lớn hơn những cánh hoa bé tí teo, lại nhanh nhẹn sẵn bắt những con rắn khổng lồ, cắn xé chúng ra từng khúc như các ngó sen và nhai ngấu nghiến chúng trong chốc lát là xong. Việc gì sẽ xảy ra chẳng?

- Giấc mộng này cũng chẳng thành sự thực cho tới thời vị lai, những việc trước Ta đã nói, thời thế giới suy tàn. Lúc ấy tham ái của bọn nam nhân nổi lên quá mãnh liệt, dục vọng quá nồng nàn đến độ chúng trở thành lũ nô lệ cho bọn hầu thiếp còn trẻ con, trong nhà, từ những kẻ tôi tớ, làm công, trâu bò, heo gà, vàng bạc, cho đến mọi vật khác đều tùy thuộc đám thê thiếp định đoạt. Giả sử người chồng khốn khổ kia hỏi xem tiền bạc, áo quần để ở đâu, liền được đáp rằng nó ở đâu kệ nó, chàng ta phải lo chuyện mình đi, đừng hỏi han gì lôi thôi về việc gì trong nhà "vợ chàng ta" cả! Rồi sau đó bằng mọi cách, bọn thê thiếp kia dùng lời người chồng như bầy nô lệ, tôi tớ, như vậy chẳng khác gì lũ nhái bén, chẳng lớn hơn cái hoa tí xíu, lại nuốt chửng rắn hổ mang! Tuy nhiên ngài chẳng có gì phải lo lắng về việc đó cả.



Giấc mơ thứ 15 :

- Bạch Thế Tôn, hình như trẫm thấy một con quạ đồng quê, đầy đủ mười ác hạnh, lại được một đoàn tùy tùng gồm toàn chim quý hộ tống, những con chim này màu lông vàng ánh, thường được đặt tên là Kim nga vương giả. Việc gì sẽ xảy ra chẳng?

- Giấc mơ này, thưa Đại vương, cũng không thành tựu cho đến thời vị lai, thời đại các quốc vương suy thoái. Đó là thời xuất hiện những vị vua chẳng hiểu biết gì về võ thuật, voi, ngựa, và lại hèn nhát khi ra trận, vì sợ bị truất phế hay tống xuất ra khỏi vương quốc, nên chúng đưa những bọn cận vệ, hầu

tắm, hớt tóc, đại loại như thế lên nắm quyền thay vì đưa nhóm người quý tộc lên. Như vậy, đám người này không được hưởng ơn vua lộc nước, nên không đủ sức cấp dưỡng cho mình, đành phải cam chịu hạ mình châu hầu bọn trưởng giả mới, giống như chim quạ được đám Kim nga vương giả theo hầu. Tuy thế, Đại vương không có gì phải lo sợ về điều ấy cả.

Giấc mơ thứ 16 :

- Xưa nay, chính loài hổ báo săn bắt sơn dương, nhưng hình như trẫm mơ thấy sơn dương săn bắt hổ báo và xé xác ăn rau rầu. Trong lúc vừa thấy bóng bầy dê từ đàn xa bầy chó sói hoảng hốt chạy trốn và lập tức giấu mình vào bụi rậm. Đó là giấc mơ của trẫm. Việc gì sẽ xảy ra chăng?

- Giấc mơ này, thưa Đại vương, cũng không thành hiện thực cho đến thời vị lai, thời vua chúa bắt mình cai trị. Thời ấy, bọn hạ đẳng được nắm quyền cao chức trọng và được nhiều ân sủng của vua chúa, trong lúc đám quý tộc sa vào cảnh bần cùng tối tăm. Vì có được nhiều thế lực trong tòa án do ân sủng của vua ban, bọn mới giàu sang này đòi tước đoạt quyền tư hữu đất đai, y phục, và mọi tài sản do tổ tiên để lại của đám quý tộc xưa. Khi đám người này cố bênh vực cho quyền lợi của họ trước tòa án, liền bị đám hầu cận thân tín của vua lấy gây gộc đánh đập, nắm cổ quăng ra ngoài với lời thô bỉ, đại khái là: "Liệu thân hồn đấy, bọn ngu si kia! Sao? Các ngươi muốn tranh giành với chúng ta ư? Đức vua sẽ biết được sự hỗn láo của các ngươi, rồi chúng ta sẽ sai chặt tay chân của các ngươi ra và trừng phạt thích đáng cả lũ!". Sau đó đám người quý tộc kinh hoàng nhận ra rằng tài sản của họ nay đã trở thành tài sản của đám người thống trị mới quá khắc nghiệt kia, nên phải yêu cầu bọn mới được ân sủng này nhận lấy tài sản của họ. Rồi họ vội vã về nhà trốn tránh trong nỗi lo âu sợ hãi. Cũng vậy, các ác Ty-kheo tha hồ khủng bố, tiêu diệt các Ty-kheo hiền thiện, xứng đáng, cho đến khi các người này không thấy còn ai

bảo vệ mình nữa, đành phải trốn vào rừng sâu. Như vậy sự đàn áp hội chúng quý tộc và thiện Tỷ-kheo cũng giống như bầy chó sói bị bầy dê hăm dọa.

Tuy nhiên, ngài không có gì phải sợ hãi chuyện ấy cả. Vì giấc mộng này cũng chỉ liên hệ đến thời tương lai mà thôi. Như vậy, không phải vì chân lý hay lòng yêu mến Đại vương khiến cho các Bà-la-môn tiên đoán như cách họ đã nói với Đại vương đâu. Đó chỉ là lòng tham muốn lợi dưỡng, cái tri thức được nuôi dưỡng bởi tham dục làm cho họ thốt ra những lời nói đem mối lợi phần mình mà thôi.

- Sự suy thoái của nhân loại. (D.26)

Này các Tỷ kheo, một thời sẽ đến khi những người con của loài Người chỉ sống đến mười tuổi. Này các Tỷ kheo, khi tuổi thọ loài Người chỉ mười tuổi, con gái đến năm tuổi sẽ lập gia đình. Này các Tỷ kheo, khi tuổi thọ loài Người chỉ có mười tuổi, các loại sau này sẽ biến mất, tức là tô, lạc, dầu, đường cát và muối. Này các Tỷ kheo, khi tuổi thọ loài Người chỉ có mười tuổi, loại hột Kudrusa trở thành món ăn tối thượng. Này các Tỷ kheo, như hiện nay cháo thịt là những món ăn tối thượng, cũng vậy này các Tỷ kheo, khi tuổi thọ loài Người đến mười tuổi, loại hột Kudrusa trở thành món ăn tối thượng. Khi tuổi thọ loài người đến mười tuổi, mười thiện hạnh hoàn toàn biến mất và mười bất thiện hạnh tăng thịnh tối đa. Này các Tỷ kheo, khi tuổi thọ loài người đến mười tuổi, chữ thiện cũng sẽ không còn, nói gì ai là người làm điều thiện? Này các Tỷ kheo, khi tuổi thọ loài Người đến mười tuổi, những ai thiếu sự hiếu kính đối với cha mẹ, thiếu sự hiếu kính đối với Sa môn, Bà-la-môn, thiếu sự cung kính đối với người cầm đầu trong gia đình, những người ấy sẽ được người ta lễ bái, tán dương. Này các Tỷ kheo, như hiện nay những ai hiếu hính với cha mẹ, kính lễ đối với các vị

Sa môn, Bà-la-môn, cung kính đối với những người cầm đầu trong gia đình, những người ấy được người ta lễ bái tán dương. Cũng vậy này các Tỷ kheo, khi tuổi thọ loài Người đến mười tuổi, những ai thiếu sự hiếu kính đối với cha mẹ, thiếu sự kính lễ đối với các vị Sa môn, Bà-la-môn, thiếu sự cung kính đối với các vị cầm đầu trong gia đình, những người ấy được người ta lễ bái tán dương.

Này các Tỷ kheo, khi tuổi thọ loài Người chỉ có mười tuổi, không có phân biệt mẹ hay bá mẫu hay thúc mẫu, vợ con của sư trưởng, chị dâu của cha. Thế giới rơi vào thông dâm như dê, gà, heo, chó và chó rừng. Này các Tỷ kheo, khi tuổi thọ loài Người chỉ có mười tuổi, các loài hữu tình đối với nhau, hại tâm rất mãnh liệt, sát tâm rất mãnh liệt. Mẹ đối với con, con đối với mẹ, cha đối với con, con đối với cha, anh đối với em, em đối với anh, em đối với chị, chị đối với em, hại tâm rất mãnh liệt, sân tâm rất mãnh liệt, ác ý rất mãnh liệt, sát tâm rất mãnh liệt. Này các Tỷ kheo, như người thợ săn khi thấy loài thú, hại tâm rất mãnh liệt khởi lên, sân tâm rất mãnh liệt, ác ý rất mãnh liệt, sát tâm rất mãnh liệt khởi lên. Cũng vậy này các Tỷ kheo, khi tuổi thọ loài Người chỉ có mười tuổi, các loài hữu tình đối với nhau, hại tâm rất mãnh liệt, ác ý rất mãnh liệt, sát tâm rất mãnh liệt.

Này các tỷ kheo, khi loài Người tuổi thọ chỉ có mười tuổi đao trượng kiếm khởi lên trong bảy ngày, trong thời gian ấy họ xem nhau như loài thú, đao kiếm sắc bén hiện ra trong tay của họ. Với đao kiếm sắc bén ấy họ tàn hại mạng nhau, xem nhau như loài thú. Này các Tỷ kheo, giữa các loài hữu tình ấy, một số suy nghĩ: "Chúng ta chớ giết ai; mong đừng ai giết chúng ta. Chúng ta hãy đi vào rừng cỏ, rừng sâu, hang cây, sông ngòi hiểm hóc, hay kẽ núi và sống với rễ và trái cây". Họ đi vào rừng cỏ, rừng sâu, hang cây, sông ngòi hiểm hóc, hay kẽ núi và sống với rễ và trái cây. Sau thời gian bảy ngày, họ từ rừng cỏ,

rừng sâu, hang cây, sông ngòi hiểm hóc, hay kẻ núi đi ra, ôm lấy nhau, cùng nhau an ủi, khoan khoái nói với nhau: "Sung sướng thay được thấy bạn còn sống! Sung sướng thay được thấy bạn còn sống!" Nay các Tỷ kheo, rồi các loài hữu tình ấy suy nghĩ: "Vì chúng ta tạo nhân bất thiện pháp nên bà con chúng ta bị giết hại nhiều như vậy. Vậy chúng ta hãy làm điều thiện. Chúng ta làm điều thiện như thế nào? Chúng ta chớ có sát sanh. Đó là điều thiện chúng ta có thể làm". "Chúng ta sẽ không sát sanh", đó là điều thiện họ làm. Do hành thiện pháp làm nhân, tuổi thọ của họ được tăng thịnh, sắc đẹp được tăng thịnh. Vì tuổi thọ được tăng thịnh, sắc đẹp được tăng thịnh, nên tuổi thọ loài Người chỉ có mười tuổi nhưng con của họ, thọ đến hai mươi tuổi.

(Trường Bộ Kinh 2. Kinh Chuyển Luân Thánh Vương Sư
Tử Hống)

CHƯƠNG 15

PHỤ CHÚ

15. 1. CÓ MỘT CUỘC SỐNG CAO THUỶ.

- Thật tuyệt vời, Đức Cồ-Đàm toàn hảo. (M.36)

Đức Phật là hiện thân của lòng từ bi vô lượng bởi giới luật và tấm gương sáng chói của Ngài.

Trong tranh luận, Ngài đã trầm tĩnh và khi gặp sự đối kháng, Ngài cũng không bối rối, biểu lộ sân hận. Saccaka, một tay hùng biện, vào lúc kết thúc cuộc tranh luận với Đức Phật đã thốt lên :

Thật kỳ diệu thay, Tôn giả Gotama! Thật hy hữu thay, Tôn giả Gotama! Dầu cho Tôn giả Gotama bị chống đối một cách mỉa mai, dầu cho bị công kích với những lời lẽ buộc tội trong cuộc đối thoại, màu da Tôn giả vẫn sáng suốt, sắc mặt Tôn giả vẫn hoan hỷ, như một A-la-hán, Chánh Đăng Giác. Nay Tôn giả Gotama, tôi xác nhận tôi cùng với Purāṇa Kassapa biện luận, vị này khi bị tôi dùng lời nói chất vấn, liền tránh né với một vấn đề khác, trả lời ra ngoài vấn đề, và tỏ lộ sự phẫn nộ, sân hận, tức tối. Còn Tôn giả Gotama, dầu bị chống đối một cách mỉa mai, dầu bị công kích với những lời lẽ buộc tội trong cuộc đối thoại, màu da Tôn giả vẫn sáng suốt, sắc mặt Tôn giả vẫn hoan hỷ như một A-la-hán, Chánh Đăng Giác. Nay Tôn giả Gotama, tôi xác nhận tôi cùng với Makkhali Gosala... Ajita Kesakambala... Pakudha Kaccāyana... Saṅghaya Belatthiputta... cùng với Nigantha Nātaputta biện luận, vị này khi bị tôi dùng lời nói chất vấn liền tránh né với một vấn đề khác, trả lời ra ngoài vấn đề và tỏ lộ sự phẫn nộ, sân hận và tức tối. Còn Tôn giả Gotama, dầu bị chống đối một cách mỉa mai, dầu bị công kích với những lời lẽ buộc tội, trong cuộc đối thoại, màu da Tôn giả vẫn sáng suốt, sắc mặt Tôn giả vẫn hoan hỷ như một A-la-hán, Chánh Đăng Giác.

(Trung Bộ Kinh I. Kinh Saccaka)

- Giây phút quý giá. (A.I.294)

*Sunakkhattaṃ sumaṅgalaṃ,
Suppabhātaṃ suhuṭṭhitaṃ
Sukhaṇo sumuhutto ca,
Suyiṭṭhaṃ brahmacārisu.
Padakkhiṇaṃ kāyakammaṃ,
Vācākammaṃ padakkhiṇaṃ;
Padakkhiṇaṃ manokammaṃ,
Paṇīdhi te padakkhiṇe
Padakkhiṇāni katvāna,
Labhantatthe padakkhiṇe.
Te atthaladdhā sukhitā,
Virulhā buddhasāsane;
Arogā sukhitā hotha,
Saha sabbehi ñātibhī''ti*

*Vàng sao lành, điều lành
Rạng đông lành, dậy lành
Sát-na lành, thời lành
Cúng dường bậc Phạm hạnh
Thân nghiệp chánh, lời chánh
Ý nghiệp chánh, nguyện chánh
Làm các điều chơn chánh
Thì được lợi an lạc
Lớn mạnh trong Phật giáo
Hãy không bệnh an lạc
Cùng tất cả bà con.*

*(Tăng Chi Bộ Kinh I. Chương Ba Pháp. Phẩm Cát
Tường.
Phần Buổi Sáng Tốt Đẹp)*

- Nhiều người không biết giáo pháp là gì? (Ud.66)

Một thời Thế Tôn trú ở Sāvatti, tại Jetavana, khu vườn ông Anāthapiṇḍika. Lúc bấy giờ một số đông các ngoại đạo sai khác. Các Sa-môn, Bà-la-môn, các du sĩ ngoại đạo đều vào Sāvatti để khát thực. Họ có quan điểm khác nhau, có kham nhẫn khác nhau, có sở thích khác nhau, y cứ nương tựa vào quan điểm khác nhau. Một số Sa-môn, Bà-la-môn, luận thuyết như sau: "Thế giới là thường còn, chỉ đây là sự thật, ngoài ra là hư vọng". Một số Sa-môn, Bà-la-môn luận thuyết như sau, quan điểm như sau: "Thế giới là vô thường, chỉ đây là sự thật, ngoài ra là hư vọng". Một số Sa-môn, Bà-la-môn luận thuyết như sau, quan điểm như sau: "Thế giới là có biên tế, chỉ đây là sự thật, ngoài ra là hư vọng". Một số Sa-môn, Bà-la-môn luận thuyết như sau, có quan điểm như sau: "Thế giới là vô biên, chỉ đây là sự thật, ngoài ra là hư vọng". Một số Sa-môn, Bà-la-môn luận thuyết như sau, quan điểm như sau: "Sanh mạng và thân thể là một, chỉ đây là sự thật, ngoài ra là hư vọng". Một số Sa-môn, Bà-la-môn luận thuyết như sau, quan điểm như sau: "Sanh mạng và thân thể là khác, chỉ đây là sự thật, ngoài ra là hư vọng". Một số Sa-môn, Bà-la-môn luận thuyết như sau, quan điểm như sau: "Như Lai có tồn tại sau khi chết, chỉ đây là sự thật, ngoài ra là hư vọng". Một số Bà-la-môn, Bà-la-môn luận thuyết như sau, quan điểm như sau: "Như Lai không có tồn tại sau khi chết, chỉ đây là sự thật, ngoài ra là hư vọng". Một số Bà-la-môn, Bà-la-môn luận thuyết như sau, quan điểm như sau: "Như Lai có tồn tại và không có tồn tại sau khi chết, chỉ đây là sự thật, ngoài ra là hư vọng". Một số Bà-la-môn, Bà-la-môn luận thuyết như sau, quan điểm như sau: "Như Lai không có tồn tại và không không tồn tại sau khi chết, chỉ đây là sự thật, ngoài ra là hư vọng". Họ sống cạnh tranh, luận tranh, đấu tranh, đả thương nhau bằng binh khí miệng lưỡi: "Như thế này là pháp. Như thế này là pháp. Như thế này không phải pháp. Như thế này không phải pháp".

Rồi nhiều Tỷ-kheo vào buổi sáng đắp y, cầm bát đi vào Sāvatti, để khát thực, Khát thực ở Sāvatti xong sau buổi ăn, khi đi khát thực trở về, đi đến Thế Tôn, sau khi đến đánh lễ Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên. Ngồi xuống một bên, các Tỷ-kheo ấy bạch Thế Tôn:

- Ở đây, bạch Thế Tôn, một số đông ngoại đạo sai khác, các Sa-môn, Bà-la-môn, các du sĩ ngoại đạo đều vào Sāvatti để khát thực... "... như thế này không phải pháp, như thế này là pháp".

- Nay các Tỷ-kheo, các du sĩ ngoại đạo là những người mù, không có mắt, không biết mục đích, không biết phải mục đích, không biết pháp, không biết phi pháp. Do họ không biết mục đích, do họ không biết không phải mục đích, do không biết pháp, do không biết phi pháp, họ sống cạnh tranh, luận tranh, đấu tranh... như thế này là pháp. Nay các Tỷ-kheo, thưở xưa tại thành Sāvatti này, có một ông vua. Nay các Tỷ-kheo, ông vua ấy bảo một người: "Này người kia, phàm có bao nhiêu những người sanh ra đã mù ở Sāvatti hãy nhóm lại một chỗ tất cả " - "Thưa vâng, Đại vương". Nay các Tỷ-kheo, người ấy vâng đáp ông vua ấy, phàm có bao nhiêu những người sanh ra đã mù ở Sāvatti, người ấy giữ lại tất cả, rồi đi đến ông vua ấy, sau khi đến thưa với vị vua: "Thưa Đại vương, phàm có bao nhiêu những người sanh ra đã mù ở Sāvatti đã được tụ tập lại".

- Nay khanh, hãy đưa ra một con voi cho những người mù.

Thưa vâng, Đại vương. Nay các Tỷ-kheo, người ấy vâng đáp ông vua ấy, đưa ra một con voi cho những người mù: "Này các người mù, đây là con voi". Với một số người mù, ông ta đưa cái đầu và nói: "Này các người mù, đây là con voi". Đối với một số người mù, ông ta đưa cái lỗ tai con voi và nói: "Này các người mù, đây là con voi". Đối với một số người mù, ông ta

đưa các ngà con voi và nói: "Này các người mù, đây là con voi". Đối với một số người mù, ông ta đưa cái vòi con voi và nói: "Này các người mù, đây là con voi". Đối với một số người mù, ông ta đưa cái thân con voi và nói: "Này các người mù, đây là con voi". Đối với một số người mù, ông ta đưa cái chân... Đối với một số người mù, ông ta đưa cái lưng... Đối với một số người mù, ông ta đưa cái đuôi... Đối với một số người mù, ông ta đưa cái lông đuôi và nói: "Này các người mù, đây là con voi". Này các Tỷ-kheo, rồi người ấy sau khi đưa con voi cho các người mù, đi đến ông vua ấy, sau khi đến tâu với vua: "Thưa Đại vương, con voi đã được các người mù thấy, nay Đại vương hãy làm những gì Đại vương nghĩ là hợp thời!" Rồi này các Tỷ-kheo, ông vua đi đến các người mù ấy, sau khi đến nói với họ: "Này các người mù, các ông đã thấy con voi chưa?" - "Thưa Đại vương, chúng tôi đã thấy con voi". - Này các người mù, hãy nói con voi là như thế nào? "Này các Tỷ-kheo, những ai thấy đầu con voi, họ nói như sau: "Thưa Đại vương, con voi là như thế này, như cái ghế!" "Này các Tỷ-kheo, những ai được thấy cái tai con voi, họ nói như sau: "Thưa Đại vương, con voi là như thế này, như cái rổ sàng gạo." "Này các Tỷ-kheo, những ai được thấy cái ngà con voi, họ nói như sau: "Thưa Đại vương, con voi là như thế này, như cái lưỡi cày." "Những ai... được thấy cái vòi... "... như cái cày". Những ai... được thấy cái thân... "... như cái kho chứa." "Những ai... được thấy cái chân... "... như cái cột." "Những ai... được thấy cái lưng... "... như cái cối." "Những ai... được thấy cái đuôi, họ nói như sau: "Thưa Đại vương, con voi là như thế này, như cái chày". Những ai được thấy cái nhóm lông đuôi, chúng nói như sau: "Thưa Đại vương, con voi là như thế này, như cái chổi" - "Con voi các ông nói như vậy không phải là con voi. Con voi không phải như vậy. Con voi không phải vậy. Như thế này là con voi". Cho đến khi họ đánh lộn nhau bằng tay. Rồi này các Tỷ-kheo,

ông vua ấy hoan hỷ. Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, các du sĩ ngoại đạo là những người mù, không có mắt... như vậy là pháp.

- Năm pháp để phát triển tâm. (A.III.10)

- Này các Tỷ-kheo, có năm sức mạnh này. Thế nào là năm?

Tín lực, tấn lực, niệm lực, định lực, tuệ lực.

Này các Tỷ-kheo, thế nào là tín lực?

Ở đây, này các Tỷ-kheo, vị Thánh đệ tử có lòng tin, tin tưởng ở sự giác ngộ của Như Lai: "Đây là Thế Tôn, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác, Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng sĩ, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhân Sư, Phật, Thế Tôn". Như vậy, này các Tỷ-kheo, được gọi là tín lực.

Và này các Tỷ-kheo, thế nào là tấn lực?

Ở đây, này các Tỷ-kheo, vị Thánh đệ tử sống tinh cần tinh tấn, từ bỏ các pháp bất thiện, thành tựu các thiện pháp, nỗ lực kiên trì tinh tấn, không từ bỏ gánh nặng đối với thiện pháp. Như vậy, này các Tỷ-kheo, được gọi là tấn lực.

Và này các Tỷ-kheo, thế nào là niệm lực?

Ở đây, này các Tỷ-kheo, vị Thánh đệ tử có chánh niệm, thành tựu tối thắng niệm và tuệ. Vị ấy nhớ và gọi lại trong trí nhớ những điều đã nói và đã làm lâu ngày về trước. Như vậy, này các Tỷ-kheo, được gọi là niệm lực.

Và này các Tỷ-kheo, thế nào là định lực?

Ở đây, này các Tỷ-kheo, vị Thánh đệ tử ly các dục, ly các bất thiện pháp, chứng đạt và an trú Thiền thứ nhất, một trạng thái hỷ lạc do ly dục sanh, có tầm, có tứ. Làm cho tịnh chỉ tầm và tứ, chứng đạt và an trú Thiền thứ hai, một trạng thái hỷ lạc

do định sanh, không tâm, không tứ, nội tĩnh nhất tâm. Ly hỷ, trú xả, chánh niệm, tỉnh giác, thân cảm lạc thọ, được các bậc Thánh gọi là xả niệm lạc trú, chứng đạt và an trú Thiền thứ ba. Đoạn lạc đoạn khổ, chấm dứt hỷ ưu đã cảm thọ từ trước, chứng đạt và an trú Thiền thứ tư, không khổ, không lạc, xả niệm thanh tịnh. Như vậy, này các Tỷ-kheo, được gọi là định lực.

Và này các Tỷ-kheo, thế nào là tuệ lực?

Ở đây, này các Tỷ-kheo, vị Thánh đệ tử có trí tuệ, thành tựu trí tuệ về sanh diệt, với sự thể nhập bậc Thánh vào con đường đoạn tận khổ đau. Này các Tỷ-kheo, đây gọi là tuệ lực.

Này các Tỷ-kheo, các pháp này là năm lực.

(Tăng Chi Bộ Kinh 3. Chương Năm Pháp. Phẩm Sức

Mạnh.

Phân Các Sức Mạnh Rộng Thuyết)

- Bản chất của tâm. (A.I.5)

- Ta không thấy một pháp nào khác, này các Tỷ-kheo, lại khó sử dụng, này các Tỷ-kheo, như tâm không được tu tập. Tâm không được tu tập, này các Tỷ-kheo, khó sử dụng.

Ta không thấy một pháp nào khác, này các Tỷ-kheo, lại dễ sử dụng, này các Tỷ-kheo, như tâm được tu tập. Tâm được tu tập, này các Tỷ-kheo, dễ sử dụng.

Ta không thấy một pháp nào khác, này các Tỷ-kheo, lại đưa đến bất lợi lớn, này các Tỷ-kheo, như tâm không được tu tập. Tâm không được tu tập, này các Tỷ-kheo, đưa đến bất lợi lớn.

Ta không thấy một pháp nào khác, này các Tỷ-kheo, lại đưa đến lợi ích lớn, này các Tỷ-kheo, như tâm được tu tập. Tâm được tu tập, này các Tỷ-kheo, đưa đến lợi ích lớn.

Ta không thấy một pháp nào khác, này các Tỷ-kheo, lại đưa đến bất lợi lớn, này các Tỷ-kheo, như tâm không được tu tập, không được làm cho hiển lộ. Tâm không được tu tập, không được làm cho hiển lộ, này các Tỷ-kheo, đưa đến bất lợi.

Ta không thấy một pháp nào khác, này các Tỷ-kheo, lại đưa đến ích lợi lớn, này các Tỷ-kheo, như tâm được tu tập, được làm cho hiển lộ. Tâm được tu tập, được làm cho hiển lộ, này các Tỷ-kheo, đưa đến lợi ích lớn.

Ta không thấy một pháp nào khác đưa đến bất lợi lớn, này các Tỷ-kheo như tâm không tu tập, không làm cho sung mãn. Tâm không tu tập, không làm cho sung mãn, này các Tỷ-kheo, đưa đến bất lợi lớn.

Ta không thấy một pháp nào khác, này các Tỷ-kheo, lại đưa đến lợi ích lớn, này các Tỷ-kheo, như tâm được tu tập, được làm sung mãn. Tâm được tu tập, được làm cho sung mãn, này các Tỷ-kheo, đưa đến lợi ích lớn.

Ta không thấy một pháp nào khác, này các Tỷ-kheo, đem lại đau khổ, này các Tỷ-kheo, như tâm không được tu tập, không được làm cho sung mãn. Tâm không được tu tập, không được làm cho sung mãn, này các Tỷ-kheo, đem lại đau khổ.

Ta không thấy một pháp nào khác, này các Tỷ-kheo, đem lại an lạc, này các Tỷ-kheo, như tâm được tu tập, được làm cho sung mãn. Tâm được tu tập, được làm cho sung mãn, này các Tỷ-kheo, đem lại an lạc.

- Tự điều phục là bí quyết của hạnh phúc. (A.III. 51)

Có một lần, hai vị Bà-la-môn già, họ đã 120 tuổi, đến gặp Đức Phật. Sau khi đánh lễ Đức Thế Tôn và ngồi nơi phải lễ mới hỏi Đức Phật :

- Kính bạch đạo sư Gotama, chúng tôi là Bà-la-môn đã già yếu, đã 120 tuổi rồi. Chúng tôi chưa làm được việc gì để gọi là cao thượng và tạo thiện pháp cả. Chẳng có gì có thể làm cho chúng tôi bớt đi nỗi sợ hãi cả. Kính xin Ngài hoan hỷ chỉ dạy cho chúng tôi con đường để được an lạc.

- Nay các vị Bà-la-môn, quả thật vậy, bây giờ các ông đã già yếu, đã 120 tuổi rồi mà các ông vẫn chưa làm được việc gì gọi là cao thượng và thiện pháp cả, và cũng chẳng có cái gì làm vui bớt đi nỗi sợ hãi của các ông. Nay các Bà-la-môn, thế gian này bị cuốn trôi bởi sự già, sự bệnh và sự chết, vậy các ông phải biết tự điều phục mình trong hành động, trong lời nói và cả trong tư tưởng nữa. Khi các ông làm được điều đó thì chúng sẽ là chỗ che chở, chỗ an trú cho các ông

Cuộc sống của các ông đang cạn kiệt, sự ngăn ngại là tuổi thọ của các ông. Không một ai ở thế gian này tránh khỏi sự già nua. Hãy niệm về sự chết, hãy luôn tạo thiện pháp để được an lạc; vì ai tạo được phước báo và điều phục thân, khẩu, ý thì khi chết được an lạc.

- Hãy chánh niệm về chính bản thân mình. (S.V.169)

Vì như một số đông quần chúng, nay các Tỷ-kheo, tụ họp lại và nói: "Cô gái hoa hậu của quốc độ. Cô gái hoa hậu của quốc độ!". Và người con gái hoa hậu quốc độ ấy với tất cả sự quyến rũ của mình, múa cho họ xem, với tất cả sự quyến rũ của mình, hát cho họ nghe. Và một số quần chúng còn đông hơn tụ họp lại và nói: "Cô gái hoa hậu của quốc độ múa và hát". Rồi một người đến, muốn sống, không muốn chết, muốn lạc, ghét khổ, họ nói với người ấy như sau: "Này Ông, hãy xem đây. Đây là cái bát đầy dầu. Ông hãy mang bát dầu ấy và đi vòng quanh đám quần chúng lớn và người con gái hoa hậu của quốc độ. Và một người với cây kiếm gươm cao sẽ đi theo sau lưng Ông. Tại chỗ nào làm đổ một ít dầu, tại chỗ ấy, đầu Ông bị rơi xuống".

Các Ông nghĩ thế nào, này các Tỷ-kheo, người ấy có thể không tác ý đến bát dầu, phóng tâm hướng ngoại không?

- Thưa không, bạch Thế Tôn.

- Ví dụ này, này các Tỷ-kheo, Ta nói ra để nêu rõ ý nghĩa. Và đây là ý nghĩa của nó. Này các Tỷ-kheo, cái bát đầy dầu là đồng nghĩa với thân hành niệm.

Do vậy, này các Tỷ-kheo, các Ông cần phải học tập như sau: "Chúng ta sẽ tu tập thân hành niệm, làm cho sung mãn, làm cho như thành cỗ xe, làm cho như thành đất nền, làm cho tiếp tục an trú, làm cho tích tập, làm cho khéo có hiệu năng (susamàraddhà)". Như vậy, này các Tỷ-kheo, các Ông cần phải học tập.

*(Tương Ưng Bộ Kinh 5. Tương Ưng Niệm Xứ.
Phẩm Nālanda. Phần Quốc Độ)*

- Khi thân bệnh dừng để tâm bệnh. (S.III.1)

Gia chủ Nakulapitā bạch Thế Tôn:

- Bạch Thế Tôn, con đã già, tuổi lớn, trưởng lão, cao niên, đã đạt đến tuổi thọ, thân bệnh hoạn, luôn luôn ốm đau. Bạch Thế Tôn, con không được thường thấy Thế Tôn và các vị Tỷ-kheo đáng kính. Bạch Thế Tôn, mong Thế Tôn hãy giáo giới cho con! Bạch Thế Tôn, mong Thế Tôn hãy giảng dạy cho con! Nhờ vậy, con được hạnh phúc, an lạc lâu dài.

- Thật sự là vậy, này Gia chủ. Thật sự là vậy, này Gia chủ. Thân của Gia chủ, này Gia chủ, là bệnh hoạn, ốm đau, bị nhiễm ô che đậy. Ai mang cái thân này, này Gia chủ, lại tự cho là không bệnh, dầu chỉ trong một giây phút; người ấy phải là người ngu! Do vậy, này Gia chủ, Gia chủ cần phải học tập như

sau: "Dầu cho thân tôi có bệnh, tâm sẽ không bị bệnh". Như vậy, này Gia chủ, Gia chủ cần phải học tập.

(*Tương Ưng Bộ Kinh 3. Tương Ưng Uẩn.
Phẩm Nakulapitā. Phần Nakulapitā*)

- Tại sao người ta chết? (A.II.173)

Bà-la-môn Jānussoni bạch Thế Tôn:

- Thưa Tôn giả Gotama, tôi nói như sau, tôi thấy như sau: "Không có một ai bản tánh bị chết mà không sợ hãi, không rơi vào run sợ, khi nghĩ đến chết".

- Này Bà-la-môn, có người bản tánh bị chết, sợ hãi, rơi vào run sợ khi nghĩ đến chết. Nhưng này Bà-la-môn, có người bản tánh bị chết, không sợ hãi, không rơi vào run sợ khi nghĩ đến chết.

Và này Bà-la-môn, thế nào là người bản tánh bị chết, sợ hãi, rơi vào run sợ khi nghĩ đến chết?

Ở đây, này Bà-la-môn, có người không ly tham đối với các dục, không ly ham muốn, không ly luyến ái, không ly khát ái, không ly nhiệt nã, không ly tham ái. Rồi một chứng bệnh trầm trọng khởi lên cho người ấy. Người ấy bị cảm thọ chứng bệnh trầm trọng ấy, suy nghĩ như sau: "Thật sự các dục khả ái sẽ bỏ ta", hay "Ta sẽ từ bỏ các dục khả ái". Người ấy sầu muộn, than vãn, khóc lóc, đập ngực, rơi vào bất tỉnh. Này Bà-la-môn, đây là người bản tánh bị chết, sợ hãi, rơi vào run sợ khi nghĩ đến chết.

Lại nữa, này Bà-la-môn, ở đây có người không ly tham đối với thân ... Rồi một chứng bệnh trầm trọng khởi lên cho người ấy. Người ấy bị cảm thọ bởi chứng bệnh trầm trọng ấy, suy nghĩ như sau: "Thật sự thân khả ái sẽ bỏ ta", hay "Ta sẽ từ

bỏ thân khả ái". Người ấy sầu muộn, than vãn, khóc lóc, đập ngực, rơi vào bất tỉnh. Nay Bà-la-môn, đây là người bản tánh bị chết, sợ hãi, rơi vào run sợ khi nghĩ đến chết.

Lại nữa, này Bà-la-môn, ở đây có hạng người không làm điều lành, không làm điều thiện, không che chở kẻ sợ hãi, làm điều ác, làm điều hung bạo, làm điều phạm pháp. Rồi một chứng bệnh trầm trọng khởi lên cho người ấy. Người ấy bị cảm thọ bởi chứng bệnh trầm trọng ấy, suy nghĩ như sau: "Thật sự ta không làm điều lành, không làm điều thiện, không che chở kẻ sợ hãi, làm điều ác, làm điều hung bạo, làm điều phạm pháp". Tại sanh thú nào mà những người không làm điều lành, không làm điều thiện, không che chở kẻ sợ hãi, làm điều ác, làm điều hung bạo, làm điều phạm pháp, đi đến sau khi chết, ta đi đến sanh thú ấy. Người ấy sầu muộn, than vãn, khóc lóc, đập ngực, rơi vào bất tỉnh. Nay Bà-la-môn, đây là người bản tánh bị chết, sợ hãi, rơi vào run sợ khi nghĩ đến chết.

Lại nữa, này Bà-la-môn, ở đây có hạng người nghi ngờ do dự, không đi đến kết luận đối với diệu pháp. Rồi một chứng bệnh trầm trọng khởi lên cho người ấy. Người ấy bị cảm thọ bởi chứng bệnh trầm trọng ấy, suy nghĩ như sau: "Thật sự ta có nghi ngờ do dự, không đi đến kết luận đối với diệu pháp". Người ấy sầu muộn, than vãn, khóc lóc, đập ngực, rơi vào bất tỉnh. Nay Bà-la-môn, đây là bốn hạng người bản tánh bị chết, sợ hãi, rơi vào run sợ khi nghĩ đến chết.

Và này Bà-la-môn, thế nào là người bản tánh bị chết, không sợ hãi, không rơi vào run sợ khi nghĩ đến chết?

Ở đây, này Bà-la-môn, có hạng người ly tham đối với các dục, ly ham muốn, ly luyến ái ... Rồi một chứng bệnh trầm trọng khởi lên cho người ấy. Người ấy bị cảm thọ bởi chứng bệnh trầm trọng ấy, suy nghĩ như sau: "Thật sự các dục khả ái sẽ bỏ ta", hay "Ta sẽ từ bỏ các dục khả ái". Người ấy không sầu

muộn, không than vãn, không khóc lóc, không đập ngực, không rơi vào bất tỉnh. Đây Bà-la-môn, đây là người bản tánh bị chết, không sợ hãi, không rơi vào run sợ khi nghĩ đến chết.

Lại nữa, này Bà-la-môn, ở đây có người ly tham đối với thân, ly ham muốn, ly luyến ái ... Rồi một chứng bệnh trầm trọng khởi lên cho người ấy. Người ấy bị cảm thọ bởi chứng bệnh trầm trọng ấy, suy nghĩ như sau: "Thật sự thân khả ái sẽ bỏ ta", hay "Ta sẽ từ bỏ thân khả ái". Người ấy không sầu muộn, không than vãn, không khóc lóc, không đập ngực, không rơi vào bất tỉnh. Đây Bà-la-môn, đây là hạng người bản tánh bị chết, không sợ hãi, không rơi vào run sợ khi nghĩ đến chết.

Lại nữa, này Bà-la-môn, ở đây có hạng người không làm ác, không làm điều hung bạo, không làm điều phạm pháp, làm điều lành, làm điều thiện, có che chở kẻ sợ hãi. Rồi một chứng bệnh trầm trọng khởi lên cho người ấy. Người ấy bị cảm thọ bởi chứng bệnh trầm trọng ấy, suy nghĩ như sau: "Thật sự ta không làm ác, không làm điều hung bạo, không làm điều phạm pháp, làm điều lành, làm điều thiện, có che chở kẻ sợ hãi. Tại sanh thú nào mà những người không làm điều ác, không làm điều hung bạo, không làm điều phạm pháp, làm điều lành, làm điều thiện, có che chở kẻ sợ hãi đi đến sau khi chết, ta đi đến sanh thú ấy". Người ấy không sầu muộn, không than vãn, không khóc lóc, không đập ngực, không rơi vào bất tỉnh. Đây Bà-la-môn, đây là hạng người bản tánh bị chết, không sợ hãi, không rơi vào run sợ khi nghĩ đến chết.

Lại nữa, này Bà-la-môn, ở đây có hạng người không có nghi ngờ, không có do dự, đi đến kết luận đối với diệu pháp. Rồi một chứng bệnh trầm trọng khởi lên cho người ấy. Người ấy bị cảm thọ bởi chứng bệnh trầm trọng ấy, suy nghĩ như sau: "Thật sự ta không có nghi ngờ, không có do dự, đi đến kết luận đối với diệu pháp". Người ấy không có sầu muộn, không có than vãn, không có khóc lóc, không có đập ngực, không rơi vào

bất tỉnh. Đây Bà-la-môn, đây là hạng người bản tánh bị chết, không sợ hãi, không rơi vào run sợ khi nghĩ đến chết.

Này Bà-la-môn, có bốn hạng người bản tánh bị chết, không có sợ hãi, không rơi vào run sợ khi nghĩ đến chết

*(Tăng Chi Bộ Kinh 2. Chương Bốn Pháp.
Phẩm Chiến Sĩ. Phần Không Sợ Hãi).*

- Tài sản không tốt mà cũng không xấu. (Aṅguttaranikāya)

Tài sản không tốt mà cũng không xấu, cũng giống như cuộc sống trong thế gian này với những lạc thú của nó cũng chẳng gì tốt mà cũng chẳng có gì xấu cả. Nó tùy thuộc vào cách thức mà tài sản có được; và tài sản được dùng để làm gì cũng với một tinh thần như thế nào khi tài sản được cho đi. Có thể người ta có được tài sản một cách bất hợp pháp và tiêu xài nó một cách bòn xén. Dù bằng cách này hay cách kia cũng sẽ không làm cho người có được hạnh phúc thật sự.

Thay vì người ta có thể tạo được tài sản một cách hợp pháp mà không làm hại người khác, người ta có thể vui mừng và sử dụng tài sản không vì tham lam hay tham ái. Người ta có thể luôn thận trọng với những hiểm nguy của sự chấp thủ vào tài sản và sẵn sàng chia sẻ tài sản đó với người khác để làm những việc tốt đẹp. Người ta có thể nhận thức rằng không phải là tài sản mà cũng không là thiện pháp mà là sự giải thoát khỏi tham ái và ham muốn. Đó chính là cứu cánh. Bằng cách này, tài sản sẽ mang đến sự an vui và hạnh phúc. Người ta nắm giữ tài sản không cho một cá nhân mà cho tất cả chúng sanh.

- Sự lợi ích của việc thọ bát quan trai. (A.IV.248)

Này các Tỷ-kheo, ngày trai giới thành tựu tám chi phần, được thực hành thời có được quả lớn, có lợi ích lớn, có rục rờ lớn; có biến mãn lớn. Như thế nào, này các Tỷ-kheo, là ngày trai giới thành tựu tám chi phần, được thực hành thời có được quả lớn, có lợi ích lớn, có rục rờ lớn; có biến mãn lớn?

Ở đây, này các Tỷ-kheo, Thánh đệ tử suy nghĩ như sau: "Cho đến trọn đời, các vị A-la-hán đoạn tận sát sanh, từ bỏ sát sanh, bỏ trượng, bỏ kiếm, biết tầm quý, có lòng từ, sống thương xót đến hạnh phúc tất cả chúng sanh và loài hữu tình. Hôm nay, đêm nay và ngày nay, ta cũng đoạn tận sát sanh, từ bỏ sát sanh, bỏ trượng, bỏ kiếm, biết tầm quý, có lòng từ, sống thương xót đến hạnh phúc tất cả chúng sanh và loài hữu tình. Với chi phần này, Ta theo gương vị A-la-hán, ta sẽ thực hành trai giới ". Đây là chi phần thứ nhất được thành tựu.

"Cho đến trọn đời, các vị A-la-hán đoạn tận lấy của không cho, chỉ lấy những vật đã cho, chỉ mong những vật đã cho, tự sống thanh tịnh, không có trộm cướp. Hôm nay, đêm nay và ngày nay, ta cũng đoạn tận lấy của không cho, chỉ lấy những vật đã cho, chỉ mong những vật đã cho, tự sống thanh tịnh, không có trộm cướp. Với chi phần này, Ta theo gương vị A-la-hán, ta sẽ thực hành ngày trai giới ". Đây là chi phần thứ hai được thành tựu.

"Cho đến trọn đời, các vị A-la-hán đoạn tận phi Phạm hạnh, hành Phạm hạnh, sống xa lánh, từ bỏ dâm dục hèn hạ. Hôm nay, đêm nay và ngày nay, ta cũng đoạn tận phi Phạm hạnh, hành Phạm hạnh, sống xa lánh, từ bỏ dâm dục hèn hạ. Với chi phần này, Ta theo gương vị A-la-hán, ta sẽ thực hành ngày trai giới ". Đây là chi phần thứ ba được thành tựu.

"Cho đến trọn đời, các vị A-la-hán đoạn tận nói láo, từ bỏ nói láo, nói những lời chân thật, y chỉ sự thật, chắc chắn,

đáng tin cậy, không lường gạt đời. Hôm nay, đêm này và ngày nay, ta cũng đoạn tận nói láo, từ bỏ nói láo, nói những lời chân thật, y chỉ sự thật, chắc chắn, đáng tin cậy, không lường gạt đời. Với chi phần này, Ta theo gương vị A-la-hán, ta sẽ thực hành ngày trai giới ". Đây là chi phần thứ tư được thành tựu.

"Cho đến trọn đời, các vị A-la-hán đoạn tận đắm say men rượu men, rượu nấu, từ bỏ đắm say rượu men, rượu nấu. Hôm nay, đêm này và ngày nay, ta cũng đoạn tận đắm say men rượu men, rượu nấu, từ bỏ đắm say rượu men, rượu nấu. Với chi phần này, Ta theo gương vị A-la-hán, ta sẽ thực hành ngày trai giới ". Đây là chi phần thứ năm được thành tựu.

"Cho đến trọn đời, các vị A-la-hán dùng mỗi ngày một bữa, không ăn ban đêm, từ bỏ không ăn ban đêm, từ bỏ ăn phi thời. Hôm nay, đêm này và ngày nay, ta cũng dùng mỗi ngày một bữa, không ăn ban đêm, từ bỏ không ăn ban đêm, từ bỏ ăn phi thời. Với chi phần này, Ta theo gương vị A-la-hán, ta sẽ thực hành ngày trai giới ". Đây là chi phần thứ sáu được thành tựu.

"Cho đến trọn đời, các vị A-la-hán từ bỏ không đi xem múa, hát, nhạc, diễn kịch, không trang sức bằng vòng hoa, hương liệu, dầu thoa và các thời trang. Hôm nay, đêm này và ngày nay, ta cũng từ bỏ không đi xem múa, hát, nhạc diễn kịch, không trang sức bằng vòng hoa, hương liệu, dầu thoa và các thời trang. Với chi phần này, Ta theo gương vị A-la-hán, ta sẽ thực hành ngày trai giới ". Đây là chi phần thứ bảy được thành tựu.

"Cho đến trọn đời, các vị A-la-hán đoạn tận, không dùng các giường cao, giường lớn, từ bỏ không dùng các giường cao, giường lớn. Hôm nay, đêm này và ngày nay, ta cũng đoạn tận, không dùng các giường cao, giường lớn, từ bỏ không dùng các giường cao, giường lớn. Với chi phần này, Ta theo gương vị A-

la-hán, ta sẽ thực hành ngày trai giới ". Đây là chi phần thứ tám được thành tựu.

Này các Tỷ-kheo, ngày trai giới thành tựu tám chi phần được thực hành như vậy, thời có được quả lớn, có lợi ích lớn, có rược rờ lớn, có biến mãn lớn.

*(Tăng Chi Bộ Kinh 4. Chương Tám Pháp.
Phẩm Ngày Trai Giới. Phần Các Trai Giới)*

- Phạm giới bị đau khổ. (A.V.247)

Này các Tỷ-kheo, sát sanh được thực hiện, được tu tập, được làm cho sung mãn, đưa đến địa ngục, đưa đến loại bàng sanh, đưa đến cõi ngạ quỷ. Quả dị thực hết sức nhẹ của sát sanh là được làm người với tuổi thọ ngắn.

Này các Tỷ-kheo, lấy của không cho được thực hiện, được tu tập, được làm cho sung mãn, đưa đến địa ngục, đưa đến loại bàng sanh, đưa đến cõi ngạ quỷ. Quả dị thực hết sức nhẹ của lấy của không cho là được làm người với sự tổn hại tài sản.

Này các Tỷ-kheo, tà hạnh trong các dục được thực hiện, được tu tập, được làm cho sung mãn, đưa đến địa ngục, đưa đến loại bàng sanh, đưa đến cõi ngạ quỷ. Quả dị thực hết sức nhẹ của tà hạnh trong các dục là được làm người với sự oán thù của kẻ địch.

Này các Tỷ-kheo, nói láo được thực hiện, được tu tập, được làm cho sung mãn, đưa đến địa ngục, đưa đến loại bàng sanh, đưa đến cõi ngạ quỷ. Quả dị thực hết sức nhẹ của nói láo là được làm người bị vu cáo không đúng sự thật.

Này các Tỷ-kheo, nói hai lưỡi được thực hiện, được tu tập, được làm cho sung mãn, đưa đến địa ngục, đưa đến loại

bàng sanh, đưa đến cõi ngạ quỷ. Quả dị thực hết sức nhẹ của nói hai lưỡi là được làm người với bạn bè bị đổ vỡ.

Này các Tỷ-kheo, nói ác khẩu được thực hiện, được tu tập, được làm cho sung mãn, đưa đến địa ngục, đưa đến loại bàng sanh, đưa đến cõi ngạ quỷ. Quả dị thực hết sức nhẹ của nói ác khẩu là được làm người và được nghe những tiếng không khả ý.

Này các Tỷ-kheo, nói lời phù phiếm được thực hiện, được tu tập, được làm cho sung mãn, đưa đến địa ngục, đưa đến loại bàng sanh, đưa đến cõi ngạ quỷ. Quả dị thực hết sức nhẹ của nói lời phù phiếm là được làm người và được nghe những lời khó chấp nhận.

Này các Tỷ-kheo, uống men rượu, rượu nấu, được thực hiện, được tu tập, được làm cho sung mãn, đưa đến địa ngục, đưa đến loại bàng sanh, đưa đến cõi ngạ quỷ. Quả dị thực hết sức nhẹ của uống rượu men, rượu nấu là được làm người với tâm điên loạn.

*(Tăng Chi Bộ Kinh 4. Chương Tám Pháp.
Phẩm Bố Thí. Phần Rất Là Nhẹ)*

- Ăn thịt và không trong sạch. (Sn.42) (M.I.368)

*Pāṇātipāto vadhachedabandhanam,
Theyyam musāvādo nikativāñcanāni ca;
Ajjhenakuttam paradārasevanā,
Esāmagandho na hi maṃsabhojanam.*

*Sát sanh và hành hình,
Đả thương và bắt trói,
Trộm cắp và nói láo,
Man trá và lừa đảo,
Giả bộ kẻ học thức,*

*Đi lại với vợ người,
Đây là đồ ăn thối,
Ăn thịt không phải thối.*

*Ye idha kāmesu asaññatā janā,
Rasesu giddhā asucibhāvamassitā
Natthikadiṭṭhī visamā durannayā,
Esāmagandho na hi maṃsabhojanam.*

*Ở đời, các hạng người,
Không chế ngự lòng dục,
Đam mê các vị ngon,
Liên hệ đến bất tịnh,
Theo chủ nghĩa hư vô,
Bất chánh khó hướng dẫn,
Đây là ăn đồ thối,
Ăn thịt không phải thối.*

*Ye lūkhasā dāruṇā piṭṭhimamsikā
Mittadduno nikkaruṇātimānino;
Adānasīlā na ca denti kassaci,
Esāmagandho na hi maṃsabhojanam.*

*Ai thô bạo, dã man,
Sau lưng nói gièm pha,
Phản bạn không từ bi,
Lại cống cao ngạo mạn,
Tánh không có bố thí,
Không cho ai vật gì,
Đây là ăn đồ thối,
Ăn thịt không phải thối,*

*Kodho mado thambho paccupaṭṭhāpanā
Māyā usūyā bhassasamussayo ca;
Mānātimāno ca asabbhi santhavo,
esāmagandho na hi maṃsabhojanam.*

*Phẫn nộ và kiêu mạn,
Cứng đầu và chống đối
Man trá và tật đố,
Nói vô ích, huênh hoang,
Kiêu mạn và quá mạn,
Thân mật với kẻ ác,
Đây là ăn đồ thối,
Ăn thịt không phải thối,*

*Ye pāpasīlā inaghātasūcakā,
Vohārakūtā idha pāṭirūpikā
Narādhamā yedha karonti kibbisam,
Esāmagandho na hi maṃsabhojanaṃ.*

*Ác giới, nợ không trả,
Làm người điểm chỉ viên,
Làm những nghề dối trá,
Ở đây, kẻ giả vờ,
Ở đây người bần tiện,
Những người làm ác nghiệp,
Đây là ăn đồ thối,
Ăn thịt không phải thối.*

*Ye idha pāṇesu asaññatā janā,
Paresamādāya vihesamuyyutā;
Dussīlaluddā pharusā anādarā,
Esāmagandho na hi maṃsabhojanaṃ.*

*Ở đời dối hữu tình,
Người không biết kiềm chế,
Lấy cướp sở hữu người,
Chú tâm làm hại người,
Ác giới và tàn nhẫn
Ác ngữ, thiếu lễ độ,*

*Đây là ăn đồ thối,
Ăn thịt không phải thối,*

*Etesu giddhā viruddhātīpātino,
Niccuyyutā pecca tamam vajanti ye;
Patanti sattā nirayaṃ avamsirā,
Esāmagandho na hi maṃsabhojanam.*

*Hạng tham ô, thù nghịch,
Tìm cách để giết hại,
Luôn luôn hướng về ác,
Sau chết sanh tối tăm,
Chúng sanh ấy rơi vào,
Địa ngục đầu xuống trước.
Đây là ăn đồ thối,
Ăn thịt không phải thối,*

Này Jīvaka, Ta nói trong ba trường hợp, thịt không được thọ dụng: thấy, nghe và nghi vì mình mà giết. Này Jīvaka, Ta nói trong ba trường hợp này, thịt không được thọ dụng. Này Jīvaka, Ta nói trong ba trường hợp, thịt được thọ dụng: không thấy, không nghe và không nghi vì mình mà giết. Này Jīvaka, Ta nói trong ba trường hợp này, thịt được thọ dụng.

- Mỗi ngày một bữa ăn cho cuộc sống lành mạnh. (M.21)

Này các Tỷ-kheo, ở đây, Ta bảo các Tỷ-kheo, này các Tỷ-kheo, Ta theo hạnh nhất tọa thực. Chư Tỷ-kheo, sống theo hạnh nhất tọa thực, Ta cảm thấy không bệnh tật, không ốm đau, nhẹ nhàng, Khang kiện và sáng khoái. Chư Tỷ-kheo, các Ngươi hãy sống theo hạnh nhất tọa thực. Chư Tỷ-kheo, các Ngươi theo hạnh nhất tọa thực thời các Ngươi sẽ cảm thấy không bệnh tật, không ốm đau, nhẹ nhàng, Khang kiện và sáng khoái.

(Trung Bộ Kinh I. Kinh Ví Dụ Cái Cưa)

- Ngũ uẩn vô dụng. (S.III.142)

*Phenapiṇḍūpamaṃ rūpaṃ,
Vedanā bubbulūpamā
Marīcikūpamā saññā,
Saṅkhārā kadalūpamā;
Māyūpamañca viññāṇaṃ,
Desitādiccabandhunā.*

*Sắc ví với đồng bột,
Thọ ví bong bóng nước,
Tưởng ví rắng mặt trời,
Hành ví với cây chuối,
Thức ví với ảo thuật,
Đấng bà con mặt trời,
Đã thuyết giảng như vậy.*

*Yathā yathā nijjhāyati,
Yoniso upaparikkhati;
Rittakaṃ tucchakaṃ hoti,
Yo naṃ passati yoniso.*

*Nếu như vậy chuyên chú,
Như lý chơn quán sát,
Như lý nhìn các pháp,
Hiện rõ tánh trống không.*

*Imañca kāyaṃ ārabha,
Bhūripaṇṇena desitaṃ;
Pahāṇaṃ tiṇṇaṃ dhammāṇaṃ,
Rūpaṃ passatha chaḍḍitaṃ.*

*Bắt đầu với thân này,
Bậc Đại Tuệ thuyết giảng,*

*Đoạn tận cả ba pháp,
Thấy sắc bị quăng bỏ.*

*Āyu usmā ca viññāṇaṃ,
Yadā kāyaṃ jahantimaṃ;
Apaviddho tadā seti,
Parabhattaṃ acetanaṃ.*

*Thân bị quăng, vô tri,
Không thọ, sức nóng, thức,
Bị quăng đi, nó nằm,
Làm đồ ăn kẻ khác.*

*Etādisāyaṃ santāno,
Māyāyaṃ bālalāpinī;
Vadhako esa akkhāto,
Sāro ettha na vijjati.*

*Cái thân liên tục này,
Ảo sư, kẻ ngu nói,
Được gọi kẻ sát nhân,
Không tìm thấy lỗi cây.*

*Evaṃ khandhe avekkheyya,
Bhikkhu āraddhavīriyo;
Divā vā yadi vā rattiṃ,
Sampajāno paṭissato.*

*Hãy quán uẩn như vậy,
Vị Tỷ-kheo tinh cần,
Suốt cả đêm lẫn ngày,
Tỉnh giác, chánh tư niệm.*

*Jaheyya sabbasaṃyogaṃ,
Kareyya saraṇattano;
Careyyādittasīsova,
Patthayaṃ accutaṃ padaṃ.*

*Hãy bỏ mọi kiết sử,
Làm chỗ mình nương tựa,
Sống như lửa cháy đầu,
Cầu chứng cảnh bất động.*

*(Tương Ưng Bộ Kinh 3. Tương Ưng Uẩn.
Phẩm Hoa. Phần Bọc Nước)*

- Bạn bảo vệ cho bạn, còn tôi che chở cho tôi. (S.V.168)

Thuở trước, này các Tỷ-kheo, một người nhào lộn với cây tre, sau khi dựng lên một cây tre, liền bảo người đệ tử tên là Medakathālikā: "Này Medakathālikā, hãy đến, leo lên cây tre và đứng trên vai ta" - "Thưa thầy, vâng". Này các Tỷ-kheo, đệ tử Medakathālikā vâng đáp người nhào lộn trên cây tre, leo lên cây tre và đứng trên vai của thầy.

Rồi này các Tỷ-kheo, người nhào lộn trên cây tre nói với đệ tử Medakathālikā: "Này Medakathālikā, Ông hộ trì cho ta và ta sẽ hộ trì cho Ông. Như vậy, chúng ta nhờ che chở cho nhau, nhờ hộ trì cho nhau, trình bày các tiết mục, thu hoạch được lợi tức và leo xuống cây tre một cách an toàn".

Khi được nghe nói vậy, này các Tỷ-kheo, đệ tử Medakathālikā nói với người nhào lộn trên cây tre: "Thưa thầy, không nên như vậy. Thưa thầy, nên như vậy: Thầy nên hộ trì tự ngã thầy và con sẽ hộ trì tự ngã con. Như vậy, chúng ta tự che chở cho mình, tự hộ trì cho mình, trình bày các tiết mục, thu hoạch được lợi ích, và leo xuống cây tre một cách an toàn. Đây là chánh lý (nāyo) cần phải làm".

Thế Tôn nói:

- Này các Tỷ-kheo, như đệ tử Medakathālikā đã nói với thầy của ông ấy: "Tôi sẽ hộ trì cho mình", tức là niệm xứ cần phải thực hành. Này các Tỷ-kheo, "Chúng ta sẽ hộ trì người

khác", tức là niệm xú cần phải thực hành. Trong khi hộ trì cho mình, này các Tỷ-kheo, là hộ trì người khác. Trong khi hộ trì người khác, là hộ trì cho mình.

Và này các Tỷ-kheo, thế nào trong khi hộ trì cho mình, là hộ trì người khác? Chính do sự thực hành (āsevanāya), do sự tu tập (bhāvanāya), do sự làm cho sung mãn. Như vậy, này các Tỷ-kheo, trong khi hộ trì cho mình, là hộ trì người khác.

Và này các Tỷ-kheo, thế nào trong khi hộ trì người khác, là hộ trì cho mình? Chính do sự kham nhẫn, do sự vô hại, do lòng từ, do lòng ai mãi. Như vậy, này các Tỷ-kheo, trong khi hộ trì người khác, là hộ trì cho mình.

(Tuong Ung Bộ Kinh 5. Tuong Ung Niệm Xú.
Phẩm Nālanda. Phần Sedaka)

- Mười pháp Ba-la-mật (dasapāramī). (Kh.147)

Một vị bồ tát cần phải tu tập mười pháp Ba-la-mật để đạt được thánh quả A-la-hán hay một vị Phật.

Bố thí – dāna.

Đóng góp bằng nhiều hình thức khác nhau để đưa đến an sinh cho người khác.

Trì giới – sīla.

Phát triển những hành vi có đạo đức.

Xuất ly – nekkhamma.

Sự từ bỏ ngũ trần dục lạc để duy trì sự mãn nguyện, hay nói đến sự xuất gia.

 Trí tuệ – paññā.

Phát triển sự hiểu biết, nhất là sự hiểu biết về giáo pháp để đạt được trí tuệ.

 Tinh tấn – viriya.

Trao đổi cho được phát triển mọi năng lực của thân và tâm để duy trì sự thanh tịnh và phục vụ.

* Nhẫn nại – khaṇṭi.

Kiên nhẫn chịu đựng trước mọi hoàn cảnh, tránh bạo động và luôn luôn giữ thái độ trầm tĩnh.

 Chân thật – sacca.

Gìn giữ mọi hành vi hay tư tưởng cho thật chân chánh hay lời nói phải nhã nhặn.

 Chí nguyện – adhiṭṭhāna.

Có sự quyết định dứt khoát hay luôn luôn giữ vững lập trường, hay phát triển năng lực của tâm ý.

 Từ tâm – mettā.

Có lòng bác ái hay thiện tâm đối với mọi loài.

 Tâm xả – upekkhā.

Giữ tâm bình thản, không giao động trước tám ngọn gió đời.

- Sự chứng đắc của chư bồ tát.

✱✱ Thịnh văn giác được chứng đắc khi mà niềm tin về thân kiến, về bản ngã và mười pháp triền đã bị đoạn tận. Có vô số thiện trí thức nam cũng như nữ đã đạt được sự giác ngộ trong một kiếp sống nhờ tự tế độ của các bậc A-la-hán này.

* Độc giác được chứng đắc qua sự giác ngộ cùng tột của một việc gì đó mà không tùy thuộc vào một vị thầy. Những vị Phật này sau khi tịch diệt không tuyên bố giáo pháp cho thế gian. Sự xuất ly và cuộc sống phẩm hạnh cao thượng của các Ngài là tấm gương làm phấn khởi chúng sanh khác, mặc dù các Ngài đã không để lại cái gì để giác ngộ chúng sanh cả.

* Chánh Đẳng Giác là sự giác ngộ tối thượng của một vị Phật. Một vị đã chứng đắc được sự giác ngộ này được gọi là chánh đẳng giác (sammāsambuddha). Một chúng sanh có sự ước nguyện cho sự giác ngộ tối thượng được gọi là bồ tát (bodhisatta). Bodhi nghĩa là trí tuệ hay sự giác ngộ; satta nghĩa là chúng sanh. Vì vậy, bodhisatta là một chúng sanh nào đó có được trí tuệ thực chứng về tứ diệu đế hay sự giác ngộ.

Sự thành công của một vị bồ tát được bắt đầu từ khi khởi lên và theo đuổi một ý tưởng giác ngộ (bodhicitta). Tiến trình phát triển có liên quan như sau:

* Tưởng niệm đến việc trở thành Phật vì lợi ích và giải thoát tất cả chúng sanh.

* Có sự phát nguyện thành lời.

* Được một vị Phật còn tại thế thọ ký cho tương lai của vị bồ tát đó.

Do đó, một chúng sanh bình thường được biến đổi thành bồ tát theo ba tiến trình phát triển. Sau này, các triết gia Phật giáo như Santideva đã giới thiệu về một vị bồ tát lý tưởng cần nuôi dưỡng niềm tin, thờ phượng, cầu nguyện, ước vọng và nhiệt thành. Santideva nói về lý tưởng này với tư cách là người đầu tiên.

"Tôi xin nguyện làm kho báu vô tận cho tất cả chúng sanh đáng thương hại".

"Tôi xin nguyện làm người đầu tiên bậc nhất trong việc phụng sự đền đáp lại chúng sanh nhiều vật cần thiết khác nhau".

"Tôi nguyện xả bỏ thân này, xả bỏ mọi vui thích và tất cả công đức của tôi ở quá khứ, hiện tại và vị lai để tất cả chúng sanh đạt được nhiều lợi ích, nhiều điều tốt đẹp trong sự an sinh của họ mà tôi chẳng có một ước nguyện gì về điều này cả".

"Tôi xin dâng hiến thân tôi cho sự an lạc của tất cả chúng sanh".

"Người ta có thể mắng chửi tôi hoài hoài hay trét bùn lên khắp thân tôi, người ta chế giễu tôi và sử dụng thân tôi như một món đồ chơi hay dùng tôi để tập thể thao, ngay khi người ta có thể giết tôi, vì tôi đã cho thân này đến họ thì tại sao tôi lại nghĩ đến những điều này".

"Tôi xin nguyện làm vật che chở cho những ai không có nơi nương tựa".

"Tôi xin nguyện làm người dẫn đường cho những khách du phương".

Theo sự giảng giải của Phật giáo Bắc tông thì những vị bồ tát tu tập sáu pháp ba-la-mật hay sáu phẩm hạnh cao thượng. Tiến trình phát triển của sự tu tập có liên quan như sau :

- ✓ Bồ thí – dāna.
- ✓ Trì giới – sīla.
- ✓ Nhẫn nại – khantī.
- ✓ Tinh tấn – viriya.
- ✓ Tu thiền – jhāna.
- ✓ Trí tuệ - paññā.

Các pháp ba-la-mật có ba cấp độ cho tu tập :

- Bạc hạ : khi sự tu tập còn liên hệ đến thế gian, vì lợi ích cho đời này hay đời sau.

- Bạc trung : khi các vị đệ tử tu tập để chứng đắc Níp-bàn.

- Bạc thượng : khi các vị bồ tát tu tập vì sự an sinh, lợi ích và giải thoát cho tất cả chúng sanh.

Một vị bồ tát cho đi thân thể, sự vui thích và công đức của người để làm tặng phẩm cho ba hạng người :

- Bằng hữu và quyến thuộc.
- Người nghèo khó và bệnh hoạn.
- Chư Tăng và các vị đạo sĩ.

Một vị bồ tát phải kín đáo trong việc an phát tặng phẩm cho người khác. Ngoài những việc có được sự chân chánh, tặng phẩm không nên gồm các loại khí giới có thể làm hại đến sinh mạng của chúng sanh hay những đồ tiêu dùng như rượu, thuốc phiện và chất độc gây ra sự nguy hại và khinh suất.

Ngoài những thứ thuộc về vật chất, một vị bồ tát nên sẵn sàng hy sinh tặng ngay cả tứ chi vì lợi ích cho người khác mà hành động từ thiện đó phải gắn liền với trí tuệ, vì một vị bồ tát chỉ hy sinh chính mình cho mục đích cao thượng.

(Facet Of Buddhism)

- Ba hạng bồ tát.

Các vị tu tập đủ cả 10 pháp ba-la-mật bằng cách hy sinh tài sản vật chất cũng như sự vui thích của riêng mình vì lợi ích cho chúng sanh khác một cách tròn đủ để chứng ngộ Thịnh văn giác.

Các vị tu tập đủ 10 pháp ba-la-mật để chứng quả Độc giác thì các vị ấy chẳng những hy sinh tài sản vật chất cùng sự vui thích của mình mà còn hy sinh cả những phần thân thể của mình vì sự an lạc cho chúng sanh khác nữa.

Còn những vị tu tập tròn đủ 10 pháp ba-la-mật để chứng quả Toàn giác thì các vị ấy chẳng những hy sinh tài sản vật chất cùng sự vui thích của mình mà còn hy sinh ngay cả mạng sống của mình vì sự lợi ích cho chúng sanh khác nữa.

Ba cấp độ tu tập và kết quả chứng đắc khác nhau được áp dụng cho từng pháp ba-la-mật. Thí dụ như pháp bố thí ba-la-mật, để được chứng đắc quả Thịnh văn giác chỉ đòi hỏi ở bậc hạ (dāna pāramī) thôi, còn đối với sự chứng đắc quả Độc giác thì đòi hỏi pháp bố thí ở mức độ cao hơn – bậc trung (dāna upapāramī); và ở quả vị Toàn giác thì đòi hỏi pháp bố thí ở mức độ cao nhất - bậc thượng (dāna paramatthapāramī). Những vị đã thành tựu viên mãn ba-la-mật ở cấp độ thứ nhất sẽ trở thành các bậc A-la-hán; các vị đã thành tựu viên mãn ở cấp độ thứ hai sẽ trở thành Phật Độc giác; và các vị đã thành tựu viên mãn ở cấp độ thứ ba thì các vị ấy sẽ trở thành Phật Toàn giác.

(Facet Of Buddhism)

- Bằng cách nào để phán quyết tánh chất của một người? (S.I.78)

Vua Pasenadi nước Kosala bạch Thế Tôn:

- Bạch Thế Tôn, có phải những Tôn giả ấy là những vị A-la-hán trên đời này, hay là những vị đang đi trên con đường hướng đến đạo quả A-la-hán?

- Thưa Đại vương, khi Đại vương còn là cư sĩ, trong khi còn sống thọ hưởng các dục, bị con cái trói buộc, quen dùng các loại chiên đàn ở xứ Kàsi, trang sức với vòng hoa, hương thơm, dầu sáp, sử dụng vàng và bạc, thời Đại vương thật khó biết được các vị ấy là bậc A-la-hán hay là bậc đang đi con đường hướng đến A-la-hán quả.

Thưa Đại vương, chính phải cọng trú mới biết được giới đức của một người, và phải trong một thời gian dài không thể khác được, phải có tác ý, không phải không có tác ý, phải có trí tuệ, không phải với ác tuệ.

Thưa Đại vương, chính phải cùng chung một nghề mới biết được sự thanh tịnh của một người, phải trong một thời gian dài không thể khác được, phải có tác ý, không phải không tác ý, phải có trí tuệ, không phải với ác tuệ.

Thưa Đại vương, chính trong thời gian bất hạnh mới biết được sự trung kiên của một người, phải trong một thời gian dài không thể không khác được, phải có tác ý, không phải không tác ý, phải có trí tuệ, không phải với ác tuệ.

Thưa Đại vương, chính phải đàm đạo mới biết được trí tuệ của một người, và phải trong một thời gian dài không thể khác được, phải có tác ý, không phải không tác ý, phải có trí tuệ, không phải với ác tuệ.

(Tương Ưng Bộ Kinh I. Tương Ưng Kosala.
Phẩm Thứ Hai. Phần Bện Tóc)

- Những ngày hạnh phúc. (A.III.150)

Các loại hữu tình nào, này các Tỷ-kheo, vào buổi sáng, thân làm việc thiện, nói lời nói thiện, ý nghĩ điều thiện, các loài hữu tình ấy, này các Tỷ-kheo, có một buổi sáng tốt đẹp. Các loại hữu tình nào, này các Tỷ-kheo, vào buổi trưa, thân làm việc thiện, nói lời nói thiện, ý nghĩ điều thiện, các loài hữu tình ấy, này các Tỷ-kheo, có một buổi trưa tốt đẹp. Các loại hữu tình nào, này các Tỷ-kheo, vào buổi chiều, thân làm việc thiện, nói lời nói thiện, ý nghĩ điều thiện, các loài hữu tình ấy, này các Tỷ-kheo, có một buổi chiều tốt đẹp.

*Vàng sao lành, điều lành
Rạng đông lành, dậy lành
Sát-na lành, thời lành
Cúng dường bậc Phạm hạnh
Thân nghiệp chánh, lời chánh
Ý nghiệp chánh, nguyện chánh
Làm các điều chơn chánh
Thì được lợi an lạc
Lớn mạnh trong Phật giáo
Hãy không bệnh an lạc
Cùng tất cả bà con.*

*(Tăng Chi Bộ Kinh 1. Chương Ba Pháp.
Phẩm Cát Tường. Phần Buổi Sáng Tốt Đẹp)*

- Phút giây cuối đời của Đức Phật. (D.16)

- Này các Tỷ-kheo, nếu có một Tỷ-kheo có nghi ngờ hay phân vân gì về đức Phật, Pháp, chúng Tăng, đạo hay phương pháp, thời này các Tỷ-kheo, các người hãy hỏi đi. Sau chớ có hối tiếc: "Bậc Đạo Sư có mặt trước chúng ta mà chúng ta không tận mặt hỏi Thế Tôn".

Rồi Thế Tôn nói với các Tỷ-kheo:

- Nay các Tỷ-kheo, nếu có vị nào vì lòng kính trọng bậc Đạo Sư mà không hỏi, thời này các Tỷ-kheo, giữa bạn đồng tu, hãy hỏi nhau.

Khi được nói vậy, những vị Tỷ-kheo ấy giữ im lặng.

Rồi tôn giả Ānanda bạch Thế Tôn:

- Bạch Thế Tôn, thật kỳ diệu thay, bạch Thế Tôn, thật hy hữu thay! Bạch Thế Tôn, con tin rằng trong chúng Tỷ-kheo này, không có một Tỷ-kheo nào có nghi ngờ hay phân vân gì đối với Phật, Pháp, chúng Tăng, đạo hay phương pháp.

- Nay Ānanda, người có tín nhiệm nên nói vậy. Nhưng ở đây, này Ānanda, Như Lai biết rằng trong chúng Tỷ-kheo này, không có một Tỷ-kheo nào có nghi ngờ hay phân vân gì đối với Phật, Pháp, chúng Tăng, đạo hay phương pháp. Nay Ānanda, trong năm trăm Tỷ-kheo này, Tỷ-kheo thấp nhất đã chứng được quả Dự lưu, không còn đọa lạc, chắc chắn hướng đến Chánh giác.

Và Thế Tôn nói với các Tỷ-kheo:

- Nay các Tỷ-kheo, nay Ta khuyên dạy các người: "Các pháp hữu vi là vô thường, hãy tinh tấn, chớ có phóng dật".

Đó là lời cuối cùng Như Lai.

(Trường Bộ Kinh 1. Kinh Đại Bát Níp-Bàn)

HỒI HƯỚNG CÔNG ĐỨC

Con xin thành kính hồi hướng quả phước thanh cao của công đức dịch thuật quyền sách "*Kho tàng Pháp bảo*" này đến:

- Các bậc thầy tổ đã quá vãng.
- Cửu huyền thất tổ, nội ngoại hai bên đã quá vãng.
- Thân mẫu Phạm Thị Tư
- Thiện nam Võ Minh Hùng
- Tín nữ Võ Thị Thu Thủy

Nguyện cầu tất cả đều sớm thoát khỏi vòng lao khổ và được siêu sanh về nhàn cảnh, an vui.

Kính
Tín Tâm